VĂN HỌC
TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Số đặc biệt về Võ Phiến

phạm xuân hy *nào ai mạc mặt* • đào đức chương *giọng bình định* • nguyễn ngọc bích *về lô-gích của phép đọc chữ nôm* • trần văn tích *văn vần trong tiểu thuyết*

văn

võ phiến • nguyễn hưng quốc • bùi vĩnh phúc • hoàng khởi phong • luân hoán • nguyễn tường thiết • lê quỳnh mai • đỗ kh. • nguyễn thị thanh bình • hoàng ngọc thu • bùi ngọc khôi

thơ

nguyệt thu • tuệ tâm • khê kinh kha • lưu hy lạc • lý thừa nghiệp • phan minh khánh

đàn bách kiếm *đùa với đường thi* • hoàng mai đạt *tạp ghi* • lê quỳnh mai *sinh hoạt văn học nghệ thuật*

234
tháng 11 & 12 / 2006

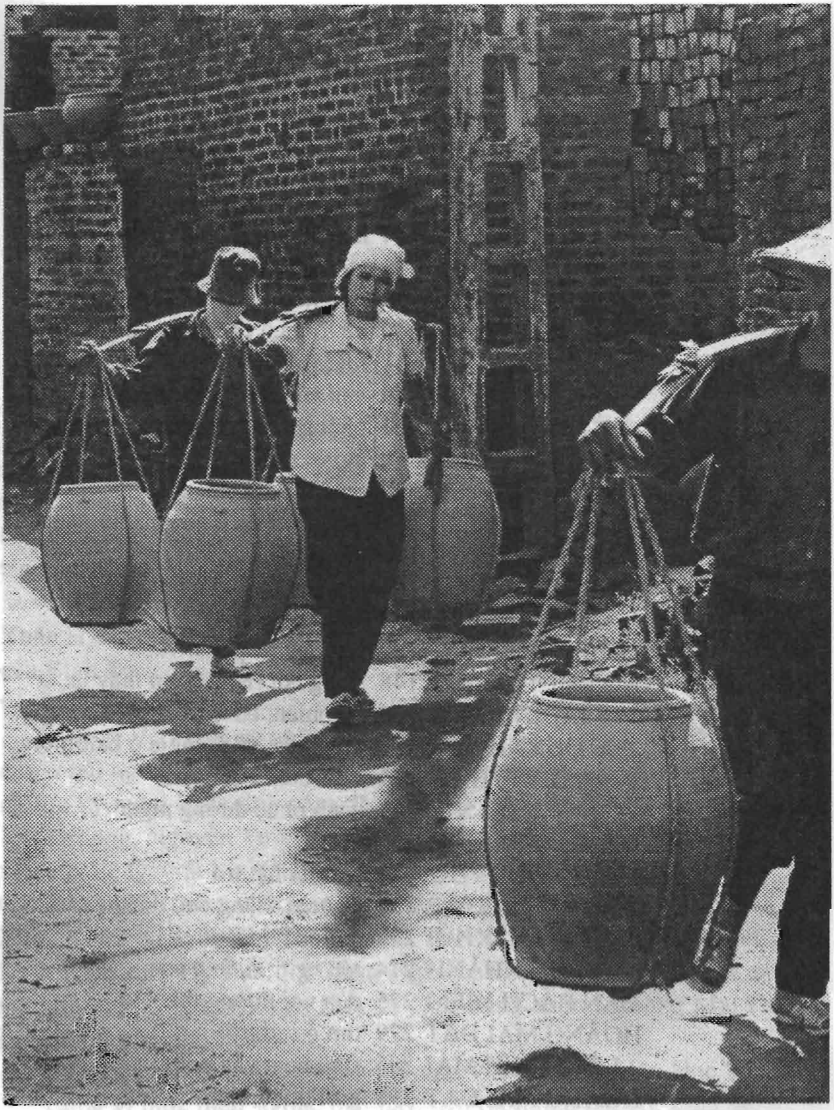

Gánh vại - *Ảnh Phương Châm*

VĂN HỌC

số 234 tháng 11, 12-2006

MỤC LỤC

VĂN HỌC	3	thư tòa soạn
PHẠM XUÂN HY	4	nào ai mạc mặt...
ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG	15	giọng bình định
NGUYỆT THƯ	39	*thị giả*
NGUYỄN NGỌC BÍCH	40	về lô-gích của phép đọc chữ nôm
TUỆ TÂM	48	*lá đổ về dặm ngược thu phong*
TRẦN VĂN TÍCH	49	văn vần trong tiểu thuyết
LÊ QUỲNH MAI	61	phỏng vấn võ phiến
VÕ PHIẾN	69	người nghĩa
ĐẶNG TIẾN	74	thần thơ võ phiến
	95	võ phiến điệu nhạc thầm và...
KHÊ KINH KHA	102	*thu đã về - để lại*
NGUYỄN HƯNG QUỐC	104	nhà tùy bút võ phiến
LƯU HY LẠC	128	*ở trưa*
BÙI VĨNH PHÚC	129	nghĩ về võ phiến và...
HOÀNG KHỞI PHONG	148	trong cõi riêng buồn thấy lại ta
LUÂN HOÁN	175	võ phiến, cuối cùng tôi được gặp
LÊ QUỲNH MAI	188	võ phiến, và meggie ở baltimore
NGUYỄN TƯỜNG THIẾT	195	mưa đêm cuối năm
ĐỖ KH.	208	hạnh phúc đường niger
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	215	độc tố
HOÀNG NGỌC THƯ	222	người nhặt tro
LÝ THỪA NGHIỆP	236	*về biển - tặng em, này nụ tầm xuân*
BÙI NGỌC KHÔI	238	carlos
PHAN MINH KHÁNH	274	*tóc ngày xuân trước*
ĐÀN BÁCH KIÊM	275	đùa với đường thi
HOÀNG MAI ĐẠT	279	tìm ở sao trời
LÊ QUỲNH MAI	285	sinh hoạt văn học
HOÀNG MAI ĐẠT	298	giới thiệu sách

VĂN HỌC
thư tòa soạn

Văn Học số đặc biệt về nhà văn hàng đầu của văn chương miền Nam, nhà văn Võ Phiến, trong dịp nhật báo Người Việt xuất bản và ra mắt tuyển tập, kể như sau cùng của ông, Võ Phiến Tuyển Tập. Nói là sau cùng, vì tuy sức khỏe không đến nỗi nào, nhưng tuổi đã cao, ông không còn sáng tác nữa.

Những bài biên khảo thường xuyên của Văn Học trong số này của Phạm Xuân Hy về chữ "mạc mặt", Đào Đức Chương với những thổ ngữ đặc biệt của Bình Định, Nguyễn Ngọc Bích viết về lô-gích của phép đọc chữ Nôm và Trần Văn Tích bàn đến văn vần trong tiểu thuyết.

Viết về Võ Phiến có những bài nhận định của những nhà phê bình hàng đầu ở hải ngoại như Đặng Tiến, Nguyễn Hưng Quốc, Bùi Vĩnh Phúc. Và những kỷ niệm hoặc tình cảm đặc biệt với nhà văn Võ Phiến như Hoàng Khởi Phong, Nguyễn Tường Thiết, Lê Quỳnh Mai, Luân Hoán. Bài phỏng vấn của Lê Quỳnh Mai. Và sáng tác của Võ Phiến.

Đồng thời, trong phần sáng tác, văn có Đỗ Kh., Hoàng Ngọc Thư, Bùi Ngọc Khôi, Nguyễn Thị Thanh Bình, thơ có Nguyệt Thư, Tuệ Tâm, Khê Kinh Kha, Lưu Hy Lạc, Lý Thừa Nghiệp, Phan Minh Khánh, và những mục thường xuyên của Văn Học do Đàn Bách Kiếm, Hoàng Mai Đạt và Lê Quỳnh Mai phụ trách.

Văn Học sẽ chào mừng năm mới vào số Tân Xuân Văn Học 235.

Cũng vì thực hiện số đặc biệt này, nên rất nhiều bài vở, sáng tác đành phải gác lại cho số tới. Văn Học thành thật cáo lỗi cùng quý văn thi hữu.

Văn Học

PHẠM XUÂN HY

nào ai mạc mặt...

苐埃漠麵

Anh Q thân,

Cám ơn anh Q nhá.

Xa nhà hơn hai tháng, rong chơi ở Cali, sáng nào tôi cũng dậy thật sớm làm tây ba lô, lang thang, thất thểu đi bộ một mình trên khắp những con đường bàn cờ của Little Saigon. Rồi chờ xe buýt ở ngã tư phố Bolsa, đổi xe đi ra biển, ngắm nắng sớm ban mai, nghe chim hải âu ì ào rỡn sóng, lả lướt nô đùa... Đến trưa, thì lại bắt xe buýt trở vào thành phố, làm người rừng ngơ ngác xem cảnh sinh hoạt buôn bán của cộng đồng người Việt mình. Đói bụng, thì làm khúc bánh mì tay cầm, với một lon côca, hay ghé vào quán cơm chi. Năm đồng một bữa. Rẻ. Mà thật ngon. Còn sang một tí, thì vào Nguyễn Huệ đánh một tô phở gà, rồi ra hiên ngoài gặp lại một vài người bạn tiền kiếp, nhắc chuyện vân cầu năm xưa. Lúc nào mệt, thì kiếm một ghế trống trong những trung tâm thương mại lộng lẫy và sạch sẽ, ngả lưng mà thả hồn Trang Chu đuổi bướm.

Đã hơn bốn chục năm rồi, nay tuyết đã bạc mái tóc kim sinh, mới lại được hưởng cái thú lang thang giang hồ vặt này.

Nhưng gặp đúng thời kỳ nắng gắt, ngày nào cũng trên 30° độ C, thành thử người tôi cháy đỏ như con tôm luộc. Buổi tối về nhà ngủ, bật quạt đến tốc độ cao nhất mà vẫn đổ mồ hôi nhễ nhại. Đâm ra thèm. Và nhớ. Nhớ cái hiu hắt se lạnh của những buổi sáng sớm Paris chớm vào thu, ra vườn hoa tập thể thao, nghe tiếng chim ngói gáy cục cu, dịu dàng và âu yếm như tiếng người gọi tình nhân. Rồi cùng mấy ông bạn già tản bộ tán dóc văn nghệ văn gừng.

Hôm trở về nhà, thì nhận được thư của anh, nhắc và hỏi lại hai chữ "mạc mặt 漠 麪" trong Chinh Phụ Ngâm ở câu 99 và 100, là chữ Nôm hay chữ Hán, tại sao lại là vẽ mặt treo lên Lăng Yên Các? Mạc 莫 có phải nghĩa là vẽ không?

Mấy câu hỏi khá lý thú và quyến rũ tôi.

Thế là tôi lại tiếp tục lên đường ngao du một lần nữa. Lần này thì ngao du tại gia. Trong những thư tịch và những từ điển cổ mà tôi có. Hy vọng, biết đâu chẳng tìm ra thêm một vài câu văn nào đó có hai chữ "mạc mặt 漠 麪" với nghĩa là vẽ mặt, để trả lời cho câu hỏi lý thú này.

Dưới đây xin được phép trình bầy về một số những thông tin mà tôi thu lượm được trong chuyến ngao du này.

A- Xuất xứ của chữ "mạc mặt"

Theo nguyên bản chữ Hán, trong Chinh Phụ Ngâm của Đặng Trần Côn, bản khắc *Trường Thịnh Đường* 長 盛 堂 khoảng năm 1910, người đọc thấy hai như sau:

征 人 貌 誰 丹 青
死 士 魂 誰 哀 弔
Chinh nhân mạo thùy đan thanh
Tử sĩ hồn thùy ai điếu

Đan thanh 丹 青, tức chu sa hay đạn sa có mầu hồng, và thạch thanh một khoáng chất có mầu xanh, là những nhan liệu ngày xưa người Trung Hoa thường dùng để vẽ trong nghệ thuật hội họa, nên có nghĩa là hội họa, là vẽ, là sử sách.

Bản khắc Chinh Phụ Ngâm *Trường Thịnh Đường*, bên dưới phần nguyên bản chữ Hán, có phần dịch chữ nôm, và hai câu chữ Hán trên đây đã được dịch ra chữ nôm như sau:

征 夫 死 士 買 馭
芾 埃 顱 麪 芾 埃 噲 魂
Chinh phu tử sĩ mấy người
Nào ai vẽ mặt nào ai gọi hồn.

Như vậy, với bản khắc *Trường Thịnh Đường*, thì chữ "đan thanh 丹 青" được dịch ra chữ nôm là "vẽ 顱".

Nghĩa thật rõ ràng, không có gì cần bàn cãi thêm.

Tuy vậy, có một số bản nôm Chinh Phụ Ngâm khác, như các bản:

- *Chinh Phụ Ngâm Khúc* 征 婦 吟 曲 của "Đại Học Thư Lâm 大 學 書 林" in ở bên Nhật, (Do giáo sư Nguyễn Đình Hòa tặng tôi)

- *Tân San Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Từ Khúc* 新刊征婦吟演音徐曲, do nhà Chính Trực Đường khắc năm Gia Long Thập Tứ Niên Cốc Nguyệt Cát Nhật, tức năm ất hợi 1815, sau khi Gia Long lên ngôi hoàng đế được 14 năm (Bản này được giáo sư Lê Hữu Mục và Phạm Thị Nhung gọi là bản nôm Huế).

- *Chinh Phụ Ngâm Diễn Ca* 征婦吟演哥, (Bản viết tay, không ghi ai viết, có nhiều chữ bị mất, chữ viết đá thảo, in trong Chinh Phụ Ngâm Khúc của Vân Bình Tôn Thất Lương dẫn giải và chú thich, do nhà xuất bản Tân Việt in lần thứ năm).

Thì hai câu thơ chữ Hán trên đây lại được dịch nôm như sau:

征夫死士買馱

芾埃漠麵芾埃噲魂

Chinh phu tử sĩ mấy người

Nào ai mạc mặt nào ai gọi hồn.

Theo bản *Tân San Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm Từ Khúc* và bản "*Đại Học Thư Lâm*", cụm từ "mạc mặt" được viết như dưới đây:

漠麵

Trong khi đó, bản *nôm viết tay* thì cụm từ "mạc mặt" lại được viết:

莫麵

Cụm từ "mạc mặt" trên đây, được các tác giả giải thích ra quốc ngữ là "vẽ mặt".

Ngoài ra, đồng với quan điểm giải thích này, trong bản *"Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo"* in năm 1953, một tác phẩm giá trị và nghiên cứu công phu của giáo sư Hoàng Xuân, cũng giải thích "mạc" có nghĩa là "vẽ", nhưng lại chỉ in có bản chữ Hán, mà thiếu bản nôm tác giả đã sử dụng để phiên âm ra quốc ngữ, thành thử người đọc không được biết chữ "mạc" viết thế nào.

Nay nhân gặp dịp, tôi mới có cơ hội tìm hiểu thêm ý nghĩa của ba chữ 漠, 莫, và 麵 trên đây.

B-Tìm hiểu nghĩa của chữ 漠 *(đọc mạc)*

Mạc vừa là chữ Hán vừa là chữ Nôm.

a- Mạc 漠**, là chữ Hán.**

Trước hết chữ mạc 漠 là chữ Hán. Cuốn Cổ Hán Ngữ Tự Điển của nhà Thương Vụ Ấn Thư Quán, giải thích chữ mạc 漠 thuộc loại hình thanh tự, lấy hình phù là "thủy 氵" biểu thị những gì liên quan đến nước, hoặc như nước chảy, còn thanh phù là "mạc 莫".

Từ điển Từ Nguyên chỉ ra cách đọc chữ 漠 theo lối phiên thiết là "mộ các thiết, đạc vận"

Mạc 漠 có các nghĩa:

1- Nghĩa gốc của chữ "mạc 漠" là sa mạc, tức vùng đất có lưu sa, cát bay theo gió thổi, ở miền bắc Trung Quốc. Như Mạc Bắc là vùng sa mạc ở cao nguyên Mông Cổ

2- Mạc 漠 còn có nghĩa là mênh mông bao la. Như quảng mạc.

3- Mạc 漠 còn có nghĩa là lãnh đạm, không chú ý. Như trong thành ngữ "mạc bất quan tâm 漠不關心", hình dung thái độ lãnh đạm đối với người hay sự vật, không hề chú tâm đến một chút nào.

Chữ "mạc 漠" kết hợp với các chữ Hán khác tạo ra các cụm từ như:

lãnh mạc 冷漠,
hoang mạc 荒漠,
đạm mạc 淡漠,
quảng mạc 廣漠,
lạc mạc 落漠,
mạc bắc 漠北,
mạc bạc 漠泊...

b- **Mạc 漠, là chữ Nôm**.

Theo học giả Đào Duy Anh, trong các cách thức cấu tạo chữ Nôm, có cách được gọi là giả tá, tức mượn âm chữ Hán, đọc theo Hán Việt, để biểu hiện những từ Nôm đồng âm mà không đồng nghĩa.

Như chữ "tốt 卒" chữ Hán *(âm Hán Việt)* có nghĩa là binh lính, nôm thì lại có nghĩa là "tốt lành".

Cũng theo cách giả tá này, chữ Nôm mượn âm Hán của hai chữ mạc 漠 và mạc 莫 (đọc theo âm Hán Việt) biểu thị chữ Việt đồng âm mà không đồng nghĩa, như trong những cụm từ: *làng mạc, trận mạc, họ mạc, mộc mạc, mặt mạc, miễu mạc*... Chữ "mạc" trong các cụm từ nôm này vô thực nghĩa, chỉ đóng vai trò của một tiếp vĩ ngữ để nhấn mạnh âm đứng đằng trước nó, mà không mang một ý nghĩa nào cả..

2- Sau nữa, chữ "mạc 漠" đọc trại đi, để đọc là "mác", biểu thị âm "mác 漠", trong cụm từ "man mác 蠻 漠", như trong Truyện Kiều của Nguyễn Du có câu:

花鰡蛮漠別羅衛兜
Hoa trôi man mác biết là về đâu

"Đúng ra trôi trong trôi chảy phải được viết bằng hai chữ "thủy+lôi= 氵+雷". Còn trôi 鰡 có nghĩa là cá trôi, chúng tôi mượn tạm để viết".

Cụm từ man mác được Dào Duy Anh giải thích là tản mạn, hình dung có nhiều vật gì rải rác trên một khoảng rộng, không tập trung)

C- Tìm hiểu nghĩa của chữ "莫" *(đọc mạc)*

Cũng như chữ "mạc 漠", chữ "mạc 莫" vừa là Hán vừa là Nôm.

a- Mạc 莫 là chữ Hán.

Theo Thực Dụng Trung Y Tự Điển 實用中醫字典 ấn hành năm 2001, thì chữ mạc "莫" là một chữ hội ý. Giáp cốt văn ghi chữ này thành ba phần. Phần trên cùng là chữ "thảo 艸", trung gian là chữ "nhật 日", bên dưới lại là chữ "thảo 艸", sau thay đổi dạng thành chữ "đại 大", mô tả trạng thái mặt trời lặn giữa đám cỏ cây.

Sách "Thuyết Văn Giải Tự" của Hứa Thận, đời Đông Hán, giải nghĩa chữ mạc 莫 là "日且暝也 *nhật thả minh dã - Nghĩa là ngày sắp tối, tức lúc mặt trời sắp lặn, vì thế, sau viết thành* 暮, "đọc mộ".

Về cách đọc, Từ Nguyên chỉ cách đọc theo lối phiên thiết là: "mộ các thiết, đạc vận 慕各切鐸韻"

Ngoài nghĩa gốc ở trên, chữ "mạc 莫" còn có một số nghĩa khác như dưới đây:

- Không ai, không có gì, dùng làm phó từ. Như "*Mạc danh kỳ diệu* 莫名其妙 - Không ai có thể nói được chỗ kỳ diệu ấy"
- Có nghĩa là không, dùng trong câu phủ định. Như "*Ái mạc năng trợ* 愛莫能助 - Muốn giúp mà không giúp được.
- Có nghĩa là có lẽ là, ước chừng, biểu thị sự suy đoán. Như mạc phi 莫非
- Có nghĩa là họ Mạc.
- Có nghĩa là rất. Như "*mạc đại* 莫大 - rất lớn"
- Có nghĩa là đừng, chớ, dùng trong câu khuyên ngăn, cấm đoán. Như "*Mạc sầu tiền lộ vô tri kỷ* 莫愁前路無知己 Đừng có lo sau này không có người tri kỷ."
- Thông dụng với chữ mạc 瘼, 茠
- Thông dụng như chữ 謨 (đọc mô), có nghĩa là mưu mô.

b- Mạc 莫, là chữ Nôm.

Cũng như trường hợp chư "mạc 漠", Nôm mượn âm Hán Việt của chữ mạc 莫 này để ghi âm "mạc" trong các cụm từ như:

- *làng mạc* 廊莫 (J. L Taberd)
- *miễu mạc* 庙莫 (J. L Taberd)
- *họ mạc* 戶莫... (J. L Tarberd)
- *trận mạc* 陣莫

Ngoài ra mạc 莫 được đọc trại ra thành "mác" để biểu thị âm "mác" trong các cụm từ

"*chếch mác* 隻 莫", có nghĩa là tản mạn, buồn bực quá chừng (Pigneau de Béhaine)

"*man mác* 蠻 莫" có nghĩa là tản mạn, có nhiều lo toan (Pigneau de Béhaine).

D- Tìm hiểu nghĩa của chữ "麪" *(đọc mặt)*

Chữ "mặt 麪" là một âm thuần Việt, không phải là một chữ Hán, được cấu tạo theo lối hình thanh, bởi hai thành tố chữ Hán: 末+面=麪 - mạt +diện=mặt.

1- Chữ Mặt 麪, theo các từ điển Việt Nam giải thích thì là phần trước của đầu, và gồm mắt, mũi, mồm. Như trong Truyện Kiều có câu:

麪慔想 麪悉嗷嗹悉

Mặt mơ tưởng mặt lòng ngao ngán lòng

2- Nhưng người ta cũng dùng chữ mặt để chỉ những vật gì có hình dáng tròn và phẳng, như *mặt trăng* 麪嚴

mặt trời 麪垒

mặt đất 麪坦

mặt hồ 麪湖.

3- Chỉ chiều hướng, như

- *mặt phải mặt trái* 麪沛麪債.

4- Mặt còn là lượng từ, dùng để đếm. Như:

- *Chị tôi có bốn mặt con với anh ấy* 姊碎固罩麪稚貝英伇

5- Tên một loại cây gọi là:

- *cây mặt giăng* 核麪嚴.
- *cây mặt giời* 核麪垒.

6- Theo Vũ Văn Kính thì "mặt麪", theo giả tá nôm còn đọc là mặc.

E- "Mạc" có nghĩa là "vẽ"

Sau hơn một tuần lễ "ngao du" trong đống thư tịch hán nôm và những tự điển rách nát, cũ kỹ của mình, nhưng vì khả năng hạn hẹp, và tài liệu ít ỏi, tôi chỉ lượm lặt được một số nghĩa có liên quan đến hai chữ 漠 và 莫 mà tôi đã mạn phép trình trên đây, chỉ tiếc rằng đã không tìm thêm được câu văn nào có chữ "mạc 莫" với nghĩa là vẽ, để giải đáp thỏa đáng cho câu hỏi quyến rũ đã đặt ra.

Dầu vậy, không thể vì thế mà khẳng định rằng hai chữ "mạc 莫 và 漠" không có nghĩa là "vẽ" được.

Thật ra, trong cuốn "Giúp đọc Nôm và Hán Việt", của Linh Mục Trần

Văn Kiệm, một tác phẩm công phu và giá trị, người ta có thể tìm thấy hai chữ "mạc", viết là:

瘼 và 抹

được tác giả giải thích là vẽ, và nêu ra thí dụ:

Nào ai mạc mặt nào ai gọi hồn.

Tiếc rằng tác giả không chua rõ chữ 瘼, và 抹, đã được trích từ bản nôm Chinh Phụ Ngâm năm nào.

Hai chữ mạc này cũng đều là chữ Hán đọc theo âm Hán Việt.

Chữ mạc 瘼, có nghĩa là sự khổ sở, bệnh hoạn. Còn chữ mạc 抹, là một chữ thuộc loại đa âm tự, và ta quen đọc là mạt, có nghĩa xoa bôi, xóa bỏ, như mạt phấn 抹粉, mạt tường 抹墻.

Mà theo cách cấu tạo giả tá về chữ nôm, người ta có thể mượn âm Hán Việt của một chữ Hán, để tạo một chữ nôm đồng âm, nhưng vì không có qui định thống nhất phải dùng chữ Hán nào để có một chữ nôm tương ứng. Thành thử xảy ra tình trạng có một chữ nôm, cùng một âm, cùng một nghĩa, có thể được viết bằng nhiều chữ Hán khác nhau. Như trường hợp chữ "mạc" là vẽ vậy, khiến cho sau này hậu thế gặp nhiều khó khăn khi tìm nghĩa của một chữ nôm cổ đã không dùng nữa.

Đó cũng là trường hợp của cụm từ quen đọc là "**cổ lục**" ở câu thứ 7 của Truyện Kiều:

風情固錄群傳史撐

Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh.

Thật ra, trong các bản nôm Truyện Kiều được lưu hành rộng rãi như các bản:

1- Liễu Văn Đường

2- Văn Nguyên Đường.

3- Quảng Văn Đường

4- Phúc Văn Đường

5- Abel des Michels.

6- Thúy Kiều Truyện Tường Chú.

7- Kim Vân Kiều Chú.

Thì tám chữ trong câu 7 trên đây không hề có chữ nào đọc là cổ 古 cả, còn hai chữ người ta quen đọc là "**cổ lục**" này đều khắc bằng hai chữ Hán là "**cố lục** 固錄".

Chữ 固 âm Hán Việt đọc là **cố** (*cố định, cố thể*), nôm đọc là **có.**

Chữ 錄 âm Hán Việt đọc là **lục** (*mục lục, sao lục*)

Theo bản Kiều phiên âm lần đầu tiên ra quốc ngữ năm 1875 của học

giả Trương Vĩnh Ký thì câu số 7 này đã được phiên âm là:

*Phong tình **có lúc** còn truyền sử xanh*

Đọc là **"có lúc"**, sẽ hợp với văn cảnh hơn. (*Truyện "phong tình" tức truyện trai gái yêu đương, cũng **có lúc** được ghi vào sử xanh).*

Âm **"lúc"** của tiếng Việt, thường được viết theo cách giả tá bằng chữ Hán là **lục** 六, thì cũng có thể viết bằng một chữ Hán khác cũng âm là **lục** 錄.

Tuy vậy, tôi không thể khẳng định rằng **"có lúc"** là hoàn toàn đúng, và **"cổ lục"** là hoàn toàn sai, vì gần đây có hai bản nôm Truyện Kiều viết tay mới được tìm thấy, một của Lâm Nọa Phu (*chép năm 1870*) và một của Tăng Hữu Ứng (*chép năm 1874)*, cho biết là hai chữ quen đọc đó viết là ***"cổ lục** 古 錄".*

Như thế, đứng về văn bản học, bản chép tay của Lâm Nọa Phu ra đời sau bản Liễu Văn Đường – Nghệ An bốn năm, chúng ta sẽ phải chọn lựa văn bản nào trong hai văn bản trên đây để làm tiêu chuẩn nghiên cứu?

Vậy xin ghi ra đây để tồn nghi.

Ngoài ra, trong các từ điển của Gustave Hue, của Eugène Gouin, ...người ta có thể tìm được những chữ "mạc" với nghĩa là "peindre" (*vẽ*), nhưng viết một cách khác.

Gustave Hue thì viết là:

貌

Còn Eugène Gouin là:

藐

Cả hai chữ trên đây đều là chữ Hán, âm Hán Việt đọc là "mạo" có nghĩa là diện mạo 面 貌. Tôi không rõ hai chữ mạo trên đây tại sao lại được đọc là mạc? Phải chăng những chữ này cũng thuộc loại đa âm tự và có một âm là mạc chăng.

D- Mạc mặt và Lăng Yên Các

Mạc mặt có nghĩa là vẽ hình mặt.

Ở nguyên bản chữ Hán của Chinh Phụ Ngâm câu 447 ghi:

凌煙閣兮秦叔寶

Lăng yên các hề Tần Thúc Bảo

Lăng Yên Các là tên một điện các nằm trong Thái Cực Cung ở kinh đô Trường An đời Đường. Sách "Cựu Đường Thư - Thái Tông Kỷ", ghi rằng vào tháng Hai năm Trinh Quan thập thất niên, tức năm 643, Đường Thái Tông Lý Thế Dân, người đã có công tạo dựng lên một đế quốc cường

thịnh, rộng lớn bậc nhất lịch sử Trung Quốc vào thế kỷ thứ 6, tức vương triều nhà Đường, từng sai họa sĩ tài danh đương thời là Dương Lập Bổn vẽ hình hai mươi bốn vị công thần theo phò Lý Thế Dân, như Trưởng Tôn Vô Kỵ, Đỗ Như Hối, Ngụy Trưng, Lý Tĩnh, Tần Thúc Bảo, Trình Giảo Kim... đem treo ở Lăng Yên Các để ghi nhớ công lao của họ.

Tần Thúc Bảo là một tướng lãnh đời sơ Đường, tên thật là Quỳnh, tự là Thúc Bảo, người Tề Châu Lịch Thành. Cuối đời nhà Tùy, Tần Thúc Bảo theo Trương Tu Đà trấn áp các cuộc nổi dậy của Lý Mật và Lư Minh Nguyệt. Sau khi Trương Tu Đà chết, Tần Thúc Bảo lại theo về với Lý Mật, được Mật dùng làm Trướng Nội Phiêu Kỵ. Sau khi Lý Mật bị bại trận, Tần Thúc Bảo bị Vương Thế Sung bắt, ít lâu sau thì hàng Đường, theo Lý Thế Dân, được Lý Thế Dân dùng làm Mã Quân Tổng Quản, đánh bại được Tống Kim Cương, Vương Thế Sung, rồi trấn áp được các cuộc nổi dạy của Đậu Kiến Đức và Lưu Hắc Đạt, làm quan đến chức Tả Võ Vệ Đại Tướng Quân.

Tần Thúc Bảo còn được người Tầu tôn thờ là Môn Thần, thần canh giữ cửa, khu tà và trừ ác. Người ta thường thấy tượng của ông cùng với tượng của Uất Trì Kính Đức đứng trấn giữ ở ngoài cửa đền đài, lầu các và thường được mệnh danh là "Môn Thần Nhị Tướng Quân". Nguyên có giai thoại về Tần Thúc Bảo, kể rằng:

"Đường Thái Tôn Lý Thế Dân, ban đêm không ngủ được, thường nghe tiếng gạch ngói ném trên nóc nhà, tiếng ma qui gào thét, thì lấy làm sợ, mới đem chuyện hỏi các đại thần, thì Tần Thúc Bảo xuất ban tâu:

- Thần bình sinh giết người như cắt cỏ, thây tích nhiều như kiến, lẽ nào lại sợ ma qui? Xin bệ hạ cho thần cùng với Kính Đức mang khí giới đứng canh ngoài cửa.

Đường Thái Tôn chuẩn tấu. Quả nhiên ban đêm không còn nghe tiếng qui hú nữa. Đường Thái Tôn lấy làm mừng, bèn sai họa công vẽ hình Tần Thúc Bảo và Uất Trì Cung treo ở hai bên tả hữu ngoài cửa cung điện. Và đích thân Đường Thái Tôn viết hai câu đối ca tụng:

雙銅打出唐世界
單鞭撐住李乾坤
Song đồng đả xuất Đường thế giới
Đơn tiên sanh chú Lý Càn khôn.

Riêng tôi, hồi bé ham đọc truyện Tầu, trong chiến tranh thường trốn mẹ tôi sang làng Lương Đường, quê cụ Phạm Quỳnh, mượn người quen cuốn Thuyết Đường in bằng giấy dó về đọc.

Trong truyện kể Tần Thúc Bảo có xước hiệu là "Trại Chuyên Chư",

nhà nghèo, mồ côi cha, làm chân bổ khoái ở huyện Lịch Thành, có ngón đòn Kim Giản tổ truyền thần sầu quỷ khốc, nặng một trăm ba mươi cân, lợi hại không thua gì ngón hồi mã thương của La Thành, lấy đầu địch nhân nhanh như lấy khăn trong túi. Tần Thúc Bảo từng sáp huyết ăn thề kết giao với bọn lục lâm hào kiệt, trừ gian diệt ác, cứu khốn phò nguy, như Trình Giảo Kim, Từ Mậu Công, Lý Tích, Ngụy Trưng rồi cùng họ phò giúp Lý Thế Dân dựng lên nghiệp đế, lưu danh muôn thuở. Nhiều chi tiết trong truyện tôi đã quên, nhưng còn nhớ mãi cảnh tác giả mô tả Tần Thúc Bảo khảng khái, không sợ liên lụy, chuốc rượu tế sống người bạn kết nghĩa là Đan Hùng Tín, để đưa tiễn Tín lên đọan đầu đài.

Rất là bi tráng và cảm động.

Ngoài ra, Tần Thúc Bảo còn được những người hành nghề bổ khoái, tức nghề bắt đạo tặc trộm cướp, tôn làm tổ sư. Trong nhà những người hành nghề này, đều có treo hình thờ Tần Thúc Bảo.

Về sau, trong thơ văn cổ điển, thường dùng điển tích "tranh treo gác khói" để nói lên sự ghi nhớ công nghiệp, danh lưu sử sách của các danh tướng.

Như Đỗ Mục từng có câu thơ:

功名待記凌煙閣
力盡遼城不肯回

Công danh đãi ký Lăng Yên Các,
Lực tận Liêu Thành bất khẳng hồi
(Công lao đợi ghi vào Lăng Yên Các, xin tận lực ở Liêu Thành, không chịu trở về)

Còn ở nguyên bản chữ Hán của Chinh Phụ Ngâm câu 447-448 ghi:

凌煙閣兮秦叔寶
麒麟臺兮霍嫖姚

Lăng yên các hề Tần Thúc Bảo
Kỳ Lân đài hề Hoắc Phiêu Diêu

và được nữ sĩ Đoàn Thị Điểm diễn nôm một cách tài tình:

Tài so Tần, Hoắc vẹn tuyền
Tên ghi gác khói, tượng truyền Đài Lân.

才𩰫秦霍院全
𩰫記閣塊像傳臺麟

Trong thơ văn cổ điển Trung Quốc, người ta còn gặp một địa danh

khác có tên là Lăng Yên Lâu 凌湮樓, nằm ở thành phố Cửu Giang tỉnh Giang Tây bây giờ, do Lâm Xuyên Vương Lưu Nghĩa Khánh cất khi ông làm Thứ Sử Giang Châu, và Lý Bạch đã có thời du ngoạn đến đó, nên mới có câu thơ:

朝別凌煙樓
暝投永華寺

Triêu biệt Lăng Yên Lâu
Minh đầu Vĩnh Hoa Tự.

(Sáng biệt lầu Lăng Yên, tối vào chùa Vĩnh Hoa)

Cuộc ngao du với sách vở đến đây, tôi cũng cảm thấy mệt mỏi rồi, dù biết rằng còn nhiều chỗ bất cập và thiếu sót, câu văn có chỗ không được mạch lạc khúc triết. Nhưng thôi thì, tâm tình với nhau, ta cần gì phải mầu mỡ riêu cua, để làm vẩn đục cái tình bạn cầu nhục chi giao của mình đi. Đành hẹn với anh, để khi tìm được thêm những gì mới thì sẽ bàn lại tiếp.

Cám ơn anh đã cho mượn mấy cuốn sách nhá.

Thân.

Phạm Xuân Hy
(20-9-2006 17h15)

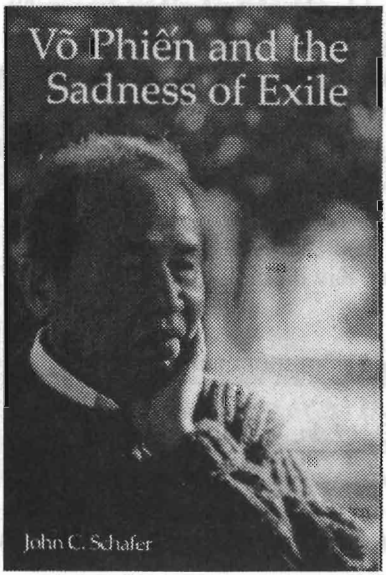

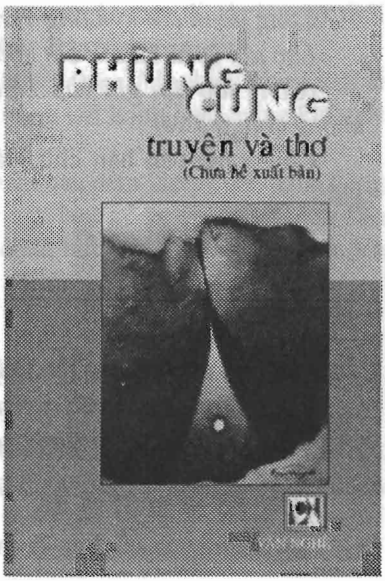

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

giọng bình định

Điểm đặc biệt của dân tộc ta là suốt từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, từ xưa đến nay, người Kinh đều nói một thứ tiếng và tất cả các dân tộc thiểu số, ngoài tiếng nói riêng của dân tộc mình, họ cũng nói rành tiếng Việt. Hơn thế, trên toàn quốc, người Việt Nam đều dùng cùng một thứ chữ viết. Tuy nhiên, nước ta lại trải dài qua nhiều vĩ tuyến, điểm cực bắc thuộc xã Lũng Cú huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang ở 23° 23' phút Bắc vĩ tuyến, điểm cực nam (không tính hải đảo) là mũi Cà Mau ở 8° 30' Bắc vĩ tuyến; nước ta lại có nhiều sông ngòi và núi non chắn ngang, nên địa hình và phong thổ mỗi nơi mỗi khác làm ảnh hưởng đến giọng nói. Vì thế, trong cái chung về ngôn ngữ thì ở mỗi miền lại có thổ ngữ và giọng nói đặc trưng cho vùng đó. Tuy vậy, sự cách biệt không nhiều, nên bất cứ người ở khác vùng nói chuyện, vẫn hiểu.

Đất Bình Định chạy dài từ đèo Bình Đê (phía bắc) đến đèo Cù Mông (phía nam) đều có chung một giọng nói. Tuy nhiên nếu để ý, mà phải là người địa phương mới nhận biết được, giọng nói của người ở vùng Bắc Bình Định (từ Bồng Sơn trở ra) cứng hơn một tí vì hơi giống giọng Quảng Ngãi.

Bàn về giọng Bình Định, thử xét qua các điểm sau đây:

THỔ ÂM, THỔ NGỮ

Cũng như các tỉnh khác, Bình Định có nhiều thổ ngữ, biến thể từ một tiếng đã có sẵn nhưng vẫn giữ nguyên ngữ nghĩa, hoặc từ ngữ không biến đổi nhưng hiểu theo một nghĩa khác với nghĩa chữ ban đầu.

Ngoài ra, Bình Định còn có những thổ ngữ gốc gác từ các tỉnh Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ; lại có những thổ ngữ phát sinh từ Bình Định, theo đà Nam tiến đến tận Nam Kỳ (xem phần *Tầm ảnh hưởng*, cuối bài).

1 - **Ảnh mơi:** sáng ngày mai, sáng mai. Thổ ngữ này rất phổ biến trong vùng, ca dao Bình Định có câu:

Ai dìa ai ở mặc ai
Áo già ở lại ảnh mơi mới dìa.

2 - **Báng họng:** cổ họng

Thí dụ: Để cho tui nói cái đã, sao cứ chận ngang cái báng họng.

3 - **Bậu:** đồng nghĩa với đại danh tự (pronouns) "em, nàng, mình", dùng gọi vợ hay người yêu của ta. Trong hội bài chòi, gặp con bài Tứ cẳng, còn gọi là Tứ ghế hay Tứ móc, Hiệu thường hô câu thai có thổ ngữ này:

Một hai bậu nói rằng không,
Dấu chân ai đứng bờ sông hai người.

4 - **Beng:** so sánh, bì. Bài chòi Bình Định có câu:

Con vợ tui tốt tợ tiên sa
Coi trong thiên hạ ai mà dám beng .

5 - **Bườm**: buồm là tấm bằng vải hay cói căng trên thuyền để hứng gió, nhờ sức gió đẩy thuyền chạy. Trong bài vè *Cát lái* (hát ra), lưu hành tại Bình Định, có thổ ngữ này:

Thuận bườm xuôi gió một phen
Ghé vô cửa Giã trong miền Hòn Mai.

6 - **Cái:** tất cả, thảy đều. Thổ ngữ xưa, nay không còn dùng. Trong văn bản hát bá trạo, lưu hành tại Bình Định, ở phần mở đầu có dùng thổ ngữ này:

Tổng hậu (ra lệnh):
Ớ bá trạo!
Cái khai thuyền hầu trạo
Con trạo (đồng thanh):
Dạ!

7 - **Cầm đũa:** khi ngồi vào bàn ăn, người Bình Định tiếp khách bằng câu nói "mời cầm đũa " tức là mời ăn.

8 - **Chàng ràng:** Theo nghĩa thông dụng là quanh quẩn bên cạnh, không rời. Ở Bình Định, tiếng "chàng ràng" còn biểu thị tình trạng ham muốn cả hai, không dứt khoát bên nào. Ca dao Bình Định dùng nhiều đến chữ này theo nghĩa thổ ngữ, có khi đặt ở đầu câu:

Chàng ràng ếch ở hai hang,
Như chim hai ổ, như nàng hai nơi.

có lúc đặt ở cuối câu:

Chợ chiều nhiều khế ế chanh,
Nhiều con gái lứa nên anh chàng ràng .

9 - **Chầu rày:** lúc này, hồi này, khoảng thời gian này. Bài chòi Bình Định gặp con bài Bát bồng, Hiệu thường hô câu thai:

Chầu rày đã có trăng non

Để tui lên xuống có con em bồng.

10 - **Chớp ảnh:** chụp ảnh. Theo nghĩa thông thường, trước kia người ta dùng chữ "chớp ảnh hay chớp bóng", nay dùng chữ "chiếu phim" đều chỉ chung cho việc chiếu ánh sáng qua phim đã ghi hình, để cho hình ảnh ấy hiện lên màn ảnh. Ở Bình Định chữ "chớp ảnh" lại có một nghĩa khác là dùng máy hình để chụp ảnh.

Thí dụ: Sau một tấm ảnh, thay vì ghi là: "Chụp ảnh tại... ngày... tháng... năm...", thì người Bình Định, nếu dùng thổ ngữ, lại đề là: "Chớp ảnh tại..."

11 - **Chộp rộp:** dùng thay cho chữ "chộn rộn". Trước kia người Bình Định rất quen dùng nên thường thấy trong bài vè cổ, nay không còn thông dụng nữa:

Tao làm tội tao chịu cho,
Bay không chộp rộp sợ lo nỗi gì.
(*Vè Chú Lía*)

12 - **Chui cha:** tiếng tán thán được đặt trước câu nói để biểu lộ sự ngạc nhiên, trầm trồ, than thở, giải bày...

Thí dụ: Chui cha mày quơi (ơi)! Tao mới giừa (vừa) đau một trận giữ (dữ) lắm.

13 - **Chưng hửng**: theo nghĩa thông thường là ngạc nhiên nhiều, tạo trạng thái ngẩn người vì sự việc xảy ra trái với dự đoán. Nhưng đối với người Bình Định, ngoài ngữ nghĩa trên, còn dùng từ ngữ "chưng hửng" với nghĩa là: nói năng vô duyên, lảng nhách, không ăn nhập vào đâu cả.

Thí dụ: Người em bày tỏ một ý kiến gì đó, người chị không vừa ý, bèn nói:

- Chưng hửng quá!

hay nói:

- Chưng hửng nà!

14 - **Cỏn, Thẵng:** đại danh từ ngôi thứ ba số ít, "cỏn": con ấy, con vợ mày; "thẵng": thằng ấy, thằng chồng mày; và dùng cho người trên nói với con cháu một cách thân tình. Trong Nam vẫn dùng "cỏn, thẳng", cả hai đều mang dấu hỏi. Giọng Bình Định dễ dàng phát âm đủ sáu dấu (ngang, huyền, hỏi, ngã, sắc, nặng) nên "thẵng" mang dấu ngã.

Thí dụ: Người cô hỏi người cháu:

- Cỏn đi đâu rồi?

Người cháu trả lời:

- Dạ, nhà cháu (vợ cháu) mới đi chợ.

15 - **Dẫy na:** dùng như chữ "vậy hã".

Thí dụ:

Người con khoe:

- Mẹ ơi! tháng này con học đứng nhất lớp.

Người mẹ vui mừng đáp:

- Dẫy na.

16 - **Dí, thá, dớn dọ, dọ**: các thổ âm này là tiếng dùng làm âm hiệu để điều khiển trâu, bò trong việc cày bừa và chăn dắt. "Dí" là khẩu lệnh cho bò đi lệch về bên phải, "thá" bên trái, "dớn dọ" đi chậm chuẩn bị dừng, "dọ" đứng hẳn lại, không đi nữa.

17 - **Dìa:** thay cho chữ (đi) "về". Ca dao Nam Bộ có câu:

Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai dề (về) Gia Định, Đồng Nai thì dề.

nếu người Bình Định hát lên, sẽ phát âm như sau:

Nhà Bè nước chảy chia hai

Ai dìa Gia Định, Đồng Nai thì dìa.

18 - **Dọi:** tiếng lóng của dân chài, chỉ hiện tượng dậy sóng ở biển khơi, khi có cá ông xuất hiện:

Đến khi phụ mẫu rằng nghe

Thấy tin lên dọi quay lui trở về.

(Hát bả trạo)

19 - **Đặng:** được, đạt tới (động từ).

Thí dụ: Tuổi đặng (được) sáu mươi rồi.

Bình Định còn dùng "đặng" với ngữ nghĩa là "để" (trạng từ)

Thí dụ:

Ớ Trung khoang!

Phó cho Trung khoang gìn giữ nội thuyền

Đặng (để) canh lấy nước non mà tát.

(Hát bả trạo)

20 - **Đứng:** đấng (danh từ) chỉ cho người được suy tôn vì có công lao, sự nghiệp hay phẩm cách cao quí đáng trọng.

Biết mặt lúc này mới biết

Đứng (đấng) làm người có việc phải lo.

(Hát bả trạo)

21 - **Ẻ mà:** dùng như chữ "nhưng mà", nay không còn thông dụng nữa.

Trong tuồng *Hộ sanh đàn* của Đào Tấn, văn liệu dẫn chứng, ở đoạn

Dương Tú Hà giận chồng có tên là Tiết Nghĩa mà lại nhẫn tâm làm việc đại bất nghĩa, nên bà đã thắt cổ tự tử. Tiết Nghĩa hay tin, bèn nói với quân hầu:

"*Ẻ mà đáng kiếp, quân bay!*

Thi hài nọ sơn trung mai táng (đem chôn trong núi) *đi cho rảnh*".

22 - **Giã:** tiếng chỉ cho làng đánh cá ở ven biển. Trong bài vè *Cát lái* (hát vô) có thổ ngữ này:

Cửa Giã có hòn án ngoài,

Các lái thường ngày hay gọi lao Xanh.

"Cửa Giã" trong bài này là cửa đầm Thị Nại.

23 - **Ghè**: chum. vại, lu nhỏ. Cũng trong bài vè cát lái (hát vô) có câu:

Gặp nhau chưa nói đã cười

Kìa núi Từ Phú là nơi nhiều ghè .

24 - **Gởi**: nói trại âm tiếng "gửi". Ca dao Bình Định có câu:

Bơ vơ thì mặc bơ vơ

Nẫu về xứ nẫu, nẫu gởi thơ cho mình.

25 - **Hé:** luôn luôn đứng sau câu để vừa hỏi vừa khẳng định:

Mạnh giỏi *hé?*

hoặc để khen ngợi, trầm trồ:

Đẹp quá *hé!*.

26 - **Hén:** là thán từ đặt cuối câu, tương đương với tiếng "phải không, nhi", trình bày dưới hình thức câu hỏi, nhằm tranh thủ sự tán đồng của người nghe:

Thí dụ: Vui quá *hén!*

27 - **Hầu hôm:** viết đúng chính tả là "hồi hôm", dùng thay cho chữ "đêm qua". Thổ ngữ này rất phổ biến và thường thấy trong ca dao Bình Định:

Anh về dưới giã hậu hôm

Gánh phân đổ ruộng gió nồm bay lên.

28 - **Hông, Hổng:** là trạng từ, biến đổi từ tiếng "không", trong câu trả lời biểu thị ý phủ định.

Thí dụ:

Chồng hỏi vợ: "Em ăn *hông* "

Vợ trả lời: "*Hổng* ăn"

29 - **Hun:** hôn là áp môi hoặc mũi vào thân thể một người khác, thường ở mặt và tay, rồi hít vào để tỏ lòng yêu thương, quý mến.

Thí dụ:

Mẹ hụn con.

30 - **Hử**: ngửi, hít vào bằng mũi để nhận biết, phân biệt mùi vị.

Thí dụ:

Cá ươn, *hử* nghe mùi hôi.

31 - **Hữ:** biến thể của trạng từ "hả", thường đặt ở cuối câu hỏi nhằm xác định thêm điều mình đang nghi vấn.

Trong tuồng *Hộ sanh đàn*, văn liệu cũng dẫn chứng, trước khi Tú Hà quyên sinh vì giận chồng thì đã có đoạn: Tiết An vào báo cho bà biết việc Tiết Nghĩa (chồng của bà) đã tham danh lợi, lừa bắt ân huynh là Tiết Cương giải nộp cho Võ Hậu. Khi Tiết An vừa mới nói: "Dạ, phu nhân hữu cấp sự" (Dạ bẩm phu nhân có việc gấp). Tú Hà đoán việc chẳng lành, vội hỏi ngay: "Hà sự hữ?" (Việc chi hả).

32 - **Í chui:** tiếng tán thán người Bình Định thường dùng để tỏ ra cảm giác đau đớn không chịu đựng được vì một tác động mạnh vào cơ thể.

Thí dụ:

I chui, cây gai đâm đau quá!

33 – **Lèo:** dây cột buồm.

Nới lèo rán lái mau mau
Châu Me, Lò Rượu sóng xao Hòn Nhàn.
(*Vè Cát lái* – Hát vô)

34 – **Lừa:** là động từ nói trại từ tiếng "lùa"

Thí dụ:

Nông dân lừa trâu ra đồng ăn cỏ.

35 - **Lúa co:** tên của một loại lúa có hạt gạo đỏ. Ca dao Bình Định có câu:

Đừng ham gạo trắng thơm tho
Lúa trì cùng với lúa co chắc lòng.

36 - **Mau:** nhanh, lanh. Phương ngữ này đã thành phổ thông trong thơ văn, đơn cử câu thai Nhứt nọc của bài chòi:

Tiếng ai văng vẳng kêu đò
Mau mau nhổ nọc chèo qua rước người.

37 - **Na:** tương đương với chữ "sao", biểu thị ý nhấn mạnh mức độ làm ngạc nhiên. Trong bài thơ *Tạ ơn năm đầu* của Việt Thao có dùng thổ ngữ này:

Thân bèo năm tháng hẫng trôi,
Gió đem cái lạnh hay đời lạnh na?

38 - **Nậu:** *Đại Nam thực lục tiền biên*, bản dịch, trang 191, đề cập đến việc Ký lục Chính dinh Nguyễn Đăng Đệ đi tuần xét các phủ ở xứ Quảng Nam vào tháng Tư năm Bính Ngọ (1726) có định rõ chức lệ cho các thuộc (tổng mới lập), sách đã dẫn: "Mỗi thuộc đều lấy những thôn, phường, nậu, man lẻ tẻ họp lại (nậu nghĩa là làm cỏ ruộng, tục gọi đám đông người là nậu, ý là hợp nhiều người để làm ruộng)".

Trên đây, tiếng "nậu" chỉ dùng để gọi những người cùng làm ruộng, nhưng ở Bình Định đại danh tự này được dùng rộng rãi, gọi những người cùng giới, cùng nghề nghiệp, cùng chỗ ở, cùng sinh hoạt, hay cùng hoàn cảnh. Vậy "nậu" luôn luôn ở ngôi thứ ba số nhiều và phải đi kèm với một danh tự theo sau nó mới đủ nghĩa, chẳng hạn như: "nậu nguồn" là tiếng gọi chung những người ở miền thượng du, "nậu hạ bạn" chỉ chung cho dân sống ở vùng cửa sông đổ ra biển, "nậu rồi" (phát âm sai thành "nậu rẩu") là những người đàn bà chuyên bán cá ở các chợ, "nậu hàng xén" là nhóm người bán hàng tạp hóa ở vỉa hè hay ở chợ, "nậu bạn hát" chỉ chung cho nam nữ diễn viên chuyên nghề hát bội. Ca dao Bình Định thường dùng đến tiếng "nậu":

Ai về nhắn với <u>nậu nguồn</u>
Măng le gởi xuống, cá chuồn gởi lên.

Hoặc

Đừng chê <u>nậu rồi</u> tanh hôi
Có nhờ <u>nậu rồi</u> mới rồi bữa cơm.

39 - **Nẫu:** là hiện tượng biến đổi thanh điệu nhưng vẫn giữ âm trầm, nghĩa là chỉ chuyển từ dấu nặng sang dấu ngã. Tiếng "nậu" chuyển hóa thành "nẫu" vẫn là đại danh tự nhưng ý nghĩa của nó rất rộng rãi và không cần một danh tự đi kèm. "Nẫu" được dùng ở ngôi thứ ba, số ít, cả số nhiều, có nghĩa là họ, người ta, người ấy. Tiếng "nẫu" còn thấy ở ngôi thứ nhất (tôi) và ngôi thứ hai (mầy, anh, em) nhưng dùng hạn chế.

Tiếng "nẫu" ở ngôi thứ ba số ít, trong ca dao Bình Định có nhiều, chẳng hạn như:

Thương chi cho uổng công trình
<u>Nẫu</u> về xứ <u>nẫu</u>, <u>nẫu</u> bỏ mình bơ vơ.

Tiếng "nẫu" được dùng ở ngôi thứ ba số nhiều, trong bài chòi Bình Định, câu thai Ngũ trợt có đoạn:

Ngó ra ngoài chợ
<u>Nẫu</u> bán trạnh cày.
Roi mây lưỡi cuốc

Nẫu bày nghinh ngang...

Ở ngôi thứ hai số ít, tiếng nẫu được dùng với bạn thân, người yêu, có thể nói: "Nẫu đi đâu giậy (vậy)?" với giọng hạ thấp để biểu lộ sự thân mật, trìu mến. Trong ca dao Bình Định cũng có câu:

Nẫu về Bình Định chi lâu
Bỏ tui ở lại hái dâu một mình.

Đôi lúc còn thấy tiếng nẫu ở ngôi thứ nhất khi bày tỏ giọng điệu nũng nịu yêu đương.

Thí dụ:

Chồng hỏi: "Nẫu đi ngủ chưa?" (ngôi thứ hai)

Vợ đáp: "Nẫu hổng đi ngủ!" (ngôi thứ nhứt)

Cũng có khi dùng "nẫu" để đáp lại với thái độ hờn lẫy, nhẹ nhàng: "Nẫu làm gì thây kệ nẫu, hỏi chi hé!"; nếu muốn xẵng hơn một chút, thì đáp gọn: "Kệ nẫu".

Nậu và nẫu là thổ ngữ đặc biệt nhất của xứ Bình Định, vì vậy người ở các tỉnh khác gọi đùa người Bình Định là "dân nẫu".

40 – **Nghe:** tiếng đệm sau câu, đồng nghĩa với thán từ "nhé" để tỏ ý thân mật.

Thí dụ:

Cháu đi mạnh giỏi nghe!

"Nghe" còn có ý nghĩa là ân cần dặn dò, như trong bản hát bả trạo, văn liệu dẫn chứng ở đoạn Tổng khoang nhắc nhở bạn chèo qua câu nói lối:

"Truyền cho bả trạo nghe Tổng tiền (mà) hò cho tử tế chứ chẳng chơi, nghe!".

41 - **Ờ hé**: tức là "vậy à".

Thí dụ: Vợ nhắc chồng: "Chiều nay anh nhớ về sớm đi dự sinh nhật của cháu Vân."

Chồng sực nhớ, bèn đáp: "Ờ hé! suýt nữa anh quên mất."

42 - **Qua:** đồng nghĩa với đại danh từ ngôi thứ nhất "tôi, ta, tao"

Tiếng "qua" chỉ dùng cho bậc đàn anh xưng với đàn em hoặc với người cấp dưới. Ca dao Bình Định có câu:

Hầu (hồi) nào làm bạn với qua
Bây giờ bỏ bạn đi ra ăn mày.

"Qua" còn dùng khi chồng xưng với vợ và để đối lại với tiếng "bậu", chồng gọi vợ. Ca dao địa phương cũng có câu:

Cỏ mọc bờ giếng cheo leo
Lâm chung có bậu, hiểm nghèo có qua .

43 - **Quá**: như.

Theo nghĩa thông thường, "quá" có nghĩa là vượt qua, hoặc ra ngoài mức bình thường; nhưng với thổ ngữ Bình Định, từ "quá" được coi như đồng nghĩa với "như" và thường thấy trong các câu nói ví:

Dư Đành sức mạnh quá trâu
Vùng lên đánh ngã cả xâu triều đình.
(*Vè Dư Đành*)

44 - **Quã**: biến thể từ tiếng "ủa"

Thí dụ:

Quã, anh qua Mỹ hồi nào?

Trên đây là để tỏ sự ngạc nhiên. Tiếng "quã" còn dùng biểu lộ sự bực mình, cũng do ngạc nhiên đem lại:

Thí dụ: Quã, sao mầy quấnh (đánh) tao?

"Quã" và "hữ" là hai thổ ngữ thường dùng nhất trong khi nói chuyện với nhau.

45 - **Quải**: tương đương với từ ngữ "cúng giỗ".

Trong bài *Vè Chú Lía*, văn liệu dẫn chứng ở câu 1242, gánh hát bầu Lễ bị Lía gọi lên sơn trại hát bội. Bởi trước đó có nhiều ông bầu bị Lía chém đầu vì hát dở, bầu Lễ thế buộc phải ra đi trong lo sợ:

Nghĩ thôi lệ nhỏ dầm đàng
Đi khắp xóm làng từ giã bà con.
Vợ con khóc lóc thở than
Quải đơm tế sống đã an mọi bề.

46 - **Quấnh, quýnh**: nói trại từ tiếng "đánh". Xem thí dụ chữ 43.

47 - **Ráng:** đồng nghĩa với chữ "cố, gắng sức".

Trong văn bản hát bả trạo, lưu hành ở Bình Định, có đoạn Tổng khoang diễn hát với bạn chèo qua câu nói lối đã dùng thổ ngữ này: "Ớ bá trạo ơi! Anh em ráng mà đưa thuyền cho tới nơi giang đáo xứ túc hộ trì."

48 - **Rội:** thêm vào, thêm lên.

Thí dụ: trong bữa cơm đãi khách, người chủ nhà thấy các thức ăn trong mâm đã cạn, vội gọi người hầu bàn: "Rội đồ ăn (thức ăn) lên bay!".

49 - **Soi:** vùng đất hai bên bờ sông không ngập nước, chuyên trồng hoa màu như đậu, bắp, mè. Bài thơ *Cho quê ngoại* của Việt Thao, có dùng thổ ngữ này:

Hàng sung rũ bến đò ngang
Mênh mông lúa trải, ngút ngàn bắp soi .

50 - **Sướng mạ**: nghĩa thông dụng là đám đất gieo mạ. Ở Bình Định

tiếng "sướng mạ" dùng với nghĩa hạn hẹp hơn, tương đương với luống mạ tức là dải đất có gieo mạ. Và trong một đám đất chia ra làm nhiều luống dài và hẹp, giữa các luống có chừa lối đi nhỏ.

Thí dụ: Mày làm việc chậm quá, từ sáng tới trưa mà nhổ không xong một sướng ma.

51 - **Té ra:** chuẩn bị nói ra những điều bất ngờ vừa nhận thức được, nên thổ ngữ này thường đứng đầu câu và tương đương với từ ngữ "thì ra, hóa ra".

Trong tuồng *Cổ Thành* của Đào Tấn, văn liệu dẫn chứng ở đoạn Quan Vũ được Tào Tháo thả cho về đất Tây Thục, khi qua ải do Hạ Hầu Đôn trấn giữ, bị chặn lại vì hắn không muốn thả cọp về rừng.

Hạ Hầu Đôn nói:

- Giỏi đánh với Đôn đã!

Quan Vũ trả lời:

- Té ra ngươi đã muốn đề thương chấp kích. Vậy thì ta cũng nguyền sánh mã giao phong.

52 - **Thắt thể:** tương đương với chữ "như thể".

Tiến sĩ Hồ Sĩ Tạo (1869-1934) lãnh tụ phong trào Kháng Thuế ở Bình Định, qua bài thơ *Trong tù* (dài 46 câu), ông có dùng thổ ngữ này:

Bề gia thất con thơ liụ địu,
Vợ trông chồng thắt thể vọng phu.

53 - **Thộn:** ngây ngô, đần độn; nhưng với thổ ngữ Bình Định có nghĩa là ăn một cách ham hố quá mức.

Thí dụ: Thấy em đòi ăn quá, chị nói lẫy:

- Đấy, mầy thộn vô cho hết!

54 - **Thưng thưng:** nhanh và êm ả.

Trong bài vè *Cát lái* (hát ra), đoạn tả cảnh vùng biển huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, có dùng thổ ngữ này:

Vũng Cù sóng vỗ lao xao
Nồm thổi ngọt ngào, ghe chạy thưng thưng.

55 - **Trển:** trên đó, trên ấy.

Bài vè *Chợ Gò Chàm*, chú Hiệu dùng thổ ngữ "trển" hô bài chòi cho câu thai Ngũ trợt:

Buôn mọi bán rợ
Mấy chú An Khê
Ở trển đem về
Xấp trầu nài rẽ.

56 - **Vát:** tiếng lóng của dân chài, chỉ sự việc kéo xiên xiên lá buồm để thích nghi với thuyền chạy ngược gió. Bài vè *Cát lái* (hát vô), có đoạn:

Vát ra khỏi mũi Sa Hoàng
Kìa kìa ngó thấy Tam Quan nhiều dừa.

57 - **Vời:** biến thể từ tiếng "khơi" là vùng biển ở xa bờ.

Hòn Sụp ta sẽ buông khơi
Trọng vịnh, ngoài vời, núi đất mênh mang.

PHÁT ÂM SAI

Trên toàn cõi nước ta không có vùng nào phát âm hoàn toàn đúng, mà cũng không có vùng nào phát âm hoàn toàn sai; và các điểm đúng, sai ấy không hoàn toàn giống nhau. Ở Bình Định, do bản chất của giọng nói cứng và ít muốn phát âm trọn tiếng, nên thường nói sai các vần dưới đây. Tuy nhiên, ngày nay do sự truyền thông và tiếp xúc rộng rãi, người dân ở thành phố và lớp trí thức đã phát âm đúng khá nhiều, còn ở thôn quê cũng có phần sửa đổi.

1 - **Vần ÔI phát âm thành ÂU**: Các tiếng như "Cầu Đôi, thôi rồi, con đồi mồi..." đều phát âm thành "Cầu Đâu, thâu rầu, con đầu mầu...", nay vẫn còn thông dụng.

Vì vậy, người Bình Định ở thôn quê hát câu ca dao sau đây, nếu viết theo phát âm thì sẽ là:

Cầu Đâu nằm cạnh tháp Đâu
Vật vô tri còn biết đèo bòng đâu lứa
Huống chi tui với nàng.

Nhưng lại có trường hợp biệt lệ, tiếng "tôi" người ta không phát âm thành "tâu" mà nói trại là "tui".

2 - **Vần OA, OE phát âm thành A, E** và nếu có phụ âm mở đầu là Kh, phát âm thành Ph. Các tiếng như "khoa trương, khoe khoang, khỏe khoắn..." đều phát âm thành "pha trương, phe phang, phẻ phắn....", nay đã sửa đổi nhiều.

3 - **Vần OM và ƠM phát âm thành ÔM**: Các tiếng như "lom khom, tối om, ăn cơm, sáng sớm..." đều phát âm thành "lôm khôm, tấu ôm, ăn côm, sáng sốm...", nay vẫn còn dùng nhưng giới hạn trong gia đình và đồng hương thân tình.

4 - **Vần ƯƠI phát âm thành Ư**:

Các tiếng như "người ta, đười ươi, cười tươi, cây bưởi..." đều phát âm thành "ngừ ta, đừ ư, cừ tư, cây bử..."

Thí dụ: Nếu viết theo phát âm sẽ là:

Trèo lên cây bủ hái hoa

Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.

5 - **Tiếng ƠI được thêm QU ở phía trước:**

Những tiếng như "Trời ơi! làng xóm ơi! em ơi!..." đều phát âm thành "Trời quơi! làng xốm quơi! em quơi!...". Vẫn còn thông dụng ở miền quê.

6 - **Phụ âm khởi đầu bằng V và D phát âm thành Gi:**

Hai câu dưới đây, nếu viết theo phát âm của Bình Định sẽ là:

Thầy giáo giạy giỗ (dạy dỗ) chúng em

Cho em đi theo giới (với).

PHÁT ÂM BIẾN GIỌNG

Phát âm sai có tính cách chung cho toàn vùng, còn phát âm biến giọng chỉ xảy ra cho một nhóm người, hoặc vì ở lân cận với vùng có giọng nói khác, hoặc sinh sống nhiều đời ở những làng quê sát biển, hoặc lúc còn nhỏ phát âm chưa đúng giọng.

1 - **Vần A phát âm thành EA kéo dài:**

Trẻ em giọng còn non nớt, khi phát âm các tiếng có nguyên âm cuối "a" thay vì há miệng quặt lưỡi, lại mở miệng đánh cong lưỡi nên trở thành "ea" kéo dài. Vì vậy các tiếng như "ông ba, bà má" trẻ con phát âm thành "ông bea, bèa méa"

2 - **Vần ĂN phát âm gần giống như EN:**

Chẳng hạn nói "ăn cơm" mới nghe như "en côm"; "en" do phát âm biến giọng ở một vùng nhỏ, còn "côm" là do thói quen phát âm sai toàn tỉnh. Muốn điều chỉnh sự biến giọng ở tiếng này, cần phát âm "ăn" bằng giọng cổ, hơi tròn miệng lại một chút và đè lưỡi chứ không đưa lưỡi.

3 - **Vần ẢY phát âm na ná tiếng Ẻ:**

Chẳng hạn nói "chiều thứ bảy" mới nghe như "chiều thứ bẻ". Hai trường hợp trên chỉ xảy ra ở vùng Bắc Bình Định, từ Bồng Sơn trở ra. Tuy không phát âm biến giọng hẳn, nhưng người xứ khác không phân biệt được, tưởng lầm họ là người Quảng Ngãi.

4 - **Vần ƠI phát âm cộc và ngắn:**

Người ở miền núi giọng cứng hơn người ở đồng bằng và miền biển, nên khi phát âm những tiếng có vần "ơi" như: bơi, chơi, mời... họ có thói quen cứng lưỡi thay vì cong đầu lưỡi lên, vì vậy giọng nghe hơi cộc và ngắn.

5 - **Phát âm chả chớt**:

Trường hợp này phổ biến ở vùng dân cư chuyên nghề đánh bắt cá biển. Họ quen phát âm ở đầu lưỡi với giọng líu lo, chả chớt, bởi thanh điệu nghiêng về bổng hơn là trầm, nên những tiếng thuộc dấu huyền, nặng, ngã chuyển âm na ná như tiếng mang dấu ngang, sắc, hỏi.

Thí dụ: Ở Binh (Bình) Đính (Định) con (còn) có túc (tục) giả (giã) gáo (gạo) hát ho (hò) vao (vào) nhửng (những) đêm trăng sáng.

Điển hình là vùng Nhơn Lý, trước là xã Phước Lý, thuộc quận Tuy Phước, sau năm 1975 là xã ngoại thành thuộc Qui Nhơn, có giọng chả chớt và còn giữ nhiều thổ âm thổ ngữ miền biển của Bình Định.

LỐI NÓI BÌNH ĐỊNH

Ở Bình Định cũng phổ biến cách nói ví, nói lóng và nói lái nhưng mang màu sắc riêng, đặc trưng cho địa phương.

1 - **Nói ví**:

Có những câu phương ngôn thường lồng vào trong câu chuyện để ví von, cụ thể hóa được vấn đề hay thêm phần đậm đà trong sự so sánh. Những câu nói ấy chỉ có người địa phương mới hiểu với nhau, chứ không thể phân tích đơn giản bằng ngữ nghĩa của các từ đã tạo nên câu nói đó. Điển hình một số câu phổ biến như:

- "Ngang quá ông Chảng". Chữ "quá" trong câu này là thổ ngữ của Bình Định nên có nghĩa là: ngang như ông Chảng; nói để ví những ai ngang bướng chưa từng có.

Sở dĩ có câu này vì ở làng Bằng Châu, nay thuộc xã Đập Đá (huyện An Nhơn), vào thời Tây Sơn có võ sư Đinh Văn Nhưng, tục danh là ông Chảng, tính tốt nhưng ngang ngạnh khác thường, suốt đời chưa hề kiêng nể ai. Ba anh em Tây Sơn lúc nhỏ có đến xin học võ, được thầy Chảng tận tình truyền đạt. Khi xưng vương, Nguyễn Nhạc nhớ ơn thầy cũ mà ba anh em đã lập nên nghiệp lớn. Và nhất là đời ông cố, ông nội của Nguyễn Nhạc được nhà họ Đinh ở Bằng Châu nhận bảo bọc, coi như người thân thuộc. Vua Thái Đức tỏ ý muốn phong tước cho thầy, ông bèn tâu: "Dù bệ hạ đã lên ngôi Hoàng Đế, nhưng vẫn là đạo con cháu của nhà họ Đinh, nếu bệ hạ có lòng nghĩ đến thì xin cho tôi được tự phong".

Vua Thái Đức chiều ý thầy, chuẩn y cho. Ông lấy bút mực viết bài thơ dâng lên vua:

Bùng binh chi tướng
Uýnh cướng chi quan

Bộn bàn chi chức
Chảng chảng ngang thiên.
(*Nước non Bình Định* – Quách Tấn)

Rồi mỗi lần đến thăm vua Thái Đức ở thành Đồ Bàn, ông Chảng ngồi trên cái thang thay cho kiệu, dùng hai tàu lá đu đủ thật lớn thay cho lọng, lính hầu vác cuốc, xẻng, cào cỏ, đòn xóc thay cho cờ biển gươm giáo[1]. Con đường từ Bằng Châu đến thành Đồ Bàn chừng hơn một cây số và phải băng qua quốc lộ 1, dân địa phương cả người đi đường đứng xem đông nghẹt vì thấy cái ngang bướng lạ đời của ông Chảng.

- Muốn nói nồi canh lỡ tay nêm muối quá mặn, người Bình Định có lối nói: "Ông xã Bình Thái lại nồi canh", đôi khi dùng tiếng tục "...đái nồi canh". Nhiều người quen gọi địa danh Bình Thái ra Bình Thới, nên câu trên được sửa lại cho hiệp vần "Ông xã Bình Thới tới nồi canh". Bình Thới là thôn nằm phía tây đầm Thị Nại, thuộc xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, dân trong làng hầu hết làm ruộng muối. Ông xã trưởng của một làng đời đời chuyên sản xuất muối biển mà lại gần nồi canh thì bảo sao nồi canh không quá mặn được!?

- Muốn ví ai ăn nói già hàm hỗn xược, người ta thường nói: "Hỗn quá nậu rẫu (rồi)." Thời trước, ít xe cộ và không có nước đá ướp lạnh cá, những người đàn bà chuyên nghề bán cá biển còn tươi, gọi chung là "nậu rồi", phải cố rút ngắn thời gian chuyên chở kẻo bị cá ươn, họ vừa gánh vừa chạy lúp xúp đến các chợ, mỗi ngày đi chuyến vài chục cây số là thường. Nếu ai muốn mua cá mà trả giá từng cắc từng xu, làm kéo dài thời gian mua bán, thường bị "nậu rồi" mắng xối xả những câu tục tĩu, chọc quê trước đám đông cho xấu hổ, lần sau không dám trả giá chậm chạp nữa.

Lại nữa, cũng quanh chuyện nậu rồi, dân chúng vùng này bản chất cần cù ít nói, quanh năm hết việc đồng áng đến vườn tược hay các nghề phụ, không muốn tụ năm tụ ba đem việc vu vơ ra đàm tiếu. Họ rất ghét những ai có thói ngồi lê nói mách, đem chuyện riêng tư của người này nói cho người khác nghe. Với những hạng người đó, đôi khi họ không tiếc lời mắng nhiếc (nhưng hạn chế, chỉ những người bạo miệng mới dùng) bằng những câu nói rất tục cho đáng tội thóc mách: "Miệng nhóp nhép như mép l... nậu rồi"

- Muốn ví một việc xảy ra đã quá lâu, quá cũ, người ta thường nói: "Chuyện Cố Hỷ[2] Cố Lai rồi!" Sự tích Cố Lai thì không ai biết được; còn bà Cố Hỷ, theo Quách Tấn (*Nước non Bình Định*, trang 42 và 208) là một phu nhân, ở mé đông bắc đầm Thị Nại, sống vào thời xa xưa không còn ai nhớ rõ niên đại. Bà rất giàu, nuôi hàng ngàn con trâu, khi bà qua đời, trâu

không người chăn, chạy vào núi Triều Châu lâu ngày thành trâu hoang, nên núi này trước đây có nhiều trâu rừng. Dân chài lưới tại địa phương tin rằng bà phù hộ cho đầm Thị Nại sóng êm, lắm cá nên họ lập đền thờ dưới chân núi Triều Sơn ở Huỳnh Giản (nay thuộc xã Phước Hòa, Tuy Phước). Hằng năm, đến mùa xuân, mở hội cúng tế bà Cố Hỷ rất long trọng và kết thuyền làm sân khấu nổi trên sông trước đền, thuê gánh hát bội danh tiếng về hát lễ.

- Muốn ám chỉ ai bất tài nhưng nhờ gặp may được lên địa vị cao sang quyền thế, người Bình Định thường gọi là "Tướng rái", câu này có từ đời Gia Long. Nguyên là vào năm 1775, quân Tây Sơn tiến chiếm Quảng Nam, Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần cùng Nguyễn Phúc Ánh phải dùng thuyền chạy vào Gia Định. Lúc đến cửa Cách Thử[3], trời tối như mực, lại gặp phải sóng to gió lớn, không dám tấp vào bờ vì sợ quân Tây Sơn bắt gặp. Đang ra sức chèo chống thì các dây buộc mái chèo đều đứt cả, thuyền trôi giạt vào đầm Thị Nại. Trong lúc khốn cùng, bỗng nghe tiếng khịt khịt trước mũi thuyền, lén rọi đèn nhìn kỹ thấy một con rái to vừa bơi vừa ngoái đầu lại, tỏ ý muốn dẫn đường.

Định vương Nguyễn Phúc Thuần ra lệnh bơi thuyền theo rái. Đi được một quãng, rái lên bờ chạy vào làng (có lẽ là rái nuôi của dân làng này), Định vương và đoàn tùy tùng cũng đi theo. Chúa Duệ Tông được viên xã trưởng đón tiếp trọng hậu, dân làng cung cấp dụng cụ, sửa sang thuyền bè và bí mật đưa thuyền Nguyễn vương ra khơi an toàn.

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi lấy hiệu là Gia Long, nhớ ơn cứu mạng năm xưa, sai quan về tận địa phương truy tầm, biết được nơi gặp con rái dẫn đường thuộc làng Vinh Quang, còn nơi đón tiếp Nguyễn vương thuộc làng Dương Thiện (nay hai thôn này thuộc xã Phước Sơn huyện Tuy Phước). Gia Long phong cho rái chức "Đại tướng quân", lập đền thờ tại làng Vinh Quang, ban thẻ bài xanh cho cả làng Dương Thiện đời đời miễn sưu thuế, còn nhà nào trực tiếp giúp đỡ thì được thưởng vàng bạc xứng đáng. Chuyện có thật này được truyền tụng qua nhiều đời, nên tuy có khác nhau về chi tiết, nhưng chức "Đại tướng quân" đã lưu lại trong lối nói Bình Định thành ngữ "Tướng rái" ví von thú vị và tại địa phương danh từ "con rái" được gọi là "Ông rái" đã phổ biến một thời.

2 - **Nói lóng:**

Nói lóng là cách nói chen một số từ ngữ với nghĩa qui ước mà chỉ những người trong nhóm mới hiểu được. Nói lóng ở Bình Định chen vào sau mỗi chữ của câu nói một chữ đệm cấu tạo bởi phụ âm hoặc nguyên âm

khởi đầu và dấu giọng của từ ngữ gốc rồi ráp nối với vần ÂN. Do đó, câu nói lóng sẽ tăng gấp đôi số từ ngữ của câu nói gốc. Thí dụ:

Sáng nay chúng ta đi dạo phố (câu nói gốc chỉ có 7 chữ).

Sáng sấn nay nân chúng chấn ta tân đi đân phố phấn (câu nói lóng tăng thành 14 chữ).

Trường hợp ngoại lệ, vì cách ráp vần tiếng Việt, có một số từ không thể tạo thành chữ đệm đúng với nguyên tắc đã qui định. Thí dụ:

Anh em như thể tay chân

Anh ân em ân như nhân thể thần tay tân chân chân.

3 - **Nói lái:**

Nói lái là cách chuyển đổi trật tự một tổ hợp có hai hoặc ba âm tiết để thành một tổ hợp khác hẳn với tổ hợp ban đầu. Có thể hoán chuyển phần nguyên âm hay phụ âm đầu, phần vần, phần thanh điệu để tổ hợp mới hoàn toàn khác với ngữ nghĩa ban đầu, nhằm mục đích chơi chữ, bông đùa, châm biếm hoặc trao đổi riêng với nhau.

Về cấu trúc, nói lái Bình Định giống với nói lái miền Bắc là không hoán chuyển vị trí dấu giọng, nhưng lại khác nhiều điểm quan trọng. Nói lái Bình Định, vẫn giữ vị trí phụ âm hay nguyên âm khởi đầu và chỉ hoán đổi phần âm vận; trong khi ở miền Bắc hoán chuyển nguyên cả chữ. Như vậy, nói lái của Bình Định phức tạp hơn vì phải sử dụng cách ráp vần tiếng Việt.

Thí dụ:

Bình Định: lọ tương thành lượng to

Bắc: lọ tương thành tượng lo.

Bình Định: đấu tranh thành đánh trâu

chứ không hoán chuyển âm đầu: đấu tranh thành trâu đánh.

Trường hợp ngoại lệ phải hoán chuyển cả dấu giọng để có thể đọc được các từ trong tổ hợp mới, theo cách ráp vần tiếng Việt.

Bình Định: cốt tu thành cu tốt,

chứ không nói lái 2 lần: cốt tu – tu cốt – tốt cu.

Trường hợp biệt lệ, mặc dù cấu trúc hai cách nói lái khác nhau nhưng có một số tổ hợp vẫn cho ra cùng một đáp số.

Bình Định: con cầy thành cây còn

Bắc: con cầy thành cây còn.

Trong cách chơi chữ, Bình Định còn dùng nói lái để giả âm tiếng Pháp.

Thí dụ: Quăng xơ mít bên sông ăn mót.

Nói lái thành: Quích xơ măng bông sên ót măng.

NGUỒN GỐC GIỌNG NÓI

Theo *Đại Nam nhất thống chí*[4] và chính sử, đất Bình Định xưa thuộc bộ Việt Thường Thị, thời Tần (221- 206 TTL) lệ vào Tượng Quận; thời Tây Hán, năm Canh Ngọ (111 TTL), niên hiệu Nguyên Đỉnh thứ 6 đời Hán Võ Đế đặt huyện Tượng Lâm (gồm Bình Định và Phú Yên) thuộc quận Nhật Nam. Thời Đông Hán, năm Nhâm Thân (192), niên hiệu Sơ Bình thứ 3 đời Hán Hiến Đế, nhân thế lực nhà Hán quá suy yếu, viên Công tào huyện Tượng Lâm là Khu Liên (K'ouei) nổi lên giết huyện lệnh, tự xưng là Lâm Ấp Vương, lập ra nước Chiêm Thành, dựng kinh đô ở Trà Kiệu (huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam).

Đến cuối thế kỷ thứ 10, vua Chiêm là Hari Varman II (988- 998) dời đô vào Đồ Bàn Phật Thệ ở miền Vijaya; thành này, nay thuộc địa phận hai thôn Nam Tân (trước là Nam An) và Bắc Thuận xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Đất Đồ Bàn giữ vai trò kinh đô Chiêm quốc ngót 5 thế kỷ, lừng lẫy một thời. Năm 1284, tướng nhà Nguyên là Toa Đô đem 10 vạn thủy quân và 1000 chiến thuyền rời Quảng Châu đổ bộ lên cửa Thị Nại, tiến chiếm kinh đô Đồ Bàn nhưng bị quân Chiêm đánh đuổi, tổn thất nặng nề, Toa Đô phải rút lui bằng đường bộ. Dưới thời Chế Bồng Nga, nước Chiêm Thành hùng mạnh nhất, bành trướng lãnh thổ đến Tân Bình và Thuận Hóa. Năm 1371, đời Trần Nghệ Tông, quân Chiêm tiến vào Thăng Long đốt phá cung điện, cướp người và của cải. Năm 1377, vua Trần Duệ Tông ngự giá thân chinh, đại binh đổ bộ vào Thị Nại, nhưng đến kinh đô Đồ Bàn thì bị phục quân, nhà vua tử nạn, quan quân tan vỡ. Hết đời Chế Bồng Nga, khí vận nước Chiêm Thành suy yếu dần. Năm 1402, Hồ Hán Thương đem đại binh đánh Chiêm Thành, vua Chiêm phải cắt nhượng đất Chiêm Động (Quảng Nam) và Cổ Lũy (Quảng Ngãi); Đồ Bàn trở nên một trung tâm văn hóa trọng yếu duy nhất còn lại của nước Chiêm.

Rồi kinh đô Đồ Bàn cũng chỉ tồn tại thêm 68 năm nữa thì đổi chủ. Đó là năm 1470, Hồng Đức nguyên niên đời Lê Thánh Tông, vua Chiêm là Trà Toàn đem 10 vạn quân đánh chiếm Hóa Châu. Tháng 11 năm ấy vua Lê Thánh Tông xuống chiếu thân chinh, tiến binh cả hai mặt thủy bộ, chiếm thành Đồ Bàn (1471), bắt vua Chiêm và hoàng gia. Tuy quân ta tiến binh đến núi Thạch Bi (đèo Cả), khắc bia phân ranh giới, nhưng chỉ lấy lại đất Quảng Nam, Quảng Ngãi và chiếm thêm đất Bình Định (tức miền Bắc Vijaya có kinh đô Đồ Bàn) trấn giữ đèo Cù Mông, còn đất Phú Yên (miền Nam Vijaya) lập vùng trái độn, bỏ ngỏ cho dân Chiêm Thành.

Từ đó, đất Đồ Bàn được chia làm 3 huyện: Bồng Sơn (gồm Hoài Ân, Hoài Nhơn, An Lão ngày nay), Phù Ly (gồm Phù Mỹ và Phù Cát) và Tuy Viễn (An Nhơn, Tuy Phước, Qui Nhơn, Bình Khê, Vĩnh Thạnh, Vân Canh) đặt thành phủ Hoài Nhơn (tức tỉnh Bình Định ngày nay) cùng với hai phủ Tư Nghĩa (Quảng Ngãi) và Thăng Hoa (Quảng Nam) nhập thành Thừa tuyên Quảng Nam. Trong ba phủ ấy, Hoài Nhơn màu mỡ hơn cả, với những đồng bằng phì nhiêu lại có đầm Thị Nại dài rộng mở ra hai cửa biển tốt là Cách Thử và Phương Mai nhiều muối lắm cá.

Nhà vua xuống chiếu di dân, một cuộc di cư vĩ đại nhất trong lịch sử Đại Việt và cũng là cuộc di cư cuối cùng lấy dân từ các tỉnh ở Bắc Kỳ và miền Bắc Trung Kỳ. Theo Phan Khoang, *Xứ Đàng Trong*[5], đất Bình Định đã lôi cuốn dân Nghệ An đến định cư; nhưng theo *Nước tôi Dân tôi*[6], phần lớn người ở Hà Đông vào Bình Định lập nghiệp trong đợt di dân đến ba phủ của Thừa tuyên Quảng Nam. Dù có nhiều người Nghệ An hay Hà Đông, thì những di dân vào Bình Định không hẳn thuần một tỉnh nào vì miền đất mới nầy đã lôi cuốn những dân nghèo khắp nơi từ Thuận Hóa ra Bắc, họ muốn tìm đến một nơi định cư có nhiều hứa hẹn nhất.

Ngoài những đợt di dân tình nguyện chiếm đa số, được triều đình khuyến khích và nâng đỡ, luật Hồng Đức (*Quốc triều hình luật*) còn qui định những tội đạo tặc như: đặt ra lời phao tin đồn nhảm để làm náo động dân chúng (điều 2), mưu giết sứ giả của vua hay quan tại chức đã làm bị thương (điều 8), trộm lần đầu (điều 19)...; tội đấu tụng như: đâm chém gây thương tật đứt gân mù mắt đọa thai (điều 2), nô tỳ đánh chủ bị thương què (điều 22), biết kẻ mưu đại nghịch phản loạn mà không tố cáo (điều 36)... đều khép tội lưu viễn châu, tức là đày vào phủ Hoài Nhơn (nay là tỉnh Bình Định) sinh sống.

Lại nữa, cư dân của phủ Hoài Nhơn còn có người Chiêm Thành ở lại khá nhiều. Theo Phan Khoang[7], các lần trước bị mất đất, người Chiêm Thành đã bỏ quê hương đi theo vua của họ. Lần này, khi ta chiếm Đồ Bàn, đa số người Chiêm vẫn ở lại, phần thì họ luyến tiếc kinh đô đẹp đẽ nhất, phần thì đất đai còn lại ở các tỉnh phía nam không màu mỡ bằng miền Vijaya. Vua Lê Thánh Tông phải đề phòng sự nổi loạn của người bản xứ. Theo Phan Huy Chú, *Lịch Triều Hiến Chương loại chí*, nhà vua đã ban quyền tiền trảm hậu tấu: "nếu người Chiêm ai dám không theo, cho phép giết ngay rồi sẽ tâu"[8], cho các quan trấn giữ miền đất mới để đối phó kịp thời những mầm mống phản nghịch và trái lệnh của triều đình. Cho nên, người Chiêm ở lại phủ Hoài Nhơn bị đồng hóa ngay bởi làn sóng người Việt đến định cư, rồi

họ phải nói tiếng Việt với lơ lớ giọng Chàm. Hơn nữa, phủ Hoài Nhơn nằm sát biên giới đất Phú Yên là vùng trái độn, tuy đã thuộc cương vực của Đại Việt nhưng chưa đặt quan chức và tổ chức hành chánh, vẫn để cho họ tự do phát triển suốt 107 năm (1471-1578). Dĩ nhiên, người dân Hoài Nhơn còn có sự tiếp xúc thường xuyên với người Chiêm ở bên kia đèo Cù Mông trong việc giao lưu buôn bán.

Vì thế, cư dân sống ở phủ Hoài Nhơn không thuần nhất miền nào mà pha trộn giọng Bắc, giọng Trung của dân các tỉnh ở xứ Đàng Ngoài và giọng Chàm, dân bản xứ nói tiếng Việt. Những yếu tố trên kết hợp vào nhau rồi trải qua quá trình biến chuyển dần bởi phong thổ của miền đất mà hình thành giọng nói riêng của dân Bình Định.

ĐẶC ĐIỂM GIỌNG NÓI

Xứ Bình Định là giải đất ven biển, nằm giữa hai miền nước ta (Bắc vĩ tuyến 14) nên có giọng nói dung hòa giữa miền Bắc Nam và dễ dàng nói đúng theo các tỉnh khác.

Lại nữa, Bình Định trước mặt là biển Đông, sau lưng là dãy Trường Sơn hiểm trở, toàn xứ là những thung lũng và chuỗi bình nguyên chen chúc với núi đồi, nên giọng nói pha trộn cái chả chớt của miền biển và giọng cứng cỏi của miền núi.

1 - **Vấn đề cấu trúc ngôn ngữ**:

Tiếng Việt khác hẳn tiếng Chiêm Thành nhiều điểm:

- Về nhóm tiếng, theo Nguyễn Ngọc San, *Tìm hiểu về tiếng Việt lịch sử*[9] và các tài liệu ngữ học khác[10], nguyên thủy tiếng Việt và tiếng Chiêm Thành đều thuộc ngữ hệ Nam Á cổ[11]. Nhưng rồi qua quá trình di dân và sự tiếp xúc với nhóm ngôn ngữ khác[12], kết hợp điều kiện địa lý, tiếng Việt và tiếng Chiêm đã tách xa nhau với nhiều dị biệt.

Khoảng 2500 năm trước, người Mã Lai và Nam Đảo di cư vào bờ bể miền Nam Trung Việt, lập thành vương quốc Chàm. Họ mang theo ngôn ngữ vùng cực nam Đông Nam Á, tức ngữ hệ Nam Á cổ tiếp xúc với nhóm tiếng Châu Đại Dương.

Trong lúc tiếng Việt thuộc nhóm Mon-Khmer, cũng có nguồn gốc từ ngữ hệ Nam Á cổ. Nhưng cách đây khoảng 4000 năm, những bộ tộc này từ vùng Thượng Lào và miền cực Tây Bắc Trung Việt đi dần ra vịnh Bắc Việt, tiếp xúc với dòng ngôn ngữ Tày cổ. Rồi quá trình tiến hóa ngôn ngữ từ giai đoạn tiền Việt Mường (thời đại Hùng Vương) vẫn mang cơ tầng Mon-Khmer nhưng đã có sự mô phỏng cơ chế Tày Thái. Đến giai đoạn

Việt Mường có tiếng nói chung, một khi đã đi vào quá trình đơn tiết và thanh điệu hóa. Sau cùng, đại bộ phận dân cư ở vùng đồng bằng Bắc Việt tiếp xúc lâu dài với tiếng Hán trong thời kỳ Bắc thuộc, đã tách khỏi tiếng Mường thành tiếng Kinh, tức tiếng Việt ngày nay. Như vậy, tiếng Chàm thuộc nhóm Nam Dương, trong lúc tiếng Việt hình thành trong điều kiện riêng cho người Việt.

- Về cấu trúc âm tiết, tiếng Chàm vẫn giữ dạng đa tiết, trong lúc tiếng Việt đã có xu hướng đơn tiết hóa ngay từ giai đoạn tiền Việt Mường. Vì vậy, tiếng Việt độc âm, mỗi tiếng một âm, trái lại tiếng Chàm đa âm.

- Về cấu trúc thanh điệu, tiếng Việt cũng đã mở đầu việc thanh điệu hóa từ lúc còn chung tiếng nói Việt Mường. Cho nên tiếng Việt hình thành đủ sáu thanh điệu: ngang, sắc, hỏi (thuộc âm bổng) và huyền, nặng, ngã (thuộc âm trầm). Vì vậy, thanh điệu của tiếng ta có lên xuống cao thấp, trong lúc giọng đọc của Chiêm Thành không có trầm bổng.

Xét cho cùng, chỉ còn có một điểm duy nhất giống nhau là câu văn của ta và Chiêm Thành đều đặt xuôi. Tuy có nhiều yếu tố dị biệt, khó hòa hợp, nhưng nếu xét riêng về giọng nói thì trường hợp đặc biệt của Bình Định, như đã trình bày ở phần trên (*Nguồn gốc giọng nói*), có bị ảnh hưởng ít nhiều bởi giọng nói của Chiêm Thành không?

Thưa có. Tiếng nói của người Chàm không có trầm bổng thì giọng Bình Định cũng ít chú ý đến sắc âm, nên mặc dù vẫn trầm bổng nhưng biên độ không rõ rệt lắm. Bởi vậy, giọng Bình Định trở nên buồn tẻ lại có phần cứng và nặng. Nhược điểm này, có thể sửa đổi dễ dàng một khi sắc âm được tôn trọng, nghĩa là tiếng nói thấp ra thấp, cao ra cao một cách rõ ràng, khoan thai, đồng thời tránh phát âm sai và biến giọng, thì giọng Bình Định vừa giữ được nét đặc trưng vừa trở nên trong sáng chuẩn xác.

2 - Về mặt ngữ học:

Giọng Bình Định có những ưu điểm đáng kể: Người Bình Định chỉ phát âm sai, nhưng khi viết vẫn đúng chính tả. Và chỉ phát âm sai khi nói chuyện bình thường với người quen thân cùng xứ (vì lười phát âm), nhưng khi có dịp giao tiếp, phát biểu, thuyết trình trước đám đông và đọc sách lại phát âm đúng. Người Bình Định cũng không dùng thổ ngữ khi viết văn, ngoại trừ trường hợp cố ý. Giọng nói lại phân biệt rõ ràng giữa hai phụ âm khởi đầu L với N, S với X nên cũng dễ phát âm đúng với tiếng Anh và Pháp.

TẦM ẢNH HƯỞNG

Hoàn cảnh lịch sử nước ta đã chia cuộc Nam tiến làm hai giai đoạn rõ rệt. Giai đoạn đầu ở cấp toàn quốc, lấy dân các tỉnh Bắc Kỳ và Bắc Trung

Kỳ vào định cư. Giai đoạn sau ở cấp vùng, thuộc xứ Đàng Trong, chỉ lấy dân hai trấn Thuận Hóa, Quảng Nam và đông đảo nhất là dân phủ Hoài Nhơn tràn qua đèo Cù Mông vào lập nghiệp. Tuy nhiên cũng có một lần biệt lệ tháp cư, theo Phan Khoang, *Xứ Đàng Trong*[13], năm Mậu Tý (1648) đời chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan, quân Nguyễn bắt được tại Quảng Bình 3 vạn tù binh ở xứ Đàng Ngoài, đem phân tán rải mỏng từ Quảng Nam đến Phú Yên, bắt buộc khai hoang cư trú, cứ 50 người lập thành một ấp.

Vâng, họ là dân tứ xứ đến định cư ở vùng đất mới, dù tình nguyện hay bị bắt buộc cư trú, nhưng cùng một hoàn cảnh tha phương, họ trở nên gắn bó với nhau. Thoạt đầu, họ phát âm với nhiều giọng khác nhau, dần dần được điều chỉnh tự nhiên bởi phong thổ của vùng đất mới, từ đời này sang đời khác, để trở thành giọng chung. Tuy vậy, vài phương ngữ của cố hương (Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ) vẫn tồn tại để trở thành thổ ngữ của vùng đất mới, xứ Bình Định, chẳng hạn như: ghè (vại, chum nhỏ), té ra (thì ra), vát (lệch sang một bên)...

Trở lại vấn đề Nam tiến, lần lấy dân vào định cư phủ Hoài Nhơn (nay là tỉnh Bình Định) dưới thời Lê Thánh Tông là lần di dân cuối cùng của giai đoạn đầu. Sau đó, đất nước xảy ra nhiều biến cố quan trọng. Năm 1527 Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, gây nên cuộc nội chiến giữa Nam Bắc triều (1533-1592). Nhà Lê chưa dẹp xong nhà Mạc thì đã manh nha một thời kỳ nội chiến khác giữa hai thế lực Trịnh Nguyễn kể từ năm 1558 Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hóa.

Các thế lực mãi lo tranh giành địa vị, gây nên nội chiến tương tàn, tài nguyên và nhân lực của đất nước kiệt quệ. Nhất là thời kỳ Nam Bắc triều, phó mặc cho người dân định cư ở miền Hoài Nhơn, xa xôi hẻo lánh nhất, phải đương đầu bao nỗi khó khăn, thiếu thốn của miền đất lạ. Ở đây, mọi việc phải đơn giản hóa để còn có thì giờ lo chuyện sống còn. Việc cưới gả thì "trâu đồng nào ăn cỏ đồng nấy" cho giản tiện, đã thể hiện qua câu ca dao:

Em về Đập Đá quê cha,
Gò Găng quê mẹ, Phú Đa quê chàng.

Ba địa danh trên quanh quẩn không vượt ngoài phạm vi của huyện An Nhơn ngày nay. Thế hệ 1, cha ở Đập Đá ra Gò Găng, không đầy 5 cây số về phía bắc, để cưới vợ. Thế hệ 2, con gái lớn lên gả chồng ở Phú Đa, cách Đập Đá khoảng 5 cây số về hướng đông nam.

Từ khi Nguyễn Hoàng (chúa Tiên) được Trịnh Kiểm cho vào trấn đất Thuận Hóa (1558) và nhất là từ năm 1570, Nguyễn Hoàng được Trịnh Tùng cho kiêm nhiệm luôn chức Trấn thủ Quảng Nam, chúa Nguyễn đã nghĩ đến

vấn đề mở mang bờ cõi ở phương nam và chú trọng việc tự túc tự cường để nhanh chóng trở thành một nước độc lập với miền Bắc, đủ sức chống lại họ Trịnh sau này.

Theo sử, công việc đầu tiên, Nguyễn Hoàng sai ông Lương Văn Chánh lo việc chiêu mộ lưu dân đến khẩn hoang lập ấp ở vùng trái độn suốt 33 năm (1578-1611) đã thành nề nếp. Đến năm 1611, nhân người Chiêm xâm lấn biên cảnh, Nguyễn Hoàng sai quan Chủ sự là Văn Phong (thiếu họ) dẹp yên, lấy đất đến núi Thạch Bi lập ra phủ Phú Yên, lệ vào Thừa tuyên Quảng Nam, chia làm hai huyện là Đồng Xuân và Tuyên Hòa. Năm 1653, vua nước Chiêm là Bà Thấm đem quân quấy phá Phú Yên, chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần (1648-1687) sai cai cơ Hoàng Lộc hầu đánh bại. Bà Thấm dâng thư xin hàng, chúa lấy đất từ đèo Cả đến sông Phan Rang, đặt hai phủ Thái Khang (năm 1690 đổi là Bình Khang) và Diên Ninh (1742 đổi là Diên Khánh), lập dinh Thái Khang giao cho Hùng Lộc trấn thủ. Năm 1692, vua Chiêm là Bà Tranh bỏ lệ tiến cống, chúa Quốc Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) sai tổng binh Nguyễn Hữu Kính (con Nguyễn Hữu Dật) đem binh đánh bắt được Bà Tranh (1693). Chúa Nguyễn đổi phần nước Chiêm cuối cùng này thành trấn Thuận Thành, năm 1697 đặt làm phủ Bình Thuận gồm hai huyện An Phước và Hòa Đa.

Từ năm 1578 khởi đầu cho chính sách mở mang bờ cõi của chúa Nguyễn, đất Hoài Nhơn là tuyến đầu của cuộc Nam tiến. Những cuộc hôn nhân không chỉ quanh quẩn ở địa phương mà đã nới rộng theo đà tiến quân vào nam:

Anh về Bình Định thăm cha
Phú Yên thăm mẹ, Khánh Hòa thăm em.

Giai đoạn 2, thế hệ 1 người trai phủ Hoài Nhơn vào Phú Yên mở đất, lấy vợ và lập nghiệp luôn ở đấy. Thế hệ 2, con trai lớn lên lại vào tới vùng cực nam thời bấy giờ (1653) là Diên Khánh mở đất rồi lấy vợ lập nghiệp luôn ở đấy, và cứ như thế đi dần về phương nam sau mỗi đợt tiến quân. Cho nên người Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa... thường có liên hệ huyết thống. Ngày nay, trong gia phả của nhiều dòng họ ở Phú Yên, có ông thủy tổ là người Bình Định vào đây lập nghiệp, chẳng hạn như gia phả Mạnh tộc ở huyện Đồng Xuân.

Vì thế, các tỉnh phía nam Bình Định có ảnh hưởng ít nhiều giọng nói Bình Định theo đà Nam tiến, nhưng càng vào Nam giọng càng nhẹ và dịu dần về thanh điệu tức là cách phát âm dấu giọng. Các tỉnh Nam Kỳ cũng thường dùng một số thổ ngữ của Bình Định như: bậu (gọi vợ hay người yêu), chàng

ràng (quanh quẩn bên cạnh), còn thằng (con ấy, thằng ấy), đặng (được), gởi (gửi), hén (nhỉ), hông, hồng (không), hun (hôn), mau (nhanh), qua (ta, tao), ráng (gắng, cố), trển (trên ấy)... Riêng Phú Yên, giọng nói giống như Bình Định, nếu phân tích kỹ mới thấy được giọng Phú Yên nhẹ hơn và chả chớt hơn. Ngoài một vài trường hợp phát âm riêng của Phú Yên, như vần "ông" phát âm thành "ong", gọi "chồng" ra "chòng"; ở La Hai phát âm chữ "ngoài" thành "vài"; còn hầu hết thổ ngữ của Bình Định, người Phú Yên vẫn dùng. Tiếng "nẫu" cũng rất phổ biến và quen thuộc ở Phú Yên, cũng thể hiện đầy đủ các chức năng của thổ ngữ đặc biệt này, không những qua lời nói thường ngày mà còn nhan nhản trong ca dao tình tứ:

Chiều chiều mây phủ Đá Bia
Đá Bia mây phủ chị kia mất chồng.
Mất chồng như nậu mất trâu
Chạy lên chạy xuống cái đầu chôm bôm.

Hoặc:

Một ngày cũng nghĩa bướm hoa
Dẫu tình, dẫu nghĩa, dẫu xa cũng tình
Bẻ bông mà cắm độc bình
Nẫu xa mặc nẫu, đôi lứa mình đừng xa.

Đào Đức Chương

---

[1] Quách Tấn, *Nước non Bình Định* (Sài Gòn, nxb Nam Cường, 1967), trang 354.

[2] Dân chúng ở vùng Hưng Lương, Xương Lý (nay là xã Nhơn Lý, thuộc ngoại thành Qui Nhơn) gọi là "Cố Lỳ", có lẽ do giọng chả chớt của người miền biển nên biến âm.

[3] Cửa Cách Thử đã bị lấp kín từ thời Minh Mạng, nơi đây nay thuộc thôn Phú Hậu xã Cát Chánh huyện Phù Cát tỉnh Bình Định.

[4] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch của Phạm Trọng Điềm, tập 3 (Huế, nxb Thuận Hóa, 1992), trang 6.

[5] Phan Khoang, *Xứ Đàng Trong* (Sài Gòn, Khai Trí xb., 1970), trang 109.

[6] Vũ Mỹ Châu và nhiều tgk., *Nước tôi Dân tôi*, tái bản lần thứ nhất (San Jose CA, Cơ sở Đông Tiến, 1992), trang 426.

[7] Phan Khoang, trong tác phẩm đã kể trên, trang 126.

[8] Phan Huy Chú, *Lịch triều Hiến chương loại chí*, Ngô Hữu Tạo và Trần Huy Hân dịch, tập 1 (Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1992), trang 165.

[9] Nguyễn Ngọc San, *Tìm hiểu về tiếng Việt lịch sử* (Hà Nội, nxb Giáo Dục, 1993), trang 8-26.

[10] Nguyễn Đổng Chi, *Việt Nam Cổ văn học sử* (Hà Nội, nxb Hàn Thuyên, 1942),

trang 40-46; và Lê Văn Siêu, *Nguồn gốc văn học* (Sài Gòn, nxb Thế Giới, 1956), trang 21-28.

[11] Nguyễn Ngọc San, trong tác phẩm đã kể trên, trang 10: "Khoảng trước đây 6000 năm cả một vùng rộng lớn từ Đông Bắc Ấn Độ, Nam Trung Quốc xuống tới vùng áp châu Đại Dương còn nói chung một thứ ngôn ngữ gọi là ngôn ngữ Nam Á hay Nam phương, sau đó mới tách dần ra thành các nhóm ngôn ngữ nhỏ".

[12] Nguyễn Ngọc San, sách đã dẫn, trang 11: "Vào khoảng trước đây 4000 năm, tiếng Nam Á chung lại do sự tiếp xúc với ngữ hệ Hán Tạng phía cực bắc và ngữ hệ châu Đại Dương (tiếng Pa-pua) phía cực nam mà tách thành ba nhóm chính:

- Dòng Đồng – Thái phân bố ở vùng cực bắc Đông Nam Á tiền sử (phần phía nam sông Trường Giang {ở Trung Hoa}, kéo dài từ tây sang đông, thường gọi là Đại Thái)...
- Dòng Mã Lai – Nam Đảo ở phần cực nam Đông Nam Á tiền sử do tiếp xúc với các ngôn ngữ ở châu Đại Dương (đặc biệt là tiếng Pa-pua)...
- Dòng Mon – Kheme phân bố ở vùng cao nguyên trung phần Đông Nam Á tiền sử bao gồm vùng cao nguyên Cồ-rạt (Thái Lan), vùng cao nguyên Bô-lô-ven (Lào) và vùng cao nguyên khu IV cũ (Việt Nam)".

[13] Phan Khoang, trong tác phẩm đã kể trên, trang 387.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Đổng Chi; *Việt Nam Cổ văn học sử*; Hà Nội, nxb Hàn Thuyên, 1942.
- Nguyễn Ngọc San; *Tìm hiểu về tiếng Việt lịch sử*; Hà Nội, nxb Giáo Dục, 1993.
- Nguyễn Văn Ái chủ biên và 2 tgk.; *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1994.
- Phan Huy Chú; *Lịch triều Hiến chương loại chí*, 49 quyển; Viện Sử học Việt Nam dịch, ấn hành thành 3 tập; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1992.
- Phan Khoang; *Xứ Đàng Trong*; Sài Gòn, Khai Trí xb., 1970.
- Quách Tấn; *Nước non Bình Định*; Sài Gòn, nxb Nam Cường, 1967.
- Quốc sử quán triều Nguyễn; *Đại Nam nhất thống chí*, 31 quyển; Phạm Trọng Điềm dịch, ấn hành thành 5 tập; Huế, nxb Thuận Hóa, 1992.
- Quốc sử quán triều Nguyễn; *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nguyễn Ngọc Tĩnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, tập 1; Hà Nội, nxb Sử Học, 1962.
- Luật Hồng Đức; *Quốc triều hình luật*, bản dịch của Nguyễn Ngọc Nhuận và Nguyễn Tá Nhí; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 2003.
- Thạch Phương và Ngô Quang Hiền; *Ca dao Nam Trung Bộ*; Sài Gòn, nxb Khoa Học Xã Hội, 1994.
- Vũ Mỹ Châu và nhiều tgk.; *Nước tôi Dân tôi*, tái bản lần thứ nhất; San Jose CA, Cơ sở Đông Tiến xb., 1992.

NGUYỆT THƯ

thị giả

Tấm thân
tứ đại giữa đời
thịt da một lớp vữa vôi
treo ngoài.
Cõi tâm
tĩnh lặng dấu soi
đi về chỉ có đất trời
bơ vơ.
Kêu lên
chữ vướng lời thơ
nỗi đau chìm khuất những hờ
trói ngang.
Ngã trong
vực đắm mơ màng
giật mình tỉnh thức vẫn còn
hoang mang.
Rút hoài
rối sợi tơ đan
hóa thân tằm vẫn đa đoan
ruột tằm.
Kiếp chi
hồ điệp đêm đêm
chong đèn đậu mãi trang kinh
chưa làu.
Tơ duyên
lỡ buộc vào nhau
nguyện làm thị giả ẩn sau
bóng người.

Nguyệt Thư

NGUYỄN NGỌC BÍCH

về lô-gích của phép đọc chữ nôm

Gần đây tôi có dịp đọc lại một số tác phẩm về thơ của Nguyễn Trãi (1380-1442) nhằm chuẩn bị đưa ra một tuyển tập thơ của ông trong tiếng Anh. Như ta biết, Nguyễn Trãi có hai tập thơ, một viết bằng chữ Hán mang tên *Ức Trai thi tập* và một viết bằng chữ Nôm có tên là *Quốc âm thi tập*, cả hai đều do Dương Bá Cung thu thập và in ra dưới thời Tự Đức (vào năm 1868). Cuốn trên có 105 bài và cuốn dưới có 254 bài, tổng cộng là 359 bài cả thảy. Nếu ta trừ đi một số bài trong *Quốc âm thi tập* mà cũng thấy trong *Bạch Vân quốc ngữ thi* của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm thì ta còn trên dưới 340 bài mà ta có thể tin chắc là của Nguyễn Trãi.

340 bài của một tác giả thế kỷ XV ở xứ ta, cách đây gần 600 năm, phải coi là một kho tàng vô giá. So với một số nền văn học lớn của nhân-loại như Anh, Pháp, Nga, Đức, chẳng hạn, chúng ta có thể trở về thời gian đó và không tìm ra một ai trong các nền văn học kia, ở vào thời tương đương với Nguyễn Trãi, mà còn để lại được một di sản thơ đồ sộ như vậy. May ra, ngoại lệ chỉ có Chaucer với tác phẩm lớn, *Canterbury Tales*, của ông mà thôi.

Thơ Nguyễn Trãi, trừ bài *Bình Ngô đại cáo* là một tuyệt tác phẩm trong văn học yêu nước của ta (mà bản dịch hay nhất có lẽ vẫn là bản của cụ Bùi Kỷ, có in trong *Việt Nam Sử lược* của Trần Trọng Kim), hầu hết là thơ trữ tình nên nó lại có cái đặc điểm không phải là thơ để dành cho công chúng. Nó là những sự trần tình của ông đối với chính ông và người thân, bạn bè, trong đó có rất ít thơ tuyên truyền. Do vậy nên nó có tính cách của một loại thơ nhật ký, cho ta biết những cảm nghĩ thật của một nhân cách lớn, cách ta đã 600 năm, với tất cả những vui buồn, đôi lúc hãnh diện cũng có nhưng rất nhiều khi là trách mình, là khá bi quan về thế thái nhân tình, về trường đời. Thành thử rất... người.

Những trục trặc

Nhưng (lại nhưng)... cái gì cách ta 5-6 trăm năm thì không khỏi đặt ra một số vấn đề như ngôn ngữ, tâm lý, thế đứng, cách nhìn... của một người không thể nào giống ta được. Tỷ dụ như Nho học (giờ đây gần như không

còn ai trong chúng ta được nuôi dưỡng trên căn bản Tứ thư Ngũ kinh của Khổng giáo nữa, nhất là các anh chị em trẻ), tỷ dụ như cảnh năm thê bảy thiếp, tỷ dụ như tam cương (Quân, Sư, Phụ) ngũ thường (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín) v.v... Trong tình cảnh đó, để cho thơ Nguyễn Trãi nói với người mình đã khó (nhất là nói với các em ăn học ở Mỹ, ở Anh, ở Pháp, chẳng hạn), nói chi đến với người ngoại quốc.

Thành thử việc tôi tính làm, mới nghe coi tưởng dễ nhưng chính thật là khó vô vàn. Biết tiếng Anh, biết tiếng Việt, tưởng đã đủ. Nhưng không, tối thiểu còn phải biết chữ Hán nữa. Song nếu chữ Hán của Nguyễn Trãi xem ra còn gần văn ngôn của Trung Hoa, nghĩa là một loại tiếng cổ điển bắt nguồn từ xưa xa và tương đối ít đổi thay cho đến tận đầu thế kỷ XX, thì tình hình tiếng Nôm và chữ Nôm của Nguyễn Trãi lại khác hẳn. Để có thể hiểu được, ta cần so sánh tiếng Nôm thời Nguyễn Trãi với tiếng Anh thời của Chaucer (1340-1400) để thấy rằng nó gần như là một thứ tiếng khác, mà người thường ngày nay không thể hiểu được. Tiếng Anh của Chaucer vì thế gọi là "Middle English" ("tiếng Anh trung đại") so với tiếng Anh đời nay, kêu là "modern English" ("tiếng Anh hiện đại"). Cũng tựa như trong văn chương Pháp ta phải trở về đến Christine de Pisan (1364 -khoảng 1430). hay François Villon (1431 -khoảng 1465) thì mới nhận thức được sự khác biệt có thể có được giữa tiếng Việt thời Nguyễn Trãi và tiếng Việt đời nay. Trong khi đó nếu các từ điển tiếng Pháp hay tiếng Anh trung đại giờ đây đã có đầy đủ thì những cuốn từ điển tương đương trong tiếng Việt hoặc là chưa có hoặc còn đang ở trong trạng thái phôi thai. Một cuốn tự điển có lẽ gần thời Nguyễn Trãi nhất là cuốn *Chỉ nam Ngọc âm Giải nghĩa* (mà một chuyên gia Nôm, ông Ngô Đức Thọ, dựa vào chữ húy thời nhà Hồ, đoán định là có thể có từ năm 1401 dưới đời Hồ Hán Thương), đã được bà Trần Xuân Ngọc Lan nghiên cứu khá tường tận (luận án tiến sĩ của bà bảo vệ vào năm 1983 ở Hà Nội) nhưng người ta vẫn chưa muốn đem ra ứng dụng nó vào việc đọc thơ của Nguyễn Trãi.

Bằng chứng là không những Trần Văn Giáp, Phạm Trọng Điềm (trong *Quốc âm thi tập*, Nxb Văn Sử Địa, 1956) hay Đào Duy Anh (trong *Nguyễn Trãi Toàn tập*, in lần thứ hai, Nxb Khoa Học Xã Hội, 1976) hoặc Paul Schneider (tên Việt là Xuân Phúc) ở Pháp (trong *Nguyễn Trãi et son recueil de poèmes en langue nationale*, Paris: Centre National de la Recherche Scientifique, 1987) đã không đem so chữ Nôm của Nguyễn Trãi với chữ Nôm trong CNNÂGN, đã đành rồi, mà ngay cả những tác giả đến sau cũng vậy, như Vũ Khiêu trong *Thơ văn Nguyễn Trãi* (tuyển, 1980) hay,

gần đây hơn cả, Nguyễn Thạch Giang trong *Quốc âm thi tập* (Nxb Thuận Hóa, Huế 2000).

Một thí dụ

Khi đã làm việc như thế thì ta thấy một nghịch lý như sau: Trong cuốn của Nguyễn Thạch Giang, nơi bài 125 sách QÂTT (tức bài số 3 trong thiên "VIII – Tức sự"), ta thấy cả bài có 8 câu thì đã có đến 6 câu khảo dị (câu 3, câu 4, câu 5 có tới hai khảo dị khác nhau, câu 6 và câu 7) (trang 222, *sđd*).

Sự thực có phải như thế không?

Thưa không, vì tất cả các câu khảo dị đó cũng như bản Quốc-ngữ mà ông Nguyễn đưa ra đều dựa trên cùng một bản Nôm độc-nhất mà ta còn lại từ thời Dương Bá Cung. Nói cách khác, Nguyễn Trãi không có 2-3-4 bản (chữ Nôm) khác nhau của cùng một bài thơ của ông, Dương Bá Cung cũng không thêm thắt gì, vậy thì tại sao ta lại có đến nhiều dị bản như vậy? Rõ ràng là các dị bản chỉ có trong các cách đọc khác nhau của các tác giả phiên âm sang chữ Quốc ngữ mà thôi . Đây là một nguy hiểm hàng đầu đối với những ai như tôi, muốn tìm một bản đáng tin cậy nhất để dịch sang tiếng Anh (hay một thứ tiếng nào khác).

Chính vì lý do đó mà từ tháng 11 năm 1983, tôi đã có bài "Thử đọc lại *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi: Chung quanh vấn đề văn bản" (có in trong báo *Nhân Bản* số Tết 1984 của Tổng Hội SVVN tại Pháp) và sang năm sau, ở Hội nghị NAVAE* 1984, tôi đã trình bầy bài "Từ chữ Nôm đến tiếng Nôm" trong đó tôi đưa ra một vài cách giải quyết cách đọc chữ Nôm khác với những người đi trước, đặc biệt là cụ Đào Duy Anh (cứ cái gì cụ đọc không được thì cụ bảo là viết sai, rồi cụ đề nghị những cách đọc rất tùy tiện, không dựa vào đâu cả). Cũng nhân trình bầy bài này, tôi còn có thêm một phụ lục để đưa ra một giả thuyết về hai chữ "song viết." Sang năm sau, vào tháng Tám năm 1985, tôi lại có thêm bài "'Bà ngựa' hay 'ba ngựa'?" rồi ít năm sau, lại có bài viết khá công phu để chứng minh "Trường hợp chữ RỊT (phát âm theo miền Nam) và cách viết Nôm của nó" (có in trong *Tuyển tập Ngôn ngữ Văn tự Việt Nam / Essays on Vietnamese Language and Writing*, San Jose: Dòng Việt 1993, trang 101-116).

Không phải điều gì tôi đưa ra cũng dễ dàng được chấp nhận. Cụ Nguyễn Khắc Kham, một học giả uyên bác hàng đầu ở hải ngoại, trong thư riêng đã chia sẻ với tôi một vài sự dè dặt về cách đọc của tôi cho hai chữ "song viết" cũng như không đồng ý được về đề nghị đọc "bà ngựa" thành "ba ngựa" của tôi. Phần G.S. Nguyễn Đình Hòa thì nếu trong một bài tham luận

đọc tại Hội nghị Ngôn ngữ học Hán-Tạng nhóm họp ở Eugene, Oregon từ mồng 7 đến mồng 9 tháng Chín năm 1984 (tại ĐH Oregon), bài "Trường hợp hai chữ Song Viết trong tiếng Việt cổ" ("The case of Song Viết in ancient Vietnamese"), ông có ghi nhận mà không bình luận gì về cách đọc hai chữ "song viết" của tôi thì trái lại, trong một bài viết sau này có được in lại trong sách *Nguyễn Trãi: Về tác giả và tác phẩm* (Nxb Giáo Dục, 1999), ông đã tỏ ra hoàn toàn tâm đắc với cách đọc của tôi về chữ RỊT mà Nguyễn Trãi đã dùng âm "địch" của Hán-Việt để viết thành chữ Nôm (giả tá). Mấy chuyện này, ông cũng còn nhắc lại trong một buổi nói chuyện với Academia Sinica (Nankang, Taipei, Taiwan) hôm 18 tháng Tám năm 1989, sau được in lại thành "Graphemic Borrowings from Chinese – The Case of Chữ Nôm, Vietnam's Demotic Script" năm 1992 (Taipei, Taiwan: *Bulletin of the Institute of History and Philosophy* , Tập 61, phần 2).

Trường hợp những chữ Hán Việt hóa (Nôm hóa)

Khi chữ Hán mới được du nhập vào Việt Nam thì hiển nhiên, cách đọc của chúng ta là theo phát âm của người Trung Quốc, có thể là tùy theo địa phương (tức tùy theo phương ngữ của người đem cái âm mới đó vào) nhưng chắc chắn là chưa thể có ngay một cách đọc theo âm Việt (âm Nôm) được. Nói khác đi, khi chữ "ân" vào Việt Nam, nó không thể tức khắc có âm nữa là "ơn." Nhưng sau một thời gian, âm "ân" kia có thể đổi thành "ơn" khi người ta đọc nhanh quá hai chữ "cảm ân" để thành "cám ơn." (Có người cho rằng "ơn" có thể là một âm đọc trại đi vì húy âm "ân." Tôi không tin vì trước nhất, người nào chủ trương như thế phải đưa ra được bằng chứng là có một lúc nào đó, âm "ân" đã bị coi là chữ húy; và thứ hai là vì như vậy, những sự chuyển âm từ Hán sang Việt/Nôm không thể thành quy luật được.) Vậy thì "cảm ân" không còn trong tiếng Trung Hoa hôm nay (giờ đây, người Trung Hoa nói "Xie xie" tức "Tạ tạ" trong tiếng Bắc Kinh hoặc "Tố chề" tức "Đa tạ" trong tiếng Quảng Đông) trong khi hai chữ "cám ơn" thì vẫn sống mạnh sống hùng trong tiếng Việt, và đó là âm Nôm, không còn là Hán nữa.

Câu hỏi là: Nếu ta gặp chữ ÂN thì khi nào ta đọc là "ân" (Hán-Việt) và khi nào ta đọc là "ơn" (Nôm)?

Câu trả lời không thể là nhìn vào mặt chữ mà trả lời được. Vì cả hai, "ân" và "ơn" đều viết như nhau. Câu trả lời độc nhất chỉ có thể là, ta cần nhìn vào văn cảnh, nghĩa là nhìn vào chữ đứng trước hay chữ đứng sau, hoặc cả hai, để quyết định cách đọc (cách phát âm) nào là thích hợp nhất. Tỷ dụ: Nếu chữ trước đọc là "cám" thì chữ [ÂN] kia phải đọc là "ơn." Cũng

tương tự, nếu ta thấy "nghĩa nặng [ÂN] sâu" thì cách đọc là "ơn" ở đây vẫn thuận và hợp lý hơn.

Áp dụng:

Ngay trong bài đầu của tác phẩm *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, ta thấy có bài "Thủ vĩ ngâm" với câu đầu và câu cuối (câu 8) là "Góc thành Nam, lều một [GIAN]." Chữ này nên đọc là "gian" hay đọc là gì khác? Tất cả các sách phiên âm QÂTT cho tới giờ vẫn đọc là "gian," từ Trần Văn Giáp - Phạm Trọng Điềm (1956) đến Đào Duy Anh (1976), Vũ Khiêu (1980), Nguyễn Thạch Giang (2000) mặc dầu ông Giang có ghi lại một dị bản (chép từ sách *Lịch đại thể biên*) theo đó thì chữ ấy được ghi là "căn." Riêng tôi thì từ năm 1985 (trong bài "Bà ngựa..."), tôi đã dứt khoát chủ trương chữ [GIAN] kia phải đọc là "căn" vì một lẽ rất đơn giản: tất cả những vần còn lại trong bài đều là "-ăn":

Góc thành Nam, lều một gian/ **căn,**
No nước uống, thiếu cơm **ăn.**
Con đòi trốn dễ ai quyến,
Bà ngựa gầy thiếu kẻ **chăn.**
Ao bởi hẹp hòi khôn thả cá,
Nhà quen thú thứa ngại nuôi **vằn.**
Triều quan chẳng phải, ẩn chăng phải.
Góc thành Nam, lều một gian/ **căn.**

Một bằng chứng nữa có thể tìm thấy trong bài 110 (tức bài 40 trong thiên "VI - Tự thán") mà theo bản phiên âm của Nguyễn Thạch Giang là như sau:

Ngủ thì nằm, đói thì **ăn,**
Việc vàn ai hỏi áo bô **cằn.**
Tranh giăng vách / nài chi bức,
Đình thường sen / năng có gian/ **căn.**
Vườn quỳnh dầu chim kêu hót,
Cõi trần có trúc đứng **ngăn.**
Già vuốn lấy rượu phù khỏe,
Họa lại quên lòng khó **khăn.**

Rõ ràng là ở đây, chữ [GIAN] cũng phải đọc là "căn" mà không thể đọc là "gian" như Nguyễn Thạch Giang để được. Điều khó hiểu hơn nữa là Trần Văn Giáp - Phạm Trọng Điềm đọc "áo bô cằn" (trong câu 2) thành "áo bô cần," chính ông Giang đã sửa lại thành "cằn." Thế thì không hiểu tại sao ông lại giữ nguyên cách đọc "gian," một cách đọc không ăn khớp?

Về mặt này, G.S. Nguyễn Đình Hòa, trong bài viết của ông trong sách *Nguyễn Trãi: Về tác giả và tác phẩm*, cũng đã chọn theo cách đọc của tôi tuy ông đã kín đáo không nói ra.

Hệ luận

Hệ luận 1: Điều phải dễ thuyết phục

Có thể có người sẽ nói: Ôi, cái ông này lôi thôi quá! AN/ĂN thì có khác chi nhau mà nêu ra thành chuyện?

Thưa, tôi xin nói ngay: Ở trong học thuật, một khi chúng ta nói điều phải (dù nhỏ mọn) thì mọi người sẽ dễ nghe, dễ chấp nhận. Và như vậy, ta sẽ loại được những cách đọc vô lý hoặc không hoàn toàn đúng. Làm như tôi đề nghị, chúng ta sẽ loại đi được một khảo dị (hay dị bản) không cần thiết.

Lấy một trường hợp khác khi chữ [GIAN] đọc đúng là "gian" thì sẽ không ai dị nghị, thắc mắc hết. Tôi muốn nói đến bài 133 trong QÂTT (tức bài số 6 trong thiên "X – Bảo kính cảnh giới"):

Lấy khi phú quý đắp cơ **hàn,**
Vận chuyển chăng dừng sự thế **gian.**
Nẻo khỏi tiểu nhân quân tử nhọc,
Dầu chăng quân tử tiểu nhân **loàn.**
Của nhiều / sơn dã đem nhau đến,
Khó ở / kinh thành ít kẻ **han.**
Hằng lấy đạo trung làm nghĩa cả,
Qua ngày qua tháng được an **nhàn.**

Vẫn theo nguyên tắc này, tôi đề nghị chữ [CÂN] là cái "khăn" trong bài sau đây (bài 60 tức bài số 15 trong thiên "V – Thuật hứng") nên đọc là "cân":

Ngại ở nhân gian lưới **trần,**
Thời nằm thôn dã, miễn yên **thân.**
Trúc mai chẳng phụ lòng quân tử,
Viên hạc đà quen bạn dật **dân.**
Hái cúc ương lan / hương bén áo,
Tìm mai đạp nguyệt / tuyết xâm khăn / **cân.**
Đàn cầm suối trong tai dội,
Còn một non xanh là cố **nhân.**

Hệ luận 2: Bớt được những dị bản không có thật, chỉ có trong tưởng tượng

Như trường hợp mấy bài trên đây cho thấy, nếu ta đọc [GIAN] là "căn" trong bài "Thủ vĩ ngâm" ở đầu sách QÂTT hay bài 110 ("Ngủ thì

nằm, đói thì ăn"), hoặc đọc [CÂN] là "cân" trong bài 60 trên đây, thì cái "rhyming scheme" ("hệ thống vần") ở trong cả ba bài sẽ rất chặt chẽ và thuyết phục.

Ngược lại, nếu ta không tìm cách giải quyết cho rốt ráo vấn đề, ta sẽ còn những cách đọc khác nhau như sau, chỉ riêng về hai chữ "song viết":

Trần Văn Giáp - Phạm Trọng Điềm (cũng như Bùi Văn Nguyên trong cuốn *Hồng Đức Quốc âm thi tập*, Nxb Văn Học, 1962) đọc là song viết + theo đúng mặt chữ mà để khuyết nghĩa.

Đỗ Văn Hỷ (1967) đọc là suông nhạt.

Đào Duy Anh (1969) đoán đọc lung tung thành thong thả, nô bộc, sớm tối không theo một nguyên tắc nào.

Nguyễn Tài Cẩn (1974) đề nghị đọc rông vát .

Nguyễn Công Hoan (1975) cho rằng nên đọc thành song kiết.

Rồi lại cũng Đào Duy Anh (1976) nghĩ lại và cho đó là túng kiết.

Nguyễn Ngọc Bích (1983-84) đề nghị đọc là ksong viếc/guyếc, giả định là một dạng xưa (?) của công việc.

Nguyễn Thạch Giang (2000) cho rằng hai chữ đó là suồng nhặt.

Như vậy là ta có đến 10 cách đọc khác nhau được đề nghị. Nếu in bản Quốc ngữ thì tất yếu phải ghi đó là 10 "khảo dị" của cùng một văn bản. Trong khi đó, đích thực không có một điều gì đáng để dị nghị trong bản chữ Nôm của Nguyễn Trãi (hay *Hồng Đức Quốc âm thi tập* hoặc Nguyễn Bỉnh Khiêm).

Hệ luận 3: Cần phải đưa cả hai cách đọc vào trong từ điển chữ Nôm của ta

Nói cách khác, trong khá nhiều trường hợp tự điển chữ Nôm của ta cần phải có:

Chữ [GIAN] với hai cách đọc: Hán-Việt "gian"
và : Nôm "căn"
Chữ [CÂN] với hai cách đọc : Hán-Việt "cân"
và : Nôm "khăn"

Lý tưởng là cần có thí dụ để cho thấy văn cảnh ở trong cả hai trường hợp đọc khác nhau.

Sau này, nhất là vào thế-kỷ XIX, khi chữ Nôm của ta có nhiều chữ hình thanh, nghĩa là do hai yếu tố gộp lại, một âm phù và một nghĩa phù, thì cách đọc rõ hơn và không còn phải đoán định cách đọc tùy theo văn cảnh như trong trường hợp chữ Nôm thế kỷ XV nữa. Có lẽ vì thế mà sách *Chỉ nam Ngọc âm Giải nghĩa* đã viết:

Vốn xưa làm Nôm xa chữ kép,
Người thiếu học khôn biết khôn xem.
Bây chừ Nôm dạy chữ đơn,
Cho người mới học nghỉ xem nghỉ nhuần.

Dịch nôm sang chữ Quốc ngữ ngày nay thì ta có thể hiểu là:

Ngày xưa, người ta làm chữ Nôm ít dùng chữ kép.
Người ít học, do đó, khó biết [cách đọc], cách xem.
Bây giờ [ta] dạy chữ đơn (nghĩa là chữ "không kép, xa chữ kép")
Để cho người mới học dễ xem, dễ thuộc (= dễ nhuần nhuyễn).

Vậy thì đọc Nôm, nhất là chữ Nôm xưa, loại chữ Nôm của Nguyễn Trãi hay Nguyễn Bỉnh Khiêm, là một nghệ thuật. Đặc biệt trong trường hợp những chữ đơn, có hơn một cách đọc, ít ra cũng là một cách đọc Nôm và một cách đọc theo Hán-Việt, thì ta phải theo văn cảnh mà định cách đọc. Cách đọc ấy có lô-gích của nó, ta không thể tùy tiện (như cụ Đào) mà phán chữ này chữ kia là chữ chép sai và rồi đưa một chữ khác vào đó, loại mà ngôn ngữ học ngày nay gọi là "unmotivated" ("không có động cơ chính đáng").

Về hai chữ "song viết," chẳng hạn, từ năm 1984 tôi đã đưa ra một cách đọc liều lĩnh là "công việc," có lẽ sai. Gần đây, 20 năm sau, B.S. Nguyễn Hy Vọng trong một bài ("Về hai chữ Song Viết") trình bầy ở Viện Việt học (Westminster, California) nhân Hội nghị chuyên đề về chữ Nôm, diễn ra vào ngày 9 tháng Năm năm 2004, đã chứng minh được một cách hùng hồn hai chữ này là tiếng gốc Thái-Lào, đọc đúng là "song viết/uyết" (hay "oát") và có nghĩa là "kiểu sống, lối sống, nếp sống, cách sống... nề nếp, phong thái, tư cách, thái độ sống, cách xử thế, xử sự ở đời..." Theo tôi, đây là cách hiểu hai chữ "song viết" mà có lẽ thuyết phục nhất mà tôi được đọc từ trước tới giờ.

Nguyễn Ngọc Bích
Đồng Xuân, Bang Trinh Nữ, Hoa Kỳ Quốc
Đêm 26 tháng 12, 2006

---

* NAVAE là tắt cho National Association for Vietnamese American Education, tức Tổng Hội Giáo Dục Việt-Mỹ, thành-lập năm 1979 ở San Francisco và vẫn còn hoạt động cho đến giờ.

+ Theo ông Nguyễn Thạch Giang, trong một cước chú trang 36, *sđd*, thì "Bấy giờ cụ Trần Văn Giáp cũng đã có ý cứ theo tiếng Hán mà đọc là *song nhật*. Song cụ bảo tôi rằng: 'Mình không đưa *song nhật* vào đây là vì sợ các cậu phê bình.'"

TUỆ TÂM

lá đổ về dặm ngược thu phong

Ta sẽ quay lại căn nhà xa vắng
Lục cho ra tiếng vọng của hư vô
Và hỏi khẽ những điều thầm lặng
Bụi mưa giăng vô thủy nhánh buồn khô

Ta sẽ quay lại căn nhà trống vắng
Tìm cho ra hình bóng của chân không
Rồi đứng ngắm trong dòng đời cô quạnh
Lá đổ về dặm ngược thu phong

Ta sẽ quay lại căn nhà lạnh vắng
Hỏi cho ra lời lẽ của vô thường
Mà suy gẫm miên trường tĩnh lặng
Buổi chiều ngang suối gõ nhịp đau thương

Ta sẽ về hỏi cành lan thơ trắng
Của thuở ban sơ vốc mộng đèo
Vai trùng lưng quặn xa bờ đắng
Một chiếc thuyền trôi lủi thủi theo

Ta sẽ về hỏi giọt mưa sợi nắng
Có bóng ai buông tóc xõa dòng sầu
Tay se mãi khúc nhân tình trống vắng
Đoạn trường kia còn thậm thượt sông sâu

Ta sẽ về hỏi thiên hỏi địa
Có chỗ dựa mình để đánh giấc thiên thu
Ru từng ngón tơ tình đành đoạn
Nguyệt ngẩng nhìn lên trăng còn vạn cổ sầu

Tuệ Tâm

TRẦN VĂN TÍCH

văn vần trong tiểu thuyết

Nói đến tiểu thuyết người ta chú ý ngay đến tính chất văn xuôi gần gũi hằng ngày của câu chuyện được kể. Nhưng thể loại tiểu thuyết chương hồi của phương đông không phải chỉ được xây dựng bằng tản văn. Trái lại, rất nhiều khi tiểu thuyết chương hồi vận dụng xen kẽ các thể loại vận văn, bên cạnh phần chính văn bố cục theo văn xuôi.

Điển hình là chức năng đề mục chương hồi do một cặp đối liên phụ trách, hầu như luôn luôn xuất hiện trong mọi trường thiên tiểu thuyết Trung văn. Chẳng hạn trong nguyên tác *Kim Vân Kiều* của Thanh Tâm Tài Nhân, khi Thúy Kiều nằm mộng gặp Đạm Tiên sau buổi du xuân nhân tiết Thanh Minh rồi tiếp đó, cùng Kim Trọng thề nguyền kết nghĩa, văn bản chữ hán khai trương chương hồi liên hệ bằng hai câu văn vần:

Vương Thúy Kiều tọa si tưởng mộng đề đoạn trường thi,
Kim Thiên Lý phán đông tường dao định đồng tâm ước.

Cũng trong nguyên tác *Kim Vân Kiều,* tác giả Trung Hoa đã để cho Thúy Kiều điền mười bài *từ* theo mười điệu khác nhau, mỗi bài có hai mươi tám chữ. Đặt ở trang đầu bộ trường thiên tiểu thuyết *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung là một bài *từ* với câu cuối *Đô phó tiếu đàm trung* (Tất cả để mặc cho thiên hạ phẩm bình). Trong *Hồng Lâu mộng,* các nhân vật chính nam nữ có rất nhiều cơ hội để biểu diễn thi tài; ví dụ Lâm Đại Ngọc điền bài *Táng hoa từ* chôn hoa, Giả Bảo Ngọc chấp bút bài *Phù dung nữ nhi lỗi* thê lương dằng dặc, Bảo Thoa sáng tác bài *phú* trong thư gửi Đại Ngọc, Tích Xuân ứng khẩu đọc bài *kệ* lúc nghĩ đến Diệu Ngọc.

Trong bài viết này, chúng tôi xin chọn bộ *Tây du ký* một trăm hồi, với tác giả được xem là Ngô Thừa Ân, là một tác phẩm mà đông đảo người đọc Việt Nam đều biết đến, làm đối tượng phân tích hình thức bố cục, chức

năng mỹ học của văn vần đối với văn xuôi trong tiểu thuyết.

Có nhiều ấn bản *Tây du ký* và thường thì các dịch giả sang Việt ngữ, Anh ngữ, Pháp ngữ có khuynh hướng đánh giá ấn bản được mình sử dụng để chuyển ngữ là ấn bản đầy đủ nhất. Chẳng hạn bản dịch sang Việt ngữ của Phan Quân cho rằng bản *Tân khắc xuất tượng quan bản đại tự Tây du ký* của Kim Lăng Thế Đức Đường thư quán đời Minh, năm thứ hai mươi Vạn Lịch là "bản tương đối tốt hơn hết"[1]. Dẫu vậy bản dịch của Phan Quân vẫn không đầy đủ. Tiểu thuyết chương hồi có truyền thống mở đầu chương bằng hai câu đối ngẫu tóm tắt đại ý toàn chương và ngay liền sau đó, ở nhiều hồi, *Tây du ký* thường có một bài thơ *thất ngôn bát cú* (ví dụ hồi thứ nhất) hoặc *thất ngôn tứ tuyệt* (ví dụ hồi thứ mười) bố trí liền theo hai chữ *thi viết* (thơ rằng). Phần này dịch phẩm Phan Quân không hề có. Hoặc ở chương thứ mười một, khi linh hồn Đường Thái Tông thác xuống âm ty, thì "*hốt kiến nhất tọa thành, thành môn thượng quải trước nhất diện đại bài, thượng tả trước "U minh địa phủ qui môn quan, thất cá đại kim tự"*. (bỗng thấy một tòa thành, trên cửa thành có treo một tấm bảng lớn, trên bảng viết bảy chữ to "U minh địa phủ qui môn quan" bằng vàng). Đoạn văn này cũng vắng mặt trong bản dịch Phan Quân. Trong khi đó thì ít nhất hai dịch phẩm sang Anh và Pháp văn đều có ghi:

> *- He suddenly saw a huge city, and on a large plaque above the city gate was the inscription in gold letters, "The Region of Darkness, The Gate of Spirits".*[2]
>
> *- Il apercut, pendue au seuil de la ville, une tablette sur laquelle étaient gravés ces caractères, en traits d'or: Frontière des Ténèbres, Porte des Ames et des Esprits Inférieurs.*[3]

Miền bắc cũng có một bản *Tây du ký* dịch sang Việt ngữ do Nhà xuất bản Văn Học phát hành năm 1982, tái bản năm 1988. Ấn bản 1988 để tên người dịch là Thụy Đình và người hiệu đính là Chu Thiên. Ở hai trang 49 và 50, đoạn Hầu vương xin Tổ sư đặt tên cho mình, bản in này dịch Ngô Thừa Ân như sau: "Tổ sư nói: Ta muốn đặt họ ngươi là Tôn. Chữ *tôn* bỏ chữ *khuyển* ở bên đi thì còn chữ *tử*, chữ *hệ*. *Tử* nghĩa là con trai. *Hệ* nghĩa là trẻ nhỏ. Ngươi chính hợp với bản tính trẻ nhỏ, nên đặt họ cho ngươi là Tôn vậy." Nguyên tác chữ hán ghi: "*Tổ sư tiếu đạo: "Nễ thân khu tuy thi bi lâu, khước tượng cá thực tùng quả đích hồ tôn. Ngã dữ nễ tưu thân thượng thủ cá tính thi, ý tự giáo nễ tính Hồ. Hồ tự khử liễu cá thú bàng, nãi thi cá cổ nguyệt. Cổ giả, lão dã; nguyệt giả, âm dã. Lão âm bất năng hóa dục, giáo nễ tính Tôn đào hảo. Tôn tự khứ liễu thú bàng, nải thị cá tử hệ. Tử*

giả, nhi nam dã; hệ giả, anh tế dã. Chính hợp anh nhi chi bản luận. Giáo nễ tính Tôn bãi!"[4] Dịch nghĩa: "Tổ sư cười nói: "Ngươi tuy thân thể thô lậu nhưng giống loài khỉ ăn quả tùng. Ta và ngươi đều thân mang họ tên, ý ta muốn đặt ngươi họ Hồ. Chữ *hồ* bỏ con thú (ý nói bộ *khuyển,* TVT) bên cạnh thì còn lại *cổ nguyệt. Cổ* là già, *nguyệt* là âm, lão âm không thể biến hóa sinh dục. Vậy ta đặt họ ngươi là Tôn mới tốt. Chữ *tôn* bỏ con thú (bộ *khuyển,* TVT) bên cạnh thì còn lại *tử hệ. Tử* là con trai, *hệ* là trẻ sơ sinh, quả là hợp với bản chất trẻ thơ. Nên ta đặt cho ngươi họ Tôn, nghe chưa!" Một trong những ý chính của ngữ đoạn này là: Tổ sư khi nghe lời thỉnh cầu của Hầu vương xin được đặt tên thì bảo rằng nhà ngươi bộ tịch giống hệt loài khỉ nên ta muốn đặt ngươi họ Hồ. Vì nội dung câu văn chữ hán này rõ ràng phạm thượng nên cả người dịch lẫn người hiệu đính trong chế độ xã hội chủ nghĩa đều rét và đành đè nghiến công trình của Ngô Thừa Ân xuống, cắt bỏ luôn sáu mươi tám chữ trong nguyên tác (đoạn viết nghiêng và gạch dưới) rồi dịch ngang và dịch tắt thành: "Ta muốn đặt họ ngươi là Tôn"! Để so sánh, sau đây là phần dịch của "phe quốc gia" (Phan Quân, *tlđd,* trang 20): "Tổ sư cười nói: Nhà ngươi bộ tịch hệt như khỉ. Để ta xét theo diện mạo mà đặt tên cho. Hầu vương sụp lạy tạ ơn. Tổ sư nói: Ta muốn theo hình dung nhà ngươi đặt họ Hồ, nhưng vì chữ hồ bỏ khuyển bàng chỉ còn chữ cổ, chữ nguyệt. Cổ nguyệt có nghĩa là trăng già, không tốt. Thôi ta đặt cho ngươi họ Tôn, chữ tôn bỏ khuyển bàng còn chữ tử, chữ hệ là còn trẻ, còn lớn, còn khôn, tốt lắm!"

Bây giờ xin bắt đầu với điểm xuất phát: cung cách sử dụng văn vần trong bộ trường thiên văn xuôi *Tây du ký.* Ngô Thừa Ân vận dụng nhiều thể loại vận văn qua một trăm chương hồi *Tây du: đối ngẫu, tuyệt cú, luật thi, bài luật, từ, phú, tụng, kệ.* Thật ra lề lối bố trí ngôn ngữ xen kẽ giữa văn xuôi và văn vần vốn ít nhiều chịu ảnh hưởng của *biến văn.*

Biến văn là một văn thể ra đời ở đời Đường, vừa đọc vừa xướng, dùng để truyền giảng các câu chuyện thần dị trong kinh Phật. Về hình thức, gần như hầu hết biến văn đều kết hợp giữa văn xuôi và văn vần, thỉnh thoảng còn tạp dụng cả biền văn[5]. Về văn vần, phần lớn là câu bảy chữ, thỉnh thoảng có dùng câu ba chữ, năm chữ hoặc sáu chữ. Hình thức liên minh nghệ thuật giữa tản văn và vận văn của *biến văn* có ảnh hưởng nhất định đến các thể loại văn học hai đời Tống-Nguyên, mà rõ nhất là đối với tiểu thuyết chương hồi.

Trong thể loại tiểu thuyết trường thiên chương hồi, kết cấu câu chuyện do một số tiết đoạn gọi là *hồi* được đánh số thứ tự liên tiếp tạo thành; mỗi

hồi tự thuật phần nào hoàn chỉnh một diễn biến cốt truyện. Để hấp dẫn người đọc, không để người đọc chán nản nửa chừng bỏ dở không đọc tiếp, bên cạnh kỹ thuật chú ý tới tính độc lập tương đối mà vẫn liên tục của từng chương đoạn, tiểu thuyết gia còn lưu tâm cố nêu cho được nội dung chủ yếu của chương sách khi mở đầu, khi khai triển cũng như khi kết thúc. Phong cách đó dần đà biến hai câu đối ngẫu đầu hồi trở thành đề mục chương hồi.

Tây du ký vận dụng song liên đối ngẫu theo nhiều dạng vẻ. Về hình thức, số chữ trong mỗi cặp đầu hồi thay đổi từ bốn, qua năm, bảy, đến tám chữ. Về nội dung, hai câu đi sóng đôi có ý và chữ cân xứng, chỉnh đối trên các phương diện thanh điệu, từ loại, chức năng. Chẳng hạn hai câu mở đầu hồi một mỗi câu có bảy chữ:

Linh căn dục dựng nguyên lưu xuất,
Tâm tính tu trì đại đạo sinh.
(Rễ thiêng kết hình, khởi nguyên kết tụ,
Tâm tính tu dưỡng, đại đạo ra đời)

Trong khi đó thì hai câu mở đầu hồi cuối, hồi thứ một trăm, mỗi câu chỉ có bốn chữ:

Kính hồi đông thổ,
Ngũ thánh thành chân.
(Về thẳng phương đông,
Năm thánh thành Phật).

Cũng có hồi bắt đầu với hai câu tám chữ (hồi thứ mười, hồi thứ mười bảy, hồi thứ tám mươi chín).

Chen chân vào tản văn của tiểu thuyết, thể loại *thi* trong *Tây du ký* không chỉ ngụ tình mà còn độc thoại, đối thoại, tự sự, tả cảnh, giáo huấn, bình phẩm, tỷ dụ, tóm lược. Và thi ca miêu tả thì cũng nhắm nhiều đối tượng: tả thiên nhiên, tả tứ thời, tả hoạt cảnh, tả chiến trận; tả nhân loại và phi nhân, tả người rồi tả quỉ. *Thi* của *Tây du ký* không *ngôn chí.* Chỉ cần phân tích hồi thứ nhất là hồi tường thuật nguồn gốc sinh thành của khỉ đá cho đến khi được đặt tên Ngộ Không, đã thấy có tất cả mười bảy thi phẩm sáng tác theo nhiều thể tài với những nội dung vừa đan cử: *ngũ ngôn bát cú, thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, phú* v.v... Tuy vậy thơ ca trong bộ trường thiên tiểu thuyết một trăm hồi vẫn có nhiều bài thi từ hoa mỹ, sắc thái diễm lệ, miêu tả cảnh vật linh hoạt xao động, tạo thành những bức tranh nùng diễm, hình thức và tinh thần đẹp đẽ đầy đủ; qua đó gây nên nơi giới thưởng ngoạn mỹ cảm thị giác và thính giác rất mạnh. Chẳng hạn nơi hồi thứ hai mươi, Tam Tạng thấy có làn gió thổi vút qua, trong gió thoảng mùi

yêu quí, hùm beo, Ngô Thừa Ân đã khắc họa luồng gió như sau, qua ngôn ngữ đối thoại của vị Đường tăng:

Nguy nguy đãng đãng táp phiêu phiêu,
Diễu diễu mang mang xuất bích tiêu.
Quá lãnh chi văn thiên thụ hống,
Nhập lâm đãn kiến vạn can diêu.
(Lồng lộng mênh mông thổi phơi phới,
Man mác mịt mù rời trời xanh.
Vượt đỉnh núi duy nghe ngàn cây gầm,
Vào rừng sâu chỉ thấy vạn cột động)

Toàn bài thơ không hề dùng chữ *phong* là gió, mà chỉ mô tả tác động khí tượng học, vật lý học của gió, qua một loạt điệp ngữ (*nguy nguy, đãng đãng, phiêu phiêu, diễu diễu, mang mang*). Hoặc ở hồi thứ tám mươi chín, tác giả phác thảo bức tranh một con bướm nhỏ (*hồ điệp nhi*) rất linh hoạt đẹp đẽ:

Nhất song phấn sí, lưỡng đạo ngân tu.
Thừa phong phi khứ cấp, ánh nhật vũ lai từ.
Độ thủy quá tường năng tật tiểu, du hương lộng tự thậm hoan ngu.
Thể khinh thiên ái tiên hoa vị, nhã thái phương tình nhậm quyển thư.
(Một cặp cánh phấn, hai vòi ánh bạc.
Theo gió bay vờn nhanh nhẹn, với ánh mặt trời múa lượn thong thả.
Vượt sóng qua tường nét đẹp xinh, nghịch tơ tỏa hương cực vui mừng.
Thân nhẹ vốn ưa vị hoa tươi, dạng nhã cuốn mình thơm thư thái).

Phú của *Tây du* cũng diễn đạt những sự việc cao cả, cũng khắc họa những cảnh vật hùng vĩ, cũng ký thác những tình tứ sâu xa và có khi còn phu diễn những tư tưởng cao siêu qua một kiến trúc từ cú uy nghi, đường bệ, cân đối, long trọng, trang nghiêm, đồ sộ với đặc tính nhạc học du dương, với cấu trúc văn học uyển chuyển, với tiết tấu nhịp nhàng, với thanh điệu hài hòa. Chẳng hạn trích đoạn sau đây, mở đầu bài *phú* mô tả phong cảnh Hoa Quả sơn, nơi Tôn Ngộ Không ra đời:

Thế trận uông dương, uy ninh dao hải. Thế trận uông dương, triều dũng ngân sơn ngư nhập động; uy ninh dao hải, ba phiên tuyết lãng thần ly uyên.

(Thế đứng mênh mông, uy trùm biển ngọc. Thế đứng mênh mông, ngọn triều như núi ngọc đưa giống cá vào hang; uy trùm biển ngọc, sóng nước như tuyết cuộn kéo loài giao khỏi vực).

Bài *phú* không dài, chỉ có tất cả một trăm bốn mươi sáu chữ. Hơn nữa, những tập hợp từ ngữ như *uông dương, tuyết lãng* vốn thuộc kho tàng từ vựng phổ thông của văn vần chữ hán, chúng rất quen thuộc, gần như trở thành ước lệ. Trong những ngữ đoạn vận văn khác, chúng ta cũng thấy những nhóm từ rất thường gặp. Chẳng hạn khi bầy khỉ nhỏ bày tiệc linh đình trong động Thủy Liêm (hồi thứ nhất) thì cảnh trí thiên nhiên được mô tả qua hai nhóm chữ *hồng trạn* (rộ màu hồng) và *hoàng phì* (vàng rực rỡ) nhằm khắc họa màu sắc hoa đào hoa mai. Hoặc ở hồi thứ mười bảy, hang động cư trú của Hắc Phong, con gấu thành tinh, nằm giữa những rừng tùng bách rậm rạp (*tùng bách sâm sâm*). Có thể xem những ngữ đoạn này là sự kết hợp hài hòa giữa *biền văn* và *tản văn.* Chúng không dài nhưng thường đối nhau, thảng hoặc không đối văn thì cũng đối ý; đoạn văn thường giữ vần, tuy nhiên gặp trường hợp vì đối mà câu văn mất vẻ tự nhiên thì bỏ đối; khi nào vần gượng quá không ép nổi thì cũng hy sinh vận luật; ngoài ra số chữ trong từng câu từng vế không nhất thiết phải luôn luôn cân xứng và bằng trắc cũng chẳng phải là bằng mọi giá phải uốn mình theo luật.

Nơi hồi thứ mười hai, chúng ta gặp một bài *tụng* ngắn, nguyên văn như sau:

Lễ thượng Đại Đường quân, Tây phương hữu diệu văn. Trình đồ thập vạn bát thiên lý, Đại Thừa tiến ân cần. Thử kinh hồi thượng quốc, năng siêu quỷ xuất quần. Nhược hữu khẳng khứ giả, cầu chính quả kim thân.

(Chào chúa nhà Đại Đường, phương Tây có nguyên bản trác tuyệt. Đường đi mười vạn tám ngàn dặm, dốc lòng cầu Đại Thừa. Kinh sách về tới thượng quốc, sẽ khiến ma qui được siêu thoát. Nếu có người chịu đi thỉnh, ắt đạt thành chánh quả.)

Phần lớn những đoạn văn vần trong nguyên tác của Ngô Thừa Ân không xuất hiện trong bản dịch sang Việt ngữ của Phan Quân. Riêng bài *tụng* này là một ngoại lệ và được dịch thành thơ như sau (*tlđd,* trang 125):

Tỏ cùng chúa Đại Đường,
Kinh tại miền Tây phương.
Dặm đã xa mười vạn,
Đường thêm lẻ tám ngàn.
Kinh cao về nước cả,
Hồn qui khỏi thành oan.
Ai có công đi thỉnh,
Ngày sau hóa Phật vàng.

Thể loại *từ* được Ngô Thừa Ân vận dụng theo nhiều điệu: *Tô Vũ mạn,*

Điệp luyến hoa, Giá cô thiên, Thiên tiên tử, Tây giang nguyệt, Lâm giang tiên. Ngoại trừ điệu *Tô Vũ mạn,* các điệu khác đều là những điệu *từ* quen thuộc, chẳng những giới từ gia Trung Hoa thường vận dụng mà đội ngũ sáng tác *từ* người Việt, tuy chẳng lấy gì làm đông đúc, cũng thường điền. Chẳng hạn Trương Quỳnh Thư, Tùng Thiện Vương (*Tây giang nguyệt*), Đào Tấn (*Điệp luyến hoa, Giá cô thiên, Lâm giang tiên*), Phan Huy Chú (*Tây giang nguyệt*), Khuyết danh, trong *Cổ điệu ngâm từ* (*Điệp luyến hoa, Giá cô thiên, Lâm giang tiên, Tây giang nguyệt, Thiên tiên tử*), Khuyết danh, trong *Hoa viên kỳ ngộ* (*Tây giang nguyệt*), Khuyết danh, trong *Truyện ký trích lục* (*Tây giang nguyệt*).

Từ của *Tây du ký* cũng nghiêm cách về câu thức, số chữ; cũng sắt thép về bằng trắc, gieo vần; cũng đậm đà về cảm xúc, tình tứ; cũng diễm lệ về lời thơ, chữ thơ. Thỉnh thoảng *từ Tây du* cũng chịu ảnh hưởng các sáng tác của những từ gia lỗi lạc. Chẳng hạn ở hồi thứ mười, khi ông chài Trương Lão và ông tiều Lý Tịnh đối thoại thì chúng ta được thưởng thức bài từ theo điệu *Tây giang nguyệt* có những câu sau:

Hồng lục hoa phồn ánh nguyệt
(Hoa tươi rậm hồng trong ánh trăng)
Hoàng lô diệp loạn diêu phong.
(Lá lau vàng lay động trong gió)
Bích thiên thanh viễn Sở giang không,
(Trời xanh ngọc và xa, sông Sở trống)
Khiên giảo nhất đàm tinh động.
(Vung bút làm rung cả đầm sao).

Những dòng này trong tác phẩm trường thiên một trăm hồi của Ngô Thừa Ân khiến liên hội đến những dòng khác trong một bài *từ* điệu *Mãn đình phương* của từ nhân nổi danh Tần Quan đời Bắc Tống:

Hồng lục hoa phồn,
(Hoa tươi rậm hồng),
Hoàng lô diệp loạn,
(Lá lau vàng lay),
Tễ thiên không khoát,
(Trời xanh rỗng và rộng),
Vân đạm Sở giang thanh.
(Mây mờ sông Sở trống).
Kim câu tế, tỉ luân mạn quyển, khiên động nhất đàm tinh.
(Với móc vàng nhỏ, và dây kéo chậm, làm rung cả đầm sao).

Nhưng chẳng phải chỉ riêng *từ Tây du* mới mượn lời theo ý tiền nhân đồng hương. Nơi hồi thứ ba mươi bảy, thái tử nước Ô Kê đến Kim Loan điện nhắc lại chuyện cũ liên quan đến phụ vương, đã ứng khẩu đọc hai câu thơ, nhưng hai câu này vốn thuộc bài *Đăng sơn* (Lên chơi núi) của Lý Thiệp đời Đường:

Nhân qua đạo viện phùng tăng thoại,
Hựu đắc phù sinh bán nhật nhàn.
(Nhân đi ngang đạo viện, gặp nhà sư trò chuyện,
Thế là được nửa ngày thong thả ở cõi phù sinh).

Nói cho công bình, Ngô Thừa Ân có cho nhân vật hư cấu của mình thay thế một chữ trong câu thứ nhất, thay vì *trúc viện* như Lý Thiệp hạ bút thì thái tử chuyển thành *đạo viện.*

Tất nhiên đây không hề có chuyện đạo văn. Vì trước hết, người xưa khi mượn ý mượn lời thuộc văn thơ người khác là tỏ lòng ngưỡng mộ người đó. Thứ nữa, các từ gia vốn thường có thiên hướng sử dụng những tập hợp từ ngữ giống nhau do vận luật thúc ép, do thanh điệu cưỡng chế.

Bài luật xuất hiện khá thường xuyên trong *Tây du* và có thể thuộc ngũ ngôn hay thất ngôn. Theo thể thức của thơ luật tám câu, những thi phẩm tương đối dài hơi này kéo dãn từng liên từ đầu đến cuối, có đối trong từng liên hoặc *phiến đối* (đối cách câu). Ví dụ bài vận văn trình bày thân thế sự nghiệp Trư Bát Giới ở hồi thứ mười chín trước khi về đầu Tam Tạng và Ngộ Không, gồm tất cả sáu mươi bốn câu, mỗi câu bảy chữ.

Một thể loại văn học khác thuộc vận văn hiện diện trong *Tây du ký* là *kệ.* Điều này dễ hiểu vì tác phẩm của Ngô Thừa Ân dù sao đi nữa cũng tán dương đạo Phật mà *kệ* lại vốn là hình thức luận thuyết tôn giáo tiếp thu cả *thi, biền văn* và *tản văn* nhưng lại tạo những đặc trưng riêng biệt: chứa đựng những năng lượng trí tuệ tích tụ đến độ căng thẳng, trình bày những tư tưởng triết học nén ép khiến ngữ khí đậm đặc. Ở đây mối tương tác giữa tác giả và độc giả sâu sắc đến độ chỉ cần một vài chữ sàng đãi kỹ lưỡng, ba bốn dòng phẩm bình chính xác là đủ để gây hòa đồng, để tạo tiếng dội, để đạt hồi âm, để phát sóng đồng cảm, tất cả trong một tâm trạng sẵn sàng rung động dây đàn cùng điệu của người thưởng ngoạn. Ở hồi thứ hai mươi *Tây du ký,* Tam Tạng đọc bài *kệ* với hai câu mở đầu:

Pháp bản tòng tâm sinh, hoàn thị tòng tâm diệt.
Sinh diệt tận do thùy, thỉnh quân tự biện biệt.
(Pháp vốn từ tâm ra, cũng tự tâm mà mất.
Do ai mà sinh hay mất, mời bạn tự phân rõ).

Bài *kệ* chấm dứt như sau:

Nhân ngưu bất kiến thì, bích thiên quang kiểu khiết.
Thu nguyệt nhất ban viên, bỉ thử nan phân biệt.
(Khi trâu và người biến mất, thì trời xanh vẫn sáng trong.
Một vành trăng tròn đầy, hai bên thực khó phân biệt).

Hàm súc và thi vị đi đôi cùng nhau. Ý tứ sâu xa phong phú, tinh vi nồng nàn, vận dụng được hình tượng hoa lệ hữu hạn phản ảnh cuộc sống vô hạn phức tạp, biểu hiện được tư tưởng sâu sắc thâm trầm, giúp được người đọc liên tưởng tới một phạm vi rộng rãi bao la, đó là chủ đích của bài *kệ*. Tam Tạng sử dụng ẩn dụ nhằm giảng giải cho đệ tử về lẽ đạo mà mới thoạt nhìn, tưởng chừng bậc cao tăng cốt nhằm tả cảnh thiên nhiên. Bài *kệ* là một tác phẩm chạm trổ tinh xảo để ngụ ý, nó là một bức họa tạo trầm tư. Nhưng chẳng phải chỉ có hình tượng ẩn dụ, mà còn có song quan ẩn ngữ: chữ *ngưu* ở dòng thơ kế chót bài *kệ* có thể viết hoa khi chuyển sang quốc ngữ vì *ngưu* nếu nghĩa thông dụng là trâu thì cũng có thể hàm ý chỉ sao Ngưu hay xa hơn nữa, chỉ Phật[6].

Ngôn ngữ trần thuật giới thiệu các ngữ đoạn vận văn theo nhiều cách: *thi viết* (thơ rằng), *phú viết* (phú rằng), *tụng viết* (tụng rằng), *hữu thi vi chứng* (có thơ làm bằng), *hữu nhất "Điệp luyến hoa" từ vi chứng* (có một bài từ theo điệu Điệp luyến hoa làm bằng), *giã hữu "Thiên tiên tử" nhất thủ* [cũng có một bài (từ theo điệu) Thiên tiên tử], *diệc hữu "Lâm giang tiên" khả chứng* [lại có (bài từ theo điệu) Lâm giang tiên để làm bằng]. Những cấu trúc ngôn từ này đặt trước các ngữ đoạn vận văn liên hệ. Cá biệt cũng có khi phần minh định thể tài văn vần đặt sau bài thơ hay bài từ, đó là trường hợp bài *kệ* do Tam Tạng tụng đọc khi hồi thứ hai mươi bắt đầu: sau hai câu đối ngẫu đề mục toàn chương hồi, tác giả trình bày toàn bài *kệ* rồi mới giảng giải rằng sư Huyền Trang sáng tác thi phẩm sau khi quán triệt *Ngoại tâm kinh*.

Một khía cạnh tài hoa khác của Ngô Thừa Ân trong *Tây du ký* là cung cách chơi chữ trong những bài thơ vận dụng ngôn từ song quan ngữ nghĩa hay song quan ẩn nghĩa.

Tại chương thứ hai mươi tám, Tôn Hành Giả làm bài *từ* theo điệu *Tây giang nguyệt* biến thể mô tả trận kịch chiến với hàng nghìn kẻ địch:

Thạch đả ô đầu phấn toái,
Sa phi hải mã câu thương.
Nhân sâm quan quế lĩnh tiền mang,
Huyết nhiễm chu sa địa thượng.

Phụ tử nan qui cố lý,
Tân lang chẩm đắc hoàn hương?
Thi hài khinh phấn ngoạ sơn trường,
Hồng nương tử gia trung khán vọng.
(Đá đánh vỡ đầu đen tan nát,
Cát bay gây thương đều cho ngựa biển.
Dân và quan bận rộn trước đỉnh đèo,
Máu thấm đẫm đất toàn màu đỏ.
Cha con khó lòng trở lại quê cũ,
Làm sao người tử tế về được nhà?
Xác chết tan rã nằm trên núi,
Người đẹp tại nhà ngóng đợi).

Điệu *Tây giang nguyệt* vốn có năm mươi chữ, riêng bài *từ* này có thêm một chữ vào câu cuối, thành câu bảy chữ và thành bài năm mươi mốt chữ (*biến thể*). Bài *từ* ráp ghép trong từng câu những từ ngữ mang hai nghĩa, một nghĩa liên hội hàm ý và một nghĩa chỉ danh dược liệu. Câu thứ nhất, *ô đầu* nghĩa đen là đầu đen, nhưng đồng thời cũng là tên một vị thuốc chế biến từ rễ củ cây *ô đầu Aconitum sinense* Paxt. Câu thứ hai, *hải mã* có nội hàm trực nghĩa là ngựa biển, nhưng đồng thời cũng là tên vị thuốc *hải mã* tức là cá ngựa phơi hay sấy khô, *Hippocampus hystrix* Kaup. Câu thứ ba, *nhân sâm* và *quan quế* là tên hai vị thuốc đứng hàng đầu của đông y – *sâm nhung quế phụ* – tức vị nhân sâm quen thuộc *Panax ginseng* C.A.Meyer và vị quế quan *Cinnamomum zeylanicum* Nees; nhưng thật ra, theo văn cảnh từ phẩm, phải đọc là (1) *nhân thân* với hàm nghĩa nhân dân và thân sĩ, (2) *quan quí* với hàm nghĩa quan lại quí hiển. Câu thứ tư, *chu sa* là loại thuốc có thành phần hóa học sulfua thủy ngân, HgS, vị thuốc này vốn màu đỏ nên thành tên (*chu* = đỏ, *sa* = cát). Câu thứ năm, *phụ tử* là rễ cây *Aconitum sinense* Paxt biến chế sao tẩm, cũng là một trong tứ quí của kho tàng dược liệu Trung y như vừa trình bày ở mục từ *nhân sâm,* tuy rằng theo ngữ cảnh phải hiểu là "cha con", với chữ *phụ* viết bằng bộ *phụ* bốn nét (cha, bố), thay vì chữ *phụ* viết bằng bộ *phụ* ba nét (bám, nương cậy). Câu thứ sáu, *tân lang* là cây cau *Areca catechu* L. nhưng đúng ra thì nội dung bài *từ* đòi hỏi phải đọc là *bân lang,* chàng trai tử tế. Câu thứ bảy, *khinh phấn* tức muối chlorua thủy ngân, Hg^2Cl^2; tuy rằng theo ngữ nghĩa từ phẩm thì lại là *khuynh phấn,* tan thành bụi bặm. Câu thứ tám, *hồng nương tử,* theo nghĩa trực dịch là người đẹp màu hồng, nhưng đồng thời cũng là tên vị thuốc *hồng cô nương,* tục gọi mướp đắng *Momordica charantia* L.

Dùng thủ pháp song quan qua những từ đồng âm dị nghĩa, Ngô Thừa Ân cũng để cho Tam Tạng làm một bài thơ thất ngôn bát cú nhằm ký thác tâm sự ở hồi thứ ba mươi sáu:

Tự tòng ích trí đăng sơn minh,
Vương bất lưu hành tống xuất thành.
Lộ thượng tương phùng tam lăng tử,
Đồ trung thôi toản mã đâu linh.
Tầm pha chuyển giản cầu kinh giới,
Mại lĩnh đăng sơn bái phục linh.
Phòng kỷ nhất thân như trúc lịch,
Hồi hương hà nhật bái triều đình.
(Tự mình quyết tâm thề lên núi,
Vua không chờ đưa ra khỏi thành.
Trên đường gặp gỡ lau ba cạnh,
Thúc ngựa chạy theo chuông dây cương.
Tìm kinh sách leo núi dốc qua khe suối,
Vượt đèo lên núi lạy đức Phật.
Tự phòng thân nhằm đi trọn chuyến,
Biết ngày nào về lạy triều đình).

Trong bài thơ có nhiều chữ được hiểu theo bản nghĩa hoặc theo nghĩa mượn. Câu thứ nhất, thay vì *nhất chí* (quyết tâm) thì thi phẩm lại dùng *ích trí,* tên dược liệu *Alpinia oxyphilla* Miq. Câu thứ hai, *vương bất lưu hành* (vua không giữ lại) nhằm chỉ cây *Vaccaria setalis* L. Câu thứ ba, *tam lăng tử* là rễ củ cây *Scirpus flabiatilis* L. Câu thứ tư, *mã đâu linh,* trực dịch là "chuông cương ngựa", đồng thời cũng đồng âm với tên dược thảo *mã đậu linh, Aristolochia debilis* L. Câu thứ năm, *kinh giới* trong thi phẩm chỉ sách kinh điều răn, nhưng cũng khiến liên tưởng đến cây thuốc *kinh giới Schizonepeta tenuifolia* Briq. Câu thứ sáu, *phục linh* là *Poria cocos* Wolf, tuy nhiên hai chữ này là đồng âm của *Phật linh.* Câu thứ bảy, *phòng kỷ* chỉ cây *Stephania tetrandra* S. Moore; *trúc lịch* tức nhựa tre tươi nướng *Succus Bambusae,* đọc trại thế hai chữ *túc lịch,* kinh qua một chuyến đi. Câu thứ tám, *hồi hương, Foeniculum vulgare* Miller, quả chín phơi khô của cây hồi, chính ra là *hồi hương,* trở lại quê.

Tây du ký được chuyển dịch sang tiếng Việt thực chất chỉ chú trọng trần thuật nội dung mà có phần nào xem nhẹ khía cạnh văn chương tao nhã gói ghém trong các phần văn vần, chúng là những phần mang khuôn mẫu tạo cú công phu tề chỉnh, hoa mỹ; ngôn ngữ tinh luyện điển nhã, uyển

chuyển hàm súc, âm luật hài hoà du dương; biểu hiện được đầy đủ vẻ đẹp của âm vận Trung văn trong danh tác. Người đọc dịch phẩm quốc văn hầu như không có dịp thưởng ngoạn thi tài của tác giả Trung Hoa.

Trần Văn Tích

Westpreussenstr., 22.12.2006

---

[1] Phan Quân. - *Tây du ký bình khảo*, ba quyển, in tại nhà in Việt Tân, Sài gòn, 1962, Đại Nam in lại ở quốc ngoại, quyển 1, tr. 9. Tuy đưa ra nhận xét này nhưng dịch giả Phan Quân không hề xác định bản thân mình có sử dụng bản *Thế đức đường* không. So sánh bản dịch Phan Quân với bản dịch Anh ngữ của Anthony C.Yu, thấy dường như vị dịch giả đồng hương không có bản *Thế đức đường* để chuyển ngữ.

[2] *The Journey to the West*. Translated and Edited by Anthony C.Yu. The University of Chicago Press. Chicago and London. Volume One. 1977. p. 239.

[3] *Si Yeou Ki ou Le Voyage en Occident*. Traduit du Chinois par Louis Avenol. Editions du Seuil. Paris. 1957. p. 102.

[4] Trung Quốc cổ điển tiểu thuyết danh trứ. *Tây du ký*. (Minh) Ngô Thừa Ân trứ. Phương Hưng, Phương Thiết Qua, Phương Tráng Ca hiệu điểm. Triết giang Cổ tịch Xuất bản xã xuất bản. 1996. tr. 8.

[5] *Biền văn còn gọi là biền thể văn, biền lệ văn, tứ lục văn. Biền* vốn chỉ hai con ngựa thắng vào một cỗ xe, lệ vốn chỉ vợ chồng thành đôi. Thể văn này chủ yếu sử dụng ngữ cú song đôi, đối xứng.

[6] Anthony C.Yu (*tlđd*, Volume 1, p. 527) chú : "The Buddha is sometimes referred to as the king of bulls, possibly because his name, Gautama, is thought to be a derivative of *gaus*, ox or bull."

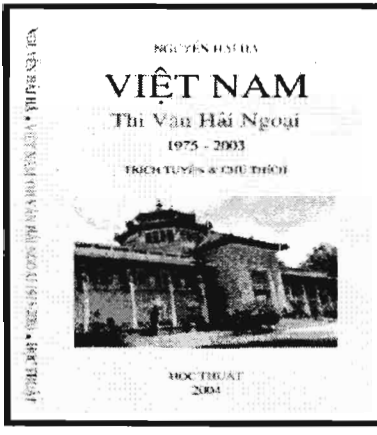

NGUYỄN HẢI HÀ

VIỆT NAM

THI VĂN HẢI NGOẠI

1975-2003

TRÍCH TUYỂN & CHÚ THÍCH

Học Thuật xuất bản

2004

270 tr. Giá $10.00

Tài liệu đọc thêm, dành cho học sinh đang học Việt ngữ tại hải ngoại

Đã có bán tại các nhà sách

LÊ QUỲNH MAI

phỏng vấn võ phiến

Võ Phiến tên thật Đoàn Thế Cần.

Sau 1934 đổi thành Đoàn Thế Nhơn.

Sinh năm 1925 tại Bình Định.

Công chức, viết văn,viết báo (tại Việt Nam và hải ngoại)

Định cư tại Hoa Kỳ năm 1975.

Tiếp tục làm công chức ở Los Angeles cho đến lúc về hưu vào tháng Bảy năm 94.

Chủ trương Nhà Xuất Bản Thời Mới.

Cộng tác với các báo Bách Khoa, Sáng Tạo, Thế Kỷ 20, Văn, Khởi Hành v.v...

Tác phẩm: Trên 40 tác phẩm đã xuất bản từ Chữ Tình (xuất bản 1956) đến Văn Học Miền Nam (xuất bản 1999).

Cả một đời thiết tha với văn chương, ông nghĩ gì khi William Faulkner (Nobel 1949) nói rằng "Nghệ sĩ là người bị ma quỷ xúi giục"[1]*:*

William Faulkner là một tài năng lỗi lạc, đã đạt thành công lớn lao. Ông có cá tính mạnh mẽ, có quan niệm nghệ thuật độc đáo, và không ngại lời lẽ cực đoan. Còn mình – tôi nghĩ – mình chỉ là kẻ tầm thường, chẳng qua thấy người ta viết nên truyện hay thơ hay, thì mình đọc, rồi ham, rồi bị lôi cuốn mà liều lĩnh viết theo. Vớ vẩn vậy thôi. Thường tình thôi. Nếu có sự "xúi giục", thì chính những cái hay cái đẹp của thiên hạ xúi mình, không có ma quỷ nào.

Herman Melville (1819-1891) phải đợi gần nửa thế kỷ sau khi mất mới nổi tiếng qua tác phẩm Moby Dick. Stendhal (1783-1842) chỉ bán được ba cuốn Le Rouge et Le Noir khi mới xuất bản. Còn ông từ thập niên 50 đến nay đều được độc giả ái mộ và giới phê bình đánh giá cao. Ông thấy mình có may mắn hay không?

Nói tới sự may mắn, chắc chị còn nhớ tới Số Đỏ của Vũ Trọng Phụng. Nếu tôi có được một số độc giả chú ý, chẳng qua cũng như anh chàng Xuân Tóc Đỏ trong truyện ấy thôi.

Trước 1975 nhà phê bình Đặng Tiến viết: "Võ Phiến là một nhân chứng thời đại, muốn chế giễu cả thời đại lẫn vai trò nhân chứng của mình, chế giễu bằng một nụ cười lặng lẽ. Và bên kia nụ cười, cuộc đời không còn gì nữa cả". Lời phê bình đó có còn đúng sau 1975 đến nay không?

Ông Đặng Tiến hiểu biết rộng, nhận định sâu sắc; nếu có dịp chúng ta nên đặt câu hỏi vừa rồi với ông Đặng Tiến để ông giải đáp thì thích hợp nhất. Mình mà tự tiện suy nghĩ về mình thường khi sai lầm: thiên hạ người ta cười cho.

Bài phê bình về Nguyễn Mộng Giác[2], ông thú nhận "không tránh khỏi cám dỗ là luôn nhắc về quê hương Bình Định". Nguyên nhân chính có phải là nỗi sợ hãi cô đơn như ông viết không "con người rất sợ cái lạ. Không gì kinh hãi bằng bị nhích ra khỏi chỗ quen thuộc. Tư bề đều dưng"[3].

Chị nói đúng: cô đơn đáng sợ hãi lắm. Nhưng dù sợ cô đơn hay không sợ, người địa phương nào vẫn thích nói về địa phương nấy. Người Huế nhớ Huế, người Hà Nội nhớ Hà Nội, người Quảng nhớ Quảng, người Vĩnh Long Cần Thơ nhớ Vĩnh Long Cần Thơ... Ai nấy nhớ và nói mê tơi về quê mình. Người Bình Định cũng vậy đó. Hằng năm cứ đến ngày họp hội ái hữu đồng hương thì dù ở xa xôi cũng kéo về họp, nghe giọng nói quen ăn món ăn quen là sung sướng rồi.

Nguyễn Mộng Giác với tôi là người cùng tỉnh. Bài phê bình chị vừa nhắc đến, nguyên là bài tựa viết cho cuốn truyện ngắn của Nguyễn Mộng Giác, cuốn Ngựa Nản Chân Bon. Gặp một tác giả đồng tỉnh là một niềm vui mừng, lại phát giác ra ở tâm hồn tác giả nọ một số đặc điểm địa phương đã làm nên cái đẹp của tác phẩm thì lý thú biết bao! Làm sao cầm lòng được? Phải nói về Bình Định chứ chị!

Tại sao Tùy Bút[4] của ông lại mang đúng tên một tác phẩm của John Steinbeck[5]: CỦA CHUỘT VÀ NGƯỜI

Tác phẩm của John Steinbeck mà chị vừa nói, nhan đề của nó lấy từ mấy chữ trong một câu thơ của Robert Burns, một thi sĩ Tô Cách Lan (Scotland) hồi hậu bán thế kỷ thứ XVIII. Bài "To a mouse" của ông là một bài thơ danh tiếng viết dưới dạng lời nói với con chuột mà một đường cày

vừa làm bật vỡ cái hang. Bài thơ có câu đại khái đề cập tới sự tan vỡ niềm ước mơ đẹp đẽ nhất *của chuột và người*. Đó cũng là điều đã xảy đến trong cuốn truyện của Steinbeck. Hai người bạn nghèo cặp kè đi làm công, một kẻ mơ ước dành dụm đủ tiền để sống thảnh thơi và nuôi một con thú nhỏ làm bạn, ngày ngày ve vuốt bộ lông mượt mà của nó. Kẻ ngây ngô chỉ mơ được chừng ấy hạnh phúc. Nhưng một hôm anh chàng khờ khạo mà quá vạm vỡ này lỡ tay gây nên cái chết của một cô gái. Giấc mộng tan tành. Steinbeck mượn mấy chữ trong câu thơ của Burns để nhắc đến sự trùng hợp nọ: trùng hợp ở cảnh vỡ mộng tức tưởi.

Bài tùy bút của tôi viết nhân một chuyến đi Gia Nghĩa. Lúc bấy giờ là đầu thập kỷ 70. Một số bạn sống tại địa phương đã kể cho tôi nghe đôi điều buồn bã. Kể rằng Gia Nghĩa hồi đệ nhất cộng hòa đã được dự tính xây dựng thành một trung tâm du lịch thứ nhì ở cao nguyên. Đà Lạt là nhất, là trung tâm dành cho giới du lịch ngoại quốc, tư bản, giàu sang; Gia Nghĩa sẽ là trung tâm hợp với khả năng tài chánh của du khách trung lưu như công tư chức chẳng hạn. Bấy giờ số người kéo đến sinh sống tại Gia Nghĩa có đến 52 nghìn. Sau biến cố chính trị cuối năm 1963 tình hình an ninh suy đồi dần. Hai năm sau, dân số Gia Nghĩa chỉ còn 28 nghìn người. Giấc mộng trung tâm du lịch Gia Nghĩa thành mây khói!

Như vậy, ở Gia Nghĩa bấy giờ tôi lại gặp một trường hợp tan vỡ giấc mơ nữa. Nhân sự gặp nhau ở ý nghĩa vỡ mộng trong bài viết của mình và tác phẩm của J. Steinbeck, tôi noi theo Steinbeck: là khi đặt nhan đề tôi mượn bốn chữ nọ để nhắc lại ý thơ ngộ nghĩnh của Burns. Là dùng chút điển tích cho vui thôi.

Nguyễn Hưng Quốc thấy ông chịu ảnh hưởng của Đào Duy Anh, André Maurois[6] *. Bùi Vĩnh Phúc so sánh ông với Lâm Ngữ Đường*[7]*. Nhiều ảnh hưởng đã tạo nên văn phong độc đáo của ông. Nhưng nhà văn Võ Phiến đã dí dỏm nói rằng "Nghề văn do trời cấp lai-xăng. Số mệnh cả!"*[8]*. Ông có thấy trời bất công khi cấp cho mỗi người một số mệnh hay không?*

Nếu câu nói của chị có thể hiểu rằng những ai không được Trời cấp lai-xăng hành nghề văn chương sẽ trách móc ông Trời, thì oan cho Trời lắm. Ở nước ta, xưa nay trong giới văn thơ mà có được sự nghiệp lẫy lừng nhất chắc phải kể tên Nguyễn Du. Vậy mà Nguyễn Du chỉ mong sao sau khi mình chết, trong thiên hạ có được một kẻ khóc mình. Như vậy rõ ràng hành nghề văn thơ có sung sướng gì đâu? Viết lách khi sống đã gian nan đáng thương, khi chết lại đáng khóc. Thế thì khỏi được cái số mệnh văn

chương là nhất, không nên oán Trời trách Đất.

Và khi không thoát khỏi, khi đã trót vương vào nghiệp viết lách thì mong sao viết đừng dở quá. Đã trót viết lách thì bớt dở chừng nào tốt chừng nấy. Do đó đối với bất cứ các vị nào đã có công dạy bảo mình, ảnh hưởng đến mình, để mình tránh bớt cái xấu cái dở, tôi đều biết ơn sâu xa.

"Trong vòng 20 năm, độc giả miền Nam lặng lẽ chuyển hóa từ nam ra nữ và họ còn bị trụt tuổi nữa"[9] *. Xin ông cho biết phái tính và tuổi tác của độc giả hiện nay.*

Chị vừa nêu ra một vấn đề thú vị. Nhưng vì tôi không có dịp tìm hiểu kỹ về nền văn học đương đại hoặc trong nước hoặc ngoài nước, cho nên không có những hiểu biết rõ ràng để trình bày.

Căn cứ trên đôi điều nghe thấy trong giới hoạt động về sách báo hải ngoại, chỉ xin gợi ra vài suy đoán:

Một số tiệm sách cho biết rằng bán chạy nhất hồi gần đây là các loại tác phẩm về chính trị và về tôn giáo. Thiết tưởng hai món ấy dù không phải thuộc độc quyền của đàn ông thì cũng không phải món sở trường của nữ giới.

Lại nghe một số các vị trong giới xuất bản phàn nàn rằng in sách mỗi ngày mỗi đắt, mà độc giả bây giờ đòi cỡ chữ trang sách phải lớn thêm. Thiết tưởng mắt thích cỡ chữ lớn mới đọc nổi không phải là đặc trưng của tuổi trẻ.

Vậy chuyển hóa tính phái và trụt thấp tuổi tác e không phải là chuyện xảy ra trong lúc này.

Ông viết trong Tạp Bút[10]*: "Tiểu thuyết Tàu, Pháp, Nga, Mỹ, Nhật đều có bản sắc riêng. Một bản sắc riêng biệt như thế, thế hệ tiểu thuyết gia ngày nay còn đang sáng tạo cho Việt Nam". Sau 26 năm ông thấy tiểu thuyết Việt Nam có bản sắc riêng hay chưa?*

Đến nay, tiểu thuyết Việt Nam đã có ngót trăm năm lịch sử, hoặc đậm hoặc nhạt chắc hẳn đã có bản sắc riêng. Bản sắc như thế nào, điều ấy không đơn giản, không tiện nói qua loa trong đôi câu. Nhưng hiển nhiên là người viết tiểu thuyết Việt Nam ngày nay không bắt đầu như cụ Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Bá Học. Thậm chí cũng không bước những bước đầu tiên như Nhất Linh khi viết *Hồng Nương* hay *Người Quay Tơ*. Trong kho tàng tiểu thuyết Việt ngữ đã khá đồ sộ, tiểu thuyết gia trẻ tuổi của chúng ta bây giờ ngoài việc có thể rút được những kinh nghiệm bổ ích, có lẽ lại còn có thể

tìm thấy một bầu không khí thích hợp quen thuộc giúp mình tự phát huy bản sắc dễ dàng và mạnh dạn hơn các lớp tiền bối.

Cũng trong Tạp Bút[1] *ông nhận xét "Một số sự việc xảy ra cho thấy như thể là ngoài các người văn nghệ ra không còn mấy ai đọc tác phẩm văn nghệ nữa, và ngoài các người văn nghệ ra cũng không mấy ai buồn chú ý đến văn nghệ nữa". Lời nhận xét của ông có đúng cho tình trạng hiện nay tại hải ngoại hay không?*

Như chị đã nhận thấy, là bài tạp bút vừa nêu ra được viết vào tháng 11 năm 1974: Chỉ còn năm tháng nữa thì miền Nam Việt Nam sụp đổ. Trong hoàn cảnh ấy sự sống còn của bản thân, sự tồn tại của chế độ, cái tự do của mọi người đang bị đe dọa trầm trọng. Thái độ của người trong nước bấy giờ đối với tác phẩm văn nghệ có mất hẳn quan tâm cũng dễ hiểu thôi.

Ở hải ngoại hiện nay, chúng ta gặp một hoàn cảnh khác. Quần chúng văn nghệ cũng không mấy đông đảo, nhưng lý do không phải là vì tình hình khẩn trương nữa, mà có thể chỉ vì lớp người ra đi từ những thập niên 70-80 thì tuổi đã cao, có kẻ quá cao, hay đã qua đời; còn lớp trẻ lớn lên ở ngoài nước thì vốn hiểu biết Việt ngữ chưa đủ để tham dự vào sinh hoạt văn nghệ. Cũng có thể có những yếu tố khác nữa ảnh hưởng đến văn học hải ngoại mà tôi chưa có dịp suy nghĩ kỹ càng, không tiện phát biểu phiêu lưu.

Xin nhà văn Võ Phiến trả lời chính câu hỏi của ông đã đặt ra:

"Truyền thông và thương mãi tung rộng tác phẩm văn nghệ ra quần chúng bằng một cái đà rất mạnh mẽ nhưng đồng thời cũng hạ thấp nó xuống, tạo ra một thứ văn chương không phải là văn chương. Lấy gì làm dấu hiệu nhận ra cái văn chương tính của một công trình xây dựng bằng ngôn ngữ?"

Một công trình xây dựng bằng ngôn ngữ, thế nào là có văn chương tính, thế nào là không? Đẹp đến mức nào thì gọi là có nghệ thuật, dưới mức nào thì chưa? Có lẽ chúng ta không nên lạc vào những lý luận dông dài xa xôi. Nên nói chuyện với nhau về những điều cụ thể gần gũi. Những người tù ở các trại lao công cưỡng bách phải làm việc nặng nề và ăn uống thiếu thốn, nên khao khát chất ngọt, đối với họ một tán đường đen là quý báu; tán đường quý lắm, nhưng nói về tính "nghệ thuật" thì nó không bằng chiếc bánh trung thu trong dịp thưởng trăng. Cũng như ở gáo nước lạnh trong buổi trưa hè, tính nghệ thuật thấp hơn ở chén trà Long Tĩnh mỗi sớm tinh sương. Cũng như ở cà phê bít tất trong ly nhựa, tính nghệ thuật thấp hơn ở

các loại cà phê gourmet, Starbucks, Pasqua...

Cái nghệ thuật tính trong thơ văn gọi là văn chương tính. Đại khái thì ở những bài vè lưu hành rộng rãi đó đây không có văn chương cao bằng ở *Truyện Kiều* xứ ta hay truyện *Thủy Hử* bên Tàu chẳng hạn.

Vừa rồi có nói tới mấy chữ "lưu hành rộng rãi" nhiều bài vè được lưu hành rộng rãi trong dân gian; và Kiều cũng là một tác phẩm lưu hành rộng rãi khắp dân gian. Vậy thì tầm phổ cập không làm suy giảm tính văn chương. Không cần phải lo rằng viết mà không được quần chúng yêu thích là viết không cao tài không lớn.

Mặt khác sự trau chuốt, cầu kỳ quá đáng, mài dũa thận trọng quá đáng cũng không làm tăng tính nghệ thuật. Trở lại trường hợp nhà văn từng bị "ma quỷ" giục giã: William Faulkner ngả một chiếc xe cút kít xuống làm bàn viết, gần một cái máy phát điện kêu ình ịch liên li, mỗi tối ông viết từ nửa đêm đến bốn giờ sáng, viết xong cả cuốn *Trong Khi Tôi Hấp Hối (As I lay dying)* một mạch sáu tuần lễ không sửa chữa gì. Cuốn truyện viết phăng phăng ào ào như thế thành một tuyệt phẩm; ở Mỹ sách đã được hoan nghênh, bản dịch ra Pháp ngữ lại được các tác giả lừng danh lỗi lạc tán thưởng nhiệt liệt. Bài thơ miệt mài trong bao nhiêu năm của thi sĩ Già Đảo không hẳn được đánh giá cao hơn. Vậy viết kỹ hay viết "dối" cũng không hẳn đã có ảnh hưởng quyết định đến văn chương tính.

Một tác phẩm là nghệ thuật hay phi nghệ thuật, tính cách của nó có ngay từ khi được quan niệm, chứ không phải trong thể thức thực hiện. Nếu ta quan niệm một tác phẩm nghệ thuật và thực hiện thành công thì tác phẩm có văn chương tính; mặt khác nếu sách được quan niệm trong đầu với chủ tâm thương mãi, nhằm thỏa mãn nhu cầu giải trí, nhu cầu tò mò táy máy, hay bất cứ thứ nhu cầu nhảm nhí nào khác của độc giả thì nó rất hiếm tính văn chương.

Tác phẩm nghệ thuật, trong quan niệm đã không nhằm mục đích thương mãi, cho nên khi ra đời có thể nó được đón tiếp rộng rãi, mà cũng có thể bị quần chúng bỏ rơi. Nhưng dù bán mạnh hay bán yếu, sách hay vẫn là sách hay, vẫn là một thành công. Cuốn *Trong Khi Tôi Hấp Hối* của William Faulkner bản Pháp văn bán mười năm không tới tám nghìn bản, bán ba mươi năm chưa tới mười hai nghìn bản. Mặc kệ, danh tiếng của nó cứ vang lừng.

"Sự mất mát trong văn học lớn lao đến nỗi một nữ sĩ nổi tiếng như Hồ Xuân Hương mà chỉ không đầy hai thế kỷ sau đã mất gần hết dấu vết..."[12].

Nhưng gần đây, Hoàng Xuân Hãn và Phạm Trọng Chánh[13] đã phát hiện những điều lý thú và mới nhất về Hồ Xuân Hương. Ông có ý kiến gì?

Đặt ra câu hỏi "Hồ Xuân Hương nàng là ai?" tức là đã xác nhận tính cách mơ hồ của tung tích Hồ Xuân Hương. Trong vòng đôi ba chục năm gần đây đã có những tìm tòi tích cực, có kết quả tốt. Cụ Hoàng Xuân Hãn phát giác được nhiều điều quan trọng về Hồ Xuân Hương. Ở Mỹ, ông Nguyễn Ngọc Bích mới đây có bộ sách hai cuốn rất công phu. Chúng ta hi vọng người nữ sĩ tài hoa độc đáo này sẽ dần dần hiện ra rõ nét thêm.

Phần lớn tác phẩm của ông đều viết rằng con người thật nhỏ bé xoàng xinh thảm hại và bơ vơ. Như thế thì cuộc sống có ý nghĩa gì không hay "không chừng là cái chơi thôi"[14]

Hết thiên niên kỷ này đến thiên niên kỷ khác, bao nhiêu bậc cao minh của nhân loại đã suy ngẫm về ý nghĩa của cuộc sống và chưa tìm được câu giải đáp. Hình như chưa có ai nẩy ra cái ý trao cho chúng ta trách nhiệm giải đáp thắc mắc lớn lao ấy. Nói rằng đời sống là cái chơi của ông Trời, đó chẳng qua cũng là một cách nói chơi thôi.

Gần đây triết gia Jean François Revel và người con tu sĩ của ông đã thảo luận với nhau đến nơi đến chốn về vấn đề này. Đức Đạt Lai Lạt Ma theo dõi và phát biểu: "Điều thực sự quan trọng không phải là đời sống có ý nghĩa hay không, mà là chúng ta có tạo được ý nghĩa cho đời sống của mình hay không".

Vậy đời sống có hay không có ý nghĩa, mặc nó. Ta nói chơi thôi, rồi cũng nên bỏ qua. Hãy để thì giờ ra sức tạo một ý nghĩa, cho đời sống nó... mừng!

Nhà văn Võ Phiến đã kể lại rất cảm động buổi gặp gỡ cuối cùng giữa ông và học giả Nguyễn Hiến Lê: "Khuôn mặt đẫm lệ của ông hôm ấy in sâu trong trí tôi như hình ảnh bi thương của giới cầm bút miền Nam lúc bấy giờ"[15].

Đó là kỷ niệm buồn. Còn kỷ niệm nào vui nhất trong đời viết văn của ông?

Kỷ niệm vui nhất trong đời văn của tôi xảy ra ngót đã sáu mươi năm. Đó là dịp lần đầu tiên tôi thấy bài mình viết được đăng lên báo.

Mở bài báo ra, trông thấy trước mắt bài viết của mình xuất hiện dưới dạng chữ in, thật là bỡ ngỡ, lạ lùng, ngạc nhiên. Chuyện không tưởng tượng nổi. Mình cảm thấy tự dưng biến thành một kẻ khác. Không đến nỗi như

con cá hóa long, nhưng có thể như là một con cá bỗng hóa ra con nhái. Tức là một sinh vật sống dưới nước đột biến thành một sinh vật thuộc loài lưỡng thê, nhảy lên đất.

Sau biến cố động trời ấy, mình viết mãi viết mãi vẫn không biến hóa thêm thành một loài gì khác. Nhái bén vẫn cứ nguyên là nhái bén. Không có gì vui thêm.

Ông đã viết câu kết rằng "Lần trước, Vũ Anh Khanh (bài thơ Tha La Xóm Đạo) mang giấc mơ ra Bắc, mở mắt tỉnh giấc hối hận quay về, chết trên dòng sông Bến Hải. Lần này không còn đâu là đất trở về nữa, dù chi về để chết"[16].

Sau hơn một phần tư thế kỷ trên đất khách nhà văn Võ Phiến có còn mong trở về nữa hay không?

Chuyện về nước, tôi không mong mỏi nữa.

Về nước vào lúc này để cam chịu khuất phục dưới chế độ độc tài, không vui gì. Để góp tay cải thiện hoàn cảnh, tôi không nghĩ mình có đủ khả năng, còn đủ sức lực góp tay hữu ích. Còn như về để chết, thì... tưởng không cần thiết. Ở đâu, chết cũng "tiện" cả!

---

[1] Tiểu Luận của Võ Phiến, trg 122
[2] Văn Học Miền Nam, trg 1077
[3] Cảm Nhận, trg 184
[4] Tùy Bút, trg 289
[5] Giải Nobel 1962
[6] Nguyễn Hưng Quốc – Võ Phiến, trg 19, 43
[7] Bùi Vĩnh Phúc, Lý Luận và Phê Bình, trg 134
[8] Cảm Nhận, trg 27
[9] Văn Học Miền Nam – Tổng Quan, trg 84, 85
[10] Tháng 3/74, trg 244
[11] Tháng 11/74, trg 169
[12] Văn Học Miền Nam – Tổng Quan, trg 21
[13] Hồ Xuân Hương - Nàng là ai?
[14] Thế kỷ 21, số 75, trg 57
[15] Trả lời phỏng vấn của Đào Huy Đán tháng 3/88
[16] Văn Học Miền Nam – Tổng Quan, trg 322

VÕ PHIẾN

người nghĩa

Ông Bình Nguyên Lộc, ông Sơn Nam, hai ông là hai tác giả nổi tiếng ở Miền Nam Việt Nam trước 1975. Cả hai đều viết nhiều và viết được nhiều loại: sáng tác có, biên khảo có. Bình Nguyên Lộc, ngoài các loại truyện ông còn lắm thành tích khảo cứu về lai lịch của dân tộc. Sơn Nam, ngoài truyện ngắn truyện dài, thỉnh thoảng lại cũng có những suy nghĩ tần mần về lai lịch của... chính ông.

Khi tôi quen ông, chỉ được biết ông Sơn Nam dân Sài Gòn. Do đó ông có viết về Sài Gòn, và được xem là một nhà "Sài-Gòn-học". Nhưng cái tôi chịu nhất là những phanh phui tiết lộ về cuộc sống ở quê quán đầu đời của ông thuộc vùng Cà Mau, Rạch Giá, Hà Tiên v.v... Ở đó xưa kia có lắm cái thật lạ, thật ngộ nghĩnh.

Bây giờ hai ông kẻ mất người còn. Kẻ mất tất nhiên là cách biệt vĩnh viễn; người còn cũng không mong gì có cơ hội gặp mặt. Thỉnh thoảng loáng thoáng đọc được một bài viết, thấy quen, thấy ngộ: "A! Ông-già-đi-bộ!" Bà con quen biết vẫn gọi ông như thế.

Lần này Sơn Nam không nói chuyện đi. Mà nói về một chuyện ngồi. Ông đang ngồi ở chỗ Mũi Ông Cọp. Không nên giật mình sợ hãi: Sơn Nam không dại dột mà gần gũi chúa sơn lâm. Đây chỉ là một mũi đất nhỏ, hiền lành, ở Hà Tiên. Ba mặt là biển. Biển vắng vẻ, căn nhà nhỏ có ông Sơn Nam ngồi cũng vắng vẻ, mặc dù nó là cái quán. Chủ quán tiếp tục việc bếp núc như không hề biết có ông khách Sài Gòn đang ngồi đấy. Khách không phân vân, nghi ngờ gì: Trước cửa có cái kệ nhỏ, trưng bày mấy chai nước ngọt, mấy hũ kẹo Thái Lan... Đúng là quán. Ông khách ngồi, hút thuốc, tỉnh bơ. Lát sau, khách Sài Gòn thấy ngồi mãi không uống gì thì "hóa ra thiếu lịch sự", bèn gọi một chai Coca.

"Một chiếc bàn, đôi ba ghế nhỏ. Gió thổi nhẹ, trời biển xanh, vài chiếc xe đạp, xe gắn máy chạy qua". Thích thật.

Đối cảnh sinh tình, Sơn Nam nhớ đến hai câu ca dao:

"Dạo chơi, quán cũng như nhà
Lều tranh có nghĩa hơn tòa ngói cao."

Khách nhớ câu ca dao, rồi ca dao gợi nhớ tới giọng hát ru con của mẹ ngày xưa đã chăm sóc từng bữa ăn giấc ngủ của mình. Khách ứa lệ, kín đáo lau mắt. Bà chủ quán kín đáo ngạc nhiên.

Từ mẹ, liên tưởng tới cha. Cha có hồi gặp lúc sinh kế khó khăn, tính bỏ nhà đi tu, rồi thiếu nghị lực để tu hành, bèn lang thang rong chơi cho khuây khỏa.

Gió thổi nhẹ nhàng. Trời xanh xanh, biển xanh xanh... Cha xưa từng thơ thẩn nơi nầy chăng? Ông Sơn Nam lại rơi lệ. Bà chủ quán tuổi độ tứ tuần lại kín đáo ái ngại.

"Quán cũng như nhà"! Khách thích thì đến, thì tự do ngồi chơi, muốn ngắm cảnh tha hồ ngắm cảnh, muốn hút thuốc tha hồ hút thuốc, muốn cho lịch sự cứ gọi Coca, muốn khóc cứ rỉ rả khóc không ai quấy rầy. Chủ quán lặng lẽ làm công việc nhà, trong bầu không khí tự do mà thân mật.

Ông Sơn Nam bảo mở quán như thế là theo lối mua bán nghiệp dư: Nông nghiệp là chính, thương nghiệp lai rai thôi. Tôi bâng khuâng nhớ: ở quê mình ngày nào quán nghiệp dư cũng là cái quen thuộc. Thuở nhỏ tôi từng theo mẹ, theo bà, đi đầu làng cuối xóm; lâu lâu có dịp ghé vào một cái nửa quán nửa nhà như thế. Người lớn cà kê trao đổi chuyện gần chuyện xa, trao đổi miếng trầu miếng cau; tôi "lịch sự" nhắc bà hay mẹ mua cái kẹo bạc hà. Cái mua cái bán ở quán nghiệp dư đâu đâu cũng phảng phất tình nghĩa.

Cái tình nghĩa ở quê xưa: cái đó lý thú.

Vùng tôi không có sông có biển, không có mũi Cọp gành Hùm gì, không có những điệu hát chèo đò, không có mái nhì mái nhất gì ráo... Chẳng qua có một lối hò giã gạo, tức điệu hát đối đáp giữa nam nữ trong những đêm cùng nhau hoặc giã gạo, hoặc đẩy cái máy "che", tức thứ "máy" cán mía để lấy nước mà nấu, làm ra đường... Trong những dịp hát hò như thế, nếu có được một vai nữ nổi tiếng về tham dự thì bà con đôi ba làng xúm nhau kéo tới, thức suốt đêm mà nghe hát. Hát đối đáp giữa nam nữ, tất nhiên là cái hát ân tình. Những đoạn lâm ly, xúc cảm nhất, bà con kẻ cố gắng nhớ chỗ này người học thuộc chỗ kia; về sau trao đổi, ráp nối, bổ túc, truyền tụng rộng rãi. Trong gia đình tôi cũng thấy có những nhặt nhạnh văn chương theo kiểu ấy.

Sau vài mươi năm sống ở các đô thị Việt Nam, lại ba mươi năm lưu lạc ở Mỹ, thỉnh thoảng trong đám người nhà có kẻ nhắc đến hoặc mấy câu hoặc vài đoạn. Nhân câu chuyện của Sơn Nam, nhớ một người nữ ở quê tôi ngày ấy từng có đoạn hát về chuyện bắt ngờ bắt được lá thư tình. Cô ta mừng quýnh:

(...) "Thấy đàn chim nhạn bay ngang
Nhạn ơi là nhạn, ai đưa đàng mầy tới đây?
Ai mà họa bức thơ nầy?
Hay là người nghĩa tới đây cà rà?
Em liền giở bức thơ ra
Mắt coi miệng đọc ngâm nga vài lời
Thương sao thương dữ vậy Trời!
Đêm nằm không ngủ, ngủ thời chiêm bao
Lệ sa chảy xuống má đào" (...)

Tôi sửng sốt. Gặp mấy câu thơ, tôi như người đã bỏ nhà đi làm ăn xa xứ, biệt tích lâu quá, đến nỗi lúc già trở về không nhìn ra bà con xóm giềng, trông ai nấy lạ hoắc. Cái ngôn ngữ của người nữ trong câu hát nghe không giống ngôn ngữ mình đang dùng: bức thư thì không viết mà phải "họa" ra, thư tình người ta gửi đến mà mình lại đem "ngâm nga". Người nữ ấy xài phương ngữ: "thương", thay vì "yêu". Lời ăn tiếng nói của nàng hồn nhiên, chất phác quá cỡ. Với con nhạn đưa thư, nàng kêu nhạn ơi nhạn hỡi, rồi xưng hô thân mật "tao, mầy". Với ông Trời, nàng còn thân mật hơn: Nàng vật vã kêu: "Thương sao thương dữ vậy hả ông Trời!"

Thi sĩ Yến Lan sinh ở Bình Định, chết ở Bình Định, làm thơ về Bình Định là chủ yếu. (Cái bến My Lăng của ông chắc ông cũng đặt nó đâu đó trong vùng An Nhơn, An Thái thôi!). Ông có bài thơ hay. Bài "Nhớ":

Một buổi trong rừng chim "hít-cô"
Dịu dàng buông nhẹ xuống hư vô
Những tràng ngọc tiếng lâng trong gió,
Theo những dòng mây chảy lặng lờ.
Tôi nhớ trên đường bao vảy lá,
Mà thu vàng rụng giữa ngày khô!
Ừ sao không nhớ người trai trẻ,
Trò chuyện cùng tôi dưới ánh trăng?
(Đêm qua tan hội trong làng cuối
Khi đứng bên cầu buộc dải khăn).

Yến Lan sinh năm 1916, hơn tôi chưa tới mười tuổi. Vậy người bạn

dừng lại bên cầu trò chuyện cùng ông là "người trai trẻ" thì ông bấy giờ cũng trai trẻ thôi. Và hai người cùng đi dự hội về thì cái hội thời buổi ấy chưa phải là hội cứu quốc cứu dân gì: e chăng qua hội hát hội hò giữa trai trẻ với gái trẻ. Thế thì chuyện ông Yến Lan nghe hát ở làng và tôi nghe hát ở làng xảy ra cũng gần nhau: gần về thời gian và gần về địa điểm, loanh quanh cùng một tỉnh.

Vậy mà thi ca nọ với hò hát kia xa cách nhau quá chừng. Trong cái thứ thơ xuất hiện trên sách báo của Yến Lan con chim hít-cô nó buông (buông nhẹ nhàng thôi) xuống... hư vô (!) những tràng tiếng ngọc, trong lúc mây trời kéo nhau chảy thành dòng lững lờ. Trong cái buổi đẹp đẽ như thế thì tác giả nhớ... những chiếc vảy lá rụng bên đường giữa mùa thu. Và nhớ người trai trẻ cùng đi nghe hội hát hò...

Tôi lại sừng sốt nữa. Cùng một quê kiếng với nhau, trai gái nào mộc mạc, thật thà như đếm, trai gái nào lại bay bướm, cao xa thế kia? Trong tâm hồn, trong cốt cách, trong lời ăn tiếng nói đôi bên có sự cách biệt rộng lớn quá đỗi. Có thể như vầy chăng: Yến Lan thi sĩ, ông thuộc về cái văn chương của sách báo đô thị; còn người bạn cặp kè với ông đi xem hội, trên đường về dừng chân bên cầu buộc giải khăn, người trai trẻ ấy có lẽ là một chàng trai làng, sinh và trưởng ngay tại làng quê, không chừng chính chàng ta là một trong những kẻ có hát hò đối đáp với gái làng trong hội chăng? "Ừ sao không nhớ?" Chính ông Yến Lan trước tiên nhớ tới lũ vảy lá (là cái tứ thơ của ông), ông suýt quên chàng trai. Sau cùng, ông mới chợt để ý: "Ừ, sao không nhớ?" Chàng trai không thuộc vào cái thế giới văn chương đô thị, văn chương chuyên nghiệp của ông đâu.

- Ơ kìa! Vậy thơ chàng thuộc vào loại thơ nào? Thơ đối đáp ở đám hát kết chăng? Trong cái hội làng bên vừa rồi, chàng đến với cái khăn "đầu rìu" buộc trên đầu, tiện dịp chàng có thể có dăm câu trao đổi chứ. Thôi rồi! Rất có thể đây là một người nghĩa... Người nghĩa gặp dịp bèn có thơ: thơ nghiệp dư. Không chuyên như thơ Yến Lan. Thi sĩ Yến Lan làm gì có khăn quấn đầu mà sổ mà buộc? Hai người thơ cùng qua cầu; dạng ngoài khác, tình trong cũng khác thôi. Người nghĩa với người tình?!

Tất nhiên người nghĩa xưa hơn người tình; nhưng một yếu tố "xưa" chưa đủ. Xưa như Nguyễn Đình Chiểu, như Nguyễn Khuyến, như Nguyễn Du, như Hồ Xuân Hương, xưa nữa như Nguyễn Trãi, trong thơ văn của họ đâu có ẩn tích một người nghĩa nào? Cái "nghĩa", chỉ bắt gặp nó trong ca dao lều tranh, trong thơ nghiệp dư của đám lao động: từ thuở tách rời cái tình, nó lẩn xuống từng lớp thấp. Ở chỗ thấp ấy mỗi sáng con chim không

còn buông tiếng ngọc xuống hư vô, con người không còn người nghĩa ngồi cặm cụi họa từng bức thư, cũng không còn ngồi nhớ từng cái vảy lá bên đường v.v...

Tình cờ gặp cái lều tranh có *nghĩa* ở quê ông Sơn Nam, lại gặp một *người nghĩa* trong câu hát cũ kỹ sót trong đầu mình, tôi ngẩn người: Xa xưa? Cái thời chính mình đã là đứa trẻ biết vểnh tai nghe hát là đời xưa? Tâm tình thuở ấy với xã hội thuở ấy, giờ mình thấy lạ hoắc!.

Alberto Moravia là nhà văn lẫy lừng, ăn khách vào bậc nhất ở nước Ý trong thời ông. Khi ông cụ đang viết cuốn hồi ký cuối đời, một người đến phỏng vấn. Hỏi vì sao sách ông trước sau luôn luôn bán mạnh, vì sao ông được hâm mộ dài lâu vậy? Ông giải thích: "Trong vòng sáu chục năm qua, xã hội La-mã không có gì thay đổi. Vì thế mà thiên hạ vẫn cứ tiếp tục đọc sách tôi."

A. Moravia bắt đầu có sách xuất bản hồi hăm mốt tuổi. Sáu mươi năm sau, ông cụ đã bát tuần. Bài báo thuật lại sự việc này trên một số *Los Angeles Times* vào tháng 9 năm 1990. A. Moravia sinh trưởng ở La-mã. Như vậy trong vòng non một thế kỷ trước đây, cuộc sống xung quanh ông nhà văn nọ đâu đó ổn định cả.

Hơn nửa thế kỷ, trải qua cả một cuộc thế chiến, ở La-mã không có thay đổi.

Ở ta từ 1945 đến 1975, chỉ bằng nửa cuộc đời cầm bút của ông Moravia, mà bao nhiêu bể dâu. Trước Cách Mạng và sau Cách Mạng, trước Cải Cách và sau Cải Cách, trước Giải Phóng và sau Giải Phóng: toàn những đổi thay long trời.

Xã hội xáo trộn tận đáy, tiếng nói phát ra hôm nay không còn giữ được mấy chút cái nghĩa hôm qua. Ngôn ngữ ta trải qua các biến thiên lớn không còn mang theo hơi hướng cũ. Tàn y xếp lại, mở ra còn hơi quen thuộc; ngôn ngữ trong xã hội bị xáo trộn mạnh liên tiếp không còn giữ được hơi hướng gì nữa. Ngửi nghe kỳ cục.

Xếp tàn y ngôn ngữ mang đi tận cuối trời; lúc thong dong, trịnh trọng mở ra: Lãng nhách.

Ngơ ngác. Rồi bâng khuâng. "Người nghĩa", loại người ấy đâu rồi! Chàng ta núp trong túp lều tranh nào? Nhớ chàng quá. "Nhớ sao nhớ dữ vậy Trời!"

Võ Phiến
Tháng 10-2005

ĐẶNG TIẾN

thẩn thơ võ phiến

Võ Phiến là tác gia có tầm cỡ hàng đầu trong văn học Việt Nam.

Hơn bốn mươi năm qua, từ 1956, anh đã cho xuất bản hơn bốn mươi đầu sách, thuộc nhiều thể loại văn xuôi, non nửa số được ra đời ngoài nước, từ 1975, tại Hoa Kỳ.

Nhà xuất bản Văn Nghệ (California) đã lần lượt in Toàn Tập Võ Phiến: đây là hiện tượng xưa nay hiếm thấy, đối với một tác gia đang còn sung sức viết, trong cũng như ngoài nước.

Thế mà tác phẩm mới nhất của Võ Phiến lại là một tập thơ, xuất bản tại Pháp[1].

Thơ Thẩn của Võ Phiến, do An Tiêm ấn hành 1997, khoảng trăm trang, gồm 51 bài thơ có ghi rõ thời điểm sáng tác: 7 bài làm trong nước từ 1943 đến 1975, phần còn lại làm tại Hoa Kỳ, chủ yếu từ 1986 đến nay. Người đọc để ý rằng trong thời kỳ sáng tác sung mãn nhất (1956-1975) không thấy có thơ, hoặc anh không làm thơ, hoặc bản thảo thất lạc, hoặc tác giả không muốn phổ biến. Võ Phiến làm thơ nhiều từ khi bị mổ tim lần đầu năm 1985 (lần thứ nhì 1992).

Thơ Võ Phiến phần nhiều làm theo vần điệu cổ điển, mang tính chất tâm sự và tự sự. Người đọc gặp lại những tư tưởng và cảm xúc đã từng thấy trong văn xuôi, nhất là tùy bút. Trong chừng mực nào đó, có thể nói *Thơ Thẩn* cô đúc nhân sinh quan của Võ Phiến, "diễn ca" tâm tình mà tác giả muốn gửi gấm cho thân hữu, một loại thơ người xưa thường gọi là "ký hữu". Thơ Võ Phiến không tìm độc giả, không tạo quần chúng. Có lẽ chỉ là lời nhắn cố nhân. Ai cố cựu thì về.

*

Võ Phiến không muốn tạo trường phái. Không những không có ý đồ, mà còn chống lại mọi ý đồ tương tợ. Nhưng vô hình trung, anh lại đưa ra một quan niệm về thơ, rồi minh họa bằng nhiều bài thơ. Từ địa vị của anh trong văn học, chủ yếu là văn xuôi, quan niệm của anh về thơ là một chứng

từ quan trọng. Quan niệm ấy ra sao?

Gọi là Thơ Thần vì nó đối lập với Thơ Thơ, tên một tập thơ nổi tiếng[2]. *Thơ thơ phải làm mới có. "Mùa thi sắp tới" thì học trò bận quá, thiếu thì giờ, không cặm cụi được: bèn không có thơ thơ.*

Thơ thẩn không phải làm, tự nhiên mà có (...) Thơ thẩn không bao giờ ra đời. Thơ thẩn không ra vì đời, cho đời, với đời.

Bỗng dưng một hôm nó ra, vậy thôi (...) có khi được làm quà biếu nhau, như trái cam, trái quít cho vui (...) Thơ thẩn nó quanh quẩn bên mỗi người, tự sinh tự biến. Như hơi thở, như mồ hôi.

Ngược lại thơ thơ vướng ba trở ngại: cái đáng ghét: lập trường (...) cái đáng chán: sứ điệp (và một) quái tật: diêm dúa, lập dị, lố lăng, dị hợm (tr. xii).

Đây là lời tựa, Võ Phiến gọi là "bâng quơ" nhưng thật sự là một nhận xét gay gắt về quá trình thơ Việt Nam hiện đại, có thể gây bất bình cho các "giáo chủ thi ca".

Ngoài những sáng tác, Võ Phiến đã viết nhiều bài lý luận, nhận định về văn học, anh là kẻ có "thẩm quyền". Nhưng ở đây, tác giả không sử dụng thẩm quyền, mà chỉ dùng cái quyền thông thường của người đọc thơ, và thỉnh thoảng làm thơ; và cũng nên thừa nhận thêm cái thú nghịch ngợm, "trêu ngươi" của Võ Phiến như cái thời anh đùa cợt với những thời thượng "văn chương hôm nay", "văn học viễn mơ" cách đây vài ba mươi năm. Giữa cái quyền và cái thẩm quyền, e có thêm phần quỷ biện.

*

Nhưng chỉ hiểu *Thơ Thẩn* như một nghịch lý của *Thơ Thơ* thì chưa tri kỷ tri âm.

Thơ thẩn là một trong những chữ tuyệt vời trong ngôn ngữ Việt Nam, công dụng đơn giản mà hình thái (morphologie) phức tạp. Đây là một từ láy, Hồ Lê sắp xếp vào từ đơn lắp láy[3] nhưng theo lý thuyết của ông thì có thể xem như từ kép, vì có hai từ tố[3]: thơ và thẩn có thể xem như hai nguyên vị (morphème hay radical?). Theo lý luận Nguyễn Tài Cẩn, thơ thẩn là một từ ghép vừa láy âm vừa láy nghĩa "*có khả năng xuất hiện dưới dạng tách đôi trong câu nói*"[4] vì ta có thể nói "thơ với thẩn" hay "lơ thơ lẩn thẩn"[5]. Thơ thẩn, có lẽ cùng nguồn với tha thẩn, nhưng rộng nghĩa hơn "*con mèo con chó tha thẩn*"[6].

Thử tìm hiểu nghĩa thường dùng của từ thơ thẩn. Theo Quấc Âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của (1896): "*Bộ đi lơ lẩng; không có công chuyện mần, không ai nói tới – (...) đi ra đi vô một mình... đi bơ vơ một mình*" (A). Theo

Từ điển tiếng Việt của Viện Ngôn Ngữ Học (Hà Nội, 1988), "*lặng lẽ và như có điều gì suy nghĩ vẩn vơ, lan man*" (B). Hai định nghĩa bổ sung – thật ra là hai lối nhìn người và nhìn đời – dường như định nghĩa A nhấn mạnh vào chữ thơ (không có công chuyện mần) còn định nghĩa B nhấn vào từ thẩn (có điều gì suy nghĩ).

Dài dòng, chi ly để thấy chữ nghĩa không đơn giản. Mà chữ nghĩa của Võ Phiến lại buộc ta phải đề phòng cho lắm. Võ Phiến dùng chữ và ghiền chữ - nghiền chữ - như người ta ghiền cờ, dùng chữ như đánh cờ với người đọc.

Chữ thơ thẩn gợi cho ta, trước hết, một không gian, thường là rộng và mở; thứ đến là một thời gian, thường là thơ thới, hay ít nhất là thong thả; cuối cùng nói lên một tâm trạng đơn lẻ, mơ mộng, băn khoăn khi chân bước những bước ngắn, chậm, không rõ định hướng. Thơ thẩn là nhẹ bước trong không gian im ắng, thời gian êm ả và nhân gian ưu ái.

Cửa động
Đầu non
Đường lối cũ
Nghìn năm thơ thẩn bóng trăng chơi.

Chữ thơ thẩn trong Tống Biệt của Tản Đà diễn tả nhiều tình cảm, nhưng chủ yếu là tạo nên cái không gian bao la và bơ vơ, cảnh trời đất từ nay xa cách mãi.

Tản Đà có bài thơ tên là Thơ Thẩn, vào đề

Phòng văn lặng thơ ngắt bóng trăng mờ
Ngồi nghĩ thơ mà luống thẩn

Chữ thẩn thơ mô tả tâm trạng bâng khuâng của kẻ ngồi (trong) phòng văn, chứ không nhấc bước trong không gian rộng mở như nói ở trên, hay ở câu:

Hồng bay mấy lá năm hồ hết
Thơ thẩn kìa ai vẫn đứng trông
(Khối tình con I, 1916)

Từ thơ thẩn ở đây đượm niềm nhớ nhung chua xót có lẽ đã gợi ý cho Hàn Mạc Tử:

Trước sân anh thơ thẩn
Đăm đăm trông nhạn về

Bài Tình Quê, lúc đầu, khi đăng báo mang tên là Mong Đợi (1935)[7]. Vậy người ta có thể vừa thơ thẩn, vừa "đăm đăm" thậm chí "lòng xuân cũng não nề".

Nói khác đi thơ thẩn không phải lúc nào cũng thơ thới. Nhưng thường, là một tâm trạng thoát ly, mơ mộng. Trong Mai Đình mộng ký (1809?), nhân vật của Nguyễn Huy Hổ thoáng thấy người đẹp, khi lạc vào cảnh mộng, liền bâng quơ thẩm thì một mình:

Một đình, một khách thẩn thơ
Thôi thẩm thì hỏi, lại mơ mẩn chào

Chúng ta lưu ý đến những âm láy và cách dùng chữ "mơ mẩn" kết hợp với "thơ thẩn", "thẩm thì".

Thơ thẩn đôi khi có nghĩa cụ thể giới hạn: mất thì giờ. Như trong bài Dặn thằng Cam của Nguyễn Gia Thiều dừng lại ở câu:

Rồi về cho chóng đừng thơ thẩn
Kẻo lại rằng chưa dặn kỹ càng

Thực tế thơ thẩn dọc đường không nhất thiết phải mất thì giờ... Như Nguyễn Bỉnh, đã lạc bước và "lạc dạ":

Thơ thẩn đường chiều một khách thơ
Say nhìn xa – rặng núi xanh lơ.
Khí trời lặng lẽ và trong trẻo,
Thấp thoáng rừng mơ cô hái mơ.

Hai chữ thơ ở câu đầu vọng âm lại ở hai chữ mơ ở câu cuối, vừa khác nghĩa vừa chồng nghĩa lên nhau, "rất nên thơ rất là mơ"[8] như lời Xuân Diệu (Xin mạn phép mách một đoạn thơ hay khác của Nguyễn Bính ít người nhớ:

Tôi chỉ thèm yêu được một lần,
Có người đi giữa xứ mùa xuân
Thấy con bướm trắng bay thơ thẩn,
Ắt hẳn đi tìm hương cố nhân.
(Hương, cố nhân, 1941))

*

Thơ thẩn còn có vẻ tiên phong đạo cốt như ở Nguyễn Bỉnh Khiêm:

Một mai một cuốc một cần câu
Thơ thẩn dù ai vui thú nào

Ở đây là thái độ ung dung, thư thái của bậc triết nhân đã vượt lên khỏi những nhiễu nhương trần lụy, kẻ đã nhìn xem phú quý tựa chiêm bao. Xét lại định nghĩa trong từ điển, ta thấy những nét tiêu cực của con người thơ thẩn "không có công chuyện mần, bơ vơ một mình ... suy nghĩ vẩn vơ...". Ở Nguyễn Bỉnh Khiêm, thơ thẩn là niềm vui tích cực trong cuộc sống: tác giả vẫn lao động cả hai mặt chân tay và trí óc; ông làm chủ không gian và

thời gian trong mọi kích thước:

Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao...
Rượu đến gốc cây ta sẽ uống

Có người sẽ bắt bẻ: chữ thơ thần tự nó không có ý nghĩa sâu rộng đó. Nhờ toàn thể bài thơ, và toàn thể tư tưởng, cuộc đời Nguyễn Bỉnh Khiêm dồn vào đó, mới tạo ra kích thước kia. Đã đành. Nhưng từ ngữ, tự nó phải có dung tích, sức chứa, như cái chai một lít chỉ chứa được một lít, rượu ngon hay nước lã cũng chỉ được một lít. Từ thơ thần, với âm vang của nguyên âm và phụ âm, tự nó có khả năng gợi một phong cảnh và tâm cảnh.

Trong tiếng nói, có những từ ngữ mang nhiều âm độ và sắc độ, có khả năng tiếp thu và phát huy âm sắc, những tia hồng ngoại và tử ngoại chiếu vào văn cảnh. Thơ thần là một từ tầm thường, thường bị coi thường, ít có người lưu ý đến hào quang riêng của nó.

Nhân chuyện âm vang của từ ngữ, xin mách lại một vài quan điểm của nhà thơ "mô đéc" thời danh Đỗ Kh., chung quanh cuộc tranh luận thơ thanh thơ tục, có vần không vần trên tạp chí Thơ mới đây: "thơ phải là hơi thở, không thể là bàn thờ..."[9] "Nếu đạo thơ có dòng linh thiêng thì cũng có dòng thơ Dại (...). Không bị đòn (...) của dòng thơ thầy là thơ Thợ"[10]. Bạn đọc lưu ý cách dùng chữ của Đỗ Kh.: thơ, thở, thờ, thợ... Xin thêm: thơ hay thường là thơ Dại, thơ khôn chỉ là lời nói khéo, ngắn gọn và vần vè. Quan niệm Thơ Dại, Thơ Ngây không xa với Thơ Thần của Võ Phiến. Ở những câu thơ hay, đích thực là thơ, thì thơ cũ và thơ mới, cách nhau chỉ một đường tơ.

*

Trong các tác gia lớn, nguồn rung cảm dường như bẩm sinh, hằng hữu trong những nguyên lý thâm trầm nhất. Sau quá trình sáu mươi năm (1938-1998) giọng văn Tô Hoài không thay đổi âm hao. Trước sau một nửa thế kỷ, câu thơ Nguyễn Đình Thi vẫn vậy. Những bài thơ văn xuôi Võ Phiến làm từ 1946, đã mang cảm xúc vừa chi ly vừa man mác trong các tác phẩm về sau:

"Ở Phú Yên, nhiều buổi chiều trong trẻo trôi rất chậm. Như một người đi trong khoảng đêm vắng, vừa đi vừa lắng nghe tiếng chân mình...

Ở Huế (...) Hột thông khô rơi lặng lẽ bên mình.

Ở Bình Định quê nhà, chiều chiều dạo với đứa em trên đường ruộng nhỏ. Em bé chợt ngắt đứt một tiếng cười giữa khoảng đồng vắng. Có nhiều buổi chiều, ở đây đó, gió im cây lặng. Con vịt đứng một chân bên hè, con cóc nhảy dưới thềm (...) cái rún của người con gái ..." (tr.21).

Như vậy, từ tuổi hai mươi, thế giới văn học đã thành hình trong chàng thanh niên Võ Phiến. Rõ ràng hơn nữa, cụ thể và chính xác, chúng ta đã đọc trong truyện ngắn *Về một xóm quê* viết năm 1957 chuyện một nông dân: "*khi đi chuyển dân công cuối cùng, anh không cho giặt chiếc chiếu vẫn lót cho đứa cháu trai đầu lòng mới mười ba tháng, anh muốn mang theo cả mùi nước tiểu của con để những đêm nằm trên núi bớt nỗi nhớ con*"[11].

Năm 1994, ở bài *Mùi áo cũ*, trong Thơ Thẩn, Võ Phiến nói về cõi chết:

"*Mai kia, trên thượng giới e lạc lõng. Sợ nhất cảnh lạc lõng. Biết bao lâu mới quen được mùi xiêm áo các tiên nữ quanh mình*" (tr.90).

Lời xưa, ý cũ. Võ Phiến nói để nghe âm vang giọng mình nói, lặp lại "mùi áo xiêm tiên nữ" rồi lại tự trả lời cho niềm e ngại: "*Giữa muôn hồng ngàn tía, đấng vạn thặng vẫn nhớ hoài cái hơi hướng của một chiếc tàn y...*" (tr.91). Ý không mới, vì tác giả đã diễn tả đậm đà hơn trong truyện ngắn, nhưng thấm thía qua giọng u trầm của người luống tuổi, nhớ hoài trong bóng chiều lữ thứ.

Một đoạn văn khác, cũng trong *Về một xóm quê*: "*Những buổi trưa – lại vẫn những buổi trưa, tôi nằm ngủ lơ mơ bỗng giật mình thức giấc, nheo mắt lại nhìn ra đám chuối sau vườn đứng dưới ánh nắng chói chang, vài đám mây trắng chết trân trên đầu, nghe vang lên tiếng con chim khách, tôi thấy tất cả trống trải vắng vẻ của không gian (...) Và tôi thấm thía nỗi buồn của ông tôi khi người nhìn thẳng vào cái quang vắng của cảnh nhà mà thét lên... Ai ai Quan Hầu nhập yết*" (tr.11).

Đoạn văn ấy, mấy chục năm sau (1957-1993) đã tái sinh trong một cảnh ngộ khác, từ một Bình Định xác xơ và xa xưa đến một Los Angeles tân tiến

Trưa vừa xế, ta mới vừa chợp mắt
Tỉnh giấc ra, ngày đứng phắc bao giờ
Mây ngẩn ngơ nắng cũng sững sờ
Mỗi vạt nắng trong vườn chết trân tại chỗ
(...) Khắp cả vườn không chiếc lá nào lay
Lay hiếu nào khi đất sắp ngừng quay
– Quả đất rồi nhẹ nhõm tha hồ quay
Ta đi xong, quả đất mày: Thích nhé! (tr. 63)

Tôi sở dĩ bị ám ảnh bởi câu văn vì hai chữ *chết trân*. Thế còn Võ Phiến? Không lẽ anh đọc lại văn xưa của mình để diễn ca? Muốn làm thơ, đại khái như đoạn thơ trên thì thiếu gì ý? Có lẽ mỗi nhà văn thường viết đi viết lại,

để sống đi sống lại một vài hình ảnh đơn giản. Dường như Albert Camus có lần nói đâu đó, đại khái như vậy.

Về buổi trưa trong thi ca hiện đại, Huy Cận đã để lại nhiều câu, nhiều bài xuất sắc gợi cùng một khí hậu với Võ Phiến:

Thức dậy nắng vàng ngang mái nhạt,
Buồn gieo theo bóng lá đung đưa
Bên thềm. Ai nấn hồn tôi rộng
Cho trải mênh mông buồn xế trưa.

Huy Cận thiết tha với buổi trưa đến mức mong khi lìa đời, sẽ ra đi vào lúc ban trưa:

Đời thân yêu một ngày kia ta chết
Cho ta đi khi hè chói chang trưa (1974)

Bên ngoài sự chọn lựa chính trị, mang theo nó quan niệm văn học, và nếu chỉ đứng trên bình diện rung cảm nghệ thuật, thì giữa những nhà thơ nhà văn thuộc những chân trời khác nhau vẫn có những điểm gần nhau.

Võ Phiến có một tập truyện nhan đề mượn ý ca dao: *Thương hoài ngàn năm*. Câu ca dao hẹn ngàn năm về sau, vẫn còn thương hoài, thương mãi. Ở Võ Phiến, chữ hoài còn một nghĩa thứ hai, ngược chiều, ngoái lại, thương tiếc ngàn năm đã mất. Tác phẩm Võ Phiến, tâm hồn Võ Phiến, là chữ tình một khối u hoài khôn nguôi. Võ Phiến là Người tù một đêm xuân trăng sáng, người tù không có hy vọng nào được phóng thích hay vượt ngục, vượt biên. Võ Phiến, người tù của một hột thông rơi lặng lẽ bên mình (tr.20), một chiều Huế 1946 và – năm mươi năm sau người tù của tiếng chó rài ăng ẳng từ xóm cũ sủa theo... đêm đêm Los Angeles

Đêm đêm nghe xóm quê ủng ẳng gọi tìm
Đêm đêm nằm nghe tuổi thơ dai dẳng gọi tìm nhau.

Mai kia, mình đã đi xa, đêm đêm tiếng ủng ẳng của trần gian rồi có đuổi theo sang thế giới bên kia, như thể tiếng gọi kêu tuyệt vọng của cõi nhân thế tuyệt vời... (tr.99).

Bài viết tháng Bảy 1995. Tôi thèm được gửi đến cố nhân một đêm sao mùa hạ cũ. Một nhấp nháy tuyệt vọng tuyệt vời trên một cọng rơm khô. Với mấy chữ trong thơ xưa "nhất phiến nhu hoài" mà Vũ Hoàng Chương ưa thích.

Năm 1957, phong cách Võ Phiến còn đơn giản, anh đã đặt một cái tên thật thà *Tuổi thơ đã mất* cho một truyện ngắn có tính cách ma quái: một nhân vật, đồng thời là người kể chuyện, bị phân thân, thường xuyên sống đeo đẳng với cái bóng của mình như một bóng ma. Về sau, trong những

Truyện thật ngắn (1991), bút pháp tân kỳ hơn, Võ Phiến vẫn hư cấu những cốt truyện phân thân hư hư thực thực như thế: Tôi nhiều đứa, Thằng bé, vẫn loanh quanh chủ đề "xa cách tuổi thơ hơn một kiếp luân hồi"[12].

Trong tùy bút *Khách xá Quy Tâm* (1988) mượn tên một bài thơ Giả Đảo – Võ Phiến đã diễn tả những thay đổi trong tâm hồn người di dân đã thích ứng "an phận" với không gian mới, nhưng vẫn còn nghe những âm vang quay quắt:

"*Trong đêm tối mịt mùng, tiếng hú vượt qua muôn dặm bể khơi, lướt trên mặt sóng, chao động chập chùng bất tận, trên những con sóng phản trắc đời đời bí hiểm, tiếng hú như thể có sức xoáy sâu vào tâm hồn kẻ lưu lạc. Sao mà không quay quắt được. Ôi những tiếng hú huyền bí thê lương mà thiết tha, những tiếng hú hút hồn người lữ thứ*"[13].

Thật khó mà phân biệt đâu là văn xuôi, đâu là thơ, giữa tiếng hú hút hồn và tiếng sủa ăng ẳng. Có lẽ thơ ít lời và thấp giọng hơn. Đoạn văn kể trên được trích từ tập tuỳ bút Quê (1992) mào đầu bằng hai câu thơ của Tường Linh, không biết Võ Phiến moi ở đâu ra:

Phiến mây cố quận ngàn xa gợi
Một cõi thơ và một bóng quê

Dù có viết trăm ngàn trang thì tôi cũng không thêm được gì so với hai câu thơ của Tường Linh, nhà thơ cùng quê.

Thơ và văn xuôi khác nhau chỗ này chăng?

*

Võ Phiến là nhà văn của những phôi pha. Những bất hạnh nhỏ nhoi, những nguồn vui vặt vãnh, là những "ảo ảnh" trong "phù thế". Con người trong tác phẩm Võ Phiến, nói chung vừa là nạn nhân của thời cuộc vừa chối từ lịch sử. Điều then chốt là ở đây. Nói là mâu thuẫn cũng được, nói là hệ luận cũng xong. Dùng chữ lớn lao, gọi anh là phi sử quan, phi biện chứng, nói cho gọn, gọi anh là "chống cộng", đều được. Thiếu thời, Võ Phiến sống với bà nội và tâm sự "*chỉ khi nào gần bà tôi, tôi mới thấy lịch sử là mênh mông*"[14a]. Lịch sử, ở đây, là những chuyện cụ thể về dòng họ, làng nước do bà kể. Đời bà cụ loanh quanh với những hũ mắm cua chua mà giá trị chẳng thua gì một thư viện gồm mấy vạn cuốn sách quý, hoặc một kho tàng đồ cổ vô giá[14b]. Nhìn một cách nào đó (dĩ nhiên là sai) thì Võ Phiến không phải là tác giả "trí thức", không vận dụng vào tác phẩm tri thức và lý luận trừu tượng. Lịch sử là một khái niệm trừu tượng, mà người ta có thể đem ra thảo luận ngược xuôi, nhưng viên đạn ghim vào đùi Bốn Thôi[14c] là một thực tế không có gì đáng bàn luận.

Về sau này, nhất là từ khi xa rời đất nước từ 1975, Võ Phiến có khoảng cách, nhìn đất nước xa hơn, trong không gian và thời gian, rồi trích dẫn ca dao đất nước:

Ngồi rồi vác thước đi đo
Đo từ núi Sở đo lên chùa Thầy[15]

Anh không còn chăm chút vào Bồ địch Giếng Vuông của tuổi thơ nữa. Và đặc biệt trong Thơ Thẩn, Võ Phiến đã để trí tưởng lang thang "lạc đường vào triết lý".

Thơ và văn xuôi khác nhau ở chỗ này chăng?

Ôm be rượu nồng nhớ bầu sữa mẹ

Nỗi nhớ đi xa hơn nữa, lần lên quá cõi trăm năm:

Nhớ biết bao cái thuở êm đềm
Thuở đạo lý chưa phân chia lành dữ.
...Và con người, ôi, rất mực thơ ngây
Chưa cảm xúc, e chừng chưa cảm giác. (1993, tr.66)

Ký ức lần theo thượng nguồn, đến thời Homo Erectus:

Hai triệu năm rồi đứng mỏi lưng
Nhìn quanh lạc lõng giữa mông lung. (1994, tr.87)

Lối suy tưởng xa xăm này, chúng ta chỉ mới gặp gần đây ở Võ Phiến, đặc biệt là sau những lần mổ tim. Trước kia, không thấy anh băn khoăn về nguồn gốc con người và vũ trụ, thậm chí có thể xem anh là nhà văn "phản siêu hình" thỉnh thoảng chế giễu triết gia và triết học[15] thường xuyên từng dòng từng chữ truy tìm những "*chi tiết ngớ ngẩn. Ta không ngờ lỗ chân lông lại to đến bậc đó... những đường nứt nẻ trên môi... sợi gân xanh trên trán... những gân máu đỏ ở khóe mắt...*"[14d]. Chỉ sau này, ta mới gặp cảnh: "*Trên đỉnh cao giữa lục địa, ông giẫm chân lên những vỏ sò vỏ ốc đã chết từ 250 triệu năm xưa. Dưới mắt ông, phơi bày ra cả một lớp đất già đến hai tỷ năm... Chưa bao giờ mình được sát kề cái Vĩnh Cửu cái Vô Cùng đến thế*" (Quê, sđd, tr.77). Nhưng từ Grand Canyon, đỉnh cao lục địa, tầm nhìn lại quay về nội giới, về "*mảnh đất quê hương, tại các di chỉ Hòa Bình... Thế rồi Quỳnh Văn, Đa Bút... Cho đến các di chỉ Phùng Nguyên (...) Những hài cốt nằm ngửa quay về biển. Mãi sau này người chết mới quay về núi*" (sđd, tr.90-91). Ôi cái tâm sự về chiều sao mà não nùng, thê thiết. Tháng Tư năm 1975 khi lìa xa đất nước, Võ Phiến làm một bài thơ vỏn vẹn có ba câu dang dở:

Ra đi tuổi chẵn năm mươi
Năm mươi tuổi nữa, nào nơi ta về

Ngàn năm mây trắng lê thê (tr.30)

Ba câu này, vì một tình cờ, đã nằm trong sổ tay của tôi, do Võ Phiến ghi vào. Và cũng tình cờ mà tôi còn giữ, để bây giờ "*tưởng chừng như nghe thấy các đấng tổ tiên (...) trong những mộ sâu và chật cứng bên kia Thái Bình Dương hướng về phía bên này mà gửi đi những tiếng hú dài (...) Thật là ghê rợn khủng khiếp đối với kẻ không về được*" (Quê, sđd, tr.90-91).

Khách quan hơn mà nhìn, và nói chung thì thơ Võ Phiến không ảm đạm như vậy; ngược lại thường là trần gian hạnh phúc. Võ Phiến là người có khả năng quan niệm và cảm thụ hạnh phúc, có hảo ý chia sẻ hạnh phúc với đời, và bén nhạy lúc nhận diện niềm vui ở kẻ khác, tuy rằng ở văn xuôi, anh thường đùa cợt hay độ lượng trước những niềm vui đó. Trái lại, trong thơ, Võ Phiến như khoan dung với chính mình.

Hạnh phúc với Võ Phiến là sự hòa đồng, hòa hợp giữa con người và vũ trụ, tóm tắt trong một câu thơ

Trên mảnh vườn xưa muôn vật một linh hồn

Con người lắng nghe, và có khả năng thấu hiểu những trăn trở của không gian, những chuyển mình mong manh nhất:

Một ngôi nhà
Hôm bắt đầu cuộc sống chúng ta
Em nhớ chứ? Cái đêm dài kỳ lạ.
Gió định đến, chợt ngập ngừng, rút lui êm ả
Suốt một đêm cây lá nén hơi
Tàu chuối toan trở mình, nghĩ lại bèn thôi
Trời gần sáng mới có mưa rón rén

Vũ trụ có những sinh hoạt tinh thần, mà con người "đọc" được: định đến, chợt, ngập ngừng, nén hơi, toan trở mình, rón rén... tác giả nắm bắt được những ý nghĩ thầm kín của thiên nhiên. Và ngược chiều, cỏ cây cũng thấu đáo niềm bí mật của con người:

Giọt nước đọng giữa mỗi lòng bụi cỏ
Cứ nhấp nháy tinh ranh

Con người và vũ trụ thậm chí còn đồng lõa trong những tình cảm bất chính: thơ Võ Phiến hay ở chỗ ranh mãnh, tinh quái; cho là kinh nghiệm của văn xuôi đi nữa, thì vẫn là một sinh thú cho người đọc. Quan niệm hạnh phúc đôi khi rất đơn sơ:

Quả có thế, cùng biết nhau, biết cả
Tôi với em, với gà vịt, với ngôi nhà
Tưởng chừng như một thịt một da...

Sự hòa hợp hòa đồng ấy đưa đến một câu thơ xuất sắc:

Nhà quạnh vắng, lũ ruồi buồn nắng xế

và một kết luận tuyệt vọng tuyệt trần:

Em ơi, đất đá xưa đã trút cạn linh hồn (1992, tr.55-57)

Lịch sử loài người, tiến bộ khoa học, là quá trình bạo lực, lấn chiếm, chế ngự thiên nhiên. Nói chung, Võ Phiến không tin vào khoa học và lịch sử để mưu cầu hạnh phúc: đây là một tư tưởng thường xuyên, từ trẻ đến già, từ một xóm quê xơ xác Bình Định Giếng Vuông cho đến Los Angeles đỉnh cao kỹ thuật. Trong Thư Nhà, 1982, Chuyện Bốn Thôi, anh đã viết ngao ngán: "*thứ chân chữa lành bằng thuốc Dagénan vẫn không bằng thứ chân chữa bằng dầu rái*"[14e]. Chúng ta không ai lạc hậu đến mức đi so sánh hiệu lực của dầu rái với Dagénan, nhưng chuyện của chúng ta nằm ở chỗ khác: ở những bàn chân, những vết chân và những bước chân, thậm chí những "*tiếng guốc... ngần ngại dò la từng nhịp đập của một con tim*" (Truyện Thật Ngắn, sđd, tr. 108).

Hạnh phúc là niềm vui mong manh lưu lại vài hình ảnh êm đềm trong ký ức. Mong manh, nó e ngại thời gian và ngại ngùng trước lịch sử và khoa học, những bước chân giục giã thời gian. Võ Phiến muốn lẩn trốn thời gian để gìn giữ tuổi thơ. Anh luyến tiếc thời Đường thời Tống mà anh chưa bao giờ sống, chẳng qua là để mình tự nhớ mình. Một bài thơ hay, làm từ 1947, cổ điển, tài hoa và uyên bác:

Người xưa song bước với Thời Gian
... Bước chân bình thản đi về mộ
Thôi có thù chi với tháng ngày
Tôi biết thời xưa từng có hạc
Có chàng Lý Bạch thở ra thơ
... Khuya khuya say ngủ bên sân trúc
Vụt tỉnh vầng trăng khuyết ngẩn ngơ.
... Thành thơi buổi trước có nhiều tiên
Giữa trần du ngoạn Liễu Tôn Nguyên,
Nam hành biệt đệ – Vi Thừa Khánh
Đạm đạm tràng giang, dạ khách phiền
... Phong lưu thiên hạ đều nghe tiếng
Nhớ thuở "hồng nhan" Mạnh Hạo Nhiên
– Cuộc đời rộng rãi như hơi gió
Sống dễ làm sao! Vốn thành thơi
Giọng của các người điềm tĩnh quá

Trong như thu thủy thoảng như hơi
– Gió bay tờ sách – tôi ghen tiếc
Ôi các nhà thơ của một thời. (1947, tr.26)

Thơ Võ Phiến còn gợi lên những niềm vui cụ thể, nồng nhiệt:

Em đứng, em ngồi, vườn sau hiên trước
Em tôi chật ních buổi mai
Em thở, hơi thở em chật cả đất trời
Đời hữu hạn chợt quên mình hữu hạn
Mây nước phập phồng ánh sáng vang vang
Chúng ta từng sống những giờ chật ních nhân gian (1995, tr.92)

Đọc bài thơ, ta mừng tác giả – và con người – đang sống niềm hoan lạc lớn lao, nhưng đến câu cuối, chữ từng, một chữ thôi, bỗng xô toàn niềm hạnh phúc vào hoài niệm và mất mát... cùng nhiều bài thơ khác:

Chợt nhớ lại anh với em buổi ấy...
... Âm dương hòa hợp thịnh mãn xôn xao
Ôi càn khôn sao vừa vặn khít khao...
... Họ đâu rồi, cặp Anh Em thuở trước
Tiếc nhớ mông lung như nước biếc tiếc trời xanh
Họ đâu rồi? còn lại chúng ta
Nhăn nhúm, ngẩn ngơ.. (1993, tr.74)

Chữ Em không nhất thiết phải là một kẻ khác, một phụ nữ; có khi nó là tác giả nói chuyện với mình

Gió bấc thổi em – te tua mái rạ
Trưa hè nắng em – mép ruộng bờ ao
Rạc cánh chuồn chuồn
Đông hạ bốn mùa Bồ Địch Giếng Vuông
Vẫn em đấy. Mình em lủi thủi
Vật đổi sao dời, em chưa mười tuổi
Một mình em giữa bao mồ mả tổ tiên
... Em thấy đâu hình ảnh lão già mỏi mệt
Đang loay hoay quờ quạng dọn một chỗ nằm
Nơi lục địa xa xăm (1993, tr. 72)

Bồ Địch Giếng Vuông là nơi sinh tác giả (1925) đã để lại những hình ảnh cụ thể cho tuổi lên mười, lủi thủi, te tua, rạc cánh chuồn chuồn. Lên tuổi hai mươi, hình ảnh thơ mộng hơn, nhưng nhòe nét:

Còn ta, ờ nhỉ, còn ta nữa
Hình như ta cũng nhớ ai đây?

Nhớ chàng trai nọ hai mươi tuổi
Nón cối trên đầu, dưới nắng mai
Nắn lá thư tình trong túi áo
Đứng nghe cưỡng sáo hót ven sông
Hạnh phúc giữa trời vang lành lót
Gió mây phấp phới tận trong lòng. (1986, tr. 35)

Trong Thơ Thần phảng phất nỗi buồn, nhưng không bi lụy. Có lẽ nguồn vui văn chương và sức mạnh tư tưởng đã hóa giải được thân phận, tạo được nơi Võ Phiến niềm an lạc trong phong cảnh quê người:

Tiếng ai cười nói vang trong nắng
Phải bà hàng xóm ngực rung rinh
Máy ai cắt cỏ vườn bên cạnh
Khiến nên ánh sáng đầy âm thanh
Ngọn gió trên cao vừa lướt nhẹ
Ngẩn ngơ con chó hít trời xanh
... Ta toan an lạc cùng cây cỏ
Cười vui hoa cải với hoa cà
– chợt nghiêng tai lắng lời kêu réo
Réo gọi ta từ xa, tít xa (1987, tr.40)

Chúng ta mừng là Võ Phiến còn đủ tươi tắn nhìn sang ngực bà hàng xóm, nhìn con chó hít trời xanh, chắc là chó tây – chó việt chỉ rài ăng ẳng từ xóm cũ (1995, tr.99). Nhưng tươi tắn nhất ở cách nghịch chữ trong câu cuối, tiềm ẩn một câu khác, ý khác, một thứ ẩn tự (anagramme) theo nghĩa de Saussure[17]:

Ta từ xa tít xa ta

Ta vẫn nói: xa tít xa tắp, thít tha, thịt thà. Ai ngăn được tôi nói: xa tít xa ta (Tôi lại nhớ bài *Kẻ ở* của Nguyễn Đình Tiên: *Mai chị về xa tít dặm xa*).

Võ Phiến dùng lối nghịch chữ để kết luận một bài thơ khác, bài *Nghìn sau* "triết lý":

Trong cõi vô thủy vô chung mịt mù biền biệt
Ôi nghìn sau, biết mấy bùi ngùi
... Kẻ trước người sau rồi mất cả
Vũ trụ càn khôn không hề có trí nhớ
Không hề! (1992, tr.49-50)

Chữ không hề câu trên có nghĩa chưa hề, không bao giờ. Câu cuối, chữ hề còn là một chữ đệm trong thơ cổ, trong từ và nhạc phủ, nó làm nổi bật chữ không có nghĩa là hư vô – một trong khái niệm đạo học đông phương.

Trong bài *Hôm qua* (1994, tr.84) nói về cõi chết, tác giả lặp lại hôm qua với vần qua năm câu liên tiếp để độc giả tinh ý phải tự thêm vào dấu nặng thành "con quạ của già Poe" (1993, tr.80). Người sành điệu sẽ nhớ một câu thơ Nguyễn Giang (1910-1969):

Chiều hôm đàn quạ lượn trên sông

Tri kỷ thì nhớ bài *Đêm thu nghe quạ kêu* của Quách Tấn cùng quê với Võ Phiến. Người uyên bác còn liên hệ với thơ Lưu Vũ Tích thời Đường:

Ô y hạng khẩu tịch dương tà

(Đầu ngõ áo đen nhạt bóng chiều)

Tìm ra được dấu nặng thêm vào chữ qua thành quạ cũng chẳng tài giỏi gì, vì Võ Phiến đã "gợi ý" trong bài thơ xuôi Lên đường:

"*Trên con đường đèo cuối tầm mắt, duy còn độc một chiếc xe màu đen lẩn lút trốn nhanh (...). Quạ vừa kêu vừa xô nhau bay... Quạ kêu gấp gấp, đi ngay đi ngay. Tiếng quạ đã xa: "À. Thế à? À, à, à" Quạ kêu xa nữa: "À, à... Á, á, á" Quạ xa thêm nữa "Á, á, á..."*

Thôi, hết." (1994, tr.89)

Về một cái dấu nặng trong hoang tưởng mà phải dài dòng, vì như tôi đã nói trong đoạn đầu "chữ nghĩa Võ Phiến buộc ta phải đề phòng cho lắm".

Thật ra, ngôn ngữ Võ Phiến, nói chung, không quá quắt và anh cũng không đòi hỏi người đọc phải quay quắt như vậy.

Cùng trong đề tài hạnh phúc phôi pha của trần gian, anh có những bài thật hay và đơn giản như *Tạ từ thân xác*:

Ta đến từ đâu, đâu biết được
Đến đây được biết có Mình thôi
Gặp nhau từ thuở ban sơ ấy
Quấn quít nhau không một phút rời.
Tiền thân dù có, dù không có
Ta có Mình khi ta có đời
Có Mình, ta có luôn trời đất
Đã tuyệt vời chưa Thân Xác ơi (...)
Rồi đây cách biệt – muôn đời biệt –
Bỏ tai bỏ mắt ta đi xa
Ta đi xa tít ngoài nhân thế
Ta gửi Mình nơi lòng đất già
Hình hài không có, đời không có
Ta có gì chăng để gọi ta? (...)
– Lang thang đâu đó ngoài vô tận

Một mảnh linh hồn nhớ thịt da. (1986, tr.36, 37, 38)

Nguồn vui hòa tan trong lời thơ, hóa giải thân phận sau khi hòa giải với hình hài. Người đọc vui lây vì thấy Võ Phiến không còn lo "*né lằn roi bên này, tránh viên đạn bên kia*", và ngược lại an vui trong cảnh tạm dung, người tạm trú.

Văn chương, nghệ thuật là những bàn tay, vô hình hay cụ thể, đã dẫn dắt Võ Phiến lân la, thơ thẩn ven bờ bi kịch. Nhân vật, những đứa con tinh thần của Võ Phiến, thường xuyên sống bi kịch. Họ tìm cách đào vong, cách này hay cách khác nhưng ít khi thoát khỏi nanh vuốt của số mệnh mang tên là Lịch Sử. Trong những bi kịch Việt Nam, Lịch Sử còn tàn nhẫn hơn Thần Linh trong huyền thoại La Hy. Vì Lịch Sử vừa là thực chất vừa là huyền thoại: đánh người đánh cả hai tay. Thần Linh chỉ có quyền uy và bạo lực, Lịch Sử còn nhân danh công lý và đạo lý. Trẻ Tạo Hóa chỉ mới đành hanh, Già Lịch Sử cay nghiệt, không bao giờ lơ đãng.

Sống lìa xa quê hương là một bất hạnh. Nhưng nhờ luật bù trừ, nỗi bất hạnh lớn đó, thỉnh thoảng có mang ít nhiều an ủi. Xa vùng sấm sét, con người thỉnh thoảng nhìn về, bắt gặp một khoảng trời xanh, có khi điểm vài ánh sao li ti. Xa xứ, dường như cái nhìn Võ Phiến rộng rãi, bao dung hơn, nhất là với thời gian

Vũ trụ vận hành êm ả thảnh thơi
Chuyện gì rồi cũng bỏ qua thôi (1993, tr.69)

Giải thoát nhờ huyền học phương đông, Võ Phiến còn sống lại nguồn vui hồn nhiên của dân gian Việt Nam, như lời ca dao:

Cái kiến mày ở trong nhà
Tao đóng cửa lại mày ra đường nào...

Lối nhìn, lối nói phúng thế theo kiểu dân gian – hay Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Khuyến... xưa kia – ta vẫn gặp trong văn xuôi Võ Phiến. Nhưng lối châm biếm thường cay chua, thậm chí còn độc ác. Trong Thơ Thẩn, lời đùa vui đối với bản thân có tính cách hòa giải, phóng túng, bằng hữu, như bài *Đáp bạn Chu Ly*, về thân phận người di tản:

Thư bạn nhắc qua thời lả lướt
Đọc xong thở dài nghe thậm thượt
... Mỗi người miễn cưỡng một Kinh Kha
Sông nào sông nấy sông Dịch tuốt
... Tiếng cười cái liếc thoắt trao nhau
Nhất khứ, thôi rồi bao mộng ước
Thôi rồi cười liếc nữa mà chi

– Kinh Kha lầm lũi nhanh chân bước
Kéo lê kiếm bạc đi vào hư vô. (1993, tr.59-60)

Bài thơ cũng như bài *Đọc thơ Đường* đã dẫn, hay một cách "chuyên nghiệp", không thuộc vào dòng "thơ thần" như Võ Phiến tự nhận về sau... Võ Phiến có tài làm thơ và sớm thành tựu về thơ, nhưng anh đã chọn văn xuôi làm bút pháp, âu cũng là một chọn lựa căn cơ và chính đáng. Vì văn xuôi rộng đường đi hơn, hợp với xã hội Việt Nam hơn, có quần chúng đông đảo và lâu bền hơn. Ngoài ra, ta có thể làm thơ khi viết văn xuôi – truyện ngắn, tùy bút, thậm chí phê bình – khi đó văn xuôi sẽ được nâng cấp. Ngược lại thì không xong: viết văn xuôi khi làm thơ ngang phè, prosaïque, thơ bị xuống cấp. Nguyên Hồng làm thơ hay, nhưng sự nghiệp đồ sộ của ông là văn xuôi. Ngược lại, Xuân Diệu viết truyện hay, nhưng chủ yếu là nhà thơ về mặt sáng tác. Tuy nhiên, làm thơ khi luống tuổi để cô đúc một số cảm xúc, tư tưởng là một việc chính đáng. Mai Thảo cũng vậy, về già chỉ làm thơ. Trên tạp chí Thơ số mới nhất, Thanh Tâm Tuyền có tiết lộ là Mai Thảo 1955 bước vào văn học với một bài thơ xuất sắc *Cúi đầu* ký bút hiệu Nhị[18] nhưng sau đó dồn nghị lực vào văn xuôi. Và đặc sắc trong văn xuôi Mai Thảo là chất thơ. Điều này vẫn đúng đối với nhiều nhà văn phương Tây. Tại Pháp, trong kỳ thi tuyển giáo viên trung học (CAPES) năm nay (3-1998) thí sinh phải bình giải một đoạn văn của Michel Butor, đại ý như sau:

"*Thời sinh viên, cũng như nhiều người, tôi làm vô số thơ. Không phải để giải trí hay luyện nghề; mà để gửi gấm cả cuộc đời vào đó. Bỗng nhiên, từ ngày bắt đầu cuốn truyện đầu tiên, suốt nhiều năm tôi không hề cầm bút làm thơ, vì muốn dồn vào truyện đang viết tất cả nguồn thơ; và nếu tôi chọn bước vào tiểu thuyết, cũng vì tôi đã gặp trong cách hành văn này nhiều khó khăn và mâu thuẫn khi đọc các nhà văn lớn, tôi đã cảm thấy trong đó một chất thơ (charge poétique, lượng thơ) kỳ diệu. Vậy tiểu thuyết, trong những hình thức cao quý nhất có khả năng giải tỏa những khó khăn nói trên, và thừa kế gia tài của thơ trước kia*"[19].

Nói chuyện dông dài về thơ - truyện Võ Phiến, sang cả Nguyên Hồng, Mai Thảo, là cũng muốn mượn cơ hội nêu lên một vấn đề lý thuyết phổ thông, cơ bản và hiện đại.

Nhưng trong thực tiễn sáng tạo, hiện tượng ấy đã xảy ra ra sao?

Mới đây, Võ Phiến đã kể lại một kinh nghiệm – không nhất thiết của bản thân – trong một tùy bút có tính hoạt kê *Ngày của Chúa* (1990): một người cao hứng, làm thơ ca ngợi ngày Chủ Nhật, nhưng được dăm câu thì cụt hứng:

"Chàng ngắc ngứ, như con gà nuốt phải dây thun. Chàng loay hoay, như gà mắc phải tóc. Thần bút lúng túng quá, làm chàng rối cả trí. Sau cùng đành quẳng cả thần bút thôi. Chàng vội vàng, không thể cứ một bước mỗi vướng vít lăng nhăng vào vần này điệu kia. Thôi hãy cứ văn xuôi mà xổ vậy. Chàng như một người đang cầm đũa ngà, ăn chén bịt bạc, bỗng gặp món đắc ý, cao hứng quá, quẳng cả đũa, dùng năm ngón tay mà bốc, bốc lên mồm gặm nhồm nhoàm. Dùng tay như kẻ ăn chân gà, cánh gà". Ngoài những vướng vít vần điệu, còn lúng túng vì "một lẽ nữa là cái thứ thơ (...). Trong ý nghĩ của chàng, ngày Chủ Nhật của Chúa như chiếc ống thổi lửa (...) – Ngày của Chúa như ống thổi lửa? Kể ra, chàng không được phép này ra một cái "tứ thơ" lố bịch như thế, lếu láo như thế"[20].

"Cái ống thổi lửa – nói cho ngay – nó quả chưa có dịp đi vào thơ văn. Nó chưa "đi vào" đâu cả". Trong Hồng Đức quốc âm thi tập có thơ về cái bếp, ông táo, cái rế nhưng không thấy ống thổi lửa. Nhưng là tứ thơ, nó có lố bịch, lếu láo không? Võ Phiến đã chứng minh là không, trong một đoạn văn xuôi đầy ắp chất thơ: "*Trước kia ở làng quê không nhà nào là không có cái ống thổi lửa. Đó chỉ là một ống tre khô, ngắn hơn gang tay, nhỏ hơn cườm tay, một ống tre trống rỗng không có mắt. Người ta kề miệng vào một đầu ống, đầu ống kia chĩa vào đầu bếp mà thổi. Thổi như thế, bao nhiêu hơi dồn thẳng vào bếp, không bị tản mạn lung tung, do đó than bùng ra lửa, lửa mau bùng lớn ngọn*"[20].

Trong sự thưởng ngoạn (quê mùa) của tôi, đây là một đoạn văn xuôi đặc sắc dạt dào thi tính. Một chất thơ mật thiết, đến từ cuộc đời làm bằng những tương quan cụ thể giữa trần gian: ống tre, cườm tay, miệng, hơi thở truyền hơi thở con người vào đời sống thiên nhiên "*than bùng ra lửa, lửa bùng lớn ngọn*". Ngọn lửa, ánh sáng và hơi ấm, là sự sống bùng lên từ hơi thở – thường là hơi thở của một người đàn bà, phà sức sống vào cành khô củi chết, vào tro tàn than lạnh:

Lòng ta nay, tro tàn bếp lạnh (1993, tr. 78.)

Một hình tượng như vậy không thi vị, thậm chí không thiêng liêng sao? Ấy thế mà cái ống thổi lửa thân mật thân thiết đã bị lãng quên trong một xó ký ức không được một tia sáng lịch sử văn hóa nào soi tới. Phải đợi Võ Phiến nhắc lại ta mới sống lại trong lòng bàn tay, ở đầu hơi thở một thoáng dịu dàng, ấm áp đã xa xăm. Võ Phiến là thi sĩ trong văn xuôi, thi sĩ của trần gian. Là thi sĩ. Đọc và nghiên cứu về thơ trong nhiều năm, tôi đã gặp nhiều định nghĩa, hùng hồn và uyên bác. Riêng với Võ Phiến, tôi dám hạ bút: "Thơ là ống thổi lửa" mà không sợ mấy chữ "lố bịch, lếu láo" anh đã

dùng. Đời là ống thổi lửa. Triết lý chăng?

*

Thơ Thẩn, thi tập của Võ Phiến, không phải là biến cố văn học. Tác giả không muốn vậy, chỉ xem như là một bó cỏ gửi đến bạn bè. Bên ngoài tình cố cựu, tôi đặc biệt lưu ý đến giá trị văn học của tập thơ. Trước tiên, nó đúc kết kinh nghiệm một đời văn, về mặt xúc cảm, tâm tình, suy nghĩ và hành văn. Một đời văn dồi dào, súc tích, đa dạng. Và chìm nổi. Tác phẩm Võ Phiến, ngay từ đầu, đã mang nhiều đặc tính dân tộc – nhưng ở cục bộ: thân phận con người, cá nhân và địa phương. Trong Thơ Thẩn, tình tự dân tộc rộng hơn, xuề xòa, xởi lởi. Một thứ minh triết chân quê. Một triết thàng. Làm nhớ một Nguyễn Trãi, Nguyễn Khuyến lúc lui về sống trong làng.

Tưởng không giấu được ai: tôi viết về Võ Phiến vì chút tình riêng. Không phải là chuyện văn nghệ. Chỉ vì văn nghệ, tôi không đọc như vậy, không thấy và không viết như đang viết. Giữa con người với nhau dường như có cái gì quý hơn, sâu hơn, bền hơn văn chương.

Mở đầu tập tùy bút *Thư Nhà* (1962), Võ Phiến viết: "*dầu sao khi mình chết mà con cháu có làm đến quận công, sao bằng đang sống mà gặp được sự chung tình. Sự chung tình vô giá càng ngày càng khan hiếm đó, tôi chắc chắn có thể tìm được ở đây*".

Ở đây, là ở đây:

Đặng Tiến
7.-02 - 18.-4.1998
Đọc lại, 09- 01- 2007

---

[1] Thơ Thẩn, nhà xuất bản An Tiêm, Paris 1997, 70 FF. Địa chỉ liên lạc: 14 villa des Acacias, 202 rue d'Epinay, 95360 Montmagny.

[2] Xuân Diệu, Thơ Thơ, Đời Nay, Hà Nội, 1938, tái bản nhiều lần.

[3] Hồ Lê, Vấn đề cấu tạo từ, tr 216, 80 và 203, nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976.

[4] Nguyễn Tài Cẩn, Ngữ pháp tiếng Việt, nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 82.

[5] Hứa Văn Hoành, Từ láy trong tiếng Việt, nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985.

[6] Võ Phiến, Truyện ngắn Văn chương, báo Văn Học, California, số Xuân Đinh Sửu, 1997, tr.6.

[7] Báo Sàigòn Văn Chương, 25.11.1935.

[8] Xuân Diệu (viết về Thế Lữ) trong Tuyển tập Thế Lữ, nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1983, tr. 597.

[9] Đỗ Kh., tạp chí Thơ, California, số 9, 1997, tr. 42.
[10] Đỗ Kh., tạp chí Thơ, số 10, 1997, tr. 38 (Chàng còn viết "luận về thơ pả hi vần pả hi vèo" – pả hi: từ "phải" in... quấy !)
[11] Đêm Xuân trăng sáng, nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng, Sài Gòn, 1961, tr. 310 và 319. In lại trong Tuyển tập, nhà xuất bản Văn Nghệ, California, 1987, tr. 11 và 17.
[12] Truyện thật ngắn, nhà xuất bản Văn Nghệ, California, 1991, tr.7.
[13] Quê, nhà xuất bản Văn Nghệ, 1992, tr. 92.
[14] Thư Nhà, Thời Mới, Saigon 1962, lần lượt: (a) tr. 134, (b) 130, (c) 145, (d) 35, (e) 106.
[15] Chim và rắn, trong Truyện ngắn II, Văn Nghệ, California, 1987, tr 295.
[16] Lại thư gửi bạn, Người Việt, California, 1979, tr 7.
[17] Jean Starobinsky, Les mots sous les mots, Gallimard, Paris, 1971.
[18] Tạp chí Thơ số 12, 1998, tr.7. Mai Thảo tên thật là Nguyễn Đăng Quý sinh 8.6.1927 tại Nam Định, mất ngày 10.1.1998 tại California. Tác phẩm cuối là tập thơ Ta thấy hình ta những miếu đền, nhà xuất bản Văn Khoa, California, 1989.
[19] Répertoire II, Minuit, Paris 1964, tr. 7, dẫn theo đề thi CAPES.
[20] Sống và Viết, nxb Văn Mới, California, 1996, tr. 33-34-35. 7.2.1998

THƠ TRÍCH

VÕ PHIẾN

TẠ TỪ THÂN XÁC
Ta đến từ đâu, đâu biết được
Đến đây được biết có Mình thôi
Gặp nhau từ thuở ban sơ ấy
Quấn quít nhau không một phút rời.
Tiền thân dù có dù không có
Ta có Mình khi ta có đời
Có Mình, ta có luôn trời đất
Đã tuyệt vời chưa Thân Xác ơi
Một hớp trà thơm, dăm cánh bướm
Là ơn đôi mắt với vành môi.
Ngẫm ra nước biếc cùng mây trắng
Cùng núi cùng sông trải khắp nơi
Nghìn triệu âm thanh muôn vạn sắc
Xác thân vũ trụ đấy mà thôi

Xác thân kề cận cùng thân xác
Vũ trụ cùng ta đối xứng đôi
Vầy nhau một trận cho tơi tả
Cho lăn lóc đá mấn mê đời
Trăm năm một kiếp lâu chi mấy
Mà đắn mà đo tiến lại lui
Là sắc là không, hình tướng ấy
Dẫu cho hư ảnh cũng là vui.
Thân Xác tha hồ bao nhiếc móc
Mỗi phân da thịt một linh hồn
Có ai ngửa cổ cười sung sướng
Cổ trắng ngần, ôi... muốn chết luôn
Có ai hất tóc qua vai ấy
Mà đây xao xuyến cả tâm hồn
Bâng quơ một nụ cười ai nở
Làm ai ngồi đứng mãi bôn chôn
Ơi gót chân son từng bước đỏ
Ơi búp tay quỳnh ngón ngón thon
Nõn nà một khối: toà hoan lạc
Nuốt lấy nguồn vui, hôn lại hôn.
Ấm hơi Thân Xác từng quên cả
Hư vô lạnh lẽo buốt càn khôn.
Sáu mươi năm lẻ trên trần giới
Ta luôn có Mình, Mình có ta
Rồi đây cách biệt ý muôn đời biệt ý
Bỏ tai bỏ mắt ta đi xa
Ta đi xa tít ngoài nhân thế
Ta gửi Mình nơi lòng đất già
Hình hài không có, đời không có
Ta có gì chăng để gọi ta?
Rồi ta sẽ nhớ về mây nước
Nhớ trời đầy bướm đất đầy hoa
Nhớ con suối lượn con chim hót
Nhớ giọt sương mai ánh nắng tà.
ý Lang thang đâu đó ngoài vô tận
Một mảnh linh hồn nhớ thịt da.
10-1986

TÀN NIÊN TÂM SỰ

Tết này lang thang vừa bốn Tết
Năm tàn ngoái cổ ngóng quê hương
Vẫn nghe súng nổ không ngừng nghỉ
Vẫn thấy người trôi khắp đại dương
Trong tù lớp lớp âm thầm gục
Ngoài tù xơ xác cái... vinh quang
Sương khói thời gian mờ mịt toả
Ngóng về xứ sở buồn ơi buồn
Người đi phiêu dạt mòn thân thế
Kẻ ở tàn theo phận nước non
Nghêu ngao ngoài cõi mong khuây khoả
Biết rồi dân tộc đi về đâu
Máu tuôn ướt đầm nửa thế kỷ
Lệ chảy dài quanh vòng địa cầu
Giọt lăn theo bố ngoài muôn dặm
Giọt gửi về con cách bốn châu.
Ngày theo mấy cánh hải âu
Đêm về mưa ướt giấc sầu miên man
Năm năm mỗi Tết năm tàn
Đời không đợi Tết võ vàng từ lâu.

Santa Monica,
cuối 1978
Võ Phiến

THƠ THẦN

Thơ hay là bởi tình cờ
Thần thơ thơ thẩn ai ngờ thơ hay.
Thơ hay là bởi thơ hay,
Ai ngờ được phút mây bay vào hồn
Thơ hay là ngọn sóng cồn,
Chứa muôn con nước đổ dồn vào thơ
Thơ làm như tỉnh như mơ,
Thơ làm như thở, như thơ chưa làm.

Đặng Tiến

võ phiến
điệu nhạc thầm
và truyện thật ngắn

Tác phẩm mới nhất của Võ Phiến *Truyện thật ngắn*[1] có tựa đề thoạt tiên, có vẻ là một lối chơi chữ, một thoáng nghịch ngợm mà ta thường thấy ở nhiều tác giả tên tuổi, đặc biệt ở Võ Phiến. Đã có nhiều sách mang tên "truyện ngắn" hay "Truyện Ngắn", nhưng dường như chưa cồ cuốn nào là Truyện thật ngắn. Gọi như thế cho nôm na, lại khỏi trùng lặp, như ở nông thôn ngày xưa người ta đặt tên con kỳ quặc để tránh phạm tên các bậc tiền bối hay trưởng thượng. Chưa kể, chính Võ Phiến cũng đã cho in hai tập *Truyện ngắn* trong toàn tập tác phẩm[2].

Thứ đến, *Truyện thật ngắn* quả có ngắn thật. Mấy truyện đầu chỉ độ dăm sáu trang khổ nhỏ in chữ lớn; về sau, truyện dài ra, có khi tới mươi lăm trang, đến độ tác giả phát hoảng, vội vội vàng vàng "*kính mong lượng thứ*" – lại là một cách nghịch ngợm khác. *Truyện thật ngắn* được in sau 19 tác phẩm viết trong nước và 5 tác phẩm viết ở nước ngoài từ 1975. Từ *Lại thư gửi bạn* (1979) đến nay, bên cạnh cuốn *Văn học miền Nam* (1987) là sách khảo luận, thì Võ Phiến không xuất bản sáng tác mới, mà *Truyện thật ngắn* lại được viết rất nhanh trong hai tháng, từ tháng Năm đến tháng Bảy năm 1991. Dù viết nhanh, *Truyện thật ngắn* nhất định phải được tích lũy từ lâu nên rất hàm súc, sắc bén và thi vị, tổng hợp được mọi hương sắc trong nghệ thuật Võ Phiến.

*

Mười hai truyện thật ngắn kể lại một vài kỷ niệm tầm thường, những cảnh những người bắt gặp ở quê nhà, nối dài ra nước ngoài. Mỗi truyện, trong lối viết thâm trầm của Võ Phiến, đều có giá trị nghệ thuật và nhân đạo cao, và tự tại. Mỗi truyện là một hứng thú của người viết, một lạc thú cho người đọc, nhưng mười hai truyện kết hợp lại thành một chuỗi cườm nhất quán, được cấu trúc chặt chẽ và hài hòa, gián tiếp nói lên kinh nghiệm sáng tạo của nhà văn, dưới nhiều khía cạnh: tương quan giữa tác giả và tác phẩm, với nhân vật, với đạo lý, dư luận, và ngoại cảnh. Kinh nghiệm thì bao giờ cũng riêng tư, nhưng trong *Truyện thật ngắn* – dù được gói ghém kín đáo

và từ tốn – đã vươn lên mức điển hình. Có lẽ nhờ lối ẩn dụ mà sự điển hình có tầm khái quát sâu hơn, rộng hơn, vì mông lung hơn những hồi ký sáng tác có tính cách lý thuyết, từ Nhất Linh đến Nguyên Hồng, Tô Hoài...

Võ Phiến là một nhà văn cần kiệm, một đức tính hiếm hoi ngày nay. Làm nghề văn chương, đã cần thì khó kiệm. Viết nhiều ắt phải lắm lời, thậm chí nhiều điều; Võ Phiến rộng rãi trong lời nói có người cho là dài dòng – hào phóng trong ý tưởng, mà lại kiệm ước chi li trong tâm sự, trong kinh nghiệm sáng tác.

Với độc giả, Võ Phiến vừa gần mà lại vừa xa. Vì gần, ông được nhiều người yêu mến; vì xa, ông được cảm nhận không đúng mà cũng không sai. Chính điều này đưa tới nỗi cô đơn của người cầm bút và những nét buồn bã thoáng gặp trong Truyện thật ngắn.

*

Bài này chủ tâm nhấn mạnh vào một nét khu biệt trong *Truyện thật ngắn,* là tâm sự nhà văn trong sáng tác.

Trong truyện đầu tiên *Cô áo đen,* người kể truyện – tạm gọi là tác giả – gợi lại cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, trong phòng đợi một bệnh viện, với một cô gái xa lạ. Ngay từ phút đầu tiên, anh đã cảm nhận tia mắt của tình yêu song phương: "*Bước vào phòng, đầu tiên mắt phóng đúng vào khuôn mặt cô ta. Cô ta nghe có người vào quay nhìn, tia mắt hướng đúng vào mặt chàng. Không ai có dấu hiệu bối rối. Nàng "tự nhiên" nhìn qua chậu cây... chàng " tự nhiên" chọn một chỗ ngồi...*

(...) Tóm lại chàng thấy cô ta hoàn toàn hợp với mình. Và điều quan trọng hơn là chàng cảm thấy mình cũng hợp với cô ta. Càng lúc chàng càng biết chắc chắn... Cái tiếng cười lích khích... Cái ánh mắt... cái vỗ tay nghịch ngợm lên đùi con bạn, v.v... chàng biết chắc chắn đều là... của chàng cả. Cô nàng kéo tay con bạn... chàng biết chắc chắn cũng là vì chàng nữa... Ngây ngất không tả được.

Chàng không lầm về mình: chàng đã mê tít. Còn cô nàng thì chàng thấy rõ như ban ngày: cũng mê tít. Riêng gì chàng thấy? Mấy người trong phòng đều biết cả (...) Hai người mê nhau, chiếc ghế dưới mông, cái lá trên cành cây kiểng cũng biết nữa là.

(...) Hơn năm tháng rồi, lâu lâu chàng lại thấy hiển hiện cô gái mặc chiếc áo đen có in hai chữ Boy London (...) Và chàng cảm thấy cực mạnh cái tình yêu đang thành hình mà không kịp thành hình...

Hơn năm tháng rồi, cứ lâu lâu, cô gái Boy London lại hiện về làm xao động chàng không ngờ...

Hơn năm tháng, tình cảm còn nguyên đó, tươi rói" (tr. 12 đến 15).

Tình yêu ở đây dĩ nhiên chỉ xảy ra trong tưởng tượng, nhưng nó thật trong ý thức quả quyết của nhà văn. Tôi cố tình gạch dưới niềm tin chủ quan chắc nịch đó: nội dung một tác phẩm là những tình cảm, tư tưởng chủ quan của tác giả; nó có giá trị đến đâu là ở chỗ tác giả rung cảm thành thật đến đâu, và có khả năng ngôn ngữ đến đâu để biểu hiện. Chuyện thơ văn, hội họa đại khái đều như thế.

Một tác phẩm nghệ thuật, trước tiên, là tiếng thầm của tác giả. Anh là độc giả, anh chỉ là người nghe ké, nghe lén. Võ Phiến tế nhị và lễ độ, không bao giờ nói thế. Ông nói khác: văn chương giống như những đình đám tốn kém để khoe khoang "*Thì cũng như một cách thuê lỗ tai người ta vậy mà, thấy không?*" (tr. 112). Dù phải bỏ tiền ra mua sách, mua báo, anh vẫn chỉ là người nghe ké, và cần biết giới hạn thẩm quyền – về luận lý và luân lý – ở mức đó. Dù sau này anh có gán cho văn nghệ một thiên chức cao cả nào đi nữa, thì anh vẫn nhón gót trên nấc thang của người ngoại cuộc. Khi kể lại *Một buổi sáng giữa đồng,* và "*cái hôn phần nào hoang dại... những cái hôn tiền sử*" đã bám sâu vào ký ức, người kể thắc mắc:

"*Lẽ nào sau bao nhiêu dâu bể động trời, nào cách mạng, nào kháng chiến, sau hàng triệu mạng người, hàng triệu tấn bom, lại có thể sục sạo vạch tìm dấu vết một khoảnh khắc còn con của một buổi mai giữa cánh đồng vô danh...*

Ngoài ra còn có lý do khác không nên kể: là câu chuyện một khoảnh khắc nọ trong nhận thức của tôi có giá trị ra sao?" (tr. 106)

Nghệ thuật làm bằng những "*lý do không nên kể*". Ngược lại những lý do nên kể thì lịch sử đã kể rồi, kể đi kể lại, bắt người ta nghe, bắt người ta học, đôi khi vừa kể vừa xỉa xói, tra tấn, hành hạ và hành quyết. Còn văn chương "*là một buổi mai giữa cánh đồng vô danh*" – hoặc *một buổi trưa nhè nhẹ trong ca dao.* Đại khái.

*

"Mỗi tuổi già là một lời tự thú". Malraux đã trầm tư như thế trong *La condition humaine. "Ngày xưa tôi có lần kể cuộc phiêu lưu của một người không nhận ra giọng nói của mình vừa được ghi âm, vì anh ta nghe lần đầu qua lỗ tai chứ không phải qua cổ họng: và, vì chỉ cổ họng mới chuyển đến chúng ta giọng nói từ nội giới, tôi gọi cuốn sách ấy là Thân phận làm người*". Malraux giải thích như vậy về sau này, trong *Les voix du silence – Tiếng nói của im lặng.* Niềm hoang mang siêu hình của nhân vật Malraux hay nỗi hân hoan đón đợi tình yêu trong *Truyện thật ngắn* đều là cách tiếp

cận cuộc sống chủ quan trong mỗi ý thức cá nhân, qua giọng nói trong cổ họng. Nhân vật của Nhất Linh cũng có lần lắng nghe tiếng mình nói, khi mở đầu *Đôi bạn:*

"– Trời muốn trở rét... Nói xong và nghe tiếng mình nói, Trúc nhớ lại rằng câu ấy chàng đã thốt ra nhiều lần, năm nào cũng vậy. Sự rung động êm ái và hiu hắt buồn trước cơn gió lạnh đầu tiên khiến vẻ mặt Trúc trở nên dịu dàng, và thoáng trong một giây chàng sống lại hết cả những ngày mới trở rét trong đời.

Ở ngoài, như ý mong ước của Trúc, trời bỗng nắng to...

Tuy đã cuối tháng Chín, nhưng đối với Trúc cứ lúc nào trời đổi gió heo may mới thực là lúc bắt đầu mùa thu".

Tác phẩm văn nghệ bắt nguồn từ một tiếng thầm. Mùa thu trong *Đôi bạn* là tâm cảnh của Trúc, của Nhất Linh, một tiếp xúc chủ quan với cuộc sống. Chính Nhất Linh đã tâm sự trong lời tựa: "*Để qua cái phút trống rỗng không tránh được lúc bắt đầu viết, theo thói quen tôi viết liều một câu, bất cứ câu gì vụt hiện ra trong trí:*

- Trời muốn trở rét...

Rồi tôi ngồi yên lặng tự bắt buộc phải nhớ lại, gần như sống hẳn lại, cái thời kỳ...".

"Trời muốn trở rét...", cái câu viết liều ấy chính là tiếng thầm trong cổ họng Nhất Linh. Trong *Cô áo đen,* Võ Phiến đẩy sự chủ quan xa hơn, để tạo ra biểu tượng. Để bắt gặp tiếng nói âm trầm trong cổ họng, ta cần lắng nghe điệu nhạc thầm trong câu văn, trong cấu trúc ngữ âm của nó, trong đoạn trích ở trên: "*Hơn năm tháng rồi, lâu lâu chàng lại thấy... Hơn năm tháng rồi, cứ lâu lâu... Hơn năm tháng...*"

Và đây là những tiết điệu khơi dòng cho khúc nhạc thầm *Cô áo đen:*

"Hôm đó, giữa trưa, chàng đang ngồi thẩn thơ nhìn ra vườn thì chợt thấy trên cỏ có những con bọ trắng nhảy lưng tưng. Ban đầu ít, thưa thớt. Thoắt cái, bọ ở đâu vụt ào tới, nhảy tưng bừng. Lát sau mới biết là mưa đá..." Chúng ta cần đọc cao giọng, đọc đi đọc lại cho nhập tâm câu văn chuyển hóa, biến nhịp điệu thành khúc nhạc thầm của nội tâm, nhiên hậu mới nghe thấy cơn đắm say tư lự của tác giả trong một thực tại sống thành ảo giác. Vì vậy đến cuối truyện, ngôn ngữ chỉ còn vọng lại những âm hao, mơ hồ, xa vắng, như một lời kinh "*Ái bất dị không, không bất dị ái... Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế*". Khúc nhạc thầm ngân lên, loang ra, loãng đi, lặng xuống, sâu dần, tắt ngấm. Im lặng bỗng trở thành hình sắc, nở ra, tràn đầy. Nghệ thuật là phút ái ân lơ lửng giữa đầy vơi, mộng thực.

Ái tức thị không không tức thị ái.

*

Cô áo đen không tuổi, không tên, dĩ nhiên là không quá khứ, không tương lai. Gặp nhau tại chốn vô danh, gọi tắt là *phòng A*. Đặc biệt là vô chủng tộc: "*Cô nàng không phải dân da trắng*". Chỉ có "*da cô trắng như sáp, như ngà*", "*vóc người hơi cao lớn hơn vóc trung bình của gái Việt Nam, nhưng hoàn toàn hợp với chàng*". Nàng chỉ xuất hiện trong giây phút mà tạo ra "*cái tình tức tưởi (...) như trái tim vua Lê Chiêu Thống không chịu tan rã, cứ đỏ hoài dưới mộ. Kỳ cục*" (tr.12-13). Tác phẩm văn nghệ bao giờ cũng dựa vào một bối cảnh, nhưng cốt lõi của văn nghệ là phi địa lý, phi lịch sử, phi xã hội, là khối u uẩn trầm tích trong người sáng tác.

Truyện thứ hai tả một người bạn cũ, quen biết sơ giao tại Sài Gòn, 1986 gặp lại tại Mỹ. Cuộc sống già nua, lạc lõng, thừa thãi đưa con người đến chỗ hời hợt phù phiếm. Liệu văn chương có *Làm một cái gì* nổi chăng? Truyện mang nặng tâm tình tác giả hơn là kinh nghiệm. Truyện thứ ba, *Bố khỉ,* là mối tương quan giữa nhà văn và nhân vật mình hư cấu nên, nhưng dần dà trở thành một ám ảnh hiện ra bằng xương bằng thịt. Trong một chừng mực nào đó, nhân vật tiểu thuyết thực hơn người thực chung quanh chúng ta. Truyện *Em đây* liên hệ người viết với đề tài: "*khi thì một tứ thơ, khi thì một cốt truyện, khi thì một ý kiến, một mẩu tư tưởng, một đề tài khảo luận... Chúng ở đâu này ra bất ngờ... Một khi đã xuất hiện, chúng nó cứ đeo lấy ông.* "Em đây Em đây". *Chúng nó bám riết lấy ông, léo nhéo quấy quả hăm mấy năm trời rồi*". Nhà văn Trà Sơn nhận thức được rằng những lao động cần mẫn gian nan, những tâm huyết của văn học rồi cũng phù du: "*để làm gì vậy? Vài ba chục năm sau còn có ai xem sách nữa không? Có còn cái gọi là văn chương nữa không?*" (tr. 34). Nghe qua thì thấy bi quan, mà có lẽ sự thật còn phũ phàng hơn. Nói gì đến "*vài ba chục năm sau*", ngay từ bây giờ, còn mấy người đọc văn chương? họ đọc cái gì, đọc ra sao, đọc để làm gì? Cứ nhìn vào những "bạn đọc", "văn hữu", bằng hữu chung quanh, ngay từ bây giờ là đã ngán ngẩm. Viết là cắn răng mà viết, vậy thôi, đừng chờ đợi gì ở độc giả. Ông viết, mà người ta tha cho ông là may, là mừng khúm, là "*ông viết hoài, viết hoài. Mái tóc ông... Biết đến bao giờ*" (tr. 34). Viết hoài, là viết mãi; là viết để hoài cổ, viết để hoài công. Truyện *Đêm đêm* mô tả đời sống hằng ngày của nhà văn, tương quan với thực tế, bạn bè, nhà cửa vợ con, "*hai đứa ngồn ngang hai kiểu khác nhau*" (tr. 42); trong nhà có cái vô trật tự khơi cảm hứng sáng tạo, có cái trật tự làm con người lãnh cảm, tê liệt, "*lạc hướng*". Trong *Tôi nhiều đứa,* mỗi nhà văn có khả năng

đa hóa nhân cách mình, dự phóng thành nhiều kiếp sống khác nhau, có khi mâu thuẫn và đối nghịch. Nguyễn Du là Thúy Kiều, Từ Hải, mà cũng là Tú Bà, Sở Khanh, mà vẫn là không phải. Mỗi tác giả là những mảnh vụn của nhân loại; và chắp vá những mảnh vụn ấy làm thành tác phẩm. Truyện thứ bảy, *Thằng bé* nói về ảnh hưởng của tuổi thơ trong tác phẩm. Chúng ta đều biết thế giới Võ Phiến rất ít trẻ con, vì trong bản thân Võ Phiến đã có một cậu bé không kịp lớn. Những đoạn văn hay của Võ Phiến từ trước tới nay, thường là những hoài niệm:

"Ờ, tiếng cu gáy... hồi nhỏ... ngày còn ở với ngoại... Tiếng cu gáy bao giờ cũng nhắc nhở, cũng gợi lại thời xưa, kỷ niệm cũ. Dù nó ở gần - ngay ở chỗ cuối vườn đây thôi - nó vẫn u hoài, vẫn hướng về cái xa, về dĩ vãng. Con chim cu, nó nên là con chim vô hình. Nó nên có tiếng mà không có hình. Nó không nên ở đậu mà ở mọi nơi, không ở thời nào mà ở mọi thời, vô định" (tr 60). Chiến tranh, lịch sử và đời sống tân tiến đã bứt chúng ta ra khỏi tuổi thơ; ngay ở quê nhà đã vậy. Huống hồ là khi lênh đênh trôi giạt ở nước ngoài. Tuổi thơ là một chủ đề thường xuyên trong tác phẩm Võ Phiến, và bây giờ, ông đau đớn ghi nhận:

"Thành thật mà nói, từ lâu moa không nghĩ tới, không nhớ gì về tuổi thơ. Nhất là thơ mộng. Sau bao nhiêu biến đổi trong đời, moa (và cả toa, tất cả chúng ta) xa cách tuổi thơ hơn một kiếp luân hồi. Giữa chúng ta bây giờ với thời thơ ấu cơ hồ không có chút liên hệ gì (giữa kiếp này và kiếp trước còn có liên hệ nhân quả). Những hoa với mộng, nghe quái đản, không hiểu nổi nữa" (tr. 61). Con người lưu lạc ngay trên quê hương, trong nếp sống, nếp suy nghĩ; và ở hải ngoại, thảm kịch càng thê thiết hơn, nhất là ở nhà văn mà quá khứ là một phương tiện, chất liệu sáng tác. Ba truyện tiếp theo, *Thực chất, Con chim*, *Bạn đời* diễn tả thế giới riêng tư, thầm kín của nhà văn, từ những khát vọng nhỏ nhen đến những phân tích tinh tế: tác phẩm, trong chừng mực nào đó là phần nhân cách mà tác giả che giấu, né tránh, hay không muốn phô bày, hay, tự mình không ý thức, nhưng không nhất thiết phải từ khước, dồn nén. Do đó, nói đến ẩn ức theo lối phân tâm học thì thô thiển. Ba truyện này nhẹ nhàng, rộng thoáng và tư tưởng tác giả không đậm nét. Võ Phiến dường như muốn dưỡng tâm người đọc và tránh cảm giác luận đề cho nên ở những điểm tâm lý mà ông sở trường phân tích, ông cũng chỉ chấm phá phơn phớt. Dành chủ tâm cho hai truyện cuối.

Buổi sáng giữa đồng hoài niệm một cuộc tình hồi đầu kháng chiến chống Pháp, ở thôn quê, rạt rào xúc cảm và thi vị, rồi bị cản trở. Tác giả muốn nói lên phần riêng tư của nhà văn sâu lắng trong tác phẩm, *Câu chuyện một*

khoảnh khắc, đã nói ở trên. Truyện cuối, *Ông Năm Chéo,* mang luận đề rõ rệt: giá trị đạo lý xã hội của tác phẩm. Ông Năm Chéo tên thật là Chiểu đọc trại – Nguyễn Đình Chiểu, là ông già mù mà người kể chuyện thường gặp tại một quán nước Chợ Lớn. Vì tuổi tác và mù lòa, ông sống trung thành với đạo đức cổ: trai thời trung hiếu, gái thời tiết hạnh, và cho rằng "*đời xưa hơn đời bây giờ*". Như ông Năm Chuột của Phan Khôi, ông Năm Chéo ném vào tâm địa con người những phê phán sắc cạnh làm xốn xang người nghe. Từ đó tác giả suy nghĩ về những giá trị đạo lý xoay chiều theo cuộc sống. "*Đáng tiếc, hồi đó tôi hậm hực với ông làm chi. Bây giờ tôi đang sống lạc thời thế, lạc hoàn cảnh, sống hoàn toàn lạc lõng.*

Nghĩ cho cùng, ngay cả trước kia, trước xa, thật xa, tôi đã là kẻ thua thiệt, so với ông Năm Chéo. Có đáng gì mà nghinh với ông! Ông Năm, kể từ ông Năm về trước, sống ở đời không phải mất công chọn lựa: cứ trung hiếu tiết nghĩa tiến thẳng một đường. Về sau, khi đời này không bằng đời xưa nữa thì sự sống bắt đầu vất vả: mỗi một bước đường một chọn lựa, một bối rối (...) Về sau mỗi người có trăm cách chọn sai so với cơ hội chọn đúng" (tr.122-123). Từ đó Võ Phiến đã ngậm ngùi cho rằng "*văn nghệ nó cũng lớ quớ như chiếc roi của người mù). Không biết nên hướng về đâu, không biết kết thúc thế nào. Nhiều cái do dự, khốn khổ ra mặt*" (câu chót).

*

Trong *Truyện thật ngắn* lối mỉa mai như vậy dù cay đắng vẫn dịu dàng, không mấy khi cay độc, như là tác giả đã xa rời trần lụy, đang tự tình từ một thế giới khác. Tác phẩm dù rất ngắn cũng có tầm quan trọng đặc biệt: một mặt nó trẻ trung mới lạ – khả năng làm mới tài năng mình ở các tác gia Việt Nam không nhiều lắm đâu, nhất là ở địa vị và hoàn cảnh Võ Phiến. Mặt khác nó vẫn tổng hợp được những giá trị hằng hữu của tác giả về mặt tư tưởng lẫn nghệ thuật. Cuối cùng qua *Truyện thật ngắn,* Võ Phiến đã có những đóng góp quý giá vào những suy nghĩ về văn học của Việt Nam, vốn nghèo nàn, nông cạn và đơn điệu.

Người đọc có thể không cần chú ý đến những ý tưởng về thẩm mỹ này, đọc chỉ để mua vui, vẫn có thể thích thú khi đọc *Truyện thật ngắn* vì lối hành văn linh động, khi thân mật, khi kiểu cách, lúc nào cũng tinh vi, như khi tả những tiếng guốc trong ký ức:

"*Guốc có tiếng guốc do dự, có tiếng guốc sấn sướt hăm hở, có tiếng guốc nghịch ngợm láu táu nhanh nhẩu, có tiếng guốc ngần ngại dò la, có cả những tiếng guốc của yêu đương: tiếng guốc đầy tình cảm dịu dàng... Tôi lắng tai bắt từ không gian những tín hiệu âm thanh tràn đầy xúc động*".

KHÊ KINH KHA

thu đã về

mùa thu nữa lại về rồi em ạ
cỏ cây buồn khoác áo lạnh vàng khô
trời xuống thấp nên hồn co ro lắm
lối anh về gió lạc bước tội ghê

em có nhớ lá thu rơi đầy lối
không có em ai nhặt lá chiều nay
mưa cũng đầy trong lòng anh hiu quạnh
năm tháng dài tình mộng mấy thu rơi

dù có muốn cuộc tình cũng đã úa
như lá vàng em ép giữa trang thư
áo em vàng hay lá mùa thu cũ
đang khô, tàn trong nỗi nhớ hư vô

mùa thu nữa lại về rồi em ạ
cố nhủ lòng quên mái tóc xa xưa
sao vẫn thấy hương thơm đầy trong lá
thu đã về chôn cất cuộc tình ta

KHÊKINHKHA

Chúng ta cầu mong thật nhiều người, trong và ngoài nước bắt được những tín hiệu của Võ Phiến qua *Truyện thật ngắn.*

ĐẶNG TIẾN
20.10.1991
ngày sinh nhật bạn hiền

[1] *Truyện thật ngắn,* Nhà xuất bản Văn Nghệ, 10881 Oak Street, STANTON CA 90680, Hoa Kỳ 1991, 123 trang; 6 US$ có bán tại một số hiệu sách Paris.
[2] Nhà Xuất bản Văn Nghệ, Califomia, nt.

KHÊ KINH KHA

để lại

em lục lại trong ngăn kéo thời gian
tìm chút mộng ngày xa xưa lắm
của một thời tình nở hồn nhiên
như mảnh trăng tròn giữa đêm rằm
như trang thư vừa viết tối hôm qua

em chọn chiếc áo dài trắng
màu áo dành cho tuổi học trò duyên dáng
thuở em còn ép hoa phượng trong sách
để dành tặng tình người vụng dại
thuở mà em còn nghiêng nón qua cầu
để gió chiều bay rối mái tóc thơm
thuở mà mắt nhìn ôi thẹn quá
tình yêu như vạt nắng ban mai

em dạo phố chiều nay
tìm lại đâu đây chút hương nồng
chút dịu hiền, chút tình mộng
trái tim em thèm ngọn gió hương người cuồn cuộn
không gian em thèm bước chân theo về
con đường xưa em lạc bước loanh quanh
quán ngày xưa hò hẹn tìm không thấy
mưa chiều nay từng giọt đổ nhào trên mái tóc
cay cay trong khóe mắt
hoang lạnh
bơ vơ
chao ơi!

em cởi chiếc áo dài trắng
cất vào trong ngăn kéo thời gian
chung với mấy giọt lệ thanh xuân
mai em về quê hương xa lắc
quê hương này xin để lại cho tháng năm

KHÊKINHKHA

NGUYỄN HƯNG QUỐC

nhà tùy bút võ phiến

Cả Nguyễn Hiến Lê lẫn Đặng Tiến, khi viết về tùy bút Võ Phiến, đều nhắc đến đoạn văn Võ Phiến tả một quán hủ tiếu ở Cần Thơ:

Mỗi người có một cách biểu lộ sự hào hứng. Riêng cái cách của người chủ quán hôm ấy, trời ơi, trông mà mê. Hai tay ông ta thoăn thoắt: chặt khúc xương, xắt lát thịt, gắp mớ ớt, múc vá nước từ trong thùng đổ ra tô, xóc xóc mớ hủ tiếu vừa mới trụng qua nước sôi, rắc một tí tiêu bột v.v... Tất cả bấy nhiêu cử chỉ đều rập ràng, hơi có vẻ nhún nhẩy. Mỗi cái quơ tay, cái nhấc lên hạ xuống đều như có gì quá mức cần thiết một chút, Mỗi cử chỉ bao hàm bảy tám phần cần thiết, lại thêm vài ba phần thừa thãi, chỉ để cho đẹp mắt, để biểu diễn sự thích thú trong công việc. Động tác nghề nghiệp gần chuyển thành sự múa men. Một điệu vũ ca ngợi lao động.

[...]

- Bàn trong. Một nhỏ một lớn. Rồi! Bưng.

- Bàn ngoài, số một. Tô lớn, nhỏ. Rồi! Bưng, bàn số một.

- Bàn số ba tính tiền. Tám chục với ba lăm là trăm mười lăm. Trăm mười lăm với tám đồng là trăm hăm ba. Trăm rưỡi trừ trăm hăm ba, còn lại...

Bà vợ nhắc:

- Hăm bảy.

- Hăm bảy. Nè!

[...]

- Tô nước, tô khô. Bàn số hai. Rồi!

Cứ thế, chủ quán làm việc, cắt đặt công việc, điều khiển vợ con v.v..., điệu bộ vẫn lại cứ như thừa thãi một chút. Bảy tám phần

cần thiết, đôi ba phần để bày tỏ sự hài lòng, để biểu diễn sự hoạt động ăn khớp của một tổ chức hoàn hảo, một bộ máy hợp khuôn rập, chạy đều ro ro.

Vừa rồi có lẽ đã có sự lạm dụng: hầu hết mỗi câu nói của người chủ quán đều có một tiếng "rồi". Nếu tôi ghi nhớ sai, ấy là vì đã quá chú ý đến tiếng đó. Nhưng hay nhất, ngộ nhất lại là cái tiếng "rồi" tưởng tượng phát ra từ mỗi cử chỉ. Mỗi cử chỉ - ngắt cọng rau, xóc mớ hủ tiếu v.v... - đến chỗ sau cùng thường được gắn mạnh. Như thể một tiếng "rồi" phát ra bằng động tác thay vì bằng âm thanh: Một tiếng câm.[1]

Đặng Tiến nhận xét: phải có một "nhãn quan tinh tường" lắm mới thu được một hình ảnh như thế.[2] Nguyễn Hiến Lê trầm trồ: "đọc... thấy mê. Ông nghe được một tiếng "rồi" câm thừa thãi, như để múa men, biểu diễn sự thích thú sau mỗi cử động của chủ quán, thì tôi phục ông quá".[3] Tôi cũng phục Võ Phiến, ở đoạn văn trên, dĩ nhiên. Nhưng tôi không nghĩ đó là đoạn văn tiêu biểu cho phong cách tùy bút của Võ Phiến. Đó chỉ là phong cách chung trong văn chương Võ Phiến, đặc biệt là trong truyện dài và truyện ngắn. Trong truyện dài, truyện ngắn của ông, người ta có thể dễ dàng tìm ra những đoạn đặc tả tỉ mỉ và tài tình như thế. Trong tùy bút của ông, ngược lại, thật hoạ hoằn. Trừ đoạn văn trên, suốt cả tập *Tùy bút* 1 (1986), dày hơn 300 trang, gồm 54 bài viết khác nhau, may ra chỉ được thêm vài đoạn nữa: đoạn tả về cách thử nước mắm, cách uống chè Huế tại Bình Định, cảnh những cánh chim én và những đám khói ở quê nhà, cảnh những cây phong vào mùa thu ở Hoa Kỳ. Là hết. Quá ít. Thật hoạ hoằn. Hoạ hoằn như những ngoại lệ chứ không phải như một đặc điểm.

Người ta hay nói Võ Phiến là nhà văn có óc quan sát thật tinh vi. Tôi đồng ý: trừ trong tùy bút, đặc biệt là *Tùy bút 1*. Người ta hay nói Võ Phiến có tài tả cảnh tả vật tả người. Tôi đồng ý: trừ trong tùy bút, đặc biệt là *Tùy bút 1*. Trong *Tùy bút 1*, Võ Phiến vừa lười quan sát vừa lười mô tả. Không kể vài ngoại lệ nêu trên, lúc nào ông cũng qua quýt, cũng vội vội vàng vàng. Ông viết về áo dài, về nhà cửa, về vô số các thức ăn: không có cái gì được ông mô tả cho thật kỹ, thật đẹp. Nghe Võ Phiến nói về mắm mòi ở Phan Thiết, mắm trèn ở Châu Đốc, chè ở Huế, cao lầu ở Hội An, bún nước lèo ở Sóc Trăng, bún tằm bì ở Chương Thiện, cháo tấm giò heo với giá với gừng trên bến Ninh Kiều... không có người nào, nếu chưa bao giờ có dịp nhìn tận mắt những món ấy, có thể hình dung được rõ ràng chúng như thế nào. Ông khoe nhà cửa ở quê ông rất đặc biệt, được học giả P. Gourou khen

như một di tích văn hóa: những ai chưa từng đến Bình Định đừng hòng biết được kiểu nhà mái ấy rộng, hẹp, cao, thấp, đẹp, xấu ra sao. Ông không đi vào chi tiết vì ông nghĩ người Việt Nam nào cũng biết, cũng rành rồi ư? Không chắc. Ông nhắc đến mắm mòi như một kỷ niệm: chúng đã biệt tăm từ lâu rồi; ông nhắc đến cao lầu như một bí mật: ngoài Hội An không đâu có; ông nhắc đến sa-kê như một di tích: sau một thời lừng lẫy, được vua chúa ái mộ, nó đã "rút lui tận thâm sơn cùng cốc để mai danh..." Đúng ra, về sa-kê, ông có tiết lộ một ít:

> *Sa-kê trộn với dừa, ăn từa tựa như khoai lang; sa-kê cũng đem nấu canh mà ăn. Nó gần như mít chưa chín vậy. Khẩu vị con người ta thì nói không cùng: có món người này khoái thích đến đâm nghiện nặng mà người kia không thể nuốt trôi, có món người này khen thơm mà người kia chê nặng mùi v.v... Mùi vị sa-kê, đại khái như đã mô tả, có thể cho là ngon, cũng có thể cho là dở.*[4]

Cách mô tả rất là "đại khái". "Đại khái", "đại khái như thế" là những chữ Võ Phiến thường dùng khi buộc phải mô tả cụ thể một cái gì. Không "đại khái" thì "lướt qua". Về bánh tráng, món ăn ông gắn bó từ nhỏ và có nhiều kỷ niệm cũng như rất nhiều hiểu biết, ông cũng chỉ "lướt qua":

> *Trước hết, hãy lướt qua những cách ăn bánh tráng thường thấy: Bánh tráng nướng, bẻ từng mảnh, nhai cúc cắc cho vui miệng trước khi bắt đầu vào tiệc: ngoài Trung ngoài Bắc, trong trường hợp này bánh tráng có vai trò đại khái như bánh phồng tôm trong Nam.*
>
> *Trong dăm ba trường hợp khác, cũng thứ bánh tráng nướng, cũng bẻ từng mảnh cúc cắc, nhưng không dùng để mở đầu bữa tiệc, mà lại suốt bữa ăn, từ đầu đến cuối: Chẳng hạn trong bữa thịt cầy, bữa chả cá, chẳng hạn khi dùng bánh tráng xúc xác đậu xào, xúc mớ gan cá nghéo xào ăn cho khỏi bệnh quáng gà v.v...*
>
> *Cũng lại bánh tráng nướng nữa, đem giã vụn ra, hoặc dùng làm "thính", hoặc trộn với thịt đầu heo, hoặc rắc lên đĩa tiết canh v.v...*
>
> *[...] Chúng ta chỉ lướt qua để có một ý niệm đại khái về cách dùng bánh tráng làm món ăn, chứ không mong tìm hiểu cho hết ngọn ngành.*[5]

Người đọc tinh ý, căn cứ vào chữ "trước hết" ở đầu đoạn trích, có thể ngỡ là sau cái nhìn "lướt qua" ấy, Võ Phiến sẽ dừng lâu lại cách ăn bánh tráng đặc biệt ở quê ông. Không, ông cũng chỉ tả một cách "đại khái" như thế mà thôi:

[...] cái đặc biệt ở Bình Định là lối ăn bánh tráng cuốn mà không cuốn thứ gì cả, không có nội dung! Tức bánh tráng thuần túy.
Ăn như thế người ta ăn rất nhiều bánh tráng, lấy bánh tráng thay cơm. Nông dân mỗi sáng trước khi ra đồng, nếu không kịp thổi cơm sớm, có thể dùng mấy cuốn bánh thay cơm sáng. Học trò ở trọ xa nhà, thường mang theo một chồng bánh hàng trăm cái, mỗi sáng nhúng nước vài chiếc, cuốn ăn điểm tâm. Những gia đình có một nghề thủ công riêng, đêm đêm thức khuya dệt vải, đập xơ dừa, chắp trân dệt chiếu v.v... thường xúm xít tổ chức một bữa ăn khuya; lại vẫn bánh tráng nhúng nước rồi cuốn.
Cuốn như thế, nếu nhà có sẵn rau, sẵn thịt cá v.v... mà cho vào càng tốt; nếu không có sẵn (như trường hợp những cậu học trò ở trọ) thì cũng chẳng sao.
Bánh tráng mà dùng "thuần túy" như vậy có vẻ phi nghệ thuật, khó mê. Vậy mà dân Bình Định đã đâm nghiện món ăn ấy. Đi làm ăn xa, lâu ngày không có dịp ăn bánh tráng, họ nhớ quay nhớ quắt.[6]

Trong mấy đoạn văn trích ở trên, có một điểm nhỏ cần lưu ý: số lượng những chữ "v.v..." xuất hiện rất nhiều, rất đều trong tùy bút Võ Phiến. "Vân vân", trong những trường hợp này, cũng giống như "đại khái". Nó thể hiện cái sốt ruột, cái thiếu kiên nhẫn của Võ Phiến. Với cái gì, ngay cả một món ăn ngon, một khung cảnh đẹp, ông cũng chỉ muốn "lướt qua". Đó là điều lạ. Hơn nữa, theo tôi, còn là một điều lạ nhất trong tùy bút Võ Phiến, là một trong vài yếu tố chủ yếu khu biệt Võ Phiến và các nhà tùy bút khác tại Việt Nam từ xưa đến nay.

Trong một bài viết ngắn, rất ngắn, "Về thể văn tùy bút", Đặng Tiến nêu lên hai đặc điểm chính của tùy bút: đó là tính chủ quan và sự cô đơn, hiu hắt. "Hắt hiu như những người tạo ra nó."[7] Ngoài lý do được Đặng Tiến chỉ ra trong bài viết, "thể văn tùy bút, xưa nay, chỉ có một quần chúng rất có giới hạn", sự hiu hắt của thể tùy bút cũng như của người viết tùy bút có lẽ còn xuất phát từ một lý do khác, cũng được Đặng Tiến nhận thấy, trong bài "Anh Bình Định, con chim én và những đám khói": các tác giả vẫn dùng tùy bút để "diễn tả nỗi u hoài trước một xã hội đang đổi thay".[8] Tất cả những đặc điểm ấy chúng ta đều bắt gặp trong sáng tác của Phạm Đình Hổ, của Nguyễn Tuân, của Thạch Lam, của Vũ Bằng, và dĩ nhiên, của cả Võ Phiến nữa. Ở đây, sự độc đáo của Võ Phiến, nếu có, chỉ dừng lại ở một mức độ nhất định: ông không góp thêm được gì và cũng không thay đổi được gì vào những cái đã có.

Nhìn vào các tập tùy bút Việt Nam từ trước đến nay, chúng ta dễ phát hiện ra thêm một điểm chung nữa: đề tài. Trong *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ nói về nghệ thuật uống trà, thưởng hoa. Trong *Tùy bút 1, Tùy bút 2*, Nguyễn Tuân nói đến đàn, đến hát, đến uống rượu, đến ăn món này món nọ, ngắm cảnh này cảnh kia. Trong *Hà Nội ba mươi sáu phố phường,* Thạch Lam cũng nói về quà Hà Nội và những chốn ăn chơi ở Hà Nội; nói xong lại bổ khuyết, lại nói thêm, nói thêm nữa. Ở Vũ Bằng thì càng rõ: nó nằm ngay trong nhan đề quyển sách: *Miếng ngon Hà Nội* rồi *Món lạ miền Nam*. Võ Phiến không nằm ngoài thông lệ: ông cũng sốt sắng đóng góp vào đề tài chung ấy vô số món ăn và các trò tiêu khiển.

Có thể nói, đề tài chung, rất phổ biến, trong các tùy bút Việt Nam từ trước đến nay thường quẩn quanh trong các chuyện ăn, chuyện uống, chuyện mặc và chuyện chơi bời. Đề tài như thế dễ gợi lên ấn tượng: chọn viết tùy bút là chọn nhìn cuộc đời như một kẻ thưởng ngoạn. Mà đúng. Trừ Võ Phiến, dường như nhà tùy bút nào cũng có vẻ say sưa, hơn nữa, còn có vẻ tự hào về sự lịch lãm của mình trong việc thưởng ngoạn những hương sắc trần gian: người quen uống trà, người nghiện uống rượu, người thích hát à đào, người khoái ăn quà vặt, người mê đi giang hồ. Trong lãnh vực này, chắc chắn người tiêu biểu nhất là Nguyễn Tuân. Nguyễn Tuân coi việc thưởng ngoạn như một thứ đạo: người ta gọi ông là tín đồ của chủ nghĩa xê dịch, chủ nghĩa ẩm thực và chủ nghĩa hưởng lạc.[9] Đã là đạo, tất phải có nghi thức: Nguyễn Tuân, trong văn chương cũng như trong cuộc đời, nổi tiếng là người có cung cách cầu kỳ trong việc ăn uống. Đã là đạo, tất phải có cứu cánh: cứu cánh của Nguyễn Tuân là cái đẹp, cái độc đáo. Nguyễn Đăng Mạnh nhận xét: Nguyễn Tuân "có thói quen nhìn sự vật ở mặt mỹ thuật của nó, cố tìm cho ra ở đấy những gì nên hoạ, nên thơ".[10] Võ Phiến, ngược lại, chưa bao giờ ông chứng tỏ, trong tùy bút, ông là người sành ăn sành uống sành chuyện chơi bời: không những không sành, ông còn thiếu hẳn cái đam mê trong các công việc ấy. Vì thiếu đam mê nên ông cứ "đại khái", cứ "lướt qua", cứ "vân vân". Nếu Nguyễn Tuân, nói theo chữ của Nguyễn Đăng Mạnh, là người theo chủ nghĩa độc đáo[11] thì Võ Phiến lại là người theo "chủ nghĩa xuề xòa". Trong khi Nguyễn Tuân thích nói đến những món ăn thuộc loại phong lưu, đài các, Võ Phiến lại tần mẩn với các loại mắm, loại chè, bánh tráng, bún bò, toàn là loại thức ăn bình dân. Trong khi Nguyễn Tuân chơi toàn với các bậc tài tử như chị Hoài, cô đào Tâm, ông Thông Phu..., Võ Phiến lại "chơi" với bà Ní Nà, anh Bốn Thôi, Hùng-ghẻ-ruồi. Đố ai có thể tưởng tượng được là Nguyễn Tuân, ngay cả

Nguyễn-Tuân-hiện-thực-xã-hội-chủ-nghĩa có thể đặt bút viết về chuyện ghẻ lở, chuyện những con người cơ hồ không biết làm gì khác ngoài việc vặt lông mũi... như Võ Phiến?

Không đam mê trong việc thưởng ngoạn, tại sao Võ Phiến lại táy máy - mà lại thường xuyên táy máy - viết về chuyện ăn, chuyện uống, chuyện mặc? Lý do, theo tôi, chính là cái thói quen hay trăn trở của Võ Phiến. Nguyễn Tuân, Thạch Lam và Vũ Bằng viết về cái ăn, cái uống, cái mặc như một cái thú, với một sự say mê nếu không ngây ngất thì cũng đầy rạo rực; Võ Phiến viết về cái ăn, cái uống, cái mặc như một cái cớ, ở đây sự say mê, nếu có, cũng không đáng kể bằng sự tò mò. Đó chỉ là những cái cớ để ông suy nghĩ. Nguyễn Hiến Lê tinh tế để ý đến cách vào đề dí dỏm mà tình tứ trong văn Võ Phiến: "Nếu quả Bình Định mất đi một điệu trống, phải đền lại một cái gì chứ? Chiếc bánh tráng nhé?"[12] Tôi thì tôi chú ý đến những cách chuyển mạch, những cách vào đề khác khô khan hơn nhưng lại phổ biến hơn, do đó, cũng có thể nói là tiêu biểu hơn, ví dụ: "Cắt nghĩa là chuyện khó. Trong khi chờ đợi, tạm có vài suy đoán vu vơ",[13] hay: "Ai đi cắt nghĩa được tình yêu? Kể cả yêu bún bò. Tuy nhiên, cũng có thể đưa ra một vài phỏng đoán".[14] Những cách chuyển mạch hay vào đề như thế, hoặc gần như thế, xuất hiện rất nhiều trong các bài tùy bút của Võ Phiến, đặc biệt trong *Tùy bút 1*. Chúng chả có vẻ gì tài tình. Đồng ý. Chúng chỉ có ưu điểm là gọn gàng, dứt khoát. Và một ưu điểm khác nữa là chúng hé mở cho chúng ta thấy những mối bận tâm chính của Võ Phiến: tất cả những bận tâm ấy đều vượt ra ngoài chuyện ăn, chuyện uống, chuyện mặc, chuyện ở. Những bận tâm ấy hướng đến việc "suy đoán", "phỏng đoán", việc cắt nghĩa, việc giải thích một hiện tượng lịch sử hay văn hoá của con người. Đó cũng là lý do chính tại sao Võ Phiến lại lười quan sát và lười mô tả. Trong truyện, dù là truyện dài hay truyện ngắn, ông không hề lười. Ông chỉ lười trong tùy bút: ông lười quan sát và mô tả vì ông quá thiết tha, quá say sưa với sự tìm tòi, suy nghĩ, lý giải cái ông nhìn, ông thấy.

Võ Phiến có lần tự hỏi: "cái ăn cái ở của một dân tộc sao cho khỏi ít nhiều ảnh hưởng đến kết quả nghĩ ngợi của dân tộc ấy?"[15] Ông viết về chiếc áo dài chưa chắc là vì yêu vẻ đẹp của nó mà vì, có khi chỉ vì "một khi chiếc áo dài đã tự liên hệ được [...] với thi ca, ngôn ngữ, với tiểu thuyết, nếp sống v.v... thì chắc chắn nó cũng phản ảnh phần nào một nét tâm hồn dân tộc".[16] Nghĩ về chiếc áo dài, do đó, là một cái cớ để nghĩ về cái "tâm hồn mặc áo dài" mà thôi. Cũng một động cơ như vậy, ông nghiên cứu về hiện tượng chửi tục, nói tục của người Việt Nam:

Từ cuộc sống của dân gian đến cuộc sống có ý thức của triết nhân nghệ sĩ, chúng ta mỗi lúc mỗi nén thêm tiếng cười và nén thêm dục tình. Nỗ lực văn hóa của chúng ta như là một nỗ lực kìm hãm, từ chối cái cười và cái tục. Tìm hiểu đặc điểm dân tộc, có thể không chú ý đến chỗ ấy sao?[17]

Lý do Võ Phiến quan tâm đến cái tên Hùng-ghẻ-ruồi trong tác phẩm "Ở một nơi ai cũng quen nhau" của Hoàng Ngọc Tuấn cũng tương tự: "Anh bạn Hùng là một nhân vật của văn chương, anh chỉ khơi lên vài nghĩ ngợi về một tiếng nói của dân tộc: cái tiếng không tao nhã mà anh bạn đã mang lấy làm biệt danh"[18]

Cứ thế. Bao giờ cũng khởi đầu bằng một chi tiết cụ thể liên quan đến cái ăn, cái mặc, cái ở, cách sinh hoạt hoặc cách nói năng, Võ Phiến miên man suy nghĩ: hoặc để cố gắng nhận diện tâm hồn của một địa phương, một dân tộc hoặc để ghi nhận những đổi thay trong xã hội, trong lịch sử. Có thể nói, một cách khái quát hơn, chính cái tâm hồn của địa phương, của dân tộc và chính những sự thay đổi trong xã hội, trong lịch sử là hai đề tài chủ yếu, bao trùm phần lớn tùy bút của Võ Phiến, ít nhất là trong cả tập *Tùy bút 1*. Trong hai loại đề tài ấy, đề tài thứ hai chiếm một số lượng khá lớn, có lẽ vì thế, từ trước đến nay, nói đến tùy bút của Võ Phiến, người ta chỉ nghĩ đến nó, đến những "chuyện phôi pha", những "chuyện bọt bèo".

Dù sao, những bài tùy bút cảm động nhất của Võ Phiến cũng là những bài về "chuyện bọt bèo". Ở khía cạnh này, có thể gọi Võ Phiến là nhà thơ và là sử gia của những chuyện bọt bèo: ông vừa có cái nhạy cảm, cái mơ mộng của một nhà thơ lại vừa có cái cần cù và uyên bác của một nhà sử học. Sự kết hợp này, thật ra, không có gì là oái oăm. Nếu có người từng nói đến cái mỹ học hoài cựu của Nguyễn Tuân, chúng ta cũng có thể nói đến cái mỹ học lịch sử của Võ Phiến: Nguyễn Tuân tìm cái đẹp trong quá khứ, chỉ trong quá khứ, ở một thời vang bóng đã xa và đã khuất, một quá khứ khép kín, đứng yên, như một cõi thiên thai; Võ Phiến tìm cái đẹp trong những sự biến thiên, dâu bể, theo chiều dài của thời gian, một cái đẹp đang vận động. Nói một cách hình ảnh: Nguyễn Tuân thích nhìn Thúy Kiều ở một thời điểm nhất định, lúc nhan sắc nàng đang rằm; Võ Phiến thích nhìn Kiều trong suốt cuộc trầm luân: điều ông quan tâm nhất có vẻ như không phải bản thân Thúy Kiều mà là mười lăm năm trôi dạt đầy bão tố của nàng.

Ở trên, tôi có viết là Võ Phiến, trong tùy bút, thường lười quan sát. Cách viết như vậy vừa hơi cường điệu vừa dễ gây ngộ nhận. Cường điệu bởi vì đặc điểm ấy, nếu đúng, chỉ đúng đối với tập *Tùy bút 1*. Dễ gây ngộ

nhận bởi vì, thật ra, Võ Phiến chỉ lười quan sát một đối tượng tĩnh tại cụ thể song ông lại quan sát một cách chăm chú và kiên nhẫn lạ thường sự thay đổi của đối tượng ấy qua nhiều thời điểm khác nhau. Nói cách khác, ông quan tâm đến sự kiện hơn là sự vật. Trong khi trung tâm các tác phẩm của Nguyễn Tuân trước năm 1945, theo Phan Ngọc, là đồ vật,[19] trung tâm các bài viết của Võ Phiến trong *Tùy bút 1* là các sự kiện: đối tượng ông chú mục không phải là một chén nước mắm mà là sự kiện người ta làm, thử và yêu, say nước mắm ra sao; không phải là một tô bún bò Huế thơm ngào ngạt hoặc bốc khói nghi ngút mà là cái sự kiện nó lan tràn từ Huế vào Sài Gòn như thế nào; không phải là cái ấm trà với những chén tống, chén quân, những kim hoả, ngư nhãn, giải nhãn... mà là cái sự kiện một việc uống trà như thế cũng trải qua bao nhiêu là bể dâu. Chọn đối tượng quan sát và ghi nhận là sự kiện, Võ Phiến chọn viết về những cái đang trong quá trình vận động: có lẽ điều này giải thích lý do tại sao Võ Phiến lại chọn viết về món ăn này chứ không phải món ăn khác. Ông nhận xét:

> *Mì Tàu, phở Bắc v.v... so với các món ăn trong Nam, một bên như thơ Đường như phú tám vế, một bên như thơ tự do, thơ phá thể. Từ địa phương này đến địa phương khác, từ chợ này sang chợ kia, bún nước lèo và hủ tiếu tha hồ biến cải: ai nấy được tự do sáng tạo trên các loại tác phẩm ấy. Đây là những món ăn còn đang tiến mạnh, những món ăn trẻ, nó chưa hoàn thiện, nó hãy còn khuyết điểm đấy nhưng mà sinh động, hướng về tương lai. Mười năm sau, tại chợ Keo, Siêu sẽ ăn một bát bún riêu y hệt như mười năm trước, chứ chúng ta sức mấy có thể ăn hai tô bún nước lèo giống nhau sau khoảng cách thời gian lâu dài đến thế.*[20]

Ham theo đuổi những sự vận động, biến động, Võ Phiến thường bỏ qua những hình ảnh cụ thể, đầy chi tiết và đầy màu sắc của cuộc sống. Trong tùy bút của ông hiếm có những trang đặc tả sắc sảo, những hình ảnh thật đẹp, những liên tưởng thị giác, hoặc những chuyển hoá cảm giác tuyệt vời như trong tùy bút Nguyễn Tuân: "Ông thử roi vào mặt trống, rồi uốn hai đầu xuống; thân roi uỡn ngửa mãi lên như lúc người đàn bà tránh một cái hôn bạo"; hay: "Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử [...], hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa."[21] Bù lại, đối với các sự kiện, các hiện tượng xã hội, Võ Phiến lại tinh tế, nhạy bén lạ thường. Ông khám phá ra rất nhiều chi tiết ít người để ý: cái rét đô thị; sự hờ hững của người Việt Nam đối với loài chim én; những người Việt Nam sành ăn đều ăn bằng... mùi; tên các món ăn Trung Hoa du nhập vào Việt Nam thường qua trung

gian của những anh đầu bếp, những bác bán hàng rong, vì thế, chúng khá lung tung; khác với miền Bắc, miền Nam, ở miền Trung không hề có hội hè; những cải cách lặng lẽ trong việc lễ bái; các loại mắm ngon đều mang tên của các bà giáo; so với người Trung Hoa và người Tây phương, người Việt Nam có rất ít trò chơi, v.v...

Võ Phiến có một bài tùy bút có cái tựa khá tiêu biểu cho phong cách tùy bút của ông: "Theo chân một món ăn".[22] Ông "theo chân" món phở từ Bắc vào Nam, món bún bò từ Huế vào Sài Gòn, ngọn giá sống từ miền Nam lên cao nguyên. Ông khám phá ra một sự thật đau lòng: các món ăn thường là bạn đồng hành của bất hạnh: "phở Bắc tràn vào Nam theo làn sóng di cư sau cuộc chia cắt đất đai năm 1954; bún bò Huế lan rộng ở Sài Gòn sau một mùa xuân và một mùa hè máu lửa". Ông có một sáng kiến độc đáo: "tìm về lịch sử dân tộc bằng đầu lưỡi". Trong lịch sử ấy, ngay "một sợi rau giá nó cũng ti tê thóc mách được đôi điều về hoạt động quân sự trong một giai đoạn của đất nước, về một khía cạnh sinh hoạt của một thời loạn lạc". Nếu không "thóc mách được đôi điều" về một thời qua phân, chinh chiến triền miên thì nó lại "thóc mách" về bước tiến ào ạt của nền văn minh cơ khí. Những bát nước chè dần dần bị các chai nước ngọt đánh ngã. Những chén chè Huế dần dần bị các hộp trái cây thay thế. Cái mùi của nước mắm bị tinh thần khoa học đe dọa nghiêm trọng. Võ Phiến hay chú ý đến các món ăn có phải vì ông tò mò muốn nghe những tiếng ti tê thóc mách ấy? Có thể. Và để nghe rõ những tiếng ti tê ấy, đối tượng được ông quan tâm hơn cả là các món ăn bình dân: chúng gắn liền với số phận của những người bình dân, như chị Lộc, anh Bốn Thôi, anh Ba Càng Cua, ông Tam Khoang... Cái mà tôi gọi đùa là "chủ nghĩa xuề xòa" của Võ Phiến ở trên, như vậy, không phải xuất phát từ sự dễ tính mà có lẽ xuất phát từ sự thôi thúc có thể một cách vô ý thức của một mối bận tâm ban đầu về việc viết lách. Đằng sau mối bận tâm ấy là một tấm lòng thiết tha đối với quê hương, không nguôi khắc khoải về vận mệnh của đất nước và một gốc gác nông thôn, điều Võ Phiến thường tự nhận: "Tôi vốn lớn lên ở thôn quê",[23] "Tôi sững sờ, nghệt người ra. Con người quê kệch tha hồ trải qua bao nhiêu cảnh vật đổi sao dời của thời đại vẫn không hề tưởng tượng rằng cái món nước mắm gần gũi hằng ngày đã trải qua những biến thiên ghê gớm như thế."[24]

Bài "Mình với ta" là chuyện tình đầu tiên giữa người và... mắm trong văn học Việt Nam:

> *Chắc chắn phải qua nhiều ngày tháng, người nông dân miền Bình Phú mới đi đến cái phát giác: mắm mòi dầu mà xé ra đi kèm với*

lá dừng, lá sộp, lá ngành ngạnh, thêm chanh, ớt, tỏi, v.v... ăn với cơm, nhất là cơm nguội, thì tuyệt.
Lá dừng, lá sộp v.v... là những thứ lá rừng.
Con cá ở tận biển Phan Thiết mà ngày một ngày hai dần dà tìm đến kết nghĩa với lá dừng ở Bình Định: duyên "cá lá" nọ không phải là duyên bạn bầy kỳ ngộ sao?
Thế rồi, bặt đi đã lâu, tôi không được ăn mắm mòi. Nghĩ rằng đó có lẽ do những rủi ro phức tạp trên thị trường, do khẩu vị mỗi nơi một khác, người Sài Gòn không ưa thích mắm mòi mà mình thì vào Saigon đã lâu v.v... Bởi đó nhân chuyến đi Phan Thiết, bèn hỏi thăm về tin tức mắm mòi. Hỡi ôi! thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ!
Người chủ tiệm mắm nhắc đến một năm Hợi năm Thìn nào đó mà trong lúc thảng thốt tôi không nghe rõ. Thì ra tự dưng mà cá mòi Phan Thiết biến mất ngót mười năm. Tôi nghĩ đến sự muộn màng của mình:
"...không xiết sự tình,
Khéo vô duyên bấy là mình với ta!.[25]

Nhìn đối tượng như một hiện tượng, ngòi bút của Võ Phiến dễ dàng tung hoành, từ hiện tại đến quá khứ, từ quá khứ gần đến quá khứ xa. Đang nói đến chiếc áo dài, ông nhắc đến chuyện Lê Quí Đôn gặp sứ giả Triều Tiên tại Trung Hoa hai trăm năm mươi năm trước. Đang nói chuyện quần áo, ông nhắc đến việc vua Minh Mạng nêu thưởng hai thiếu nữ bị hãm hiếp và bị thảm sát, rồi nhắc đến khái niệm "xã hội lý", "xã hội tình". Bay lượn trong cái khung lịch sử rộng rãi như vậy, Võ Phiến có nhiều phát hiện bất ngờ và độc đáo. Từ câu ca dao "Anh về Bình Định thăm cha / Phú Yên thăm mẹ, Khánh Hòa thăm em", ông phát hiện ra tính chất nhì nhằng trong cuộc Nam tiến ở thế kỷ 17. Rồi ông dùng luôn sự kiện di dân nhì nhằng ấy để giải thích về các phương ngữ tại Việt Nam. Từ việc so sánh cách bồng con của người Việt với người Tàu, người Thái, người Rhadé, Bahnar..., ông phát hiện ra một đặc điểm của dân tộc:

> *Ngay từ cổ thời (từ thời chưa tách biệt với người Mường), chúng ta đã miễn công tác cho người chăm sóc trẻ con [...]. Chúng ta sắp xếp lối sống trong gia đình cách nào mà luôn luôn có hạng được nghỉ ngơi, ở nhà trông coi vườn tược con cái, trong lúc hạng trai tráng khỏe mạnh ra đồng làm việc;*[26]

đồng thời phát hiện ra dấu vết Việt hóa một nhân vật Trung Hoa của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*: *Duyên em dầu nối chi hồng / May ra khi đã tay bồng*

tay mang: ở Trung Hoa phụ nữ chỉ địu con trên lưng chứ không bồng, không ẵm như ở Việt Nam. Hầu hết các nhà nghiên cứu văn học dân gian đều coi câu "Tháng Tám có chiếu vua ra / Cấm quần không đáy người ta hãi hùng / Không đi thì chợ không đông / Ra đi phải lột quần chồng sao đang?" là thái độ phản kháng, bất bình của dân chúng đối với triều đình Huế, Võ Phiến nhắc: dân chúng ở đây, thật ra, chỉ là người dân miền Bắc mà thôi. Dựa trên hiện tượng biến âm của một số từ vựng (hoàng thành huỳnh, đức ra đước, phúc ra phước...), Võ Phiến chứng minh tình cảm ưu ái của dân chúng miền Nam đối với triều Nguyễn; rồi dựa trên thái độ thiên vị của triều Nguyễn đối với miền Nam cũng như dựa trên lời nói của chính Minh Mệnh, Võ Phiến lý giải thái độ "rụt rè e sợ" của Nguyễn Du lúc làm quan tại Huế: không phải là do tính tình ông nhút nhát, cũng không phải vì hoài Lê nên ông ra làm quan một cách miễn cưỡng; lý do chính là vì ông bị kỳ thị.[27] Giải thích nguyên nhân tại sao Phan Châu Trinh đề cập tới vấn đề dân quyền sớm hơn các nhà nho khác ở các tỉnh lân cận, Võ Phiến đưa ra ý kiến: trong việc tiếp nhận sách báo từ Trung Hoa, Hội An có lợi thế hơn các địa phương khác nhờ có bến cảng nổi tiếng thường xuyên buôn bán với nước ngoài. Về thói quen cúng giỗ của người Việt ngày xưa, Võ Phiến giải thích rất hay: vì chợ xa:

> *Tiếp người phải có cơm nước thịnh soạn, mà món ăn không phải bất cứ lúc nào cũng mua được. Đã vậy, trong chế độ xã hội ngày xưa ai nấy đều nặng tình gia tộc. Chim có tổ người có tông, bà con họ hàng phải năng tới lui thăm viếng. Nếu mỗi lần thăm viếng nhau mỗi lần gây bối rối cho nhau thì kẹt quá. Cụ Yên Đổ làm được thơ để tạ từ, chứ người khác đã không có bữa ăn lại không có cả thơ sẽ hổ thẹn biết bao. Trong hoàn cảnh ấy, cúng giỗ là giải pháp tuyệt diệu. Bà con có dịp tề tựu thăm nhau, gia chủ có điều kiện để chuẩn bị cuộc tiếp đón chu đáo, chi phí đãi đằng cũng được tiên liệu để khỏi có ai bị thiệt thòi.*
>
> *[...] Một tập tục ra đời trong hoàn cảnh xã hội nông nghiệp, mất hoàn cảnh ấy nó suy tàn. Cúng giỗ không ngã trước sức tấn công của tư tưởng "cấp tiến"; mà khi chợ búa và tiệm ăn nhích đến gần nhà tự nhiên nó lặng lẽ rút lui.*[28]

Cách giải thích tinh tế như vậy không những giúp chúng ta hiểu một tập tục lâu đời trên đất nước mà còn giúp chúng ta cảm được cái lúng túng, bối rối, tội nghiệp của Nguyễn Khuyến trong một bài thơ rất nổi tiếng và thường bị ngộ nhận này:

Đã bấy lâu nay bác tới nhà
Trẻ thì đi vắng, chợ thì xa.
Ao sâu nước cả, khôn chài cá
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa ra hoa, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta.

Tùy bút của Võ Phiến không phải chỉ nói về những chuyện bọt bèo hay phanh phui một số sự kiện lịch sử hay văn hoá bị khuất lấp trong thời gian. Tùy bút của Võ Phiến còn là một nỗ lực liên li nắm bắt những khía cạnh bí ẩn trong tâm hồn một địa phương, một dân tộc. Cách tiếp cận vấn đề của ông, ở đây, là cách tiếp cận của một nhà văn có kiến thức rộng rãi và đặc biệt tinh nhạy. Ông vừa có óc phân tích giỏi vừa có năng lực khái quát cao. Có khi bắt đầu chỉ là một sự vật, một sự kiện, thậm chí, một tên gọi thật tầm thường, ông phân tích, ông khái quát, ông liên tưởng, ông lý luận, cuối cùng, ông đưa ra những nhận xét mới mẻ, đôi khi, có khả năng hé mở một khía cạnh quan trọng trong nền văn hoá nước nhà. Ông quan niệm: "Nếu những phát lộ hồn nhiên phô bày dân tộc tính, thì thiết tưởng chiều hướng cố gắng của văn hoá cũng biểu hiện dân tộc tính."[29] Trong ý nghĩa đó, việc đè nén cái tục và việc ít cười trong văn chương của Việt Nam ngày xưa cũng là những đặc điểm mang dân tộc tính, sao không?

Những bài viết của ông về người Huế, người Quảng, người Bình Định, tuy không hoàn toàn mới lạ, vẫn là những bài viết tinh vi, nghiêm túc, có sức thuyết phục cao, hơn hẳn tất cả các bài viết khác về cùng đề tài. Đặc biệt bài viết của ông về người Bình Định, đến nay, vẫn được nhiều người thích. Nhắc đến tính cách người Bình Định, ai cũng nhắc đến chữ "thàn", "thàn hậu" của ông. Riêng tôi, tôi thích nhất là phát hiện của ông về tính cách của người miền Nam: qua việc quan sát hình ảnh người chủ quán hủ tiếu tại Cần Thơ dẫn trên, cũng như qua chữ "luôn" thường được dùng để đệm sau các câu nói (ví dụ: "Chạy luôn!"), Võ Phiến nhận xét: ở người miền Nam, "trong cử chỉ, một chút gì thừa, vượt quá sự cần thiết; trong lời nói, cũng một chút gì thừa, vượt quá sự cần thiết. Cử chỉ và lời nói đều được phóng đại lên."[30] Nhận xét như thế, dĩ nhiên, còn rất mơ hồ. Nhưng mọi sự khái quát hoá ở đây lại dễ trở thành phiêu hốt. Có ít nhất hai lý do. Thứ nhất miền Nam là vùng đất mới, cá tính địa phương chưa kịp định hình hẳn. Thứ hai, cá tính của địa phương, còn hơn cá tính của một cá nhân, không

ngừng biến động và phong phú và đa dạng khôn lường: đối với bất cứ một nỗ lực khái quát hoá nào, nó cũng sẵn sàng bày ra vô số các ngoại lệ khiến người ta phải ngần ngại. Hy sinh cái danh táo bạo, Võ Phiến chỉ muốn làm một người cẩn trọng: ở đây, cũng như trong nhiều trường hợp khác, bao giờ ông cũng biết dừng lại đúng lúc, đúng chỗ.

Nguyễn Tuân rất thích các địa danh. Nghe một số địa danh ở Cà Mau, ông thấy "có cái gì buộc mình phải cảm phải nghĩ thêm nữa. [...] Những cái tên nghe thật nôm na giản dị, thanh âm như là tập trung vào mà diễn tả cho bằng hết cái mặt chân chất của một vùng đất trẻ"; nghe một số địa danh ở Yên Thế, ông "thấy trong lòng có cái bồi hồi của một bài từ dài, của một bài thơ lớn".[31] Võ Phiến cũng thích các địa danh. Nhưng ông thường không chú ý mấy đến khía cạnh âm thanh của chúng. Ông chỉ chăm chăm tìm tòi cái ý nghĩa văn hoá và ý nghĩa lịch sử của những tên gọi ấy. Tên thành phố Buôn Ma Thuột (theo từ nguyên, có nghĩa là Làng của cha cậu Y Thuột) gợi ông liên tưởng đến cách xưng hô của người Rhadé: chỉ khi còn bé, người ta mới được gọi bằng tên; khi đã có vợ, người ta được gọi là "chồng của..."; khi có con, người ta lại được gọi là "cha của..."; khi có cháu, người ta lại được gọi là "ông của...". Võ Phiến nhận xét:

> *Ở người Rhadé, trong cuộc sống sinh lý của con người sinh trưởng và truyền giống lại mai sau, mỗi thắng lợi đều được ca ngợi, tuyên dương trước tập thể: mỗi một lần đổi tên, người Đàn ông như được thăng lên một trật.*

Rồi ông băn khoăn:

> *Những cách xưng hô của các sắc dân nọ hẳn là có phản ánh cơ cấu thân tộc riêng biệt của họ, đối với của chúng ta có những chỗ khác nhau đáng chú ý. Những chỗ khác ấy không chắc sẽ còn tồn tại lâu dài, nếu không ghi nhận kịp thời, có thể một ngày kia sự tìm hiểu sẽ thành khó vì quá muộn.*

Rồi ông ao ước, vừa ao ước vừa chua chát, vừa chì chiết:

> *Thân tộc, cơ cấu, Claude Lévi-Strauss v.v... những món thời thượng đó, nhiều người vui lòng nói đến lắm. Nhưng nói với những dẫn chứng về dân Trobiandais, dân Pueblos, dân Iroquois, dân Esquimaux v.v... kia. Mấy khi có dẫn chứng về cuộc sống quanh ta? Những hành trình ra hành trình vào dân tộc học vẫn theo các con đường lạ hoắc. Giá có được cuộc hành trình bằng con đường ama Trang Lơng, ama Trang Guh![32]*

Đối với các địa danh tại Cà Mau, trong khi Nguyễn Tuân tấm tắc với

những âm thanh khấp khểnh, trúc trắc như Rạch Rán, Rạch Rô, Tắc Vân, Chắc Băng..., Võ Phiến lại ngẫm nghĩ trước những cái tên mộc mạc như xóm Ông Đồ, ấp Ông Khâm, ấp Bà Năm, ấp Trùm Thuật, ấp Ông Muôn... để, từ đó, nhận ra một điểm khác biệt lớn giữa miền Nam và miền Bắc:

> *Ở đất Bắc, nơi núi sông đã lấy lừng từ nghìn xưa, thì con người nép vào uy danh của bản quán, nương cậy ở khí thiêng của sông núi: thi sĩ Tản Đà, văn sĩ Hồng Nhân [tức Phạm Quỳnh], cụ Tiên Điền, Hồng Sơn lạp hộ, Uy Viễn tướng công, ông tú Vị Xuyên v.v... Ở miền Nam, đất mới chưa kịp có tên, thì xây dựng đến đâu, con người cho non sông mượn tên mình đến đó, trước bạ tên tuổi của mình vào đất đai đến đó.*[33]

Sự thích thú của Võ Phiến đối với tên đất nằm trong sự thích thú chung đối với ngôn ngữ, đặc biệt, đối với loại tên gọi. Ông có một quan niệm đúng đắn: "Người ta vẫn có một cách chăm sóc các giống vật bằng... từ ngữ. [...] Có chú ý đến mới có nhiều phân biệt, có phân biệt mới cần đặt ra nhiều tiếng gọi". Nói cách khác, những gì "gần tầm tay, mật thiết với cuộc sống thường nhật, thì thu hút được sự bận tâm của ta, sự bận tâm ấy phản ảnh trong ngôn ngữ". Trong cách nhìn như vậy, ông chú ý đến sự "trùng hợp kỳ lạ" trong ngôn ngữ các dân tộc thuộc Đông Nam Á liên quan đến từ "cá"; hiện tượng trong ngôn ngữ của một số dân tộc ít người tại Việt Nam không có từ để chỉ cái mặt; đặc biệt, số từ vựng chỉ bệnh tật và các bộ phận của thân thể trong tiếng Việt. Ông nhận thấy trong vốn từ thuần Việt rất hiếm có từ chỉ các bộ phận bên trong cơ thể: để chỉ những bộ phận ấy, chúng ta phải mượn của Trung Hoa; trong các từ thuần Việt chỉ các bộ phận bên trong, phần lớn đều tập trung vào phần dưới: lá mía, lá lách, trái cật, ruột non, ruột già... Chỉ các loại bệnh tật đại đa số là từ Hán Việt: cảm, lao, dịch, thương hàn, thổ tả... Vốn từ thuần Việt, ở phương diện này, thật nghèo nàn, nghèo nàn đến độ, mỗi khi "gặp được tiếng thuần Việt nào có thể ngờ rằng tiếng đó chỉ những chứng bệnh hoặc đã xuất hiện sớm nhất trong cổ thời ở xã hội ta, hoặc hoành hành tác hại nhiều nhất ở ta, khiến được đặc biệt lưu ý". Trong các chứng bệnh được ngờ là "có tính dân tộc cao" ấy, Võ Phiến phát hiện ra một chứng: ghẻ. Nghe Võ Phiến nhắc, chúng ta mới thấy số từ vựng chúng ta giành cho chứng bệnh này quả là giàu có không ngờ:

> *Ta phân biệt ghẻ với chốc, với mụt, với nhọt, với lát, với giời, với sài, với đẹn, với mề đay, với chùm bao. Ta phân biệt ra bao nhiêu là thứ ghẻ: ghẻ nước, ghẻ ngứa, ghẻ tàu, ghẻ bọc, ghẻ phỏng, ghẻ hờm, ghẻ ruồi, ghẻ cóc, ghẻ cái, ghẻ đen, ghẻ khoét v.v... Ta có*

bao nhiêu tiếng để diễn tả những việc liên quan đến ghẻ: ngứa, gãi, nặn (mủ) v.v..., để theo dõi chứng bệnh: sưng, lở, loét, sẹo, rựng, rần, mưng, nung (mủ), cái kèn, cái cồi, mạch lươn v.v... Tất cả đều là từ thuần Việt.[34]

*

Nếu trung tâm của *Tùy bút 1* (1986) là các sự kiện, trung tâm của *Tùy bút 2* (1987) và tập *Quê* (1992) sẽ là các quan hệ. Ở đây có hai điều cần được nhấn mạnh để tránh ngộ nhận. Thứ nhất, hai yếu tố gọi là trung tâm ấy tồn tại xen kẽ, có khi đồng thời, chứ không hẳn là kế tiếp nhau: *Tùy bút 1* gồm những bài chọn từ hai quyển *Đất nước Quê hương* (1973) và *Ly hương* (1976); *Tùy bút 2* từ *Thư nhà* (1962), *Tạp bút* (1963), *Ảo ảnh* (1967), *Phù thế* (1969) và *Thư gửi bạn* (1976), tập *Quê* gồm một bài viết từ 1972, một bài từ 1988 và một bài vào năm 1991. Do đó, ở đây, chúng ta nói đến tính chất đa diện, đa dạng và đa thanh của tùy bút Võ Phiến hơn là sự phát triển trong tư tưởng hay phong cách của ông. Thứ hai, khái niệm "sự kiện" và "quan hệ" không phải là những khái niệm đơn lập, cô lập: không có sự kiện nào không gắn liền với các quan hệ chằng chịt và phức tạp, ngược lại, cũng không có quan hệ nào là thuần tuý, không dựa trên hai hay nhiều sự kiện cụ thể nhất định. Sự khác nhau, ở đây, chỉ là mức độ: lúc này, sự kiện được coi là chính, quan hệ bị coi là phụ; lúc khác, ngược lại, quan hệ là chính, sự kiện lại là phụ. Chính hay phụ, thật ra, chỉ nằm ở sự bận tâm của người cầm bút.

"Lại thư nhà", một trong những bài tùy bút dài nhất và cũng đặc sắc nhất của Võ Phiến, nêu ra vấn đề quan hệ giữa con người và lịch sử. Trong bài viết, hiện ra, dưới mắt nhìn của tác giả, có hai "nhân vật" chính: món mắm cua chua và anh Bốn Thôi. Một vật một người nhưng hai "nhân vật" ấy lại có nhiều điểm giống nhau. Thứ nhất, cả hai đều gắn liền với một người: chị Lộc. Thứ hai, cả hai đều tầm thường, cực kỳ tầm thường: một bên là một món ăn quê mùa và một bên là một con người chậm chạp, dớ dẩn, không chừng có thể bị coi là đần độn nữa. Thứ ba, bởi vì tầm thường, cả hai đều bị quên lãng: trong sách viết về thực phẩm, không ai nhắc đến món cua chua; trong sách viết về xã hội, về lịch sử, không ai nhắc đến anh Bốn Thôi. Nhưng, cuối cùng, mặc dù tầm thường đến cực độ của sự tầm thường, cả hai lại có vai trò lớn lao trong cuộc sống: món cua chua "rất được quí chuộng trong đám dân nghèo" tại Bình Định, nó gắn liền với tâm tình và số phận của con người ở địa phương ấy, nó đi vào ca dao, vào văn chương; anh Bốn Thôi thì

ngót hai mươi năm trời rồi, gần như hồi nào anh cũng phải cầm vũ khí trong tay: anh né viên đạn của bên này, tránh viên đạn của bên kia, đỡ ngọn roi của bên nọ... Và anh cũng lại đánh trả nữa. Và nét mặt anh thì lúc nào tuồng như cũng rầu rầu, nguội lạnh như một người ngoại cuộc. Vậy mà những hoạt động của anh đã làm ra tình hình của xứ sở [...]. Nói một cách văn hoa, anh ta đang làm lịch sử đấy chứ: Lâu nay anh ta vẫn rầu rầu làm ra lịch sử với một vẻ hững hờ, nhẫn nại.[35]

Có thể nói, với "Lại thư nhà"", cũng như với nhiều truyện ngắn khác của mình, Võ Phiến có công nâng cái tầm thường lên thành một phạm trù thẩm mỹ. Xưa, người ta chỉ chuộng những cái phi thường. Từ đầu thế kỷ 20, các nhà văn nhà thơ bắt đầu chú ý đến những cái tầm thường, hoặc nhiều hơn, cái bình thường, nhưng họ thường có khuynh hướng hoặc là thi vị hoá, hoặc là chính trị hoá, hoặc là bi kịch hoá. Các nhà văn, nhà thơ lãng mạn thời 1930-45 thường thổi vào cái bình thường, cái tầm thường quá nhiều hương thơm, biến cuộc sống lam lũ ở nông thôn thành một bài thơ óng ả. Các nhà văn hiện thực và hiện thực xã hội chủ nghĩa, sau đó, bắt cái tầm thường phải đóng vai đại biểu cho các giai cấp, các lực lượng xã hội thù nghịch thường vượt ra ngoài biên giới của quốc gia và nhất là biên giới của khả năng nó. Các nhà văn, nhà thơ miền Nam thời kỳ 1954-75 lại bắt những cái tầm thường ấy "buồn nôn", "ói mửa", "phá phách", "phản kháng", "khắc khoải" về tính chất phi lý và vô nghĩa của cuộc đời. Võ Phiến khác. Võ Phiến cố gắng bình thường hoá những cái tầm thường, làm cho những cái tầm thường trong cuộc đời thành những cái bình thường trong văn học, những cái bình thường "có ý thức": cách nói này tôi bắt chước Võ Phiến trong bài "Mười giờ": "Không có tiếng chuông, mình không để ý đến sự im vắng của chung quanh. [...] Lâu lâu một tiếng "boong" làm cho sự im vắng tự ý thức về mình. Thành ra một sự vắng lặng có ý thức".

"Ngày xuân êm đềm" và "Thư nhà" mô tả mối quan hệ giữa con người và môi trường sinh sống của con người. Ở đây, cũng như rải rác ở nhiều nơi khác, Võ Phiến thường đối lập môi trường nông thôn và môi trường thành thị. Ở nông thôn, cuộc sống nghèo nàn và đơn điệu khiến người ta buồn rầu, luôn luôn thắc thỏm mơ ước đến những chuyến đi xa. Nhưng khi giấc mộng đã thực hiện được, khi đã sống giữa một thành phố xô bồ và đông đúc, người ta lại thấy cuộc sống vẫn nghèo nàn và đơn điệu, hơn nữa, còn thêm vô tình và vô vị, lại bồn chồn nhớ thương đồng quê. Sự đối lập giữa

nông thôn và thành thị gắn liền với một sự đối lập khác: sự đối lập giữa xã hội nông nghiệp và xã hội công nghiệp, giữa xã hội tình và xã hội lý. Ở đây, chính ở đây, tâm lý hoài cựu của Võ Phiến trở thành đậm nét hơn bất cứ ở đâu khác. Hầu như ai cũng biết một trong những đặc điểm chính của thể tùy bút là tinh thần hoài cựu. Có điều, ở mỗi nhà tùy bút, khái niệm "cựu" ấy mang những nội dung khác nhau: với Vũ Bằng, đó là một quãng đời đã mất; với Nguyễn Tuân, đó là một phong thái đã xa; với Phạm Đình Hổ, đó là một cái đạo đã suy vi; còn với Võ Phiến? Theo tôi, Võ Phiến nhớ tiếc tình người. Trong cái gọi là quan hệ giữa con người và môi trường sinh sống, có một thứ quan hệ khác nữa: quan hệ giữa người với người trong môi trường sinh sống ấy. Trong những quan hệ như thế, Võ Phiến đánh giá cao sự chung thuỷ: "dầu sau khi mình chết mà con cháu có làm tới quận công sao bằng đang sống mà gặp được sự chung tình. Sự chung tình vô giá càng ngày càng hiếm...". Hiếm, chủ yếu vì cái bao la, cái đông đảo của môi trường sinh sống. Võ Phiến hay nhắc đến "cái rét đô thị", ở đó, con người bị "tiêu mòn đi trong cái mênh mông to lớn [...] như một mảnh nước đá nhỏ hoà tan trong thau nước lớn, như chút khói thuốc mỏng mảnh bay vật vờ một lát trên ngọn cỏ bên lề đường rồi tan mất, vô nghĩa". Ghê cái rét ấy, Võ Phiến càng lưu luyến những gì đang phôi pha dần, như cái quan hệ láng giềng gần gũi, thân mật ở Qui Nhơn, Quê ông, chẳng hạn.

Tinh thần hoài cựu ấy dường như nhạt nhoà đi nhiều sau 1975. Di tàn, hoài hương quay quắt, nhưng Võ Phiến không hoài cựu. Võ Phiến dần dần chấp nhận quy luật của sự tiến bộ: ông ra sức tìm hiểu đời sống mới tại Tây phương và cố gắng thích nghi với nó. *Thư gửi bạn* (1976) và *Lại thư gửi bạn* (1979) là một nỗ lực vừa cần mẫn vừa xót xa như thế.

Trong bài "Lúc dừng nghỉ", Võ Phiến lại nhìn vấn đề quan hệ giữa người và người trên một bình diện lớn hơn và cũng khái quát hơn, dường như thấp thoáng chút hơi hướm hiện sinh chủ nghĩa: "Người là một ám ảnh thường trực của nhau". Võ Phiến nhận xét:

> *Trong thuở hồng hoang, trên mặt đất mênh mông, con người thưa thớt hiếm hoi, tìm nhau khao khát. Thuở ấy đứng giữa thiên nhiên là lạc loài, lo hãi. Nép vào tập thể đồng loại là trở về.*
>
> *Ngày nay chúng ta bị dìm đầu vào xã hội. Thể xác không ngớt chịu đựng những va chạm cụ thể: vách nhà ta sát vách nhà láng giềng, đôi bên lấn nhau từng phân đất. Trí óc không ngớt tràn ngập những vấn đề nhân sự, từ ngày khôn lớn biết suy nghĩ cho đến hơi thở cuối cùng. Người người bị bắt buộc đối diện nhau thường trực,*

bao vây nhau, ám ảnh nhau. Người bị ngộp vì người.
Trong tình cảnh ấy, chàng lại tìm thấy cảm tưởng yên ổn trong cái hững hờ lạnh nhạt của thiên nhiên vô tình: của vầng trăng đối diện với mặt đất, của trời rộng đối diện với sông dài... không một chút sôi nổi, không cả một chút gì tương quan với nhau. Cùng nhau tồn tại, thản nhiên, trang nghiêm, vô sự.[36].

Hầu hết các bài viết in trong phần ba của *Tùy bút 2* đều xoay quanh sự cô đơn. Nhân vật trầm ngâm một mình: hoặc đọc sách một mình trong phòng ("Xem sách"), hoặc uống cà phê một mình ("Cái còn lại", "Giọt cà phê"), hoặc nằm thao thức một mình ("Một ngày để tùy nghi", "Lúc dừng nghỉ", "Một chỗ thật tịch mịch"), hoặc nhấp nhỏm ở nhà một mình ("Mười giờ"). Lúc nào cũng một mình. Nhưng không có ai được hoàn toàn yên ổn. Bởi không ai thực sự một mình: dẫu trong phòng không có ai, trong nhà không có ai, thì vẫn luôn luôn có ai đó trong tâm tưởng, cứ khua động hoài hoài trong trí nhớ. Có khi trí không nhớ mà da thịt thì vẫn nhớ: "Ông bàng hoàng, ngẩn ngơ. Ông không nghĩ đến Loan, nhưng từng giác quan của ông chúng vẫn nhớ nàng."[37] Có khi trí không nhớ mà tiềm thức thì vẫn nhớ: ngồi uống cà phê trong quán phở của một người trưởng ty công an cũ, "chàng mở mắt chiêm bao những điều kỳ dị, hãi hùng", chẳng hạn: "Một người đưa đũa lên gắp lấy vành tai kẻ đối diện, kéo. Người kia co rúm lại, không một tiếng kêu. Nhưng chắc chắn là người thứ nhất đã gắp được, điềm nhiên nhúng vào tô, ăn thong thả. Hai thực khách đều lặng lẽ. Chủ quán ở bên cạnh, lặng lẽ."[38]

Đặt nhân vật trong bối cảnh một mình, cô đơn, Võ Phiến dễ làm nổi bật lên một thứ quan hệ khác, quan hệ thời gian, giữa quá khứ và hiện tại. Không có hiện tại nào chỉ là hiện tại. Bất cứ hiện tại nào cũng lấp lánh những hồi quang từ quá khứ, hoặc gần hoặc xa. Từ đó, Võ Phiến phát hiện ra tính chất đa ngã của con người: trong cùng một lúc, con người có thể sống nhiều cuộc đời khác nhau, với những kỷ niệm khác nhau; có thể mang nhiều tính cách khác nhau, với những hình ảnh khác nhau. Một người đang là một nhà thơ nổi tiếng cũng đồng thời là một người thất bại trong tình yêu, bị bạn bè sỉ nhục giữa nơi công cộng, bị ngay cả những kẻ tầm thường nhất trong xã hội rẻ rúng; vừa rất đẹp, gần như sắp sửa trở thành một biểu tượng của nghệ sĩ, hơn nữa, của nghệ thuật nói chung, lại vừa hết sức nhảm nhí: đọc sách, chỉ khoái xem phụ bản; xem phụ bản, chỉ khoái tưởng tượng đến những người thân quen; đối với những người thân quen, chỉ chú mục vào hình ảnh một

cô gái với sự tò mò "có ý rình chờ lúc cô giáo giơ cao cánh tay lên, để xem nách cô ta, xem thử..." Một nông dân chất phác đến độ bắt gặp quả tang vợ mình đang ngoại tình cũng chỉ biết "nghẹn cứng ngang cổ, không thở được", vậy mà, về sau, trở thành một hung thần trong làng. Cái gọi là tính chất đa ngã ấy còn có một ý nghĩa khác: "Ở cái thời buổi loạn ly này đời sống của mỗi người như chắp bằng trăm mảnh, như tấm áo cà sa trăm màu", chẳng hạn, "một đoạn đời hoạt động ở hàng ngũ bên kia có thể được ghép với một đoạn phục vụ ở hàng ngũ bên này, những ngày trôi sông lạc chợ có thể ghép bên cạnh những đêm ăn chơi đế vương". Thành ra, cuộc đời của người nào cũng dường như "gãy rời ra, mất chỗ này một đoạn, lìa chỗ kia một đoạn, xa lạc nhau, không dính dấp gì với nhau" khiến nhiều lúc tự nhìn lại mình, người ta còn không khỏi bỡ ngỡ, huống gì người khác. [39]

Dường như càng ngày Võ Phiến càng trăn trở, càng muốn nhận diện thật đầy đủ bản chất của con người. Nhìn con người trong mối quan hệ với môi trường đô thị, trước 1975, ông phát hiện ra sự lạc lõng và lạc loài; sau 1975, ông phát hiện thêm một đặc điểm nữa: sự khắc khoải và thảng thốt. Nhìn con người trong mối quan hệ với đồng loại, trước 1975, ông chỉ thấy sự bất an ; sau 1975, ông thấy thêm cả sự bất toàn: "Vạn vật sinh ra hầu hết là những sinh vật bất toàn. Mỗi người nam là nửa người, mỗi người nữ là nửa người. Mỗi con trống là nửa con, mỗi con mái là nửa con", do đó, con người luôn luôn thấy "lạnh": ông gọi là "cái lạnh nửa người". Từ "cái rét đô thị" đến "cái lạnh nửa người", có một khoảng cách rất xa trong tư tưởng.

Trước 1975, Võ Phiến thường nhìn con người trong kích thước xã hội và lịch sử. Sau 1975, đặc biệt từ cuối thập niên 80 trở đi, ông thích nhìn con người trong kích thước vũ trụ. Trong "Thế cuộc",[40] "Khách xá qui tâm"[41] và "Cái lạnh nửa người",[42] Võ Phiến đề cập đến nhiều vấn đề, trong đó có một vấn đề nổi bật, bàng bạc trong cả ba bài: cái nhỏ nhoi, cái mong manh của kiếp người. Nhỏ nhoi, mong manh giữa cái vĩnh cửu, cái vô cùng của thời gian. Nhỏ nhoi, mong manh giữa cái không cùng, không tận của trời đất.

> *Một sinh vật giữa đất trời: mong manh biết chừng nào. [...] Một mình giữa cõi trần xa lạ mênh mông giá buốt, cái gì cũng đáng khiếp cả. Sao trời, băng giá: thấy mà ghê; tiếng gió tiếng sấm: nghe mà ghê; màu xanh hãi hùng đe doạ khắp tư bề. Nắng sáng loà khắp cõi không cùng thấy đã hãi mà đêm tối mịt mùng càng hãi. Tiếng động nghe đã kinh hồn mà cái im lặng phăng phắc càng kinh hồn hơn. Cái chết đã thảm, mà cái sống bơ vơ càng thảm thiết hơn nữa. Con người khóc Một mình giữa Mênh Mông.*[43]

Đáng khiếp, đáng sợ, song Võ Phiến vẫn thích đối diện với những cảnh hùng vĩ bao la để lại càng thấm thía hơn cái nhỏ nhoi, cái mong manh của kiếp người. Không phải tư tưởng của Võ Phiến thay đổi mà cả óc thẩm mỹ của ông cũng thay đổi theo. Trước, ông thích những cái tầm thường, nhỏ mọn: một cánh chim, một sợi khói, "một con nhện đu đưa ở đầu một sợi dây tơ thả lửng lơ giữa nhà"... Sau, ông thích những đỉnh núi cao chất ngất, những vực thẳm sâu hun hút. Đối với thực vật, hoặc ông thích những cây bồn tài già cả hàng nghìn tuổi, những cây hồng sam già cả bốn, năm nghìn tuổi, hoặc ông mê những cây gồi cao hơn ba chục thước tây:

> *Ngọn gồi, nói đến là ông Nguyễn nôn nao cả người: Ngọn gồi, cái tàn cây vắt vẻo ấy, phải nói là nó thuộc về không gian. Nó ở hẳn một cõi cao. Nó lờ hẳn ta, cách biệt hẳn ta, không biết đến ta nữa [...]. Ban ngày giữa nắng sáng chói chang trời xanh lồng lộng, cùng từng cơn gió, cùng với các đám mây trắng nhẹ phới, các tàn gồi chúng đàm đạo về những bí ẩn muôn đời; ban đêm cùng với từng ngôi sao trên trời sâu thăm thẳm tàn gồi gật gù mặc tưởng suốt năm canh, suốt đêm dài bất tận về lẽ huyền vi của vũ trụ.*[44]

Đối diện với những cảnh ấy, Võ Phiến cảm thấy chơi vơi. "Thời gian nó uy hiếp mình. Khoảng rộng nó uy hiếp mình". Ông "chợt thấy những chạy vạy bon chen trong sở làm, những học hặc gầm gừ trong gia đình, những lo lắng băn khoăn trong việc làm ăn, thậm chí cả "mối tình lớn" trong đời mình cũng đâm ra vô nghĩa" .[45]

Sở thích mới về cái bao la, cái hùng vĩ ấy giúp Võ Phiến phát hiện ra một cách nhìn mới về một kỷ niệm cũ, thời ông ấu thơ, để viết nên một đoạn văn cực đẹp:

> *[...] khoảng xế trưa, tôi đang ngủ dưới bóng cây ở bãi sông bỗng choàng thức giấc. Tôi ngơ ngác quay đầu tìm xem cái gì đã đánh thức mình. Trời nắng đậm, thời khắc ngưng lại sững sờ, mây trắng từng đám lặng lẽ không di chuyển. Trong im lặng phăng phắc, tai tôi nghe cả tiếng vỗ cánh của một con chim nhỏ, tiếng chân con rắn mối khua lá khô rột rẹt. Bờ sông phía bên kia, ở chỗ quẹo, lở thành vách đứng cao vút. Phía bên ấy có những đám bắp nằm sâu vào bên trong, từ chỗ tôi không trông thấy bắp, chỉ thấy vài con bò cặm cụi ăn cỏ mép sông. Và một người đàn bà đang nhìn dáo dác rồi há miệng thật to... A! đó là cái đã đánh thức tôi?*
> *Chắc chắn đây là một bà mẹ gọi con. Gọi một trong những đứa trẻ vẫn chơi đùa với tôi hàng ngày ở bãi sông.*

Từ dưới lòng sông bên này nằm trông lên bờ sông bên kia, xa tít, ngược chiều nắng: một người đàn bà nhỏ bé vung tay, ngoác miệng, giãy giụa trên cao, sau lưng là tảng mây trắng sáng loà.
Lúc bấy giờ đứa bé ngờ nghệch là tôi đâu biết gì. Thế nhưng từ trong giấc ngủ bật ra bàng hoàng, trước hình ảnh người mẹ chới với giữa mây trắng, tự dưng tôi ngợp trong buổi trưa mênh mông. Thình lình có cảm giác vừa ngao ngán vừa kinh hãi.[46]

Viết về con người từ những mối quan hệ khác nhau, phần lớn các bài viết trong *Tùy bút 2* và *Quê* đều có tính chất tự sự rõ rệt. Mỗi bài viết như là một truyện ngắn. Cũng có nhân vật. Cũng có động tác. Cũng có đối thoại. Cũng có một cốt truyện đàng hoàng. Đây là một trong những điểm khác biệt quan trọng giữa *Tùy bút 1* và *Tùy bút 2*: *Tùy bút 1* gần với tiểu luận, ngôn ngữ tư biện là yếu tố chủ đạo; *Tùy bút 2* gần với truyện ngắn, ngôn ngữ hình tượng là yếu tố chủ đạo. Trong *Tùy bút 1*, Võ Phiến say sưa theo đuổi ý nghĩa của các sự kiện, đâm ra lười quan sát và mô tả; trong *Tùy bút 2* và cả tập *Quê* sau đó, ngược lại, Võ Phiến lại phát huy triệt để khả năng quan sát và mô tả của mình: từng tiếng rao hàng được ghi nhận; từng tiếng tu hú được ghi nhận; từng giọt cà phê nhỏ đều xuống cốc được ghi nhận; từng con nhện, con chuột trong căn nhà vắng được ghi nhận; cái tròng mắt chạy qua chạy lại một cách bất an của một người con gái trong cơn ân ái cũng được ghi nhận; tài tình và cũng tinh quái nhất là lúc Võ Phiến ghi nhận được cái ngón chân cái oằn lên của một người đàn bà đang ngoại tình trong bài "Nhớ làng" in trong tập *Quê*.

Điều tôi tâm đắc nhất khi đọc *Tùy bút 2* và *Quê* là ở điểm: Võ Phiến vừa tăng cường chất tự sự lại vừa tăng cường chất thơ. Nói *Tùy bút 2* và *Quê* gần với truyện ngắn: cũng được; nói nó gần với thơ: cũng được nữa. Không chừng cách nói sau vừa gần sự thực vừa làm Võ Phiến đắc ý hơn. Chắc không phải ngẫu nhiên mà ông lại tuyển ít thơ của ông để in vào *Tùy bút 2*, chứ không phải *Tùy bút 1*, hay *Tạp bút*, chẳng hạn. Chắc cũng không phải ngẫu nhiên mà nguyên phần ba của *Tùy bút 2* lại được in nghiêng, cùng kiểu chữ với phần thơ trước đó. Tôi muốn coi những bài tùy bút đăng ở phần ba ấy [47] là những bài thơ văn xuôi.

Thì người ta cũng có thể coi tùy bút Nguyễn Tuân là những bài thơ văn xuôi. Đã đành. Có điều, nếu coi tùy bút Nguyễn Tuân là thơ thì đó hẳn là những bài thơ cổ, đầy tính chất Đường thi, từng thanh bằng thanh trắc ngân nga, từng âm trầm âm bổng dìu dặt, cái hay của chúng nằm ở từng

chữ dùng thật đắc, những "nhãn tự", những "thần cú". Thơ-tùy-bút của Võ Phiến giống với thơ miền Nam trước đây hơn: đó là thơ tự do, cái hay nằm ở kết cấu toàn bài hơn là ở từng đơn vị nhỏ, như từ, như câu. Đặc biệt là trong thơ-tùy-bút của Võ Phiến cũng có... vần.

Vần của thơ tự do, dĩ nhiên. Nói như Thanh Tâm Tuyền, trong bài "Nỗi buồn trong thơ hôm nay", đó không phải là loại vần theo lối đồng âm đồng thanh, mà là thứ vần ẩn giấu, cách xa, có khi khác thanh nghịch âm.[48] Trong hầu hết các bài tùy bút ở phần ba, Võ Phiến thường xuyên lặp đi lặp lại một số từ, một số hình ảnh, thậm chí, có lúc, nguyên cả một câu dài. Ở "Giọt cà phê", đó là hình ảnh một người ngồi Một mình với những giọt cà phê rơi chậm xuống đáy cốc; ở "Một ngày để tùy nghi" là những cơn thức giấc giữa khuya và câu than thở "không còn thì giờ nữa"; ở "Cái còn lại" là hình ảnh một người già, ngoài sáu mươi tuổi, tóc bạc và rụng nhiều, với ly cà phê nguội và chua. Nếu tước đi những đoạn mô tả, lý luận để khai triển vấn đề, chỉ giữ lại một số hình tượng chính, bài "Lúc dừng nghỉ" sẽ giống y hệt một bài thơ văn xuôi:

Lúc ấy chừng một giờ khuya. Trăng ở giữa trời. Chàng sực thức dậy, và mỗi lúc mỗi tỉnh táo thêm. Kéo mền đắp ngực, nằm ngửa mặt nhìn lên; hồi lâu chàng dần dần có cảm tưởng không phải mình chỉ tỉnh táo vì tách rời hẳn giấc ngủ, mà còn vì rời xa cuộc sống thường nhật. [...]

Chàng thức giấc có lẽ vì khát nước, cũng có lẽ vì con chó hực lên một tiếng bên cạnh. Nó có hực chăng? Trong giấc ngủ không nghe rõ, lúc tỉnh dậy chàng không nhớ quyết; nhưng tỉnh dậy đầu tiên chàng trông thấy nó bên cạnh, mắt đăm đăm theo dõi vài đồng loại nô đùa dưới đường. Trên gác, chỉ có mình chàng và con chó là thức; mọi người trong nhà đã ngủ say.

Một mình chàng, với chó, với trăng. Hồi lâu, chàng thấy không phải mình chỉ vừa tỉnh rượu, tỉnh ngủ, mà còn tỉnh khỏi cuộc sống thường nhật, tỉnh khỏi cuộc nhân sinh nồng nàn. [...].

Cuộc sống nồng nàn - Chàng vùi đầu vào đấy, hùng hục như bao nhiêu kẻ khác xung quanh. Cùng năm mãn tháng, bỗng một đêm tỉnh rượu, giữa khuya, mở mắt và sững sờ với vành trăng lặng lẽ ngang đầu. [...].

Cùng năm mãn tháng, tình cờ chàng có cơ hội gặp vầng trăng trong khoảnh khắc hoang đảo, một khoảnh khắc giải toả [...].

Chàng đốt một điếu thuốc. Đêm nay, trong khoảnh khắc gặp gỡ,

chàng cùng với vầng trăng cùng sáng lên với nhau, thản nhiên, trang nghiêm.[49]

*

Tùy bút Võ Phiến, như thế, chỉ là một chuỗi dài những trăn trở, những khắc khoải. Hết khắc khoải về các vấn đề văn hoá, chính trị, xã hội, lịch sử, lại khắc khoải về bản chất cuộc đời và số phận của con người. Đọc tùy bút của Nguyễn Tuân, của Thạch Lam, của Vũ Bằng... chúng ta thấy khoái chá; đọc tùy bút của Võ Phiến, chúng ta thấy ngẩn ngơ. Mà, nghĩ cho cùng, có gì đâu để ngẩn ngơ chứ? Ông viết những điều giản dị, gần gũi biết bao. Như những ngọn đèn vàng. Như bầu trời xanh. Chỉ là *ngọn đèn vàng cạch tầm thường* vậy thôi. Vậy mà, không hiểu sao, nó cứ ám ảnh người đọc hoài suốt bao nhiêu năm. Chỉ là trời xanh vậy thôi. Chỉ là *mây trắng tơ tướt ngang trời* vậy thôi. Vậy mà, lạ thay, cái bầu trời thao thiết mênh mông ấy, cái làn mây nhẹ nhàng, lưu đãng ấy lại có hấp lực hút bật dậy bao nhiêu cảm xúc ngỡ chừng ngủ yên trong ta.[50] Ông day dứt mà ta thì ngẩn ngơ. Ông trăn trở mà ta thì động lòng. Ông có lúc cười cợt mà ta thì lại nghe như có cái gì thật xót xa. Lạ.

Nguyễn Hưng Quốc

(Trích trong cuốn *Võ Phiến*, Văn Nghệ xuất bản năm 1996)

---

[1] Võ Phiến (1986), *Tùy bút* 1, California: Văn Nghệ, tr. 222-3.

[2] Đặng Tiến (dưới bút hiệu Nam Chi) (1987), "Anh Bình Định, con chim én và những đám khói", *Đoàn Kết* số 389 (3.87), tr. 31.

[3] Nguyễn Hiến Lê (1973), lời Tựa tập *Đất nước Quê hương* của Võ Phiến; in lại trong *Tùy bút* 1.

[4] Như trên.

[5] Như trên, tr. 153-4.

[6] Như trên, tr. 155.

[7] Đặng Tiến (dưới bút hiệu Nam Chi) (1987), "Về thể văn tùy bút", *Đoàn Kết* số 390 (4.87), tr. 29.

[8] Đặng Tiến (1987), "Anh Bình Định...", bđd, tr. 28.

[9] Xem Lời giới thiệu của Nguyễn Đăng Mạnh in trong *Tuyển tập Nguyễn Tuân*, tập 1, Văn Học, Hà Nội, 1981, tr. 11-72.

[10] Nguyễn Đăng Mạnh, bđd, tr. 50. 7.

[11] Như trên, tr. 54.

[12] Nguyễn Hiến Lê (1973), bđd.

[13] Võ Phiến (1986), sđd., tr. 134.

[14] Như trên, tr. 86.

[15] Như trên, tr. 144.
[16] Như trên, tr. 32-3.
[17] Như trên, tr. 109.
[18] Như trên, tr. 62.
[19] Phan Ngọc (1988), "Nguyễn Tuân, quá trình chuyển biến của một phong cách", Thông tin Văn hoá Văn nghệ số 4b (1988), tr. 23.
[20] Võ Phiến (1986), sđd., tr. 270
[21] Dẫn theo Nguyễn Đăng Mạnh (1981), bđd. tr. 69-70.
[22] Võ Phiến (1986), sđd., tr. 84-8.
[23] Như trên, tr. 44.
[24] Như trên, tr. 38.
[25] Như trên, tr. 170-1.
[26] Như trên, tr. 280.
[27] Như trên, tr. 178-9.
[28] Như trên, tr. 54-5.
[29] Như trên, tr. 109.
[30] Như trên, tr. 225.
[31] Dẫn theo Nam Chi (1987), "Vệt khói nhạt trên lư đồng", Đoàn Kết số 395 (10.87), tr. 13.
[32] Võ Phiến (1986), sđd., tr. 298-300.
[33] Như trên, tr. 228.
[34] Đoạn này và tất cả các câu trích trong đoạn văn trên đều lấy từ Tùy bút 1.
[35] Võ Phiến (1987), Tùy bút 2, California: Văn Nghệ, tr. 114-5.
[36] Như trên, tr. 205.
[37] Như trên, tr. 224.
[38] Như trên, tr. 179-180.
[39] Tất cả các câu trích đều lấy từ Tùy bút 2.
[40] In trên Làng Văn số 71 (7.90), tr. 31-41.
[41] Võ Phiến (1992), *Quê*, California: Văn Nghệ, tr. 31-93.
[42] Cũng được in trong *Quê*, tr. 95-132.
[43] Võ Phiến (1992), sđd., tr. 117.
[44] Như trên, tr. 55-9.
[45] Võ Phiến (1990), "Thế cuộc", Làng Văn số 71, tr. 40.
[46] Võ Phei61n (1992), sđd., tr. 106-7.
[47] Gồm các bài "Xem sách", "Cái còn lại", "Ế ị", "Giọt cà phê", "Một ngày để tùy nghi", "Lúc dừng nghỉ", "Một chỗ thật tịch mịch" và "Mười giờ".
[48] Thanh Tâm Tuyền, "Nỗi buồn trong thơ hôm nay", in lại trong *Bốn mươi năm thơ 1945-85*, tập 2, Thi Vũ, Quê Mẹ, Paris, 1993, tr. 275.
[49] Võ Phiến (1987), sđd., tr. 200-206.
[50] Những chữ in nghiêng là của Võ Phiến trong bài "Cái còn lại" và "Mười giờ".

LƯU HY LẠC

ở trưa

Tọng vô họng nguyên một tôi
cái đời nay, đời sau - trôi cơ cầu
ngồi, tuyền mộng mị đâu đâu
hai tay phát, bưng cổ đầu tôi đi;
cỏ ngoài nghĩa địa đương thì.

Thân tôi mọc nhánh dị kỳ
trổ khắp hướng, mỗi hướng tỳ vết rêu
bay phơ phất dưới đuôi diều,
hai con mắt mỗi con, điều riêng tây;
mải mê vói miết đọt cây.

Mở mắt, thấy bướm tụ đầy
quanh miệng tôi từng cụm mây xanh dờn,
rồi, trong trời vẳng tiếng đờn
câu vọng cổ với tôi, vờn dưới mưa;
ai thúc - này, đã đời chưa!

Một tay, tôi vốc gió, mưa
tay rải tro để đời xưa, sau cời;
bụi tôi dậy, đỏ cả trời.

Lưu Hy Lạc

BÙI VĨNH PHÚC

nghĩ về võ phiến và cuốn *văn học miền nam, tổng quan*

Võ Phiến là một trong những tác giả lớn của nền văn học miền Nam Việt Nam sau di cư 1954. Chữ *lớn* ở đây được quy chiếu trên số lượng tác phẩm mà ông đã đóng góp trong suốt hơn ba mươi năm trời ông có mặt trong dòng văn học tự do của người Việt, và trên giá trị tự thân của những tác phẩm ấy.

Tôi được tiếp xúc lần đầu với Võ Phiến qua tác phẩm *Giã Từ*. Thuở ấy là vào khoảng năm 1962, 1963, có lẽ tôi đang học lớp đệ thất (lớp 7). Dạo đó, lòng tôi còn trong sáng; nhưng quyển sách của Võ Phiến đã mở bùng ra trước mắt tôi cả một vùng trời vùng đất quê hương trong chiến tranh tàn khốc. Tôi đã thấy người ta tản cư, chạy giặc, báo động, khóc lóc... trong cuốn sách này. Tôi đã thấy đời sống mình không còn chỉ là đời sống của mình, nhưng còn là đời sống của những người khác, những người đã chia sẻ một phần đất ở trên quê hương tôi, những người đã chia sẻ với tôi một dòng máu đỏ chảy mãi từ những ngày xa xôi huyền sử. Võ Phiến làm tôi đi ra khỏi cái thế giới nhỏ bé và yên ổn của mình để xúc động với những đời sống, những thế giới khác. Thế nhưng, để đền bù cho sự tàn phá (?) cái đời sống cũ êm đềm của tôi, Võ Phiến đã giới thiệu với tôi những nhân vật rất lạ và rất đáng yêu mà ông đã từng quen biết.

Những nhân vật được Võ Phiến vẽ tả lại trong *Giã Từ* đều có một nét gì đó rất đậm đà chân chất, pha với sự dí dỏm và hiền lành tự nhiên vốn sẵn của những con người đã phơi ngửa định mạng mình trên những vùng đất quê hương còm cõi. Những con người giản dị như con cá lá rau nhưng có một tấm lòng rộng lớn thiết tha để có thể ôm chặt quê hương vào lòng. Bởi thế, khi "giã từ" những con người quê hương ấy, Võ Phiến không khỏi nao lòng.

Tôi đã quen biết với Võ Phiến như thế. Và ông làm tôi cũng nao lòng quá. Ngày ấy, Võ Phiến đã có cặp mắt tinh sắc để nhận xét về đời sống bao quanh ông. Ông đã nhận xét và mô tả về cung cách sinh hoạt, về lời ăn tiếng nói, về tâm tình, suy tư của những người cùng thời với ông, mặc dù những mẫu người này chỉ được lọc ra từ một ngôi làng quê nhỏ bé, vùng Quy Nhơn, nơi ông ở. Ông cũng đã có những nhận xét về thời cuộc, về những lớp sóng phế hưng đã đổ xô tới và khuôn đúc thành những kiểu mẫu sống rất đặc biệt của những người dân quê ở đấy.

Qua cuốn *Tùy Bút* do nhà Văn Nghệ xuất bản, người đọc lại có cơ hội để nhìn rõ hơn cái cá tính đặc biệt của Võ Phiến: sự nhận xét tỉ mỉ, chi tiết, và tấm lòng nặng với quê hương. Những nhận xét của ông dí dỏm, sắc bén và thông minh. Giống như Marcel Proust trong *À la Recherche du Temps Perdu*, cặp mắt của Võ Phiến rất sắc. Ông soi chiếu cái nhìn của ông vào cả những cái giản dị và tầm thường nhất. Và qua cái nhìn này, người đọc chợt thấy ra rằng có những cái rất tầm thường, giản dị nhưng lại có thể chiếu ra những ánh sáng đặc biệt hết sức bất ngờ.

Cuốn *Tùy Bút*, theo tôi, là một trong những cuốn sách nổi bật của Võ Phiến. Thể tùy bút là sở trường của ông. Trong thể loại này, Võ Phiến có thể nói lan man và đưa ra những nhận xét hết sức bất ngờ về đủ mọi chiều cạnh của đời sống người Việt. Thể tùy bút giúp Võ Phiến nói về văn hóa Việt Nam một cách hết sức cụ thể, sinh động. Và độc đáo. Để giới thiệu cuốn sách này, nhà xuất bản Văn Nghệ đã so sánh *Tùy Bút* của Võ Phiến (đa số những bài trong cuốn này đã xuất hiện trong cuốn *Đất Nước Quê Hương*, tùy bút của Võ Phiến do nhà *Lửa Thiêng* in năm 1973 tại Việt Nam) với cuốn *Ngô Quốc Ngô Dân* (hay *Ngô Thổ dữ Ngô Dân*) của Lâm Ngữ Đường - do nhà John Day Company, Inc. in lần đầu vào tháng Tám 1935 tại Mỹ với tựa đề *My Country and My People*.

Nhìn dưới một khía cạnh nào đó thì chúng ta cũng có thể chấp nhận sự so sánh này; nhưng theo ý tôi, cuốn *My Country and My People* của Lâm Ngữ Đường và cuốn *Tùy Bút* của Võ Phiến có nhiều điểm khác nhau. Trước hết, về thể loại, từ đó kéo sang bút pháp, cách chọn lựa vấn đề khai triển. Cuốn sách của Lâm Ngữ Đường thuộc loại biên khảo (với một vài co dãn trong thể loại này của họ Lâm), còn cuốn của Võ Phiến là tùy bút. Ông Lâm nhìn quê hương và người quê hương với một cái nhìn hết sức khách quan, khách quan đến nỗi trong lời *Tựa* in lần đầu năm 1935, ông đã phải xác định tư cách viết quyển sách của ông, xác định tập thể người mà ông muốn nói với, muốn chia sẻ cùng. Cuốn sách khách quan đến độ ông đã bị

nhiều học giả và tác giả Trung Hoa chỉ trích (vì đã chỉ thẳng ra nhiều nét "tiêu cực" của người Trung Hoa); nhưng cũng vì tính chất khách quan ấy, ông cũng được rất nhiều người khen ngợi.

Cuốn *Tùy Bút* của Võ Phiến không hoàn toàn có được cái giọng khách quan này. Võ Phiến yêu quê hương quá! Ông thiết tha với từng cành cây ngọn cỏ, từng cánh chim, từng giọt mưa bóng nắng... của trời đất quê hương. Ông thiết tha với từng miếng ăn cái mặc, từng lời nói miệng cười, từng điệu hò, câu hát, vần thơ... của người quê hương. Chính bởi những thiết tha, ôm ấp đó, ông không thể khách quan được. Ông đứng giữa trời, giữa đất và giữa những con người quê hương để nói lên những lời thiết tha, nồng nàn cho người, cho đất.

Võ Phiến nhìn mọi thứ thuộc về quê hương với cái nhìn của một người quê hương, một người trong cuộc. Lâm Ngữ Đường cũng nhìn về quê hương và đồng bào mình, nhưng với cái nhìn của một người hiểu rất rõ vấn đề và khách quan đứng ngoài để phân tích. Mỗi góc độ nhìn có những ưu điểm và những nét đặc biệt của nó. Võ Phiến chọn thể tùy bút để nhìn về (hay nhìn vào) đất và người quê hương. Ông đã thành công. Từ sự thành công đó, và hiểu rõ bản chất cũng như sở trường của mình, Võ Phiến, theo tôi nghĩ, đã yêu thể tùy bút lắm.

Từ đây trở lên là một vài suy nghĩ của tôi nói chung về Võ Phiến. Từ đây trở xuống là những suy nghĩ và nhận xét tôi có về tác phẩm *Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam* - phần *Tổng Quan* - của ông. Tác phẩm này đã được nhà Văn Nghệ phát hành vào cuối tháng Tám 1986 và đang gây nhiều sôi nổi, góp ý trong thành phần độc giả cũng như trong giới cầm bút. (*)

Ngay trong phần *Lời Nói Đầu* của cuốn sách, Võ Phiến đã khiêm nhượng tự nhận là cuốn sách của ông còn nhiều lỗi thôi, thiếu sót. Ông xin thưa cùng người đọc, với cung cách đặc biệt hóm hỉnh và dễ mến của riêng ông, rằng ông không phải là một nhà phê bình hay biên khảo gì cả, và ông đề nghị người đọc là hãy xem cuốn sách của ông *như là một sơ thảo, một bản nháp, một gợi ý, nhắc nhở, một cách nêu vấn đề, để sau này những người có đầy đủ tư cách và điều kiện sẽ viết lại một cuốn xứng đáng* (tr. 24).

Tự biết đây là một công việc khó khăn, nhất là trong hoàn cảnh lưu vong này, và cũng tự biết rằng cuốn sách - với bản chất tự nhiên của nó - sẽ không tránh khỏi việc đụng chạm đến những mối chỉ của lịch sử, của cả một thời đại, tự biết là cuốn sách - với bản chất tự nhiên của nó - sẽ phải đề cập, và như thế đụng chạm đến, nhiều nhà văn nhà thơ trong cả

một giai đoạn văn học khá dài và rất phong phú của miền Nam Việt Nam, Võ Phiến lại xác định thêm là cuốn sách của ông *không xứng đáng là lịch sử, phê bình gì cả. Nó không có cái tầm tổng hợp rộng rãi, nó thiếu công phu suy tìm và phân tích đến nơi chốn về bất cứ môn loại nào hay khuynh hướng nào...* (tr. 25).

Qua tất cả những lời chân thành và khiêm tốn ấy, chúng ta thấy là Võ Phiến đã rất cẩn trọng trong việc giới thiệu tác phẩm này của ông với độc giả. Lý do dẫn tới việc khởi soạn một bộ văn học miền Nam 1954-1975 chính là vì ông đã là người từng sống trong cái giai đoạn ấy. Ông đã sống với tất cả những sự hăng say, thất vọng, mệt mỏi và hoài nghi của mình. Trong tất cả những tâm trạng đó, sự thiết tha nhập cuộc và chia sẻ của Võ Phiến vẫn là một điểm chúng ta nên lưu ý khi muốn đánh giá những tác phẩm của ông hay khi muốn xác định cung cách nhà văn của ông. Chính vì lòng thiết tha ấy, chính vì sự *nặng tình với một thời kỳ văn học kém may mắn*, theo nhận xét của ông, *vì thiếu những nhà phê bình chuyên nghiệp*, Võ Phiến đã phải cầm lấy bút. Một lý do khác, có tính cách quan trọng hơn, khiến Võ Phiến đã quyết định viết cuốn *Văn Học Miền Nam* này, là tại quê nhà, những người cộng sản đang tìm cách tiêu hủy, xuyên tạc những công trình văn học của miền Nam, cùng lúc, tìm cách đánh tráo nền văn học phong phú và đặc sắc này bằng một nền văn học khác do chúng sơn vẽ. Theo Võ Phiến, sự việc cái được-gọi-là nền "văn học giải phóng miền Nam" kia của người cộng sản được chế tạo, tô vẽ để đánh tráo vào nền văn học bùng nở hết sức đẹp đẽ và phong phú của miền Nam trong hai mươi năm - từ 1954 đến 1975 - nhìn dưới một góc cạnh nào đó, thật là một việc làm *ngộ nghĩnh và ly kỳ*. Nhưng ở một góc cạnh khác trầm trọng hơn, sự đánh tráo này thật là hiểm độc. Chính vì nhận rõ cái cung cách trầm trọng này mà Võ Phiến đã bắt tay vào việc.

Theo chúng tôi được biết, ông đã khởi thảo tác phẩm quan trọng này trước khi nhận được sự tài trợ cần thiết của The Ford Foundation, The National Endowment for the Humanities, và The Henry Luce Foundation.

Sự cẩn trọng của Võ Phiến, dù ông đã là một nhà văn có một vị trí vững chắc trong lòng người đọc, là một điểm đáng quý ở nơi ông. Sự cẩn trọng ấy, nhìn dưới một khía cạnh nào đó, cũng mời gọi sự góp ý của người đọc để tác phẩm của ông được định giá một cách đúng mức. Từ sự định giá ấy, những người sau này có cơ hợi và điều kiện để tiếp tục nghiên cứu và viết về nền văn học miền Nam 1954-1975 sẽ thấy rõ được những căn bản và những đóng góp nào mà Võ Phiến đã đem đến cho họ.

Trở lại với những "lời thưa" rất khiêm tốn của Võ Phiến, rằng cuốn sách của ông không phải là lịch sử hay phê bình văn học, rằng ông không là nhà phê bình hay biên khảo gì cả, chúng tôi có một vài nhận xét này:

* Mặc dù Võ Phiến, vì lòng khiêm, tự đánh giá tác phẩm của mình chỉ như là một sơ thảo, một bản nháp... và không có tính cách lịch sử hay phê bình văn học, tác phẩm của ông, tự bản chất, trước hết, đã ghi lại một phần lịch sử của chúng ta. Hai mươi năm ấy, với bao nhiêu người khóc cười theo vận nước nổi trôi, với tất cả những xáo động đau thương của đất nước, những thay đổi lên xuống của thời đại, đổ xô lên chữ nghĩa, nếu không phải là lịch sử thì ta biết định nghĩa nó là gì?

Mà không phải chỉ có bấy nhiêu người viết là khóc cười với vận nước. Tiếng khóc và nụ cười của những người ấy tạo âm vang và rung động trong lòng mỗi một chúng ta. Và tất cả chúng ta đã cùng chia sẻ những nụ cười tiếng khóc ấy với họ. Chính những tiếng khóc, những nụ cười ấy của những con người sáng tạo, cũng như của cái tập thể người với nó những con người này sống cùng, đã ảnh hưởng rất nhiều đến những thay đổi của thời đại. Thật ra, ở một góc cạnh nào đó, nghệ thuật (trong đó có văn học) không phải chỉ là những thể hiện qua những *sáng vật*, nhưng còn là - và thiết yếu là - những thể hiện qua *cung cách sống*, qua *cung cách sáng tạo*. Vai trò của con người sáng tạo không chỉ thu hẹp vào ý nghĩa của đời sống hắn, nhưng, nói như Robert W. Corrigan, kẻ sáng tạo, nhà nghệ sĩ, là máy đo độ chấn động của thời đại hắn. Và Franklin Roosevelt cũng đã nói: "Mỗi khi một kẻ sáng tạo lìa bỏ trần gian, một phần cái nhìn của nhân loại bị mất đi cùng với con người sáng tạo ấy."

Chính vì tác phẩm của Võ Phiến ghi lại cái đời sống cũng như tâm tình của không những tất cả những kẻ sáng tạo của miền Nam trong vòng hai mươi năm, mà còn của tất cả chúng ta trong thời gian ấy, nó đã ghi lại một khía cạnh đậm nét - dĩ nhiên là phản ánh qua văn học - của lịch sử Việt Nam.

* Cũng vì lòng khiêm, Võ Phiến đã tự cho ông không từng là một nhà phê bình hay biên khảo. Ông viết: *Trước hết, mình không phải là một nhà phê bình nhà biên khảo gì ráo...* (tr.17). Từ "ráo" trong câu văn của ông hàm ý là "từ trước đến giờ tôi đã không từng là nhà phê bình hay biên khảo gì cả". Thật sự, tôi nghĩ là rất nhiều bài viết và tác phẩm của Võ Phiến đã từng chứng tỏ là ông có khả năng này. Những cuốn *Tiểu Thuyết Hiện Đại* in năm 1963 và *Văn Học Nga Sô Hiện Đại* in năm 1965, được Võ Phiến ký với bút hiệu Tràng Thiên, đã chứng minh nhận xét này của tôi. Ngoài

ra, rất nhiều bài trong các tác phẩm *Tạp Luận* (1973), *Chúng Ta Qua Cách Viết* (1973), và một số bài trong loạt *Chúng Ta Qua Cách Nói* của ông, cũng cho người đọc thấy rõ sự tinh tế trong những nhận định và phê bình của Võ Phiến. Tôi nghĩ, mặc dù không đi vào chuyên môn, Võ Phiến đã làm những chuyện phê bình và biên khảo từ rất lâu rồi. Và tất cả những bài viết ấy đều có một nét lôi cuốn đặc biệt Võ Phiến.

Sau khi xác định lại một số tính chất nên được nhìn ngắm của cuốn sách - có thể nó là một sơ thảo, một bản nháp (*ngộ nghĩnh và đẹp đẽ* - chú thích này của tôi) theo đề nghị của Võ Phiến, và cũng có thể nó là lịch sử, là cách nhìn có tính cách (phê bình) văn học, nhìn ngược lại một giai đoạn, một quãng sống của chúng ta - cũng như xác định rõ tấm lòng tha thiết cũng như cung cách nhà văn, nhà biên khảo, phê bình của Võ Phiến, chúng ta hãy đi vào tác phẩm của ông.

Đây là tập đầu, phần *Tổng Quan*, của một bộ sách viết về văn học miền Nam, giai đoạn 1954-1975. Phần còn lại đang được viết và sẽ ra mắt độc giả gồm: tập II, về Thi Ca; tập III (chia làm hai cuốn thượng và hạ), về Tiểu Thuyết; và tập IV, về Ký Bút, Kịch. Tất cả các tập này, kể cả tập *Tổng Quan* mà chúng ta đang nói tới, sẽ do nhà Văn Nghệ xuất bản (phần Việt ngữ) và do Yale Center for International Area Studies xuất bản (phần Anh ngữ).

Có những trường hợp đối với một tác phẩm dài chia làm nhiều tập, chúng ta nên chờ sau khi tác phẩm đã hoàn tất mới có thể góp ý hay phê bình một cách đúng đắn và đầy đủ. Có những trường hợp khác, chúng ta có thể góp ý trên từng tập. Sự góp ý, chia sẻ, phê bình có tác dụng làm phấn khích tác giả và, phần nào, giúp tác giả sửa đổi hoặc xác tín hơn nữa về những gì mình đã viết, hay về một phương pháp, một cách thức diễn tả mà mình đã chọn lựa.

Tôi nghĩ trường hợp thứ nhì tôi vừa đề cập trên đây có thể được áp dụng với tác phẩm mà chúng ta đang nói đến của Võ Phiến.

Nhìn vào phần *Mục Lục*, chúng ta thấy Võ Phiến đã có một sự phân chia rất khoa học cho những phần được nói tới trong đề tài của mình. Đầu tiên là phần *Khái Quát* với hai chủ đề: *Các yếu tố của sinh hoạt văn học* và *Mấy nét tổng quát về nền văn học 1954-1975*. Phần *Yếu Tố*, tác giả lại chia ra làm ba mục lớn là: *Nhà Văn, Độc Giả*, và *Xuất Bản*. Trong mỗi đề mục này, tác giả đã đề cập nhiều khía cạnh liên hệ đến cái chủ đề mà tác giả đã vạch ra. Chẳng hạn, trong đề mục *Nhà Văn*, Võ Phiến đã trình bày và phân tích về các khía cạnh thế giá, thành phần, phái tính, mức sống, lối sống, các nhóm các đoàn, năng suất. Trong phần *Tổng quát về nền văn học*

1954-1975, tác giả đã đưa ra hai chủ đề lớn là *Bối Cảnh* và *Văn Học*. Phần *Văn Học* lại nhấn mạnh đến các *Đặc Điểm* (chính trị, tôn giáo và triết học, cực đoan, vai trò của miền Nam, tính cách tự do) và *Thành Tích* (đối chiếu với miền Bắc, với thời tiền chiến, với miền Nam trước 1954).

Sau phần *Khái Quát* là phần phân chia *Các Giai Đoạn*. Võ Phiến đã tách giai đoạn văn học miền Nam 1954-1975 thành hai thời kỳ. Thời kỳ đầu từ 1954 đến 1963. Thời kỳ sau từ 1963 đến 1975. Trong mỗi giai đoạn đó, Võ Phiến đã xét đến bối cảnh cũng như nền văn học của mỗi thời. Cùng với tác giả đi hết hai giai đoạn này trong vòng gần 100 trang sách (từ trang 151 đến 244), người đọc sẽ có cơ hội nhìn lại tất cả những phong trào, những khuynh hướng văn học cũng như những dấu mốc, những tụ điểm qua đó nền văn học của miền Nam đã được theo dõi và đánh giá.

Phần ba, tác giả xét đến *Các Bộ Môn* trong đó gồm có *Tiểu Thuyết, Tùy Bút, Thi Ca, Kịch* và Ký. Để nhìn vào mỗi bộ môn văn học này, tác giả đã trình bày nhiều nét đặc biệt - chia ra thành từng mục và tiểu mục một - để giới thiệu với chúng ta cái khuôn mặt nhiều đường nét và được làm biến đổi theo thời gian của nền văn học miền Nam.

Phần *Kết* chỉ là một tóm lược rất gọn của tác giả.

Ngoài bốn phần vừa kể của cuốn sách, sự làm việc hết sức khoa học và đúng tiêu chuẩn quốc tế của Võ Phiến còn được thể hiện ở hai bảng *Danh Biểu* và *Tác Giả & Tác Phẩm*. Phần *Danh Biểu* liệt kê tất cả các tên người đã được nhắc đến trong sách cùng với ghi chú các số trang nơi những tên ấy đã xuất hiện. Phần *Tác Giả & Tác Phẩm* liệt kê tên và tác phẩm của những người, theo ý Võ Phiến, đã đóng góp vào sự có mặt và phát triển của nền văn học miền Nam trong hai mươi năm.

Một cách tổng quát, kể từ sau Vũ Ngọc Phan với bộ *Nhà Văn Hiện Đại* in lần đầu tại Hà Nội vào năm 1942 cho tới nay, chưa có một bộ sách nào ghi lại được cái bối cảnh cùng những thể hiện đầy màu sắc, đa dạng và đẹp đẽ, của nền văn học Việt Nam trong một giai đoạn dài đến như thế. (Bộ *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên* của Phạm Thế Ngũ thì có một đề tài rộng lớn hơn nhiều, mang đậm tính cách giáo khoa kiểu của Sainte-Beuve và Lanson, mặc dù rất giá trị). Hơn Vũ Ngọc Phan ở lợi điểm vì là người đi sau, Võ Phiến đã thâm thấu được những cái nhìn phân tích cũng như những kỹ thuật mới của văn chương hiện đại; nhờ thế, cuốn sách của ông có nhiều nét mới và gần gũi với chúng ta hơn. Ngoài ra, cái đích nhắm của Võ Phiến chưa biết là có sâu hơn Vũ Ngọc Phan hay không (chúng ta phải chờ xem những quyển sau mới biết được), nhưng chắc chắn là nó rộng

hơn. Chỉ với cuốn *Tổng Quan* đầu này, Võ Phiến đã dẫn chúng ta vào cái bối cảnh rất mênh mông, chứa đựng biết bao nhiêu tâm tình thời đại. Ông trình bày và phân tích những đặc điểm của từng thời kỳ văn học, từng bộ môn văn học. Trong sự trình bày và phân tích ấy, ông cũng giới thiệu với ta những cái nhìn đối chiếu hết sức tinh sắc của ông. Nhờ đó, ta nhìn được rõ vấn đề hơn.

Vì là người đã sống và đã tham dự vào các mặt sinh hoạt của văn học trong thời kỳ này, Võ Phiến đã có những nhận xét tinh tế và hết sức sâu sắc khi phân tích những yếu tố bao quanh con người nhà văn, con người sáng tạo. Ông đã cho ta thấy cái thế giá của nhà văn hiển hiện ra sao qua đời sống, qua cung cách xử sự của họ. Ông cũng phân tích cho ta thấy thành phần, mức sống, lối sống cũng như năng suất làm việc, sự tụ lại thành các đoàn các nhóm của những nhà văn như thế nào. Một trong những nhận xét rất tinh và hết sức dí dỏm của Võ Phiến là vấn đề phái tính của các nhà văn. Ông nhận ra là *văn học miền Nam thời kỳ 1954-1975 càng ngày càng nghiêng về nữ phái. Thoạt đầu trên văn đàn nghe tiếng ồm ồm, cuối cùng nghe ra eo éo* (tr. 47). Mắt ông đã tinh mà tai ông còn có vẻ tinh hơn!

Nhưng theo ý tôi, phần nói về các giai đoạn của văn học miền Nam thời kỳ 1954-1975 này - từ phần tổng quát cho đến phần đi vào chi tiết - mới là phần cho thấy những nhận xét dí dỏm và những trình bày, phân tích công phu của Võ Phiến. Về giai đoạn đầu, 1954-1963, trong phần *Bối Cảnh*, tác giả đã phân tích khá rõ sự kiện những yếu tố xã hội và những biến chuyển của thời cuộc đã ảnh hưởng trên tình hình văn học thời đó ra sao. Cũng thế, với giai đoạn 1963-1975, ông đã trình bày và phân tích được cái hoàn cảnh chính trị bất ổn, chiến tranh gia trọng, kinh tế suy sụp, xã hội sa đọa, cùng sự hiện diện của người Mỹ và vai trò của Phật giáo... đã ghi lại những dấu ấn trầm trọng thế nào trên bộ mặt của văn học thời ấy.

Các hoạt động văn học trên nhiều bình diện khác nhau của giai đoạn này, cùng với những tụ điểm của nó là những tờ báo, những diễn đàn văn học, thể hiện quan điểm, lập trường và tâm tư của những nhóm người, những mẫu sống khác nhau trong xã hội, tất cả phơi bày ra cái bộ mặt của văn chương, thi ca và kịch nghệ chúng ta thời đó, đã được Võ Phiến trình bày cặn kẽ. Tất cả những phản ứng của cả một thế hệ người Việt, trước những thay đổi dồn dập mang tính cách vừa tàn bạo vừa phù du của đời sống, thể hiện ra thành những thái độ có một cung, một góc độ tình cảm, mở rộng từ thất vọng, thiền vị, dấn thân, phản chiến, yêu đương, đòi tự do... đến những thái độ trâng tráo, về nguồn...

Qua phần trình bày và phân tích này của Võ Phiến, người đọc lớn tuổi hoặc trung niên sẽ sống lại được một cách mãnh liệt cái giai đoạn văn học xáo trộn mà cũng hết sức phong phú về đủ mọi mặt đó. Chắc chắn nhiều kỷ niệm, ở đủ mọi góc cạnh và ở đủ mọi mức chấn động của chúng, sẽ được sống lại. Sống lại một cách thiết tha trong lòng người đọc, đặc biệt nếu người ấy là một người có gắn bó nhiều với văn chương ở tư cách độc giả hay ở tư cách một người đã tham dự vào đời sống văn chương này như một người sáng tạo. Những người trẻ tuổi hơn, chưa được tham dự, đóng góp hoặc chia sẻ cái giai đoạn này như lớp cha anh, cũng sẽ thấy được một giai đoạn văn học phong phú, và, từ đó, hiểu biết hơn về tâm tình cũng như lối sống, lối suy tư của lớp người đi trước.

Sự nhận xét của Võ Phiến về tính cách mất niềm tin của thế hệ 1954-1975 thật sâu sắc. Ông đã phân tích sự mất niềm tin này trên nhiều mặt: từ tình yêu cho đến lý tưởng và tín ngưỡng. Sự mất niềm tin đưa đến nhiều thái độ mà hiển hiện rõ ràng là sự trâng tráo. *Trâng tráo là cách phát biểu cực đoan của tinh thần hoài nghi* (tr. 136). Võ Phiến đã nhận xét thật xác đáng và sâu sắc về thái độ này. Những nhân vật của Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng, Trần Thị NgH., Dương Nghiễm Mậu, hay những tâm tình của Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Đức Sơn, Hà Thúc Sinh... đều không thoát khỏi cặp mắt phân tích sắc sảo nhưng vẫn đầy tinh thần chia sẻ của Võ Phiến. Thấy người ta ăn nói với nhau *bằng lối nói xông xổng, không kiêng nể bất cứ cái gì: cái tục tằn, cái thô bạo, cái xấc láo, cái hỗn xược, mất dạy, độc ác, điên khùng v.v...* (tr. 114), ông nhận xét: *Thế hệ này mở hai con mắt trắng dã, lạnh lùng, khô khắc nhìn vào cuộc đời, khiến cho cuộc đời tự thấy trống trơn, trơ trẽn. Cuộc đời khốn khổ, thẹn thùng, co rúm lại. Tội nghiệp* (tr. 114). Từ nhận xét ấy và từ sự tội nghiệp ấy - tội nghiệp ai? Tội nghiệp cho những con người đã có những hành động, lời nói, cử chỉ vô luân, phi luân, coi thường mọi giá trị đạo đức kia, hay là tội nghiệp cho cuộc đời, cho cả cái thế hệ trong đó có mình đang sống? - Võ Phiến kết luận: *Đời không còn gì là cao đẹp, là thiêng liêng nữa. Trong hoàn cảnh ấy, người ta ngỗ nghịch xấc lấc, trông đáng ghét; nhưng nghĩ lại thì mất niềm tin là cảnh trạng đáng thương* (tr. 115).

Nhận xét của tác giả về vai trò của miền Nam trong giai đoạn văn học này cũng thật đặc biệt. Nhân vật của nhiều tác phẩm trong giai đoạn này đã sử dụng tiếng nói miền Nam một cách tự nhiên và tự tin. Họ không còn phải đưa vào cái chất giọng Bắc kỳ để diễn tả tâm tình mình nữa. Mà không phải chỉ các nhân vật trong truyện mới nói tiếng Nam, các tác giả

cũng viết bằng giọng điệu miền Nam luôn. Và Võ Phiến cho rằng *lối viết của tác giả trong Nam sau này là lối viết độc đáo. Nó làm trẻ lại ngôn ngữ văn chương của dân tộc* (tr. 130).

Ngoài lối nói tự nhiên, trơn lu, *cứ như dầu rót roong roỏng vô chai* (tr.130) này của các nhân vật miền Nam, theo Võ Phiến, các tác giả của miền Nam cũng còn có lối bố trí câu truyện, cách dàn bày vấn đề hết sức tự nhiên nữa. Ông đưa ra những thiên khảo luận của Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Vương Hồng Sển, Hồ Hữu Tường v.v... để cho ta thấy rằng, qua tác phẩm, những vị này có dáng dấp của *những người vui tính, xuề xòa, cởi mở, đàm đạo phóng khoáng, tự do, lắm lúc có phần lộn xộn, không xếp đặt, không câu nệ* (tr.131) gì cả. Đó chính là sự thân mật, lưu loát, nhanh nhẹn và tươi rói của miền Nam. Sự quay về miền Nam trong văn chương này, theo Võ Phiến, chính là nhờ sự kích thích của di dân từ Bắc vào. Cuộc di dân này đưa đến những khám phá, những soi chiếu vào cái chất Nam kỳ, khiến cho nó trở nên đặc biệt và được yêu mến không những bởi những người miền Trung miền Bắc, mà còn ngay bởi những người miền Nam nữa.

Những nhận xét trên cho ta thấy tác giả chịu khó đọc nhiều và có đầu óc phân tích rất tỉ mỉ, rất khoa học, mặc dù chúng cũng in đậm nét khéo léo và có khá nhiều tính *diplomatic* Võ Phiến ở đây.

Chỉ với một cuốn *Tổng Quan* đầu này, tác giả đã dẫn đưa ta vào những ngõ ngách văn học tưởng đã bị che tối lại bởi thời gian. Những hương lửa dặm trường của một quá khứ đầy những dấu chân sôi nổi, những tìm kiếm hoài mong, những đổi thay choáng váng, những phi-lý-buồn-nôn- xao-xuyến-chọn-lựa-dấn-thân kia tưởng đã rơi bay heo hút về những cõi tạnh không của đời sống, giờ lại bập bùng ánh sáng. Những lửa hương một thuở kia vẫn còn bay mãi và cất giấu trong nó những mộng tưởng ước mơ náo nức của biết bao nhiêu con người, còn sống hay đã chết, hoặc là đã bị đè nặng dưới tay đấm của thời gian. Chỉ cần khơi lại một đám tro, lửa hương sẽ lại bùng lên muôn nẻo.

Cuốn sách của Võ Phiến, với cách trình bày của riêng ông, đã phân tích được nhiều vấn đề, dựng lại được một giai đoạn của lịch sử Việt Nam, vào một thời buổi bị nhiều ảnh hưởng của chiến cuộc, nhưng cũng chính vì thế, là một giai đoạn phong phú và đa dạng nhất của văn học ta. Một cách nào đó, tác phẩm của Võ Phiến đã làm được những trọng trách đáng quý này.

Về cung cách trình bày cũng như về lối diễn tả của Võ Phiến, trước khi viết bài này, tôi đã có dịp nói chuyện và ghi nhận những phản ánh của nhiều giới, đặc biệt là từ những người cầm bút. Nhiều người cảm thấy họ

thích Võ Phiến có một thái độ nghiêm nghị hoặc ít ra là "nghiêm trang" hơn khi viết một bộ sách về văn học như thế này. Bản chất của đề tài Võ Phiến chọn, tự nó, đã nói lên cái tính chất *khảo* của quyển sách. Cho dù ông Võ Phiến đã có đề nghị với độc giả là không nên nhìn tác phẩm của ông như một cuốn khảo luận hay phê bình hay có tính chất lịch sử gì cả, mà chỉ nên nhìn nó như một bản sơ thảo, bản nháp, một gợi ý, nhắc nhở, một cách nêu vấn đề... cho những công trình nghiên cứu và suy tư, phân tích cẩn thận hơn sau này của những người khác, độc giả của ông, một cách thành thật, đều nhận rõ là với một đề tài như thế, khó có một người nào khác có đủ điều kiện, khả năng, và cơ duyên để viết nó như ông. Phải là một người đã sống và đã đóng góp hết sức mình vào cái giai đoạn văn học này, đã giao tiếp và đã chia sẻ tâm tư, cảm nghĩ, dằn vặt, đau đớn, thiết tha với những con người làm nên cái giai đoạn văn học này như ông thì mới có đủ chất liệu để viết. Phải là một người có cái nhìn sắc sảo, tinh tế, sự phân tích bén nhậy, và một tấm lòng thiết tha với cái giai đoạn đã qua ấy thì mới dựng lại được cả một thời đại, thì mới dựng lại được những tiếng khóc cười chìm nổi ấy của lịch sử.

Tôi nghĩ chúng ta, và cả Võ Phiến nữa, đều có quyền hy vọng vào những nỗ lực khác, sau này, của một hay nhiều nhà văn, nhà biên khảo nào đó, những người có đủ cơ hội, điều kiện, cũng như khả năng để tiếp tục công việc của Võ Phiến. Tuy nhiên, hiện tại, hy vọng ấy có vẻ mong manh, nhất là khi ta nhìn lại cuộc sống quay cuồng của xã hội này. Võ Phiến hiện đang có cái cơ duyên tốt để làm công việc đẹp đẽ đó; bởi thế, sự kỳ vọng của độc giả mọi giới đối với ông thật lớn. Đó là một vinh dự, đồng thời, có vẻ cũng là một trách nhiệm nặng nề của Võ Phiến.

Đọc hết quyển sách, chúng ta chắc đều cảm thấy khá rõ là gần như Võ Phiến đã sử dụng thể loại tùy bút quen thuộc và sở trường của ông để viết quyển này. Nếu ông không hoàn toàn sử dụng thể *tùy bút* ở đây thì, ít nhất, ông đã dùng thể *ký*, chứa đựng rất nhiều tinh thần tùy bút Võ Phiến.

Vấn đề thứ nhất là, ta có nên dùng thể *ký* hay *tùy bút* để viết một quyển sách có tính chất *khảo* như quyển sách của Võ Phiến hay không?

Vấn đề thứ hai là, Võ Phiến có nên dùng những thể này để viết bộ sách *Văn Học Miền Nam* hay không? Và bởi lẽ ông đã dùng những thể loại này để viết cuốn đầu của ông - phần *Tổng Quan* - rồi, ta thấy ông có thành công hay không? Nếu thành công, thì thành công ở mức độ nào?

Những vấn đề tôi vừa đặt ra ở trên là cốt để những người đã đọc quyển sách của Võ Phiến tiếp tục suy nghĩ và tự tìm cho mình một câu trả lời.

Những vấn đề được nêu ra ấy cũng là một cách để mời gọi độc giả hải ngoại tìm đến tác phẩm của Võ Phiến, đọc và góp ý. Bộ sách này là do Võ Phiến viết, nhưng nó cũng là bộ sách của chúng ta. Những mảnh đời của ta đã được ghi lại trong nó. Tiếng khóc, nụ cười và bao kỷ niệm đậm nhạt lớn bé của ta cũng nằm trong những trang sách ấy. Nhìn vào quyển sách của Võ Phiến là nhìn trở lại những nổi trôi, những hoan lạc, những thất vọng, những yêu thương... chan chứa của chính mình.

Trường hợp của Võ Phiến ở đây làm tôi nhớ đến Lâm Ngữ Đường. Họ Lâm cũng đã viết cuốn *The Importance of Living* (Một *Quan Niệm Sống Đẹp,* Nguyễn Hiến Lê lược dịch) trong một cung cách gần như cung cách của Võ Phiến. The *Importance of Living* rõ ra là một quyển sách có tính triết lý, thế mà họ Lâm bước vào ngôi đền triết lý lại không cung kính, nghiêm trang, khép nép mà cứ vung tay múa chân và bô bô, cười cợt luôn miệng. Ông Lâm có lý của ông, và độc giả, cuối cùng, lại có vẻ thích cái thái độ ấy mới lạ chứ. Tôi không nghĩ ông Lâm có bùa phép gì, ông chỉ có sự tự nhiên và thành thật.

Võ Phiến cũng có những thái độ tương tự. Đi cùng với ông vào quyển sách, nhiều lúc người đọc có cảm tưởng là đang nói chuyện vung tay múa chân, Võ Phiến kéo hắn riêng ra một chỗ, háy mắt cười ra vẻ bí mật, rồi nói nhỏ vào tai hắn một đôi câu. Ông ấy cười hóm hỉnh, và người đọc cũng không thể nhịn cười. Rồi ông ấy lại dẫn mình đi, lại cười cợt, lại pha trò, rồi lâu lâu lại kéo mình ra một chỗ... Cứ như thế!

Để xem Võ Phiến nghịch ra sao.

Tôi nhớ, ở đoạn trên tôi đã trích một câu Võ Phiến nói về sự chuyển phái tính của nhà văn, từ nam sang nữ. Ông bảo: *Thoạt đầu trên văn đàn nghe tiếng ồm ồm, cuối cùng nghe ra eo éo* (tr.47). Tôi không nghĩ là Võ Phiến giữ được bộ mặt nghiêm trang khi viết câu này.

Đôi khi, ông lại giả giọng các em gái miền Bắc hay làm nũng để nói với độc giả. Nói về việc Nhất Linh và Nguyễn Vỹ chắc chắn không thể hiểu được thế hệ trẻ sau các ông, Võ Phiến chú thích về thế hệ trẻ: *Họ kỳ cục lắm cơ* (tr. 104).

Nói về lớp các ông Nguyễn Văn Trung, Trần Thái Đỉnh, Kim Định... với những bài viết chuyên chở tư tưởng và triết lý Tây phương vào cuối thập niên 50 và suốt thập niên 60, Võ Phiến viết: *...kẻ đặt thuyết riêng người mang thuyết mới từ Tây phương về xun xoe truyền bá. Rối rít cả lên* (tr. 120).

Nói về tâm lý mê triết Tây, mê tư tưởng hiện sinh thời đó của giới trẻ, Võ Phiến bảo: *sợ gì mà chẳng văng ra những "bản ngã, bản thể với hiện*

sinh" (tr.122).

Trình bày về tình trạng khó khăn của nền kịch nghệ thời đó, Võ Phiến đưa ra một so sánh rất khôi hài. Ông lý luận là khó mà có thể lập nổi một "Hội những người yêu kịch", cũng như *không ai dám có sáng kiến lập "Hội những người yêu gái". Một đàng e quá nhiều hội viên không quản trị nổi, một đàng quá ít không thành lập nổi* (tr. 309).

Và cùng khắp là *cười mệt nghỉ, cười chết bỏ* (tr. 139), *cười rinh rích* (tr.17), *viết hay ác... thật cao siêu... loạn xị cả lên* (tr. 18), *là cái chắc* (tr. 46), v.v... Tôi nghĩ, một phần, có thể chính là nhờ vào cái nhiệt tình đó, cái hào hứng đó, mà Võ Phiến không cách xa với những người trẻ bây giờ như Nhất Linh, Nguyễn Vỹ đã xa lớp đàn em của họ ngày trước. Có như thế chăng?

Văn phong tùy bút của Võ Phiến còn được thể hiện ở một vài đoạn có tính cách đối đáp như ở trang 137. Đang lý luận, phân tích, tự nhiên ông ngưng lại, quay ra thành độc giả nêu câu hỏi, đặt vấn đề; sau đó, lại quay trở lại với vai trò tác giả để trả lời cho câu hỏi đó. Cái tính cách "nhị trùng bản ngã" và "phân tính" (schizophrenic) này được Võ Phiến sử dụng khá nhiều trong *Tùy Bút* của ông. Đây là một kỹ thuật kéo người đọc vào trong câu chuyện của mình, cho người đọc cái cảm tưởng là đang tham dự trực tiếp vào cuộc bàn cãi, phân tích với tác giả. Kỹ thuật ấy làm cho một đoạn văn phân tích, lý luận dài đỡ trở thành nhàm chán, một giọng.

Việc Võ Phiến sử dụng thể ký, thể tùy bút để viết *Văn Học Miền Nam* cũng làm cho tôi nhớ đến Will & Ariel Durant với bộ sử vĩ đại *The Story of Civilazation* của họ. Đây là một bộ sử được rất nhiều người biết đến, gồm mười một quyển dày, chưa kể quyển tổng kết cuối cùng là *The Lessons of History* mà Nguyễn Hiến Lê đã dịch và giới thiệu với bạn đọc Việt Nam qua nhan đề *Bài Học Lịch Sử*.

Người ta thường so sánh bộ sách quan trọng này của Will & Ariel Durant với bộ *A Study of History* của Arnold Toynbee. Bộ sách của Toynbee là một bộ triết lý về lịch sử. Nó có tính cách bác học và kinh viện (academic) hơn bộ của Will & Ariel Durant nhiều. Những suy tư được đào sâu, và rõ ràng đó là một bộ *triết sử*. Bộ sách của ông bà Will & Ariel Durant là một bộ *sử triết*, chú trọng nhiều tới đời sống cũng như văn hóa, nếp làm nếp nghĩ của các dân tộc chứ không trình bày các niên lịch hay các biến cố lịch sử. Và giọng văn của *The Story of Civilization* là giọng văn kể chuyện, thâm thúy, thân mật, và đôi khi dí dỏm. Mặc dù bị một số sử gia phê bình là thiếu cái nhìn toàn cảnh, thiếu một viễn tượng, và không có được cái sâu sắc như *A*

Study of History của Arnold Toynbee, *The Story of Civilization* của Will & Ariel Durant đã được quần chúng đón tiếp hết sức nồng hậu. Người ta đọc Will & Ariel Durant nhiều không chỉ vì cách trình bày của ông bà dễ hiểu và giản dị, mà còn là vì cái giọng điệu thân mật, thâm thúy, linh động và gần gũi của các tác giả. Nhiều triệu ấn bản đã được tiêu thụ và bộ sách đã được dịch ít ra là trên mười lăm thứ tiếng. Quyển *The Story of Philosophy* (chưa được dịch sang tiếng Việt Nam) của Will Durant cũng được viết theo cung cách này và cũng rất được quần chúng tán thưởng. Will Durant đã trình bày lịch sử của triết lý từ cổ Hy Lạp cho đến hiện đại xoay quanh đời sống của các triết gia nổi bật trong lịch sử. Một cách nào đó và ở một mức độ nào đó, các tác giả Will & Ariel Durant đã buông bỏ lối viết có vẻ cần thiết cho những đề tài có tính cách phê bình và biên khảo, và đã chọn một lối viết giúp họ đến gần độc giả hơn. Dĩ nhiên là bộ sử của Arnold Toynbee vẫn không hề giảm sút giá trị của nó trước sự thành công của Will & Ariel Durant. Ở đây, tôi chỉ muốn nói là Will & Ariel Durant đã định được đối tượng mà họ muốn nhắm tới khi viết bộ sách, và họ đã tìm được một thứ ngôn ngữ giúp họ đến gần với đối tượng của họ.

Chúng ta không nên và không thể so sánh bộ sách của Võ Phiến với *The Story of Civilization* của Will & Ariel Durant. Bởi lẽ phạm vi của hai bộ sách khác nhau và đề tài của chúng cũng khác. Một đàng có tính cách phổ cập, hết sức tổng quát, rộng lớn; một đàng, chỉ hạn hẹp trong phạm vi của người Việt Nam và hết sức đặc thù trong đề tài chọn lựa. Tôi chỉ nghĩ là, ở một khía cạnh nào đó, Võ Phiến đã có một thái độ trước tác gần giống như của các tác giả quyển *The Story of Civilization*.

Dù sao, sự nhiệt tình hăng say của Võ Phiến - có những lúc được thể hiện ở những lời bông đùa, ở cách dùng chữ ví von nghịch ngợm - có thể đã không được toàn thể độc giả chấp nhận. Tôi nghĩ là Võ Phiến cũng đã nhận được những phản ảnh (trực tiếp hay gián tiếp) về mặt này, và chắc chắn là ông cũng đã suy nghĩ về bản chất của những phản ảnh đó. Mặt khác, tôi nghĩ là người đọc Võ Phiến cũng nên đến với ông bằng một tâm tình cởi mở và chia sẻ hơn. Chúng ta nên nhìn tác phẩm của ông như một sự đóng góp, chia sẻ chân thành và đầy nhiệt tình, hơn là nhìn nó theo một khuôn mẫu trịnh trọng và khô cứng mà chúng ta muốn nó phải có. Tôi nghĩ, tác phẩm này của Võ Phiến, trước hết, cần sự chia sẻ. Việc định giá nhiên hậu sẽ đến, nhưng tấm lòng của Võ Phiến khi viết bộ sách này chúng ta không nên quên.

Phần cuối bài này, tôi có thêm một vài nhận xét nhỏ và góp ý sau:

Phần *Tác giả và Tác phẩm*, tôi không rõ lắm về tiêu chuẩn liệt kê của Võ Phiến, nhưng quả tình đây là một nỗ lực tốt đẹp về phía ông. Sao lục lại được tiểu sử cùng sự đóng góp của ngần ấy người vào sự phát triển của nền văn học miền Nam không phải là một điều dễ làm. Tôi nghĩ Võ Phiến đã tốn khá nhiều thì giờ cho công việc này. Dù sao, tôi cũng nhận thấy có một số tác giả khá được quen biết trong sinh hoạt văn học thời đó không được Võ Phiến liệt kê trong phần phụ lục này. Chẳng hạn như Đào Trường Phúc với tập thơ *Thơ Tình Trên Cát* và một tập tiểu luận viết về *Hiện Tượng Quỳnh Dao*. Tác giả này cũng là một tên tuổi khá quen thuộc với giới cầm bút thời đó. Đỳnh Bảng với tập thơ *Bước Chân Người Giao Chỉ*. Phạm Quốc Bảo với quyển *Năm Dài Tình Yêu*, dịch của Yochi Nakagawa và một tập sách có tính tiểu luận biên khảo (documents recueillies) dịch của Jean Lartéguy dưới nhan đề Việt ngữ là *Chiến Tranh và Tuổi Trẻ Tây Phương*. Cả hai tập trên đều do Hồng Lĩnh xuất bản năm 1969. Ngoài ra, Phạm Quốc Bảo còn cho xuất bản vào tháng Ba 1975 quyển tiểu thuyết *Vực Hồng*, ký tên là Phạm Hà Quân...

Chúng ta hiểu những khó khăn của Võ Phiến trong việc sao lục lại tiểu sử, những tài liệu cũng như những đóng góp của các khuôn mặt văn nghệ trong một giai đoạn quá sức phong phú như đề tài mà Võ Phiến đã chọn lựa. Tất cả những góp ý của độc giả, tôi nghĩ, chỉ nên nhắm vào việc giúp cho tác giả có thêm tài liệu, thêm dữ kiện để, theo quan điểm của riêng mình, trình bày đề tài của ông. Những góp ý của tôi, ở đây, cũng nằm trong chiều hướng đó.

Cũng thế, khi bàn về thi ca của thời kỳ văn học phong phú này, Võ Phiến có nhắc đến Hoàng Trúc Ly, coi thi sĩ này là một nhà thơ lớp trước, và dẫn những câu thơ khó hiểu của ông. Võ Phiến cũng *xin thưa trước [là] không có mình trong cái số [người] may mắn vẫn rành thưởng thức những câu thơ của Hoàng Trúc Ly (và Bùi Giáng, v.v...)*

Tôi nghĩ, ở một cách phân loại nào đó, đúng là Hoàng Trúc Ly có thuộc về lớp trước (1954-1963); những bài thơ ông đăng trong *Sáng Tạo* quả là có hiểm hóc, tối tăm, cầu kỳ. Nhưng sau đó, ở giai đoạn sau (1963-1975), tôi nhớ là ông có làm nhiều bài thơ hay và thiết tha, thơ mộng lắm. Tôi nhớ là Hoàng Trúc Ly có những câu thiết tha và cảm động như:

Anh muốn hôn bằng môi của em
Mùa xưa thao thiết nắng hoe thềm

hay những câu có hình ảnh và ngôn ngữ rất đẹp và mới, nhưng cũng vẫn không thiếu sự thiết tha, mềm mại như:

Từ em tiếng hát lên trời
Tay xao dòng tóc tay mời âm thanh
Sợi buồn chẻ xuống lòng anh
Lắng nghe da thịt tan tành xưa sau (Ca Sĩ 1)

Thật sự, tìm cách phân loại các nhà văn nhà thơ quả có khó. Có nhiều phương pháp và vị trí để, từ đó, ta chia các vị này ra thành từng nhóm từng dòng. Một trong những người chúng ta khó xếp là Nhã Ca chẳng hạn. Ta nên xếp loại bà là nhà văn viết cho phụ nữ, cho thiếu nhi, hay là nhà văn thiên về khuynh hướng tình yêu hay là nhà văn thao thức trước cuộc chiến?

Về trương hợp Hoàng Trúc Ly, tôi có cảm tưởng là nhiều người nhớ đến ông vì những câu thơ, những bài thơ ông đã làm trong giai đoạn sau (1963-1975) hơn là những bài trong giai đoạn trước. Hầu hết những bài sau này của Hoàng Trúc Ly không có gì là bí hiểm hay cầu kỳ. Thơ ông trong giai đoạn này thiết tha, mềm dịu, trong sáng, mặc dù ngôn ngữ ở nhiều bài rất mới, đi ra khỏi lối mòn bình thường.

Một điều nữa tôi cũng muốn góp ý ở đây là thái độ và sự đánh giá của Võ Phiến đối với sự có mặt và đóng góp của nhóm *Sáng Tạo*. Có lẽ do ở quan điểm sáng tác, do ở bản chất, và do nơi phong cách văn chương mà mình đã chọn lựa, Võ Phiến, theo tôi, đã không có được cái nhìn khách quan và đầy đủ về tầm mức ảnh hưởng cũng như những đóng góp đáng kể của nhóm này.

Điều chót tôi xin góp ý ở đây là một vài nhận xét về vấn đề chính tả.

Có một số từ bị in sai trong quyển sách mà tôi nghĩ không cần liệt kê ra đây vì chúng vụn vặt quá. Dù sao, chính những chuyện vụn vặt này lại có thể làm cho người đọc bực mình và chia trí, kéo họ ra khỏi sự chăm chú trong việc theo dõi nội dung tác phẩm.

Dù sao, có hai từ đặc biệt mà tôi xin phép góp ý ở đây là:

- *Rau sắng* (tr. 40). Trong sách in là *rau sắn*.

Sắn, còn được gọi là *củ đậu* theo lối Bắc, được định nghĩa là một loại dây leo, lá kép gồm ba lá phụ hình tim, hoa tím, trái dài có nhiều hột dài lối 6mm, mỗi dây có nhiều củ hình tròn giẹp..., vỏ dai, nạc trắng ngọt; được dùng ăn sống hay xào nấu. (*Việt Nam Từ Điển*, Lê Văn Đức & Lê Ngọc Trụ)

Còn *rau sắng* thuộc về một loại cây rau nhỏ, cũng gọi tên là bồ ngót, tên khoa học là "Sauropus androgynus (Phyllantus), họ đinh lăng (euphorbiacees).

Tản Đà vào tháng Ba 1923 có đăng một bài thơ - hình như trên *Trung Bắc Tân Văn* - đề cập đến sự "thòm thèm" của ông về thứ rau sắng này:

Muốn ăn rau sắng chùa Hương
Con đò ngại tốn, con đường ngại xa
Người đi ta ở lại nhà
Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm.

Đỗ Song Khê, hiệu là Đỗ Tang Nữ (em ruột của nữ sĩ Tương Phố) nhân đang làm việc tại Phủ Lý, gần chùa Hương, vào mùa xuân ấy thấy rau sắng ngon, đọc được bài thơ trên, bèn gửi một gói quà (rau sắng) cùng với bốn câu lục bát qua nhà bưu điện Phủ Lý lên Hà Nội để tặng thi sĩ Tản Đà. Bà giấu tên nên Tản Đà không biết là ai, nhận được quà rất cảm động.

Rau sắng chùa Hương trở thành một câu chuyện đẹp trong văn chương ta. Tôi xin ghi lại ít dòng như thế cho được rõ ràng.

- Có một từ tôi để ý thấy Võ Phiến nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong sách (cả sáu, bảy chục lần), nhất là khi bàn về bối cảnh xã hội miền Nam trong giai đoạn 1954-1975. Đó là từ *cọng sản*. Chữ *cọng* không có dấu mũ.

Tôi nghĩ là từ *cộng sản* có thể được phát âm khác nhau, ở những vùng khác nhau của đất nước, như một số từ khác trong tiếng Việt. Tôi vẫn nghĩ là chúng ta nên tôn trọng cách phát âm của mỗi vùng. Đó là vấn đề thổ âm (dialect), và trên phương diện này, chúng ta không nên và không thể nói vùng nào nói sai, vùng nào nói đúng. Đây là một quan niệm hiện được tất cả các nhà ngữ học trên thế giới chia sẻ.

Dù sao, đó là vấn đề phát âm. Còn khi âm của một từ đã được chuẩn hóa để đưa vào hệ thống chữ viết, được ghi lại trong các từ điển, tôi nghĩ là ta nên thống nhất cách dùng từ đó theo sự nhất trí chấp nhận của một số từ điển thường được dùng làm tiêu chuẩn của chúng ta.

Về các từ *cộng* (có mũ) và *cọng* (không mũ) dùng một mình, một số từ điển Việt đã không hoàn toàn nhất trí trong cách viết và, từ đó, trong ý nghĩa của chúng.

Tôi xin liệt kê một vài thí dụ:

- *Cọng* (không mũ), biến từ (là từ thuần Việt), có nghĩa là chung lại, thêm vô, tính gộp lại. Từ kép Việt *cọng chung* đồng nghĩa với từ kép Hán Việt *tổng cộng* hay *hợp cộng*. (*Việt Nam Từ Điển,* LVĐ & LNT)

- *Cọng* (không mũ), danh từ (là từ thuần Việt) có nghĩa là thân, cành các loại cỏ hay loại lúa: cọng mạ, cọng cỏ... (*Từ điển Tiếng Việt*, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội)

- *Cộng* (có mũ), danh từ (là từ thuần Việt), có nghĩa là cuống, tàu, phần cứng của lá, của củ. Thí dụ: cộng dừa, cộng lác, cộng tỏi, cộng rau tấc đất (*Việt Nam Từ Điển,* LVĐ & LNT)

- *Cộng* (có mũ), động từ (là từ Hán Việt đã được chuyển thành từ Việt ở cấp cao nên được coi như từ thuần Việt - giống như các từ: đầu, ông, củ (ấu), (cây) chanh, bà, cô, vạn, ức, triệu, cao, thấp, nhung (nỉ), ngu, nịnh... (chú thích của BVP) - có nghĩa là tính gộp nhiều số lại để tìm ra tổng số. Thí dụ: Ba cộng với năm là tám. (*Từ điển Tiếng Việt*, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội)

- *Cộng* (có mũ), có nghĩa là: 1/ động từ (là từ Hán Việt, xem chú thích ở trên), có nghĩa là tính góp số nhỏ thành số lớn: Cuối năm cộng sổ. 2/ có nghĩa là cùng nhau, cùng chung (không dùng một mình): cộng hòa, cộng sản (*Từ điển Hội Khai Trí Tiến Đức*).

Ở trên là ý nghĩa hai từ *cộng* (có mũ) và *cọng* (không mũ), đứng và được dùng một mình. Ta nhận thấy là khi chúng là từ thuần Việt, hay được xem là từ thuần Việt, chúng có thể được (hay bị) dùng lẫn lộn. Sự lẫn lộn này, theo ý tôi, phát xuất từ cách nghe và cách phát âm của dân cư trên các vùng khác nhau của đất nước.

Chúng ta đã nói về trường hợp hai từ *cộng* (có mũ) và *cọng* (không mũ) được dùng một mình như từ thuần Việt. Khi chúng ta dùng những từ kép như *cộng sản* (có mũ) và *cộng hòa* (có mũ), những từ này được dùng như những từ Hán Việt. Trong từ *cộng sản*, *sản* là chữ chính (có nghĩa là của cải); *cộng* (có nghĩa là cùng nhau, chung nhau, góp lại...) đứng vai trò tính từ, làm rõ nghĩa cho từ *sản*. Cách tạo từ kép này được dùng cho những từ Hán Việt khi chúng có quan hệ chính phụ: chữ chính đứng sau, chữ phụ đứng trước (ngược với cách tạo từ kép trong từ thuần Việt).

(Còn từ kép *cộng hòa* thì lại có vẻ được kết hợp theo quan hệ song song. Cả hai từ *cộng* và hòa (có nghĩa là thỏa thuận, bằng nhau, điều hòa, hòa thuận, hòa hợp với nhau, êm ái...), trên quan điểm từ-vụ-học, đều dùng để bổ túc cho nhau, làm mạnh cái ý toàn thể của từ kép ấy.)

Một nhận xét khác của tôi về vấn đề này là tác giả Võ Phiến (hay người đánh máy?) đã không nhất trí trong việc dùng những từ *cọng* (không mũ) này. Xin liệt kê ở đây một số cách dùng tiêu biểu trong quyển sách: *cọng lại* (không mũ, tr. 43), *chống cọng* (không mũ, tr. 30), *cọng tác* (không mũ, tr. 96, 100, 173, 204, 206, 223), *quốc cộng* (có mũ, tr. 99), *thân cộng* và *chống cộng* (có mũ, tr. 147), *cộng quân* (có mũ, tr. 118, hai lần), *cọng sản* (không mũ, tr. 109, hai lần, và mấy chục lần nữa trong các trang khác), *Trung cọng* (không mũ tr. 171), *chống cộng* (có mũ tr. 173), *cộng sản* (có mũ, tr. 273)...

Từ *cộng sản* dùng như một từ kép Hán Việt, với chữ *cộng* (có mũ),

được ghi lại trong *Hán-Việt Từ-Điển* của Đào Duy Anh, *Hán-Việt Tự-Điển* của Nguyễn Văn Khôn, và trong bốn cuốn từ điển khác nhau mà tôi đã liệt kê trong đoạn trên, phần nào, đã xác định tính cách quen thuộc và được chuẩn hóa của từ này. Tôi nghĩ chúng ta có thể chấp nhận tính cách chuẩn hóa ấy để tránh sự thắc mắc và hoang mang của một số người, đặc biệt là giới trẻ, về những cách viết khác nhau của chúng.

Nhìn chung lại, tập *Tổng Quan* của nền văn học miền Nam giai đoạn 1954-1975 của Võ Phiến đã dựng lại được một cái sườn rất chi tiết và linh động, giúp cho người đọc chuẩn bị để sống, và nhìn lại, và đánh giá, và hãnh diện về công trình của hai mươi năm văn học miền Nam trong những quyển sách sắp tới của tác giả. Tập sách đầu của ông cho người ta cái cảm giác nôn nao chờ đợi để bước vào và chia sẻ một công trình lớn, đòi hỏi nhiều công phu. Võ Phiến cho chúng ta cái hy vọng để chờ đón một công trình lớn lao và xứng đáng.

Điều tôi muốn giữ lại trước khi rời quyển sách là tấm lòng của Võ Phiến, một tấm lòng nặng với quê hương và với một thời kỳ văn học hết sức phong phú của miền Nam. Tấm lòng ấy đáng quý. Nó là điểm sáng của quyển sách mà tôi muốn nhớ mãi.

Bùi Vĩnh Phúc
1986

(*) *Xin chú ý:* Bài nhận định này được viết và đăng lần đầu trên báo *Làng Văn* (số 28) vào tháng 2, 1986. Sau đó, được xem và viết lại với một vài bổ túc để in trong quyển *Lý Luận và Phê Bình: Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước 1975 - 1995*, do nhà xuất bản Văn Nghệ in năm 1996. Xin độc giả đọc bài này trong tinh thần ấy và trong bối cảnh xuất hiện của nó.

Đón đọc tập bút ký:
NAM DAO
những con người, những bóng ma

để cảm nhận những nghệ sĩ vang bóng: Nguyễn Tuân, Văn Cao, Trịnh Công Sơn, Bùi Giáng, Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Cung, Lê Đạt... Và hiểu thêm những trăn trở về một thời hiện còn vắng bóng con người giữa những bóng ma ám ảnh.

Nhà xuất bản Văn Mới

HOÀNG KHỞI PHONG

trong cõi riêng buồn thấy lại ta

Đi vắng từ xa trở lại nhà
Bộ đồ cũ mặc ấm trà pha
Tựa lưng vào vách tường thân thuộc
Trong cõi riêng buồn thấy lại ta
Mai Thảo

1-

Con đường đầy những cây "palm" cao vút, mọc rải rác chen kẽ với những cây "jacaranda" đầy hoa tím của mùa hè. Đối với người Mỹ, những cây palm này là dấu tích của sa mạc vài trăm năm trước, còn tồn tại khi thành phố của thiên thần (Los Angeles) chưa được người da trắng dựng lên cách đây hơn hai thế kỉ.

Đối với người Việt chúng ta thì những hàng cây jacaranda lại giống như những cây phượng vĩ báo hiệu cho một mùa hè đang tới. Chỉ khác một điều những cây phượng vùng nhiệt đới cho chúng ta những vầng hoa đỏ như những vũng máu trên nền trời xanh, còn hoa jacaranda nơi vùng ôn đới ở đây là những tảng hoa bèo mầu tím, mọc lơ lửng trên không trung. Trong tiếng Việt chúng ta không có danh từ để dịch chữ jacaranda này, nhưng nhiều người trong chúng ta gọi cây này là cây "phượng tím". Riêng cây palm trong tiếng Việt chúng ta gọi là cây cọ. Đó là một loại cây khá giống như cây dừa, chỉ có một điều khác biệt là thân nó cao hơn và trái mọc thành chùm chi chít, nhỏ như những trái cau bị đẹt không ăn được.

Những tàng hoa "phượng tím" khiến những con người ly hương như chúng ta bâng khuâng mỗi buổi chiều, và những cây cọ gợi cho chúng ta những khu rừng dừa ven biển, một vùng biển mà chúng ta đã phải bỏ mà đi thắm thoắt đã hai mươi năm ròng rã. Con đường nhỏ nằm kế cận một thung lũng hẹp, khiến cho toàn bộ khu vực đột nhiên như nằm lọt hẳn ra ngoài cái ồn ào của thành phố Los Angeles, chỉ còn liên hệ với thành phố này bởi những cây cọ và những tàng hoa "phượng tím - jacaranda". Đó là nơi trú ngụ hiện nay của Võ Phiến. Đó là nơi nhà văn của chúng ta dàn trải phần thể xác của ông. Còn phần tâm hồn của ông, hình như vẫn lẩn quất nơi những rừng dừa Bồng Sơn, Bình Định, nơi những điệu hát "bài chòi" Phù Mỹ, Tam Quan.

Cách đây vài năm, khi ông đi giải phẫu thông tim lần thứ hai trở về. Trong lần giải phẫu này, người ta bê trái tim ông ra khỏi lồng ngực, làm một vài phẫu thuật cần thiết, trước khi đặt trái tim thấm đậm yêu thương của nhà văn trở lại vị trí của nó. Sau cuộc giải phẫu, một số bạn văn xúm xít đến thăm ông, ngồi chật một nhà.

Hiện nay Võ Phiến đã về hưu, ông có một giang sơn rộng hơn căn gác của Mai Thảo. Võ Phiến có một căn nhà ba phòng ngủ. Ông giữ được thói quen của người Việt, không dùng nhà để xe và do đó ông đã biến nó thành một căn nhà phụ thuộc như một cái thư viện bỏ túi. Ở đây ông đọc sách, viết văn, tiếp các thân hữu đến thăm và cũng là nơi ông nằm lơ mơ trong những trưa hè.

Trong những giấc ngủ chập chờn này, dường như ông không phân biệt được đâu là tiếng chim cu đang gù mái của vùng Bình Định, Gò Vấp trong thời quá khứ, và đâu là tiếng của những con chim "dove" Hạ Uy Di, cục mịch mà dạn dĩ, hay là tiếng của hàng trăm loại chim may mắn sinh sống trong vùng đất thiên nhiên đãi ngộ mọi loài sinh vật này. Ông đã bước vào tuổi bảy mươi, với một đời sống thật nhiều biến động. Giang sơn của ông tuy lớn hơn căn phòng của nhà văn Mai Thảo, song dẫu sao nó cũng chỉ là một căn nhà trong triệu triệu căn nhà của thành phố Thiên Thần này, do đó nó là một khoảnh riêng tư thật nhỏ. Nhưng thần trí ông thì đi tới cõi mịt mùng. Cái mà người xưa đã nói ngắn và gọn: "tiềm thức mênh mang, thùy năng câu thúc" cho phép ông sống hai cuộc đời trong một con người.

Hiện tại trong ngôi nhà này, ông là một công chức hồi hưu, sáng sáng dậy sớm, pha một tách trà nhâm nhi trong khi chờ bà vợ làm sẵn thức ăn cho buổi sáng và buổi trưa, kế đó ông chờ bà trang điểm qua loa để sửa soạn cho một ngày làm việc nơi công sở. Khi ông vừa cạn tách trà thì cũng

là lúc bà vợ đã sẵn sàng ra xe. Ông lái xe đưa vợ đi làm, bởi vì bà vẫn chưa đến tuổi hưu trí, vẫn một ngày tám giờ trong công sở, làm những công việc quen thuộc đến độ nhàm chán trong hàng chục năm liền. Khoảng tám giờ hơn, ông trở lại nhà, nằm lơ mơ dưới bóng mát của những cái cây do chính tay ông trồng. Căn nhà hai vợ chồng ông mua đã được 14 năm, cách đây vài năm ông nới rộng ra vì tin rằng căn nhà thôi không còn quạnh quẽ với hai vợ chồng già. Hai người con trai ông không di tản năm 1975 cùng với vợ chồng ông, vì cả hai là những quân y sĩ không đành lòng bỏ mặc các thương binh trong những giây phút cuối cùng của trận chiến. Hai người con ông đã vắng mặt trong đời sống ông nhiều năm, sau cùng cũng bỏ được nơi phải bỏ, đến được nơi phải đến.

Ông tin tưởng rằng ít nhất cũng phải có một trong hai gia đình người con sẽ ở với ông. Hằng ngày ông cháu sẽ hủ hỉ, mẹ con sẽ hàn huyên cho bõ mười lăm năm xa cách. Các con và cháu ông tới Mỹ đầy đủ, nhưng hoàn cảnh không cho phép cùng trú ngụ dưới một mái nhà, bởi vì các con ông phải trú ngụ ở một nơi nào đó thuận tiện cho việc học lại ngành y của họ. Thành thử hiện nay vẫn chỉ là hai vợ chồng già, một căn nhà rộng mông mênh, một khoảnh vườn hẹp mà trong đó chen chúc với những cây cỏ có sẵn trong vườn như đào, mận, chanh, cam bây giờ chen kẽ cùng hàng chục loại cây của vùng nhiệt đới. Những cây ổi, hồng dòn, măng cầu, táo tầu... và hàng chục loại gia vị khác như ớt chỉ thiên, hành lá, xả, húng, rau má, rau dấp, rau muống, mồng tơi, bầu, bí, mướp... do chính tay vợ chồng ông trồng trong những ngày nhàn rỗi.

Mỗi buổi sáng khi đã đưa bà vợ đến sở trở về, ông thường nằm nơi cái võng trong vườn. Ở đó ông lơ mơ nửa thức nửa ngủ. Có lúc ông nghĩ không ra ông đang ở đâu? Thần trí ông có khi lui về quá khứ mấy chục năm. Ông tiếp tôi nơi một cái bàn nhỏ kê dưới một khóm trúc um tùm. Bằng một giọng nói đặc biệt của vùng Bình Định, nhà văn Võ Phiến lùi về tuổi thơ của ông... Năm đó ông bảy tuổi và được nhìn thấy cha ông lần đầu... Giọng ông sũng những thương nhớ, bùi ngùi và đầy xúc động...

2-

Nhà văn Võ Phiến sinh ngày 25 tháng Mười năm 1925 tại làng Trà Bình, tổng Trung Bình, huyện Phù Mỹ tỉnh Bình Định. Cho tới năm bảy tuổi Võ Phiến chưa bao giờ được biết mặt người cha. Qua những câu chuyện của người lớn, ông biết được cha ông bỏ nhà đi tha phương cầu thực vào trong

Nam, sau một lần thi cử không thành đạt vào năm Võ Phiến vừa mới chào đời, với cái tên trong giấy khai sinh là Đoàn Thế Nhơn. Tới bây giờ đã nhiều năm qua đi, ông vẫn còn nhớ như in lần hội ngộ đầu tiên giữa hai cha con. Năm đó là năm 1932, ông đang học trong một ngôi trường ở đầu làng.

Giữa giờ ra chơi ông cùng các bạn đang đá kiện, đánh đáo thì cả bọn ngừng lại vì thấy một người khách đường xa ghé qua làng. Khách mặc Âu phục, đi giầy Tây nên thu hút toàn bộ tụi trẻ đang chơi đùa nghịch ngợm. Lũ trẻ ngừng chơi, đi theo ông khách, cho tới khi gặp một người lớn giữa làng mới nhận ra đó là cha của trò Nhơn.

Võ Phiến cho biết, bây giờ ông còn nhớ cảm giác của ông trong lúc cha con gặp gỡ lần đầu này cũng không có vẻ gì đặc biệt. Đó là một cảm giác vừa hãnh diện với bọn trẻ cùng trường, niềm hãnh diện bắt nguồn từ lối ăn mặc sang cả thành thị của cha ông nổi bật nơi vùng quê hẻo lánh. Tuy nhiên ông nhớ rõ là ông hơi xao xuyến bồi hồi và nhiều phần bỡ ngỡ, hơn là sự đầm ấm phải có giữa hai cha con chưa hề biết mặt nhau.

Kỳ đó ông cụ thân sinh ra nhà văn Võ Phiến ở lại nhà trong một thời gian ngắn, rồi lại lên đường vào Nam lập nghiệp. Kết quả của lần về thăm nhà này là không đầy một năm sau, năm 1933 người em kế của Võ Phiến ra đời với cái tên là Đoàn Thế Hối. Chữ hối đây phải chăng là sự hối cải của bảy năm xa nhà, bặt vô âm tín của một cây trụ chính trong gia đình.

Khi bà mẹ sanh người em kế thì ông cha trở về đón bà mẹ vào Nam, Võ Phiến ở lại quê nhà vì ông đang học dở. Những tưởng rằng ông chỉ tạm xa cha mẹ một thời gian, ở lại quê nhà cùng ông chú ruột (em của ông nội). Nào ngờ mãi mấy chục năm sau mới sum họp một nhà. Sau này ông cho biết trong văn chương của ông, ông nghiệm ra một điều là ông ít nói tới tình cha, và cả tình mẹ. Mặc dù đất nước đương mắc nạn chinh chiến, nhiều nhà văn trong những lúc cận kề cái chết hay nói tới các bậc sinh thành hay những người ruột thịt thân yêu nhất. Võ Phiến cho biết trọn đời ông, ông chỉ được sống chung dưới một mái nhà với cha ông không đầy ba năm, còn với mẹ, ông cũng chỉ có không đầy mười năm gần gụi.

Trọn một thời thơ ấu của Võ Phiến nép dưới nách bà nội. Ông nội mất sớm khi bà nội mới ngoài ba mươi, nhưng thời đó sự thủ tiết thờ chồng nuôi con là lẽ bình thường. Trong dòng họ của Võ Phiến đàn ông chỉ còn có một người em ruột của ông nội. Chính ông tổ thúc này là người chăn dắt Võ Phiến trong những năm thơ ấu. Thành thử việc giáo hối trong nhà là từ ông xuống cháu, từ Nho học đi trực tiếp xuống Tây học mà không có thế hệ cha chú làm chuyển tiếp.

Võ Phiến học xong bậc tiểu học, ông phải ra Qui Nhơn ở trọ khi lên trung học. Tại ngôi trường này ông gặp một ông thầy rất trẻ, chỉ hơn ông chừng hai ba tuổi là cùng, nhưng chính ông thầy rất trẻ này đã mở cho Võ Phiến nhiều con đường trước mặt. Sau này cả hai là những người bạn văn với nhau cho tới bây giờ. Vị thầy trẻ đó tên là Lam Giang, là bạn văn khá thân với Hà Thượng Nhân và Ký Giả Lô Răng. Năm 1938 Võ Phiến ra trọ học ở Qui Nhơn, chỉ một năm sau việc học của ông gián đoạn vì bị sốt rét. Thời đó bệnh này còn là một trong những bệnh nan y, mỗi năm cướp đi mạng sống hàng vạn người, chính ông nội của Võ Phiến cũng mất vì bệnh này. Do đó ông chú làm thuốc đã bắt Võ Phiến về quê dưỡng bệnh. Nửa năm sau ông mới khỏi hẳn và khi ra lại Qui Nhơn, ông phải học ở trường tư để bắt kịp nửa niên học đã mất. Ông gặp Lam Giang tại trường tư thục này.

Thầy trò hủ hỉ với nhau thêm ba năm nữa, thì Lam Giang bỏ Qui Nhơn ra Huế. Ông thầy mến học trò tới độ rủ rê cùng ra Huế với mình. Dẫu sao so với Qui Nhơn, Huế vẫn là kinh đô của triều đình, ở Huế có nhiều trường tốt hơn, nhiều thầy đã thành danh. Về phương diện trường ốc của thời đó, Huế chỉ thua Hà Nội là không có trường Đại Học, ngoài ra những trường trung học ở Huế đã góp phần đào tạo không biết bao nhiêu anh tài cho xứ sở. Nói tóm lại ở Huế việc học thuận tiện hơn ở Qui Nhơn rất nhiều.

Năm 1942 Võ Phiến ra học ở Huế. Chính nơi đây là cái nôi ươm cho tâm hồn của nhà văn sau này. Chính nơi đây ông gặp gỡ hai người khác khai phá tâm hồn ông kỹ hơn. Lam Giang chỉ là một người cầy vỡ thửa đất bỏ hoang. Chính Đào Duy Anh và Chế Lan Viên mới đánh thành luống cho thửa đất này, và trên đó Võ Phiến trồng lên hoa trái đầu mùa. Đối với Võ Phiến ông sẽ không bao giờ quên được hai nhân vật đóng góp cho sự trưởng thành của ông. Chế Lan Viên khi đó đã thành danh với thi tập "Điêu Tàn" và sớm có một chỗ ngồi trong văn học. Chế Lan Viên là giáo sư môn Quốc Văn của Võ Phiến, nhà thơ đã ươm một phần nào tâm hồn cho nhà văn sau này của chúng ta.

Riêng đối với Đào Duy Anh, người có công lớn nhất trong việc dựng nên con người Võ Phiến sau này là một vị thầy khác trong tuổi thanh xuân của Võ Phiến. Chính Đào Duy Anh là người đã mang Võ Phiến về nhà, cho Võ Phiến công việc phụ soạn tự điển, để ông có thêm tiền chi dụng trong lúc trọ học xa nhà. Đối với một nhà văn của tương lai tiền bạc chỉ là việc phụ, quan trọng nhất là Đào Duy Anh lo lắng cho ông vật chất cũng như tinh thần, ông được ăn học chung với các con của ông Đào Duy Anh, ở chung một nhà, ăn chung một mâm, ngủ chung một phòng. Nhìn bề ngoài vào Võ

Phiến nào có khác gì những người con của ông Đào Duy Anh trong buổi thiếu thời xa nhà đó. Sau này Võ Phiến lúc nào cũng cho biết ông coi Đào Duy Anh như bóng dáng một người cha. Tuy không phải là cha đẻ song đã gần gụi, vun trồng cho Võ Phiến phần tâm hồn, để đối lại với phần xương thịt mà người cha ruột đã ban phát cho Võ Phiến.

Không những thế, công việc mà ông Đào Duy Anh giao cho Võ Phiến không ít thì nhiều ảnh hưởng tới văn nghiệp của Võ Phiến sau này. Đó là một việc làm đòi hỏi sự cần cù nhẫn nại và chính xác của một bộ tự điển. Năm 1945, nhà văn Võ Phiến là một thanh niên chẵn tròn hai mươi tuổi, trong lúc ông cặm cụi chúi đầu vào công việc nghiên cứu thì ngoài xã hội, dân tộc Việt Nam đang cố hất cái ách cai trị của ngoại bang trên mình tổ quốc. Mọi con dân lao mình về phía trước. Các đảng phái, đoàn thể mọc ra như nấm. Chiến tranh thế giới kết thúc như là một luồng gió mới thổi qua đất nước ta, nên vì đó mà nhiều thế hệ con dân, người trí thức cũng như người bình dân, thành thị cũng như nông thôn, gái cùng trai, già với trẻ như say men chiến đấu. Cả một dân tộc trôi đi trên một cái nền bằng máu. Không một người dân nào không cảm nhận được nghĩa vụ của mình trong lúc quốc gia hữu sự.

Chính trong thời điểm này, Đảng Cộng Sản Việt Nam lớn mạnh, họ đã ngấm ngầm len lỏi vào hàng ngũ nông dân và thợ thuyền, họ đã gây được một phong trào quần chúng trải dài từ thành thị tới thôn quê, và cán bộ của Cộng Sản đã len lỏi khắp nơi. Họ đã tổ chức được một mạng lưới rộng chờ thời cơ cướp chính quyền. Trong thời điểm đó ông Đào Duy Anh tuy không trực tiếp hoạt động chính trị, nhưng ông liên hệ nhiều với đảng Tân Việt. Khi người Cộng Sản bắt đầu lộ diện, họ tìm cách mua chuộc, dùng tình cảm tạo ảnh hưởng với những người có danh vọng như Đào Duy Anh. Khi mua chuộc không được họ ra tay bắt giữ, nếu cần triệt hạ trong bóng tối.

Giữa năm 1945 ông Đào Duy Anh bị cán bộ Cộng Sản đem xe hơi đến đón, mang từ Huế ra Hà Nội. Cũng may ông Đào Duy Anh có một người em theo Cộng Sản ngay từ buổi đầu, và có địa vị không nhỏ trong buổi sơ khai của Đảng Cộng Sản, nhờ đó ông Đào Duy Anh chỉ bị giám sát kín đáo, vẫn làm những công việc ông đang làm là soạn Tự Điển, nhưng chỗ cư trú thì do Cộng Sản chỉ định. Phần Võ Phiến trong thời gian đó cảm thấy không còn gì lưu luyến ông ở Huế, Võ Phiến trở về Qui Nhơn. Ông xung phong nhập ngũ trong thời gian này. Tưởng cũng nên nhắc lại Võ Phiến bắt đầu viết từ năm 1942, có một truyện ngắn đăng trên báo Trung Bắc Chủ Nhật vào năm 1943 dưới bút hiệu Đắc Lang, do đó khi trở về Qui Nhơn

ông tình nguyện nhập ngũ, và được đưa vào hoạt động trong đoàn cán bộ xung phong tuyên truyền. Đối với một người có sẵn cốt cách làm văn nghệ, thì hình ảnh tay súng tay đàn bao giờ mà chả hấp dẫn, đẹp đẽ. Võ Phiến đã tưởng rằng đời ông sẽ ngưng lại nơi quê hương bình lặng này.

Đầu năm 1946, ông Đào Duy Anh bắt được liên lạc lại với Võ Phiến. Lúc này ông Đào Duy Anh đang làm việc ở Hà Nội. Một chân trời mới mở ra cho nhà văn trong tương lai của chúng ta, ông ra Bắc cấp kỳ và được ông Đào Duy Anh sắp xếp cho ở trọ tại nhà của người em ruột ông Đào Duy Anh. Hằng ngày Võ Phiến đi học, mỗi ngày phụ giúp cho công việc làm tự điển vài tiếng đồng hồ. Chính sự càng lúc càng rối rắm. Cũng là chống ngoại xâm song có hàng chục phe nhóm, mà lạ một điều là những phe nhóm này không tựa lưng vào nhau để chiến đấu với kẻ thù chung. Không những thế họ còn khuynh đảo lẫn nhau, triệt hạ lẫn nhau chỉ vì không dung nổi nhau. Trong bối cảnh đó Võ Phiến như cảm thấy một bầu không khí ngột ngạt bao phủ cố đô Thăng Long, đó là một bầu không khí trước cơn mưa rào, với một bầu trời đầy mây đen, chỉ chờ một ánh chớp lóe lên khai diễn trận mưa. Ánh chớp đó chính là ngày Việt Minh cướp chính quyền. Thế rồi những đụng độ giữa dân Việt và quân Pháp, những đụng độ giữa Việt và Việt, giữa Quốc và Cộng, và đau lòng thay giữa cả những người tự nhận chung một hàng ngũ Quốc Gia với nhau.

Không khí chung của cố đô Thăng Long trong năm 1946 là một bầu không khí nghi kỵ, chết chóc. Khi cuộc cướp chính quyền của Việt Minh nổ ra ở Hà Nội vào cuối tháng Tám năm 1946, những thanh niên yêu nước của Hà Thành túa ra khắp nơi. Đại đa số những người thanh niên này ngược ra Bắc. Khu vực rừng núi thuộc biên giới Hoa Việt khi đó là địa bàn chính của người Cộng Sản, chính nơi đây sau này Hồ Chí Minh và toàn bộ đầu não của Cộng Sản trú ẩn, họ biến vùng đất này trở thành thánh địa của Cộng Sản Việt Nam, giống như Diên An đối với Trung Cộng. Cũng cần nói thêm là đại đa số những thanh niên bỏ Hà Nội trong thời gian này đều không có ý niệm gì về Cộng Sản. Họ đi theo tiếng gọi của non sông và lọt vào một vùng gió chướng, nên bị cuốn đi không cưỡng lại được. Võ Phiến nghĩ rằng ở đâu cũng là làm bổn phận con dân khi quốc gia hữu sự. Gia đình ông ở tại miền Trung, tất ông phải chiến đấu cho những thửa ruộng của ông cha để lại cho ông, cũng như những thửa ruộng của thân tộc ông, làng xóm ông. Cuối năm 1946, Võ Phiến xuống Hải Phòng và từ đó ông đáp tầu hỏa xuôi nam về lại Qui Nhơn. Tại đây thời gian đầu ông tham gia Việt Minh, ông dậy chữ và dậy cả... chính trị cho những người cán bộ Cộng Sản.

Năm 1948 Võ Phiến cưới vợ. Mãi tới thời điểm này bút hiệu Võ Phiến mới chính thức ra đời, tên Võ Phiến chỉ là tên Viễn Phố của bà vợ ông nói ngược lại.

Ông đã tưởng rằng cuộc đời ông sẽ trải dài êm ả nơi quê hương ông. Ở thời điểm này, tại quê hương ông người Cộng Sản hoạt động càng lúc càng dữ dội, tuy nhiên họ chưa hoàn toàn nắm giữ được tình hình tại các tỉnh thuộc Liên Khu Tư và Liên Khu Năm. Võ Phiến là một trong số thật hiếm muộn những người đã nhìn ra bản chất của người Cộng Sản. Cùng với vài người bạn học thuở thiếu thời như Tạ Chí Diệp, nhóm của Võ Phiến nghiêng cảm tình, và nhiệt huyết về phía Việt Nam Quốc Dân Đảng. Việc chưa phát đã bị lộ, Cộng Sản bắt giữ một số người, họ không động gì đến Võ Phiến, họ còn gượng nhẹ với những ai họ nghĩ là họ có thể lôi kéo được. Vả lại Võ Phiến khi còn làm giảng huấn cho các khóa bổ túc văn hóa cho Cộng Sản, ông đã có thời được coi là đối tượng để kết nạp. Hơn thế nữa Võ Phiến là một người kín đáo, ông chỉ ngấm ngầm tìm cách thoát ra khỏi ảnh hưởng của người Cộng Sản mà thôi. Ông cảm nhận thật rõ ràng cái ách của người Cộng Sản sẽ không thua gì cái ách của ngoại bang. Ông biết được nguy cơ đang rình rập chung quanh nên án binh bất động trong một thời gian dài.

Cũng trong khoảng thời gian này Võ Phiến có người con đầu lòng, những ánh mắt nụ cười trẻ thơ mang lại cho ông niềm tin bạt núi ở tương lai, ông như triền miên trong hạnh phúc mà nguôi đi những thôi thúc trong lòng. Những năm cuối thập niên 40 trận chiến giữa ta và Pháp càng lúc càng dữ dội. Quân Pháp càng ngày càng bị be lại trong những cái rọ. Khi cuộc chiến Việt Pháp bắt đầu, Cộng Sản dưới chiêu bài Việt Minh, được Nga Sô trợ giúp một cách hùng hậu, tuy chỉ kiểm soát được vùng biên giới Hoa Việt, nhưng Cộng Sản có những cán bộ được huấn luyện thật kỹ về tuyên truyền, do đó họ lôi kéo được đại đa số quần chúng. Về phía những đảng phái quốc gia thời đó, đáng kể nhất là Việt Nam Quốc Dân Đảng. Cái họa ở Yên Báy tuy đã chìm sâu vào trong quá khứ hai mươi năm, song nguyên khí ban đầu không bao giờ hồi phục được. Thành thử những năm cuối cùng của thập niên 40, vô hình chung Cộng Sản được đồng hóa với dân tộc trong công cuộc chiến đấu giành quyền tự chủ cho nước nhà. Những trận đánh lớn giữa ta và Pháp nổ ra khắp chiều dài đất nước, đồng thời Cộng Sản càng ngày càng lộ mặt.

Đầu thập niên 50, nhóm của Võ Phiến lại một lần nữa tìm cách bắt liên lạc với Quốc Dân Đảng. Cả nhóm cử Tạ Chí Diệp đi gặp Nguyễn Tường Tam. Nhưng chính bản thân Nhất Linh khi đó mới ở Tầu về, Hoàng Đạo đã

chết, Thạch Lam, Khái Hưng cũng không còn. Tú Mỡ, Thế Lữ thì ngả sang phe Cộng thành thử Nhất Linh cô quạnh một mình. Chính Nhất Linh cũng còn đang loay hoay, xoay trở trước những thay đổi mỗi ngày một lợi cho Cộng Sản. Việc ra đi của Tạ Chí Diệp lộ. Lần này Võ Phiến bị bắt.

Ông bị giam giữ trong một nhà lao nằm đâu đó trong vùng rừng núi Bình Định. Nhiều cán bộ của nhà giam đã có thời là học viên của Võ Phiến. Nhờ vậy mà thời gian ở tù của Võ Phiến không đến nỗi khắc nghiệt lắm. Thời gian hai năm trong tù của Võ Phiến nghĩ cho cùng là những dưỡng chất cần thiết cho nhà văn sau này. Chẳng một ai thích ở tù để nghĩ về đời sống, để tích lũy chất liệu. Nhưng một khi bị đi ở tù thì không thể chối cãi cái mà người xưa gọi là: "Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại" đó làm cho con người nhà văn của Võ Phiến phong phú hơn, sâu sắc hơn, thâm trầm hơn và cũng chi li hơn. Thời gian ở tù này un đúc cho Võ Phiến những suy nghĩ sau này ảnh hưởng tới văn phong của ông và đồng thời là một ám ảnh khôn nguôi về người Cộng Sản, là chất liệu cho ông viết tác phẩm "Người Tù", tác phẩm thứ hai trong đời viết văn của ông.

Trong thời gian ở tù này Võ Phiến mang máng nghiệm ra ông có một chút may mắn khi không có một chọn lựa nào khác hơn là chờ ngày được phóng thích. Nếu ông không bị giam, biết đâu chừng ông phải chọn lựa cho mình một vị trí nào đó. Tính mạng con người trong thời chiến sao mà mong manh, bất cứ đứng trong hàng ngũ nào, tổ chức nào thì vẫn có một tổ quốc trước mặt, một dân tộc trên lưng và một gia đình trong tim. Ví thử như ông ở ngoài thì cho dù là có chân trong bất cứ tổ chức nào ông cũng phải trang trải ba món nợ trên. Và như vậy, biết đâu chừng văn học ngày nay của chúng ta không có nhà văn Võ Phiến.

Những năm đầu 50, chiến tranh Việt Pháp càng lúc càng khốc liệt, những chiến dịch lớn Pháp quân mở càng lúc càng nhiều, những trận đánh lớn với quân số tham chiến của đôi bên lên tới hàng trung đoàn, và vòng vây của Việt Minh siết dần quân Pháp trong các vùng kế cận các thành phố lớn trong các vùng châu thổ. Vùng kiểm soát của người Pháp càng lúc càng thu hẹp lại cho tới khi chiến tranh Nam Bắc Hàn chấm dứt, chiến tranh Việt Nam bước sang một giai đoạn khác. Với sự trợ giúp của Trung Cộng ồ ạt đổ xuống phía Nam, trận đánh Điện Biên Phủ khai diễn trong vùng lòng chảo phía Tây Bắc Hà Nội, sát với biên giới Lào. Kết quả của trận đánh này là người Pháp xuống tầu về nước, nhưng tại nước Việt lịch sử tái diễn cảnh Trịnh Nguyễn năm xưa với con sông Bến Hải ngăn cách đôi bờ.

Năm 1954, Võ Phiến được phóng thích như là một phần của hiệp ước

Genève được thi hành. Ông được thu dụng làm một công chức cho ngành Thông Tin của miền Nam. Thoạt kỳ thủy của đời công chức ông làm Trưởng Ty Thông Tin cho tỉnh địa đầu của miền Nam là Quảng Trị. Một năm sau ông xin về phục vụ tại Quy Nhơn, tỉnh nhà. Những đám mây thời chiến đã qua, cuộc đời nhà văn Võ Phiến bước sang một chương khác tươi sáng hơn.

3-

Võ Phiến là một nhà văn đa dạng trong văn học Việt Nam. Về thể loại ông làm thơ, viết truyện ngắn, truyện dài, tùy bút, biên khảo, phê bình và nghiên cứu văn học... đôi khi ông còn viết cả những bài nghị luận đầy chất chính trị. Về đề tài, ông viết về những thị dân thành phố, những người nông dân, những người trí thức, những người lao động. Ông viết về người già, con trẻ, kẻ giầu có, người nghèo khó, lính tráng, thợ thuyền, quốc gia, cộng sản... Đó là nói về người. Ông cũng viết về thú vật, nhỏ thì con sâu cái kiến, lớn thì con trâu, con bò, không lớn mà cũng không nhỏ thôi thì con chó, con mèo, con chim, con chuột. Ông tả tình, tả cảnh, nghị luận. Ngòi bút của ông chợt ở đây, thoắt cái đã nhẩy sang đó, khi thì đông, khi thì đoài, lúc ra Bắc lúc vào Nam. Có khi lang thang nơi đồng vắng, chớp mắt đã thấy ngơ ngác trong phố thị xe cộ dập dìu. Vừa ở trên rừng, đã nhẩy ngay xuống biển. Có khi ông nhập vào những đám mây xa, có khi ông chìm đắm trong căn gác hẹp.

Văn phong của Võ Phiến làm cho người đọc ông không biết đâu mà lường. Khi thì thâm trầm sâu sắc, khi thì dí dỏm tinh quái, khi thì tài hoa, khi thì trong sáng nhưng cũng có lúc vụn vặt, chi li chẻ sợi tóc làm... tám. Chính Võ Phiến đã phát biểu về những cơ duyên khiến cho ông là một nhà văn thiên biến vạn hóa. Chính Võ Phiến cho rằng những cơ duyên này, tới với ông ngay từ khi ông còn ngồi trên ghế nhà trường. Trước tiên hết phải nói tới bản chất của chính Võ Phiến. Ông sinh ra để làm nhà văn, chứ không phải để làm bất cứ một thứ gì khác. Trên danh nghĩa ông là một công chức, ông còn dậy học. Tại nơi sinh quán của ông, hắn cũng đã đôi lần ông cầy ruộng, phụ giúp ông chú làm thuốc, xem mạch... Tất cả những công việc khác chỉ thoáng qua, riêng ngòi bút là ở với ông từ lúc ông mang tên Đoàn Thế Nhơn, do bà mẹ đặt cho vì khi ông sinh ra bố ông không có nhà, cho tới khi ông đặt cho mình cái tên là Võ Phiến. Chỉ ngòi bút là theo ông tới tận nấm mồ.

Đối với Chế Lan Viên, khi hai bên gặp gỡ nhà thơ đã thành danh với

tập thơ Điêu Tàn, nên đứng trên bục giảng ông thầy thi sĩ chinh phục ngay lập tức cậu trò nhỏ sau này trở thành nhà văn. Có điều giữa hai bên mối liên hệ chỉ thoang thoảng của nghĩa thầy trò, để rồi vài năm sau đường ai nấy đi, mỗi người một phần số, mỗi người một thao thức, mỗi người một chính kiến. Éo le thay đây là hai chính kiến trái chiều. Nếu thoảng có một lúc nào đó nghĩ tới nhau, chẳng qua chỉ là những cảm hoài của một thời khoảng êm đềm dưới mái học đường, nhưng ngấm ngầm sôi sục những chính kiến dị biệt. Cái tài hoa hôm nay của Võ Phiến trong tùy bút, phần nào bắt nguồn từ những giao tình với nhà thơ trong thuở thiếu thời.

Võ Phiến cho biết cả đời ông, ông chỉ chung sống dưới một mái nhà với cha ông không đầy ba năm, thế nhưng ông có hai dịp ở chung với ông Đào Duy Anh. Không hiểu cả hai thời khoảng sống chung này kéo dài bao lâu, chỉ biết có một điều khi Võ Phiến gần Đào Duy Anh thì Võ Phiến chưa bao giờ sống chung cùng cha ruột. Lúc đó ông là một thiếu niên mới lớn, cần một chỗ tựa êm ả mà vững chãi của người cha. Chính Võ Phiến khi ở Huế đã mục kích cảnh Cộng Sản đến "mời" nhà học giả ở đất Thần Kinh ra ngoài Bắc. Chính Đào Duy Anh đã cho Võ Phiến tính cần cù nhẫn nại, giúp Võ Phiến những kiến thức theo chiều sâu cũng như chiều rộng, để nhà văn của tương lai có đủ hành trang bước từ Đoàn Thế Nhơn trong bóng tối trở thành Võ Phiến ngoài ánh sáng.

Võ Phiến mỗi tối cặm cụi bên đèn, ngồi làm tự điển dưới cái bóng của ông thầy mang dáng dấp của một người cha. Cũng chính vì liên hệ có tính phụ tử này mà Võ Phiến đã mắt thấy cảnh Đào Duy Anh bị mời ra Bắc, đã về tới nơi chôn nhau cắt rốn của mình là Quy Nhơn, đã mơ hồ cảm nhận những bất trắc trong thời chiến, thế mà khi bắt được liên lạc với Đào Duy Anh ngoài Hà Nội, Võ Phiến không một chút ngần ngại mò ra một vùng đất hoàn toàn xa lạ, một nơi lành ít dữ nhiều.

Tại Hà Nội, Võ Phiến tiếp tục phụ giúp ông Đào Duy Anh hoàn tất quyển tự điển Hán Việt. Chính trong thời gian này tính chi li, chẻ sợi tóc làm... tám nẩy sinh. Công việc đòi hỏi mỗi một chữ là một lần tra cứu, chung quanh ông la liệt sách, báo cùng những tài liệu. Võ Phiến cũng nói về tính đa diện của ông. Ông cho biết khi còn là một cậu học sinh lớp Đệ Ngũ (cinquième anné) của bậc Trung Học, đã có lần ông định soạn một cuốn "Lược Khảo Văn Hóa Nhật Bản". Chỉ vì ông đọc và mê một bộ sách viết về Nhật Bản của nhà xuất bản Hachette. Kế đó khi bị rắc rối với Cộng Sản lần đầu, tuy ông không bị bắt giam nhưng Cộng Sản ngấm ngầm theo dõi ông. Người trách nhiệm rình mò, theo dõi ông nào phải ai xa lạ, chính

là một người em họ của ông. Tuy nhiên họ yên tâm vô cùng vì Võ Phiến cả ngày chúi đầu vào việc dịch một quyển sách thuốc cho ông chú. Ông làm việc này một cách say mê, bởi vì ông thật tâm yêu thích công việc ông đang làm, chứ không phải dùng công việc đó để che mắt các cán bộ Cộng Sản đang theo dõi ông.

Dạo mới đổi vào Sài Gòn, Võ Phiến cộng tác với tờ Bách Khoa và ngay lập tức ông trở thành một trong những cây bút chính của tạp chí này. Hầu như số nào ông cũng góp mặt, khi thì truyện ngắn, khi thì tùy bút. Nếu không phải hai thể loại trên thì dưới bút hiệu Tràng Thiên ông đã đóng góp những bài vở nhiều giá trị. Bên cạnh cái bóng lặng lẽ nhưng hữu hiệu của Lê Ngộ Châu, người cầm chịch cho tờ Bách Khoa từ số đầu cho tới số cuối, từ năm 1957, cho tới năm 1975. Võ Phiến là một kiện tướng của tờ báo trầm lặng này.

Võ Phiến là một con người ghét cực đoan. Ông nhìn mọi chuyện bằng cặp mắt hóm hỉnh, tinh quái nhưng không nghiêm khắc. Ông bầy tỏ ý thức chính trị của ông trong những bài viết công phu, lý luận sắc bén nhưng không bao giờ dùng ngòi bút để gào lên những khẩu hiệu chống Cộng. Những khẩu hiệu chữ dùng thì thật nặng, nhưng nghĩa chẳng được bao lăm.

Năm 1964, nhà báo Từ Chung bị Cộng Sản ám sát, Võ Phiến viết một bài nẩy lửa trên tờ Bách Khoa, kết tội chính sách bạo tàn của Cộng Sản, mà trong đó ông thẳng tay lên án Hồ Chí Minh vì thái độ hiếu chiến mà vô trách nhiệm khi đẩy hàng loạt thanh thiếu niên ngoài Bắc vào một trận chiến nồi da xáo thịt tương tàn. Khi tờ báo đến tay độc giả, linh mục Nguyễn Ngọc Lan đến thẳng tòa soạn Bách Khoa, đòi gặp mặt Võ Phiến nói cho ra lẽ, nhưng không gặp. Trước khi ra về Linh Mục Lan nhờ Lê Ngộ Châu chuyển tới Võ Phiến lời trách cứ của ông. Linh mục Lan cho rằng chỉ trích Hồ Chí Minh là thái độ không đúng, vì ở miền Nam mà chỉ trích Hồ Chí Minh thì ai cũng làm được, có gan thì chỉ trích ông Thiệu, ông Kỳ...

Khi nghe được chuyện này Võ Phiến cười lớn. Ông cho biết phải can đảm lắm mới dám chỉ trích Hồ Chí Minh, vì trong Nam báo chí giễu ông Thiệu, ông Kỳ hà rầm. Cùng lắm thì tờ báo bị khó dễ không mua được bông giấy, bản thân người viết thì bị trù giập, xui xẻo lắm thì giam giữ một thời gian ngắn. Nhưng không một ai bị giết lén lút như Từ Chung. Võ Phiến còn cho biết khi viết bài "Bắt trẻ đồng xanh", ông đã kín đáo làm di chúc sẵn. Phải hơn ai hết Võ Phiến đã đi tù Cộng Sản, do đó ông hiểu Cộng Sản hơn linh mục Nguyễn Ngọc Lan. Tuy nhiên ông luôn luôn công nhận linh mục Lan là một người can đảm. Nhất là trong hoàn cảnh hiện tại, ở trong

nước ông Lan (hiện đã bỏ áo tu, đã lập gia đình và không còn là linh mục) đã gửi ra ngoài những tập nhật ký như là những phát súng bắn vào chế độ Cộng Sản trong nước.

Hai mươi năm nay Võ Phiến sống ở đây nhưng hình như hồn ở nơi khác. Ông sống hai con người trong một thể xác. Ông lơ mơ nửa thức nửa ngủ. Giữa những tiếng ồn ào của xe cộ trong một thành phố đông xe nhất, nhì thế giới, ông không nghe thấy tiếng động cơ máy nổ mà chỉ nghe được tiếng của những con dế gáy trong đám cỏ, tiếng dế gáy rền rĩ vang trong đêm trường. Ông nghe được cả tiếng của những giọt mưa chạm vào tầu lá chuối trong khi ngoài sân ánh nắng chan hòa. Ông nghe được cả những tiếng rao hàng trong đêm khuya, tiếng cười đùa của những đứa trẻ tắm mưa chạy tồng ngồng trong các con hẻm bên hông nhà.

Do những ảo giác của mắt và của tai, ông đón nhận những sách báo thoát ra từ trong nước. Ông đọc với tất cả cái chi li ông hưởng được nơi người cha tinh thần của ông. Tuy không đọc hết được những tác phẩm tiêu biểu của dòng văn học trong nước, nhưng không vì thế mà ông không có những cái nhìn tổng quát về những thay đổi nơi những người cầm bút ở quê nhà. Ông đau lòng nhận thấy dòng văn học đó hình như đã ngưng chảy trong nhiều năm nay. Tuy nhiên gần đây ông bắt gặp được sự chuyển mình của nhiều cây bút trẻ. Ông hy vọng ở lứa người mới này sẽ mang lại cho dòng văn học của dân tộc một dòng máu mới nhiều sinh khí. Với những cây bút nhiều tuổi hơn ông, hay là cùng thời với ông, Võ Phiến nhận xét tuy không gay gắt như Mai Thảo, và cường độ chỉ trích không mạnh bằng, nhưng tựu trung Võ Phiến đánh giá nền văn học đó không cao. Võ Phiến cho là ngay từ khi chính thức gia nhập đảng Cộng Sản thì nhiều nhà văn, nhà thơ đã tự chối bỏ những sáng tác văn học thuần túy.

Ông chọn cái mốc là năm 1945. Năm đó nạn đói xảy ra ở ngoài Bắc hàng triệu người chết đói một cách vô lý ngay trong vựa lúa của lưu vực sông Hồng. Cũng năm đó đảng Cộng Sản đã đủ mạnh, các đảng viên Cộng Sản không còn e ngại xuất hiện trước công chúng. Những cây bút nào trong hệ tư tưởng này, từ nay không còn được độc lập trong sáng tác. Khi viết văn, làm thơ họ bị nhìn qua lăng kính chính trị, nên vô cùng thận trọng. Tính văn học thuần túy mất đi, các tác phẩm hiển nhiên vơi bớt phần nào giá trị đáng lẽ phải có.

Sau 45 và trước 54 Tố Hữu vẫn làm thơ hay, nhưng giọng thơ Tố Hữu quá nhiều chất truyền đơn. Phần lớn thơ của Tố Hữu trong thời gian này đặc sệt giọng tuyên truyền của các văn công. Còn sau 54 thì Tố Hữu không

còn gì để nói. Chỉ cần một bài thơ ca tụng Stalin đã tẩy sạch những bài thơ hay mà Tố Hữu cặm cụi trong nhiều năm dài. Tố Hữu không phải là trường hợp duy nhất. Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Công Hoan, Thế Lữ, Tú Mỡ, Hoài Thanh, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Bính, Nguyên Hồng, Xuân Diệu, Huy Cận, Hữu Loan, Yên Thao, Quang Dũng, Tế Hanh, Lưu Trọng Lư, Thâm Tâm, Thanh Tịnh, Trần Huyền Trân... cùng hàng trăm danh tính khác không có gì đáng kể sau năm 45.

Cũng có một trường hợp ngoại lệ là Chế Lan Viên. Thi tập Điêu Tàn chỉ là bước khởi đầu, những sáng tác từ 45 cho tới 54 của Chế Lan Viên quả là có hay hơn Điêu Tàn nhiều. Kỳ dư những danh tính còn lại có gì đáng kể sau những thành công của lúc khởi đầu? Một cách nói khác là những cây bút đã thành danh đó, kể từ khi nép mình dưới cái tàn của cái Cây Cộng Sản, thì tâm hồn u uất như là những thảm cỏ xanh đã vì thiếu ánh nắng mặt trời mà bị héo úa dần dần.

Hầu như tất cả những danh tính vừa nêu ở trên viết văn, làm thơ mà lòng nơm nớp lo còn hơn là thí sinh thời Nho học sợ phạm trường quy. Ngày xưa phạm trường quy thì bị cấm thi là cùng, nhưng ngày nay phạm vào chính sách là tù mọt gông. Đến một lúc nào đó những con người nhà văn đích thực trỗi dậy. Vụ án Nhân Văn Giai Phẩm nổ ra như là trận chiến của một số nhà văn, tựa lưng vào nhau chống trả với một quái vật không tim khổng lồ. Cho tới nay 40 năm đã qua đi, những tác hại của vụ án chưa hoàn toàn tan biến. Những Phan Khôi, Trần Dần, Hoàng Cầm, Phùng Quán, Hữu Loan, Văn Cao, Phùng Cung, Trần Lê Văn, Hoàng Tích Linh, Trần Duy, Sĩ Ngọc, Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo... cùng hàng chục danh tánh khác chỉ vì không thể mãi mãi cúi luồn, nên một lần ngừng mặt nói "không", để rồi nhiều người vĩnh viễn ngã xuống trong tăm tối.

Trong hai mươi năm chiến tranh Nam Bắc, dòng văn học ngoài đó muôn người như một, chỉ nói tới chiến thắng, hạ "Mỹ Ngụy" xuống tận đất đen, vùi xuống cống rãnh, vứt cho diều tha, quạ ria. Dưới ngoài bút của những nhà văn này, phía chúng ta hình như không có những con người. Chỉ toàn là hùm, beo, rắn, rết, lang, sói, cầy, cáo... cùng hàng triệu lời bỉ thử và xúc phạm chúng ta. Hai mươi năm liền chỉ toàn một giọng "Bác" và "Đảng" là những cái gì chí tôn, cao hơn cả trời xanh, rộng hơn biển cả, dài hơn sông, sâu như lòng... con người. Chà, cái này thì quá đúng, nhất là những con người đã sống qua thời "Xã Hội Chủ Nghĩa". Hai mươi năm liền chỉ suy nghĩ và lý luận một chiều. Đó là chiều từ trên xuống. Ác thay phía bên trên không phải là những con người của chữ nghĩa, mà là những con người lạnh

lùng của chính trị, với những chỉ thị làm khô héo mạch đời, làm chữ nghĩa vô hồn như những xác ướp ngàn năm. Đã qua rồi hai mươi năm chiến tranh, và rồi thêm hai mươi năm hòa bình cũng đã hết. Thử hỏi ngày nay dân tộc Việt Nam đã được những gì tốt đẹp mang đến bởi người Cộng Sản???

Xin nhường câu trả lời này cho những nhà văn hiện còn đang đứng hàng đầu trong hệ tư tưởng này. Bởi chính họ là những người chứng gần gụi nhất với những gì đã xảy ra trên quê hương ta trong suốt hậu bán thế kỉ 20 này.

Nhận định về dòng văn học thời chiến trong Nam, Võ Phiến cho biết ông cảm thấy văn học trong Nam phần nào đáp ứng được những đòi hỏi tối thiểu. Tất nhiên dòng văn học đó cũng có mặt yếu của nó, nhưng ít nhất ở miền Nam nhiều khuôn mặt mới xuất hiện. Ngay từ năm 54 khi đất nước bị chia làm hai phần thù hận, một số rất nhỏ văn nghệ sĩ ngoài Bắc di cư vô, và khoảng đất miền Nam hệt như là một thửa đất phì nhiêu bỏ hoang, nên đã sớm mọc lên những cây danh mộc. Võ Phiến chính là một trong những cái cây này. Trong một thời khoảng vài năm ngắn ngủi tại miền Nam, bên cạnh Võ Phiến một loạt những cái cây đâm chồi mạnh mẽ. Những Mai Thảo, Doãn Quốc Sĩ, Thanh Tâm Tuyền... từ Bắc vô, hợp cùng với những Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam... của miền Nam chẳng mấy chốc làm đầy cho khu vườn văn học của miền Nam.

Những tạp chí văn chương thuần túy như Sáng Tạo, Thế Kỉ 20, Mùa Lúa Mới như là nhà ươm cây cho khu vườn này. Chẳng mấy chốc mà những Tô Thùy Yên, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn, Thế Uyên, Túy Hồng, Nhã Ca... đồng loạt tiến lên.

Cho tới khi năm 75 ập xuống thì văn học miền Nam đã thiên hình vạn trạng. Sinh hoạt chữ nghĩa đã không thể thiếu trong đời sống hằng ngày, và do nhu cầu lớn mà dòng văn học đã cung cấp hàng trăm, hàng ngàn nhà văn, nhà thơ thuộc đủ mọi loại lứa tuổi, gồm nhiều thành phần, nhiều giai cấp xã hội. Miền Nam có hàng trăm loại sách, từ những loại sách cần thiết cho văn chương chữ nghĩa, cho tới những loại sách giáo khoa cần thiết cho trường ốc và kiến thức, kể cả những loại sách vô bổ, chuyên phục vụ cho thị hiếu tầm thường của con người. Trong danh mục của các nhà phát hành, các tác giả của miền Nam chen vai thích cánh như những cái cây chằng chịt trong rừng. Chỉ trong vòng hai mươi năm, khu vườn văn học thuở nào đã trở thành một khu rừng nhiệt đới, cây cao bóng cả chen lẫn cùng hoa dại dây leo, đến độ người đọc một khi đã lạc bước vào trong khu rừng sách báo này, nhiều khi không tìm thấy lối ra.

Theo Võ Phiến, giai đoạn văn học 54 - 75 ở miền Nam có một điểm vô cùng khác miền Bắc. Đó là khu vườn văn học miền Bắc hiếm thấy những cây mới. Những tính danh quen thuộc đã mòn, đã cỗi mãi mãi ngự trị trên một khoảnh đất càng ngày càng khô quắt lại, hễ nói tới thơ là lập tức người ta nghĩ đến những Tố Hữu, Huy Cận, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Quang Dũng... Hễ nhắc tới văn là người ta mang ra Nguyễn Tuân, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Trần Bạch Đằng, Nguyễn Công Hoan... Khi nói tới nhạc thì còn ai vào đây ngoài Văn Cao, Đỗ Nhuận, Phan Huỳnh Điểu... Vẽ thì những tranh về phố xá của Bùi Xuân Phái ngự trị hàng đầu suốt ba, bốn chục năm.

Sau 75 thì quả tình có một lớp người trẻ sinh động hơn, nhưng hãy còn quá mới mẻ chưa thể xác định được vị trí mỗi nhà văn, nhà thơ của giai đoạn này khi phần lớn họ thì còn trẻ mà con đường thì còn xa. Những Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Lưu Quang Vũ, Phạm Thị Hoài... mới chỉ là những con tầu vừa tách bến. Thế mà đã có người nằm xuống (Lưu Quang Vũ), đã có người bỏ đi (Phạm Thị Hoài), đã có người lao lý? (Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương).

Trong Nam thì khác. Nói về thơ khi Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng... khựng lại thì ngay lập tức những Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Phạm Thiên Thư tiến lên. Vài năm sau thì không đếm nổi những thi sĩ của miền Nam. Về văn, sau đợt Nhất Linh một bước là Võ Phiến, Doãn Quốc Sĩ, Mai Thảo...Kế theo đó một bước nữa là những Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn... Về nhạc, sau Phạm Duy, Lê Thương, Phạm Đình Chương... cũng hằng hà sa số các nhạc sĩ mà trong đó một tên tuổi lớn không nhường các đàn anh là Trịnh Công Sơn. Riêng trong bộ môn hội họa thì cả một Hội Họa Sĩ Trẻ đã cung cấp cho miền Nam Không biết bao nhiêu cây cọ, tới bây giờ vẫn còn tiếp tục dương danh với đời.

Nói tóm lại khu vườn văn học miền Nam là một khoảng đất phì nhiêu, trong hai mươi năm đó biết bao nhiêu là kỳ hoa, dị thảo đã đâm chồi nảy lộc. Những người làm văn nghệ ở miền Nam như từng lứa một, tuần tự lớn lên, kính trọng nhưng không nhường bước các đàn anh. Cho tới thời điểm 75 ập xuống, cho dù có thêm sáng tác cách mấy, những cây bút của miền Nam cũng đủ khôn ngoan ngừng lại, nín thở qua sông trong các nhà tù lớn bao trùm cả xã hội, nếu không muốn bị câu thúc trong các nhà tù nhỏ nằm rải rác đó đây trong nước.

4-

Thập niên 60 không khí chính trị của miền Nam đột nhiên ung thối. Không hẹn mà gặp hai chính quyền của hai miền đều thu về một mối. Phía Bắc là một Đảng, và phía Nam là một gia đình, miền Nam cũng có đảng Cần Lao, tuy kích thước không được như đảng Cộng Sản ngoài Bắc, kín đáo hơn và có vẻ ít bạo tàn hơn, nhưng bù lại cũng không kém phần tác hại. Tuy nhiên dân chúng miền Nam đã có cái đà sinh hoạt dân chủ, dẫu chưa thật sự dân chủ hoàn toàn nhưng không vì thế mà chống đối không nổ ra khắp miền Nam. Nương vào lỗ hổng lớn của chính quyền miền Nam, miền Bắc bắt đầu một thế trận mới. Từ miền Bắc, đảng Cộng Sản Việt Nam thò tay xuống, thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, với cái nhân là những tay tổ xâm nhập từ miền Bắc. Gia đình Võ Phiến bị ảnh hưởng nặng nề trong thế trận mới này.

Đúng vậy, sau khi Võ Phiến được đổi về Sài Gòn, đã ổn định được nơi ăn chốn ở, ông đón cha mẹ từ Rạch Giá trở về sum họp. Đó là thời gian duy nhất cha con, anh em gần gụi một nhà, ngoại trừ người em kế ông tên là Đoàn Thế Hối, bấy giờ đã xấp xỉ 30 tuổi. Đoàn Thế Hối được sinh ra trong lần ông cụ thân sinh ra Võ Phiến từ trong Nam trở về thăm nhà sau nhiều năm xa cách. Thời gian cha con chung đụng chẳng lâu. Cha ông đã lập nghiệp lâu đời tại Vĩnh Hòa, một miền quê yên tĩnh, nên sau ba năm sống chen chúc tại Sài Gòn ông cụ trở về chốn cũ, chỉ để lại mấy người em nhỏ của Võ Phiến cho theo anh, ăn học tại Sài Gòn. Võ Phiến cách Đoàn Thế Hối tám tuổi, cả hai cùng chung một dòng máu yêu chuộng chữ nghĩa, chảy qua nhiều thế hệ cha ông. Tuy nhiên từ khi Đoàn Thế Hối có mặt với đời, đã được bà mẹ mang vào Nam, trong khi Võ Phiến ở lại quê nhà cùng ông chú.

Thành thử tuy là anh em mà xa mặt cách lòng. Võ Phiến có những cơ duyên riêng tập đại thành con người nhà văn của ông, cũng như chính kiến của ông. Võ Phiến đã từng sinh hoạt với Việt Minh trước, Quốc Dân Đảng sau. Kế đó đã từng bị Cộng Sản bỏ tù hai năm, và do đó chính kiến của ông là chống lại mọi hành vi áp chế con người.

Với Đoàn Thế Hối hoàn cảnh lớn khôn có khác. Thập niên 60 Đoàn Thế Hối đã thực sự trưởng thành. Trong suốt ba chục năm góp mặt với đời, Đoàn Thế Hối sinh sống nơi tỉnh nhỏ, dễ cảm thông với nông dân nghèo khổ, lại nữa tuy là người Bình Định, nhưng vừa sinh ra là đã vào ở trong Nam, nên mang bản sắc trực tính, hiếu động của miền Nam. Những ung thối chính trị của miền Nam, đẩy Đoàn Thế Hối càng lúc càng xa Võ

Phiến. Hai anh em giống nhau một điều là cùng sinh ra để trở thành nhà văn. Đoàn Thế Hối đã chọn cho mình bút hiệu là Lê Vĩnh Hòa, để ghi nhớ nơi ông lớn lên: làng Vĩnh Hòa, tỉnh Rạch Giá. Và vị trí mà nhà văn Lê Vĩnh Hòa chọn cho mình là đứng trong hàng ngũ của Lưu Hữu Phước, Tố Hữu, Huy Cận, Xuân Diệu, Chế Lan Viên... Giờ đây hai anh em mới thực sự là cách mặt xa lòng.

Khi nói về tình anh em hình như khuôn mặt Võ Phiến tối lại, đôi mắt ông dõi về phía trời xa, bởi vì Lê Vĩnh Hòa đã chết khi tuổi đời còn trẻ. Võ Phiến nhớ lại lần cuối cùng hai anh em gặp nhau, trong một dịp đám cưới của người em út trong nhà. Người em này ăn học trong nhà Võ Phiến từ ngày còn thơ ấu, bấy giờ đã đậu dược sĩ. Lê Vĩnh Hòa khi này đã có gia đình, vợ con luôn luôn cư ngụ tại Rạch Giá, chỉ riêng Lê Vĩnh Hòa là hoạt động trong bưng. Thiệp cưới phát về địa chỉ của vợ con Lê Vĩnh Hòa cả tháng trước. Buổi chiều trước ngày cưới hai hôm, người em xa mặt cách lòng trở về tham dự chuyện vui trong nhà. Hai anh em mừng mừng tủi tủi. Không một ai dám cười đùa lớn tiếng, nhà có tiệc vui mà chưa chi đã ẩn sẵn một mối lo. Thành thử hai anh em không bao giờ đề cập tới chính kiến. Có đề cập thì cũng chẳng ai thay đổi được ai, thành thử cả hai yên lặng tận hưởng niềm vui hội ngộ, vì cả hai linh cảm một điều: Trong chiến tranh tính mạng con người lung linh như những giọt sương mai, chỉ một cơn gió nhẹ thoảng qua là có thể trở về với lòng đất.

Vài tháng sau ngày vui của gia đình, Lê Vĩnh Hòa bị bom chết trong khi đang trên đường công tác. Khi chết nhà văn mới được 34 tuổi. Lê Vĩnh Hòa để lại cho đời hai tác phẩm. Đó là hai tập truyện mỏng có tên là: "Người Tị Nạn" và "Mái Nhà Thơ". Công tâm mà nói, những tác phẩm này chưa đủ kích thước của một nhà văn đích thực.

Giữa hai anh em, về văn nghiệp Lê Vĩnh Hòa không theo kịp ông anh Võ Phiến. Nhưng bù lại sau khi ra tù Võ Phiến sống một đời thung dung, thong thả càng ngày càng đi lên. Trong khi đó Lê Vĩnh Hòa có một đời sống sôi sục hơn, khốc liệt hơn. Lê Vĩnh Hòa còn giống Võ Phiến thêm một điều là viết rất sớm và cũng đi vào văn nghiệp bằng nghề báo. Thoạt kỳ thủy Lê Vĩnh Hòa viết cho báo Nhân Loại-Vui Sống, một tờ báo quy tụ phần đông các cây bút miền Nam mà trong đó phải kể đến Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc. Kế đó ông có bài trong hai tờ báo ngoài bưng, đó là tờ "Nhân Dân Miền Nam" và tờ "Tiến Thủ". Ông tham gia hoạt động chính trị khá sớm, và bị bắt giam ngay từ năm 1958. Lại thêm một điểm giống Võ Phiến, có điều cả hai anh em bị giam giữ bởi những nhà giam của hai

phía đối nghịch. Ông bị giam năm năm rải rác trong các nhà giam Chí Hòa, Thủ Đức, Phú Lợi.

Năm 1963 ông được phóng thích và ngay lập tức vào bưng. Trong suốt bốn năm từ 1963 tới 1967, Lê Vĩnh Hòa góp mặt với đời khoảng chừng ba chục truyện ngắn và ký, cùng khá nhiều bản thảo. Năm 1967, Lê Vĩnh Hòa ngã xuống, không dậy được trong một làng hẻo lánh tại Long Mỹ, Rạch Giá. Có một nghi vấn được nêu ra là có thể trước khi vào tù Đoàn Thế Hối chỉ chống lại chế độ cai trị của nhà Ngô, nhưng sau khi bị giam giữ năm năm, chung đụng với những cán bộ Cộng Sản đã khiến cho ông khi ra tù trở thành Lê Vĩnh Hòa, và không đếm xia gì đến sự hiện diện của nhà văn Võ Phiến trên cõi đời này.

Võ Phiến phát biểu về mùa nạn của văn học trong Nam sau 75. Ông cho rằng thoạt kỳ thủy miền Bắc muốn tẩy sạch những dấu ấn văn học trong Nam. Bằng những đợt tấn công ào ạt vào bản thân những văn nghệ sĩ của miền Nam, thôi thì tù đầy cũng có, đi kinh tế mới cũng có. Bằng những cái lệnh tịch thu toàn bộ sách báo cũ, với những cây bút được chỉ thị làm công việc biên soạn những cuốn sách có vẻ như là nghiên cứu, đánh giá văn học của miền Nam. Những nhà biên khảo theo lệnh này gọi những nhà văn miền Nam như là những tên biệt kích văn nghệ. Khi những nhà văn bị coi là biệt kích văn nghệ thì không còn gì để nói. Nhìn như thế thì sách báo của miền Nam làm sao mà dám chứa chấp trong nhà. Trần Trọng Đăng Đàn hoàn tất một quyển sách dầy cộm, mà trong đó tác giả liệt kê danh sách những tác giả và tác phẩm bị cấm. Danh sách này không chừa một nhà văn nào, một cuốn sách nào. Như thế thì cần gì phải viết sách làm chi cho mệt. Chỉ cần một cáo thị, một thông tư phổ biến rộng rãi đến mọi người, mọi nhà. Trong cáo thị này tuyệt đối cấm lưu trữ sách báo của miền Nam là đủ.

Suốt ba năm liền, những người yêu sách lén lút giữ sách trong nhà như ngồi trên đống lửa. Thế rồi những hàng sách cũ bắt đầu xuất hiện trên lề đường Nguyễn Huệ cũ. Tất cả những cuốn sách đã có một thời bị tịch thu, bị cấm nằm tênh hênh trên mặt đường. Những người khách năng lực lọi nhất chính là những anh bộ đội, những anh cán bộ ngoài Bắc vô. Những con người đó, trong chiến tranh không hẳn chỉ đói ăn không mà thôi. Họ còn đói sách đã hai mươi năm, nên không dễ gì bỏ qua những quyển sách họ chưa hề nghe thấy trong đời. Những quyển sách cấm đích thực lúc nào cũng có, người bán giấu đi nhưng nếu khách hỏi mua sẽ có ngay lập tức.

Những độc giả ngoài Bắc đã quen với những quyển sách mà văn chương bị đường lối chính trị ép cho nghẹt thở. Đột nhiên những quyển sách của

miền Nam mở cho họ những chân trời mới. Họ như mê đi trước những tư tưởng kỳ dị trong thơ Bùi Giáng, Nguyễn Đức Sơn. Họ như hoa mắt trước những Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Phạm Thiên Thư. Cũng là thơ chiến tranh nhưng họ cảm thấy họ gần với Nguyễn Bắc Sơn. Còn về văn thôi thì thiên hình vạn trạng. Sách hay nhiều mà sách không hay cũng lắm. Lạ một điều ngay cả những sách không hay này trong Nam cũng xuất bản một cách rộng lượng.

Võ Phiến cho là đối với văn học miền Nam, những người chiến thắng xóa không được... khoan dung làm phước. Ngay cả việc khoan dung cũng có từng nấc một. Mới vô là cấm ráo, sách kinh Phật Giáo và Công Giáo còn bị tịch thu thì còn sách nào cho giữ. Hai ba năm sau, lệnh cấm không thu về nhưng sách bị tịch thu ngày trước đã được mang ra bán, mới đầu là bán lén sau rồi bán công khai. Chỉ một thời gian ngắn sau khi chợ sách cũ tái lập người ta có thể mua công khai cả những sách dâm thư đại kỵ dưới thời "Mỹ Ngụy". Người Cộng Sản khi đã hủ hóa thì tởm vô cùng.

Họ hiểu rằng không thể nào thiêu hủy được hàng triệu cuốn sách miền Nam đã ấn hành suốt hai mươi năm ròng rã, hơn thế nữa những người cầm bút của miền Nam cũng cao bay xa chạy ra ngoại quốc khá nhiều. Cho dù có làm biến mất hết sách vở của miền Nam trong nước, thì những người đã thoát khỏi mẻ lưới sẽ không khoanh tay thúc thủ ở hải ngoại. Năm năm sau khu chợ sách cũ xuất hiện cả những quyển sách mà trước 75 ở miền Nam không ai thèm nhặt.

Võ Phiến phát biểu về việc giao lưu văn hóa. Ông cho là cả hai phía hiện nay không phía nào nói thật mục tiêu của mình. Có thể nói là cả hai bên đều treo đầu dê bán thịt chó. Đối với những người cầm bút ngoài nước, ai mà chả mong sách của mình được đón nhận ở trong nước. Ở hải ngoại chỉ có hai triệu người rải rác khắp thế giới, sách in ra mỗi lần một ngàn cuốn, bán cả năm. Nếu như có thể phát hành sách ở trong nước, với dân số bảy chục triệu người, sách in ra tối thiểu cũng là chục ngàn cuốn. Ấy là chưa kể đến ảnh hưởng tinh thần do nội dung cuốn sách mang đến cho người đọc. Đối với những người viết trong nước, có tác phẩm lưu hành ở hải ngoại phải chăng là dấu hiệu của những cây bút hàng đầu. Có bài viết đăng trong các tạp chí ở hải ngoại là một niềm tự hào cho tác giả. Võ Phiến cho rằng cốt lõi của vấn đề hợp lưu là hải ngoại được đọc sách ở trong nước và ngược lại. Mấy năm gần đây, mỗi năm có vài trăm ngàn người về. Sách báo cũng ra vào theo với những chuyến đi ra vào này. Chỉ sợ con người ta, trong cũng như ngoài nước không còn cái hứng thú đọc sách, mà chúi đầu vào

TV, ham đi nhảy đầm, thích hát Karaoke... Dường như con người ta càng ngày càng ít thì giờ đọc sách. Võ Phiến cho đó mới là vấn đề các nhà văn cần suy nghĩ, chú trọng tới.

5-

Suốt hơn năm mươi năm hết lòng với chữ nghĩa, Võ Phiến hoàn tất 35 quyển sách. Trong số đó có: Truyện dài, truyện ngắn, truyện dịch, tùy bút, tạp bút, tạp luận, biên khảo. Ấy là chưa kể thơ. Nếu tính theo niên biểu thì quyển đầu tiên "Chữ Tình" in năm 1956 tại Quy Nhơn, quyển cuối cùng "Ký, Bút, Kịch miền Nam I" in năm 1993 tại Hoa Kỳ. Nếu nói về nơi xuất bản thì 2 quyển đầu in tại Quy Nhơn, 22 quyển in tại Sài Gòn, 10 quyển in tại Hoa Kỳ, 1 quyển đăng báo Tiền Tuyến năm 1973 chưa kịp xuất bản thì năm 75 đã ập đến. Chi li hơn một chút thì Võ Phiến viết có 29 quyển... rưỡi, vì trong số các sách có đề tên Võ Phiến này phải trừ đi 5 quyển, dịch từ truyện ngoại quốc và sau cùng quyển "Ly Hương" viết chung với Lê Tất Điều vào năm 1977, nghĩa là thời gian cả hai chân ướt, chân ráo mới định cư tại Mỹ chưa đầy hai năm.

Với một đời người 35 quyển sách quả là nhiều, nhưng chưa hết vì quyển sau cùng trong tên sách có số I, hẳn là quyển II, và có thể là quyển III còn đang viết dở chưa in. Những người yêu đọc sách, những người chuộng văn chương, những nhà biên khảo chuyên về phê bình văn học hầu như đã đồng ý với nhau một điểm: Võ Phiến là một trong hai người viết tùy bút cực hay của văn học Việt Nam, người còn lại tên là Nguyễn Tuân. Tuy nhiên bút pháp của hai người hoàn toàn không giống nhau.

Nguyễn Tuân hơn Võ Phiến 15 tuổi và sớm có một vị trí cao ngay từ khi mới xuất hiện. Khi Võ Phiến vào nghề văn thì địa vị của Nguyễn Tuân đã cao vòi vọi với tác phẩm Vang Bóng Một Thời. Trong tùy bút của họ Nguyễn nét tài hoa rõ mồn một khiến người đọc ông như đang xem một bức họa toàn cảnh của câu chuyện nhà văn đang đề cập tới. Trong cái tài hoa này, vẻ khinh bạc của Nguyễn Tuân cũng lộ hẳn ra không giấu giếm. Đối với họ Võ thì khác, tùy bút và tạp bút của Võ Phiến nhẹ nhàng thanh thoát hơn, người đọc có cảm giác như trông thấy nhà văn nheo mắt một cách nghịch ngợm trước trang giấy. Võ Phiến vẽ những nét chi li, thậm chí có khi nhỏ như sợi lông trên cánh tay của nhân vật trong câu chuyện. Cái nhìn của Nguyễn Tuân cực đoan, khe khắt hơn, thí dụ như trong Chùa Đàn chẳng hạn, trong khi Võ Phiến bao dung, tinh quái hơn. Nếu như Nguyễn

Tuân nhấn sâu vào sự kiện, thì Võ Phiến lại trải rộng tầm nhìn. Võ Phiến cho biết nhà văn trước ông mà ông thích nhất chính là Nguyễn Tuân. Thích là một chuyện, viết là một chuyện khác. Nếu thích Nguyễn Tuân mà viết văn bị ảnh hưởng quá sâu đậm của Nguyễn Tuân thì chẳng thà đừng thích có lẽ tốt hơn.

Ngoài tùy bút, Võ Phiến còn sở trường về truyện ngắn. Ông có một kỹ thuật rất cao trong thể loại này. Những nhân vật trong truyện ngắn của Võ Phiến là những con người ta bắt gặp nhan nhản hằng ngày, ngay trước mắt ta mà ta không thấy. Kịp cho tới khi đọc xong hình ảnh con người trong truyện của Võ Phiến còn lẩn quẩn trong trí người đọc cả tháng trời. Truyện ngắn của ông không khô khan, nhờ ông dặm thêm những đoạn tả cảnh cần thiết để cho cái tình, cái tính của nhân vật có chỗ tựa vào.

Trên lãnh vực biên khảo của Võ Phiến, bộ "Tổng Quan Văn Học Miền Nam" là một bộ sách mà trong đó người đọc bắt được những cảm nghĩ của Võ Phiến trong khi ông đọc và viết về những nhà văn, nhà thơ, kịch tác gia và những nhà báo của miền Nam trong giai đoạn 54 -75. Hầu như ông không bỏ sót một tác phẩm, một cây bút giá trị nào. Từ thơ, văn, truyện dài, truyện ngắn, ký, bút, kịch... và ngay cả báo chí, ông cũng giúp cho những người đi sau ông một cái nhìn theo chủ quan của ông. Có thể nói chưa một nhà phê bình nào phân tích các tác giả chi li như ông. Thỉnh thoảng ông có cái nhìn khá nghiêm khắc trong những nhận định của ông.

Giá trị của bộ sách thì hiện nay còn mới mẻ, nhưng tôi tin rằng sau này, khi nói tới giai đoạn văn học thời đất nước chia đôi người ta không thể không bước vào bộ sách này. Chúng ta có nhiều nhà viết phê bình văn học, nhưng hình như chúng ta chỉ được đọc những bài viết điểm sách rời rạc. Ngoài bộ "Tổng Quan Văn Học Miền Nam" của Võ Phiến, hầu như không có một công trình quan trọng nào trong bộ môn này. Cũng may mà người Cộng Sản sau khi muốn tẩy sạch dòng văn chương miền Nam không được. Họ ở cái thế bắt buộc phải nhìn "khoan dung" với văn học miền Nam. Nếu không thì bộ sách của Võ Phiến còn cần thiết biết chừng nào.

Trong cái nhìn rất chủ quan của người viết bài này, truyện dài của ông không đạt được những thành quả như trong tùy bút, truyện ngắn cũng như biên khảo. Cái chi li của biên khảo, cái tinh quái của truyện ngắn, cái dí dỏm trong tùy bút, cái hiểu biết thật rộng về ngôn ngữ, tất cả hình như không có chỗ dụng võ trong truyện dài của ông. Nhiều tùy bút và truyện ngắn của ông đọng lại trong đầu tôi một thời gian thật lâu, song truyện dài Nguyên Vẹn đến bây giờ tôi không còn nhớ nổi cả cốt truyện. Tôi chỉ

nhớ quyển truyện viết về những thay đổi, chộn rộn của năm 75, trước và sau tháng Tư một thời lượng ngắn. Câu chuyện xảy ra cả ở trong nước và ngoại quốc. Tôi nhớ quyển truyện khá dầy, nhưng hình như ấn tượng của nó không được cao. Nhất là ông đang viết về thời khoảng đặc biệt của dân tộc, một cái tang chung cho muôn triệu con người.

Trong đời văn của Võ Phiến có một mâu thuẫn khá đặc biệt. Ông là một công chức trong Bộ Thộng Tin, một cơ quan đầu não của miền Nam trong công tác tuyên truyền chống lại những hoạt động chính trị của Cộng Sản. Có thể sự có mặt của nhà văn Lê Vĩnh Hòa ảnh hưởng đến con đường hoạn lộ của nhà văn Võ Phiến. Có một thời gian ông là Phụ Tá Giám Đốc Sở Huấn Luyện, thế rồi không chịu nổi cái khe khắt của chính sách kiểm duyệt, khống chế các nhà văn một cách nặng nề, ông ký tên vào một bản văn chống lại chính sách kiểm duyệt báo chí và sách vở của miền Nam. Do việc này ông bị điều về một nhiệm sở hữu danh vô thực.

Trong thời gian này sự tham chiến của hàng triệu quân Đồng Minh ở Việt Nam, làm bộ mặt xã hội miền Nam thay đổi khá nhiều. Võ Phiến tuy là công chức cao, nhưng ông có một gia đình khá lớn, ấy là chưa kể đến trách nhiệm của một người anh lớn trong nhà. Ông phải dậy học thêm, ông còn cộng tác với đài phát thanh Mẹ Việt Nam, một cơ quan tuyên truyền, được trả lương do người Mỹ.

Chưa hết, trong những ngày cuối của Việt Nam Cộng Hòa, ông và một số đồng sự đã được người Mỹ ưu tiên đưa ra Phú Quốc trước khi miền Nam đổ xuống một thời gian ngắn. Trong đất liền cả nước đang cúi gập người xuống vì những phần đất bị ngập trong máu lửa, bị trôi ra biển. Không hiểu ông và những đồng sự của ông đang tạm trú an toàn ở ngoài đảo Phú Quốc, chờ người Mỹ bốc đi di tản đã nghĩ gì khi nhìn thấy cảnh đồng bào tị nạn của miền Trung, được giữ ngay bên cạnh, trong những trại giam tù binh Cộng Sản xưa kia. Chỉ cách nhau một hàng rào, mà cách biệt đủ điều. Một bên nhà tan cửa nát không cả một chỗ về khi chiến tranh ngã ngũ. Một bên an toàn, cho dù nước có mất cũng sẽ có chỗ trú ngụ dung thân.

Có bao giờ ông nghĩ tới những éo le trong đời ông, khi mà những nhà văn ở phía Lê Vĩnh Hòa, không cần biết ất giáp gì cứ đổ diệt cho ông là tay sai của Mỹ? Ông có đau trước những lời kết tội hàm hồ đó không? Tôi nghĩ hiển nhiên là có. Phản ứng chống lại việc này của nhà văn, còn gì hơn là sử dụng ngòi bút mình nhiều hơn, sắc hơn, viết những tác phẩm có kích thước hơn. Ông đã vẽ lại cái xã hội mà ông đã sống một cách trung thực ngõ hầu những thế hệ sau ông, khi nhìn lại một giai đoạn lịch sử thời đại

ông, biết được xã hội đó mạnh chỗ nào, và yếu chỗ nào. Những dữ kiện đó như là một cái họa đồ, nương vào đó những thế hệ sau ông kiện toàn được những chỗ yếu mà người trước để lại.

6-

Tôi gặp Võ Phiến lần đầu vào đầu năm 1978, tại nhà Lê Tất Điều. Vài tháng sau tờ Bút Lửa ra đời. Đó là một tờ báo trào phúng đầu tiên ở hải ngoại, một tờ bán nguyệt san, nhưng là báo trào phúng và Lê Tất Điều muốn giỡn một tờ báo khác nên đã để một câu thiệu: "Nhật báo đầu tiên tại hải ngoại, tạm xuất bản một tháng hai lần". Thời đó việc thương mại của dân Việt chưa khởi sắc như bây giờ. Các chợ bán đủ các loại mắm muối, cá khô. Chen kẽ vào đó là sách báo và băng nhạc. Thời đó hoạt động văn nghệ báo chí chưa rầm rộ như hiện nay, chưa có những khu thương mại sầm uất, chỉ là những cái chợ thực phẩm rải rác khắp miền Nam Cali. Các báo đều là báo bán, đòi hỏi một sự cố gắng vô bờ của người chủ báo.

Một tháng hai lần chúng tôi tụ tập tại nhà Lê Tất Điều. Võ Phiến từ Santa Monica xuống. Võ Phiến khi đó mới dời từ Minnesota về nam Cali. Bồ Đại Kỳ, Cao Bồi Già và tôi trú ngụ tại Santa Ana. Mỗi lần tụ tập là phải xong một số báo, thông thường công việc chiếm hết nguyên một weekend. Người đánh máy, kẻ bỏ dấu, người lay-out, kẻ thì viết bài. Thôi thì rối rít tít mù cho xong, để chiều Chủ Nhật còn về nghỉ lấy sức Thứ Hai đi cầy tiếp. Nhưng rồi báo cứ chết, mặc dù Lê Tất Điều bỏ hết tim óc vào công việc. Tim óc của anh em vẫn còn, nhưng tài chánh thì đã cạn. Cái khó nó bó cái khôn, thôi thì ai về nhà nấy, yên tâm lao động nơi xứ người và tự nhủ ai nấy đều đã hết lòng.

Bẵng đi nhiều năm tôi không gặp lại Võ Phiến. Năm 1985 trong một buổi tụ tập ở nhà tôi, ngày đó có Nguyễn Bá Trạc từ San Jose xuống, dưới này có Nguyễn Mộng Giác, Phạm Quốc Bảo, Bùi Vĩnh Phúc, Cao Xuân Huy. Ngôi nhà tôi khi đó khác gì một trại tị nạn. Bốn phòng ngủ chứa tới 16 người mà trong đó có bố con Nguyễn Mộng Giác và vợ chồng Cao Xuân Huy. Câu chuyện lan man một hồi thì lại báo.

Để ghi nhớ 10 năm lưu vong nơi xứ người anh em đề nghị làm tờ Văn Học. Ban đầu cả bọn định thu hẹp ban biên tập, nhưng rồi chuyện nọ xọ chuyện kia, dây cà ra dây muống rốt cục có thêm Võ Phiến, Lê Tất Điều, Nhật Tiến, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Tất Nhiên... Càng đông càng vui. Vì có Võ Phiến nên ban đầu anh em định lấy tên là Văn Học, sau đổi thành

Văn Học Nghệ Thuật tục bản. Tờ báo hình thành với tôi làm chủ nhiệm trên giấy tờ, Võ Phiến là chủ nhiệm thực sự, Lê Tất Điều chủ bút, Nguyễn Mộng Giác tổng thư ký, phát hành do ông Võ Thắng Tiết, khi đó còn là thầy Từ Mẫn. Người coi sóc tờ báo là Nguyễn Mộng Giác, tuyển chọn bài vở ngoài Nguyễn Mộng Giác ra có thêm Nhật Tiến và tôi. Tháng tháng họp nhau ăn nhậu một lần tại nhà anh Nhật Tiến để bàn định chủ đề cho số tới.

Báo ít người thì khó làm, mà đông người thì lại hay xảy ra tình trạng trống đánh một phách, kèn thổi một phách khác. Rút cục tôi vẫn đứng tên tờ báo nhưng tham gia như là một thân hữu, tháng tháng vẫn ăn nhậu một lần tại nhà anh Nhật Tiến, song Nhật Tiến cũng là một thân hữu như tôi. Tuy không thật sự làm việc chung với nhau, song giữa anh em tình thân ái không bao giờ sứt mẻ. Tuy nhiên có một việc tuy không liên hệ tới tôi, nhưng khiến tôi ấm ức nhiều năm nay.

Đầu năm 1986, Nguyễn Mộng Giác hoàn tất tập hai trường thiên "Mùa Biển Động". Trong tập truyện này anh dựa vào một nhân vật có thật ngoài đời là Đại Úy Tôn Thất Trực, khá nổi danh với sợi dây thẻ bài đeo cổ của anh có xâu vài cái tai người. Ở hải ngoại hiện nay có rất nhiều người là bạn của Tôn Thật Trực, biết rất rõ về sợi dây thẻ bài cũng như con người của Tôn Thất Trực. Đó là sự thật của đời sống, và nhà văn Nguyễn Mộng Giác nương vào hình ảnh này, đưa vào một nhân vật của anh trong tiểu thuyết Mùa Biển Động, bởi vì anh Giác vốn là nhà giáo, không phải nhà binh nên anh nghĩ cho nhân vật của anh tựa hẳn vào một nhân vật có thật, để nhân vật có thêm cá tính cần thiết và cho quyển truyện thêm sống động. Chuyện thì thật nhỏ, là bởi vì trong chiến tranh, trong bất cứ một quân đội nào cũng có những con người còn dã man hơn nhân vật mà Nguyễn Mộng Giác đã dựng ra nhiều, cũng như có nhiều sự thực còn đáng kinh tởm hơn nhiều.

Thế nhưng có nhiều người nhiễu sự cho đó là bôi nhọ QLVNCH. Việc cắt tai quân địch đã chết sỏ thành một xâu chỉ nói lên tính bệnh hoạn của nhân vật đó, chứ không phải là có ý bôi nhọ cả một quân lực. Và bôi nhọ thế nào được cả một quân lực. Cộng Sản đã viết hàng ngàn quyển sách, hàng triệu trang giấy nhưng Quân Lực Việt Nam vẫn là Quân Lực Việt Nam, không hề vì vậy mà xấu xí đi. Nếu như anh Giác dựng lên một nhân vật tồi thì có nghĩa là anh viết chưa tới, anh sẽ thất bại trong nghề văn. Không thể dùng đám đông áp lực, rồi đổ diệt cho anh là Cộng Sản. Nguyễn Mộng Giác bị công kích trên mặt báo suốt sáu tháng trời liền. Anh viết một bài không phải để bút chiến. Bút chiến thế nào được khi đa số những người đang chửi anh có một cái nhìn rất hạn hẹp về văn học. Anh chỉ muốn nói lên quan điểm

của anh khi viết bộ trường thiên này, vì bộ truyện chưa chấm dứt nên khó có thể đánh giá nó một cách đúng mức.

Võ Phiến cho rằng trong hoàn cảnh hiện tại những nhà văn đích thực cô đơn như những người lữ hành trong sa mạc. Hãy kiên nhẫn và lặng lẽ tiếp tục cuộc hành trình, coi mọi lời chỉ trích như gió thoảng bên tai. Hãy ngước mặt lên và thản nhiên đi tới cái đích đã chọn.

Tuy nhiên mọi việc rồi cũng qua đi như một áng mây, tờ Văn Học vẫn tháng tháng có mặt một cách đều đặn. Sau 12 số Văn Học Võ Phiến sức khỏe sa sút, còn Lê Tất Điều thì mãi tận San Diego, mỗi lần họp hành quá xa xôi diệu vợi nên tờ báo chỉ còn Nguyễn Mộng Giác và một số anh em. Kỳ thay đổi này tờ báo trở về với cái tên nguyên thủy anh em định chọn ban đầu là Văn Học. Vẫn một tháng một cữ ăn nhậu tại nhà Nhật Tiến. Nói chung, anh em vẫn coi Văn Học như một cố gắng chung của mọi người.

Qua những lần gặp gỡ, làm việc chung với Võ Phiến tôi thấy ông là một người hòa hoãn được với mọi người. Ông không phê phán bất kỳ ai, dù người đó có xấu tới đâu chăng nữa. Ông thường chú trọng tới công việc hơn là người đang làm công việc đó. Ông dung được mọi người, niềm nở với mọi người. Ông vẫn giữ được tính cần cù nhẫn nại xưa kia, vẫn viết đều. Có điều hiện nay ông ít sáng tác mà chú trọng nhiều hơn trên lãnh vực biên khảo.

Mới đây ông cho ra đời một quyển sách mỏng và khổ nhỏ như loại sách bỏ túi của Pháp thời xưa. Ông đặt tên cho quyển sách là "Truyện thật ngắn". Cứ như cái tên của nó thì đây là những truyện thật ngắn. Có khi chỉ hai, ba trang, không câu nệ về bút pháp mà chuyên chú vào những chi tiết cấu tạo nên câu chuyện. Hồi nào tới giờ chúng ta hằng có truyện dài, truyện ngắn chứ không có truyện vừa và truyện thật ngắn.

Lạ một điều là sau đó không lâu ở trong nước, người ta cũng nghĩ như Võ Phiến. Một tờ báo đẩy mạnh suy nghĩ này và tổ chức một cuộc thi truyện cực ngắn, dưới 1000 chữ. Có tới hơn 6000 người gửi bài dự thi, chọn lấy 40 người in thành một tuyển tập. Người trúng giải nhất là một cô gái tên Phan Thị Vàng Anh. Cô ta chính là con gái út của Chế Lan Viên, tên thật của nhà thơ là Phan Ngọc Hoan, ông thầy cũ của nhà văn Võ Phiến, người đã có cơ duyên gặp gỡ và đóng góp một phần nhỏ, trong việc hình thành Võ Phiến từ nửa thế kỉ trước. Tôi có đọc truyện ngắn trúng giải này và thấy được khoảng cách khá xa, giữa Phan Thị Vàng Anh và người đứng giải nhì. Thật đúng là con nhà nòi, không giống bộ lông cũng phải giống cặp cánh.

Trước sau ông đi mổ tim hai lần, lần cuối cùng cách đây khoảng hai

năm. Ông hiện sống một đời công chức hồi hưu, lẽ ra phải là một ngôi nhà yên tĩnh ở vùng quê Phù Mỹ, nơi ngôi nhà hương hỏa của nhiều thế hệ chuyển tới ông. Nơi ông đã chào đời chẵn tròn 70 năm trước. Bây giờ ông sống xa ngôi nhà đó hàng vạn dặm, nhưng trong trí ông ngôi nhà đó vẫn còn đậm nét như ngày nào.

Những cây cọ mà ông gọi là cây gồi rải rác chung quanh nơi ông ở hiện nay có khác nào những rặng dừa ở quê ông. Trong vườn nhà ông, có đủ những thứ cây đã mọc sẵn nơi vườn của ngôi nhà cũ. Sáng sáng, chiều chiều nghe tiếng chim kêu khác nào tiếng những con tu hú của vùng Tam Quan, Bình Định. Phần số ông đã sớm mang thân "viễn phố", thì phố thị Sài Gòn có khác chi phố thị Los Angeles, Westminster? Giả dụ ông hiện sống nơi ngôi nhà xưa thì cõi hồn của một nhà văn có bao giờ đọng lại một chốn. Cho dù chốn đó là một chốn "Quê", tên một tác phẩm ông viết cách đây hai năm khi vừa mổ tim lần thứ hai trở về.

Nhà văn Võ Phiến sinh ngày 25 tháng 10 năm 1925, chỉ còn 15 ngày nữa ông chẵn tròn 70 tuổi ta. Bài viết này xin là một món quà chúc thọ, của một người viết văn cầm bút sau ông một, hai thế hệ.

Hoàng Khởi Phong
California tháng 10 năm 1994

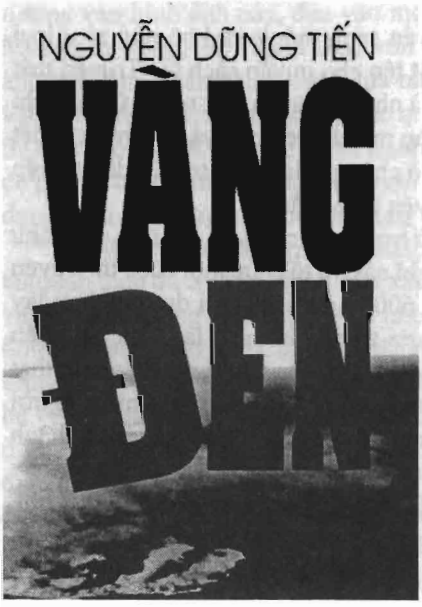

LUÂN HOÁN

võ phiến, cuối cùng tôi được gặp

Trong văn giới của Việt Nam Cộng Hòa có hai người tôi rất ngưỡng mộ, kính phục: nhà văn Nguyễn Văn Xuân và nhà văn Võ Phiến. Với ông "Quảng Nam Học"[1], tôi được may mắn gặp mặt nhiều lần. Ngược lại, với ngài "Biệt Kích Văn Hóa" [1], tôi hụt nhiều cơ hội đối diện.

Được gặp mặt, được bắt tay, được ngồi nghe những câu nói gởi trực tiếp đến với mình, từ một người danh tiếng, quả thật là một kỳ thú, một hãnh diện. Tuy không cố tình săn đuổi những cơ hội này, nhưng nếu hữu duyên có được sự hội ngộ, tôi sẽ rất phơi phới trong lòng. Bằng hữu, dù là đàn anh, đàn chị, đàn em, đàn... cháu, vẫn quí báu như nhau. Không được là bằng hữu, chỉ tương kính xã giao cũng vô vàn sung sướng.

Với nhà văn Võ Phiến, được quen biết ông, được gặp mặt ông, kể như có thêm một hạnh phúc. Chắc chắn nhiều bạn sẽ nhăn mặt, cho rằng tôi có phần tâng bốc, ra chiều nịnh bợ. Không sao. Đây là niềm vui tôi tìm thấy, khi cảm nhận mình được hưởng ké cái rực rỡ của một nhân tài, bất cứ họ hoạt động ở lãnh vực nào.

Sự tâng bốc của tôi dành cho nhà văn Võ Phiến nếu có, cũng là chuyện bình thường, bởi những gì ông đã dành cho nền văn học Việt Nam không nhỏ chút nào. Để xác định điều này, chúng ta thử ghé qua từng trang đời của ông, một cách vắn tắt.

Nhà văn Võ Phiến ra đời vào ngày 13 tháng Chín năm Ất Sửu, nhằm ngày 30 tháng Mười năm 1925. Nhưng trong khai sinh ghi sụt mất 7 ngày. Có lẽ đây là ngày làm giấy khai sinh? Địa danh nhà văn chính thức đến với cuộc sống được ghi rõ: làng Trà Bình, tổng Trung Bình, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Ông mang tên gọi Đoàn Thế Nhơn, bởi thân phụ ông là Đoàn Thế Cần, một lưu dân làm ăn tại miền Rạch Giá, Nam kỳ, chỉ gặp mặt con

khi cậu đã lên 7. Thân mẫu ông, bà Ngô Thị Cương cũng bỏ ông lại quê nhà để theo chồng vào năm 1934. Cả hai bậc sinh thành, đều đã qua đời (ông đi trước bà theo sau, vào 30 tháng Ba 1983 và 06-11-1989). Võ Phiến đã theo học tại Qui Nhơn đến năm 1941 và tại Huế đến năm 1943. Năm 1944 ông được học giả Đào Duy Anh đưa ra Hà Nội nuôi ăn học. Năm 1945, trở về Bình Định để thi hành nghĩa vụ thanh niên trong đơn vị tuyên truyền xung phong. Năm 1946 lại trở ra nhà cụ Đào, rồi lại trở về Bình Định, dạy các lớp bình dân học vụ và làm việc trong ngành thuế quan. Ông gặp bà Viễn Phố rồi cùng bà chắp cánh thong dong một đời kể từ năm 1948. Vợ sinh con, cuối năm 1948, ông dạy học, cùng lúc bắt đầu chống đối chủ thuyết cộng sản, nên bị bắt ngày 17-10-1952. Tòa án liên khu V xử 5 năm tù, giam tại Phú Nhiêu. Nhờ hiệp định Genève, ông được phóng thích vào tháng Chín 1954. Cuối năm 1954, ông ra Huế làm việc cho Nha Thông Tin Trung Việt. Đầu năm 1955, ông được thuyên chuyển làm Trưởng Ty Thông Tin Quảng Trị. Sau đó làm Trưởng Ty Thông Tin Bình Định từ 1955 đến 1959. Giữa khoảng thời gian này, năm 1956, ông gặp lại cha mẹ ở Trà Vinh, ông đưa cả nhà về đoàn tụ tại Bình Định. Cuối năm 1959, ông cùng gia đình vào Sài Gòn. Ông làm việc tại Bộ Thông Tin cho đến ngày ra xứ người, vào ngày 22 tháng Tư năm 1975. Ông tỵ nạn tại trại Pennsylvania cho đến ngày 03 tháng Chín 1975. Trên lãnh thổ Hoa Kỳ, gia đình ông cư ngụ tại Minneapolis, Minnesota rồi dời đến Santa Monica, Los Angeles (kể từ 07 tháng Tư 1977). Hiện nay, sau khi hồi hưu vào năm 1994, ông cùng gia đình định cư tại Hightland Park, Los Angeles California, trong một căn nhà yên tĩnh với cây lá xanh tươi quanh vườn. Mặc dù đã qua hai lần mổ tim tại Hoa Kỳ (ngày 05 tháng Mười 1985 và 01 tháng Tư 1992), sức khỏe của nhà văn Võ Phiến vẫn rất khả quan.

Về văn nghiệp, nhà văn Võ Phiến bắt đầu bằng những bài tùy bút đăng trên các báo Trung Bắc, Chủ Nhật tại Hà Nội vào năm 1943. Ông viết cho tờ Mùa Lúa Mới năm 1955. Rồi cộng tác với Bách Khoa, Sáng Tạo cùng nhiều tạp chí khác tại thủ đô Sài Gòn. Ông được trao giải Văn Chương Toàn Quốc năm 1960 với tác phẩm Mưa Đêm Cuối Năm. Ông là một trong những vị giám khảo của giải Văn Học Nghệ Thuật hằng năm của Việt Nam Cộng Hòa (từ 1961 đến 1974). Năm 1962 ông thành lập nhà xuất bản Thời Mới. Từ năm 1970 đến 1974 ông có mặt trong Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục của Việt Nam Cộng Hòa. Năm 1978, sau khi đã định cư tại Hoa Kỳ, ông chủ trương tạp chí Văn Học Nghệ Thuật. Báo ra được 13 số, kể từ tháng Tư 1978 đến tháng 12-1979. Năm 1985 ông cùng các nhà văn Nguyễn Mộng

Giác, Lê Tất Điều cho tục bản tạp chí Văn Học Nghệ Thuật, phát hành từ tháng Năm 1985 đến tháng Giêng 1986, sau đó, ông giao trách nhiệm lại cho nhà văn Nguyễn Mộng Giác, để chú tâm vào việc sáng tác, biên khảo. Gia tài tác phẩm của ông thật đồ sộ gồm: 4 tiểu thuyết, 7 tập truyện ngắn, 9 tập tùy bút, 9 tập tiểu luận, 8 tập phê bình, 5 tập truyện dịch được ký dưới bút hiệu Tràng Thiên, 1 tập thơ. Trong thời gian gần đây, những tác phẩm của ông được cho tái bản dưới tên Võ Phiến toàn tập, gồm: tùy bút 1, tùy bút 2, tạp bút, tiểu luận , tạp luận , truyện ngắn 1, truyện ngắn 2, tiểu thuyết 1, tiểu thuyết 2, tổng cộng 3247 trang.

Sáng tác của Võ Phiến không những dồi dào số lượng, mà ở bất cứ bộ môn nào, dưới ngọn bút của ông, cũng có một giá trị đặc biệt, thu phục người đọc. Vì thế, sau khi thưởng ngoạn tác phẩm của ông, nhiều người cầm bút muốn bày tỏ những nhận xét, những tán thưởng của mình. Số lượng những bài viết về Võ Phiến mỗi ngày một nhiều. Có người viết nguyên một cuốn sách như nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc với cuốn "Võ Phiến". Như John C. Schafer, một tác giả ngoại quốc, với cuốn "Võ Phiến and The Sadness of Exile" (Võ Phiến Và Nỗi Buồn Lưu Vong). Những tên tuổi liệt kê dưới đây đã đóng góp mỗi người một bài hoặc hai ba bài, tùy theo sự cảm nhận và tùy hứng riêng: Đặng Tiến, Vũ Hạnh, Cao Huy Khanh, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Mộng Giác, Phan Lạc Phúc, Mai Thảo, Đỗ Tấn, Huỳnh Phan Anh, Viên Linh, Nguyễn Quốc Trụ, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Hữu Nghĩa, Võ Đình, Thế Uyên, Ngô Nguyên Dũng, Hồ Trường An, Phan Lạc Tiếp, Lê Tất Điều, Trần Long Hồ, Hà Thúc Sinh, Trúc Chi, Nguyễn Ngọc Tuấn (bút hiệu khác của Nguyễn Hưng Quốc), Bùi Bảo Trúc, Bùi Vĩnh Phúc, Hoàng Khởi Phong, Lockhart Greg, Nam Chi (bút hiệu khác của Đặng Tiến), Nguyễn Thị Sông Hương, Thụy Khuê, Trần Hữu Thục (tên thật của Trần Doãn Nho), Nguyễn Hoàng Văn, Lê Minh Hà, Hoàng Nga, Nguyễn Hữu Lê, Minh Nguyệt, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Vy Khanh, Tạ Chí Đại Trường, Quỳnh Dao (ca sĩ), Ngự Thuyết, Trần Văn Nam, Triều Hoa Đại...

Lẩm cẩm lên danh sách này, tôi không có ý mơ mộng, mai sau tên mình cũng được đứng chung trong đội ngũ đọc và viết về Võ Phiến. Bởi giản dị, tôi hoàn toàn không có khả năng biên khảo, cũng như thực sự không muốn làm một người thông dịch ý tưởng, tình cảm người khác. Hơn nữa, tôi luôn luôn là một bạn đọc tài tử với bất kỳ một tác giả nào, dù tôi đã làm quen với **cái tên gọi** Võ Phiến từ những năm 1962, 1963...

Trở lại với sinh hoạt chữ nghĩa của miền Nam tự do, trong giai đoạn đầu thập niên 60 đến tháng Tư năm 1975, tuy chỉ hời hợt theo dõi, tôi cũng

có thể đoan chắc, miền Nam Việt Nam có một nền văn học sung mãn về nhân tài và tác phẩm. Những công trình tim óc, đa số có giá trị văn học, nghệ thuật. Không khí sinh hoạt cởi mở, hào hứng, tuy có sự ngấm ngầm phân chia cánh miền Bắc, cánh miền Nam, cánh miền Trung, nhưng không có sự kỳ thị rõ nét. Sự cạnh tranh giữa những "thế lực văn học" chính là sự tranh đua cần thiết để phát triển nghề nghiệp một cách tốt đẹp hơn. Nhà văn Võ Phiến là một trong những người đứng hàng đầu của giới cầm bút tại miền Nam Việt Nam thời bấy giờ. Ngưỡng mộ ông, tôi càng muốn được quen biết với ông. Nhưng đến tòa soạn để tìm gặp tác giả, không phải là một việc tôi cho phép tôi thực hiện. Tôi chưa làm điều này với bất cứ tác giả nào. Nhớ có lần ghé Bình Định chơi, tôi có hỏi một anh bạn, người địa phương, nhà tác giả Chữ Tình ở đâu? Hỏi chi cho có chuyện vậy thôi. Bởi tôi biết, ông đang sinh sống, làm việc tại Sài Gòn. Cho dù ông đang có mặt tại Bình Định, tôi cũng không đủ bạo dạn để đường đột ra mắt ông. Nếu không có biến cố lịch sử 1975, và nếu không bôn tẩu ra hải ngoại, có lẽ tôi không bao giờ có cơ hội gọi là quen biết nhà văn Võ Phiến.

Tình bằng hữu chỉ có được bởi những thân tình. Những thân tình này chẳng lẽ chỉ hạn chế, dành riêng cho những sự gặp gỡ, thù tạc, đối ẩm, bàn luận, tán dóc?... Giữa tôi và nhà văn Võ Phiến chưa một lần gặp mặt, nhưng đối với nhau không có quá nhiều xa lạ, ít nhất là với chủ quan của riêng tôi, cho riêng tôi. Ông hơn tôi nhiều mặt. Ông là bực đàn anh. Tôi kính trọng, ngưỡng mộ, thán phục ông. Dĩ nhiên ngoài tôi, còn có hàng vạn người quí mến, kính nể ông. Dù vậy, tôi thật sự băn khoăn không biết có nên dựa vào thân thế sự nghiệp hoành tráng của ông để vẽ bùa cho cái tôi quá nhỏ nhoi của mình? Chọn ông để cố viết *"đôi dòng chẳng đáng chi"* có lẽ tôi đã vô lễ, thất kính với ông, với cả tôi. Nhưng buông bút, bỏ qua lại thấy tiếc, thấy thiếu thiếu, lại thấy không thành thật với dụng ý muốn dựa hơi của chính mình, do đó, tôi đã cố gắng hết sức để viết cho chính mình bài tạp hồi ký này.

Tháng Bảy năm 1985, tôi nhờ nhà thơ Thái Tú Hạp chuyển đến nhà văn Võ Phiến một ít tư liệu vắn tắt về năm bảy người cầm bút tại miền Trung mà ông Võ Phiến hỏi xin qua trung gian Thái Tú Hạp. Những tư liệu vụn này ông dùng bổ sung cho phần phụ lục cuốn Văn Học Miền Nam, tổng quan của ông. Ngày 17 tháng Bảy năm 1985, tôi nhận được thư đầu tiên của ông. Thư viết tay trên giấy có in sẵn tên và địa chỉ tạp chí ông đang chăm sóc, tờ Văn Học Nghệ Thuật. Ngoài vài dòng cảm ơn, nhà văn còn nhờ tôi cho biết thêm *"chi tiết về các nạn nhân của chế độ cộng sản tại Việt Nam"*. Ông

ghi rõ từng dòng những điểm cần thiết và để những dấu chấm lửng dành cho tôi. Nét chữ ông viết thuộc dạng chữ nghiêng, một dạng chữ, theo tôi, rất thông dụng của những người thuộc thế hệ 30 trở về trước. Chữ ông viết dễ đọc, có thể gọi là đẹp. Chữ ký rất bay bướm. Dĩ nhiên sau đó, tôi còn được đôi lần nhận thư ông. Một ít thơ của tôi viết sau 1975 được ông cho đi trên Văn Học Nghệ Thuật rồi Văn Học do ông điều hành. Cái tình giữa những người cầm bút với nhau phát triển khá nhanh trong sự cởi mở, thân mật, như ông đã viết... *"xa xôi, chưa từng gặp nhau mà đã mến nhau! Cái duyên văn nghệ thật quí hóa"* (thư 9-1995).

Cơ hội thứ nhất tôi có thể nhìn tận dung nhan nhà văn Võ Phiến vào năm 1989, khi ông đến thăm thành phố Montréal, nơi tôi đang cư ngụ. Vào thời điểm này, giới cầm bút người Việt tại Montréal đang tổ chức đại hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Nhà văn Võ Phiến hình như không phải là người đi phó hội. Tôi không có mặt tại những địa điểm diễn ra sinh hoạt này, nên không rõ có sự hiện diện của ông Võ Phiến tại những hội trường đó không. Theo nhà thơ Lưu Nguyễn: tác giả Thương Hoài Ngàn Năm... được một nhóm bạn văn từ Toronto lên, đưa đi thăm những nơi nổi tiếng của thành phố Montréal. Biết ông đến, nhưng không rõ chỗ tạm trú của ông nên tôi đành bỏ qua một dịp tốt để trình diện ông. Thật tiếc.

Cơ hội thứ hai, có khoảng cách xa xôi hơn. Năm 1995, nhà văn Võ Phiến được các bạn văn, bạn đọc: Phó Ngọc Văn, Trần Long Hồ, Đinh Cường... tại thủ đô Washington Hoa Kỳ tổ chức một đêm vinh danh, có tên gọi Đêm Võ Phiến, tương tự như Đêm Mai Thảo đã được tổ chức trước đó mấy năm. Dĩ nhiên tác giả Người Tù... phải có mặt. Những bạn văn từ các vùng Virginia, New Jersey... nao nức đến thăm viếng, tri ân ông. Cánh viết lách lăng nhăng của chúng tôi ở Montréal cũng dự định lên đường. Riêng tôi rất háo hức nghĩ đến cái phút được hưởng ké cái hương danh của ông. Nhưng rủi, vào phút chót, không hiểu sao chuyến đi của anh em Montréal trở thành một buổi gặp mặt tại quán cà phê *Van Houtte*, để ký tên. Một cái *cravate* trang nhã, khiêm nhường đi kèm với một tấm thiệp chúc mừng đơn giản, mang chữ ký của Hồ Đình Nghiêm, Trang Châu, Lưu Nguyễn, Hoàng Xuân Sơn, Song Thao, Phạm Nhuận, Luân Hoán được giao cho nhà văn Trang Châu mang sang Hoa Kỳ, đệ trình ông. Chút tình bé mọn, ngay sau đó đã giúp tôi nhận thêm mấy câu của tác giả Thư Gửi Bạn: *"Anh chắc đã có cái thiệp con, gửi anh Trang Châu chuyển hộ, để tỏ chút lòng biết ơn anh em Canada..."*

Nhiều năm tiếp theo tôi cũng chưa có cái cơ hội để được ngồi nghe

người cha đẻ của những nhân vật Chị Bốn Chìa Vôi, chị Lộc, chị Lê, các anh Hữu, anh Bốn Thôi, anh Nam Hà, anh Thập Tam... kể lể tỉ mỉ chuyện "Về Một Xóm Quê", hay miên man dựng lại những cái rất nhàm của cuộc sống, mà người nghe, người đọc vẫn không chán chút nào. Khoảng cách địa lý giữa nơi tôi và bậc đàn anh tôi trọng vọng thật là lớn. Mỗi ngày như một rộng thêm ra bởi tình trạng sức khỏe, kinh tế lẫn bản tính ngại đi xa của tôi. Giữa lúc tôi dần quên đi cái mong muốn gặp cho biết, gặp để chụp hình chung cho oai... thì tạp chí Văn Học nhen lại trong tôi một "mưu toan" mới. Không được gặp nhà văn, thì cũng nên góp lời tán thưởng ông.

Dự định của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, thực hiện một số đặc biệt về Võ Phiến, được tạp chí Văn Học thông báo. Tôi mở cờ trong bụng, định viết một cái gì. "Cái gì" của tôi dĩ nhiên vẫn là bồn cũ soạn lại: mấy câu vần vần! Chuyện tưởng khá dễ, nhưng cầm bút lên, tôi mới biết thật sự quá sức mình. Viết vần vần cho nên thơ không phải là chuyện đùa. Và rủi ro hơn, không hiểu sao, những gì tôi cảm, tôi nghĩ về người chồng của bà Viễn Phố đi đâu mất hết. Tôi chợt nghiệm ra, làm thơ ngợi ca (đương nhiên phải ca ngợi) một người nào đó là một chuyện vô cùng khó khăn, nhất là người đó chưa quá vãng. Khó có thể nói dóc, nói láo về một người đang sống, đang ở trong thời kỳ sinh hoạt sung sức nhất. Làm thơ huê tình tán gái, làm thơ suy tư lẩm cẩm hay làm thơ tỏ tình cùng cỏ cây, đất đá, quê hương, dễ hơn nhiều. Có lẽ đây cũng là lý do nhà thơ Hoàng Lộc từng từ chối đề nghị, khi tôi nhờ anh viết về một vài người bạn chung.

Không có ý, không có hứng, nhưng tôi cũng liều mạng cuồng, viết. Rất may nhà văn Nguyễn Mộng Giác và nhóm chủ biên Văn Học kịp thời phát hiện cái dở của bài thơ và loại bỏ. Số đặc biệt về Võ Phiến rơi vào số 150 và 151 dành cho hai tháng 10, 11 năm 1998 thật phong phú, qui tụ các bài viết của Nguyễn Hưng Quốc, Võ Đình, Trần Doãn Nho, Nguyễn Hoàng Văn, Lê Minh Hà, Nguyễn Hữu Lê, Trúc Chi, Minh Nguyệt, Hoàng Nga, Tạ Chí Đại Trường, Quỳnh Dao, Ngự Thuyết, Trần Long Hồ, Hoàng Xuân Sơn, Ngô Nguyên Dũng, Trần Văn Nam, Trần Hoài Thư, Nguyễn Vy Khanh... về thơ có Huệ Thu, Hà Thượng Nhân, Sử Mặc (bút hiệu khác của Hoàng Xuân Sơn). Bài thơ của tôi có tên: "Tìm Trăng", không có duyên. Nhưng vì tiếc nuối một "chút tình văn một chiều" (xin đừng hiểu nhầm đồng tình luyến ái) với tác giả Phù Thế, Ảo Ảnh, Giã Từ, Nguyên Vẹn... tôi giữ lại, và cầm lòng không đậu nên cho in vào tập "Sông Núi Cùng Người Thơm Ngát Thơ" phát hành năm 2002. Bây giờ, lại xin can đảm một lần nữa ghi đầy đủ dưới đây:

Tìm Trăng

tặng một nhà văn Việt Nam

xách cái tâm thơ vào Bình Định
ngoài con đường nắng, chẳng quen ai
ở đâu hương sắc đầm Đạm Thủy?
La Tính trôi thơm lọn tóc dài?

lơ lửng một mình qua phố biển
Trà Vinh, Phù Mỹ chỗ nào đây?
cỏ hoa nào đỡ bàn tay viết?
chữ thắm thịt da vỗ cánh bay

có phải chỗ này người đứng ngắm
sóng mênh mang trải khúc Hoan Ca?
con còng ngậm gió lang thang mộng
lòng thả văn ra mở cánh hoa

đâu chỉ con người là nhân vật
bụi, rêu, hương, phấn... rủ nhau vui
tha thiết, tinh vi nguồn máu tiếp
chữ mọc chân qua thế giới người

xách cái tâm thơ vào Bình Định
tôi tìm dòm lén một lần chơi
Chữ Tình, Ảo Ảnh hay Phù Thế?
Tạp Bút xanh thơm một góc trời

Viễn phố mươi lần tôi với nắng
đi về nặng túi xách vô duyên
chợt nghe đời trở mình trong sách
cùng lúc trăng vào ấm mái hiên

(Sông Núi Cùng Người Thơm Ngát Thơ - trang 95)

Vì bài thơ không đứng được trong số đặc biệt của Văn Học, nên đến nay chắc chắn nhà văn Võ Phiến vẫn chưa cơ hội bực mình lẫn ái ngại cho cái liều mạng đáng xấu hổ của tôi. Hú hồn. Nếu sau này, ông có tình cờ đọc, xin lượng tình bỏ lỗi.

Sau chuyện làm thơ cầu thân không thành, cái cơ hội tìm thăm nhà văn Võ Phiến của tôi càng mịt mờ. Tuy vậy tôi vẫn theo dõi những sinh hoạt thật ngoạn mục của ông. Ngoài truyện ngắn, tùy bút, tạp bút... ông còn cho phát hành một tập thơ năm 1997. Những biên khảo về văn học của ông được đánh giá cao (nói theo kiểu quốc nội ngày nay), được ghi nhận rất cần thiết, đã góp sức làm sống lại một nền văn học đích thực có giá trị, đã và vẫn đang có ý đồ bỏ qua, vì đố kỵ, mặc cảm thua sút của chính phủ đương quyền Việt Nam.

Chẳng thể đưa ra những những nhận xét, đánh giá về văn tài Võ Phiến, cũng không trích dẫn đoạn văn nào của ông, tôi xin chép một bài trong thể loại, ông ít chuyên nhất, mời bạn đọc thưởng lãm. Sự trích đăng ở đây không có mục đích dẫn chứng một điều gì. Nó chỉ có ý nghĩa mang cái hồn của ông đến, để làm ấm, làm thơm một chút cho bài viết này:

một ngày một ngày lại một ngày
chân cứ đều chân lòng man mác
trước mặt mây bay trời bát ngát
cúi đầu bước tới, ngày lại ngày

dưới đống lá khô có ai hay
những con bọ nhỏ còn lúc nhúc
dăm tiếng khóc nhỏ còn tấm tức
lấp vùi dưới những tháng năm xưa
lấp vùi những tự buổi ngây thơ
dăm tiếng cười vui còn rúc rích
như tia nắng lọt qua khe vách
qua khe hở một thập niên xa
có đôi ánh mắt còn thiết tha
gửi đến ngày nay tia nhấp nháy
khởi bước ra đi từ buổi ấy
một thân dầu dãi mấy phong trần
mỏi mê nghĩ đến lúc dừng chân
ngẩng mặt, mây bay trời bát ngát
ta vỗ lên cái thi thể sắp lạnh của một đời người mà hát:
"thời gian ơi thời gian"
(Thời Gian – trong thi phẩm Thơ Thần - Võ Phiến)

Hẳn nhiên không phải ai cũng tán thưởng Võ Phiến. Ông có chừng vài phần trăm những người chỉ trích ông. Theo nhận xét của nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc:

... "Sau 1975, lên đại học, tôi ngạc nhiên thấy nhiều thầy giáo của mình từ miền Bắc vào - phần lớn đều là những người viết lách ít nhiều - khen Võ Phiến nức nở hoặc chửi bới Võ Phiến thậm tệ. Trong cả lời khen lẫn tiếng chê, tôi đều thấy thấp thoáng có chút gì như thán phục. Vì thán phục nên mới nghĩ là ông nguy hiểm, mới phong cho ông cái chức là "tên biệt kích văn nghệ hàng đầu"..."

(Đến với Võ Phiến - Nguyễn Hưng Quốc)

Tại hải ngoại, nhà văn Võ Phiến bị "đánh" khi cho phát hành bộ sách Văn Học Miền Nam, cuốn đặc biệt biên khảo về thi ca. Sách dày 534 trang, giới thiệu 32 người, đã đem đến cho ông ít nhiều xúc cảm khi đọc thơ. Với số lượng này, nhiều nhà thơ thành danh của miền Nam, trước 1975 bị ông bỏ sót. Đây có thể là một trong những lý do.

Dù được khen, dù bị chê, nhà văn Võ Phiến vẫn thản nhiên tiếp tục công việc của mình. Phần tôi, tự biết thiếu quá nhiều điều kiện cần thiết, sự mong muốn được gặp mặt ông giảm đi rất nhiều. Tuy vậy nếu có cơ hội, tôi thực hiện ý muốn của mình ngay. Cơ hội đó bất ngờ đến với tôi trong tháng Bảy năm 2006.

Chuyện đến thăm Sài Gòn Nhỏ ở quận Cam California lâu nay đối với tôi không có gì tha thiết. Trước đây tôi đã từ chối lòng tốt của nhiều người bạn có nhã ý, bao ăn ở, bao cả vé máy bay, cho tôi đi thăm sinh hoạt của người Việt nói chung, của anh em cầm bút nói riêng, tại thủ đô người tị nạn Việt Nam. Tôi từ chối, chẳng phải vì không ham đến cái địa danh đã trở nên nổi tiếng, thân quen này. Mà tôi muốn luôn được tưởng tượng về miền đất ấy với những gì sinh động, tốt đẹp nhất. Dĩ nhiên không thiếu những ngụy biện ở đây. Và với một chút không thật tình này đã phủi tôi ra khỏi cái lý do không thuyết phục được ai. Tôi cùng gia đình đến khu Phước Lộc Thọ trong chuyến đi qua 6 tiểu bang (Idaho, Utah, Nevada, California, Arizona, Montana) của Hoa Kỳ vào mùa vợ tôi nghỉ hè năm 2006. Đến Westminster, đến Los Angeles, không thể không tạt qua dòm mặt mũi của một số bạn văn. Nhà văn Võ Phiến, đương nhiên là mục tiêu tôi có chấm trong chương trình vui chơi của mình.

Tôi đến nhà ông bà Võ Phiến vào buổi xế trưa ngày 20 tháng Bảy năm 2006 trong sự tiến dẫn của hai cặp vợ chồng Thái Tú Hạp - Ái Cầm, Thành Tôn - Trinh. Theo chân tôi còn có cô nhân tình thâm niên chăn gối Trần Thị

Lý (một người thường tỏ ý bất mãn với cái tên của mình vì thiếu một chữ lót). Chưa ra khỏi chiếc Mercedes Benz cáu cạnh của Hạp (bè bạn ở đây gọi Hạp là ông nhà giàu), tôi đã thấy ông Võ Phiến đứng đón ở đầu hiên, trong khi bà đang vội vã mở cửa cổng vào.

Ngay trong cái bắt tay đầu tiên cả tôi lẫn ông nhà văn đàn anh, hình như không có sự bỡ ngỡ, xa lạ nào. Với một bàn tay nắm khá chặt tay tôi, bàn tay còn lại, ông vỗ vỗ, nhè nhẹ lên lưng bàn tay tôi đang được ông nắm: "*Khỏe, khỏe luôn chứ?*". Tất cả chúng tôi đều gọi ông bà bằng anh chị và xưng tôi.

Ông Võ Phiến có da thịt, tuy không được căng hồng lắm, nhưng gần như không có những nốt tàn nhang, dấu ấn của thời gian. Tóc ông chải gọn ra sau, ít sợi bạc, số lượng vừa đủ giữ nét đẹp cho cái góc thứ hai của con người. Mũi thẳng, đầu sống mũi hơi chồm về phía trước một chút, kín. Trán cao, rộng, không có tì vết nào của năm tháng. Cả hai hàm răng còn gần đầy đủ. Hai cánh chân mày cân đối với hai vành tai đều và lớn vừa phải. Cái thước đo tuổi thọ hình như ở đây, không rõ đúng hay sai. Với cặp mắt như muốn cười lẫn muốn thở ra, thỉnh thoảng lóe lên những thăm dò, đánh giá, cân nhắc mọi hình thể đang diễn ra chung quanh. Tất cả những đơn vị riêng rẽ đó tập họp trên khuôn mặt ông những nét hiền hòa dung dị, thư thái và rất thông minh dù tuổi tác đã phần nào dìm đi nét tinh nhuệ, phán đoán. Ông Võ Phiến không cao lắm, hoặc chiều dài cuộc sống đã làm co đùn lại. Ông mặc quần tây màu mỡ gà nhạt, áo sơ mi tay dài, xanh có ô ca-rô trắng, bỏ ngoài quần, nhưng không luộm thuộm. Ở vào cái tuổi 81 ông vẫn minh mẫn. Nghe, nhìn, nói, cười, đi, ngồi... đều rất bình thường, khoan thai. Ông cho biết trí nhớ rất tốt về những chuyện xa xưa, nhưng lại chóng quên những sự việc mới gặp hôm qua, hôm kia hoặc vừa cách một vài giờ. Tình trạng này hình như số đông người có tuổi cao đều mắc phải.

Chúng tôi ngồi trong phòng khách rộng thoáng. Vách tường được dán giấy có vân hoa, màu hồng nhạt, mát mắt, lưu giữ mốt trang trí hơi có tuổi. Trên một vách, treo hơi cao một họa phẩm của họa sĩ Võ Đình tặng ông. Bộ *salon* gồm hai bàn, hai *sofa*, và một đèn để bàn đều làm bằng mây tre, đã lên nước vàng óng, bóng ngời. Ghế được trải nệm bọc vải hoa. Ông Võ Phiến tiếp ba chúng tôi tại bộ ghế ngồi này. Trong khi bà Võ Phiến ri rả tâm sự cùng ba ả đều mê chồng làm thơ.

Như thói quen, câu chuyện của những người sính văn chương, sau khi những thăm hỏi sức khỏe xã giao đều quay trở lại đề tài bất biến: viết và đọc. Biết cả ba chúng tôi đều là dân Quảng Nam chính tông, ông Võ Phiến kể lại

thời vàng son của ông khi sinh hoạt cùng nhà văn Nguyễn Văn Xuân. Ông khen tác giả Dịch Cát một cách chân thật. Ông thăm hỏi về cái chết của nhà văn Phan Du sau 1975. Và cả thời kỳ Mùa Lúa Mới, Nhân Loại... chợt xốn xang trong đôi mắt ông. Những đường gân máu ẩn bên trong vầng trán hình như chao động. Tôi kín đáo quan sát và chụp bắt được ít nhiều những tiếc nhớ ông vừa vuốt ve. Giọng nói của ông có vẻ như hối hả, sợ không theo kịp nhịp chân của trí nhớ. Từ cao, nhanh đến đều đều, liền mạch, lành lặn như một giọng ru. Tôi ngồi đầu một *sofa*, ông ngồi đầu một *sofa* khác, giao nhau thành một góc vuông. Khoảng cách giữa hai chúng tôi không quá một với tay. Tôi nghe rất rõ, vài lần, nhịp hụt hơi của ông khi nói một câu quá dài. Ông đã rất chân tình giữ vai một ông anh lớn, khi căn dặn chúng tôi cố gắng sáng tác. Viết nhanh, viết khỏe khi thời gian còn cho phép. Được ông tặng cho mấy chữ "*hãy còn trẻ*", cá nhân tôi chợt cảm thấy vui vui. Trong phút chốc như quên đi cái 65 mùa xuân của mình. Và hình như, thật sự tôi vẫn còn rất trung niên, sung sức ở cả mọi sinh hoạt đấy chứ. Lai rai nhức đầu sổ mũi chỉ là bệnh thời khí thân quen. Tôi thầm so sánh sức khỏe mình với ông mà quên đi tôi ở sau lưng ông đến những 16 năm dài. Tuổi 81 rồi sẽ tới, ngày đó tôi có được như ông anh của tôi bây giờ? Khó.

Hạp chợt hỏi về tác phẩm của John C. Schafer viết về ông. Ông cười mỉm, nhẹ nhàng vào phòng trong. Khi ông trở ra, hai tay chừng như trĩu nặng cuốn *Võ Phiến And The Sadness of Exile*. Tôi đỡ cuốn sách từ tay ông. Phát hiện trọng lượng không phải từ độ dày mấy trăm trang chữ đầy mà ở sự cung kính, trang trọng của người nhận xét và hết lòng viết về ông, về những đứa con tinh thần của ông. Dù giỏi bình thản thế nào, chúng tôi cũng tìm thấy, hiểu ra niềm hãnh diện ông đang có, nỗi vui sướng trong phút giây. Chúng tôi cũng thật sự hãnh diện về ông, một người anh đức độ, lẫn tài năng.

Trong lúc chúng tôi lan man trong chuyện sách báo, bà Võ Phiên tâm sự cùng ba ả phu nhân của chúng tôi. Sau này, Lý cho tôi biết các quí tử của ông bà Võ Phiến đã thành tài, ra riêng. Căn nhà khang trang chỉ còn lại hai ông bà. Bà Võ Phiến có số tuổi đời thấp hơn người bạn đời của mình, nhưng thỉnh thoảng vẫn âu lo rất dễ thương. Bà ngại nếu chẳng may bà nhanh chân hơn trong chuyến tàu cuối cùng, ai sẽ là người chăm sóc cho nhà văn, một người bà đã từng ngưỡng mộ, từng mê, từng kính phục và yêu thương suốt đời.

Giữa những tiếng trò chuyện ấm áp của cả hai nhóm chúng tôi, chợt vang lên tiếng va chạm giữa xâu chìa khóa của chị Ái Cầm với sàn nhà,

kéo theo tiếng đàn cò trên gác. Ba ả phu nhân tức thì theo chị Võ Phiến lên chỗ đang phát ra những giai điệu rất cổ xưa nhưng rất quen thuộc của người Tàu. Tối về khách sạn, Lý cho tôi biết anh chị Võ Phiến được bè bạn tặng cho một bộ hình tượng người Tàu để trang trí. Nếu có tiếng động vừa đủ mạnh hình tượng đó sẽ phát ra những điệu nhạc được gài sẵn bên trong. Lý rất thích, cô nàng đã hỏi bà Viễn Phố nơi bán, nên ngay sáng hôm sau, chúng tôi ra khu Phước Lộc Thọ mua về một tượng giống y chang tượng ông bà Võ Phiến đang có.

Chúng tôi rời nhà anh chị Võ Phiến vào khoảng 4 giờ chiều. Vài hôm sau, chúng tôi rời Westminster. Từ giã Sài Gòn Nhỏ, từ giã các anh bạn văn Nguyễn Mộng Giác, Lữ Quỳnh, Nguyễn Mạnh Trinh, Thái Tú Hạp, Thành Tôn, Trần Văn Nam, Đạm Thạch, Bé Ký, Hồ Thành Đức, Đặng Hiền, Ái Cầm, Hạ Quốc Huy, Rừng-Nguyễn Tuấn Khanh, Phạm Phú Minh, Nguyễn Nam An, Hà Nguyên Du, Trần Yên Hòa... và những người tôi chưa kịp nhớ tên, đã cho tôi được gặp gỡ trong vài tiếng đồng hồ thân quí. Cảm ơn quận Cam Cali, nơi cho tôi thấy những ngọn chuối xanh mướt, những giàn hoa giấy rực rỡ hương sắc Việt Nam ngoài bờ giậu. Cảm ơn chuyến đi tình cờ, vội vã.

Vui nhưng chợt giật mình. Còn một số kỷ niệm thân tình nữa chưa viết được. Chẳng ai thèm đòi, nhưng rõ ràng tôi đang nợ. Nghĩ ngợi một thời gian, ngồi gõ lại có phần hơi khó. Bắt đầu từ nhân vật nào? Tôi ghi ra giấy hơn hai mươi cái tên. Đọc thầm từng tên một và đánh hơi cái thân thiết với từng người. Nghĩ, nhớ miên man. Tôi chợt chọn một người có ít kỷ niệm với mình nhất đi đầu tiên cho loạt bài mới. Nhà văn Võ Phiến. Đây là một lựa chọn nằm ngoài danh sách dự trù, hơi liều mạng, bởi văn nghiệp của ông Võ Phiến quá lớn. Tầm vóc của ông không thể để tôi mang ra dựa hơi. Nhưng suy đi ngẫm lại cái chân tình của ông dành cho tuy đơn sơ nhưng không thiếu ấm áp, tôi khuyến khích tôi. Để bắt đầu, tôi tìm đọc lại những gì ông viết. Thật đáng tiếc tôi không có nhiều tác phẩm của ông. Những bài viết về ông rất nhiều nhưng chẳng có bài nào tôi đọc trọn vẹn, kể cả những bài của những tay viết phê bình nhận định tài hoa Nguyễn Hưng Quốc, Thụy Khuê. Viết được một bài na ná như bài tập làm văn thời trung học đã hơi khó. Tôi không dại gì chơi những đề tài, đã thử đặt ra: Những đặc biệt trong văn phong Võ Phiến, Lắng nghe hơi thở nhân vật của Võ Phiến, Sự thay đổi giữa Võ Phiến quốc nội và Võ Phiến hải ngoại, vân vân... Tôi trung thành với lối kể chuyện tầm phào. Và để bài viết có chút xíu hơi hám văn học, tôi xin đạo văn của chính Võ Phiến đã viết về nhà

văn Nguyễn Tuân, mạn phép sửa lại cái tên cùng thêm vào chút đính, để làm câu kết cho bài này:

"*Võ Phiến (nguyên bản là Nguyễn Tuân) là một nhà văn lỗi lạc; khen ông không lo bị hố. Có nhiều người khen, có nhiều cách khen...*" Tôi không chỉ khen ông là một nhà văn có tài. Ông còn là một nhà văn có tâm. Cái tâm đó ông dành trọn vẹn cho văn học Việt Nam. Tôi biết, để được quyền khen ông, không phải là chuyện dễ. Nhưng đã lỡ tay rồi, kính xin ông và bạn đọc lượng thứ. Ngày trước thi sĩ Bùi Giáng đã viết: *"Yêu em ta rất có quyền / ngồi trên bãi cỏ quàng xiêng vẽ hình.../* tôi xin nhại lại: "*Mê văn tôi hẳn có quyền / ba hoa ăn kẻ làm duyên cho mình*".

Chịu hay không chịu đành chịu!

Luân Hoán
19 Aôut 2006

---

[1] chữ dùng của nhà cầm quyền VN đương thời tặng cho hai nhà văn.

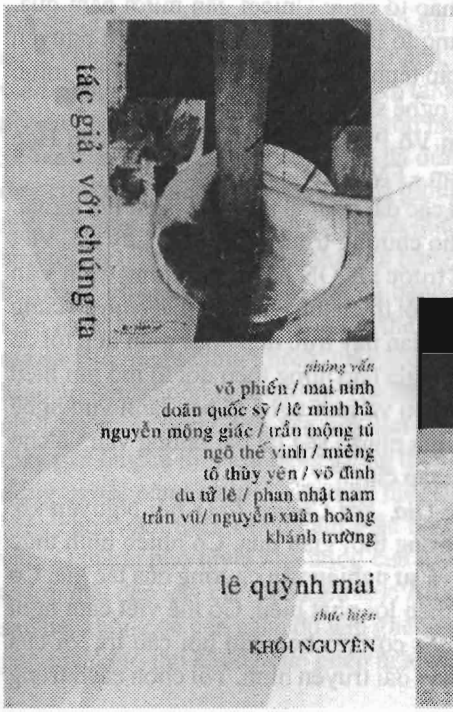

LÊ QUỲNH MAI

võ phiến, và meggie ở baltimore

Năm ấy. Thế giới bắt đầu bước vào thiên niên kỷ mới.

Những cánh lá phong xanh đổi màu đỏ rực vào tháng Chín khi chuyến bay sớm nhất rời thành phố tuyết sang Los Angeles. Đi xa lần thứ bao nhiêu tôi không nhớ rõ kể từ ngày gia nhập tổ chức Unicef gần mười năm qua. Nhưng lần ấy tôi không có tâm trạng lo lắng của thành viên thiện nguyện mà là cảm xúc đặc biệt của người tập tễnh làm "audition" cho vai trò mình muốn diễn dù đã gặp không ít văn nghệ sĩ tên tuổi trước đó.

Tôi đi làm phỏng vấn nhà văn Võ Phiến cho chương trình Văn Học Nghệ Thuật đài Tiếng Nói Việt Nam - FM103.3 - Montréal.

Cũng gần giống công việc của các đài phát thanh Việt Nam hải ngoại. Chúng tôi tự sắp xếp từ A đến Z cho chương trình thực hiện. Lấy tin. Viết dàn bài. Warm (up) giọng như ca sĩ trước khi ON AIR... Chương trình Văn Học Nghệ Thuật được thính giả theo dõi thích thú với mục *Nói chuyện cùng tác giả và giới thiệu tác phẩm*. Thời gian này trực tiếp hoặc gián tiếp tôi đã lấy về nhiều phỏng vấn thú vị. Thính giả hào hứng theo dõi tò mò tìm hiểu về cuộc sống văn thi hữu như tìm hiểu về giới nghệ sĩ bên lãnh vực nghệ thuật. Sau khi phát thanh xong tác giả nhuận sắc lại bài phỏng vấn và cho phép phổ biến đến độc giả trên các tạp chí.

Cuốn sách đầu tay của tôi *Tác Giả, Với Chúng Ta* (Khôi Nguyên xb, 2004) tập hợp những bài đã đăng trong thời gian qua. Có nhiều hình thức để thực hiện tác phẩm về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của tác giả. Có thể viết dưới dạng kể chuyện dựa theo lời phát biểu. Có thể viết cảm nghĩ phê bình xen lẫn lời phát biểu. Hoặc có thể chọn câu hỏi câu trả lời của cuộc đối thoại trên đài phát thanh hay đài truyền hình. Tôi chọn cách trung

thực nhất mà tạp chí TIME thường chọn là cho in toàn bộ lời phát biểu với nhuận sắc của chính tác giả. Không thêm bớt không sửa chữa một chi tiết. Bạn có ý kiến rằng những câu trả lời của tác giả là loại... *văn nói không phải văn viết?* Tôi tôn trọng ý kiến bạn. Nhưng dẫu sao những dòng chữ trong tác phẩm đầu tay do tôi thực hiện cũng có sự góp phần của các thế hệ đàn anh quí mến giúp nhuận sắc theo ý của họ. Đây là chi tiết đặc biệt khi bạn đọc lại bài phỏng vấn. Bởi lẽ có những trả lời bất ngờ đến trong lúc thu âm mặc dù chúng tôi đã làm việc trước về câu hỏi đặt ra. Những lần gặp gỡ cũng lưu lại kỉ niệm giữa người thực hiện chương trình Văn Học Nghệ Thuật đài TNVN - FM 103.3 và tác giả góp mặt. Tôi tin đó là cái duyên trong định mệnh mình.

Và duyên này sẽ dẫn bạn đến khám phá đầy thú vị về tác giả hàng đầu của nền văn học Việt Nam từ nhiều thập niên qua: Võ Phiến.

Thời tiết tháng Chín ở Los Angeles làm tôi quên cái lạnh sắp sửa về thành phố tuyết. Buổi trưa hôm ấy đến Baltimore bằng xe của con rể tướng Đỗ Mậu, tác giả hồi ký đã tái bản gần 10 lần. Tiến sĩ Hóa học Mai Thanh Truyết là Giám đốc điều hành phòng thí nghiệm kiêm Giám đốc nhà máy xử lý chất phế thải BKK tại West Covina, California. Anh và tôi là cộng tác viên của tạp chí biên khảo Đi Tới (xb tại Montréal). Đường xa tít mù ngoằn ngoèo quẹo phải trái giống những con hẻm nhỏ ở Sài Gòn. Khi tôi mở cửa xe bước xuống. Hai bác Võ Phiến đã đứng đón trước cổng nhà. Đó là một ông cụ có nét đặc biệt Trung kỳ với giọng nói "*phẳng bèn bẹt ngang tuột*" như tác giả đã tả chân giọng nói của quê hương Bình Định. Nhưng người làm tôi chú ý không phải là nhà văn hàng đầu của Việt Nam mà là người đi bên cạnh cuộc đời ông. Tôi gọi bà bằng bác. Lúc ấy bác gái mặc áo xanh xậm nước biển có nét vẽ tranh lập thể. Màu áo làm tôi nhớ Mẹ tôi. Màu áo sặc sỡ bao nhiêu cũng không thấy lòe loẹt trên làn da trắng muốt của Mẹ. Màu áo làm khuôn mặt bác gái rực rỡ dưới gọng kính trắng. Tôi thích phụ nữ đứng tuổi chưng diện săn sóc bản thân hơn là xuề xòa giản dị. Tôi cảm thấy gần ông cụ hơn khi nghe giọng thân mật "*chị Quỳnh Mai vô nhà chơi, đứng ngoài nắng chết!*". Căn nhà nhỏ Baltimore lôi cuốn một cách kỳ lạ. Mấy chục năm tôi mới có cảm giác như đang ở Việt Nam khi bước chân vào. Ở thành phố tuyết nhà đóng cửa kín bưng vì khí hậu. Những căn nhà to lớn thật đẹp xây cất theo kiến trúc Âu châu nhưng không có cây ổi trồng sau hè, không có nền gạch đỏ gập ghềnh vì đất không bằng phẳng. Ở thành phố tuyết gió thu không cho phép mắc võng sau hè để trưa về ngả lưng lấy

chân đẩy qua đẩy lại tay cầm quạt phẩy. Chỉ ở căn nhà Baltimore năm ấy tôi mới chợt nhớ Sài Gòn nhớ thời niên thiếu của mình đến ứa nước mắt.

Hiếm có ai hạnh phúc và may mắn hơn Võ Phiến. Đa số nhà văn nhà thơ bất kể ngôn ngữ sắc tộc màu da rất cô đơn trong hành trình dài không thấy đích. Ít khi họ nhận được sự thông cảm giúp đỡ an ủi tinh thần hay giúp kiểm soát bản thảo của người bạn đi bên cạnh cuộc đời. Nhưng trong căn nhà Baltimore tôi nhìn thấy tình yêu tình vợ chồng tình bạn của bác gái dành cho ông cụ lúc bà cầm bản thảo xem lại trước khi Võ Phiến trả lời phỏng vấn. Ông càng dè dặt chi tiết bao nhiêu thì bà càng cẩn thận cặn kẽ bấy nhiêu. Khi thu âm ông cụ chưa trả lời rõ ràng tôi phải bắt đầu lại. Một câu hỏi bất ngờ gần cuối không báo trước. Ông nhất định không trả lời và xua tay chấm dứt. Bà đứng gần bên nhìn tôi cười trong ánh mắt như mong thông cảm. Bác gái tiếp người bạn nhỏ lần đầu gặp mặt như người thân gia đình lâu năm. Trái ổi ruột đỏ hồng hái từ sau vườn cắt thành miếng nhỏ trên đĩa. Đầy đủ hai ly nước trước mặt để thấm giọng trong lúc thu âm. Sự thân mật tiếp khách như con của bác gái làm tôi không nghĩ mình đến thành phố nổi tiếng Bắc Mỹ làm việc mà đang đến thăm hai người lớn tuổi ở một con đường nhỏ nào đó tại Việt Nam. Căn nhà Baltimore không có mùi vị Bắc Mỹ. Căn nhà khi bước vào chỉ thấy một vùng trời quê hương Việt Nam nhỏ bé với chiếc võng sau hè với bộ ghế trúc ngoài phòng khách với bức tranh lụa vẽ phong cảnh núi non bộ. Tình tự quê hương ấy đến bảy năm qua vẫn còn nằm ở góc trí nhớ tôi không phai nhạt.

Ngoài đời thường bác Võ Phiến dí dỏm hơn tôi dự đoán khi đọc văn ông. Ở tuổi ấy dí dỏm thường đi đôi với chỉ trích bảo thủ khó chịu. Nhưng tiếp xúc trực tiếp mới thấm cái dí dỏm sâu sắc của một Võ Phiến Bình Định. Tà tà tinh bơ không nặng giọng không gây ấn tượng khó chịu cho người nghe. Ông cụ có tầm thước trung bình của một người đàn ông Việt Nam và hay cười. Bạn sẽ nhăn mặt khi nghe tả Võ Phiến như bài luận văn của lớp năm tiểu học. À! thật ra không nụ cười nào giống nụ cười nào. Trên khuôn mặt của nhà văn hàng đầu Việt Nam nụ cười của ông đặc biệt hơn giọng nói. Bởi lẽ bạn có thể nghe âm hưởng Bình Định ở đâu đó nhưng không thể tìm thấy *nụ cười Võ Phiến* ở bất cứ nơi nào. Rất... tinh bơ và dí dỏm! Tôi đoán lúc trẻ ông cụ cũng là một trong những cậu học trò nghịch ngợm nhất lớp.

Trước khi đến Los Angeles tôi trao đổi thư tay với bác Võ Phiến về những câu hỏi thắc mắc cần giải đáp và gởi tape đọc thử một đoạn truyện *Đêm Trăng* trong *Tập truyện ngắn Võ Phiến* do Văn Nghệ xb năm 1987 tại

Cali để làm chương trình phát thanh. Khi nhận thư hồi âm tôi đã... không ngủ cả đêm vì thấy hạnh phúc quá sức! Xin trích một đoạn để bạn hiểu tại sao. "*...Về cái tape chị gởi cho, còn một ưu điểm mà tôi sót không nói đến trong thư trước gửi chị. Đó là phần chị đọc một đoạn truyện ngắn của tôi. Tôi "chịu" hai điều: cái đọc rất hay, rành rẽ, giọng đọc có khả năng diễn tả (expressif) thao bát nội dung. Cái đọc tuyệt vời. Tác giả không thể nào đọc được như thế! Nhà tôi nhiệt liệt tán thưởng chị. Cái chọn lựa càng hay: chuyện tình thì có nghìn lẻ chuyện khác nhau, mỗi chuyện mỗi vẻ, khó bề tranh hơn thua nhau ở điểm ấy. Đặc biệt là trong cái yêu này có một vẻ kỳ bí, mỗi lúc một mê hoặc ngay chính người trong cuộc. Kể ra thì mối tình nào cũng có chỗ kỳ bí, chẳng qua ít ai chú ý đến: thiên hạ chú ý đến chỗ mê ly, không chú ý đến chỗ kỳ bí! Tôi nêu ra cái ấy, chị "bắt" được. Tôi "chịu"...* Chưa bao giờ tôi *sung sướng mê tơi* (câu văn Võ Phiến thường sử dụng) như khi nhận được thủ bút của ông bởi lẽ lúc ấy mới là năm thứ tư tôi bước vào sinh hoạt của văn học hải ngoại. Tôi không có "credit" nào ngoài hoạt động trong lãnh vực nghệ thuật như nắm vai trò MC trong các chương trình âm nhạc và thực hiện chương trình Văn Học Nghệ Thuật cho đài phát thanh. Sự nghiệp văn chương của tôi chỉ vỏn vẹn một số bài thơ (và cho đến hiện tại thêm được vài truyện ngắn!) cùng những bài phỏng vấn ngoại trừ sự cố gắng đọc sách rất nhiều trong suốt thời gian ấy. Nhận được thư khuyến khích khen thưởng tôi có cảm giác hệt như nhà văn Võ Phiến khi thấy bài viết lần đầu của mình đi trên báo... "*Thật là bỡ ngỡ, lạ lùng, ngạc nhiên. Chuyện không thể tưởng tượng nổi. Mình cảm thấy tự dưng biến thành một kẻ khác. Không đến nỗi như con cá hóa long, nhưng có thể như là một con cá hóa ra con nhái. Tức là một sinh vật sống dưới nước đột biến thành một sinh vật thuộc loài lưỡng thê, nhảy lên đất. Sau biến cố động trời ấy, mình viết mãi viết mãi cũng không biến thêm một loài gì khác. Nhái bén vẫn cứ nguyên là nhái bén*!" (Tác Giả, Với Chúng Ta, trg 24). Lá thư được xếp trên cùng trong hộp đựng hình ảnh của các tác giả gởi đến. Đôi khi trên đường đi bị vấp ngã tôi mở thư ra đọc đúng ba lần rồi cẩn thận cất lại theo vị trí của nó.Và chấp nhận đi trên những hiểu lầm những khó khăn khúc mắc chung quanh.

Cũng ít khi tôi tìm được sự thâm trầm khiêm nhường nơi một nhà văn mà sự nghiệp cầm bút của ông còn lớn hơn tuổi đời tôi rất nhiều "*Về cái tiểu sử, tôi cảm ơn chị có ý tốt. Chỗ nghề nghiệp và hoạt động, xin vắn tắt: công chức, viết văn, viết báo (ở Vnam cũng như ở ngoài nước). Như vậy gọn hơn. Mình cung khai dông dài, lại "yếu" đi... Về phần tôi, tôi nghĩ người*

viết văn chỉ có một việc làm, một hoạt động đáng chú trọng: là cái viết của anh ta mà thôi. Cái ấy phải làm tốt, và đáng được xem xét kỹ. Ngoài ra anh ta có múa men bằng nhằng nào khác đều là chuyện riêng của anh ta, không đáng quan tâm...".

Lần gặp đầu tiên ông cụ dắt tôi ra sau hè chỉ bức tượng bán thân của Võ Phiến. "*Bức tượng này của Ưu Đàm con họa sĩ Rừng làm cho, Chị thấy giống mặt bác không?*". Cũng lần ấy tôi bắt gặp cặp mắt hiền ngơ ngác đến tội nghiệp đứng sau lưng mình. Cặp mắt Meggie. Khi về nhà bác Võ Phiến tên khai sanh từ chủ cũ đặt cho biến thành Lượm (ông cụ giải thích Meggie thuộc giống chó *Golden retriever* nên đổi tên Thị Lượm và mang họ Hoàng!). Lượm là con gái chưa có người yêu theo tôi biết. Chắc vì không có hơi trai nên có cặp mắt rất ngây thơ chưa biết mùi đời! Nó làm tôi nhớ đến những ngày còn nhỏ ở Việt Nam. Bố tôi nuôi hai con chó thuộc giống Chihuahua đặt tên Typhomycine và Lincomycine. Mang tên thuốc trụ sinh nổi tiếng lúc bấy giờ nhưng hai con chó cưng của gia đình tôi lại èo uột và nhát (hèn?) như thỏ! Khách đến nhà cả hai đứa nó nhìn trừng trừng họ rồi cứ từ từ giật lùi biến vào bất cứ chỗ nào có thể trốn được! Lúc nhỏ tôi khổ sở giận dỗi nhịn cơm khi thấy bố mẹ chăm sóc Typho và Linco. Có lẽ vì ghen nên lớn lên tôi rất sợ và không thích nuôi chó. Vậy mà thấy Meggie cô khách nhỏ của căn nhà Baltimore "chịu" mới kỳ! Càng thấy nó đi theo sau lưng tôi càng hoảng (và tò mò thích thú!) đi nhanh vòng vòng khắp nhà rồi ngoái đầu nhìn lại. Meggie cũng cứ thế theo sau không gầm gừ không nhảy chồm lên hay sủa vang khi thấy khách lạ. Nhưng có lẽ bác gái nhận ra được vẻ "hoảng" của khách nên gọi "*Lượm*" ra sau hè và đóng cửa lại. Từ lúc ấy tôi không nhìn thấy ánh mắt của Meggie thêm lần nào nữa. Khi rời căn nhà Baltimore ngồi trong xe quay nhìn lại phía sau. Hai bác Võ Phiến đứng trước cổng nhà tiễn khách cho đến khi xe xa khuất. Đường trở về vẫn ngoằn ngoèo ngang dọc và kẹt cứng xe trên xa lộ. Nhưng cảm giác khác lúc đến. Sự mong chờ gặp mặt một nhà văn hàng đầu của nền văn học Việt Nam biến thành chút gì vừa hân hoan vừa ngậm ngùi. Tôi nghĩ mình không còn dịp gặp lại ông cụ có nụ cười Bình Định đầy dí dỏm sâu sắc nữa.

Đời sống bận rộn với công việc và hệ lụy không cho phép tôi liên lạc thường xuyên với những tác giả như trước. Đôi khi tìm hồ sơ cần dùng bất chợt thấy lại những bức hình chụp hai bác Võ Phiến. Ký ức trở về làm tôi bất động trong khoảnh khắc: Nhưng dòng đời có những bất ngờ không thể đoán trước. Thời gian không gặp lại tôi ngỡ căn nhà Baltimore vẫn có hai bác Võ Phiến và Meggie.

Đúng ba năm sau vào tháng 10 năm 2003, hình ảnh của cặp chủ nhà hiếu khách đứng chờ ở cổng năm nào lại hiện ra trước mắt. Nhưng lần gặp gỡ thứ hai này ở Santa Ana mà không phải ở con đường Baltimore xa lắc trên Los Angeles. Ngôi nhà mới của bác Võ Phiến đẹp hơn rộng hơn thoáng hơn vì trần nhà xây theo kiến trúc Âu Châu. Vẫn áo màu rực rỡ nền đen hoa hồng đỏ cành lá xanh. Vẫn cái hiếu khách năm nào bác gái ôm tôi cười đằm thắm. Nắm tay ông cụ "*Bác còn nhớ Quỳnh Mai không?*" "*Bác chưa có lẫn đâu chị ơi!*". Vẫn giọng nói dí dỏm Bình Định ấy.Vẫn nụ cười Võ Phiến ấy nhưng thời gian làm ông cụ yếu hơn lần đầu tôi gặp. Xúc động. (Ông cụ còn nhớ nhưng không gian và thời gian bận rộn sắp biến tôi thành... Alzheimer không còn nhớ ai nữa!). Vẫn bộ ghế trúc. Nhưng không có ánh mắt của Meggie theo vòng vòng sau lưng. Không có chiếc võng tình tự quê hương. Không có cây ổi sau vườn ở căn nhà Baltimore. Tôi hụt hẫng và ngậm ngùi hơn khi nghe "*Bây giờ bác yếu hơn nhiều chị ơi. Không muốn viết không muốn làm gì nữa. Leo lên giường nằm là ngủ miết rồi không muốn thức nữa. Bác cũng sắp "lủi" xuống đất tới nơi rồi*".

Võ Phiến luôn sử dụng những từ ngữ đặc biệt độc đáo. "*Sắp **lủi** đến nơi rồi.*" Năm ấy ông cụ 79 tuổi.

Có lẽ duyên vẫn còn. Cuối tháng một năm 2004 tôi gặp lại hai bác Võ Phiến tại tư gia nhà phê bình văn học Bùi Vĩnh Phúc trong buổi tiệc tất niên. Lần này màu áo rực rỡ hơn những cánh hoa hồng lớn. Bác gái giống Mẹ tôi thích hoa hồng đỏ rực. Ông cụ vẫn có nụ cười như lần đầu gặp mặt. Khách đông thời gian ít không cho phép nói chuyện nhiều. Chúng tôi chụp chung ảnh với chị Kiều Chinh. Lần gặp gỡ thứ ba định mệnh dẫn tôi đến với nữ tài tử hàng đầu của nền điện ảnh Việt Nam. Khoảng thời gian sau không lâu tôi thực hiện chương trình Live Talkshow với chủ đề *Kiều Chinh, Con Người và Điện Ảnh* do Trung Tâm Văn Hóa Giáo Dục Hồng Đức tổ chức để gây quỹ xây Căn Nhà Văn Hóa Việt Nam tại Montréal. Talkshow đầu tiên ở Bắc Mỹ trong sinh hoạt cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại kéo dài hơn hai giờ đồng hồ và thu về khoảng 10.000 gia kim sau khi trừ chi phí ngoài dự đoán của Ban Tổ Chức.

Sau lần đầu gặp ở căn nhà Baltimore. Bác Võ Phiến gởi đến thành phố tuyết một bài thơ. Có thể bạn chưa bao giờ đọc thơ Võ Phiến. Tôi cũng vậy. Thật bất ngờ như Dòng Đời có những bất ngờ không hiểu được. Ông viết về Meggie Thị Lượm và những ngày êm ả cuối đời của một nhà văn hàng đầu trong nền văn học Việt Nam.

Dòng Đời

Nửa buổi sáng
Chim nhỏ năm ba con tìm sâu trên cành cam cành hồng
Lão già nằm võng, vợ nằm trên chiếc ghế mây.
Tay trong tay.
Vợ thở êm ả; chồng ngáy ro ro, đều đặn, vang nhà
Con chó bên võng bốc mùi lông ấm áp đậm đà.
Cuộc sống thong thả tiến sang thiên niên kỷ thứ ba

Nhà bên cạnh có ai khua cánh cổng sắt
Con chó ngẩng đầu, đợi chờ, thắc mắc.
Rồi cúi xuống, duỗi dài chiếc mõm trên nền
Lim dim khép mắt
Trên trời cao mây trôi hững hờ
Cuộc sống thanh bình tiến sang thiên niên kỷ thứ ba
Võ Phiến. 10-2000

Tôi vẫn mơ hồ nghĩ đến duyên gặp gỡ với nhà văn Võ Phiến trong định mệnh mình. Ba năm gặp lại một lần. Hạn kỳ đã đến. Có thể "*Nhái Bén năm 2000*" và "*Nụ Cười Bình Định*" sẽ hội ngộ trong buổi ra mắt sách Tuyển Tập Võ Phiến ngày 28 tháng 1 năm 2007 tại Wesminster- California lần nữa.

Bạn có bao giờ tin vào duyên tao ngộ?

Lê Quỳnh Mai
Montréal,
Giáng Sinh 24 tháng 12 năm 2006.

Tìm đọc

Ngôn Ngữ Tuyết

Tập truyện thứ 10 của

Ngô Nguyên Dũng

gồm 9 truyện ngắn mang chung một chủ đề *Tình yêu và Dục tính*

Quyên Book xuất bản.

Giá US$ 12.00

Hỏi mua tại các nhà sách

hoặc liên lạc về

e-mail: nqread@yahoo.com

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

mưa đêm cuối năm

1975 - Năm đó tôi gặp lại anh thật bất ngờ. Đúng vào cái buổi sáng đầu tiên tôi đặt chân lên đất Mỹ. Chiều hôm trước chúng tôi được chuyển đến một trong bốn trung tâm tiếp cư cho người tỵ nạn, trại Indiantown Gap thuộc tiểu bang Pennsylvania. Sáng sau tôi đến Processing Center lập thủ tục nhập trại. Chúng tôi ở barrack số 8. Từ đó đến khu Trung Tâm tôi phải cuốc bộ khá xa, trên một con đường có hàng cây phong thâm thấp trồng rất thẳng hàng. Bên trái là dẫy mess halls một từng nền xi-măng nhô cao mái màu xanh lá cây dùng làm phòng ăn cho dân tỵ nạn. Bên phải là bãi cỏ trống rất rộng hình như là sân banh của trại lính. Tuy là tháng Sáu mùa hè nhưng sáng hôm đó trời cũng lành lạnh như đã vào thu. Khi đi qua cánh đồng cỏ trống tôi hít thở không khí của nước Mỹ và cảm thấy không khí nhẹ tênh. Một con sóc từ trên đùm lá phong thoăn thoắt đổ dọc thân cây, chạy băng mặt đường. Một con khác đứng cạnh thùng rác của barrack, nó đứng thẳng trên hai chân sau đang gậm nhấm thức ăn bằng hai chân trước, đôi mắt lơ láo nhìn tôi thách đố. Hồi đó tôi không quen thấy cái dạn dĩ của những con thú hoang nên rất đỗi ngạc nhiên.

Làm xong thủ tục tôi đi lơ ngơ trong khu Trung Tâm nơi được xem là "downtown" của trại Indiantown Gap. Ở đây người tỵ nạn đông vô kể. Đông nhưng lại không ồn. Cố nhiên. Vui nhộn sao được những ngày tan tác ấy. Từng đám từng đám thầm lặng đứng xếp hàng. Đâu đâu cũng thấy xếp hàng. Tôi cũng tấp vào một đám đứng xếp không cần biết cái hàng này nó dẫn mình đến đâu. Nửa giờ sau khi đã lọt vào trong phòng tôi mới biết đó là nơi phát chẩn quần áo cũ. Mỗi người được chọn hai bộ. Tôi bước vào cái kho tôi tối dành cho đàn ông. Quần áo được móc tươm tất trên những giá cao đặt song song, giữa là lối hẹp người đi phải lách vai để tránh nhau. Tôi chọn cái sơ-mi ướm thử vào người. Không chắc ăn tôi lại đưa thẳng hai cánh tay ra trước căng cái áo ra ngắm nghía, vô tình tôi bước thụt lùi đụng

mạnh vào đít một người đàn ông, chắc cũng đang lui cui thử áo như tôi. Tôi quay hẳn người lại tính nói xin lỗi. Bỗng tôi kêu lên sừng sốt: "Trời! Anh Võ Phiến...".

1958 - Bút danh Võ Phiến tôi nghe đầu tiên từ cửa miệng thầy giáo tôi. Trong một chuyến du ngoạn ở Tây Ninh mười bảy năm trước đó. Năm ấy tôi học lớp Đệ Tứ trường trung học Chu Văn An Sài Gòn. Cái tuổi còn mộng mơ. Giờ học tôi thường lơ đãng nhìn ngoài cửa sổ có cây phượng đại thụ thòng xuống chi chít những quả đen dài queo quắt. Nhưng vị thầy trẻ tuổi dậy môn Việt văn của chúng tôi lại cứ bắt tôi về với thực tế. Thực tế lại không hay ho gì lắm. Những ngày nóng bức từ nhà xí sát cạnh lớp một mùi khai khai thoảng nhẹ qua hòa vào những lời giảng thơ văn của thầy. Biết tôi là con một nhà văn tên tuổi, thầy cứ chắc mẩm là tôi phải xuất sắc về môn học của mình. Thầy không để tôi yên. Bình giải thơ Nguyễn Công Trứ xong thầy cho chúng tôi 20 phút viết phần dẫn nhập bài luận đề, thầy nói là sau đó thầy sẽ kêu tên một hai trò trong lớp đọc to cho cả lớp nghe và cho điểm. Nói xong thầy liếc xéo về phía tôi. Tự nhiên tôi có linh cảm chắc chắn thầy sẽ kêu tên mình. Thế là trong lúc hai thằng bạn ngồi cùng bàn Đỗ Diễn Nhi và Tạ Huy Sáng đánh cờ ca-rô thoải mái thì tôi hốt hoảng nặn bút viết. Mà viết phải cho hay để khỏi mất mặt ông cụ! Tôi nhớ là mình mới đọc có dăm câu: "Ảnh hưởng của tư tưởng Lão Trang trong nền thi giới nước ta..." tức thì ở dưới "đám nhà lá" đã có tiếng trầm trồ khen hay! Cái đám vờ vĩnh đó chúng khen xúi tôi để lần tới thầy lại tiếp tục gọi tên tôi nữa.

Cuối niên học, thầy Việt văn của chúng tôi hướng dẫn lớp Đệ Tứ B đi du ngoạn Tây Ninh. Chúng tôi lên đầy một xe buýt. Đến Tây Ninh chúng tôi leo núi Bà Đen và thăm thánh thất Cao Đài. Đó là chuyến du ngoạn duy nhất trong đời học sinh của tôi. Ngày hôm ấy theo lịch trình thì xe buýt phải quay lại đón chúng tôi lúc hai giờ trưa để về Sài Gòn nhưng không biết sao đến ba giờ cũng chưa thấy xe tới. Buổi trưa trời hè nóng gay gắt. Tôi mệt đừ ngồi bệt xuống vỉa hè đường dưới bóng mát hiếm hoi của hàng cây sao cao vút. Trên một khúc đường rộng đâm vào tòa thánh thất mấy chục học sinh với đồng phục quần xanh áo trắng đứng ngồi tản mạn từng đám. Bỗng thầy Việt văn lại gần, thầy ngồi xổm nói chuyện với tôi. Chúng tôi nói về sinh hoạt văn nghệ. Hồi đó ông cụ tôi đang chủ trương nguyệt san Văn Hóa Ngày Nay. Trong câu chuyện thầy vụt hỏi tôi: "Em đã đọc Mưa Đêm Cuối Năm chưa?". Tôi trả lời thầy là tôi chưa đọc. Thầy nói: "Em nên tìm đọc. Võ Phiến viết hay lắm!". Võ Phiến? Cái tên lạ hoắc!

1975 - Anh cũng sững sờ nhìn tôi lắp bắp: "Trời! Anh...Anh...". Chúng tôi bàng hoàng nhìn nhau không thể tưởng tượng gặp lại nhau trong cảnh huống này. Tôi chưa kịp hỏi thăm anh đã hỏi về hoàn cảnh tôi. Tôi nói là vợ con tôi đã đi trước bằng máy bay của cơ quan DAO. Còn chúng tôi, bốn quân nhân mà vợ con đã cùng nhau đi trước, đến sáng ngày 30 tháng Tư mới thoát ra Nhà Bè lên tàu trong đường tơ kẽ tóc. Chúng tôi lạc vợ con cả tháng trời và gần đây mới biết là vợ con tất cả đang ở trại Pendleton, California. Còn anh, anh cho biết là anh chị đi bằng đường máy bay cùng với người con gái út và anh chị có đứa con trai thứ ba đang du học ở bên Úc.

Thấy nói chuyện lâu trong phòng chật chội không tiện tôi rủ anh chốc nữa vào câu lạc bộ trong khu Trung Tâm uống nước. Chúng tôi tiếp tục lựa quần áo. Có tiếng anh than thở ở sau lưng: "Người mình nhỏ thó khó lựa quần áo quá! Được cái sơ-mi màu ưng ý thì lại rộng thùng thình. Cái áo nào vừa vặn thì màu sắc chim cò trông kỳ cục quá! Quần cái nào bụng vừa thì lại ngắn cũn...". Tôi đáp: "Anh còn đỡ hơi tôi. Anh còn có chiều cao."

Vào câu lạc bộ chúng tôi ngồi vào một bàn trống. Không có ai bán cà-phê ở đây. Ở góc câu lạc bộ có mấy cái máy bán nước ngọt có vẽ cái chai Coca Cola. Nhìn cái máy "hiện đại" quá tôi không biết sử dụng thế nào nên chúng tôi đành nói chuyện xuông. Tôi nói với anh: "Anh biết không. Ngày chót ở Sài Gòn tôi tình cờ gặp Trần Phong Giao. Trên đường Trương Quốc Dung gần phi trường Tân Sơn Nhất. Thấy tôi anh quặt xe mô-bi-lét, nói với tôi gần như hốt hoảng: "Viên Linh đi rồi! Tôi thấy hắn ở phi trường!" – "Thế hả?". Anh chồm tới, có vẻ lưu tâm. Tôi tiếp tục: "Lúc đó tôi vội vã quá! Vợ con chúng tôi đã lên máy bay rồi mà bốn chúng tôi còn ở lại. Lúc đó tôi chỉ có đúng 15 phút để về nhà từ biệt bà cụ. Tội nghiệp bà. Ông anh cả tôi từ bên Pháp đã gửi vé máy bay Air France cho bà cụ. Chuyến máy bay ngày hai tháng Năm. Không kịp rồi. Bà cụ sợ. Nội cái tên bà Nguyễn Tường Tam...".

Nói đến đây tôi thấy trong mắt anh Võ Phiến lóe như có một làn điện giật. Tự nhiên người anh như bừng dậy. Anh rối rít. Tôi hiểu ra. Té ra sau nửa giờ nói chuyện với anh anh vẫn chưa nhận ra tôi là ai. Là một người tế nhị anh không để hé lộ ra là anh không nhớ. Tôi sực nghĩ ra là từ lúc gặp anh mặc dù vồn vã anh ít nói hơn tôi và những câu thăm hỏi của anh chỉ có tính cách chung chung. Chắc hẳn là trước đó anh thấy tôi quen quen. Chắc hẳn là khi tôi nhắc đến Trần Phong Giao thì anh cũng đoán là giữa anh và tôi có tương quan văn nghệ. Nhưng anh không nhớ đích xác. Cho đến lúc cái tên của ông cụ được bật ra. Mà anh không nhớ cũng phải thôi. Trước

đó tôi chỉ gặp anh có hai lần, hai lần đó cũng đã xa rồi. Còn tôi, tôi nhớ ra anh ngay cũng không gì lạ. Bởi vì tôi mê văn anh đã từ lâu, lâu lắm. Phải nói một cách thành thực là hồi đó tôi mê đọc văn anh còn hơn là tôi đọc văn của chính ông cụ tôi. Bởi vì văn anh gần gũi với tôi hơn. Anh có cái nhìn sâu sắc của Nhất Linh, nhưng là một Nhất Linh nhìn vào đời thường của cái không gian chúng tôi đang sống.

Lúc đó cả anh và tôi đều không thể có bất cứ một dự tính gì về tương lai. Ngay cả một nơi để định cư cũng không biết chắc được. Nhưng chúng tôi đều biết là thế nào cũng phải liên lạc với nhau. Anh cho tôi địa chỉ người con của anh ở bên Úc. Tôi cho anh địa chỉ của ông anh tôi ở bên Pháp. Rồi chúng tôi chia tay.

1959 - Có tiếng chân bước lên cầu thang. Tôi đang ngồi học bài trên lầu hai chung cư chợ An Đông Sài Gòn. Đó là bước chân ông cụ. Bao nhiêu năm sống chung trong căn phòng hẹp ấy chúng tôi có thể phân biệt tiếng bước chân của từng người lên lầu. Năm đó tôi bỏ trường Chu Văn An để học nhảy lên lớp Đệ Nhị ở trường tư thục Hoàng Việt đường Phan Đình Phùng, trường này vừa xây xong mới được khánh thành. Ông cụ đặt cái cặp da xuống sàn, ông ngồi xuống cái ghế xếp quen thuộc của ông (Chính trên cái ghế này bốn năm sau ông uống liều thuốc ngủ Belladénal kết liễu đời mình). Tôi đưa ông xem cái tờ quảng cáo của trường Hoàng Việt. Tờ quảng cáo nêu rõ ông là Cố Vấn của trường. Tôi ngợ là người ta lạm dụng tên tuổi ông. Ông hỏi tôi những ai trong ban sáng lập trường. Tôi đọc nhiều tên. Có Trần Bích Lan, có Trần Văn Tuyên, có LM Hoàng Quỳnh... Và nhiều người nữa. Ông không nói gì.

Ông cụ mở bia uống. Bière Larue đầu cọp. Ông châm điếu Bastos xanh. Trông ông mệt nhọc nhưng thoải mái. Tôi với cuốn truyện mỏng tang trên kệ sách đưa ông rồi nói: "Con đọc rồi. Hay lắm!" Ông cụ bỏ cuốn truyện vào trong cặp da, cái cặp mà lúc nào ông cũng tha đi theo người, trong cặp có nhiều cuốn sách truyện và những tài liệu linh kinh. Thời gian này ông đang cố viết cho xong tập biên khảo: "Viết và Đọc Tiểu Thuyết". Cuốn truyện mỏng kia tôi vừa đưa trả ông cũng được lôi ra từ cái cặp ấy vào tuần lễ trước.

Ông cụ tôi về nhà rất thất thường. Ông làm việc say mê và thường ngủ lại ở tòa báo. Thỉnh thoảng ghé nhà ông thường hỏi việc học hành của tôi và đôi lúc, như tuần trước, ông và tôi bàn chuyện văn nghệ. Cũng hiếm thôi. Mặc dù hồi đó tôi có viết ít truyện ngắn đưa ông xem và ông rất thích nhưng ông không hề có ý khuyến khích con cái đi vào con đường của ông. Dù

là đường chính trị hay văn nghệ. Ông cụ cho con cái tự do tuyệt đối trong việc lựa chọn đời mình. Mặt khác ông cụ nhìn người rất tinh. Đó là biệt tài của ông. Năm ngày trước khi chết ông đến nhà in Trường Sơn đánh máy tờ Uỷ Quyền: "Tôi, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, giám đốc nhà xuất bản Phượng Giang và Đời Nay, ký tên dưới đây xác nhận rằng: trong khi tôi vắng mặt (bất cứ vì lý do gì) thì con tôi là Nguyễn Tường Thiết sẽ thay thế tôi điều khiển hai nhà xuất bản kể trên và quyết định việc xuất bản các tác phẩm của tôi. Làm tại Sài Gòn ngày 2 tháng Bảy năm 1963". Suốt 40 năm qua sáu chữ trong dấu ngoặc đơn ám ảnh tôi... nó ám ảnh tôi quay quắt.

Trong câu chuyện nhân bàn về các nhà văn ở miền Nam và sực nhớ tới lời thầy Việt văn ở Tây Ninh tôi nói: "Cậu phải đọc Võ Phiến. Hay lắm!" Tôi nói càn như vậy chứ thực sự lúc ấy tôi cũng chưa đọc truyện của ông ta. Không ngờ ông cụ lại nhìn sâu vào tôi hỏi lại: "Con đã đọc chưa?" Tôi nói chưa đọc nhưng nghe nói là hay. Ông mở cặp da lấy ra hai tập sách mỏng. Thần Tháp Rùa của Vũ Khắc Khoan và Mưa Đêm Cuối Năm của Võ Phiến. Đưa tôi cuốn sau, ông nói: "Con đọc thử xem. Viết được lắm!"

Tôi có một tuần để đọc. Lần đầu tiên tôi làm quen với dòng văn của anh. Nhưng phải thú thực là tôi bị chia trí hơi nhiều. Bởi trong lúc đọc văn anh tôi có lẫn cái nhìn của ông cụ. Cầm cuốn sách mỏng trên tay - Mưa Đêm Cuối Năm của Võ Phiến do cơ sở Tự Do xuất bản - tôi lật từng tờ, từng tờ chi chít những ghi chú những lời bình phẩm của ông cụ. Nét chữ nhỏ nhít của ông gần như chiếm hết lề sách. Ở chỗ này ông phê: "Nhận xét rất sắc!" Ở trang nọ ông phết: "Hay lắm!" Chỗ này: "Đoạn này nên thêm chi tiết. Sẽ hay hơn!" Chỗ kia: "Văn cầu kỳ. Lập dị". Chỗ khác: "Lại lập dị...". Tôi không ngờ ông cụ tôi đọc kỹ thế!

2003 - Bốn mươi bốn năm sau vào một ngày cuối năm Ngọ vợ chồng chúng tôi đến Los Angeles thăm anh chị Võ Phiến. Trước khi đi chúng tôi ghé khu Bolsa. Nhà tôi lựa một bó hoa phong lan màu nghệ rất lạ và đẹp làm quà biếu anh chị. Hoa lan vốn là loài hoa tiên cảnh của ông cụ. Trên xa lộ đến nhà anh tôi cứ bị ám ảnh bởi một món quà khác và cứ tiếc mãi phải chi tôi có trong tay để tặng anh. Hẳn là anh sẽ xúc động xiết bao! Đó là cuốn sách của anh với chi chít những hàng chữ chăm chút của ông cụ. Trong cái tiếc của tôi còn có lẫn một chút hận mình, một chút xót xa. Bởi vì chính tôi đã cầm nó trên tay, vào cái ngày cuối hãi hùng 29 tháng Tư năm 1975 ấy, tính bỏ chung vào cái bao nylon cùng với bản thảo cuốn Xóm Cầu Mới và Giòng Sông Thanh Thủy để đem đi, nghĩ sao tôi lại bỏ xuống.

1973 - Lần đầu tiên tôi gặp anh tính đến nay đã vừa đúng ba thập niên.

Năm đó tôi phụ trách nhà xuất bản Phượng Giang. Cuốn sách đầu tiên là cuốn Xóm Cầu Mới của ông cụ. Cầm cuốn sách nguyên tinh mới ra lò, tôi nghĩ ngay đến việc tìm anh để tặng sách. Hồi đó sách Võ Phiến tôi đều đọc nhẵn, ngay cả cuốn truyện dài Về Đâu của anh đăng từng kỳ trên báo Bách Khoa tôi cũng theo dõi không bỏ sót một số nào. Nhưng tôi vẫn chưa có cơ hội gặp anh, một nhà văn lúc này đã nổi tiếng và cũng là người tôi hâm mộ. Buổi sáng ấy tôi lái xe gắn máy đến Bộ Thông Tin đường Phan Đình Phùng nơi anh làm việc. Hình như anh làm Sở Kiểm Duyệt hay Điện Ảnh gì đó. Tôi nhớ là mình lên lầu, đi vòng một cái hành lang, văn phòng anh ở mé phải. Tôi gõ cửa. Gặp anh tôi hơi khớp. Không phải theo cái nghĩa một độc giả lần đầu được gặp người mình ái mộ đâu. Lúc đó óc tôi thấm đầy những nhân vật của anh. Tôi sợ bị anh nhìn tôi hệt như anh nhìn các nhân vật trong truyện của anh vậy. Anh tinh quá đi! Nhân vật nào trong cái nhìn sắc nét của anh cũng như bị lột truồng ra, cũng lộ những chỗ hớ hênh!

Tôi yên tâm ngay khi nói chuyện với anh. Mặc dù anh hơn tôi những 15 tuổi nhưng anh xem tôi ngang hàng. Chúng tôi xưng hô anh tôi trong tình văn nghệ thân mật thoải mái. Mới bước vào nghề xuất bản, tôi có rất nhiều câu hỏi về tình hình sách truyện trong nước cũng như kinh nghiệm ngành xuất bản của anh. Tôi đã không học được một chút gì kinh nghiệm từ ông cụ, bởi lẽ mười năm trước đó khi ông mất tôi mới là một sinh viên khoa học không hề nghĩ một ngày nào đó mình sẽ đi vào ngành sách. Gặp anh tôi thấy Võ Phiến con người cũng y như văn phong anh. Chừng mực, điềm đạm, tế nhị có phần hơi quá nhã nhặn, lễ độ nữa. Tôi chỉ không thấy được ở anh lúc ấy cái duyên thầm nó thể hiện rất tự nhiên trong văn anh, nó bật lên ngay cả trong cách anh sử dụng ngôn từ. Còn về sự tinh tế của anh thì hôm đó tôi được dịp nhìn thấy. Sau khi nói chuyện khá lâu tôi sực nhớ là anh đang làm việc và tôi đã lấy thì giờ của anh lâu quá. Tôi ngừng lại, tính xin cáo từ. Hai cánh tay anh đặt trên bàn giấy. Tôi thấy anh nhìn thoáng vào cổ tay trái của mình có đeo đồng hồ tay. Rất nhanh, dường như sợ tôi hiểu cái nhìn đó như một cách nhắc nhở khách, anh chăm chú nhìn vào cổ tay ấy lâu hơn rồi anh đưa ngón trỏ bàn tay phải búng một vết bụi gần khuy manchette trên chiếc tay áo trắng tinh.

Cầm trên tay bộ truyện Xóm Cầu Mới anh tiễn tôi ra tận ngoài hành lang. Trên đường về vương lại trong tôi giọng nói của anh, giọng đặc biệt địa phương của người miền Bình Định. Nó lạ tai với tôi bởi vì hồi đó giọng miền Trung tôi chỉ quen nghe giọng Huế thảng hoặc giọng Quảng thôi. Thấm cái giọng nói của anh, tự nhiên - như thể cái giò cua đồng của chị Bốn Thôi

hễ động mạnh thì những con cua trong giỏ cựa mình kêu rạo rạo - những nhân vật trong truyện Võ Phiến, ông Ba Thê, anh Bốn Thôi, ông Bốn Tản, chị Bốn Chìa Vôi, bà Hai Hồ, anh Ba Càng Cua... nay cũng trở mình trong tôi kêu lên, gọi nhau rối rít bằng cái giọng đặc biệt của miền đất khô mặn ấy, chúng mới linh hoạt làm sao!

Hai hôm sau, trước sự ngạc nhiên của tôi, anh Võ Phiến đến thăm tôi ở chợ An Đông. Anh đến vào buổi tối, chắc là theo địa chỉ nhà xuất bản Phượng Giang tôi ghi sau cuốn sách Xóm Cầu Mới. Cuốn sách đó tôi đã đem biếu đôi ba chục người. Anh là người duy nhất đã tìm đến tôi trả lễ và để tặng tôi cuốn sách anh mới ra, cuốn tùy bút Đất Nước Quê Hương. Sự ân cần đối với một người kém xa tuổi anh mà tôi tưởng rằng chỉ có nơi ông cụ tôi khiến tôi rất cảm động.

1976 - Hôm đó nhân rạp hát gần nhà có chiếu phim cũ Cuốn Theo Chiều Gió ấn bản mới vợ chồng tôi kéo đi xem, nhân thể cho biết mặt mũi rạp xi-nê ở nước Mỹ ra sao. Hồi còn ở Sài Gòn chúng tôi mê xem xi-nê lắm. Rạp Rex, rạp Eden, rạp Vĩnh Lợi, rạp Đại Nam... Lần nào cũng thế hết phim ra khỏi rạp là cảnh vật bên Mỹ đứt rụp, đối diện ngay với thực tại là cái trưa hè nắng chói chang, cái bùng binh Sài Gòn đông ngụt người. Lần này ra khỏi rạp, đứng trên thềm cao đảo mắt tìm chiếc xe hơi của mình đậu trong khu parking vắng hoe của Lakewood Mall, thốt nhiên tôi lặng người. Thoáng cái tôi không biết là mình đang ở Mỹ vừa đi ra khỏi rạp xi-nê hay là tôi đang ở Việt Nam vừa bước vào trong rạp! Cứ như thế... như thế... năm đầu tiên của tôi ở Mỹ đời sống trôi đi mơ màng như không thực. Đầy những khắc giây những giấc mơ Trang Tử thời đại!

Tôi viết thư cho anh. Hồi đó cả anh và chúng tôi đều chọn miền cực bắc nước Mỹ để định cư. Nhiều bức thư bay qua lại giữa hai tiểu bang lạnh lẽo Minnesota và Washington. Anh trả lời tôi ngay. Bức thư anh mào đầu bằng một lời gọi: "Anh Thiết ơi!" nghe như vọng từ vùng quê hương xa lắc... "Đấy anh xem! Anh là người của thành phố đã quen lối sống thị tứ mà còn thấy ngỡ ngàng. Huống hồ chúng tôi...". Tôi hiểu anh muốn nói gì. Trước kia những nhân vật trong truyện của anh - hay chính anh - đã từng ngỡ ngàng lạc lõng ngay trong lòng quê hương mình, ngay trong lòng thủ đô Sài Gòn. Từ Gò Vấp, từ Hòa Hưng vọng về Bình Định, về Quy Nhơn... những cánh Thư Nhà... lại Thư Nhà...

Tôi mường tượng anh đứng ở giữa cái Mall ấy, ngơ ngác...

Năm đầu định cư tôi vớ được nhà thơ Xuân Hiến, ở cùng thành phố. Kể cho anh Hiến nghe về cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh ở trại Pennsylvania,

anh Hiến mừng quá rối rít xin tôi địa chỉ anh. Hóa ra hai anh Xuân Hiến, Võ Phiến đã biết đã thân nhau từ lâu, hồi còn làm tờ Bách Khoa.

Anh Võ Phiến ơi! Để tôi kể anh nghe đôi chút kỷ niệm với người bạn văn đã khuất bóng của anh. Tính anh Xuân Hiến xuề xòa lắm, anh đã biết. Năm ấy anh khoe với tôi anh bắt được cái job hay lắm. Anh làm janitor cho một trường đại học cộng đồng, "ca" đêm. Ban ngày anh ngủ, tối anh đi làm. Giờ Mỹ và giờ Việt Nam như đêm với ngày. Anh tâm tình với tôi, cảm động: "Mình ngủ với quê hương, mình thức với quê hương".

Hồi đó tôi mê đi câu cá lắm. Đến bây giờ vẫn còn mê. Tôi nói với anh Hiến là giá tôi mê viết như tôi mê câu thì chắc là tôi cũng sẽ thành văn sĩ le lói như ai. Một hôm nọ tôi mới mào chuyện đi câu với anh thì chị Xuân Hiến đã đâm bổ vào, chị xoắn xuýt. Thế là tôi có ngay một người bạn câu mới, còn mê câu hơn cả tôi. Một bữa đứng câu với chị ở chân cầu Purdy, câu đã nửa ngày trời mà chả được con nào, tôi nghỉ tay. Từ thành phố Tacoma đến Purdy cũng xa lắm, đến 20 dặm. Từ sáng sớm thấy chị đi câu có một mình tôi cứ đinh ninh chị lái xe lấy. Không ngờ thấy tôi nghỉ, chị nói, tỉnh khô: "Anh Hiến chở tôi đi, anh ấy ở trong xe, chỗ parking ấy!" Tôi giật bắn người: "Trời! Chị để anh ấy chờ những bốn tiếng đồng hồ trên xe... Sao chị ..." – "Anh đừng lo cho anh Hiến. Giờ này là giờ ngủ của ảnh!" Tôi chạy bổ lên trên cầu đến parking tìm anh. Thấy tôi anh mừng lắm. Trông anh không có vẻ gì là người mới ngủ dậy, anh tỉnh táo, mặt tươi rói. Vừa mở cửa xe anh vừa giơ cao một xấp giấy: "Tôi vừa mới viết xong được một truyện ngắn! Thú lắm! Đang nghĩ đến chuyện gặp ai để khoe, thì may quá gặp anh! Chúng mình tìm chỗ nào ngồi tôi đọc anh nghe!" Trông anh sung sướng thấy rõ. Mấy tiếng đồng hồ ngồi trên xe cầm bút hạnh phúc của anh cũng phơi phới ngang ngửa với chị Hiến cầm cần câu dưới chân cầu. Chúng tôi đi kiếm chỗ ngồi trên ghềnh đá, nhìn ra vịnh Puget Sound. Trời trong vắt. Những con chim hải âu bay lượn vui nhộn trông cũng rạo rực như anh Xuân Hiến. "Đây tôi đọc anh nghe. Truyện có cái tựa Cái Sọt Rác". Gió thổi từ vịnh ùa vào lật phật mấy tờ giấy anh cầm. Vừa căng giấy anh vừa đọc tôi nghe. Lẫn trong truyện anh kể tôi nghe có tiếng kêu chíu chíu của bầy hải âu bay là trên đầu, tiếng sóng đập vào ghềnh đá rồi rút ra choàng vào chúng tôi những bụi nước mặn li ti. Đêm đêm, một mình, anh Xuân Hiến sống trong thế giới câm lặng của đồ vật trong những văn phòng trống vắng của trường đại học ấy. Công việc quét dọn quá nhàn nhã, mất chừng hai giờ cho một việc trả lương tám tiếng. Khi anh đến chỗ làm, cái sinh hoạt nhộn nhịp của văn phòng đã dứt từ lâu. Khi anh trở về nhà, cái

sinh hoạt ấy còn lâu mới bắt đầu. Đêm đêm anh nghe bước chân mình đơn độc trên hành lang, trong văn phòng. Xẹt qua bàn giấy này anh nhấc xem một khung ảnh gia đình. Ghé bàn kia anh phát giác hai ba cái "cấp" cà-phê cái nào đáy cũng đen ghét. Có bàn ngăn nắp có bàn thật bừa đến phát ngợp. Anh tần mần quan sát dòm ngó đồ vật trên bàn giấy rồi tưởng tượng con người ngồi sau bàn ấy phái tính, trẻ già, tính tình... Còn những cái sọt rác nữa chứ! Chúng tố cáo nhiều thứ lắm. Chuyện công chuyện tư nằm trong đó cả. Một bữa nhẩn nha anh lấy hai ngón tay gắp lên tờ giấy đã vò nhầu mở ra đọc anh khám phá một bức thư tình viết dang dở. Qua sọt rác ấy anh theo dõi mối tình của cô gái trong nhiều tháng... Những bức thư cô viết dang dở nằm trong sọt rác đã đành, ngay cả các bức thư khác tuồng chữ, bức thư hồi âm, cũng cùng chung số phận. Rồi đêm này, tháng nọ trôi qua, cái thế giới ban ngày của văn phòng ấy hiện rõ như chắc nịch trong trí tưởng của anh Xuân Hiến. Cho đến một hôm...

Anh Võ Phiến à, ông cụ tôi ngày xưa đã cầm kéo cắt cái xoẹt khúc đuôi truyện ngắn Đôi Guốc Trắng của nhà văn Nhật Tiến. Truyện này đăng trên Văn Hóa Ngày Nay có kết cục bỏ lửng đâm ra hay hay. Tôi cũng bắt chước, ngừng ngang xương Cái Sọt Rác của anh Xuân Hiến ở đây.

1981 - Gọi tên bốn mùa. Mùa nào cũng mưa. Đó là tiểu bang xanh chúng tôi ở. Cuối năm ấy anh chị Võ Phiến từ California lên thăm. Sau có hai năm ở Minnesota anh chị đã tìm về miền nắng ấm để định cư. Còn chúng tôi vẫn gắn bó với tiểu bang ủ ê này. Đêm hôm đó trời đổ lạnh. Buổi chiều đã có dấu báo hiệu. Trời âm u mà nhiệt độ hạ thấp. Tối nay tuyết sẽ rơi. Điện thoại reo. Tiếng anh Xuân Hiến: "Lát nữa chúng tôi ghé thăm anh chị. Có anh Võ Phiến lên chơi!" Trước khi cúp, tôi còn nghe ở phông tiếng nói líu ríu của hai chị. Trời! Tôi nghĩ. Anh chị Võ Phiến đã quá hãi cái lạnh, cái tuyết của Minnesota, đã trốn nó từ bốn năm nay. "Cái bang" này thiệt tệ! Không điệu với khách quý của chúng tôi chút nào. Để chữa lại tôi nghĩ ngay đến việc sưởi ấm phòng khách để tiếp anh. Ra ga-ra tôi check mấy khúc củi. Lâu không dùng củi ẩm quá, không khéo đốt không ra lửa mà khói um ra nhà, khóc cả đám! Tôi lái xe ra Safeway gần nhà tha về năm sáu khúc Duraflame. Bảo đảm cháy gọn. Ngọn lửa trong lò sưởi vừa bùng lên thì có tiếng xe hơi đỗ ở ngoài. Anh Xuân Hiến dẫn anh Võ Phiến vào nhà tôi qua ngã ga-ra. Cả hai anh trang bị kỹ lắm, mũ, khăn cổ, áo măng-tô. Tôi nhìn anh Võ Phiến đang phủi tuyết lấm tấm trên áo. Sáu năm không gặp tôi thấy anh mập ra. Anh trả lời: "Mập bịnh đó! Không tốt đâu...". Nhà tôi trách anh Xuân Hiến: "Hai chị đâu? Sao anh không chở hai chị đi luôn!" – "Thì cũng

tính đi đó. Nhưng thấy trời sắp tuyết hai bà sợ...".

Hơn hai mươi năm đã qua tôi không nhớ rõ trong hai tiếng đồng hồ ở nhà tôi cái đêm tuyết lất phất rơi đó tôi đã nói những chuyện gì với anh. Tôi mừng là không nhiều. Tôi cứ chạy lăng xăng lo nhóm cái lò sưởi, lo tiếp củi, giữ cho cái ngọn lửa luôn luôn tỏa hơi nóng tối đa. Lâu lâu tôi góp với hai anh một tí rồi chạy đi. Nhưng một hình ảnh rất đẹp ghi sâu trong ký ức tôi. Hình ảnh đêm đó anh Xuân Hiến và anh ngồi trên cái love seat ấy dưới ánh hồng của lò sưởi đỏ rực mê mải nói chuyện với nhau. Các anh nói chuyện cũ, cái thời báo Bách Khoa đường Phan Đình Phùng của Sài Gòn thuở nào, cái thời không có tôi tham dự.

Sáng hôm sau tôi gọi cho anh Xuân Hiến thì anh cho biết anh chị Võ Phiến đã rời từ sáng sớm. Anh chị đi xe hơi. Đi vội vì đài khí tượng tiên đoán một trận bão tuyết sẽ đến trong ít ngày tới. Anh chị cần phải vượt qua một khúc đèo dài khủng khiếp ở tiểu bang Oregon trước khi cơn bão ập xuống.

Ngày mười tháng Chín năm sau anh Xuân Hiến qua đời. Cái chết của anh bình thản đôn hậu như con người anh. Một vài người bạn rủ anh đi chùa Việt Nam ở Seattle. Trong lúc chờ để mạn đàm với Thầy trụ trì, anh ngồi ngủ gục trên ghế xa-lông. Chuyện này rất thường xảy ra nên tất cả để yên anh ngủ. Không ai biết anh bị stroke. Chờ đến nhà thương anh vẫn mê man. Chị Xuân Hiến nhờ tôi thông báo cho các bạn văn của anh dưới Cali. Khi anh Lê Tất Điều bay lên đến nhà thương anh vẫn không tỉnh. Cho đến khi anh ra đi...

Sáu năm sau, tôi nhận được cuốn sách Tùy Bút Võ Phiến do nhà Văn Nghệ xuất bản. Trang đầu có lời đề tặng: "Thân mến gửi anh chị Nguyễn Tường Thiết. Ghi nhớ một đêm ở Tacoma, bên lò sưởi. Võ Phiến. Los Angeles XII-1987". Vâng. Cái đêm đó thật đáng ghi nhớ... nhớ một người bạn đã ra đi quá sớm. Anh Xuân Hiến.

2003 - Một buổi sáng đầu năm Mùi. Tôi hẹn gặp Tạ Huy Sáng ở tiệm phở Nguyễn Huệ. Quận Cam còn vương không khí Tết. Sau bốn mươi lăm năm tôi mới gặp lại hắn, thằng bạn ngồi cùng bàn lớp Đệ Tứ Chu Văn An thuở nào. Chúng tôi cũng trên 60 cả rồi. Nhưng gặp nhau vẫn "toa", "moa" loạn xị như xưa. Tôi bảo nó: "Toa chuẩn bị đi! Gặp thầy Lưu Trung Khảo. Thầy Việt văn ấy mà. Moa hẹn thầy 10 giờ ở Coffee Factory.". Hắn dẫy nẩy: "Chết cha! Moa ăn nói làm sao với thầy. Toa ở xa còn có lý. Moa ở ngay đây cả chục năm mà chưa tìm gặp thầy, thầy chửi chết!" Rồi hắn lo lắng: "Quên cha nó mất rồi, không nhớ hồi đó mình xưng em hay là xưng

con với thầy nhỉ?" – "Em iếc gì. Con! Thầy gọi mình là em thì OK. Còn mình phải xưng con với thầy. Hiểu chưa?"

Chúng tôi chờ mãi mới có bàn trống. Sáng Chủ Nhật thật đông. Tôi nghe nói chỗ này là một La Pagode của Sài Gòn ngày nào. Lần đầu tiên tôi đến đây nhưng cái tên Coffee Factory tôi đã đọc đâu đó trong một hai truyện ngắn mới đây. Truyện nào nhỉ? À, một chuyện tình của cô cháu gái tôi, nhà văn Thơ Thơ. Thầy Khảo tìm bàn chúng tôi dễ dàng. Thầy nhận ngay ra chúng tôi. Chỉ vào thằng bạn tôi, thầy nói: "Sáng đó phải không?" – "Vâng, con đây. Thầy còn nhớ?". Tôi chịu trí nhớ của thầy. Bốn mươi lăm năm trước, tôi nhớ thầy nhìn sổ điểm danh để gọi trả bài có lần thầy nói to cho cả lớp: "A, cái tên anh này ghê lắm đây! Đã Huy rồi mà lại còn Sáng nữa! Để xem thử anh này có sáng dạ như cái tên gọi không!"

Bên tách cà-phê nóng chúng tôi ôn chuyện cũ. Thời của cái đời học sinh vô tư. Thầy nói đó là khoảng thời gian thầy hãnh diện nhất trong đời thầy. Là giáo sư của một trường danh tiếng Thủ Đô thầy chứng kiến những đứa con yêu của thầy sau này là tinh hoa của một nửa phần đất nước. Đặc biệt thầy nhớ nhất học trò của lớp Đệ Tứ B niên học 1957-58 vì đó cũng là năm đầu tiên thầy dậy ở trường Chu Văn An. Thầy nhắc đến tên nhiều bạn học cùng lớp mà chính tôi không biết: "Em nhớ Lê Tất Luyện không? Chồng của nhà phê bình văn học Thụy Khuê ở bên Pháp đấy!" Tôi nói: "Chắc thầy nhớ Đỗ Diễn Nhi? Ngồi cùng bàn con. Hiện ở Washington DC". Thầy trò nhìn nhau cười. Ai mà quên hắn nổi. Thằng bạn sau này, thời tướng Kỳ, trở thành nhân vật "nổi đình đám" nhất của lớp Đệ Tứ B chúng tôi.

Tôi nhắc thầy Khảo về kỷ niệm chuyến du ngoạn Tây Ninh và nhân đó đến anh Võ Phiến. Vợ chồng tôi tuần trước mới đến thăm anh chị ở Los Angeles. Hôm đó chúng tôi ở chơi anh gần suốt một ngày. Cũng là lần đầu tiên kể từ khi quen biết anh tôi mới có dịp tâm tình với anh lâu nhất. Chúng tôi bàn về đủ chuyện. Về đủ mọi đề tài. Nhưng dù là chuyện gì thì rốt cuộc anh cũng đi đến cái kết, cũng quy về cái "tình người". Tôi có cảm tưởng "tình người" như một ám ảnh mới của anh. Cái tình người bây giờ nó không được như xưa. Anh nói giọng luyến tiếc. "Anh không biết đâu bây giờ họ kèn cựa, họ gấu ó lắm! Không có trật tự có trên dưới gì ráo trọi!"... "Anh có đọc hồi ký của Hồ Dzếnh chưa. Để xem người xưa họ xử đẹp như thế nào. Cái lòng của họ thế nào. Trên chuyến tàu Hải Phòng - Hà Nội, Hồ Dzếnh lúc đó mới tập tễnh viết văn, còn đang đọc lại tập bản thảo của mình, thì một người hành khách lên nửa đường, từ ga Cẩm Giàng, tới ngồi cạnh. Toa tàu hôm đó vắng. Người khách hỏi mượn xem tập bản thảo. Đến khi tàu từ từ

dừng lại ở ga đầu cầu Long Biên, chuẩn bị xuống, người khách ướm hỏi có thể mang về nhà đọc được không và hứa một tuần sau sẽ đem trả tận nhà. Vì còn giữ tập bản thảo viết lần thứ nhất nên Hồ Dzếnh đưa ngay. Sau khi đưa địa chỉ của mình, Hồ Dzếnh sực nhớ ra là không lấy địa chỉ của người khách lạ thì người ấy đã xuống tàu. Đúng một tuần sau, người khách đem trả tập bản thảo, niềm nở bắt tay Hồ Dzếnh và ngỏ ý, nếu ông muốn, sẵn sàng viết cho lời tựa. Lúc đó người khách mới tự xưng tên: Thạch Lam!"... Kể xong câu chuyện, anh lập lại câu anh đã nói, vẫn giọng u hoài: "Bây giờ họ kèn cựa nhau, họ gấu ó lắm... không được như người xưa!"

2002 - Chúng tôi tất cả 9 người chất đầy một xe van. Mùa Thu năm ấy chúng tôi hai gia đình cùng đi chung về Việt Nam. Gia đình anh Việt và tôi đã chiếm 7 người. Ngoài ra lại có thêm Maya, cô bạn Mỹ của Thi, con gái tôi, đi cùng. Từ Sài Gòn chúng tôi thuê xe van đi Hội An, chủ đích là đưa vợ con chúng tôi đến thăm mộ ông bà cụ mà di cốt đã được chôn cất vào mùa hạ năm trước trong nghĩa trang riêng của dòng họ Nguyễn Tường. Ngồi ở băng trước của xe van, cạnh tài xế, là đích tôn của dòng họ, nhà văn Tường Hùng.

Sau khi ở lại Nha Trang chơi hai ngày, phái đoàn chúng tôi tiếp tục hướng bắc quốc lộ 1. Khúc đường từ Nha Trang đến Hội An cực kỳ xấu. Suốt ngày trời chúng tôi bị nhồi lên nhồi xuống trên chiếc xe chật hẹp. Mấy đứa con chúng tôi sinh đẻ hoặc lớn lên ở Mỹ, lần đầu tiên về Việt Nam, kêu la oai oái. Trời lại nóng, chúng tôi gật gưởng. Con Thi ngủ miệng há hốc, chảy cả nước dãi. Maya đưa máy hình chụp con Thi lia lịa. Mấy đứa nhỏ thật tức cười. Suốt chuyến đi chúng phí phim vì những cảnh tào lao. Bao nhiêu cảnh đẹp không chụp chỉ chụp toàn những chó, những bò, những đứa bé đen đủi...

Xe lên một cái đèo thấp đến đỉnh rồi lại bắt đầu đổ xuống. Ở băng trước có tiếng nói của anh Hùng: "Thành phố nào đẹp quá vậy?". Chú tài xế trả lời:

- Thị xã Qui Nhơn!

Tôi nhỏm dậy. Từ trên tầm cao thị xã Qui Nhơn hiện ra nguyên vẹn bên bờ Thái Bình Dương nước biển một màu xanh ngắt. Quốc lộ phía trước trải xuống một đường vòng cung ôm lấy thị xã. Những cây dừa, những hàng thùy dương xen lẫn vào những mái ngói đỏ tươi. Từ xa Qui Nhơn vụt hiện trong tôi như một cảnh trí giả, xinh xắn như món đồ chơi. Tôi giật lấy máy ảnh của Maya tính chụp một pô thì không kịp nữa. Chiếc xe đã xuống đến chân đèo. Thị xa vụt khỏi tầm mắt.

Tôi nghĩ ngay đến anh. Anh Võ Phiến ạ. Đây là thị xã của anh, đúng ra của cậu học trò họ Đoàn bảy mươi năm về trước. Thị xã đã nuôi anh những ngày thơ ấu, đã được nhắc tới trong nhiều bức Thư Nhà của anh. Với tôi, mặc dù đã nhiều lần trong đời nhìn thấy nó từ tầm xa, nhưng tôi chỉ ghé sống với nó thực sự được có một đêm, đêm ấy cũng đã rất xa rồi, hồi đó tôi còn là một sinh viên, nhân một chuyến ra Trung để cứu lụt.

Tôi nhớ gì về một đêm ngắn ngủi ghé ngủ ở cái thị xã hẻo lánh của miền Trung ấy? Không gì cả ngoài âm vang của những tiếng chim kêu. Tiếng chim kêu? Vâng. Thị xã mùa biển động náo lên vì những bầy chim từ ngoài hòn bay về, chúng bay tơi tả, bay rối loạn trên cái bồn nước của thị xã. Những cánh én bay khinh khoái trong ráng chiều, những cánh én nhào lộn khi bình minh ló rạng. Tôi nhường lời diễn tả cho anh Võ Phiến. Tôi không thể qua mặt anh.

Một buổi chiều, cuối mùa Đông, anh Tư đi làm về, trong người rân rân mệt mỏi, nằm trông theo những con én bay ngược bay xuôi trong xóm. Én bay rạo rực. Nó không bay vì nhu cầu chuyển dịch. Nó lướt qua rồi tức thì lộn trở lại, bay vô ích. Nó bay như chỉ để phô trương, để biểu diễn những pha bất ngờ. Én bay trong xóm đôi ba con hay năm bảy con? Khó đếm được. Nó bay loạn xị. Nó rạo rực niềm vui trên xóm nghèo, trong ráng chiều, khi người người mệt mỏi. Anh Tư nằm trông theo én bay cho đến khi đèn đường bật sáng. (Một Ngày Để Tùy Nghi - Võ Phiến)

Thành phố đã tinh dậy, dưới đất. Trên trời én như được khuyến khích, như đắc thắng, càng ríu rít hơn. Bây giờ trên nền trời xanh bạc đã trông thấy những cánh én lao tới lao lui, rộn cả lên. Chrirr... Chrirr... nó cuống quít, nôn nao, rộn rực một niềm vui không chịu được, niềm vui rung lên trong tiếng kêu.

Nhào lộn ngoài trời một lát, lại có một con én bay vụt vào dưới mái ngói, đến sát bên cạnh tổ, nó chao qua chao lại, chập chờn cặp cánh nhọn như vẫy chào cái tổ rồi bay vụt đi. Nó không vào tổ, nó không đậu, không nghỉ, nhưng nó trở về, ghé chào, rồi ra đi. Không hiểu tại sao vậy. (Mùa Xuân, Con Én - Võ Phiến).

Tôi cũng vậy. Anh Võ phiến à. Như cánh én kia, lâu lâu tôi trở về, ghé chào, rồi ra đi. Nhưng tôi hiểu vì sao.

Nguyễn Tường Thiết

Seattle, một đêm mưa cuối năm 2003

ĐỖ KH.

hạnh phúc đường niger

Tôi người thủ đô, cô ta bảo.

Vậy, người Lagos, tôi nói.

Lagos đâu phải là thủ đô Nigeria! Cô ta tiếp trước khi tôi kịp nghĩ ra, gì đó, gì đó. *Abuja mới là thủ đô!*

Thì Abuja, tôi chưa kịp cập nhật hóa với những biến chuyển của lục địa này từ một phần tư thế kỷ. Để khỏi ghen tuông ở một nước lắm chủng tộc và những phức tạp đi kèm, từ 1991, Nigeria mang thủ đô ra giữa nước mà đặt, mượn một ông kiến trúc sư Nhật vẽ cho thành phố hành chánh lý tưởng chứ không phải là như Việt Nam, chỉ cần lý tưởng mà đổi tên (hay đổi tên thì trở thành lý tưởng). Những việc đổi tên và dời chốn trên thế giới chẳng theo bất kỳ một quy luật dễ nắm nào. Vừa rồi, trường bay Beirut từ một địa danh (Khaldé) được đổi thành nhân vật (Rafik Hariri, cựu Thủ tướng bị ám sát). Ở đầu kia châu Á, phi trường Đài Bắc, từ một nhân vật (Tưởng Giới Thạch, cựu Chủ tịch không ai ám sát nhưng gần đây ngay tại Đài Loan cũng đã trở thành đồng nát của lịch sử) lại đổi sang một địa danh nghe rất là Tam Anh kết nghĩa (Đào Viên). Nigeria, tôi không có theo dõi cận kề, có thể là từ ngày cô này mới đẻ.

Tôi tên Vanessa,

Hi Vanessa, hân hạnh, tôi chìa tay nghi lễ theo phản xạ nhìn Vanessa nhoẻn miệng rất là duyên. *Đây là tên thật đó hả?* Vanessa, một cánh bướm.

Thì tên cha mẹ đặt, Vanessa cười càng tươi thêm trong khi cô tụt quần.

Vanessa mặc quần bò áo thun, chân đi giày thể thao. Nàng xích đít trên nệm xe, nhấc mông lên, dịch phải dịch trái, khó khăn đẩy quần xuống đến hai đầu gối.

Sao không mặc váy, phải dễ vén lên không? Và đi guốc cho dễ cởi, hỏi xong tôi mới thấy là mình ngớ ngẩn.

Tôi mặc đồ này, nàng toe toét, *để công an đuổi thì còn chạy!* Vanessa đã gỡ xong đôi giày.

Tôi gặp Vanessa ở công trường Nation vào lúc đã bốn giờ sáng. Vào giờ đó vắng, tiệm thuốc tây ở một góc đã đóng vào lúc 2 giờ và ở đầu bên kia, quán McDonald từ nửa đêm đã tắt bảng hiệu. Trên cái bãi rất rộng, có thể tụ tập cả trăm ngàn người vào những dịp biểu tình tả khuynh, rợp cờ đen cờ đỏ và những biểu ngữ, chỉ có mình Vanessa trơ trọi, một bóng đen đít vòn trên nền trời màu xanh Phổ của Paris vào hè. Từ ngày ông bộ trưởng Nội Vụ lăm le ứng cử Tổng thống, xe công an suốt đêm ngang dọc phiền nhiễu các chị em để cho ông lấy điểm với quần chúng ngụ trong vùng. Bán hương không văn tự hay cho thuê phấn ngắn hạn với giao kèo hiểu ngầm thì nào có luật cấm nhưng có luật phạt ngăn trở lưu thông, luật cấm tấp xe vào lối riêng gần lề dành cho chuyên chở công cộng được mang ra áp dụng. Và với có phần lớn số lao động bắp thịt đùi, chuyện khó khăn nhất là có giấy phép cư trú hợp pháp tức là thẻ thường trú hay tạm trú, visa nhập cảnh chưa hết hiệu lực. Những người đến từ Phi Châu bất yên bình, đang đợi hồ sơ tị nạn vì lý do chính trị được giải quyết lại càng lo, tuy trên thực tế trục xuất được họ cũng còn khó. Việc dẹp chị em này là việc quét bụi vào dưới thảm (hay là dưới gầm giường) chứ không phải là dọn sạch, miễn sao coi thoáng mát lề đường. Nhưng đã là người cư trú bất hợp pháp, thì Vanessa cũng biết phép lịch sự là bỏ chạy khi xe công an trờ tới để nhân viên công lực vui lòng, và giữa đêm thế này, khỏi phải xuống xe mà lập lôi thôi biên bản.

Con đường tôi vào đến chỉ cách công trường có vài con phố. Tôi theo chỉ dẫn rẽ phải rẽ trái rành rọt của Vanessa và đây là một ngõ cụt, hai bên đã đầy những xe đậu qua đêm của những hộ ở gần. Tôi mới định lùi ra thì Vanessa bảo, anh đậu ngay giữa lộ này, ở cuối ngõ, giờ nào có ai ra xe vào xe mà sợ chắn lối họ. Cuối ngõ là một cột đèn, ánh sáng xanh lạnh lùng chứ không phải là Paris đèn vàng của Cung Trầm Tưởng một nửa thế kỷ trước. Bên cạnh tôi là Vanessa đang ngồi, mặc áo không mặc quần, một tay cầm ví đầm và tay kia cầm đôi giày thể thao. Cách nhau một cái thắng tay

và hộp số tự động chứ không phải là cách nhau cái giậu mồng tơi xanh rờn của Nguyễn Bính. Vậy mà Vanessa cũng lãng mạn được, Vanessa là người yêu đời, vui tính và lạc quan. Nàng chỉ vào bảng tên đường và nói

Anh thấy không! Chỗ này hết sức lý tưởng và ấm cúng!

Thì đèn đường ngoài lạnh nhưng trong xe lại ấm, còn Ga Lyon đèn ấm thì *trong toa em lạnh đầy*. Tôi nhìn quanh. Con ngõ rất hẹp, vừa đủ cho ba chiếc xe con châu đầu vào, nhà cửa hai bên năm ba tầng khiêm tốn đầu thế kỷ, đến cái cột đèn sắt cũng cổ tuy là lồng nhựa và bóng mới phát ra màu ga sodium run rẩy. Lúc này, ở đây, ờ thì *hai người sống giữa cô đơn / nàng như cũng có nỗi buồn giống tôi.* Tôi nhìn cái thắng tay ở giữa hai người cô đơn này. Tôi nhìn cái hộp gài số ở giữa hai người đang nỗi buồn này. Tôi nói với Vanessa, chẳng lý tưởng gì nhưng mà thực dụng

Mình leo xuống hàng ghế sau.

Nếu Vanessa là bướm, thì hai cánh của nàng phải là cặp đùi nâu sẫm, mịn như là rắc phấn, ở giữa là cái thân mềm nhũn chênh vênh, vạch ra thì một màu hồng nhạt tương phản với những mép nhăn nhúm sẫm, đẩy người vào trong thì hai cánh hỗn mang hiệu ứng, đập loạn xạ trước đèn (ở đây đèn đường, không phải đèn tàu) như trong truyện ngắn nào của Khái Hưng? Phía sau hai đùi Vanessa còn mịn hơn là phía trước tuy cũng nâu chẳng kém, khi nàng lom khom leo sang hàng ghế sau. Tôi xoay người theo trong cái xe chật, mặt đập vào bờ mông chắc nịch, to và tròn như vậy lưng tưng mà chỉ được giữ bằng cái quần lót đúng có một sợi dây. Tôi chợt nghĩ, ông Newton cũng may, nằm dưới một cây táo chứ nằm dưới cặp mông này thì chắc chẳng bao giờ tìm ra định luật mang tên ông và ngày nay chẳng có ai biết đến. Nhưng thì ngược lại, nằm trong bồn tắm mà có cô này leo vào thì chẳng cần là Archimède cũng tìm ra lực đẩy.

Trên băng ghế sau hai người lại ngồi cạnh. Đến lượt tôi tuột quần xuống ngang đùi, bốn mắt nhìn nhau.

Khushe o, tôi bảo, nhưng Vanessa không hiểu.

Đây là câu chào hỏi tiếng Krio, gốc Freetown ở Sierra Leone và Tây Phi thông dụng. Tiếng Krio là thổ ngữ pha Anh, như tiếng Creole vùng Caríb nên rất dễ nhớ, đại khái *What is your name* thì là *Wetin na yu nem* nhưng mà phát âm phải trề môi. Vanessa lại ở mãi vùng trên, Abuja quái quỉ. Vì như đã nói, Abuja trung lập đủ thứ người, nên tôi không đoán được Vanessa là thuộc chủng tộc nào.

Kelou! tôi chào tiếng Igbo.

Tobaroa! tôi chào tiếng Ijo.

Câu này cũng dễ nhớ, giống như là địa danh ông bin Laden ở Afghanistan thoát hiểm, Tora Bora, giống như là những đảo thơ mộng Thái Bình Dương, Rangiroa, Bora Bora.

Hello! tôi đành chịu.

Tôi không gỡ lại được thể diện đã đánh mất khi lúc đầu đã nhầm lẫn thủ đô của Nigeria. Nhưng tôi cũng tinh, câu phản đối *Lagos đâu phải là thủ đô Nigeria!* của Vanessa cho tôi đoán, Vanessa không phải là người Yoruba. Như nếu có ai xẵng giọng *Huế đâu phải là thủ đô của Việt Nam!* thì ít xác xuất lại là người gốc miền Trung.

Tiếng của cô chào là gì?

Nkwa-Nkwa!

Vanessa người tộc Gbabayi, sang Pháp đã hơn năm, bằng đường nào, chui hay là du lịch thì tôi không rõ. Nàng không nói từ lúc nào đứng dầm sương trên những đại lộ của vòng đai nhỏ Paris mang tên những Thống tướng anh hùng của Đại đế Napoleon. Vanessa bập bẹ đủ tiếng Pháp để lao động vỉa hè nhưng tiếng Anh trôi chảy, chứng tỏ trình độ trung học phổ thông. Đằng nào, ra đến được nước ngoài, dù là để đứng ở ngoài lộ quần chẽn và áo bó, thì cũng là thành phần nào đó ở quốc gia xuất xứ, nếu không ưu đãi và đặc quyền thì cũng trên mức trung bình. Ý đây tôi nói, là nếu chỉ thông thổ ngữ địa phương và không được đi học, thì Vanessa đã đứng đường ở một con lộ Abuja chứ không phải là kinh đô ánh sáng, không được đi giày chạy Nike Air mà tiền kiếm được bị mất 80% hay là 90% cho môi giới, quản lý, an ninh lề đường đeo kính mát và mặc áo bóng rổ Hoa Kỳ, phần lớn nhất lại về tay an ninh có sắc phục tử tế, tức là công an nhà nước như ở những nơi có luật cấm mại dâm và thượng tôn luật pháp. Nhưng ở Abuja, Vanessa đã không đứng ngoài lộ mà là nhân viên văn phòng ngoại thương dầu hỏa, tức là kỹ nghệ thứ nhất của Nigeria. Kỹ nghệ thứ nhì, *scam* 419, tức là lừa đảo, giờ đã có chi nhánh tại 16 quốc gia và được khắp nơi trên thế giới bắt chước, doanh thu toàn cầu năm 2005 là 3.183 triệu USD. Cái này tôi không cần tả kỹ, bất cứ ai có một số fax hay một hộp thư điên tử cũng đã đều nhận được một lời mời thần khiết cộng tác kiểu này. Đại khái:

> "Tôi mạo muội gửi đến ông/bà lời khẩn cầu giúp đỡ một phụ nữ và một người mẹ trong cảnh đơn chiếc.
>
> Tôi nguyên là vợ bé của Thủ tướng Việt Nam và ăn ở lén lút với ông đã có hai mặt con. Để bảo đảm tương lai cho mẹ con tôi, trước đây vào lúc còn mặn nồng thắm thiết, ông có mở một trương mục ở một ngân hàng Cam Bốt với 10.000 cây vàng 999, tức là quy

sang tiền đô là năm triệu rưỡi (5.500.000 USD), dành dụm từ lúc có phong trào vượt biển trên hai thập niên về trước. Nhưng từ ngày Việt Nam gia nhập WTO thì ông không ngó ngàng gì đến mẹ con tôi nữa và đã có vợ bé mới. Nhất là từ khi ông được nhà vô địch truyền bá dân chủ, Tổng thống Hoa Kỳ George W. Bush sang đến tận nơi mà bắt tay niềm nở thì ông hoàn toàn đoạn tuyệt, để cho mẹ con tôi vào cảnh túng thiếu, chiếu đất màn trời.

Để rút số tiền này ra mà không có sự chú ý của Thủ tướng Cam Bốt, là người cũng bạc đãi vợ bé không kém (đến nỗi để cho bà lớn đánh ghen bà bé tại tư thất bằng xe bọc sắt), tôi cần đến sự giúp đỡ của một người nước ngoài như ông/bà. Đây là chuyện hợp pháp và rất là đơn giản, không có vấn đề gì phức tạp, chỉ cần ông/bà chấp thuận ra ơn. Sau khi khấu trừ 5% dành riêng cho những phụ phí, tôi sẽ xin hậu tạ ân nhân của gia đình tôi 20% trên tổng số, tức là 1.045.000 USD (một triệu bốn mươi lăm ngàn đô la), số còn lại để cho mẹ con tôi dùng vào việc phòng khi mưa nắng trở trời mà khỏi phải nhờ cậy đến người đàn ông bội bạc.

Xin ông/bà cho tôi biết ngay

Tên họ

Địa chỉ

Nghề nghiệp

Số điện thoại liên hệ

Số trương mục ngân hàng của ông bà

v.v...”

Vanessa nghiêm lại nét mặt, và nàng không đùa nữa, giờ là giờ làm việc. Nhìn cử chỉ của nàng tôi cũng biết đây là một người có ý thức nghề nghiệp cao, đặt tâm vào mhiệm vụ chứ không phải là qua quít, và có trình độ chuyên môn rạch ròi chứ không phải là loại mại dâm lấy được bằng tại chức, chuyên tu. Vanessa lấy một cái bao cao su ra từ trong ví đầm như là bác sĩ lấy ống nghe, làm tôi tưởng nàng sắp áp cái bao vào tim tôi mà nghe nhịp đập. Nàng mở vỏ một cách thận trọng, các móng tay xòe ra cho khỏi chạm vào bao lỡ rách, rồi cầm bằng hai đầu ngón tay. Sau đó nàng từ tốn khoác vào người tôi một cách cẩn thận không kém, vì tôi chưa tỏ vẻ gì là hưởng ứng mạnh mẽ hay là cường điệu hân hoan. Vanessa vuốt những nếp nhăn của bao cho thẳng, như một thợ may đang ướm cho khách quần áo. Nàng giữ chặt cái bao cao su ở dưới cuống, tay kia mở một gói khăn giấy, lấy ra một tờ, chùi cho sạch chất dầu trên bao như y tá sát trùng trước khi

lấy máu. Đến đây tôi tiếc là thay vì đọc các thơ *scam* 419 vớ vẩn mất thì giờ như mới dẫn ra thí dụ ở trên, tôi đúng ra phải mở các thơ quảng cáo thuốc cường dương từ Nga hay là Ấn Độ mỗi ngày vẫn nhận được và đặt mua sẵn vài chục viên. Vẫn giữ cái bao bèo nhèo và lỏng lẻo bằng hai ngón tay duỗi cho khỏi tuột, Vanessa ngước lên nhìn tôi kiểu báo trước để chuẩn bị, chưa sẵn sàng nàng cũng bỏ tọt vào miệng đang mở rộng ra tròn. Hàm răng trắng khỏe mạnh và đầy đặn nàng đã giấu đằng sau cặp môi dầy mộng và tôi tự an ủi, thôi thì thế này tôi cũng không làm khó người phục vụ, chẳng thế nào mà nghẹn được cổ họng, đây là một lợi điểm của đàn ông châu Á (nói riêng tôi chứ cũng không dám nói chung chung) nếu so với đàn ông châu Phi hay là ngay với cả Tây phương. Nhưng cho tôi nói lại, nếu chỉ có mình tôi thì tại sao bao cao su bán ở Á Đông lại là cỡ 11 trong khi ở Âu Mỹ là cỡ 12 khiến mỗi bận có dịp tôi phải mua từ Singapore, Thái Lan hay Hong Kong vài tá để dành? Lỡ bàn đến chuyện nhục cả nòi giống này, một thống kê khoa học ở Hong Kong xác quyết là bộ phận sinh dục của nam giới tại địa phương kích cỡ không kém ở Anh Quốc nhưng vừa rồi Ấn Độ thực tế hơn cho biết là bao cao su được phân phối tại bán lục địa này kém hữu hiệu vì hơi bị rộng. Khiến biên tập của tờ Maxim (chứ không phải là Minim!) ở Ấn phải gỡ gạc bằng cách nhại một nhà thơ *Về phân anh hay centimét, cứ để những người ngu tranh luận / Cứ bất cứ cái gì áp dụng hay thì là tốt nhất.*

Miệng của Vanessa thì đẹp, đã đành, nhưng bên trong cũng chẳng thấy ấm gì mảy may. Nàng nhồi tôi trong họng với lương tâm nghề nghiệp, có lẽ đến mức làm những nhà giáo nước ta phải xấu hổ tuy trong trường hợp này tôi không dám dùng từ thiên chức. Vanessa cũng không phải là bà sơ, liệt sĩ, nàng chỉ chu toàn nhiệm vụ đã nhận cho đầy đủ chức năng một cô đĩ nhưng chỉ thế so với nhiều thành phần xã hội khác cũng đáng được tuyên dương và hội đủ tiêu chuẩn được kết nạp một cách đúng đắn và xứng đáng. Tôi mơ màng thọc một tay vào ngực nàng dưới nịt vú, thì săn và mát. Được một lát, tay kia tôi vươn đến mông nàng đằng sau, phải rướn người đầu ngón tay mới chạm được cửa mình lăn tăn. Thì cũng chẳng nhễ nhại gì cho mấy. Mặc cho Vanessa hì hục, tôi có được vài ba phút lặng lờ để trầm tư.

Lúc nãy, nàng có nói "Ở đây tự do, không có cấm hành nghề, bất quá thì bị công an phạt. Cũng không có ma cô bóc lột hay là ai ép buộc hay đe dọa, - mắt nàng sáng lên và kết luận – vậy là hạnh phúc!" Vanessa nhoẻn miệng, cái tươi rói của nàng chỉ bớt đi một thoáng khi nàng chữa lại, "Là hạnh phúc, gần như." Tôi nhìn mái tóc nàng bập bềnh trước bụng mình, rướn

cái tay kia thêm một tí và bắt được vài sợi lông xoắn tít. Mái tóc Vanessa chải duỗi và uốn thẳng nhưng lông bụng nàng không cạo và quăn, một mớ dầy như những lò xo nhỏ quấn quít rất là êm. Lông phụ nữ Phi Châu (hay đàn ông tôi chắc thì cũng thế) quăn tít làm tôi nghĩ đến những mẫu mã tí hon thường được bày ở các cửa tiệm nệm giường cho khách hàng xem cấu trúc của lò xo. Ở đây thì không ngả được lưng mà chỉ áp được một cái má và ngả được bàn tay. Nhưng ở vị trí tôi đang ở này, ngồi mà với tay từ phía sau lòn tới để vuốt thì cũng mỏi. Tình hình như vậy thì với tôi chẳng khả quan hơn một chút nào dù Vanesa có nỗ lực cách mấy. Tôi thấy những cánh đồng xanh, những vườn táo vào dạo này còn chua, tôi thấy đường cao tốc với ba chặng trả thuế, lùm cây ở lối vào Touques cảnh sát giao thông nằm phục kích với súng radar canh tốc độ rồi những con đường nhỏ với những hàng giậu cổ hữu Normandie. Tôi thấy tôi cần có thời gian để mà cập nhật với Vanessa những kiến thức về quốc gia của nàng từ một phần tư thế kỷ. Ở đây, con ngõ cụt này chỉ được cái mang tên gần như là trùng hợp, chẳng phải Nigeria mà là Rue de Niger.

Có lẽ chưa đủ là để hạnh phúc gần như. Tôi thì chẳng hạnh phúc gì tuy Vanessa vẫn lúc lắc lên xuống cái đầu tận tụy. Tôi đợi lúc nàng ngước một mắt nhìn lên để hỏi.

Từ ngày sang đây, có bao giờ Vanessa đi ra biển?

Đỗ Kh.

ĐÃ PHÁT HÀNH:

Phiếm 3

của song thao

40 chuyện phiếm, 440 trang
NHÂN ẢNH xuất bản

Sách có chữ ký của tác giả, xin liên lạc về:
7805 Claire Fauteux, #1
Montréal, P.Q., H1K 5B6
Điện thoại: **(514) 354-5338**
Email: **tatrungson@hotmail.com**
Án phí (bao gồm luôn cước phí):
Canada: 25 Gia kim (chi phiếu hoặc money order)
Hoa Kỳ: 22 Mỹ kim (chi phiếu hoặc money order)
Các nước khác: 30 Mỹ kim (money order)
Chi phiếu và money order xin đề tên: TẠ TRUNG SƠN

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

độc tố

Giờ thiêng:
Họ gặp nhau bất ngờ như một cảm hứng xuất thần.
.....
.....

Hôm đó, lục lọi trong đời thấy mọi trò chơi đều cũ mèm, cô tìm cách đến đó như một cuộc đùa bỡn với cái chết.

Cái chết cũng là một dấu hỏi hấp dẫn rùng rợn ly kỳ đáng truy lùng, và cũng có rất nhiều cách chết.

Cái chết của cô là cái chết của một con bò cái, hay bò điên thích húc đầu vào những rực rỡ của lửa. Những con lửa đẹp mê người.

Hôm đó. Vâng, chính hôm đó. Hoàng hôn lờ đờ mắt cá ươn nằm thoi thóp chờ tấm lưới của bóng tối phủ chụp. Cô hân hoan đón chờ cái chết như đón chờ nỗi mềm yếu của riêng mình, chỉ kịp nhìn vẻ đẹp bồng bột của một vệt nắng vàng sắp bỏ đi.

Chỗ họp mặt nằm sát biển. Nghĩa là trước khi bắt tay sờ mó hoặc chạm gần cái chết, cô và mọi người đến đó đều được dàn trải mênh mông một màu xanh dịu vợi. Cô đoán, chắc hẳt thứ màu xanh rợn ngợp trước cửa tình yêu thiên đàng.

Đến đó. Cô hoàn toàn bị những âm thanh man dại này cứa nát. Những âm thanh hắt ra từ những bến bờ mộng mị cuồng tưởng.

Nhạc ở đây là giọng điệu ma quái của tiếng thiên thần đập cánh dưới tầng sâu địa ngục. Choang choảng không nghe thấy gì hoặc nghe thấy hết mà không hiểu gì cũng đâu phải là động lực để cô luôn tự hát một điều gì đó trong đầu. Ở nơi đâu, có nhạc hoặc nhạc đã tắt, cô vẫn bị lôi cuốn vào

những uẩn khúc riêng. Ở nhà (một nơi khác, một thế giới khác) người đàn ông vẫn bươn chải cho cô thường giặt mình:

"Ô kìa, em đang cười với ai thế?"

Và cô vốn không trả lời, tuồng như cứ nhìn chằm chặp vào đâu đó, cười mơ màng với hư không mà bay, bay đi, bay mãi cho đến lúc chụp được gót chân của hoang tưởng...

Nhiều lúc cô cũng không hiểu mình là cái gì mà lại phải ly kỳ với cuộc sống.

Hình như những người có mặt nơi đây và đang khiêu vũ trước mắt cô cũng đếch biết sự cong cớn lượn người ấy chỉ là những hiểu hiện đau đớn của những con rắn cô đơn. Những con rắn có lẽ chỉ ấp ủ trong những hang động biệt lập rừng rú và từ khước những thỏa hiệp hóa trang hoặc không hóa trang trước đám khán giả ngờ nghệch nhỏ nhen của cuộc đời.

Có nhìn họ, có bao giờ bạn nghĩ rằng cô đang muốn ngắm nghía họ bằng đôi mắt của một người giả chết. Giả chết để khỏi bị ai ám sát thêm một lần nào nữa.

Này nhé, hãy nhìn kìa. Đặc biệt là những cái nhỏ nhặt nhất như cặp mông khoe đầy "tatoo" của mấy cô à, những đường vẽ mang đầy sắc màu của con công hay múa.

Vâng, mọi cái vờn ngang trước mắt cô tưởng chừng nhỏ nhặt như thế mà lại mang ý nghĩa của những linh hồn khao khát, vật vờ quên ngủ.

Ôi, những cặp mông như thứ cây trái có tẩm thuốc phiện và những cái rốn của thứ tình hè rực nắng. Tất cả đều muốn làm cô sống, không thể giả chết lâu hơn, hoặc sẽ để lại những dấu răng rồi chết cũng chưa muộn.

Một cặp mắt bên kia bàn đang thừa dã tâm muốn bắn gục cô, hay chỉ là lời của sóng ở xa xa kia đang muốn nhắn gởi lời trăn trối. Cô đưa tay ôm ngực, bước nhẹ lên sân khấu khi một ả tóc dài điều khiển chương trình vừa gọi tên cô.

Nhạc đã tắt. Những thân thể quằn quại u mê đã trở về chỗ ngồi. Mọi người chờ cô lột ngay cái mặt nạ khốn nạn để cùng nhập cuộc một trò chơi, một phiên khúc mới. Cô cũng muốn cô thực sự là cô.

Thoạt đầu, cô quét một đường mắt tình tứ xuyên qua những trái tim của đám khán giả đang nòi tình đói mồi. Cô muốn thôi miên họ trước khi biểu diễn một màn ảo thuật chỉ mới học lõm bõm vài hôm. Mọi sự phải được lướt mau như sao chổi, để không ai kịp nhìn thấy một trong những kẽ tay của cô đang kẹp một loại giấy sương mỏng ma mỵ. Cô nhìn về phía đôi mắt có những sợi khói liêu trai lúc nãy để xin một chút diêm mồi. Rồi trong tiếng

la ó cổ võ phụ họa đếm theo ả MC kêu gọi, cô lại bắt gặp nỗi hồi hộp nín thở của cặp mắt ám chướng lúc nãy. Ở lưng chừng con số đếm sắp tới 3, cô bật nhanh ngọn lửa tung tóe trên tay như một đốm hoa nở bung. Thoáng chốc những cảm giác say mê cô được truyền nhanh như điện giật.

Những con chó cái nhiều xao xuyến thi nhau trả giá nỗi gợi tình của con mèo cái là cô. Ai cũng muốn có được một cuộc hẹn để xem sự mời mọc đĩ thõa có thể cào cấu linh hồn nhau cỡ nào. Ở đây là thứ móng vuốt hiện đại bất chấp của những tung hứng nổi loạn. Thứ quyền uy bạo ngược phi lý của đạo đức giả hoàn toàn bị đạp đổ. Nhân danh những gặp gỡ đồng điệu của tình yêu, họ tự cởi trói những xiềng xích luân lý. Màu da, giống phái, tôn giáo lại càng trở nên vô nghĩa. Thứ tín ngưỡng có thể cứu vớt họ đơn thuần chỉ là những đền thờ giao cảm nhau tuyệt đối.

Khi đôi mắt ấy nhìn cô kiểu ấy, cô biết ngay cuối cùng ả sẽ hất tung mọi mặc cả để được tìm thấy cô. Cuộc đấu giá cho một lần hẹn hò lịch sự với cô coi như thành công vượt trội. Điều gì sẽ xảy ra sau đó ai mà biết được, và tai họa vốn là điều cổ xưa luôn chực núp bóng trong những miền ham vui.

Sự khảo giá tăng nhanh như chớp, từ một khuôn mặt quyết liệt đam mê khiến những vị khác thấy mình nên khoan nhượng. Một trăm, hai trăm rồi lên liền ba trăm đô cho một cái cớ "kỳ ngộ" tạm gọi là "date auction" xem ra chẳng mắc mỏ gì lắm. Con số coi như đã được đưa ra để mua vui cùng cô, sau là cũng đặt bày gây quĩ cho nạn nhân Tsunami của cái "club" thuộc giới đồng tính mang tên Phản Diện này.

Những lúc tuyệt vọng, cô nghĩ cái chết sẽ tân kỳ hơn với đôi mắt cứ đảo điên, điên đảo thả nhìn về cô như thế.

Giờ xấu:

Đêm, cô trở về khi những ngôi sao vẫn còn thao thức thầm thì trên cao. Những ngôi sao không bao giờ đi ngủ trước cô làm người cô nhiều lúc nóng rực. Có một vì sao cô lẻ cuối trời như một giọt nước mắt vỡ là cô chăng. Cô khóc nhỏ nhoi trong đêm khi nhìn sao chổi thi nhau vờn nhanh. Cô nghĩ lửng thửng đến lòng dạ thay đổi phản trắc của đàn bà còn nhanh hơn thế. Cái hẹn không ngờ với ả làm cô bỏ ngang xương ông bác sĩ gia đình đã phải chờ cả tháng. Buổi trưa, trên một dốc phố mùa hoa anh đào đã trở về đẹp ướt át ảo mỵ, hay lòng cô đang ngợp những mơ màng. Gió và hoa bốc tung theo mỗi nhịp xe lăn. Cô bước vào quán đã thấy ngay mái tóc óng mượt nhuộm vàng khoảng nắng ở một chỗ ngồi gần mặt kính. Ả

tức tốc đứng dậy kéo ghế cho cô như một tình nhân: "Cô em ngồi xuống đây đi, gớm người chi mà mảnh dẻ quá." Cô cười cười, nói một câu gì đó xin lỗi về sự đến trễ và phân bua về thứ tiếng Anh trệu trạo của mình. Ả lắc đầu tặng cô bằng một cái nhìn rát bỏng: "Không sao, mình hiểu nhau bằng những cử động còn hay hơn nhiều. Đôi mắt của tôi và em không phải nói nhiều hơn sao?" Cô bắt đầu làm quen với mùi hương con gái thoang thoảng dịu ngọt bên mình: "Sao lại chọn tôi nhỉ?" Ả bất thần hôn lên những ngón tay của cô: "Trông em lạ lạ, lại biết làm trò ảo thuật hay." Cô rút tay lại, nói như thở: "Cuộc hẹn có tính khoản này không vậy? Người ta nhìn kìa." Thật ra quán đang vắng, thiên hạ nơi đây lại không có thói quen để ý chuyện người ta. Ả cười dại dại, một chút hờn dỗi: "Xin lỗi, tôi chỉ không sao cưỡng lại sức hút của em, sức hút của thứ mặt trời miền nhiệt đới." Cô nhăn mặt: "Trời, nói gì khó hiểu vậy. Tôi chỉ mới ở Mỹ ba năm. Ờ, mà có thể tôi cũng hiểu sơ sơ chứ." Ả nói khỏa lấp: "Thôi được. Ăn một cái gì đi rồi nói chuyện quê cô cho tôi nghe với." Cô nhìn những món ăn ả gọi đầy bàn mà chẳng buồn nhón một miếng. Ả là ai và cô cũng là ai, sao lại tìm đến nhau hẹn hò? Bí mật của tình yêu, nỗi hiện hữu đau buốt của từng con người vốn như gai đâm trong cuộc đời, liệu có thể trả lời được sự gặp gỡ này không. Tình yêu, cô thật sự không muốn lòng mình phải rỉ máu với bất cứ một thứ tên gọi nào lúc này. Cô yếu đuối quá mà cuộc đời vốn cố chấp phi lý. Họ sẽ không buông tha cô và sẽ mưu sát cô bằng những định kiến này định kiến nọ. Còn ả sao lại cần cô để ẩn nấp một nỗi lòng? Đột nhiên cô ngẩng lên nhìn ả, muốn nốc đầy những tha thiết bao phủ linh hồn cô đói rét: "Sức hút gì ở em mà ghê thế. Không, em đâu phải là thỏi nam châm. Em chỉ là thứ san hô ngậm tăm dưới biển. Liệu điều này nên tin được bao nhiêu phần trăm đây." Ả cười mượt như nhung: "Có những người trông thật hoàn hảo nhưng khi gặp, không hiểu sao mình vẫn thấy dị ứng, dửng dưng làm sao đó. Trái lại, không phải mình vẫn bị hớp hồn ngay ở phút giây đầu với một người nào đó sao? Làm sao cắt nghĩa được." Cô lấy tay nghịch những sợi nắng đang thả ngắn thả dài trên mặt bàn mông lung: "À thì ra thế. Kể cũng lạ phải không? Nhưng chúng mình thì lại càng lạ hơn bất cứ một điều lạ nào. Có phải trời đày không?" Ả im lặng, nhưng đôi chân thì lại đang hoảng loạn tìm chân cô dưới gầm bàn. Cô định rút ra, rồi lại chợt đa sầu đa cảm để yên cho sự quấn quít ấy. Đôi chân ả ấm nóng. Thứ lửa hỏa táng khiêu khích. Trông ả hệt tay thợ săn thiện nghệ nên rất ngang ngược, xem thường đối thủ là con mồi: "Chúng ta là loại hoa hồng có độc và chỉ có thể nhiễm độc vì nhau. Không ai có thể hiểu được sự cô đơn của những đóa hoa

vẫn âm thầm nở trong những độc tố. Chỉ có chúng ta là hiểu nhau nhất và hiểu được những ma lực." Cô xoay xoay ly nước. Ngoài đường, mọi người và mọi điều, mọi dòng xe cộ vẫn trôi qua như không ai màng đến những điều nhỏ nhặt đụng đầu nhau hoặc tiếng kêu thầm của mùa xuân rạo rực... Hình như cô chớm đứng dậy, nhưng ả có vẻ nấn ná muốn giữ cô lại: "Em không hiểu những điều tôi vừa nói à? Em muốn về thật sao, mà để tôi ở lại một mình? Tôi muốn ngồi thêm một chút nữa, với em." Cô tìm cách lảng tránh đôi mắt chứa đầy tai họa và quyến rũ: "Tự nhiên rồi em buồn ghê. Lát nữa về nhà không biết có vấn đề gì không đây. Đêm qua em đã đi chơi khá trễ. Giờ hẹn chắc đã hết, em phải về." Ả nói vớt vát, ánh nhìn của một thiên thần gặp khổ nạn: "Chuyện gì vậy thì nói cho tôi nghe coi nào. Em đang ở với một người nào vậy? Nếu là người yêu của em, thì chắc chắn tôi không muốn làm khổ ai cả. Chúng ta yêu nhau đã quá khổ cho cuộc đời rồi." Cô rớt chậm rãi từng tiếng, như sợ ả không hiểu rõ cô nói gì: "Em có một người tình còn kẹt lại ở Việt Nam. Cô ấy làm kỹ nữ, nuôi em đủ thứ và rất cao thượng. Một tên đực "gạ" được gia đình mang em qua đây. Em đang chờ có thẻ xanh để bung ra, nhưng hiện thời hắn vẫn tỏ ra rất ghen." Vỗ vai cô, mặt ả cứng lại như thép: "Được rồi. Tôi sẽ lo cho em. Mình sẽ lo cho nhau. Tiếc là hắn đã gặp chúng ta vào giờ xấu." Cô hơi hoảng sợ, hình như ả có sự hấp dẫn up hiếp của một thứ rượu mạnh: "Phải nhớ là em cần lấy cái thẻ xanh trong tay đã." Ả vuốt nhẹ tay cô: "Em yên chí lớn. Tôi không ngu xuẩn lắm đâu." Lần này cô đứng lên thật và ả cũng đồng tình: "O.K. mình về. Có gì sẽ liên lạc sau." Cô vừa nói vừa kéo ả ra khỏi quán. Nắng xuân dịu dàng yểu điệu đường phố.

Giờ của những con số không:

Rồi cô và ả cuốn nhau đi như cùng một dòng chảy xiết.

Mọi sự xảy ra quá nhanh như những cơn mộng về sáng.

Trong giấc mơ hay cũng có thể cô không phân thân được đâu là mơ, là thực.

Giấc mơ. Giấc mơ. Giấc mơ. Những réo gọi của thần linh mê sảng. Hai người đàn bà nắm tay nhau đi về phía biển. Họ cứ thế chạy ra thật xa như bị sóng nhồi. Nắng đi ngược về phía họ, cắt sự lõa lồ của ánh sáng thành trăm mảnh. Không ai biết được sự nhận chìm của những đám thủy ngân ảo giác. Cuối cùng họ cùng nhau giải thoát.

.....

.....

Cuộc đời thực. Cuộc đời thực. Cuộc đời thực. Mớ bòng bong và sự đau khổ. Ở một nơi khuất xa thành phố, cô và ả ẩn nấp trong sự mênh mông của biển để thấy cuộc đời thực hiện ra quá nhỏ mọn.

Mắt biển thẳm xanh. Xanh như màu đáy thẳm của hai con ngươi long lanh. Tóc vàng bay bay như gió đang kéo nắng phiêu lãng. Ả mặc bộ đồ hai mảnh rất gợi cảm, hoang dại như núi rừng và phi lao.

Còn cô hôm nay cũng có vẻ buông thả, hấp dẫn trong chiếc áo tắm lỗ chỗ như vải lưới. Cô làm ả phải buông ngay một câu:

- Chắc là tôi phải biến thành cá để được mắc lưới trong áo em.

Cô nheo mắt:

- Áo của em có hai nửa hai màu: trắng và đen biết mắc cạn bên nào.

Ả lúc nào cũng tỏ ra thơ mộng như một thi sĩ:

- Nửa nào của em đánh mất khi cho tôi, thì tôi cũng sẽ đền bù lại cho em một nửa nào khác của tôi chứ.

Kỳ thực ả vẫn luôn có thói quen ghi ghi chép chép những điều không đâu. Ả viết nhật ký như phân thây trái tim máu me của mình, và đôi khi ả cũng móc tim ra tặng cô mấy câu thơ như thứ linh hồn rạn vỡ. Lâu lâu ả đem khoe rồi lại đổi ý bốc đồng không cho cô xem. Sau đó ả còn dở trò xé tung từng mảnh trong gió và đứng cười man dại như những cánh bướm đuổi mộng.

Cô vẫn đùa đùa:

- Sao lại có người làm thơ như tập nã đạn hoặc đâm dao vào tim ai vậy.

- Không phải đâu. Tôi chỉ muốn chính mình được cứu vớt từ những câu thơ ấy.

Không phải chỉ để theo cái đầu của ả, mà cả cơ thể ấy cô cũng khó lòng chạy theo nổi. Ả vẫn đòi bẻ gãy những đốt xương mảnh dẻ trên người cô và vẫn thích ngấu nghiến cô điên cuồng như một con ngựa hoang.

Nhưng cô và ả đã là những nhân vật giàu kịch tính nhất ở một thế giới khác, như trong một cơn mộng khốc liệt và sương khói.

Trong đời thực họ vẫn là hai nhân vật cô đơn có hạng ở hành tinh này, tìm đến nhau để hôn phối những ảo tưởng còn sót lại.

Ả đã từng chết sống với một mối tình và cô gái dịu dàng đó một hôm bỗng điên cuồng vì ả mà đâm chém nhau ở một vũ trường. Ả đau một thời gian dài và đời sống vẫn phải tiếp tục, cho đến khi cái nhìn của cô rơi trúng tim ả.

Bây giờ khi cô gọi ả báo tin về cái thẻ xanh vừa nhận được, cả hai hẹn nhau sẽ tung hê cùng biển

Trên đường về, ả lại hôn cô say đắm như tình yêu không bao giờ có biên giới cấm kỵ và hổ thẹn, nhưng không hiểu sao cô chẳng có cảm giác gì mấy. Nỗi sợ hãi làm người cô căng lại Ả nói rất khẽ vào tai cô:

- Tôi làm điều này hoàn toàn vì em. Khi yêu, người ta phải là sinh mệnh của nhau hoặc còn hơn vậy nữa, với tôi là thế, em biết không.

Vậy là họ lại hẹn nhau một lần nữa vào lúc 0 giờ. Không phải, 0 giờ chỉ là giờ định mệnh. Ả sẽ đến nhà cô trước đó vài tiếng với một chai rượu, ma túy và một cái cớ là ngày kỷ niệm ghi dấu ba năm của cô với hắn.

Chắc chắn hắn sẽ cảm động đến rơi nước mắt và cô chỉ nên sợ nước mắt của những người đàn bà đẹp.

Ả là người đàn bà đẹp, hay ả là thứ cây trái mê mê dại dại của nửa đàn ông nửa đàn bà trộn lẫn. Trong ả có sự dịu dàng của suối êm nhưng cũng có sự lạnh lẽo của thép cứng.

Chiều sẫm màu hoàng hôn chết. Khi ả gõ cửa là sự điên cuồng của Sa-tăng cũng lấy tay đập mạnh vào ngực cô.

Ra mở cửa xong, hắn đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác, một cách khá thú vị. Những lễ vật ả mang đến cho bữa tiệc mừng bất ngờ còn giấu đi nụ cười gian ác, dưới những mời mọc đon đả nên làm sao hắn đỡ đòn kịp. Hắn còn lịch lãm khen bạn của cô quá tốt và hấp dẫn như một cây kem mát rượi mùa hè.

Nhưng rồi hắn không được làm mãi ông vua tuấn tú với hai cung nữ thay phiên nhau hầu hạ. Đã đến lúc hắn tình nguyện làm nô lệ phục dịch cho nỗi điên rồ của nhục cảm. Hắn thưởng thức những gì ả mang đến thoạt đầu rụt rè như kiến, nhưng càng lúc càng tới tấp điên loạn như cào cào.

Khi không còn rượu hay rượu đã cạn, không còn thuốc lá cần sa, không còn cô ở trong người hắn, hắn bỗng ra đi như một bóng ma vào lúc 0 giờ. Hồn hắn đã lìa khỏi xác mà người hắn vẫn còn úp lên thân thể ấm nóng rộng mở của ả. Hắn bị thượng mã phong hay cuối cùng vì một thứ gì khác thì cũng không thoát khỏi làn môi ả. Làn môi đã rắp tâm những độc dược thì sớm muộn gì cũng thế.

Cô ngồi co ro như con sâu ngồi đo lại lòng mình, vừa nghĩ lửng thửng đến số tiền bảo hiểm nhân mạng. Cô chỉ không rõ khi cái chết vừa vỗ lưng hắn, hắn có còn kịp ngửi thấy mùi hương của loài hoa hồng nhiễm độc, hay nấc lên một cảm giác hoan lạc rồi đau đớn.

Nguyễn Thị Thanh Bình

HOÀNG NGỌC THƯ

người nhặt tro

Ông đứng lặng yên trước chiếc mâm hình chữ nhật bằng kim loại đựng đầy tro của hài cốt vừa được hỏa thiêu chiều nay. Bên ngoài, buổi chiều đang xuống nhanh, khiến những tia nắng rọi nghiêng vào phòng chóng nhạt nhòa, lẫn vào nền gạch xám nhạt của căn phòng. "Một người nữa đã ra đi", ông tự nhủ trong khi mân mê chiếc lọ gốm có chạm trổ mà người thân của kẻ quá cố đã để lại. Ông không xem ảnh của người đã mất được đặt cạnh quan tài, đến khi thân nhân của người này đến chia tay lần cuối đã mang đi mọi thứ còn lại. "Chẳng hề gì", ông nghĩ thầm, "rồi mình cũng sẽ biết".

Rồi như mọi lần, ông cẩn thận cúi xuống trút mớ tro tàn vào chiếc lọ và niêm kín nút. Ông tần mần dán ngay ngắn mẩu giấy có keo dính in tên và ngày sinh, lẫn ngày mất, của người quá cố lên lọ, nhưng ông cũng quên không đọc qua cho biết như mọi lần. Ông đặt chiếc lọ lên giá rồi quay lại chiếc mâm kim loại đựng tro. Ông đứng lặng một thoáng, trước khi thật cẩn trọng dùng một chiếc cọ mịn vét lấy những hạt tro còn bám quanh viền chiếc khay và dưới đáy, rồi trút cả vào một gói giấy nhỏ và cho vào túi quần. Xong đâu đấy, ông chùi rửa cẩn thận các dụng cụ rồi xếp đặt mọi thứ trong phòng hỏa thiêu cho ngay ngắn trước khi tắt đèn và khóa phòng. Bên ngoài hành lang, ông mặc lên người chiếc áo khoác dày, mang khăn choàng, găng tay và đội mũ trước khi bước ra lề đường lúc hoàng hôn vừa bắt đầu buông xuống.

Ông cúi gập người, nép mình đi men theo những mái hiên, những bờ tường trơ trụi, cố chống chọi với cơn gió giữa mùa Đông buốt giá. Về đến nhà, ông mệt mỏi treo áo choàng, khăn, mũ lên giá rồi vào phòng khách đặt gói giấy trong túi quần lên bệ gỗ phía trên lò sưởi. Ông đi vào phòng tắm, chậm rãi trút bỏ bộ đồ đi làm, tắm rửa cẩn thận và thay bộ đồ mặc ở nhà. Rồi ông xuống bếp, chuẩn bị thức ăn, nấu bữa tối, và chậm rãi dùng bữa. Xong đâu đấy, ông thu dọn thức ăn thừa vứt đi, rửa dọn cẩn thận mọi thứ trong bếp, sắp đặt ngay ngắn các vật dụng rồi pha một bình trà mang lên phòng khách.

Ông mồi lửa, thắp lò sưởi bằng củi trong phòng, rồi vặn thấp đèn, nhẩn nha ngồi chờ cho đến khi lửa đượm và những tiếng nổ tí tách thưa dần cùng

với hương khói ấm áp quen thuộc tỏa lan quanh phòng. Ông uống nốt tách trà còn lại, trước khi rời khỏi ghế ngồi, tiến đến cạnh bệ gỗ trên lò sưởi và vất vào ngọn lửa chiếc gói giấy ông vừa mang về chiều nay. Ông đứng lặng người, chăm chú nhìn vào chiếc gói giấy bùng cháy trong khoảnh khắc rồi tàn lụi giữa ngọn lửa hừng hực trong lò sưởi. Rồi ông chậm rãi quay về chiếc ghế bành quen thuộc. Ông từ từ rót một tách trà mới, nhấp một ngụm đầy, tận hưởng vị trà nồng đậm đang thấm dần xuống cổ và nhắm mắt chờ đợi.

*

Tiếng gió quật cùng với những đợt mưa chợt đổ xuống bên ngoài khiến cho ông nhớ lại, cách đây hơn bốn mươi năm về trước, cũng trên chiếc ghế bành này, trong căn phòng ấm mùi khói thế này, ông đã lần đầu tình cờ chạm phải, và hé mở cánh cửa vô hình vào một nơi chốn mà con người không bao giờ ngờ đến được. Đó là một đêm đầy bão tố bên ngoài, với bao cây cối, dàn hoa... nhà ông bị quét trụi, lẫn bão tố trong lòng, khi ông vừa trải qua ngày đen tối nhất trong đời, vì người thân yêu duy nhất, mẹ của ông, vừa mới mất và được hỏa thiêu chiều hôm ấy.

Ông còn nhớ ánh mắt thông cảm và xót thương của người nhân viên lò hỏa thiêu, khi ông ta đọc thấy được nỗi đau và tuyệt vọng còn in đậm trong nét mặt, và ánh mắt, của chàng trai trẻ, trong suốt mấy giờ đồng hồ anh ngồi chờ hài cốt của mẹ được thiêu hủy. Đến khi các thủ tục hoàn tất, người nhân viên cho phép anh đến gần, trong lúc ông ta trút mớ tro tàn của người mẹ vào chiếc lọ gỗ cho chàng trai.

Có lẽ vì vội vã, lẫn xúc động trước nỗi đau trong đôi mắt ráo hoảnh, ông đã lỡ tay làm vương vãi một ít tro ra ngoài. Đến khi người nhân viên đã niêm kín nút và dán mảnh giấy tên mẹ lên thành lọ, anh vẫn không rời mắt khỏi nhúm tro tàn còn vương lại trên mặt chiếc khay kim loại. Chỉ sau một thoáng do dự, anh vội vã vơ lấy mảnh giấy cạnh bàn và vét sạch nhúm tro rồi gói lại cẩn thận và cất vào túi. Anh có cảm tưởng đấy là một phần của mẹ mà anh không thể nào để sót lại và để mất đi cùng với những thứ rác rưởi ở đây. Anh đưa mắt biết ơn nhìn người nhân viên lò hỏa thiêu, rồi anh cất giọng khàn nghẹn trao lời cảm ơn và từ biệt ông ta, trước khi ôm lấy chiếc lọ gỗ đựng tro hài cốt của mẹ về nhà.

*

Trời đã tối hẳn và mưa gió chuyển sang bão tố lúc anh về đến nhà. Anh đặt chiếc lọ, lẫn gói giấy đựng tro của mẹ lên bệ gỗ trên lò sưởi nơi phòng khách, rồi anh vội vã thắp lò sưởi và chất đầy những thanh củi còn lại vào

lò. Sau đó, anh đi nhóm bếp, đun nước và pha một bình trà rồi mang trở lại phòng khách. Anh mệt nhoài và rã rời buông người xuống chiếc ghế xô-pha đã được kéo sát lại bên lò sưởi để tìm chút hơi ấm trong căn nhà lạnh giá.

Anh đã cố nén mình trong suốt mấy ngày qua, đã ráng giữ cho đầu óc được tỉnh táo để thu xếp mọi việc cho chu đáo. Anh đã cố hết sức để dằn lòng trong tang lễ của mẹ, cố ghìm mình trong lúc chứng kiến cảnh quan tài của mẹ được đưa vào phòng hỏa thiêu, cũng như trong trong suốt phần còn lại của buổi chiều hôm ấy. Nhưng đến lúc này, khi mọi việc đã hoàn tất, anh có cảm giác như tấm đê ngăn con sông dữ đã sụp lở và bao nhiêu cảm xúc bị dồn nén suốt cả thời gian qua, kể từ ngày mẹ anh ngã bệnh cho đến phút này như cơn lũ đã tràn bờ.

Anh để mặc cho nước mắt tuôn rơi và đắm mình trong nỗi đau mất mẹ. Anh đã không ngờ rằng, cùng lúc ấy, ở ngoài trời, cơn bão cuồng nộ đã quét trụi bao nhiêu cây cối, trụ điện..., cho đến khi mạch điện vào nhà anh bị cắt đứt. Khi đèn trong nhà phụt tắt, anh chỉ thoáng ngỡ ngàng, và cho đến giây phút ấy, anh mới nhận ra tiếng mưa bão cuồng phong đang gầm rú bên ngoài. Nhưng anh không còn màng đến bất cứ điều gì xảy ra xung quanh mình, nên anh vẫn ngồi đấy, mặt úp giữa đôi tay. Anh cảm thấy sâu sắc nỗi cô đơn, trống vắng bao trùm lên mình trong bóng tối phủ dày khắp nhà, ngoại trừ làn ánh sáng chập chờn hắt ra từ bên trong lò sưởi.

Sau một khoảng thời gian dài không biết là bao lâu, anh dần dần cảm thấy khối xúc cảm đè trĩu trong lòng vơi đi đôi chút, anh bắt đầu nghĩ đến thực tại và những điều anh cần phải làm trước mắt. Khi anh nghĩ đến những chọn lựa trong việc cất giữ tro hài cốt của mẹ: ở nhà, mang đi gửi ở đền thờ, hoặc mai táng ở nghĩa trang giữa những người xa lạ, cuối cùng anh đã chọn cách đơn giản nhất là giữ lại nhà. Nghĩ đến điều này, anh chợt nhớ đến gói giấy nhỏ anh mang về có chứa một ít tro của mẹ mà anh không thể để vương vãi và mất đi. Anh rời ghế bành, tiến lại cạnh bệ gỗ và lần tìm gói giấy nhỏ trong bóng tối.

Cầm gói giấy trong tay, anh nhớ lại từng nét rõ rệt về mẹ: vóc người mẹ nhỏ nhắn, đôi mắt sâu, thật buồn và hiền từ... Anh có cảm giác như thể mẹ đang hiện có mặt bên cạnh mình. Tim anh thắt lại trong nỗi nhớ thương và mất mát mà anh biết được chẳng có điều gì khác trên đời này có thể bù đắp. Anh ngậm ngùi nhớ lại những tháng ngày lớn lên cạnh mẹ, tình thương yêu mẹ đã dành cho anh là nguồn hơi ấm, là phần thưởng lớn nhất cho đứa trẻ không có bố. Bên cạnh mẹ, anh đã mỏi mòn chờ đợi cho đến ngày bố anh trở về từ một nơi nào đó ở chiến trường, mà mẹ anh đã tin

rằng ngày ấy sẽ đến trong tương lai. Anh nắm chặt gói giấy trong tay, xót xa cho cuộc sống trong bao nhiêu năm cô quạnh của mẹ. Bây giờ mẹ đã khuất, anh cảm thấy như thể điều anh hằng chờ đợi ấy chẳng còn là nguồn khao khát nung nấu với anh nữa. Đã quá muộn màng nếu có một hôm bố anh trở về lại căn nhà này, vì mẹ đã mãi mãi đi xa và bà sẽ chẳng còn ở nơi đây để vui niềm vui đoàn tụ ấy.

Anh miên man suy nghĩ về những điều anh và mẹ đã chia sẻ với nhau trong quá khứ, những năm tháng thật ngọt ngào, êm đềm mà với anh, giờ đây chúng là những kỷ niệm quý báu mà anh sẽ mang theo suốt đời. Với ý nghĩ này, lòng anh bỗng thấy nhẹ đi và cảm giác an bình chợt tràn về khiến anh thấy lòng mình ấm lại. Anh nhớ lại những điều mẹ đã căn dặn trong những ngày cuối, và anh tự hứa, bằng mọi cách, mình sẽ phải thực hiện cho được.

Anh đứng lặng người, lòng tràn ngập bao xúc cảm và thương nhớ, nhưng nỗi đau xót giờ đây đã được thay thế bằng niềm an ủi sưởi ấm trong lòng. Mắt anh không rời ngọn lửa đỏ thắm rực sáng trong lò sưởi, rồi trong nỗi xúc động, anh nhẹ nhàng thả gói giấy đựng tro của mẹ đang cầm trên tay vào giữa ngọn lửa. Anh thấy lòng mình ấm lên với ý nghĩ rằng, từ đây, một phần của mẹ sẽ mãi mãi bên mình như những ngày xưa bé. Anh biết, ý nghĩ ấy sẽ theo anh suốt đời như một tấm lụa vô hình bảo bọc anh trong tình thương yêu của mẹ.

Anh nhẹ nhàng quay về ghế bành, ngả đầu lên tay ghế. Lần đầu tiên sau bao nhiêu ngày thức trắng, anh cảm thấy lòng thật bình yên, ấm áp, và anh thanh thản chờ đợi cơn buồn ngủ đến. Anh lắng tai nghe tiếng mưa rơi đều đều, êm êm trên mái, và trong phút chốc, anh được sống lại lần nữa những ngày thật hạnh phúc, êm đềm thời thơ ấu trong bóng tối dịu ngọt với mùi khói từ lò sưởi tỏa lan ấm áp quanh mình.

Nhưng khi anh vừa thoáng chợp mắt, anh có cảm giác như thể có tiếng di chuyển trong phòng. Khi anh hé mắt nhìn vào lò sưởi, anh ngỡ như đang trong mơ lúc thấy mẹ nhẹ nhàng bước ra từ bên trong khung lò sưởi. Mẹ của anh hệt như hôm nào, vẫn mái tóc gợn sóng mềm mại, bước chân nhẹ nhàng và nụ cười ấm dịu lạ thường. Anh chưa kịp đứng dậy thì mẹ đã đi đến bên cạnh. Rồi như bao nhiêu năm tháng trước đây, mẹ ân cần cúi xuống bên anh và cất tiếng dịu dàng hỏi:

"Chưa ngủ sao con?"

Anh ngỡ ngàng đưa tay dụi mắt. Anh không thể tin vào điều đang xảy ra cho mình, và không thể phân biệt được là mình đang ngủ hay thức.

"Dạ chưa, mẹ ạ!", anh sung sướng đáp lời.

Mẹ ngồi xuống chiếc ghế bành cạnh anh, bàn tay mềm mại, ấm áp của mẹ đặt lên tay anh. Rồi nhìn sâu vào mắt anh, mẹ dịu dàng bảo:

"Con, có điều này mẹ muốn nói với con".

Anh ngồi thẳng dậy, hoàn toàn tỉnh táo và biết chắc rằng mình đang rõ ràng không mơ.

"Có việc gì thế mẹ?", anh ân cần cầm tay mẹ trong hai tay mình.

Mẹ anh thở dài thật nhẹ, rồi đưa mắt nhìn xuống hai bàn tay con trong tay mình. Anh thoáng đọc thấy điều gì đó hơn cả nỗi buồn trong đôi mắt sâu mà anh vẫn thường gặp mỗi khi anh tình cờ trông thấy mẹ ngồi suy tư một mình. Mãi lâu, mẹ mới cất giọng êm và buồn, anh có thể cảm nhận được những giọt nước mắt đang được đè nén qua giọng nói run rẩy, nghẹn ngào của mẹ.

"Con, mẹ đã giấu con một điều, mà giờ đây, mẹ cần phải cho con biết để con không còn phải ngóng đợi trong mỏi mòn nữa. Mẹ đã thật yếu đuối khi không có đủ can đảm cho con biết sự thật trước kia, nhưng bây giờ con đã trưởng thành và mẹ không còn có thể ở bên con để chia sẻ với con điều con vẫn hằng mong chờ. Mẹ mong con tha thứ cho mẹ điều này, và hãy hứa với mẹ rằng con sẽ không vì thế mà nản lòng, hoặc từ bỏ những giấc mơ mà con đã ôm ấp và thôi không cố gắng xây đắp cho tương lai".

Bà cúi xuống, giấu tiếng nức nở trong lòng bàn tay người con trai và anh choàng tay ôm lấy đôi vai gầy nhỏ của mẹ. Mẹ anh ôm lấy cánh tay con, rồi cố nén cơn thổn thức, bà vừa cất giọng đẫm nước mắt nói với anh:

"Con ơi, bố con đã không mất tích nơi chiến trường như điều mẹ đã lỡ bảo với con ngày con còn bé. Lẽ ra mẹ phải kể cho con nghe sớm hơn về bố, nhưng mẹ đã không đành lòng khi phải phá vỡ niềm hy vọng nhỏ nhoi của con, mặc dù mẹ luôn mong chờ có được dịp để bày tỏ với con điều mẹ luôn cất giữ trong lòng. Bố con đã trở về từ sau chiến tranh, hiện vẫn còn sống, và là người mà con có biết đấy, con ạ."

Anh siết chặt lấy đôi vai nhỏ bé của mẹ, lòng tràn ngập niềm vui tột cùng với mẩu tin hết sức bất ngờ này. Anh níu lấy mẹ, cố nhìn vào khuôn mặt thân yêu còn đẫm nước mắt và không hiểu được lý do khiến mẹ đã phải sầu khổ. Anh lay cánh mẹ, hối hả giục mẹ kể tiếp.

"Mẹ, mẹ, thế bây giờ bố ở đâu?"

Mẹ anh đưa mắt buồn bã nhìn con, rồi bà cố nuốt cơn nghẹn ngào trước khi cất lời lần nữa.

"Con, bố con ngày ấy quả thật có ra trận. Mẹ và bố đã yêu nhau và có

bí mật hứa hôn trước khi bố lên đường trong lúc mẹ đang học đại học năm cuối. Mẹ không ngờ mẹ đã có con trước khi bố lên đường, nên bố chưa bao giờ được biết về con. Rủi ro thay, bố chỉ ra trận lần đầu đã bị trọng thương, đến khi họ đưa về lại nhà, bố con tưởng như không qua nổi, và đến khi bình phục, bố con đã mất hết ký ức. Mẹ vẫn hằng chờ đợi có ngày bố nhớ lại mối tình xưa với mẹ và tìm đến thăm mình, nhưng có lẽ phần ký ức ấy đã bị xóa nhoà, mà mẹ thì không có đủ can đảm để tìm đến gia đình bố và cho hay về mẹ con mình. Vì thế cho nên mẹ đã không thể dối con là bố đã mất nơi chiến trường, cũng như không thể cho con hay sự thật này. Mẹ vẫn mong chờ có ngày bố con phục hồi ký ức, mà mẹ biết, nếu bố nhớ lại, bố sẽ chẳng bao giờ từ nan điều gì để đến với mình."

Anh đọc thấy ánh nhìn ấm áp của mẹ thoáng qua sau làn nước mắt. Anh nhận ra một cách rõ ràng, mẹ anh vẫn còn yêu người tình xưa, và điều này cũng khẳng định lần nữa với anh rằng, bố chắc hẳn phải là một người thật đặc biệt. Anh nôn nóng muốn được biết thêm về bố, anh cần hỏi ngay bố đang ở đâu, làm gì... và anh sẽ tìm đến để thăm ông. Như đọc thấy điều này trong ánh mắt ngời sáng của con, mẹ anh lại buồn bã cúi đầu. Rồi với giọng đượm buồn, mẹ anh bảo:

"Không được đâu con! Bố con đã lập gia đình sau nhiều năm trở lại từ chiến trường và đã có con cái. Vả lại, lý do mà mẹ không thể tìm đến thăm bố là do sự cách biệt giữa giai cấp và hoàn cảnh của hai gia đình. Vì lý do này, từ ngày đầu, bố và mẹ đã phải trải qua bao cản trở nên phải giấu kín mối tình xưa, và nuôi hy vọng đến ngày bố trở về, bố sẽ tự mình tạo dựng một sự nghiệp vững chãi trước khi kết hôn với mẹ. Đôi khi mẹ có nghĩ, có lẽ bố và mẹ đã không có duyên nợ với nhau thật, cho nên đã có con với nhau mà cuối cùng vẫn không thành. Tuy nhiên, mẹ vẫn yêu bố và cầu mong cho bố được mọi sự tốt lành, cũng như cố gắng nuôi con từng ngày và mong cho con sau này hiển đạt để xứng đáng với mối tình ngày xưa mẹ đã có được với bố."

Anh hết sức bối rối và hoang mang trước những điều mẹ kể lại, nhất là anh vẫn không thể hiểu được tại sao mình không thể đến thăm bố, người cha suốt đời vắng mặt mà anh đã mong mỏi được trông thấy dù chỉ một lần trong đời. Anh bối rối nhìn mẹ vẫn đăm mình trong im lặng, những giọt lệ của mẹ làm anh xót xa.

"Mẹ, bố ở đâu, mẹ cho con hay đi!", anh nài nỉ với tất cả tấm lòng.

Không ngước mắt nhìn anh, mẹ trả lời trong cơn nghẹn ngào.

"Bố con là bộ trưởng ngoại giao đương thời, con có nhận ra không?"

Anh choáng váng như vừa có vật gì va phải vào đầu. Anh cố mường tượng khuôn mặt của ngài bộ trưởng ngoại giao, một người hết sức lịch duyệt và nổi tiếng vì những chính sách hết sức tiến bộ, nhưng cùng một lúc, anh nhận ra cái hố ngăn cách giữa gia đình mình và dòng họ bên bố. Gia đình bố anh ở phía bên kia thành phố, nơi hội tụ của các nhà lãnh đạo, giới thượng lưu và các siêu sao cư ngụ, trong khi mẹ con anh sống phía bên này, trong căn nhà cũ kỹ được xây cất từ cả trăm năm trước đây mà ông bà ngoại đã để lại. Còn hơn thế nữa, mọi người đều biết đến dòng dõi thế tộc lâu đời của gia đình ngài bộ trưởng ngoại giao, lẫn gia đình vợ của ông, mà ngay cả với lối bươi móc của giới báo chí, truyền thanh, truyền hình... đương thời, chưa có điều gì mà nhóm này có thể đàm tiếu về họ.

Anh cố tập trung để mường tượng lại khuôn mặt của ngài Bộ trưởng Ngoại Giao như anh đã từng xem trên truyền hình và qua báo chí, rồi cố hình dung thử mình giống bố ở điểm nào, như mẹ anh thỉnh thoảng vẫn bảo. Anh chưa thể nghĩ ra, nhưng có một điều anh hoàn toàn không thể nghi ngờ gì nữa: tên bố anh trong giấy khai sinh, và toàn bộ hồ sơ học hành, hồ sơ gia đình... đúng là tên của ngài bộ trưởng. Trong phút chốc, anh cảm thấy một nỗi thất vọng và cay đắng bao trùm lên mình. Anh không bao giờ ngờ đến giây phút anh biết được tin tức về bố, điều anh hằng khắc khoải mong chờ như là một tia sáng nhỏ nhoi trong suốt bao năm sống quạnh quẽ bên mẹ, lại không là giây phút hạnh phúc nhất đời như anh vẫn nghĩ, mà là một nỗi đau và mất mát ngoài sức tưởng tượng của mình.

Anh ngồi đắm mình trong chiếc ghế bành, cả thân thể như lún sâu trong mớ đệm cũ kỹ với nỗi đau nặng trĩu trong lòng. Lẫn trong nỗi bàng hoàng xót xa, anh nhận ra cảm giác tiếc nuối bao trùm lấy mình, và anh ước ao, dù chỉ trong khoảnh khắc ngắn ngủi, rằng mẹ anh đã giấu kín mãi không cho mình biết về sự thật ấy. Có lẽ cuộc sống của anh sẽ mãi chìm lắng trong cái hạnh phúc êm đềm với nỗi chờ mong ngày bố trở lại. Nhưng ngay cả nếu điều này không bao giờ đến, anh vẫn có thể tự ru mình bằng cái giả thuyết rằng bố đã mất ở nơi nào đó trên chiến trường, và đối với anh, điều đó nằm trong mức định liệu của mình và tất nhiên là chấp nhận được.

Nhưng bây giờ, giấc mơ êm đềm ấy đã tan vỡ. Anh xót xa hơn khi nghĩ đến bao năm tháng mẹ anh đã sống trong cô quạnh, trong khi biết được bố đã trở về với cuộc sống phía bên kia thành phố. Anh cảm nhận được những nỗi đau và mất mát mà mẹ anh đã trải qua khi phải chứng kiến từng chặng đường đời của bố, mà với mỗi bước tiến trên đường công danh, cũng như thành đạt trong cuộc sống riêng tư, khoảng cách của họ ngày một xa hơn.

Anh cảm thấy bất lực khi không thể làm được điều gì để xoa dịu hoặc bù đắp cho những nỗi đau mà mẹ đã phải trải qua, và nỗi tuyệt vọng khiến cho anh rối trí và cùng quẫn.

Như đọc được nỗi lòng của con, mẹ anh cúi xuống bên anh thật dịu dàng, rồi xoa tay lên mái đầu con như những ngày xưa bé, mẹ anh nhẹ nhàng bảo:

"Đừng buồn con ạ, quá khứ là một phần của cuộc sống mà mình không thể thay đổi được, nhưng tương lai thì ở trong tay mình. Mẹ mong muốn con dành công sức cho một tương lai như con vẫn ao ước được có, và hãy nhớ rằng mẹ vẫn mãi ở bên con".

Rồi mẹ âu yếm cúi xuống hôn lên trán anh, trước khi nhẹ nhàng quay gót. Trong lúc anh còn chới với nhìn theo, chưa kịp có cử động nào, mẹ anh đã tiến đến bên khung lò sưởi. Mẹ quay lại nhìn anh lần cuối, ánh mắt mẹ thật hiền từ và anh cảm thấy lòng mình ấm lại khi nhận ra nỗi đau không còn nữa, mà thay vào đấy, ánh nhìn của mẹ lấp lánh nụ cười. Rồi mẹ nói với anh, giọng êm dịu quen thuộc như hôm nào:

"Ngủ đi con, đã quá muộn rồi đấy!"

Chỉ có thế, rồi mẹ nhẹ nhàng đi vào giữa những ngọn lửa đỏ hồng, lúc ấy chợt chao đi như có làn gió thoảng qua. Anh ngồi lặng người trong giây lát, rồi vội vã chồm về phía trước như muốn níu lại bóng dáng mẹ lần nữa, nhưng phía bên trong khung lò sưởi chỉ còn những tàn lửa lấp lánh nhẹ nhàng bay lên.

*

Anh bàng hoàng ngồi dán mắt vào những ngọn lửa đang nhảy múa trong lò sưởi, hoàn toàn chưa định thần được điều gì vừa xảy đến với mình. Tuy nhiên, anh đã biết chắc rằng mình đã không hề ngủ mơ, cũng như những điều mẹ anh nói là sự thật. Anh chợt nhớ lại một lần, cách đấy không lâu, mẹ anh có kể cho anh nghe rằng bố anh ngày xưa chỉ say mê sách vở chứ không ưa thích chuyện chinh chiến hay làm việc chính trị, nhưng vì áp lực của gia đình trong giới chính khách từ nhiều đời, bố anh đã phải đi theo con đường này. Rồi anh nhớ lại, một lần khác, mẹ anh đã ca ngợi chính sách mới mà ngài bộ trưởng ngoại giao vừa đưa ra khiến anh hoàn toàn ngạc nhiên vì mẹ anh vốn là người không say mê theo dõi chính trị. Anh dần dần nhớ lại những điều mẹ anh đã nhắc đến, cũng như nhận ra, như mẹ vẫn bảo nhiều lần, anh có khuôn mặt và đôi mắt giống bố - ngài bộ trưởng ngoại giao, và ý nghĩ này thật lạ lẫm khiến cho anh cảm thấy ngộp thở. Và như thế, anh ngồi đắm mình với bao nhiêu ý nghĩ về gia đình mình cho đến khi tia sáng

đầu tiên của ngày mới ứng lên ngoài cửa sổ.

*

Hôm sau, anh không đến trường đại học mà đón xe buýt đi về hướng ngược lại, sang phía bên kia thành phố tìm đến nhà của ngài bộ trưởng ngoại giao. Anh cảm thấy bước chân mình như nhẹ hẫng đi, khi anh bước xuống xe ở trạm cuối và đi vào con đường nhà bố. Anh không rõ lắm vào giây phút ấy, anh đã có những cảm xúc, ý nghĩ gì, nhưng chắc chắn, chúng không phải là cảm giác mừng rỡ, hân hoan như anh đã từng mơ ước bao năm trước đây vào giây phút chờ được gặp người cha thân yêu. Bên cạnh đó, cảm giác ngượng ngùng và lo âu khiến cho anh đôi lần chùn bước, toan quay trở lại. Nhưng có điều gì đó đã thúc đẩy anh tiếp tục cất bước cho đến khi anh đến trước cổng nhà ngài bộ trưởng.

Anh đắn đo không biết có nên gọi cửa, hoặc chỉ ở bên ngoài chờ cho đến khi nào có người ra vào căn nhà hãy nhân tiện hỏi thăm. Trong lúc anh còn đang phân vân với hai chọn lựa này, cánh cửa lớn mở ra, và tim anh như bị nén lại khi thấy ngài bộ trưởng - bố của anh xuất hiện ở ngưỡng cửa. Mặc dù anh đã xem ông trên truyền hình và báo chí nhiều lần, anh vẫn không khỏi ngạc nhiên lẫn xúc động khi nhận ra mình giống bố thật nhiều, ở những điểm như mẹ vẫn kể.

Ngài Bộ trưởng tiến ra cổng khi trông thấy anh, và trong một thoáng thật ngắn ngủi, anh có cảm tưởng như thể ông khựng lại với ánh nhìn thật khó diễn tả được, rồi ông chậm rãi cất bước đến gần chàng trai. Trong cái khoảnh khắc khi hai cha con đối diện nhau, nhìn vào mắt nhau và chỉ ngăn cách bằng chiếc cổng có song sắt, anh có cảm tưởng như thời gian dừng lại. Có lẽ chỉ trong tích tắc, anh đã suýt buột miệng kêu lên: "Bố ơi, con của bố đây!". Nhưng anh vừa kịp dừng lại khi ngài bộ trưởng lên tiếng trước. Giọng của ông trầm ấm, rõ ràng, và mặc dù đó là lần đầu tiên trong đời anh được nghe thấy tiếng bố, anh vẫn có cảm giác gần gũi, quen thuộc như đã từng được sống bên ông cả đời.

"Chào cậu", ông nói giọng điềm đạm, "cậu cần tìm ai đấy?"

Ông vừa hỏi vừa kéo song sắt, nhẹ nhàng kéo mở chiếc cổng ngăn cách giữa hai cha con. Anh bối rối và xúc động đến cực độ nhưng phải cố hết sức để đè nén cảm xúc, rồi lắp bắp trả lời:

"Thưa... thưa... ngài bộ trưởng", anh nuốt nước bọt, tranh thủ thì giờ cố tĩnh tâm lại, "tôi... tôi cần... viết bài phỏng vấn để làm sáng tỏ thêm đôi điều về...", anh khựng lại trong giây lát rồi mới tiếp tục được, "về... về... chính sách đối ngoại của ông".

Anh nuốt nước bọt, cố làm thông cổ họng đang nghẹn lại, trong khi ráng hết sức để kiềm chế cảm xúc đang dâng tràn, có nguy cơ khiến anh bộc lộ nỗi niềm riêng của mình. Ngài bộ trưởng dừng lại trong giây lát trong khi ánh mắt của ông không rời khuôn mặt chàng trai trẻ. Rồi ông từ tốn rút trong túi ra tấm danh thiếp đưa cho anh và nhẹ nhàng bảo:

"Tôi cần phải đi có chút việc. Cậu hãy gọi cho thứ ký riêng của tôi hẹn giờ gặp, để tôi xem có thể giúp cậu được gì không".

Trước khi ông quay trở vào nhà, anh có cảm tưởng như thể ông đã dừng lại trong khoảnh khắc và có ý định nói thêm với anh điều gì đó. Nhưng ông lại thôi, và ông vẫy tay chào anh khi người tài xế mang xe ra đến bên cạnh đón ông đi. Chàng trai vẫn còn trong cơn bối rối xúc động, anh muốn được níu giữ và kéo dài mãi cái khoảnh khắc quý báu khi bố nhìn sâu vào mắt mình lần nữa, và anh tin rằng ông đã nhận ra vẻ giống nhau thật rõ rệt giữa hai người. Nhưng ông đã quay lưng đi và tim anh như bị nén chặt trong nỗi tiếc nuối vô biên. Khi bố anh bước lên xe ô tô, chuẩn bị sập cánh cửa lại, anh mới cất giọng yếu đuối, rời rạc gọi với theo:

"Cảm ơn ông".

Qua lần kính xe, anh thấy bố quay lại nhìn mình khi chiếc xe lăn bánh ra khỏi cổng và mất hút ở cuối đường. Anh thẫn thờ cầm tấm danh thiếp của bố trong tay, mắt anh vẫn không rời hàng chữ tên của bố in đậm ở giữa. Anh thấy lòng mình nhói đau với cái gần gũi vô biên giữa tình cảm anh dành cho bố, lẫn cái xa cách muôn trùng giữa hoàn cảnh của hai cha con. Đến giây phút ấy, anh mới thấu hiểu được lý do mà mẹ đã không tìm đến bố và nối lại tình xưa, mặc dù mẹ vẫn không nguôi nhớ thương người cha của đứa con mình. Anh thẫn thờ quay gót rời nhà bố và đi đến cuối đường. Anh nhận ra, trong nỗi đớn đau một cách sâu sắc, anh sẽ chẳng bao giờ quay lại nơi này lần nữa.

*

Đã hơn bốn mươi năm kể từ ngày ấy. Bố của ông đã mất cách đấy khá lâu, và mặc dù nhiều lần ông đã lên đường đi đến nhà bố để được thăm cha mình lần nữa, lần nào ông cũng bỏ dở nửa chừng và quay về nhà. Từ ngày gặp bố, ông không còn thiết đến chuyện học hành và xây dựng tương lai cho mình nữa. Nhiều lần, ông nhận ra rằng, ông không còn thiết đến điều gì nữa trên đời, chỉ khao khát được gặp lại mẹ, dù chỉ một lần, để giãi bày nỗi niềm của mình và mong mẹ tha thứ vì đã không giữ được lời hứa xây đắp công danh sự nghiệp như mẹ vẫn hằng mong mỏi. Nhưng ông không thể nào gọi mẹ trở lại được lần nữa, vì trong một lần cùng quẫn với nỗi tuyệt

vọng sẽ chẳng bao giờ được gặp lại bố, cũng như bị dày vò bởi ý nghĩ đã phụ lòng mẹ, ông đã mang vứt lọ tro hài cốt của mẹ xuống biển với mong mỏi mẹ sẽ được thảnh thơi nơi trùng dương mênh mông.

Sau một thời gian khá dài sống trôi nổi, vô định, ông chợt nhận ra có một công việc mà ông muốn làm: đó là trở thành nhân viên của lò thiêu hài cốt. Với công việc đó, ông có thể nhặt tro của người quá cố và biết được thêm về những bí mật được cất giấu sang phía bên kia của cái chết, mà ông tin rằng, dù ít hay nhiều, chẳng có ai mà không cất giữ đôi điều cho riêng mình cho đến cuối đời. Thế là ông cất công đi xin việc ở nơi này, và chẳng lâu sau, ông đã được nhận vào làm chính thức ở lò hỏa thiêu của thành phố.

Ngày ngày, ông tận tụy và miệt mài với công việc để hoàn thành thật chu đáo mọi thủ tục cho tang lễ hỏa thiêu. Ông ân cần giúp đỡ, chia sẻ cùng thân nhân của kẻ quá cố và mang đến cho họ niềm an ủi rằng người thân của họ đang được ông chăm chút cẩn trọng. Dần dần, ông được giao hẳn toàn bộ các khâu làm việc với lò thiêu, và mỗi ngày, ông lại nhặt một ít tro còn sót lại của một người nào đó trong những người được mang đến trong ngày.

Rồi khi đêm về, ông nhanh chóng hoàn thành công việc cá nhân, trước khi thảy tro của người quá cố đã nhặt được vào lò sưởi ở nhà. Bằng cách này, ông đã làm sống lại lần nữa những linh hồn, và trở thành người duy nhất trên đời được biết đến những điều thầm kín của những con người xa lạ. Ông cũng nhận ra rằng, dù là sang hay hèn, giàu hay nghèo, sung sướng hay khổ cực, những linh hồn quá vãng đều bước qua khung lò sưởi ấy với vẻ bối rối, kinh ngạc như nhau, và cùng mở lòng ra, kể cho ông nghe những điều thầm kín đã được vùi sâu trong tâm hồn trước khi họ ra đi vĩnh viễn.

Hàng mấy chục năm qua, mỗi đêm, ông đều thức suốt để nghe chuyện của những con người xa lạ. Bao nhiêu điều bí mật, bao chuyện đau lòng, nhiều điều hết sức kinh hoàng hoặc cực kỳ quý giá của những người quá cố đã mang lại cho ông một cuộc đời hết sức phong phú và thú vị. Nhiều lần, ông tình cờ biết được những bí mật vô cùng giá trị về những người danh tiếng, khiến cho ông có lúc thầm nghĩ "nếu mình muốn, mình có thể, bất cứ lúc nào, trở nên giàu có và nổi danh bằng cách truyền bá rộng rãi những bí mật của họ". Nhưng ông chỉ cất giữ cho riêng mình, và lấy làm thú vị mỗi khi đọc báo, hay xem tin tức với những mẩu tin hoặc phỏng đoán hoàn toàn lệch lạc về những người này.

Chẳng hạn, có lần, ông đọc tin mới nhất trong ngày, sau tang lễ của một chính khách giữ một chức vụ quan trọng trong bộ tài chính. Theo ông,

bài báo chắc hẳn đã được "đặt hàng" để viết bằng một giọng điệu hết sức cung kính và bi ai, mà ngoài những lời ca tụng hết sức nhạt nhẽo, ông còn đọc thấy ở phần cuối là lời ca thán và tiếc nuối cho vị chính khách đã ra đi mà chưa thực hiện được mơ ước cuối cùng là trở thành bộ trưởng bộ tài chính và tạo ra một ngân quỹ giàu có cho đất nước. Ông đã bật cười thành tiếng khi đọc đến đoạn này, vì chỉ mới đêm hôm trước, ông tình cờ nhặt phải tro của vị chính khách và trò chuyện với ông ta suốt một đêm. Nhờ đó, ông đã biết được nguyện vọng cuối cùng của vị này là được hôn lên đôi chân kiều diễm của cô thư ký riêng trẻ tuổi mà ông đã thầm say mê mà chưa một lần dám bày tỏ.

Hoặc một lần khác, ông xem tin tức phỏng đoán về nguyên nhân cái chết của một minh tinh màn bạc. Mẩu tin đưa ra nhiều "bằng chứng" để kết luận đấy là hậu quả của một tai nạn xảy ra trong phòng tắm, sau khi nạn nhân uống say quá độ. Chỉ cách đấy vài tuần, ông tình cờ được biết toàn bộ diễn tiến của vụ án mạng, sau khi nhặt được tro của người nữ minh tinh xinh đẹp. Trong nỗi uất hận, cô gái kể cho ông nghe là đã bị hành hung và ngất đi từ trong phòng ngủ trước khi bị người tình mang ra dìm vào nhà tắm. Ông đã phẫn nộ khi đọc được điều này, và cho rằng, có lẽ thế giới không nên phung phí tiền bạc trả lương cho cái đám làm điều tra án mạng, khi họ hoàn toàn không để ý đến những vệt máu trong mớ chăn gối trong phòng ngủ, lẫn những chi tiết cho thấy cô gái đã bị hành hung, mà đã nhanh chóng kết luận là cô ta bị chết đuối vì say.

*

Trong những lần gặp gỡ và đối thoại với những linh hồn, ông còn biết thêm được nhiều điều về tâm tính con người. Nhiều lần, ông đã hết sức ngạc nhiên về sự khác biệt giữa cái ấn tượng mang lại từ những biểu hiện bên ngoài của những người mà ông đã được biết qua tin tức, báo chí... và cuộc sống riêng, lẫn tâm tư, tình cảm của họ. Có nhiều người suốt đời mang một bề ngoài trầm lặng, mẫu mực, nhưng thật ra, họ chỉ là những kẻ khéo che đậy một cuộc sống phóng túng, mục ruỗng, có khi còn tồi tệ hơn cả cái đám cặn bã của xã hội. Những điều họ kể lại khiến cho ông kinh tởm, và có lúc gây cho ông một nỗi hoài nghi cho tất cả những người quanh mình, mà ông đã phải cố gắng lắm mới vượt qua được và tìm lại quân bình trong cách suy nghĩ. Hoặc có lúc khác, những người quá cố kể về những nỗi đau và bao điều vất vả, nhọc nhằn... họ đã trải qua, mà suốt cả đời, chẳng có ai bên ngoài có thể đoán được khi cho rằng họ đã có một cuộc sống hạnh phúc trọn vẹn.

Nhưng điều đặc biệt và hết sức thú vị đối với ông trong những lần gặp gỡ những linh hồn, đó là khi ông được nhờ cậy để đi nhắn tin cho những người thân của họ. Không ít lần, ông đã bí mật làm kẻ đưa tin từ bên dưới nấm mồ cho những người còn ở lại. Đối với ông, đó là một sứ mệnh cao cả và ông không quản ngại điều gì để hoàn thành công việc được giao phó. Ông có cảm tưởng như thể mình là một thiên thần, người duy nhất làm cầu nối giữa sự sống và cái chết. Ông lấy làm hạnh phúc khi biết được mình đã giúp ích cho những con người trong lúc khốn khó, hoặc trước cơn hoạn nạn, hiểm nguy... Ý nghĩ này cũng là nguồn động lực thôi thúc ông hăng say và tận tụy với công việc mỗi ngày, vì qua những điều ông biết được về cuộc đời riêng của mỗi con người mà ông tình cờ nhặt được tro của họ, ông lại thấy công việc của ông không chỉ dừng lại ở lò hỏa thiêu. Sứ mệnh của ông còn đi xa hơn là chăm chút lần cuối những con người đã nằm xuống, khi ông là người duy nhất có thể lắng nghe và giải tỏa giúp cho họ những uẩn khúc trong lòng, và mang lại niềm an ủi, thảnh thơi cho những linh hồn. Việc nhặt tro đã trở thành mục tiêu và lẽ sống của cuộc đời ông, và ông biết, ông sẽ mãi say mê, cũng như chỉ cất giữ cho riêng mình những điều mà ông đã biết được từ những linh hồn.

*

Và như thế, đã hơn bốn mươi năm từ ngày ông lần đầu phát hiện ra phép mầu kỳ diệu này. Ông đã sống một cuộc đời hết sức phong phú, tâm tưởng của ông luôn đầy ắp những điều mới lạ mà ông góp nhặt được hằng ngày qua bao nhiêu cuộc gặp gỡ với những linh hồn. Có lúc ông thầm nghĩ "mai sau khi mình qua đời, liệu sẽ có ai biết đến điều kỳ diệu này và mang linh hồn mình trở lại lần nữa, để khám phá ra một cuộc đời hết sức thú vị của mình đàng sau cái bề ngoài thật là tẻ nhạt của người nhân viên lò hỏa thiêu?" Nhưng ông cho rằng, mãi mãi sẽ chẳng có ai biết đến điều này, bởi lẽ trí tưởng tượng của con người đã được đóng khuôn trong cái nhìn về thực tại, lẫn bị ăn mòn bởi hoài nghi về những điều có thể xảy ra, đã khiến cho họ tự xóa bỏ cái khả năng tìm đến những điều bên ngoài nếp sống hằng ngày. Ông lặng lẽ thở dài, và thầm tiếc nuối rằng ông không còn ai thân thích trên đời để chia sẻ với họ cuộc đời đầy sắc màu mà ông đã được hưởng. Ông thầm mong đến một ngày nào đó, ông có thể truyền lại cái bí mật quý báu này cho một nhân viên mới của lò hỏa thiêu mà ông phải tin chắc là xứng đáng để được chia sẻ.

*

Có tiếng động nhẹ trong phòng, rồi có tiếng hắt hơi nhẹ từ hướng lò

sưởi. Ông mở mắt nhìn lên vừa lúc bóng dáng một cô gái trẻ có vẻ mặt ngơ ngác bước qua khung lò sưởi tiến đến bên cạnh ông. Cô gái trẻ đưa tay vén mái tóc xõa tung, đưa mắt nhìn quanh phòng với vẻ ngạc nhiên và cất giọng hỏi ông:

"Đây là đâu? Xin ông vui lòng cho biết, ông là ai?"

Ông từ tốn đứng lên rồi tiến lại gần cô gái. Ông vồn vã đưa tay mời cô ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh và cho cô hay, cô hiện đang ở tại phòng khách nhà ông, nhân viên lò hỏa thiêu vừa mới xử lý hài cốt của cô chiều nay. Cô gái bỡ ngỡ nhìn quanh, và chỉ sau một thoáng đắn đo, cô lao đến ôm chầm lấy cánh tay ông nức nở. Rồi cô khóc lóc, van vỉ, xin ông giúp đỡ bằng cách nhắn tin đến gia đình về cái chết của mình. Ông chăm chú lắng nghe câu chuyện hết sức thương tâm của cô gái trẻ về một quãng đời thật bi thảm với cái chết giữa những người xa lạ. Ông long trọng hứa với cô rằng ông sẽ ghi lại tất cả những điều cô đã kể và gửi đến gia đình của cô ở một nơi xa xôi hẻo lánh tận vùng cuối cùng của đất nước. Ông cũng hứa sẽ cất giữ giúp lọ tro hài cốt của cô cho đến ngày người thân cô đến nhận lại. Ông đã an ủi người phụ nữ trẻ bằng những lời lẽ thật thân ái và chân thành khiến cô hết sức cảm động và bình tâm trở lại.

*

Khi ánh lửa trong lò sưởi bắt đầu thấp dần và ông cũng đã chép xong câu chuyện thật thương tâm của người phụ nữ trẻ, ông thân ái bắt tay từ biệt cô gái trước khi tiễn cô đi vào giữa khung lò sưởi còn đượm hồng. Khi cô xoay người lần cuối mỉm cười chào ông, ông có thể đọc thấy niềm vui trong ánh mắt còn lấp lánh những giọt lệ. Ông thấy tim mình ấm lại với niềm tự hào rằng, nhờ có ông, những điều mong ước cuối đời của người phụ nữ trẻ đã được thực hiện.

*

Ông chậm rãi uống nốt tách trà đã nguội lạnh từ bao giờ, rồi thong thả lên giường.

Bên ngoài, bình minh vừa ửng lên sau chòm mây. Ông đón chờ giấc ngủ trong sự hài lòng về một ngày làm việc hiệu quả. Rồi như bao nhiêu ngày đã qua, ông tự hỏi "điều gì đang chờ đợi mình khám phá hôm nay?" Ông thầm mong rằng, mớ tro mà ông sẽ nhặt về hôm ấy sẽ mang đến cho mình những điều hết sức thú vị, và biết đâu, ông lại được lần nữa làm điều gì có ích.

Hoàng Ngọc Thư
Adelaide, 2/2006 & 10/2006

LÝ THỪA NGHIỆP

về biển

Em có thấy con nước tràn về biển
Và Mùa Xuân đã tới tự bao giờ
Bên hàng cây, một màu xanh linh hiển
Có kẻ ngồi và mài mực chép thơ.
*
Những dòng sông vẫn trôi về biển
Bình nguyên này và đồi núi thênh thang
Ai khả chứng về mùa xuân vĩnh viễn
Giữa thinh không rung mãi những cung đàn.
*
Mây có hẹn nên mây bay về biển
Cây bần già lần cuối ra bông
Một lần cuối, cây bần già thị hiện
Niềm yêu thương chất chứa ở trong lòng.
*
Bao nhiêu gió sẽ lùa về biển
Ngàn khơi kia reo mãi điệu thanh tân
Em có thấy từng sát na vô nhiễm
Tâm thân mình nguyên thủy một mùa xuân.
*
Gió sẽ đưa từng hạt mưa về biển
Bàn tay nào nương tựa những bàn tay
Từng cánh én bay lên trời như nguyện
Ta ngồi đây và lệ đẫm hai vai.

tặng em, này nụ tầm xuân

Bình sinh một cõi hiện tiền
Cỏ hoa lớp lớp chung niềm hiến dâng
Tặng em, này nụ tầm xuân
Hương từ vô lượng hồng ân Phật trời
Đất đai miên viễn tô bồi
Trang Kinh vàng cả núi đồi Liên-Hoa.
*
Sáng nay dưới cội mai già
Cổ lai in một sát-na tinh ròng
Thiên niên ngọn gió còn rung
Tấc lòng thảo mộc viên dung thánh phàm
Mưa hay sông núi tuôn tràn
Thuyền ai trôi giữa một càn-khôn xanh.

đợi buổi nước rong

Mình về đợi buổi nước rong
Mang theo giọt lệ qua sông trả người
Tôi mang theo đã cuối đời
Đất trời giờ biết đổi dời ra sao
Năm dài mối mọt hư hao
Thôi thì một bận ngó nhau sau cùng.

Lý Thừa Nghiệp

BÙI NGỌC KHÔI

carlos

Rời hãng in Bay Print sau buổi interview, tôi mừng vô cùng, lần đầu tiên tôi tìm được một công việc tử tế, phụ tá kế toán. Không biết tôi đã gõ cửa bao nhiêu hãng sở xin một chân kế toán nhưng ai cũng lắc đầu- Thiếu kinh nghiệm, cần bằng cấp, vân vân... Từ ngày sang Mỹ được ba năm nay tôi chỉ làm toàn những công việc tay chân vớ vẩn, chả có cái nào ra hồn chỉ vì chưa ra trường. Cứ làm được vài tháng thì tôi bắt đầu chán, muốn nghỉ dù lúc nào cũng muốn để dành đủ tiền để dọn ra ở riêng. Cô tôi luôn khuyên bỏ chuyện ra ở riêng. Cô bảo, "Cứ ở với cô chú để đi học, ở riêng làm gì tốn kém lắm." Cô còn dùng đòn tình cảm, "Ngày cha cháu gởi cháu cho cô đem đi Mỹ, cô đã hứa sẽ lo cho cháu học hành đến nơi đến chốn. Ra ở riêng phải lo chuyện tiền bạc thì học cho đến khi nào mới xong. Ba mẹ cháu sẽ buồn lắm!" Tôi không muốn dùng dằng với cô nên im nhưng trong lòng đã cương quyết.

Tôi ghé vào tiệm phở làm một tô đặc biệt trước khi trở về trường. Ăn xong, tôi vừa nhâm ly tách cà phê sữa vừa phì phèo điếu Winston, ngồi rung đùi trong lòng vẫn còn thấy vô cùng hả hê về cái job mới. Thấy một tờ báo ai để quên trên bàn bên cạnh, tôi với tay ra lấy về bàn mình mở ra đọc. Tôi mở tờ báo ra đúng ngay trang rao vặt, mục quảng cáo cho mướn nhà đập vào mắt. Đưa mắt đọc nhanh, tôi cố tìm một căn nào rẻ gần sở làm mới cho tiện việc đi làm. Có vài căn nhưng giá cao. Tuy tôi đã để dành được một số tiền không nhỏ nhưng chưa dám đem tiêu vào lúc này.

"Thôi, chịu khó đi làm thêm vài tháng nữa rồi tính sau," tôi chép miệng nhủ thầm.

Làm tại Bay Print được vài tháng, tôi nhịn tiêu, đã dành dụm được một số tiền kha khá và bắt đầu đi tìm nhà mướn. Mỗi lần nhớ lại khuôn mặt bầu bĩnh của Hương hỏi "Khi nào anh có chỗ ở riêng" là tôi biết nàng đang mất kiên nhẫn chờ đợi. Tôi cảm thấy nhu cầu dọn ra riêng càng ngày càng cấp bách. Chúng tôi cần chỗ riêng tư, Hương còn ở với cha mẹ nàng, tôi ở với gia đình cô tôi thì làm ăn gì được.

Chiều hôm ấy đang ngồi uống ly cà phê Mỹ chua lè trong cafeteria trong khi chờ lớp đêm khóa mùa hè, tôi thấy Hương từ ngoài xớn xa xớn xác chạy vào trên tay cầm một tờ báo. Nàng hấp tấp đi lại đặt tờ báo xuống bàn ngay trước mặt tôi.

- Anh xem này, có cái nhà này rẻ lắm, lại gần sở anh nữa. Hương vừa nói vừa chỉ một mục quảng cáo mướn nhà mà nàng đã khoanh bằng mực đỏ.

Tôi nhăn mặt chiêu một ngụm cà phê xong đọc cái ad.

- Anh gọi họ nhanh lên kẻo người khác mướn mất. Hương giục.

Tôi cầm tờ báo đi lại cái điện thoại công cộng bên ngoài cafeteria, nhét mấy đồng xu vào, quay số. Vài phút sau tôi trở lại bàn. Hương nóng nảy hỏi:

- Sao? Được không? Khi nào thì mình đi xem nhà?

- Trưa mai, tôi đáp.

*

Thế là tôi dọn ra ở riêng sau khi hứa với cô tôi là sẽ về thăm hằng tuần. Từ ngày cha sinh mẹ đẻ, lần đầu tôi có nơi ăn chốn ở riêng của mình. Tôi và Hương thích cái căn nhà nhỏ xinh xắn này vô cùng. Nó nằm trong một bãi đất khuất phía trong, cách đường xá bên ngoài khá xa. Cả một bãi đất khá to mà nhà cửa lác đác chỉ có vài ba căn cách nhau mấy chục thước thành thử mình cảm thấy không bị dòm ngó. Căn gần căn của tôi nhất cách cả hai mươi thước không có ai ở còn mấy căn kia lại còn xa hơn. Giữa bãi đất là mấy cây cổ thụ thật cao ngăn bãi ra làm hai, bên kia là mấy căn nhà to hơn và khang trang hơn còn bên này là hai căn nhà chệt nhỏ bé, nhà tôi và cái kia còn trống. Ông chủ phố nói sẽ đăng báo cho mướn.

Căn tôi mướn bên ngoài trông rất cũ kỹ, nhưng vào trong thì trông khá hơn nhiều, thảm được giặt sạch, tường mới sơn, màn cửa mới, *wood burner* nằm trong góc phòng khách đã được chùi lại. Vì là studio nên nhà rất bé, nhà bếp, phòng ăn và phòng khách chung với nhau. Căn phòng ngủ duy nhất tuy không rộng rãi nhưng được cái có cửa sổ trông ra ngoài bãi đất rộng. Tôi đã tưởng tượng ra những buổi chiều thu mưa dầm dề ngồi bên cửa sổ nhâm nhi tách cà phê mắt ngắm bầu trời ảm đạm bên ngoài thả hồn theo tiếng nhạc êm đềm của những bài tình ca bên trong căn nhà nhỏ bé ấm cúng, bên cạnh là Hương dựa đầu lên vai tôi, để mái tóc dài của nàng chảy dài trên ngực mình. Ôi chao, lãng mạn và nên thơ biết bao!

Tưởng tượng thế nhưng mùa thu chưa đến, khi trời cuối hè hãy còn trong xanh với những cụm mây trắng bay lơ lửng trên cao thì Hương đoạn tuyệt với tôi và chúng tôi không còn gặp nhau nữa. Một buổi tối Hương đến bất

thần và chạm trán với Stacey trong nhà. Thật khó giải thích cho sự có mặt của một thiếu nữ tóc vàng với một thân hình nảy nở mà trên người chỉ có cái xì-líp nhỏ như chiếc khăn mùi-xoa đang cùng tôi ngồi uống rượu. Tôi và kiều nữ tóc vàng đang chơi strip poker và tôi đang thắng lớn.

- Anh thật khốn nạn!

Hương chỉ nói được có thế rồi thẳng tay quăng trả lại chìa khóa nhà cho tôi, chạy nhanh ra xe phóng đi, suýt đâm vào một trong mấy cây cổ thụ.

Đến lượt Stacey đứng lên vơ mớ quần áo mặc vội vào người rồi hằn học bảo:

- Sao lúc nãy anh nói tôi anh không có người yêu, chứ cô Việt Nam đó là ai, không thể là chị em được. Anh là thằng nói láo! Tôi không thích người nói láo, tôi cũng không thích xen vào những cuộc tình của người khác gây đổ vỡ.

Tiếng xe Stacey rú lên rồi chết lịm ngoài đường. Trong lòng tôi cũng chết đi. Căn nhà nhỏ bé đầy ước mơ của tôi chợt trở nên trống vắng như bãi đất rộng ngoài kia. Tôi thẫn thờ dẹp bộ bài, cất chai rượu xuống bếp rồi ngồi thừ ra, suy nghĩ lại lỗi lầm của mình. Sự yếu ớt tinh thần đã không chống chọi lại được lòng ham muốn bộc phát khi gặp người thiếu nữ da trắng tóc vàng mắt xanh với một tấm thân nóng bỏng làm cùng sở.

*

Tôi trở lại cuộc sống cô đơn trước ngày gặp Hương. Nàng dường như tránh gặp tôi trong trường và chính tôi cũng tránh gặp nàng vì quá xấu hổ. Rồi mùa thu đến. Những cơn gió hanh từ vịnh thổi vào đem theo cái lạnh như báo hiệu cho một mùa đông lạnh lẽo với những cơn mưa đột ngột đến, có khi kéo dài dai dẳng. Những buổi chiều đi làm về, tôi khoác áo lạnh tay thọc túi cho ấm, miệng ngậm điếu thuốc đi lang thang trong bãi đất rộng ngắm mấy cây cổ thụ lá trên cành đã ngả sang màu vàng úa. Một ngọn gió thổi đến cuốn đi những chiếc lá tốc theo chiều gió lên trên không. Những chiếc lá vàng cứ bay lòng vòng trên cao một lúc rồi từng cái nhẹ nhàng đáp xuống đất. Có khi tôi đếm từng chiếc lá như là mỗi ngày cho sự cô đơn của mình. Lá rụng quá nhiều tôi đếm không xuể, nỗi cô đơn của tôi chắc kéo dài bất tận. Vài tuần sau, cơn mưa đầu mùa đổ xuống. Thoạt đầu chỉ là một cơn mưa phùn, hạt thật nhỏ và nhẹ. Những giọt nước của cơn mưa đầu mùa làm xông lên mùi đất mà tôi thích ngửi vì làm tôi hồi tưởng lại những kỷ niệm xưa bên quê nhà. Mùi đất trong cơn mưa đầu mùa dù bên này hay bên kia bờ đại dương không khác nhau mấy, cái mùi nồng ngai ngái ấy có một sức quyến rũ đối với tôi. Cơn mưa dần dà nặng hột, tôi rảo bước trở về căn nhà

nhỏ vắng lạnh, đi vào bếp pha một tách cà phê rồi bật nhạc buồn lên nghe mà lòng thấy trống trải cũng như bãi đất rộng ngoài kia.

*

Một buổi sáng Thứ Bảy giữa mùa thu, nỗi cô đơn của tôi chấm dứt. Như thường lệ tôi thích ngủ nán cho đến trưa dậy thay quần áo phóng xe xuống San Jose ăn tô phở, xong ghé vào mấy tiệm bán dĩa nhạc và sách để xem có gì mới trước khi ghé thăm gia đình cô chú tôi. Sáng Thứ Bảy đó tôi bị đánh thức dậy bởi những tiếng động ồn ào bên ngoài. Nhìn đồng hồ thấy mới chín giờ sáng, tôi miệng lẩm bẩm rủa đứa nào làm gì sáng sớm không để người ta ngủ. Từ bãi đất trống tiếng người cười nói lao xao, tiếng trẻ con khóc, tiếng đồ đạc khua đụng vào nhau loảng xoảng, tiếng mở cửa xập cửa rầm rầm. Đoán có láng giềng mới, tôi lồm cồm ngồi dậy, lết lại cửa sổ sát giường vén màn lên nhìn ra ngoài. Một cặp vợ chồng trông còn trẻ da nâu đậm đang hì hục khiêng bàn ghế từ một chiếc xe truck cũ kỹ vào trong nhà, dưới đất là một đứa bé trai mà tôi đoán là con của họ đang ngồi nghịch mấy viên đá, bốc đất lên ném tứ phía. Thỉnh thoảng người mẹ đi lại đứa bé giựt lấy viên đá từ tay nó rồi quăng đi xa, đứa nhỏ lại khóc ré lên. Biết không còn ngủ được, tôi đi vào phòng tắm mở nước lên tắm cho tỉnh ngủ. Tắm rửa xong tôi thay quần áo đi ra xe.

Một người thanh niên thấp người tóc đen quăn trông như dân gốc Trung hay Nam Mỹ đang ra sức lôi một cái thùng giấy coi bộ khá nặng từ trên chiếc xe truck xuống. Thấy tôi, hắn đưa tay lên chào, tôi gật đầu chào lại. Mở cửa xe định leo lên nhưng tôi đổi ý đi lại gợi chuyện:

- Anh mới dọn đến hôm nay? Tôi hỏi.

Người thanh niên không đáp, chỉ nhăn răng cười khoe mấy cái răng cửa bịt vàng. Tôi quan sát người láng giềng mới. Dù mang một bộ râu mép khá rậm, hắn trông còn rất trẻ chừng mới ngoài hai mươi, tướng lực lưỡng với hai vai khá to và hai cánh tay nổi bắp thịt cuồn cuộn. Tôi nghĩ thầm, "Mình nên tránh gây sự với tên hàng xóm mới".

Tôi lập lại câu hỏi, hắn ta đáp - Sí! Me, Carlos, xong lại cười.

Tôi tự giới thiệu - Tôi tên là Phong! Anh là người Mễ?

Hắn gật đầu xong chỉ người đàn bà đang bế đứa bé trai dưới đất lên:

- Maria, wife!

"Lại thêm một tên Mễ thất học không biết tiếng Anh," tôi vừa nghĩ thầm vừa chào vợ hắn. Nàng ta cười lại rồi bế đứa bé vào trong nhà. Carlos vẫn nhe răng cười, hắn chỉ vào bộ bàn ghế và mấy thùng giấy đầy ắp những thứ lặt vặt rồi chỉ nhà hắn, tôi đoán hắn có ý bảo phải tiếp tục khuân đồ vào

nhà. Tôi gật đầu rồi lên xe đi.

Đến chiều đi thăm cô chú về đến nhà thì tôi thấy cặp vợ chồng Carlos đã dọn hết đồ đạc vào trong. Chiếc xe truck cũ kỹ được đậu giữa nhà tôi và nhà hắn. Tên Mễ chỉ phong phanh cái áo thung dù trời lạnh, đang ngồi trên một chiếc ghế nhỏ trước cửa nhà dựa lưng vào tường, trên tay cầm một lon bia. Hắn ngửa cổ tu ừng ực, bia chảy xuống mép. Hắn đưa tay lên quẹt ngang một cái. Thấy tôi xuống xe, hắn đưa tay lên vẫy miệng thì gọi:

- Ê, chino.

"Mẹ nó, gọi mình là ba tàu", tôi lừng khừng đi đến. Tên Mễ mở cửa thò đầu vào trong nhà nói gì đó với vợ một tràng, tôi nghe loáng thoáng chữ *chino*. Một phút sau Maria hiện ra bên ngưỡng cửa đưa cho chồng một lon bia. Hắn đón lấy rồi chìa ra đưa cho tôi:

- Cerveza?

- Gracias, tôi đáp cộc lốc rồi đón lấy lon bia, bật nắp đưa lên tu một hơi.

Chỉ cái ghế bên cạnh, hắn mời tôi ngồi. Sẵn đang rảnh không biết phải làm gì cho hết buổi chiều Thứ Bảy, tôi nhận lời ngay. Uống được nửa lon, không biết nói gì, tôi hỏi hắn về công ăn việc làm.

- Ông làm gì?

- Body shop.

Nói xong hắn đi lại cái xe truck cũ kỹ, làm điệu bộ dùng hai bàn tay xoa xoa lên thân xe rồi ra điệu cầm bình sơn xịt lên xe xong trở lại chỗ ngồi.

Tu một ngụm bia, hắn đưa mắt nhìn tôi một cách dò dẫm, hỏi lại tôi làm gì.

- Kế toán, tôi đáp.

Nhìn hắn ngẩn tò te, tôi biết tên Mễ không hiểu tôi nói gì. Tôi không biết phải ra dùng dấu tay làm sao để giải thích việc mình làm. Tôi nói 'numbers, números' nhưng tên Mễ vẫn lắc đầu. Lục lọi trong đầu một lúc, tôi chợt nhớ chữ mình đã học qua vài lần - Contabilidad. Hắn gật gù xong chỉ vào tôi rồi lấy ngón tay gõ gõ lên trán, tôi nghĩ hắn ngụ ý khen tôi thông minh. Tự nhiên tôi có cảm tình với tên hàng xóm mới.

Tôi ngại ngồi đây một lúc nữa với ngôn ngữ bất đồng, chắc mình và tên hàng xóm phải khua tay múa chân thay vì khua môi múa mỏ. Tôi và hắn nhìn nhau gật gù chả nói thêm gì. Uống cạn lon bia, tôi nhìn cái lon nhôm trên tay, Tecate.

- Tecate, good cerveza! Carlos lên tiếng. Tôi gật đầu dù thấy nó chả ngon gì hơn Bud và Michelob.

Tôi hỏi tiệm body shop hắn làm ở đâu, hắn đáp - Oakland. Tôi hỏi làm ở đó được bao lâu, hắn gãi đầu rồi lên tiếng gọi vợ. Maria từ trong nhà đi ra. Hai vợ chồng nói huyên thuyên một lúc xong Maria nói với tôi bằng tiếng Anh trôi chảy:

- Chồng tôi làm mới được một năm, trước kia thì đi cắt cỏ.

Tôi khen Maria nói tiếng Anh khá. Nàng giải thích tuy cha mẹ là Mễ nhưng nàng sinh ra ở California còn Carlos mới sang nên Anh văn rất yếu.

- Chồng cô Anh văn còn kém mà xin được vào làm trong body shop thì cũng hay.

Maria giải thích - Vì có người quen đưa vào, xong nàng ta quay sang chồng nói một hơi. Tôi cố ngóng tai nghe nhưng với vốn liếng tiếng Tây Ban Nha nghèo nàn của tôi và tốc độ nói của họ tôi chịu thua. Maria giải thích.

- Chồng tôi được người bạn giới thiệu vào làm. Tiệm đó toàn là người Mễ, từ chủ cho đến thợ nên không cần biết tiếng Anh.

- Maria, nhờ cô dịch cho Carlos biết tôi không phải người Hoa, đừng kêu tôi là chino.

Maria quay sang chồng dịch lại.

Carlos ngạc nhiên nhìn tôi hỏi:

- You not Chino?

Tôi lắc đầu nói hắn tôi là người Việt.

- Ô, Vietnamita!

Vietnamita? Không gọi tôi là người Hoa nữa thì hắn lại kêu tôi là Việt-nam-mít à. Thật bực! Bỗng nhiên Carlos đứng lên đi vào trong nhà. Có tiếng mở cửa tủ rồi những tiếng đồ thủy tinh va vào nhau, một chập sau hắn trở ra miệng cười thật tươi đến mang tai, tay dơ ra một chai rượu tay kia cầm hai cái ly nhỏ xây chừng nhỏ. Hắn đưa cho tôi một ly rồi rót rượu vào. Tôi đưa ly lên mũi ngửi, mùi an-côn nồng ngai ngái xông lên mũi làm tôi nhớ lại mùi rượu đế một thời hay nhậu ở quê nhà với lũ bạn. Tôi nhìn Maria, nàng nói - Tequila. À, thì đây là rượu tequila nổi tiếng của xứ Mễ Tây Cơ mà tôi hằng nghe. Về rượu mạnh thì tôi cũng như mấy người bạn nhậu Việt chỉ biết có cognac hay brandy nhãn Napoléon. Carlos tự rót cho mình một cốc rồi ngửa cổ làm một phát thật nhanh xong hắn khà một tiếng thật lớn rồi bảo tôi uống. Bắt chước hắn, tôi cũng đổ cốc rượu vào miệng. Chất lỏng nóng bỏng đi đến đâu đốt đến đó từ lưỡi cho đến đáy dạ dày. Tôi không ngờ tequila còn mạnh hơn cognac. Tôi ho lên sặc sụa đến ứa nước

mắt. Carlos cười lên ha hả rất sảng khoái, lên tiếng khen:

- You good, muy bueno!

Tôi đưa trả lại cái ly xây chừng, lắc đầu nói rượu quá mạnh, uống không nổi. Hắn vỗ lên vai tôi nói - OK, tomorrow, you drink good. Tôi lè lưỡi lắc đầu.

*

Những ngày sau đó tôi được biết nhiều thêm về cặp vợ chồng láng giềng Mễ. Carlos mỗi sáng lái chiếc truck đi làm còn vợ ở nhà lo cho thằng con trai nhỏ. Hắn và tôi thường rời nhà cùng một lúc với nhau. Cứ gặp nhau như thế tôi học thêm được vài câu tiếng Mễ thấy cũng vui vui. Ra đến đường tôi và hắn đi cùng một xa lộ một khúc khá xa mới rẽ hai hướng khác nhau, người nào đi đến sở người nấy. Thường thì đến chiều đi làm về tôi đã thấy chiếc truck nằm lù lù chỗ cũ ban sáng. Từ trong nhà cặp vợ chồng có tiếng nói chuyện, tiếng cười của Carlos và thằng bé, mùi nấu ăn bay ra thơm phức. Lắm lúc nhìn cảnh tượng ấm cúng gia đình hạnh phúc của Carlos tôi đâm thèm và tiếc nuối những ngày tháng có Hương. Trước khi bỏ tôi, Hương đã đến nấu cơm ăn chung. Những lần ấy tôi cảm thấy hạnh phúc vô ngần, những tưởng nó sẽ kéo dài mãi mãi. Phải chi tôi không gặp Stacey!

Một hôm Maria hỏi tôi sao không lấy vợ. Tôi cười buồn kể chuyện Hương và đứa con gái Mỹ. Maria chép miệng lắc đầu chê - Bad man! rồi dịch lại cho chồng nghe. Carlos nháy mắt khen tôi 'bueno', bị vợ trợn mắt la 'Qué?' Hắn cười hì hì rồi mời tôi một lon Tecate nữa. Đến cuối tuần vợ chồng Mễ trẻ mời tôi sang ăn thịt nướng. Mỗi lần như thế Maria lại phải đóng vai thông dịch viên cho chồng. Carlos còn cha mẹ và đứa em trai bên Mễ, hắn muốn để dành tiền đem họ sang rồi cả gia đình họp lại mở một tiệm tạp hóa nho nhỏ bán hàng Mễ.

- Vậy thì cậu nên đi học Anh văn, tôi khuyên, vì trước sau gì cũng phải giao dịch với dân bản xứ.

Hắn gật gù có vẻ đồng ý xong móc ví lôi ra hai tấm ảnh cũ mèm đưa tôi xem.

- Mi papá, mi mamá.

Hình chụp một cặp vợ chồng Mễ già trông quê mùa đứng trước một căn nhà nhỏ lợp mái tôn lụp sụp bên một con đường đất trông không khác gì nhà cửa trong mấy khu nhà lá ngoại ô Sài Gòn. Người đàn ông già dáng thấp bé cười nhe mấy cái răng sún đứng cạnh một phụ nữ lùn và mập, miệng cười khoe vài cái răng vàng. Một chiếc xe đạp dựng lên tường gần đó. Carlos chỉ cho tôi xem tấm hình thứ nhì chụp thằng em trai hắn.

- Felipe, em tôi.

Thằng bé đen đúa trông khoảng mười hai mười ba tuổi nhe mấy cái răng sún giống cha đang ngồi trên một chiếc xe đạp con. Carlos khoe chính hắn mua chiếc xe đạp ấy cho thằng em.

- Tôi tặng nó vì nó học giỏi, nó thông minh như ông vậy, làm toán giỏi lắm. Mai mốt nó cũng học kế toán như ông để giữ sổ sách cho tiệm tạp hóa tôi sẽ mở cho ông bà già tôi.

"Chắc thằng này chưa biết mẩu chuyện tây cô bé đội sữa ra chợ bán," tôi nghĩ thầm.

Trả lại Carlos hai tấm hình, tôi chúc hắn may mắn và hứa sẽ là khách hàng đầu tiên của cửa tiệm tạp hóa trong giấc mơ của hắn. Hắn cám ơn xong mắt lim dim nhìn xa xăm, chắc hắn đang nhìn về hướng Nam, nơi chôn nhau cắt rún của hắn với những người thân đang chờ ngày sum họp. Còn tôi thì nhìn về hương Tây cố tìm thấy một giải đất hình chữ S, nơi cha mẹ và đứa em gái tôi cũng đang chờ ngày trùng phùng. Đơn xin Đoàn Tụ Gia Đình đã nạp hai năm nay nhưng tôi vẫn chưa nghe thấy động tĩnh gì từ Sở Di Trú, và tôi vẫn kiên nhẫn chờ. Khác với Carlos, tôi không mơ mộng gì nhiều cho một tương lai huy hoàng cho đại gia đình tôi khi sang đến đây. Biết thân phận mình học hành chưa xong, vốn liếng học vấn trước 75 ở Sài Gòn chả có giá trị gì bên này, bây giờ chỉ biết làm cạo giấy ngày hai buổi, của cải không có gì ngoại trừ cái xe cũ mua lại để đi làm, tôi chỉ biết lo cho những gì trước mắt khi gia đình sang được như nơi ăn chốn ở, ghi tên cho đứa em gái vào trung học, vấn đề sức khỏe của cha mẹ tôi. Thế thôi! Tôi nghĩ cha mẹ tôi sẽ thất vọng khi thấy tài sức con trai lớn mình chỉ đến thế. Có lẽ cha mẹ quê mùa của Carlos lại vui sướng và hãnh diện hơn song thân tôi. Tôi chợt thấy buồn bã, lắc đầu.

- Qué pasó? Carlos hỏi.

Tôi nói đang nghĩ về gia đình bên quê nhà. Carlos bắt tôi kể về cha mẹ tôi và đứa em gái. Tôi chiều lòng hắn vắn tắt nói về gia đình mình. Để kết luận, tôi nói hắn và tôi đồng cảnh ngộ. Hắn lắc đầu bảo Maria dịch lại.

- Không như thế đâu, cha mẹ ông được phép vào Mỹ một cách hợp pháp, chỉ là vấn đề thời gian. Cả một bể Thái Bình Dương ngăn chia Mỹ Việt hàng ngàn dặm nhưng chỉ cách nhau một hai ngày bay trong khi Mễ và Mỹ cùng một biên giới nhưng có thể là phân ly bao năm trời.

Một nụ cười ngây ngô nhưng quả quyết trên mặt Carlos.

- Nhưng tôi sẽ đem ông bà già và thằng em sang đây được. Còn em gái ông?

- Em gái tôi cũng bằng tuổi em cậu, đang học lớp tám.

Carlos đòi xem hình gia đình tôi. Đến lượt tôi móc ví lấy ra một tấm ảnh nhỏ chụp cha mẹ tôi và đứa em gái. Nhìn hình một lúc, tên hàng xóm Mễ gật gù khen cha mẹ tôi trông còn trẻ. Hắn khen đứa em gái tôi xinh rồi chuyền ảnh sang cho Maria. Vợ hắn đón lấy bức ảnh, đưa lên nghiêng đầu nhìn. Tôi quan sát Maria. Người con gái Mễ này trông mặn mà như gái lục tỉnh Việt Nam, nước da ngăm ngăm bánh mật, đôi môi dày lúc nào cũng bóng lên dễ gợi dục, cặp mắt to và đen, chỉ có cái hơi mập người tròn trĩnh như đa số phụ nữ Mễ. Xem ảnh xong Maria đưa trả lại cho tôi rồi tiếp tục đút từng miếng thịt cho thằng bé ăn. Thằng nhỏ chắc no không muốn ăn nữa, nó quay mặt đi cố tránh cái nĩa đầu xiên miếng thịt làm mẹ nó cứ phải chu môi ra kêu chùn chụt để dụ nó ăn. Cặp môi nàng cong cớn lên trông thật khêu gợi. Suốt ngày ở nhà ăn no xong lăn ra ngủ chờ chồng đi làm về, cái sức lực sung mãn ấy cứ tăng dần lên như nước dâng mãi phải có lúc vỡ bờ.

Tôi trở lại đề nghị Carlos nên đi học thêm Anh văn vì nếu mai đây chẳng may cái body shop bị đóng cửa thì làm sao hắn tìm được việc làm khác nếu không biết tiếng bản xứ. Chả lẽ mò về lại cái làng nghèo nàn bên nước Mễ của hắn? Maria dịch lại, xổ một tràng cho chồng nghe. Carlos lại đồng ý. Tôi hứa sẽ giúp hắn nếu có gì khó trong bài học bài làm.

Sau bữa nhậu đó, tôi không nghĩ Carlos sẽ giữ lời hứa học tiếng Anh nhưng tôi đã lầm. Mấy hôm sau hắn khoe đã ghi tên học ESL miễn phí tại một nhà thờ Mễ mỗi tuần hai đêm, còn hai đêm kia thì hắn đem sách vở sang nhờ tôi chỉ thêm. Tên này bề ngoài trông vai u thịt bắp ù lì chứ khá thông minh, học vào rất nhanh và được cái không tự ái, lắm lúc bị tôi mắng vì dần, có mấy cái luật văn phạm giản dị mà không nhớ, hắn chỉ nhe răng cười rồi xin lỗi. Vài tháng sau Anh văn Carlos khá lên thấy rõ. Bây giờ mỗi sáng gặp nhau hắn không còn chào tôi bằng 'Buenos días' nữa mà thay vào đó là 'Good morning' kèm theo những câu hỏi khác về thời tiết, việc làm, vân vân. Tôi vừa mừng cho hắn vừa mong mình không làm tên láng giềng Mễ mất gốc.

Suốt mấy tháng trời làm thân với gia đình Mễ bên cạnh làm tôi thấy bớt cô đơn. Nỗi buồn thất tình ban đầu rồi cũng bớt đi nhất là Hương không còn học chung trường với tôi nữa. Đã hơn một khóa học tôi không thấy nàng trong câu lạc bộ hay ngoài sân trường. "Biết đâu Hương đã lấy chồng và bỏ học. Thôi thế cũng xong!", tôi nghĩ mà trong lòng chùng xuống. Những lần sau đi ngang qua building mà Hương thường có lớp, tôi vẫn còn cảm thấy

phần nào xao xuyến. Nếu tình cờ Hương xuất hiện thì biết nói gì?

*

Sau lễ Thanksgiving, những thương xá bắt đầu nhộn nhịp đèn đóm thắp sáng trưng chuẩn bị cho một mùa Giáng Sinh sắp đến. Đêm đêm người ta lũ lượt đi shopping. Những bãi đậu xe càng ngày càng đầy, chẳng mấy chốc tìm một chỗ đậu xe cũng khó. Có những buổi chiều sau khi đi làm ra, tôi ghé vào một thương xá gần nhà để cùng nhập vào dòng người mua sắm nhưng vì cần để dành tiền lo cho gia đình nên tôi chỉ đi ngắm cho đỡ thèm. Tay thọc trong túi quần, tôi đi lang thang trong thương xá, đứng ngoài tiệm dán mũi lên tủ kính nhìn mấy cái áo da đen, mấy bộ đồ vét, các dàn stereo chứ không dám bước vào vì sợ người bán hàng ra hỏi thăm. Đi một đỗi mỏi chân, tôi ghé vào một cái quán cà phê nhỏ gọi một tách espresso ngồi nhâm nhi nhìn thiên hạ dập dìu qua lại. Họ trông thật hạnh phúc. Những cặp ôm tay dìu nhau bước thong thả như muốn kéo dài thời giờ bên nhau làm tôi nhớ lại quãng ngày vui chỉ mấy tháng trước. Nếu còn Hương, chắc chúng tôi cũng không khác gì người ta. Đứa con gái trẻ chạy bàn với một khuôn mặt thật xinh và mái tóc vàng búi lên phía trên đội mũ vải mỏng theo kiểu gái Bắc Âu đi lại cầm cái tách cà phê đã cạn của tôi lên, hỏi tôi còn muốn dùng gì nữa không. Tôi mỉm cười với đứa con gái, trong lòng hết sức muốn thú thật với nàng nỗi cô đơn của tôi, may ra được nàng rủ lòng thương nhưng nghĩ sao lại thôi, chỉ lắc đầu cám ơn rồi đứng lên ra về.

Một đêm đi dạo thương xá về đến nhà, tôi thấy Carlos đúng lúc cũng vừa đậu chiếc xe truck trước cửa nhà hắn thay vì bên hông như thường lệ. Vợ chồng con cái xuống xe. Hắn đi vòng ra phía sau chiếc xe truck, mở cái bửng xuống xong cố lôi một cây thông xuống xe. Tôi chạy lại chào hai vợ chồng, phụ hắn khiêng cây vào trong nhà.

Sau hơn mười lăm phút vật lộn với cái cây thông cao hơn đầu người, tôi và Carlos dựng được nó trong xó nhà. Hắn vỗ vai tôi cám ơn rồi vào bếp mở tủ lạnh lấy hai lon bia mời tôi một lon trong khi vợ hắn lôi ra từ trong một cái túi giấy to tướng một mớ dây điện rối bù trên có gắn nhiều bóng đèn nhỏ đủ màu trải xuống sàn nhà rồi gỡ rối ra từng sợi. Maria làm công việc thật tỉ mỉ này khá lâu xong bắc ghế trèo lên chịu khó treo lên cây thông những ngôi sao bạc, những cái tượng thiên thần nho nhỏ xong cuốn sợi dây điện lủng lẳng bóng đèn đủ màu xung quanh cây. Trong khi đó thằng con trai cứ chạy vòng quanh cái cây ra chiều thích thú lắm. Maria sợ nó đụng vào làm rớt đồ, lên tiếng đuổi nó đi. Thằng nhỏ phụng phịu chạy lại cha nó nước mắt vòng quanh. Carlos bế nó lên cho ngồi lên đùi rồi nhịp

lên nhịp xuống làm nó thích chí cười lên. Tôi thấy thằng bé dễ thương tệ, đưa tay ra vuốt đầu nó. Thằng bé cười với tôi - 'Tío Phong!' Carlos ngồi im lặng nhìn vợ loay hoay trang hoàng cây thông. Khi hắn và tôi uống hết lon bia thì Maria cũng vừa trang hoàng xong cây thông. Nàng trịnh trọng cắm điện. Những ngọn đèn xanh, đỏ, vàng, trắng bật lên cùng một lúc rồi lấp lánh trông thật đẹp mắt. Thằng bé trai reo lên trong vui mừng - Qué bonitas luces, papá! (Đèn đẹp quá cha ơi), xong nó ngồi phệt xuống đất mắt chăm chú nhìn mấy ngọn đèn màu chớp chớp. Mắt thằng bé long lanh không kém gì mấy ngọn đèn. Niềm hạnh phúc nhỏ bé đã được toại nguyện. Maria ngồi xuống cạnh con, ôm nó sát vào lòng rồi hai mẹ con bắt đầu cất tiếng hát một bài hát bằng tiếng Tây Ban Nha mà tôi đoán là bài hát Giáng Sinh. Giọng mẹ thật ấm, giọng con thật trong. Tôi liếc sang nhìn Carlos. Một nụ cười toại nguyện pha lẫn với vui sướng nở trên môi hắn rồi môi hắn bắt đầu mấp máy. Hắn hát theo vợ con. Tôi biết đến lúc phải rút lui để trả lại bầu không khí gia đình ấm cúng cho Carlos và vợ con. Tôi đứng lên chào hắn rồi rón rén bước ra cửa. Carlos không nhìn theo, chỉ nói Adiós xong đưa tay lên vẫy.

Vài giọt mưa lạnh buốt quất lên mặt tôi. Những chiếc lá còn lại trên cành mấy cây trong bãi đất lay động trong gió thổi nhẹ, vài chiếc lìa cành bay theo gió rồi nhẹ nhàng đáp xuống đất. Đã lâu tôi không còn đếm lá cho những ngày tháng cô đơn của mình. Tôi chỉ ước có một trận bão nào thật lớn thổi đến làm rụng hết lá để chấm dứt nỗi cô đơn ấy. Có tiếng cười ròn tan của đứa con trai Carlos từ trong nhà vọng ra ngoài. Ra đến giữa bãi đất trống, tôi quay lại nhìn căn nhà hàng xóm. Nổi bật lên giữa cái bóng đêm đen như mực của một buổi tối mùa đông, cái cửa sổ màn kéo mở toang của nhà Carlos trông như một bức tranh tuyệt đẹp của Norman Rockwell vẽ lên hình ảnh một gia đình hạnh phúc đang quây quần bên nhau xung quanh cây Giáng Sinh. Tay thọc sâu trong túi áo, tôi cúi đầu bước nhanh về căn nhà lạnh lẽo của mình.

*

Buổi chiều ngày 24, cơn mưa dầm dề ba ngày nay tự nhiên ngưng như là theo lệnh của Thượng Đế để chúng sinh có thể cử hành lễ Giáng Sinh một cách thoải mái. Thay thế cho những dòng nước lũ là những ngọn gió lạnh buốt không biết ở đâu thổi về, có lẽ từ Alaska nên đem theo cái buốt thấu xương. Hãng hôm nay cho nhân viên về sớm nửa ngày để chuẩn bị đón lễ. Là người Phật giáo dĩ nhiên tôi không quan tâm nhiều về chuyện ấy. Tôi tính sắp vài bộ quần áo đến nhà cô tôi ở chơi vài bữa vì lễ Giáng Sinh

nhằm vào Thứ Năm nên sở đóng cửa luôn cho đến tuần sau. Về đến nhà, tôi thấy một chiếc xe lạ nào đậu trước cửa nhà Carlos, một chiếc xe hoa-kỳ hiệu Impala kiểu cũ thời sáu mươi mấy, to như xe tăng rất được giới trẻ Mễ ưa chuộng, thường thì mua về rồi thay bốn bánh bằng những bánh nhỏ thấp lè tè. Tôi đoán gia đình Carlos mời bạn hay bà con nào đến ăn Giáng Sinh. Sắp quần áo vào bị xong tôi xách ra xe đúng lúc Carlos từ trong đi ra cùng với một thanh niên Mễ. Hắn đi vội lại xe tôi:

- Phong, ông qua nhà tôi ăn Giáng Sinh chứ?

Tôi từ chối vì đã hứa với cô tôi:

- Xin lỗi, thôi để năm sau đi. Tôi phải lại thăm cô tôi như đã hứa. Bạn cậu đó hả? Tôi vừa hỏi vừa đưa mắt nhìn người thanh niên Mễ ăn mặc diêm dúa, tóc chải tém, cổ đeo mấy sợi dây chuyền vàng đứng cạnh Carlos. Không chờ Carlos lên tiếng, tên này chìa tay ra cho tôi bắt, nhếch môi tự giới thiệu.

- Tôi là Oscar, bạn của Carlos.

- Tôi tên là Phong.

Carlos xen vào:

- Oscar là bạn thân của tôi từ bên Mễ, gia đình hắn ở cùng tỉnh với ông bà già tôi, vẫn còn bên đó chưa sang được. Chính Oscar đưa tôi vào làm trong body shop. Maria muốn mời Oscar đến ăn Giáng Sinh vì gia đình chú hắn về Mễ nên hắn có một mình.

- Xin lỗi hai người nghe, tôi phải đi vì đã trễ.

Quay sang Oscar, tôi bắt tay hắn một lần nữa:

- Hân hạnh biết cậu, mai mốt mình gặp lại.

Vừa quay đầu xe lại, tôi thấy Maria từ trong nhà đi ra tiến lại chỗ chồng và người bạn đang đứng. Nàng tự nhiên khoác tay Oscar kéo hắn đi. Carlos lững thững đi sau bạn và vợ, chân đá mấy chiếc lá vàng dưới đất. Hắn ngừng chân khi xe tôi ra gần đến ngoài đường, hắn vẫy tay chào. Tôi bấm còi chào lại rồi lên ga.

Chiếc xe Impala trở lại nhà Carlos đôi ba lần sau lễ Giáng Sinh. Những lần như thế là nhà hàng xóm Mễ của tôi nhộn nhịp lên như có hội. Dù là đã vào đông trời bên ngoài lạnh ngắt, Carlos vẫn lôi cái lò than ra sân sau nướng thịt mùi bay thơm phức. Hắn luôn kêu tôi sang nhậu chung. Qua đến nơi tôi thấy Oscar ngồi sẵn với lon bia trong tay. Đến lúc này tôi mới biết thế nào là thức ăn chính tông của xứ Mễ. Sau vài lần ăn thịt nướng mà Carlos khoe là đã học được từ một người bạn vùng Michoacán và các món đồ biển Maria nấu theo kiểu Veracruz, tôi bắt đầu thích thức ăn Mễ. Khi

nghe tôi nói trước kia hay ăn Taco Bell mà nghĩ đó là món ăn Mễ, Carlos cười giải thích đó là thức ăn "gringo".

Tên Oscar nhìn tôi lắc đầu nhếch mép cười. Hắn bảo:

- Ông chả biết gì về văn hóa Mễ.

Tôi thấy nóng mặt, định lớn tiếng nói văn hóa mày ra gì so với văn hóa năm ngàn năm của tao nhưng vì nể Carlos nên thôi. Tôi đâm ghét tên Oscar này vô cùng, hắn lầm lì ít nói, điệu bộ khinh khỉnh, ra vẻ kẻ cả ngay cả với Carlos và nhất là thường tìm cách công kích tôi.

*

Người kế toán trưởng già đầu hói đặt tờ spreasheet của tôi xuống, đầu gật gù ra điệu bộ hài lòng. Ông ta đọc lại những hàng cột số một lần nữa rồi gật gù:

- OK! Tốt lắm. Cậu làm cái trial balance này và mấy cái ledgers kia đúng.

Ông ta đặt lại tờ spreadsheet xuống bàn, gỡ cặp kính lấy khăn mu-xoa trong túi ra vừa lau vừa cho tôi biết hãng rất là hài lòng với việc làm của tôi và sẽ cho tăng lương. Ông còn cho phép tôi về sớm để lo giấy tờ nhập cảnh cho gia đình.

Rời văn phòng boss, tôi mừng vô cùng. Hai ngày hôm nay tôi được hai tin vui liên tiếp nhau. Chiều hôm qua đi làm về lấy thư thấy phong bì Sở Di Trú gởi đến, tôi hồi hộp vô cùng. Quăng vội chiếc áo khoác lên ghế, tôi vội xé phong bì ra đọc thơ ngấu nghiến. Đọc đến hết thư, tôi muốn hét lên thật to - Gia đình tôi đã được chấp thuận cho sang Mỹ, chỉ cần đi khám sức khỏe là xong. Như vậy không bao lâu nữa tôi sẽ gặp lại cha mẹ và đứa em gái. Tôi cầm lá thơ chạy sang nhà Carlos khoe. Maria đọc xong dịch lại cho chồng nghe.

- Muy bueno. Tôi mừng cho ông. Như vậy khi nào thì gia đình ông qua?

- Tôi không biết rõ, tôi trả lời, có thể chỉ một vài tháng thôi, tôi đoán vậy.

- Ông làm đơn bao lâu rồi?

- Hai năm, nhưng tôi xa nhà tôi hơn sáu năm, sáu năm dài đăng đẳng.

Carlos quay mặt đi, trên môi nở nụ cười gượng gạo. Thấy hắn thế, tôi biết trong niềm vui lớn tôi đã quên cái buồn của người đồng cảnh ngộ. Tôi an ủi hắn - Kiên nhẫn lên đi, chỉ là vấn đề thời gian. Nói vậy chớ tôi nghĩ gia đình hắn biết đến bao giờ mới được phép sang Mỹ. Cũng có thể Carlos sẽ gởi tiền về cho gia đình để tìm cách vào Mỹ một cách bất hợp

pháp. Biết đâu chính hắn cũng là dân "lưng ướt" ở lậu, dùng giấy tờ giả để đi làm nuôi thân.

Giờ cộng thêm cái tin tôi được lên lương. Tôi tính nhẩm số tiền để dành trong ngân hàng đã lên đến hơn ba ngàn đô, có lẽ tôi nên bắt đầu nghĩ đến việc mướn một căn nhà tử tế chứ cái nhà đang thuê nhỏ xíu thì làm sao đủ chỗ cho bốn người.

Dọn dẹp bàn làm việc cho gọn ghẽ xong tôi nhìn đồng hồ, hai giờ trưa. Nói là cần lên Sở Di Trú bổ túc giấy tờ chứ kỳ tình tôi chỉ cần chụp phóng ảnh vài văn kiện rồi ra bưu điện gởi gấp nhưng đã được cho về sớm thì tôi muốn lợi dụng vài giờ đồng hồ đi xem mấy căn nhà ba phòng tôi thấy báo đăng cho mướn.

Tạt qua bưu điện gởi lá thơ xong, tôi phải chạy về nhà để lấy địa chỉ mấy căn nhà đó tôi quên cầm theo lúc ban sáng khi đi làm. Xe vào đến bên trong bãi đất thì tôi thấy chiếc Impala đậu phía sau căn nhà bên cạnh. Chiếc xe truck của Carlos tôi không thấy đâu cả. Cũng lạ nhưng vì cần đi gấp nên tôi chả bận tâm về chuyện chiếc Impala. Lấy địa chỉ nhà cho thuê xong tôi trở ra ngoài thì đúng lúc thấy Oscar từ trong đi ra, quần áo hắn phía trước có chỗ trông như bị ướt. Hắn leo lên chiếc Impala phóng đi. Maria đang bế đứa nhỏ đứng trước cửa. Thấy tôi nàng lên tiếng chào:

- Xui ghê, nhà bị bể ống nước, may Oscar lại sửa chứ không thì nhà bị lụt.

- Chồng cô không có nhà? Tôi hỏi.

Maria lắc đầu:

- Carlos bận làm, phải nhờ Oscar lại giúp vì hôm nay anh ấy về sớm.

*

Tôi đã nạp đơn xin mướn một trong mấy căn nhà ba phòng hôm nọ đi xem. Căn nhà trông rất tươm tất, nằm trong một khu vực khá an ninh và sạch sẽ. Giờ tôi chỉ chờ chủ nhà trả lời có thuận hay không. Vấn đề kế tiếp mà tôi phải lo là bàn ghế giường tủ. Cuộc sống con trai độc thân của tôi không đòi hỏi gì nhiều nhưng thêm ba người nữa nhất là mẹ tôi và đứa em gái thì lại khác. Tiền thì tôi có nhưng phải để dành, chưa thể mua đồ dùng mới vào lúc này. Mỗi ngày tôi đọc báo mục rao vặt tìm những nơi bán đồ gỗ cũ rồi sáng Thứ Bảy chịu khó lái xe vòng vòng tìm mấy cái garage sales. Thói đời là vậy, khi mình không cần thì có nhan nhản khắp nơi, lúc cần thì biến đi mất hết. Mấy cái garage sales và yard sales tôi đi xem chỉ bán mấy thứ vớ vẩn vô dụng. Chợ trời trên Oakland lẫn San José thì tuy có bán đấy nhưng lại hơi mắc. Mang tiếng là chợ trời nhưng đồ họ bày bán còn rất mới

và không rẻ so với túi tiền của tôi.

Sáng Thứ Bảy thức dậy như thường lệ tôi cầm tờ báo và tách cà phê ra sau nhà ngồi hút điếu thuốc vừa đọc báo, lần này cố tìm trong mục rao vặt có ai bán bàn ghế và giường cũ. Trong bãi đất trống này, ngoại trừ mấy căn nhà phía bên kia có hàng rào cho mỗi nhà, còn hai căn nhỏ tôi và Carlos thuê thì cùng chia nhau một miếng đất. Ra đến ngoài tôi ngạc nhiên khi thấy Carlos ngồi dưới đất dựa lưng lên bánh xe truck trên tay cầm một lon bia.

- Chuyện gì vậy, sáng sớm đã uống rồi? Tôi hỏi.

Carlos nhìn lên, không buồn trả lời. Cái nhìn của hắn vừa buồn vừa lo âu. Ném tờ báo trên tay xuống đất, tôi ngồi phệt xuống đối diện với hắn, móc một điếu thuốc ra châm.

- Có chuyện gì mà sao trông cậu lo lắng thế?

- Tôi sắp bị mất việc làm, hắn đáp giọng rầu rĩ.

Tin động trời! Ở bên Mỹ này mất việc làm là mất hết. Tôi thông cảm nỗi lo của Carlos ngay. Ví dụ tôi mà mất job thì cái nhà nhỏ đang thuê còn không trả nổi huống chi cái nhà ba phòng đang muốn mướn. Trường hợp Carlos còn thê thảm hơn vì hắn còn vợ và con thơ. Tiền thất nghiệp đâu có là bao. Nếu điều tôi nghi hắn là dân Mễ ở lậu là đúng thì lại còn khó khăn cho gia đình hắn hơn vì hắn sẽ đếch dám ra Sở Thất Nghiệp ghi tên lãnh trợ cấp.

Carlos ngửa cổ lên tu hết ngụm bia cuối xong quăng lon ra xa. Cái lon nhôm rớt lên mấy cục đá phát ra mấy tiếng kêu leng keng rồi nằm im trên bãi cỏ.

- Ông chủ hôm qua nói tiệm làm ăn lỗ lã nên sắp đuổi bớt người. Tôi mới vào làm lại còn chưa thạo nghề nên bị cho đi trước. Oscar được giữ lại vì hắn vừa làm lâu vừa làm giỏi. Thứ Hai họ sẽ cho biết người nào bị đuổi. Tôi không biết giờ phải làm gì đây.

Tôi cố an ủi hắn đừng nên lo, mất việc này thì đi tìm việc khác. Bề ngoài nói vậy để trấn an Carlos chứ trong lòng tôi biết nếu mình là hắn thì sẽ lo quýnh lên chứ chả chơi. Có tiếng cửa mở kẽo kẹt rồi cánh cửa gỗ cũ kỹ tróc sơn bật mở. Maria bế thằng bé con từ trong đi ra. Nàng đi lại, khẽ lên tiếng chào tôi rồi đứng dựa lên xe nhìn chồng với cái nhìn thản nhiên như chả có gì phải lo. Carlos không nhìn lại, mắt vẫn dán lên bãi cỏ trước mặt. Vợ hắn nói một tràng dài, hắn lắc đầu. Maria quay sang tôi.

- Chồng tôi nói cho Phong nghe chưa? Sắp mất job rồi.

Tôi gật đầu. Maria nói tiếp:

- Tôi đã kêu Oscar nhờ xin với người chủ.

Hình ảnh chiếc xe Impala trở lại trong đầu tôi. Tôi nói úp mở với Maria:

- Tôi tin chắc Oscar sẽ hết lòng giúp, và sẽ phải được.

Một nụ cười tự tin nở trên môi đứa con gái Mễ. Nàng ta lập lại câu của tôi.

- Tôi cũng tin Oscar sẽ giúp được.

Nói xong Maria quay lưng bế con đi vào nhà, Carlos lắc đầu vẻ mặt không nhiều tin tưởng như vợ, đứng lên đi theo.

Việc Carlos nhờ Oscar kết quả ra sao tôi không rõ vì đi thăm bà cô cho đến khuya mới về. Xe chưa lăn bánh vào bãi đậu tôi đã nghe tiếng nhạc nhà quê ranchera của Mễ vọng ra từ nhà tên hàng xóm. Xen lẫn trong tiếng nhạc là tiếng cười nói thật ồn ào thinh thoảng có tiếng rú lên như vượn. Trong ánh đèn xe, tôi thấy hình thù chiếc Impala đậu sau cái truck của Carlos. Vào trong nhà tôi vừa mới cởi cái áo jacket ra ném xuống ghế sa lông thì có tiếng chân người trước cửa nhà rồi tiếng đập cửa rầm rầm.

- Ê, Phong, có nhà không? Tiếng oang oang của Carlos đi trước, theo sau là chính hắn tự nhiên đi vào phòng khách.

Thấy tôi, hắn nói giọng nhừa nhựa sặc mùi rượu:

- Tôi không bị mất job, nhờ compadre Oscar của tôi xin cho. Tụi này đang ăn mừng. Rảnh không, qua làm vài ly tequila đi. Mai Chủ Nhật mà lo gì!

Tôi lưỡng lự không muốn đi vì không muốn thấy cái bản mặt thấy ghét của thằng Oscar. Tôi muốn từ chối hết sức nhưng trước cái vui thành thật của Carlos, tôi đành gật đầu. Hắn lập tức đẩy tôi ra cửa. Ra đến ngoài nhìn Carlos đi chân nam đá chân siêu tôi biết hắn đang say túy lúy. Có lúc hắn nghiêng ngửa như muốn ngã làm tôi phải nắm tay hắn giữ người cho thẳng lên.

- Carlos, cậu say quá!

Hắn cười hề hề bảo - Sí, sí.

Sang đến nơi tôi thấy Oscar đang ngồi chễm chệ trên cái ghế lazy boy còn Maria thì ôm thằng bé ngồi bên cạnh. Trên chiếc bàn khách đã có mấy lon bia nằm lăn lóc, chai tequila và mấy cái cốc nhỏ. Thấy tôi và Carlos vào, Oscar đưa lon bia lên chào. Tôi miễn cưỡng gật đầu chào lại. Tên Mễ vẫn ngồi yên đó, nghếch mắt lên nhìn tôi như là chờ hỏi han bắt chuyện. Không thèm nói gì, tôi ngồi xuống, tay đỡ lon bia Carlos đưa.

- No cerveza, tequila! Oscar khoác tay bảo.

Hắn quay sang Maria nói gì một hơi. Cô nàng cười cười rồi cầm chai

tequila lên rót vào một chiếc cốc nhỏ xong đưa cho Oscar. Hắn thè lưỡi ra liếm tí muối trên lưng tay rồi bằng một cử chỉ thật nhanh và gọn cầm cốc lên nốc một cái cạn láng xong cắn vào miếng chanh Maria đưa cho hắn. Dằn cái cốc xuống bàn, hắn nhìn tôi thách thức.

Tôi sợ cái trò uống thế này, sáng dậy chỉ tổ nhức đầu. Tôi lắc đầu khi Carlos đưa cho tôi một cái ly xay chừng khác nhưng hắn nhất định bắt tôi phải uống.

- Uno, sólo uno, Carlos nài nỉ.

Chiều hắn tôi nốc cạn một ly tequila xong đưa trả lại hắn cái ly. Không soi gương nhưng tôi biết mặt tôi nhăn như mặt khỉ trông thật buồn cười vì chất nồng của men rượu và nhất là ba người kia cười rộ lên. Maria rót cho tôi thêm một cốc nữa và ép tôi uống. Tôi phản đối kịch liệt. Tên Oscar nhìn tôi lắc đầu ra vẻ khinh khi. Máu nóng bốc lên đầu, tôi không cần suy nghĩ, chộp lấy cốc rượu rồi nốc cạn. Cái chất lỏng nóng bỏng ấy chảy xuống dạ dày, đi đến đâu hâm nóng lên đến đấy rồi dồn máu chạy lên đầu. Những tiếng vỗ tay rần rần nổi lên. Tôi tự nhiên thấy hứng lên. Mình là con rồng cháu tiên, sợ gì mấy tên hậu duệ mọi Aztec và Maya.

- Uno más, tôi vừa nói vừa chỉ vào cốc rượu.

Không đầy một tích tắc, cái chất lỏng vàng lợn cợn ấy một lần nữa được rót vào cốc đầy lên mép trào ra ngoài. Tôi mắt đã mờ đi chả biết ai rót nhưng tôi cóc cần, làm một phát nữa. Vừa đặt cái cốc xuống bàn, bàn tay Maria đã đưa cổ chai tequila đến. Cốc rượu lại đầy lên đến mép. Tôi xua tay bảo thôi nhưng Maria bảo - For me! Tôi đành "nhắm mắt đưa chân". Bốn cốc rượu mạnh rót đầy uống liên tiếp hắn phải có ép-phê. Tôi cảm thấy máu trong cơ thể sôi lên đến mấy trăm độ F, còn trong bao tử thì như có con gì cứ cào cấu đòi trèo lên cuống họng tôi để chui ra. Đầu óc tôi bắt đầu quay vòng vòng. Tôi cảm thấy cần nằm xuống ngay, không tài nào lết nổi ra cửa, mà nếu ra nổi đến cửa thì chắc sẽ ngã quỵ giữa đường trước khi mò về đến nhà dù hai nhà cách nhau chỉ vài chục thước.

- Ê, qué pasó, Vietnamita? Tiếng thằng Oscar vang lên đâu đó trong phòng.

Carlos bảo tôi ra ghế nằm nghỉ một chốc rồi uống tiếp. Tôi nghe lời hắn, đứng lên lảo đảo đi lại cái ghế bành trong góc ngồi phịch xuống, tai còn nghe những tiếng cười rú lên như từ đâu xa xôi vọng về. Tôi dại dột nghĩ uống bia vào thì sẽ hạ say vì nó nhẹ hơn tequila, cầm lon Tecate đưa lên miệng. Bia vừa đi qua cuống họng đã muốn đi ngược trở lên. Tôi phải kềm ghê lắm để khỏi ói ra. Một lúc sau tôi thiếp đi lúc nào không hay.

Ngồi ngủ gục trên ghế như thế đến nửa đêm tôi thức dậy không biết vì ngủ không đắp chăn nên cái lạnh thấm qua da thịt hay vì tiếng ai rù rì nói chuyện. Tôi từ từ mở mắt ra nhưng vẫn nằm yên, định cho mắt quen cái bóng đêm rồi sẽ mò ra cửa đi về. Trong bóng tối, tôi thấy bóng hai người vẫn còn ngồi sau cái bàn tuốt cuối bếp rồi bóng hai cái đầu đó chụm sát vào nhau thì thào nói chuyện. Tôi cứ nằm yên quan sát. Sau lưng hai cái bóng, cửa sổ bếp màn kéo mở hắn ra nên bên ngoài trăng ngày rằm rọi vào sáng trưng thẳng vào mắt nên khó nhìn rõ hai cái mặt ấy nhưng căn cứ vào hình thù hai mái tóc và khuôn mặt, tôi đoán Maria đang nói chuyện với bạn chồng. Tôi giật mình khi thấy hai cái đầu ấy di động nhập lại làm một rồi có tiếng rên ư ử của Maria. Họ đang hôn nhau. Có tiếng Oscar nói gì đó vào tai Maria, người con gái lắc đầu, tôi nghe loáng thoáng nàng nói "vietnamita". Mắt tôi vẫn he hé nhìn. Maria lại lắc đầu quầy quậy, Oscar lại tiếp tục thì thầm vào tai nàng. Lần này Maria khẽ gật đầu rồi hai cái bóng đứng lên, đi lại cửa thật nhẹ nhàng lách ra ngoài. Tôi không tin cái gì mình vừa thấy. Trong đầu tôi đã đưa ra nghi vấn chuyện họ đang làm. Tôi rón rén đi lại cửa sổ vén bức màn nhìn ra ngoài.

Hai người dẫn nhau lại chiếc Impala. Vừa đến mũi xe Oscar ôm chầm đẩy Maria nằm ngửa xuống rồi hôn lấy hôn để lên môi lên cổ, tay hắn kéo áo nàng ta lên xong hôn lên ngực, vục mặt vào giữa cặp vú to lớn. Maria hai tay buông thả, miệng thở hổn hển. Oscar quay người Maria lại cho nằm xấp xuống mũi xe, một tay hắn vén váy nàng ta lên tay kia nắm quần lót kéo xuống tận gần đầu gối xong cởi thắt lưng tụt quần mình xuống. Trong ánh trăng rằm tôi thấy cặp mông đồ sộ của Maria nhịp lên xuống theo nhịp đẩy của Oscar. Được một lát, Maria đẩy Oscar ra, nói gì đó. Tên này mở cửa xe. Hai người chui vào trong. Cánh cửa xe mở toang về hướng cửa sổ nên tôi có thể lờ mờ thấy hai đôi chân bên trong xe lòi ra ngoài dãy dụa. Tôi há hốc mồm nhìn cái chuyện tồi bại của đôi gian phu dâm phụ đang diễn ra dưới ánh trăng rằm. Định lén đi ra cửa để về nhà nhưng tôi lại ngại khi họ trở vào không thấy mình thì sẽ biết chuyện họ bị lộ. Tôi thắc mắc Carlos đi đâu mà lại để vợ một mình với bạn. Mắt đã quen bóng tối cộng với ánh trăng sáng rọi vào trong, tôi lần theo tường đi lại phòng ngủ của Carlos. Thấy cánh cửa phòng mở một nửa, tôi thò đầu vào nhìn. Mùi rượu xông lên nồng nặc. Trong bóng đêm lờ mờ, hình thù Carlos nằm co quắp trên giường, hai tay ôm gọn thằng con trai. Hai cha con đang ngủ say như chết. Bên trong tiếng ngáy của cha và tiếng mớ của con, bên ngoài tiếng rên rỉ của đôi tình nhân tội lỗi.

Tôi mò mẫm trở lại cửa sổ. Chiếc xe Impala vẫn lắc lư lên xuống, cặp chân Maria quắp vòng ngang lưng tên đàn ông. Vài phút sau, Oscar lồm cồm chui ra khỏi xe trước, hắn kéo quần lên rồi đưa tay vào trong đỡ Maria ra. Người vợ tội lỗi đưa tay lên vuốt lại mái tóc rối bù, cài lại nút áo. Tôi vội trở về chiếc ghế dài nằm xuống gác tay ngang mắt vờ còn đang ngủ. Chỉ vài phút sau cánh cửa trước khẽ mở ra, Maria lách vào thật nhanh đi thẳng vào phòng tắm. Có tiếng động cơ xe nổ bên ngoài rồi nhỏ dần ra đến ngoài con đường cái xong chết lịm. Nằm im lặng trong bóng đêm, tôi gác tay lên trán nhớ lại lần Maria mắng tôi là *bad man* khi tôi kể chuyện cho vợ chồng nàng ta về vụ tôi với Hương và Stacey.

*

Từ đêm hôm ấy trở đi, tôi không còn thấy thoải mái mỗi lần chạm mặt với Maria. Tôi cố tránh gặp nàng, những lúc không tránh được thì tôi cố ít nói chuyện mà nếu phải nói thì không còn được tự nhiên như xưa. Trong khi đó thì hình như Maria chưa biết là tôi đã biết, nàng ta vẫn thân mật với tôi và điềm nhiên nói chuyện như chả có gì xảy ra. Đến lúc này thì tôi đã xem Carlos hơn là một người hàng xóm, tôi đã xem hắn như một người bạn. Mình phải làm gì đây khi biết được vợ bạn đã vụng trộm với một người đàn ông khác, nhất lại là một người bạn thân? Tôi đâm ngượng khi gặp Carlos và cũng tránh hắn luôn. Mỗi lần phải gặp mặt hắn, tôi bị đặt vào một vị thế khó xử vì thấy hắn lúc nào cũng vui vẻ hồn nhiên vô tư lự như một đứa trẻ. Im miệng không nói ra vì muốn tránh xía vào chuyện người khác thì tôi cảm thấy tội lỗi. Làm sao mình có thể nhởn nhơ xử sự như không có gì xảy ra được khi bạn mình đã bị vợ lừa dối cắm sừng ngay trước mặt nhưng nếu nói ra thì có thể gây hậu quả khó lường.

Lần ăn nằm chớp nhoáng ngoài xe của Oscar làm tôi nhớ lại cái hôm tôi về bất thần vào buổi chiều gặp Oscar đến khi Carlos không có nhà. Tôi nhớ Maria nói nhà bị bể ống nước nên chồng đã nhờ bạn chạy về sửa giùm. Đó là khởi điểm của mối tình của họ hay chỉ là một tiếp tục của một mối tình tội lỗi đã bắt đầu từ lâu trước khi Carlos dọn về đây. Nếu lần làm tình ngoài xe đêm hôm ấy là lần đầu tiên Maria ăn vụng thì nàng ta thật sự yêu bạn của chồng hay chỉ ngủ với hắn như là một hành động đền ơn giúp chồng không mất việc? Tôi không biết. Dù là một khởi điểm hay một tiếp diễn, tình yêu thật sự hay chỉ là một cử chỉ báo ơn, đến lúc này thì không quan hệ gì vì chuyện tội lỗi đã xảy ra.

Một hôm trên đường về nhà xui sao tôi bị đụng xe ở ngã tư vì quẹo ẩu, tai nạn nhẹ thôi không ai hề hấn gì nhưng cái vè xe sau tôi bị móp vào

trông thật thảm hại. Vì chỉ mua bảo hiểm một chiều phải tự bỏ tiền túi ra sửa, tôi cần tìm một body shop rẻ. Dĩ nhiên là tôi nghĩ đến Carlos. Hắn vui vẻ nói tôi đem xe lại chỗ hắn làm, hắn sẽ xin chủ hạ giá.

Sáng Thứ Hai tôi theo Carlos lại shop của hắn. Carlos và lão chủ Mễ già đứng xì xồ một lúc xong hắn đi lại xe tôi rờ mó một lúc rồi bảo - Hai trăm đô. Tôi chịu ngay vì mấy hôm nay đã đi hỏi giá vài chỗ cả Mỹ lẫn Việt, chỗ rẻ nhất đòi ba trăm. Carlos vỗ vai tôi vui vẻ nói:

- Ông đừng lo, để xe đây ba bốn ngày là trông mới ngay. Để tôi đưa ông đi làm. Free service mà. Gratis!

Tôi leo lên chiếc truck cũ kỹ để Carlos chở đến sở.

- Oscar đâu tôi không thấy? Tôi hỏi.

- Gần chín giờ nó mới đến. Thằng bạn tôi bây giờ ngon lắm, hắn làm phụ tá cho chủ. Nó ít xuống shop lắm, còn thì làm trong văn phòng, giữ giấy tờ sổ sách và điện thoại.

Chiều tan sở ra tôi đã thấy Carlos ngồi trên chiếc xe truck cũ kỹ quen thuộc chờ sẵn bên lề đường, tiếng kèn đồng trumpet đệm cho một giọng hát con gái nức nở của một bản nhạc ranchera, một loại nhạc nhà quê của Mễ, vọng ra từ trong xe qua cái cửa kính được quay xuống một nửa. Vừa thấy tôi, Carlos tắt máy casette rồi ngoắc tay kêu tôi đến. Đang lo phải cuốc bộ ra trạm xe bus giờ có người lại đón tôi mừng vô cùng. Leo lên xe tôi cám ơn Carlos, trong lòng tôi thực sự cảm động hắn đã lại đón tôi. Ban sáng tôi có nghe hắn hứa sẽ lại đón nhưng không nghĩ hắn sẽ đến và tôi đã chuẩn bị cặp giò đi xe lô ca cẳng đến trạm bus cách sở mấy khúc đường khá dài. Tôi lên tiếng cám ơn.

Vặn chìa khóa nổ máy xe, Carlos quay sang tôi nhe răng cười:

- De nada!

Rồi hắn nhìn tôi, gật gù nói:

- Ông còn bảnh hơn thằng Oscar nữa, ông đi làm đeo cà-vạt, trông như big man.

- Đeo cà vạt có gì là quan trọng đâu, mình cũng chỉ làm công cho người ta. Còn body shop hôm nay bận không? Xe tôi ai sửa? Sắp xong chưa?

Carlos một tay đánh nhịp nhè nhẹ trên vô lăng xe tay kia chỉ vào ngực mình:

- Chính tay tôi sửa xe ông, bảo đảm sẽ đẹp như mới nhưng hơi lâu vì tôi làm kỹ.

Rồi Carlos đến đón tôi mỗi ngày. Mấy ngày đi chung xe với hắn tôi được nghe kể về quãng đời của hắn bên kia biên giới. Oscar và Carlos là

bạn cùng xóm. Cả hai trải qua một thời niên thiếu nghèo khổ nhưng gắn bó tình bạn. Carlos làm cho một nhà hàng, công việc rất nặng nhọc mà lương thì rẻ mạt, vài chục pesos mỗi ngày, tính ra chừng vài đô la.

- Đi làm cực thật nhưng có tiền cuối tuần dẫn gái đi uống nước nên cũng vui.

Tôi bật cười:

- Khi đó cậu mấy tuổi? Mười ba mười bốn mà bồ bịch gì?

Tên Mễ cười hỏi ngược lại - Chứ ở Việt Nam ông mấy tuổi thì có novias?

Tôi ầm ờ nói dối cho đỡ mất mặt - Mười lăm. Nói vậy nhưng tôi cảm thấy xấu hổ khi nhớ lại những mối tình câm của mình, nhiều vô số kể nhưng chỉ toàn câm. Lúc nào trong đầu óc tôi đầy những khuôn mặt con gái, nhiều đến độ không còn chỗ cho những bài lượng giác, những công thức hóa học và những bài luận Việt văn.

Carlos phá lên cười:

- Playboy vietnamita!

Tôi cười theo. Tôi không còn giận mỗi khi hắn gọi tôi là Việt Nam Mít.

Đèn đường từ xa bật sang đỏ, Carlos buông ga để chiếc xe lăn bánh từ từ đến ngã tư đường. Một hồi còi xe đầy bực dọc vang lên từ phía sau làm tôi giật mình. Carlos nhìn lên kính chiếu hậu đúng lúc đó một chiếc xe truck từ sau vọt lên bên phải. Một khuôn mặt trắng với ánh mắt giận dữ bên cửa kính gầm lên - Ê, greaser! Mày sao vậy? Đây là Mỹ, đâu phải Mễ đâu mà chạy như rùa thế kia! Xong cái xe truck bánh to cao lêu nghêu ấy rú lên, rẽ phải phóng thật nhanh xuống cuối đường.

Carlos mặt đỏ lên văng tục:

- Pinche cabrón!

Chửi xong được một câu, hắn dịu xuống dù mặt vẫn còn đỏ bừng rồi im lặng lái đi. Tôi biết hắn trong lòng còn hậm hực không còn hứng nói chuyện nên cũng ngồi im luôn. Về đến nhà đậu xe vào bãi đất bên hông xong, Carlos lưỡng lự như chưa muốn xuống xe. Hắn ngồi đó, mắt nhìn những bãi cỏ mọc lởm chởm trên mặt đất nhưng tôi biết hắn không thấy những ngọn cỏ mà chỉ thấy hình ảnh mặt thằng trắng với cái nhìn căm thù lẫn khinh bỉ trong cặp mắt xanh lè và câu chửi hạ nhục "greaser" còn văng vẳng bên tai.

- Còn tức thằng trắng lúc nãy? Tôi hỏi.

- Ừ, tôi muốn rượt theo đục nó... nhưng nếu có chuyện gì rắc rối với

pháp luật, tụi inmigración cho tôi lên xe bus về Mễ luôn! Gặp Oscar là thằng gringo đó đời tàn.

Có gì tấm tức lẫn nhịn nhục trong giọng nói của Carlos. Bước xuống xe tôi thắc mắc là tên Oscar có giấy tờ di trú hợp thức hay không mà dám sinh sự với tụi trắng thì Maria đã từ trong nhà đi ra đón chồng. Không muốn thấy cảnh Carlos được người vợ ngoại tình săn đón một cách giả dối, tôi đi vội về nhà mà tai còn nghe loáng thoáng tiếng hắn dặn - Nhớ sáng mai bảy giờ sang đây tôi chở đi, đừng trễ nhe!

*

Phải đến tuần sau thì xe tôi mới sửa xong. Suốt tuần đi chung xe với người bạn Mễ hàng xóm, tôi nghe hắn kể nốt về cuộc đời nghèo nàn của hắn cho đến lúc chui rào sang Mỹ, về những chuyến "vượt biên" tuy không nguy hiểm bằng những cuộc vượt biên vượt biển của người mình nhưng ly kỳ và gian nan không kém. Cái khác là một bên đi tìm tự do còn bên kia đi tìm kinh tế.

- Tôi biết trong barrio tôi có mấy thằng trốn đi Mỹ (Nghe hắn để đến đây tôi nghĩ lại xóm Bàn Cờ của tôi trước kia cũng vậy), trong số đó có Oscar. Thấy hắn đi tôi cũng muốn đi theo lắm nhưng tiền đâu mà đi, nhà quá nghèo. Vài tháng sau thì tôi nhận được thư hắn. Mấy lá thư đầu nó gởi về từ Los Angeles. Nó than thở dữ lắm. Nó sống lang thang với mấy thằng cũng qua lậu như nó, một lũ cả chục thằng sống trong một cái garaga lúc nhúc như chuột. Ăn uống ngày này qua ngày nọ chỉ có beans và tortilla. Một thời gian thật lâu sau đó tôi không còn nhận được thư từ gì của nó, tôi nghĩ nó bị inmigración bắt rồi. Thiếu gì thằng chui sang được rốt cuộc cũng bị bắt trả về Mễ, mất tiền toi. Mấy tháng sau thì tôi nhận được thư nó gởi về từ San Francisco. Nó khoe đã không còn làm campesino dưới ruộng nữa vì tìm được việc trong body shop, bây giờ thì lên làm supervisor. Nó cũng đã hợp thức hóa vụ giấy tờ ở đây.

Tôi nhíu mày hỏi:

- Làm sao hợp thức hóa được?

Một hồi còi xe giục giã sau lưng. Tôi để ý xem phản ứng của Carlos. Hắn làu bàu - Un otro cabrón (Thêm một thằng khốn kiếp), nhưng lần này hắn đổi sang lane bên cạnh để một chiếc xe truck cũng cao lêu nghêu không kém gì chiếc hôm nọ vượt lên. Một cái đầu với mái tóc vàng giật giật lên xuống như người bị kinh phong theo tiếng nhạc rock inh ỏi vang ra từ trong xe nghe thật chói tai.

- Jungle music!

Tôi cười thầm định nói cho Carlos nhật xét của tôi về loại nhạc ranchera quê mùa Mễ mà vợ chồng hắn thường nghe nhưng nghĩ sao lại thôi.

Đèn xanh bật lên. Carlos rú ga, chiếc xe truck của hắn ho khục khặc, giật giật vài cái rồi mới từ từ lăn bánh. Hắn lắc đầu.

- Shit! Xe tôi không biết đi được bao lâu nữa, tiền đâu mà mua xe khác.

Tôi trấn an hắn:

- Cậu đừng lo, thì đến phiên tôi chở cậu đi làm. Nhưng sao cậu không mua xe cũ nhưng còn tốt mà đi? Cậu có việc làm vững chắc thì mượn tiền ngân hàng rồi trả dần.

- Imposible! Tôi không có giấy tờ.

Câu trả lời không được một tí gì cay đắng, như công nhận đây là một thực tế tự nhiên cho một cuộc sống không chính thức.

- Mua xe cũ cũng được. Tôi sẽ nhờ Oscar đi xem xe trước khi mua, nếu có gì trục trặc thì hắn sửa được. Tên này không những giỏi về body mà còn sửa xe rất nghề.

Tự nhiên tôi đâm bực mình - Sao lúc nào cậu cũng nhắc đến thằng Oscar, bộ nó là thánh trên trời xuống để lúc nào cũng lo cho gia đình cậu chắc (Tôi chút xíu buột miệng nói - Nhất là vợ cậu)? Chắc nó cũng lo cho cậu qua đây phải không?

Carlos quay sang nhìn tôi, một cái nhìn như một nụ cười:

- Yeah, man! Hắn giúp tôi tìm đường sang đây. Chính hắn đã giới thiệu tôi với Maria.

Tôi cướp lời:

- Maria là công dân Mỹ sinh đẻ ở đây sao cậu không hợp thức hóa quy chế di trú của mình theo đường vợ?

Hắn ngập ngừng, mắt đăm chiêu như nhìn vào một cái gì xa vời một lúc xong đáp:

- Chuyện dài dòng lắm, tôi không kể cho ông nghe được.

Tôi đoán có gì không ổn nhưng không muốn hỏi tới chuyện riêng của người khác. Tôi cũng chán nghe chuyện tên Oscar nên ngồi im không còn muốn nghe tiếp câu chuyện cuộc đời của Carlos vì biết thế nào chín mươi chín phần trăm chuyện kể sẽ về tên bạn vàng của hắn mà mỗi lần nghe về Oscar là tôi thấy lại cái đêm hôm ấy dưới ánh trăng rằm và cảm thấy tội nghiệp cho người chồng bị cắm sừng, một người bạn thân bị bạn phản.

*

Chủ căn nhà tôi muốn thuê gọi điện thoại cho biết họ đã chịu nhưng

tôi phải chờ hai tháng nữa để người đang ở đó dọn ra. Càng tốt, tôi không muốn dọn đến ngay vì số tiền thuê cao và lại vừa được tin từ bên nhà thông báo có trục trặc trong vấn đề đi Mỹ vì lý do sức khỏe của cha tôi. Đoán đây là một cái mánh của tụi làm tiền bên nhà, tôi bấm bụng gởi vài trăm đô về để gia đình "lo liệu".

Tối hôm ấy tôi đi học như thường lệ và đã gặp một ngạc nhiên lớn. Ngồi ngáp dài ngáp ngắn trong lớp marketing chán ngấy, tôi chờ đến giờ break cầm sách chuồn xuống cafeteria định mua một ly cà phê rồi vào một cái xó nào đó làm bài toán thống kê để nộp ngày hôm sau. Cầm ly cà phê tôi đi lại chỗ thường ngồi mỗi ngày. Đến nơi, tôi giật mình khi thấy Hương ngồi đó. Từ ngày bỏ nhau đến nay tôi không còn gặp nàng nữa. Ban đầu tôi ngại xuống cafeteria sợ chạm mặt rồi đâm ngượng nhưng dần dà đánh bạo mò xuống vì thèm cà-phê. Mãi rồi tôi để ý thấy hình như Hương cũng không còn xuống câu lạc bộ vì không thấy bóng dáng nàng.

Đã đến gần không thể quay lưng bỏ đi chỗ khác được và lại cũng đoán Hương đến tìm mình, tôi kéo một cái ghế gần đó ngồi xuống. Tôi đâm mất tự nhiên lúng túng không biết nói gì, liếc sang thấy Hương ngồi im đó như chờ tôi lên tiếng trước. Hai bàn tay nàng đặt trên quyển sách đóng kín, mấy đầu ngón tay mân mê hai góc sách. Sau cùng tôi đánh bạo lên tiếng trước.

- Hương dạo này ra sao?

Hương vẫn cúi mặt xuống, mái tóc dài xõa xuống hai bên khuôn mặt làm tôi không đoán được phản ứng của nàng nhưng vạn sự khởi đầu nan đã qua, tôi biết chắc Hương đã hết giận.

- Lâu lắm không gặp Hương, không biết Hương còn học đây không!

Hương chỉ lắc đầu.

- Anh xin lỗi Hương về chuyện đã qua và mong là Hương đã tha lỗi cho anh.

Tôi nhìn Hương dò phản ứng. Không biết lời xin lỗi của tôi có len lỏi vào được tim Hương hay không nhưng nàng trông giống như một pho tượng, một pho tượng buồn như Hòn Vọng Phu. Tôi vội dại dột cho rằng sự vắng mặt của một phản ứng tiêu cực từ Hương báo hiệu một cái gì tốt đẹp sắp xảy đến. Một tha thứ và tái hợp? Tôi cố nở một nụ cười, chăm chú nhìn nàng, chờ một xác nhận.

Một đỗi sau Hương nói giọng run run:

- Em không còn giận anh nữa. Em muốn gặp anh hôm nay để cho anh biết em sẽ đi xa, đi tiểu bang khác vì gia đình sẽ dọn về đó. Mình sẽ không còn gặp nhau nữa.

Nghe Hương nói thế, tôi sững sờ đau đớn. Ảo ảnh hạnh phúc quá ngắn ngủi. Tôi cảm thấy toàn thân lạnh và nhẹ hẫng đi như mình đang bay bổng trên không trung thật cao đến độ không thở được vì dưỡng khí quá loãng. Tôi cố hít một hơi dài xong thẫn thờ hỏi níu kéo:

- Thật không? Nếu thế sao Hương không ở lại tự tìm việc làm sống tự lập.

Hương cười mếu xệu:

- Không được anh ơi. Cha mẹ em đâu chịu cho con gái ở lại một mình.

Biết nói nữa cũng bằng thừa, tôi ngồi như phỗng đá, chân tay thừa thãi. Nhìn hai bàn tay Hương trên mặt bàn, tôi muốn cầm lấy chúng vô cùng, hai bàn tay mềm mại ấy trước kia thường vuốt tóc tôi những lúc nàng bảo tôi phải để tóc dài cho có vẻ nghệ sĩ, hai bàn tay tôi đã nhiều lần nâng niu đưa lên môi hôn. Có gì kềm tôi lại. Bao tháng trời qua và mặc cảm tội lỗi đã xây lên một bức tường vô hình giữa tôi và nàng không vượt qua được. Tôi thở dài. Hương thở dài theo rồi nói một hơi:

- Em nghĩ dù sao giữa chúng mình đã có gì nên em nghĩ phải tìm anh để chào trước khi đi. Em mong anh rồi sẽ quên đi chuyện xưa của mình, rồi anh sẽ gặp người khác và sẽ có gia đình với người đó.

Không, tôi đã không bao giờ quên Hương, tôi vẫn luôn yêu và nhớ nàng dù lắm lúc phải tự thú nhận với mình là hy vọng tái hợp rất mong manh. Đúng, tôi sẽ đau lòng chia tay Hương nhưng sẽ không bao giờ trách nàng. Tất cả chỉ là duyên kiếp, thành hay bại.

Chiều cuối thu mặt trời lặn sớm. Bên ngoài sân trường ánh sáng vàng vọt của những tia nắng yếu ớt cuối cùng lung linh sau những tàng cây. Gần đến giờ học, sinh viên lác đác đi trên những con đường nhỏ dẫn vào lớp. Vài cặp ôm sát nhau, những nụ hôn môi, những cái nhìn đắm đuối, hai mái đầu chụm vào nhau như để thủ thỉ những lời yêu đương. Tôi thấy thèm khát hạnh phúc của họ. Hạnh phúc trông thật giản dị nhưng sao cứ nằm ngoài tầm tay tôi. Tôi không đòi hỏi gì nhiều, chỉ cần yêu và được yêu và sống trong tình yêu. Tôi thèm một thân hình mềm mại trong vòng tay mình, một mái tóc dài bay trong gió toát ra một hương thơm cho tôi ngụp lặn bên trong.

- Thôi, em về đây, chào anh! Hương nhỏ nhẹ nói rồi đứng lên đi ra cửa cafeteria.

Tôi nhìn theo cố ghi lại hình ảnh Hương một lần cuối. Trong lòng tôi chỉ còn một hy vọng mong manh nàng sẽ viết thơ cho tôi.

*

Để mặc cho những giọt mưa quất lên mặt, tôi không cảm thấy cái lạnh. Cơn mưa phùn đầu mùa không buốt bằng lòng tôi tê tái lúc này. Ngồi bó gối trước cửa nhà nhìn ra bãi đất rộng, mắt tôi cố chọc thủng màn đêm để nhìn mấy cái cây cổ thụ giữa bãi đất. Tôi thấy gì cũng tăm tối âm u, không một tia sáng hy vọng. Rồi tôi cũng phải tìm cách quên Hương, quên đi chuyện tình cũ để lo cho trách nhiệm lớn sắp đến.

Căn nhà Carlos đèn tắt tối om. Đèn gắn bên ngoài trên khung cửa cũng được tắt đi. Chắc cả nhà đang chìm đắm trong giấc ngủ. Không biết khi nào tôi mới có được hạnh phúc như tên hàng xóm Mễ. Một đời sống thật đơn giản và hạnh phúc, mỗi ngày đi làm kiếm tiền nuôi gia đình, tối về quây quần với vợ con bên mâm cơm. Chồng kể cho vợ nghe chuyện trong sở, vợ nói cho chồng nghe về những tiếng nói bập bẹ, những bước đi chập chững đầu đời của con.

Có tiếng mở cửa kẽo kẹt rồi một bóng đen lách ra, hơi khựng lại khi thấy tôi rồi tiến lại. Tôi nhận ra Carlos.

- Ông làm gì ngồi đây, ngủ không được? Hắn hỏi.

Đang ngồi gặm nhấm nỗi buồn, tôi chỉ muốn được yên thân tránh nói chuyện, tôi không thèm lên tiếng, mắt vẫn nhìn vào bóng tối. Không cần tôi trả lời, Carlos tự động ngồi xuống bên cạnh. Hắn lắc đầu.

- Mujeres. Đàn bà, thật tình không hiểu được!

Bất đắc dĩ tôi phải lên tiếng:

- Đêm khuya không đi ngủ mà chửi đàn bà, trong nhà có chuyện?

Hắn vẫn lắc đầu:

- Sí, hombre! Maria đang giận tôi, đuổi tôi ra phòng khách, cũng chỉ vì mấy đêm nay tôi đi uống rượu với coños về trễ. Cứ cằn nhằn nói dai. Lắm lúc tôi nổi nóng muốn bạt tai nó mấy cái. Mình đi uống với bạn chứ đi với gái sao mà nó gây. Bên Mễ ông già tôi tối nào mà chả đi chơi với bạn bè mà mẹ tôi có dám nói gì. Đàn bà bên Mỹ lối quá, xem chồng như nada.

Tên Carlos dám than phiền bị vợ giận vì đi uống rượu với bạn. Láo quá! Tôi thì chỉ mong có một người đàn bà giận mình vì thói hư tật xấu. Tôi sẽ năn nỉ nàng, sẽ xin tha thứ và sẽ hứa luôn vâng lời nàng. Những cái đó tôi thèm vô cùng trong khi đó thì hắn xem đó là một xâm phạm đến tự do cá nhân. Tôi không muốn lên tiếng phê phán, tay bật quẹt châm một điếu thuốc. Làn khói xám loãng dần trong cơn gió lạnh.

Carlos phân bua tiếp:

- Ông nghĩ xem, tôi có đi chơi với ai xa lạ đâu, tôi đi với thằng Oscar mà.

Tôi muốn đuổi hắn đi chỗ khác, bảo hắn nên vào nhà năn nỉ xin lỗi một lần nữa thì Maria sẽ hết giận. Thêm vài cái lắc đầu, hắn nhếch mép cười:

- Tôi nghĩ Maria hết còn yêu tôi. Nàng dạo này có vẻ lạnh nhạt, khó chịu, hay gây chuyện. Tôi không biết tại sao nàng đổi tính.

Không nói ra nhưng tôi đã suy nghiệm lý do Maria lạnh nhạt với chồng. Đây có phải là lúc nói cho Carlos biết? Tôi đắn đo rồi quyết định không xen vào chuyện người khác nhưng cảm thấy lương tâm phần nào bị cắn rứt. Tôi đưa ra một đề nghị hai vợ chồng đi gặp counselor để vấn ý nhưng Carlos cười khảy trước ý nghĩ rất Mỹ đó, mình biết chuyện mình rõ hơn người ngoài mà không giải quyết được thì người khác làm được gì. Đoạn hắn nói một câu làm tôi phải để ý đến:

- Dạo này Oscar có một con bồ Mỹ, con nhỏ không cho nó đi đâu hết nên tôi đến nhà nó chơi. Tôi nghĩ trước kia nó đến thăm tôi thường thì bây giờ mình thăm lại hắn. Dù sao nó cũng là bạn và giúp tụi tôi rất nhiều.

À thì ra thế! Tôi ngờ đâu Oscar đã đá Maria. May mà tôi đã không tiết lộ cho Carlos biết chuyện tình của hai người đó. Câu nói của Carlos làm tôi nhớ lại, đúng dạo này tôi không thấy tên Mễ đáng ghét đó lảng vảng nhà hàng xóm tôi, hay đúng ra là vợ hàng xóm tôi, từ ngày tôi đem xe lại body shop để gõ vè. Vậy là Oscar đã có bạn gái và không còn tới lui với Maria nữa? Có lẽ lòng ghen tuông là nguyên nhân cho những rắc rối. Nàng ta bị người tình phụ bạc nên đâm giận, không còn muốn liên quan đến người đó và bắt chồng cắt đứt liên hệ.

- Cậu nói tôi mới để ý, tôi không thấy bạn cậu đến đây nữa. Con bồ nó đẹp không? Cậu gặp chưa? Mà sao nó độc tài thế!

- Tôi gặp vài lần. Con nhỏ Mỹ trắng, tóc vàng trông cũng được. Tôi không hiểu được, hồi đó Maria rất quý Oscar, hai người đối xử với nhau như anh em, sao bây giờ... Mà cũng lạ, đây đâu phải là lần tôi đi nhậu với Oscar, trước kia Maria không bao giờ phàn nàn về chuyện này.

Tôi nín thinh.

Cái lạnh đã thấm vào đến xương, tôi đứng lên bảo Carlos đã quá khuya, tôi phải đi ngủ để sáng mai còn đi làm. Hắn có vẻ thất vọng, chắc hắn cần người để trút tâm sự. Thế ai nghe tâm sự của tôi?

Sáng hôm sau tôi và Carlos từ trong nhà đi ra cùng một lúc. Tôi lên tiếng chào, hắn chỉ đưa tay lên vẫy lại không nói một tiếng rồi lên xe phóng ào ra đường. Sực nhớ tối nay sẽ đến thằng trường từ sở làm, tôi vẫn để máy xe chạy rồi đi trở vào nhà để lấy sách học. Quơ mấy quyển sách trên chiếc bàn con đầu giường, tôi theo thói quen nhìn qua cửa sổ ra khu đất phía sau

hai nhà là nơi để chứa mấy thứ linh kinh và lò nướng barbecue. Maria trong bộ đồ ngủ đã ngồi trên deck gỗ sau nhà tự lúc nào. Tôi lấy làm lạ vì thường nàng ta vẫn chưa thức dậy khi chồng rời nhà đi làm. Tay chống dưới cằm, Maria trông có vẻ đăm chiêu về một chuyện gì đó hay đang chờ ai. Nhìn đồng hồ thấy đã trễ, tôi ra xe đi.

Trưa đến, tôi dẹp ledgers sang một bên đi ăn trưa sau bốn giờ đồng hồ vật lộn với mấy cột số dài lòng thòng. Ra ngoài đường tôi ngạc nhiên khi thấy Carlos đã ngồi trong chiếc xe truck Chevy đậu trước cửa sở. Thấy tôi hắn ngoắc tay kêu lại.

- Rảnh lên xe đi ăn trưa với tôi? Hắn hỏi.

Tôi lấy làm lạ vì có bao giờ hắn lại sở rủ đi ăn trưa nhưng lặng thinh leo lên xe. Hắn đưa tôi lại một taqueria gần đó.

Tôi không nói gì, chờ hắn lên tiếng trước.

Carlos tu một hơi bia thật dài xong dằn cái chai xuống mặt bàn, đưa tay lên quẹt ngang mép. Tôi thấy lại khuôn mặt hắn ngày mới dọn đến ngồi uống bia trước nhà. Cũng khuôn mặt ấy nhưng hai bộ mặt trái ngược, một vui vẻ yêu đời vô tư lự, một buồn bực với dằn vặt.

Hắn cầm cái taco lên cắn một miếng. Thấy tôi vẫn chưa ăn, còn nhìn chờ câu hỏi, hắn đặt taco xuống hỏi một câu tôi không ngờ:

- Ông có nghĩ là Maria có novio không?

Tôi giật bắn người chưa kịp trả lời thì hắn hỏi tiếp:

- Mình ở cạnh nhau, có bao giờ ông thấy ai đến nhà tôi lúc tôi không có nhà?

Tôi lắc đầu.

- Tôi không bao giờ thấy người nào đến nhà cậu khi cậu vắng mặt.

- Ông nói thật đấy?

Tôi lập lại câu trả lời có ngụ ý:

- Tôi không bao giờ thấy người nào lạ mặt đến khi cậu vắng nhà.

Tôi nhấn mạnh chữ lạ mặt và chủ quan cho là ý úp mở của tôi quá rõ như ban ngày thì dù là bộ óc của tên bạn Mễ mà tôi lúc nào cũng cho là quá tầm thường, quá giản dị, không có khả năng đối phó được những gì phức tạp phải đoán ra được. Nói thế chứ tôi không ngờ bộ óc của hắn vì quá giản dị không có khả năng suy diễn phức tạp mà chỉ có thể đi lòng vòng trong một phạm vi suy nghĩ chật hẹp lại đi đến một nhận xét lô-gic và nguy hiểm như cái câu hỏi tới bất thần làm tôi giật bắn người

- Không phải người lạ? Có bao giờ ông... theo vợ tôi?

Phản ứng của tôi trước câu chất vấn đó làm tôi tự giận mình suốt mấy

ngày sau đó. Tôi ấp úng lắp bắp cãi một cách yếu ớt:

- Cậu điên rồi sao mà nói thế! Tôi không bao giờ theo vợ của bạn.

Nhìn nét mặt đầy bối rối của tôi lúc đó, không ai nghĩ là tôi vô tội. Có ai biết đâu cái bối rối của tôi phát xuất từ ám ảnh che giấu việc làm tội lỗi của Maria mà ra. Thật là oan Thị Kính! Cái nhìn soi mói của Carlos làm tôi hoảng lên, tên này mà nổi nóng thì khó sống với hắn. Hai cánh tay hắn bắp thịt nổi lên cuồn cuộn trong khi tôi thì gầy ốm như chiếc đũa. Tôi cố ra mặt điềm tĩnh trong khi đó trong đầu óc cố nghĩ ra cách thuyết phục hắn đã nghi oan cho mình.

- Làm sao cậu có thể có ý nghĩ đó, cậu xem tôi là loại người như thế nào?

Đến lượt Carlos ra mặt bối rối. Hắn xin lỗi tôi.

- Lo siento mucho, hombre. Tôi điên rồi nên nghĩ bậy. Mấy ngày nay tôi không làm việc được. Tôi cứ nghĩ là Maria muốn tống tôi đi để rước một tên cabrón nào về. Tôi phải gặp ông để hỏi cho rõ. Tôi mà bắt được thằng cabrón đó thì nó chết nhưng bây giờ ông nói không thấy ai đến thì tôi tin vợ tôi không ngoại tình nhưng tôi vẫn không hiểu được thái độ của nàng mấy tuần này.

Hú hồn, quả thật chút xíu nữa là gậy ông đập lưng ông. Tôi kết luận thầm nếu tên Oscar và Maria thật sự không còn gì nữa, mọi việc sẽ êm thắm đâu vào đó, miễn sao Carlos không biết gì về việc làm xấu xa của vợ trong quá khứ thì hạnh phúc sẽ trở lại với họ. Vậy cũng tốt.

Trên đường chở tôi về sở, Carlos vẫn còn trầm ngâm nhưng mặt không còn căng nữa. Tôi mừng cho hắn. Như vậy là xong, vợ không còn tằng tịu với bạn chồng, chồng chăm sóc cho vợ con hơn. Cả nhà vui vẻ và cả tôi cũng vui vẻ lây vì thoát được dằn vặt có nên kể cho hắn nghe về vụ Maria và Oscar.

Hơn một tuần sau tôi có linh cảm điều gì không ổn khi thấy lại chiếc xe Impala một lần nữa đậu trước nhà Carlos một buổi tối Thứ Bảy tuần lễ trước Thanksgiving. Tôi đi lại gõ cửa nhà hắn. Đã có chủ ý sẵn nên khi Carlos mở cửa, tôi nói trước:

- Sáng mai ông rảnh không, nhờ coi xe tôi giùm, nó chạy khục khặc như muốn chết máy.

Vừa nói tôi vừa đảo mắt nhìn vào trong nhà. Oscar đang ngồi bệ vệ trên ghế bành cũ kỹ bọc da trước lò sưởi, trên tay cầm một lon bia. Ngồi cạnh hắn là Maria tay cũng đang cầm bia uống. Thằng bé con thì đang ngồi trên đùi Oscar nhịp lên xuống, tay cầm một chiếc xe hơi nhựa miệng

bi bô. Ngọn lửa cháy bập bùng trong lò sưởi tạo ra một bầu không khí thật ấm cúng trong căn phòng nhỏ. Ai thoạt nhìn vào đều thấy hình ảnh một gia đình hạnh phúc, nếu không thừa thãi người.

Tôi nhìn quanh không thấy ai khác ngoài bộ ba quen thuộc đó. Không có con Mỹ tóc vàng như Carlos nói với tôi hôm nọ. Thấy Oscar và Maria chụm đầu nói chuyện không để ý gì đến mình, tôi mặc kệ họ đi vào bếp với Carlos. Trong khi hắn mở tủ lạnh lấy bia, tôi khều hắn hỏi nhỏ - Con novia của thằng bạn cậu đâu?

- Bỏ rồi!

Đưa lon bia cho tôi xong, hắn vừa dạm bước ra ngoài thì tôi nắm tay hắn giữ lại để hỏi:

- Con đó bỏ Oscar lâu chưa?

Đứng quay lưng ra ngoài nên Carlos không thấy ngoài phòng khách Maria vừa mới đưa tay lên vuốt má Oscar. Tiếng nói chuyện rù rì xen lẫn với tiếng cười khúc khích từ ngoài đưa vào làm tôi ngượng cho Carlos. Dù chậm trí, hắn đến lúc này phải biết có gì không ổn chứ, chả lẽ sống mãi trong bóng tối mù u.

- Lúc trước nó lại shop vài lần rủ Oscar đi ăn trưa nhưng hết rồi. Tụi nó cãi nhau chuyện gì mấy hôm trước ngay trước cửa shop, Oscar nói - Tôi không cần em nữa. Con nhỏ kia giận quá bỏ đi. Tôi hỏi nó tại sao, nó chỉ nói không thích đàn bà con gái Mỹ bằng đàn bà Mễ. Từ ngày nó bỏ con Mỹ, tôi thấy nó vui hơn khi còn đi với con nhỏ đó. Nếu không thích nhau thì cặp làm gì để rồi cãi lộn rồi bỏ nhau. Thật khó hiểu!

Tôi thì thấy chả có gì là khó hiểu. Carlos nói Oscar vui hơn từ ngày bỏ con bồ Mỹ, tôi không chắc nó vui hơn Maria hay nàng ta vui hơn.

- Mình ra nói chuyện với họ chứ? Tôi gạ.

Thấy tôi và Carlos đi ra, hai người kia ngừng nói chuyện. Thằng bé vẫn còn nằm trong lòng Oscar nhưng đã ngủ ngoẹo đầu sang một bên trong khi hắn âu yếm vuốt tóc nó. Chiếc xe hơi nhựa nằm lăn lóc dưới đất. Maria bế đứa bé lên đem vào phòng ngủ. Oscar giơ lon bia lên chào tôi:

- Ê, Vietnamita, long time no see!

Tôi không còn bực mình khi Carlos thỉnh thoảng gọi mình là việt nam mít nhưng thằng Oscar thì tôi không chịu nhưng vì lịch sự nên chỉ cười nhạt. Tôi muốn đá nó một câu hỏi về con Mỹ mập nhưng thôi. Hai tên Mễ xì xồ gì tôi không hiểu rõ, chỉ nghe lõm bõm vài chữ - Tu esposa vợ mày, la puta gringa con điếm Mỹ... Tôi những tưởng Carlos đã phần nào đoán ra sự việc và sẽ có thái độ với bạn hắn nhưng khi thấy hai đứa nói chuyện

nổ như bắp rang, tu bia ừng ực, vỗ vai nhau thì tôi biết mình đã lầm. Tôi chợt có ý định giả vờ say rượu rồi lăn quay ra như lần trước để rình xem Maria và người tình có giở trò gì không. Tôi đang còn ngần ngừ về âm mưu đó thì thấy Maria trở ra bên ngoài sau đưa thằng con vào giường ngủ. Nàng ta đặt cái bàn tọa to gần bằng cái mâm xuống một cái ghế gỗ nhỏ èo uột cạnh chồng. Cái ghế kêu kẽo kẹt làm tôi nghĩ nó sắp gãy đổ đến nơi. Hương của tôi, không, Hương của tôi ngày xưa, người nhỏ bé eo thon đâu có ô dề như thế.

Quên bẵng lý cớ xe hư lúc nãy đưa ra, tôi ú ớ khi Oscar hỏi:

- Ông nói xe ông hư, hư gì vậy?

Tôi ấp úng đáp:

- Xe chạy có khi giựt giựt khựng lại làm như bị nghẹt xăng.

Hắn gật gù ra chiều hiểu biết:

- Không phải nghẹt xăng đâu, ông cần thay cái lọc gió đó.

Tôi thì ù ù cạc cạc về xe, chả biết cái lọc gió là cái gì và nằm ở đâu, gật đầu cho xong chuyện. Ngồi một lúc thấy đã buồn ngủ và bộ ba đó có vẻ như đã quên mình, tôi đứng lên cáo từ. Carlos đưa tôi ra cửa, hắn thật thà nói:

- Để tôi ra tiệm phụ tùng xe trưa mai lúc nghỉ lunch, mua cho ông cái lọc gió về lắp giùm, dễ lắm, hai phút thôi. Ông trả tiền sau! Tôi sẽ mua đằng tiệm Kragen chỗ con novia thằng Oscar làm.

Tôi thắc mắc:

- Cậu gặp nó làm gì?

Carlos nói nhỏ vào tai tôi:

- Oscar nó muốn tôi lại năn nỉ con nhỏ đó giùm nó, nó muốn trở lại với con Mỹ.

Tối hôm đó trước khi chợp mắt, tôi nghĩ mãi về thái độ bắt cá hai tay của Oscar.

*

Xe lết về gần đến nhà thì lên cơn giựt mạnh hơn. Tôi thầm khấn Trời Phật tên Carlos nhớ mua giùm cái lọc gió như nó hứa đêm qua. Điệu này không sửa sớm thì xe nằm ụ, vừa tốn tiền vừa phải nghỉ việc. Mấy tuần nay tôi đã nghỉ làm mất mấy ngày để chạy bổ túc hồ sơ nhập cảnh cho gia đình. Tên boss già khó chịu ra mặt.

Vào đến bãi đất trước nhà tôi hơi thất vọng khi không thấy Carlos và chiếc xe truck của hắn. Có lẽ hắn phải làm thêm giờ phụ trội nên chưa về, tôi nghĩ thế để tự trấn an.

Ăn xong khúc bánh mì kẹp thịt nguội, tôi cầm tách cà phê ra ngồi bên

cửa sổ ngóng tên hàng xóm với phụ tùng xe như hắn đã hứa. Trời đầu mùa đông tối thật nhanh. Từ trong nhà nhìn ra, bãi đất trống tối um, mấy cây cổ thụ trông như những bóng ma khổng lồ cao lêu nghêu. Ánh sáng vàng vọt hắt ra từ bóng đèn bên ngoài cửa nhà tôi và nhà Carlos chỉ đủ soi sáng vùng không gian ngay trước nhà, không quá được vài thước.

Cơn mưa phùn bắt đầu đổ xuống. Những giọt nước li ti đáp xuống cửa kính dần dà biến thành những dòng nước gầy ri dài trên mặt kính xuống thành cửa sổ. Khoảng thời gian đầu mùa đông là lúc tôi thích nhất. Tôi thích màn đêm âm u, ngọn gió hanh thổi về, cơn mưa lạnh. Cái lạnh làm cà phê và thuốc lá thơm hơn ngon hơn và những bài hát nghe buồn hơn. Tôi đâm nhớ Hương ra riết. Nàng hắn đã theo gia đình đi nơi khác. Mấy tuần nay tôi chờ thơ nhưng Hương vẫn chưa viết cho tôi. Chắc Hương đã quyết định không còn muốn liên lạc gì, còn gì nữa đâu mà thư với từ. Thôi đành kết thúc một chuyện tình. Những kỷ niệm xưa rồi cũng phai mờ đi như cảnh vật ngoài kia dưới cơn mưa đang từ từ nặng hột.

Tiếng động cơ xe từ ngoài đường đi vào lớn dần kèm theo tiếng bánh xe cán lên sỏi đá kêu lạo sạo. Tôi dùng màn cửa lau vội kính cửa sổ bị đọng hơi nước. Qua mấy vết lau lem luốc, tôi thấy chiếc xe truck quen thuộc từ từ lăn bánh vào chỗ đậu quen thuộc. Tôi vội khoác áo lạnh đi ra ngoài. Carlos vẫn còn ngồi trong xe. Tôi tiến lại gần. Hắn dường như không thấy tôi hoặc biết nhưng không thèm để ý. Cơn mưa chợt ngưng, thật đỡ, tôi bắt đầu thấy cái lạnh thấm vào người thật nhanh.

- Cậu đã mua cái air filter chưa? Tôi lên tiếng.

Carlos quay sang nhìn tôi, không nói gì. Tôi lùi lại cho hắn mở cửa xe bước xuống. Tôi mừng thầm khi thấy hắn cầm trên tay một cái hộp giấy vuông màu đỏ và đen.

*

Xe chạy tốt được hơn một tuần thì bắt đầu lên chứng lại, xe vẫn còn chạy nhưng cơn ho suyễn trở lại. Cái lọc gió đã thay rồi thì bây giờ đến phiên bộ phận nào hư? Tôi định một lần nữa nhờ Carlos xem giùm nhưng cả tuần nay hắn vẫn còn cái thái độ buồn bã khó hiểu đó. Hắn đâu có mất việc như tôi tưởng vì mỗi ngày vẫn lên xe truck đi làm. Chắc lại chuyện vợ chồng nhưng tuyệt nhiên không bao giờ có tiếng cãi vã gì trong nhà. Tôi vẫn tưởng người Mễ nóng tính, dễ nổi nóng lớn tiếng. Bộ mặt u ám của hắn làm tôi đi đến kết luận mình phải đem xe đi sửa thay vì nhờ hắn. Tôi chợt nghĩ đến thằng Oscar. Nếu nó đến thì hỏi nó nhưng dạo này tôi không thấy mặt mũi tên này, ngay cả cuối tuần vừa rồi. Chắc chàng ta đã làm lành với

con Mỹ mập tóc vàng nên không còn thèm Maria nữa. Phải vậy vì vắng bóng hắn, Maria lại lên cơn như trước kia nên trong nhà "tacos không lành enchiladas không ngọt."

*

Tôi đút chìa khóa xe vào ổ, trong đầu cầu Trời cầu Phật, tay vặn chìa. Chỉ mấy tiếng ho khúng khắng quen thuộc. Thêm một lần nữa, cũng chỉ thế. Lần này thì thật sự hỏng chuyện. Carlos đã đi làm từ sớm, không đi ké xe hắn được. Cố đề vài lần nữa nhưng máy vẫn không nổ. Tôi bỏ cuộc, sợ đề mãi sẽ làm hết bình điện. Trở vào nhà, tôi điện thoại vô sở nói sẽ đến trễ vì xe hư. Con thư ký nói đừng lo, boss hôm nay không vào. Tôi kêu hãng câu xe rồi ngồi chờ. Gần một tiếng sau xe câu mới đến, câu xe tôi lại một tiệm sửa cách nhà vài con đường. Người sửa xe xem máy một lúc xong bảo phải chùi carburator vì xăng nghẹt và tôi phải để xe đến chiều mới xong. Nghe thế tôi rủa thầm thằng Oscar đã trị bệnh láo, tôi cũng tự rủa mình là ngu đã tin hắn dù hắn trị bệnh mà không cần chạy xe thử trước. Đưa người sửa xe số điện thoại nhà xong, tôi lững thững cuốc bộ về.

Không có gì làm, tôi mở nhạc lên nghe. Điệu nhạc buồn len lỏi vào trong đầu làm tôi để trí đi hoang, mắt lăng du trên bãi đất trống ngoài kia. Mùa đông nên trời chưa sáng hẳn dù đã hơn tám giờ sáng. Cơn mưa tối hôm qua để lại mấy vũng nước xung quanh nhà. Sau tuần lễ Thanksgiving, chủ cho người lại chặt bớt cành trên mấy cây cổ thụ ngoài bãi đất trống. Chúng bây giờ trông giống như mấy người tù trong trại tập trung, thân hình gầy ốm khẳng khiu, chân tay chỉ còn da bọc xương trông đến thảm hại. Giờ đã mất Hương hẳn không còn hy vọng gì gặp lại, tôi thấy trò đếm lá của mình năm trước thật lố bịch và buồn cười. Không còn đếm lá nữa, tôi bắt đầu đếm những ngày còn lại trong căn studio này. Tôi ở đây đã được hơn một năm, chẳng còn bao lâu nữa thì sẽ dọn qua căn nhà kia. Chỉ hơn một năm mà sao tôi có nhiều kỷ niệm với chỗ này, buồn có vui có, khi đi sẽ nhớ lắm. Chắc tôi sẽ nhớ gia đình Carlos hơn Hương dù nàng là nguyên nhân cho tôi dọn ra riêng và thuê căn nhà này.

Nghe nhạc một lúc chán, tôi lôi bài vở ra làm. Làm bài xong thấy mới hơn hai giờ chiều, tôi lợi dụng rảnh rang dọn dẹp lại nhà cửa bên trong xong ra ngoài xếp lại mấy thứ linh kinh cho gọn ghẽ xem cái nào không dùng thì để sang một bên, mai mốt có dịp đem đi quăng đâu đó.

Trời tuy lạnh nhưng làm việc một lúc thì bắt đầu đổ mồ hôi. Đang loay hoay qua lại, tôi nghe tiếng xe quen thuộc đi vào sân. Đứng núp sau bức tường, tôi thấy chiếc Impala từ từ lăn bánh vào đến trong rồi đậu bên

hông nhà Carlos.

"Lại mò đến ăn vụng," tôi rủa thầm.

Tôi đoán tên Oscar không biết tôi ở nhà vì xe còn nằm ngoài tiệm sửa. Để rình xem hắn giở trò gì. Vẫn núp sau bức tường, tôi quan sát tên này. Hắn tự nhiên đi lại gõ cửa nhà Maria, điệu bộ không có gì là lén lút. Chắc chắn hắn biết bạn mình còn kẹt trong sở làm ít ra đến hơn năm giờ chiều mới về, ba giờ đồng hồ quá đủ cho cuộc mây mưa. Đầu Maria thò ra, mặt trang điểm phấn son như sắp đi chơi. Nàng ta miệng cười thật tươi, hôn nhanh lên môi Oscar rồi kéo hắn vào trong. Tôi đi nhẹ lại sát tường nhà Maria thụp người dưới cái cửa sổ phòng ngủ, gióng tai lên. Tiếng người thì thầm nói chuyện. Tôi nghe tiếng Maria cười rúc rích đĩ thõa. Vài phút sau tiếng con đàn bà rên ri trong khoái lạc xen lẫn trong tiếng thở dồn dập của tên đàn ông. Khom lưng đi rà sát tường, tôi đến cửa sổ phòng khách thấy màn hé tôi bèn nhìn vào. Thằng bé con đang ngồi bệt dưới đất giữa mớ đồ chơi, mắt theo dõi phim vẽ trên máy truyền hình. Tôi trở lại cửa sổ phòng ngủ nhìn vào. Tên Oscar nửa thân trên còn mặc T-shirt, thân dưới trần truồng đang quì gối sau lưng Maria trên người không một mảnh vải đang trong thế chó, cặp vú dài thõng thượt đu đưa theo nhịp tấn của tên đàn ông. Khi tên Mễ nằm vật xuống thở dốc, tôi bỏ đi.

Vừa vào bên trong đúng lúc điện thoại reo vang. Tiệm sửa xe kêu lại nói xe đã sửa xong. Tôi chụp cái jacket rồi đi ra đường. Đi ngang qua chiếc Impala, tôi muốn quỳ xuống xì cho xẹp hai bánh sau cho bỡ ghét.

Lấy xe xong lái về đến nhà, tôi thấy chiếc Impala vẫn còn đó. Nhìn đồng hồ tay, mới ba giờ rưỡi. Đôi tình nhân còn ít nhất một tiếng nữa. Tôi vào nhà bật nhạc lên, pha một tách cà phê ra ngồi chỗ cố hữu bên cửa sổ để đầu dựa lên tường mắt lơ đãng nhìn ra ngoài. Nghe đến bài thứ ba tôi chợp mắt ngủ đi lúc nào không biết, đầu dựa lên tường. Trạng thái nửa tỉnh nửa mê với hồn du theo tiếng nhạc đi vào giấc ngủ thật là tuyệt diệu.

*

Chắc tôi ngủ không say lắm nên những tiếng la hét từ bên ngoài đi xuyên qua cửa sổ như một bàn tay ai lay vai tôi đánh thức. Những tiếng la hét to hơn xen lẫn với tiếng con nít khóc ré lên như lay tôi mạnh hơn, đưa tôi ra hẳn giấc mơ trở về thực tại. Tiếng hét thất thanh "No, no, Carlos!" của Maria nghe sao đến rợn người. Tôi tung cửa chạy ra ngoài đúng lúc cánh cửa nhà hàng xóm bật tung: Maria từ trong chạy ra, trên người chỉ một tấm drap giường quấn xung quanh, trên tay bế thằng bé đang khóc ngất. Đã từng xem nhiều phim kinh dị nhưng phải thấy khuôn mặt Maria lúc ấy mới biết

thế nào là hãi hùng. Mặt nàng ta trắng bệch như người chết trôi, đôi mắt trợn lên, cặp môi run lảy bảy. Thấy tôi đó nhưng Maria chân như muốn quỵ xuống, tay chỉ vào trong nhà nói lắp bắp không ra tiếng. Phần nào đoán ra được sự việc, tôi cũng run lên theo, người tự nhiên thấy yếu đi.

- Chuyện gì vậy? Tôi bật ra được vài chữ.

- Carlos, Carlos! Hắn cầm dao.

Nghe chữ "dao", tôi chùn chân nhưng cố lấy can đảm chạy vào trong nhà Carlos. Vừa đặt chân vào trong tôi khựng lại ngay. Cả một cảnh tượng kinh hoàng suốt đời tôi chưa bao giờ chứng kiến phơi bày trong phòng khách. Tên Oscar trần truồng nằm ngửa trong vũng máu, cặp mắt hắn gần trắng dã vì hai con ngươi đã đi lên trên nằm gần khuất sau mí mắt. Con dao găm đâm lút cán vào ngực, chuôi thẳng tắp chĩa lên trần nhà. Cả phía trước người nạn nhân từ ngực cho xuống đến bụng nhuộm máu đỏ xẫm, máu vẫn còn ứa ra từ chỗ lưỡi dao, rỉ xuống đến mặt đất. Tôi bàng hoàng nhìn Carlos đang đứng chết trân trước cửa phòng ngủ hai tay đẫm máu buông thõng hai bên hông, mắt trợn trừng nhìn xác người chết. Hai bàn tay hắn be bét máu. Hắn đưa mắt nhìn lại tôi. Vài tia căm hờn bắn ra từ khóe mắt. Cái nhìn trở lại thân hình be bét máu của Oscar trên sàn nhà.

- Cậu giết Oscar? Sao vậy? Tôi lắp bắp hỏi, không biết hắn có hiểu gì không.

Câu trả lời của hắn tiếng được tiếng mất:

- El cabrón chingó a mi esposa (Thằng khốn kiếp đụ vợ tôi).

Hắn ngửng lên nhìn tôi. Những gân máu đỏ trong hai con mắt hắn đã biến đi cùng với cơn thịnh nộ, để lại sau một cái nhìn đầy lo âu và buồn bã. Hắn nói như phân bua, tiếng còn tiếng mất:

- Tôi xem nó còn hơn là bạn, tôi xem nó như anh tôi, thế mà nó dụ dỗ Maria ngủ với nó mấy năm nay. Con nhỏ Mỹ kể hết cho tôi. Thật khốn nạn! Nó còn nói nó là cha của thằng nhỏ. Nó nằm trên mình vợ tôi trong khi tôi nuôi con nó. Pinche cabrón!

Hai môi Carlos mấp máy điều gì nghe không rõ. Hắn quay lưng đi vào phòng ngủ ngồi xuống mép giường hai tay bưng lấy mặt. Những vết máu quẹt lên má hắn, trán hắn. Tôi thấy hai vai hắn hơi rung lên. Tôi run run nhấc điện thoại lên quay số 911. Giọng tôi run nhiều nên khó nghe, tôi phải lập đi lập lại cái địa chỉ cả chục lần operator mới hiểu. Gác máy lên, tôi đi lại gần Carlos. Hắn ngửng đầu lên nhìn tôi, những giọt nước mắt vẫn không làm nhạt đi những vệt máu trên mặt hắn.

- Tại sao Maria phải ngủ với Oscar? Maria chỉ lấy Oscar vờ thôi để cho

nó xin mica. Tôi mới là chồng của Maria. Por qué?

Gục mặt lại vào trong tay, Carlos rên ri - Papá, mamá!

Chợt hắn ngẩng mặt lên nhìn tôi, van lơn - Phong, cứu tôi đi!

Tôi không biết phải nói gì vào lúc này. Ánh mắt cầu khẩn của Carlos như có mãnh lực đẩy tôi lùi dần trong một con ngõ cụt với một bức tường thật cao sau lưng. Thậy may khi lưng tôi gần đụng bức tường cao đó thì có tiếng còi hụ từ ngoài đường vọng vào rồi hai chiếc xe cảnh sát đèn xanh đỏ chớp chớp phóng như bay vào bãi đất, thắng gấp ngay trước cửa nhà. Người cảnh sát nhảy xuống xe súng lăm lăm trong tay. Maria chạy lại nắm lấy tay ông ta nói một hơi rồi gục mặt vào ngực người cảnh sát. Ông này đỡ Maria lên, dìu vào trong xe cho ngồi xuống. Thấy tôi đi ra tay không, những người cảnh sát kia đút súng vào bao bên hông. Tôi lắp bắp nói họ Carlos còn ở trong nhà và họ nên kêu xe cứu thương ngay. Hai người đi vào, vài phút sau tôi thấy họ xốc nách Carlos từ trong ra, hai tay bị còng ngoặt sau lưng.

Một người cảnh sát lớn tuổi tóc đã bạc hỏi tôi. Tôi muốn kể hết nhưng còn vì còn xúc động nên nói chả ra gì. Ông ta bảo tôi đừng nói nữa, lên xe ngồi chung với Maria để được đưa về ty lấy lời khai. Đúng lúc đó có tiếng còi xe ambulance ré tai ngoài đường cái rồi một chiếc xe van sơn trắng cũng đèn đỏ đèn xanh chớp chớp phóng vào. Hai người y tá cấp cứu trong bộ đồng phục ka-ki xanh tay xách túi cứu thương chạy vào nhà. Họ trở ra, lắc đầu với mấy người cảnh sát xong đem băng ca vào trong.

Tôi bàng hoàng nhìn chiếc băng ca chở xác Oscar phủ kín trắng xóa từ đầu đến chân được lăn ra ngoài. Đã từng đi đám ma vài người thân trước kia, già lẫn trẻ, tôi vẫn chưa làm quen được với ý tưởng mới gặp hôm nọ nay đã chết. Lần cuối nói chuyện với hắn chỉ mới hơn một tuần, nghe hắn nói tôi phải thay cái lọc gió xe. Lần cuối thấy hắn chỉ mới vài giờ đồng hồ trước ngụp lặn trong lạc thú xác thịt tội lỗi. Thế mà giờ đây hắn nằm yên đó, không còn nói, không còn nghe, không còn làm tình với Maria, không còn lừa dối phản bạn. Tiếng khóc rấm rứt của Maria bên cạnh tôi to hơn khi chiếc băng ca được đẩy ngang qua xe cảnh sát tôi và nàng đang ngồi ở trên.

Khi đoàn xe cảnh sát quay mũi đi ra đường, tôi mới để ý thấy hàng xóm bu đông xung quanh. Những cái nhìn tò mò, phán đoán, lên án, nghi vấn xuyên qua cửa kính xe đập lên mặt tôi và Maria. Tôi quay lưng lại nhìn. Xe chở Carlos đi sau lưng. Hắn ngồi gục mặt thật thấp. Tôi chỉ thấy chỏm tóc đen quăn của hắn.

PHAN MINH KHÁNH

tóc ngày xuân trước

Đau thương rách một mảng trời
Tình quê thôi cũng ôm lời mộng du
Trầm luân gối nẻo thiên thu
Mịt mùng thơ ấu
ngục tù trăm năm...

Dòng sông cũ - hẹn mùa xanh
Chốc đà mấy kiếp tơ mành vấn vương
Người về - nhạt phấn phai hương
Tóc ngày xuân trước - chia đường lệ rơi...

Phan Minh Khánh

*

Đến tối cảnh sát mới cho tôi về. Cuộc thẩm vấn kéo dài mấy giờ đồng hồ. Họ bảo tôi khi Carlos bị đem ra xử, tôi sẽ được gọi ra làm nhân chứng. Họ cho xe chở tôi về tận nhà. Phần Maria và thằng bé thì sang nhà bạn ở tạm, nhà nàng bị cấm tỏa vì là phạm trường cảnh sát còn đến để lấy thêm tang chứng.

Trời bắt đầu mưa lất phất. Cơn gió thổi đến thật lạnh. Tôi run rẩy tay thọc túi bước xuyên qua bãi đất trống. Đến trước cửa nhà Carlos, tôi thấy một vòng dây plastic vàng lờ mờ hàng chữ "Police line. Do not cross" cuốn vòng xung quanh căn nhà. Cánh cửa trước và hai cửa sổ đóng im ỉm. Căn nhà hầu như nhòa vào bóng đêm trông như một căn nhà bỏ hoang. Bức tranh của Norman Rockwell đã bị ai lấy đi mất.

Bùi Ngọc Khôi
Viết xong mùa Thu 2003
Dublin, California

ĐÀN BÁCH KIẾM

đùa với đường thi

Đường thi như đôi cánh nhạn nghìn đời bay lượn trên thân phận con người. Tôi bơi lội trong Đường thi, ngậm ngùi, đùa dỡn. Chút mảnh hồn mang mang trong mưa xuân. Lấy chút hồn của cổ nhân mà cấy sinh tử phù vào lòng mình. Đôi cánh hạc có thật đã bay, bay mãi? Sao giấc mộng ban đầu vẫn xôn xao trở về giữa trưa hè hanh nắng? Sao loáng chớp vàng tung trong nháy mắt, mà thiêu thu hiu hắt đến bây giờ?

Mục Đùa Với Đường Thi nhất định không phải là nơi biên khảo hay nghiên cứu, về Đường thi hay về bất cứ điều gì. Đó chỉ là nơi dìu dặt đón đưa mấy vần thơ từ trời hội cũ về cuộc chơi hôm nay. Khi thì yêu mến nó, lúc thì bỏ bê nó. đi chơi loanh quanh đây đó. Khi thì nghịch ngợm một cách nghiêm chỉnh, lúc thì đùa dỡn một cách lai rai. Mọi cuộc dịch tự trong tinh thể của nó vốn là một cuộc dời đổi. Lời thơ có di dịch về cõi miền nào khác cũng là điều tự nó. Mọi điển tích có dập dìu đi về ngôn ngữ hôm nay cũng là điều tự nhiên.

Bay về ổ chín tầng cao,
Con chim giã biệt quên chào mái hiên (BG)

Đôi cánh nhạn đã bay về ổ, thì xin một lần gắng gượng gọi nó trở về.

Đàn Bách Kiếm

bả tửu vấn nguyệt

Lý Bạch say trăng, mê rượu, điều này ai ai cũng biết. Biết, nhưng đọc

thơ họ Lý tán tỉnh chị Hằng vẫn cứ thấy khoái. Chẳng hạn như trong bài Bả Tửu Vấn Nguyệt dưới đây:

Thanh thiên hữu nguyệt lai kỷ thì
Ngã kim đình bôi nhất vấn chi
Nhân phan minh nguyệt bất khả đắc
Nguyệt hành khước dữ nhân tương tuỳ
Hạo như phi kính lâm đan khuyết
Lục yên diệt tận thanh huy phát
Đản kiến tiêu tòng hải thượng lai
Ninh tri hiểu hướng vân gian một
Bạch thố đảo dược thu phục xuân
Thường Nga cô thê dữ thuỳ lân
Kim nhân bất kiến cổ thì nguyệt
Kim nguyệt tằng kính chiếu cổ nhân
Cổ nhân kim nhân nhược lưu thuỳ
Cộng khan minh nguyệt giai như thử
Duy nguyện đương ca đối tửu thì
Nguyệt quang trường chiếu kim tôn lý

Diễn Nghĩa:

Từ thuở trời xanh có ả Hằng Nga đến nay đã bao lâu rồi vậy?
Ta nay dừng chén xin hỏi một đôi lời
Hà cớ làm sao vói mãi không ai chạm được cô ả?
Mà hễ cứ đi đến đâu thì vẫn thấy cô nàng đi theo?

Lóng lánh như gương, lùa vào khung cửa son
Sương khói tan hết, nét kiều diễm càng lộng lẫy
Hễ trời tối thì thấy từ biển đêm hiên đến
Trời vừa sáng lại biến mất trong mây

Hết thu sang xuân, bên gã thỏ trắng
mải mê giã thuốc trường sinh bất tử
Ả Hằng Nga lẻ loi biết bầu bạn cùng ai
Người đời nay đâu biết trăng ngày xưa nhan sắc ra sao
Chứ trăng ngày nay vốn biết người đời xưa hệ luỵ thế nào

Người đời xưa người đời nay như giòng nước luân lưu chẩy

Nối đuôi nhau mải mê ngắm à Hằng
Ta chỉ có một ước nguyện là những lúc uống rượu say sưa hát
Bóng ảnh nàng mãi mãi lung linh sáng trong chén bạc.

Có một thể thơ đặc biệt Việt Nam, đó là thể Hát Nói. Nó thân thiết tâm tình như điệu nhạc Blues ân cần kể lể của người da đen. Các cụ xưa vốn thích xuống phố Khâm Thiên bầu bạn trò chuyện với các ả đào. Rồi làm thơ cho các nàng cao giọng hát. Chao ôi, còn không cái thú cô đầu trên cõi trần gian lạnh lẽo này? Xin di dịch bài Bả Tửu Vấn Nguyệt sang thể hát nói, viết thêm mấy câu Mưỡu, đăng trên báo Văn Học số này, họa có may mà được ả nào hát cho nghe.

MƯỢN RƯỢU ĐÙA HẰNG NGA

Mưỡu
Hằng Nga nay mấy xuân xanh?
Nghi dung diễm lệ long lanh góc trời!
Nay ta gặp buổi thảnh thơi
Dở bầu rượu ngỏ đôi lời cùng em

Nói
Ngừng chén hỏi trời xanh đôi ba điều thắc mắc
Rằng mảnh gương vằng vặc đã bao năm?
Sao bắc thang vói mãi vẫn xa xăm?
Sao khắng khít, đón đầu, đi đâu theo đến đấy?

Cô tập, quỳnh lâu quang cung khuyết
Không hồi, phương chẩm vọng thuyền quyên
Ta đợi em trên sóng đến hằng đêm
Trời vừa sáng, nhòa đâu theo mây biếc?

Hằng Nga ạ, ta thương em đơn chiếc
Quanh thỏ già giã thuốc, có gì vui
Bao người xưa, muôn kiếp em đã soi
Ai nay biết ngày em xưa nhan sắc!

Dòng đời mãi, mê em, say sưa ngắm
Ta nâng ly, cao hứng hát vang vang

Xin em soi mãi chén vàng!

- Hai câu chữ Hán ở khổ hai lấy đâu ra vậy? Nguyên tác làm gì có?

- Thưa, bịa.

- Sao lại bịa?

- Thưa, tại Cụ Dương Khuê bảo phải có hai câu chữ Hán, mà Lý Tiên Sinh lại không cho đem câu nguyên tác sang bản dịch.

- Hai câu ấy nghĩa là mần răng?

- Thưa,

Một mình lấp lánh, người ngọc đến chiếu cửa son
Hoài công trăn trở, gối thơm mong ngóng giai nhân

- Người ngọc đã đến cửa son, sao lại còn mong ngóng ai nữa?

- Thưa, đứng trước cửa son, nhưng vói mãi, vói mãi, người ngọc vẫn cứ xa xăm.

- Chẳng đó là sự vụ hào hùng bi đát của thân phận con người ru, từ lúc hắn dám cắn trái táo mà chất vấn ý nghĩa cuộc tồn sinh?

Đàn Bách Kiếm

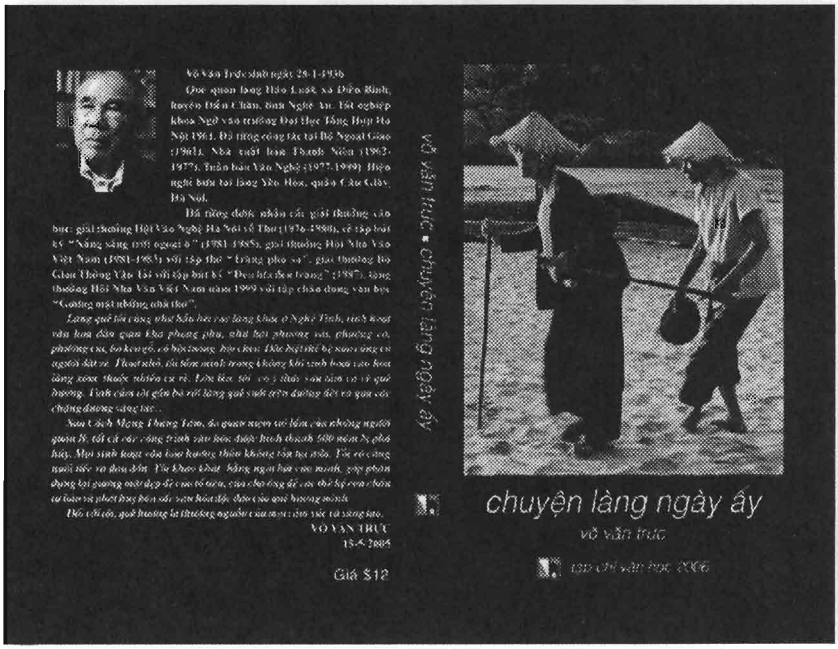

HOÀNG MAI ĐẠT

tạp ghi

tìm ở sao trời

phần 1

Mỗi khi chán đời, chờ hoài không thấy cơn buồn tan biến, nhìn mặt mình trong gương ủ rũ, thảm thương hơn chiếc lá nằm lay lắt bên bờ cỏ, chờ gió chiều thổi xuống dòng đường lắm xe, tôi thường ghé nghĩa địa tìm người chết. Lần nào cũng vậy, đến khi rời mấy đám mồ mả, tôi thường cảm thấy đỡ hơn rất nhiều, chợt yêu đời trở lại, muốn cắm chiếc lá xanh trên cành tươi nắng. Thật thế.

Đi bộ trong nghĩa địa, ngắm mấy nấm mộ, đọc tên người quá cố, xem những bức ảnh tươi tắn lúc còn sống cho tôi một liều thuốc tâm lý, xua đuổi bóng ma của nỗi buồn. Tôi không rời nghĩa trang với nét mặt hân hoan, cười toe như người mới xem hài kịch, mà chỉ cảm thấy nhẹ hơn trong tâm hồn. Đủ nhẹ để thấy quí giá những tia nắng, những âm thanh náo nhiệt của cuộc sống bên ngoài khu mộ địa. Chuyện gì đó từng làm cho tôi chán đời không thật sự có nghĩa lý gì khi tôi biết ai nấy cũng có một kết cục như nhau: nằm hiu quạnh bên dưới mấy tấc đất, chờ máy cắt cỏ chạy rần rật bên trên, nghe tiếng chân của người thân đến đặt bình bông, cắm mấy nén nhang, khấn vái rồi bỏ đi. Ngày đến mặt trời rọi chiếu từ những hướng cố định, đêm về ngàn sao lấp lánh từ muôn phương. Nếu không có một tấm bia ở bên trên, không ai biết có người nằm ở bên dưới. Chôn ở đây hay ở bất cứ nơi nào trên trái đất cũng cùng một định mệnh. Hiểu được vậy, tôi nghe nỗi ưu phiền lìa xa thân xác, trả lại niềm yêu thương trong hơi thở của cuộc sống. Đời sống không chắc đẹp, cũng không đủ dài để cho tôi phí phạm từng phút cho cơn buồn.

Tôi ở phố Bolsa. Nghĩa trang gần nhà nhất là Westminster Memorial Park, chặng chót của nhiều người Việt từng sống ở đây. Những buồn vui của

đời lưu vong như chiếc lá nâu vàng, cuối cùng cũng bị thổi đến một bãi đất nằm về phía tây của khu phố. Nhà quàn Peek Family nằm cạnh nghĩa địa, nên dân Việt mình thường nói đùa "Trước sau gì cũng đến Peek Family."

Mấy văn thi sĩ cũng không thoát khỏi lời tiên tri này. Đến trước là thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên, nằm dưới một tàn cây rậm mát như cây bồ đề. Đến sau là văn thi sĩ Mai Thảo, nằm ngoài kia trong nắng ấm của Vườn Vĩnh Cửu, gần một gốc cây thốt nốt. Nghĩa trang có nhiều cây cổ thụ, những con đường ngang dọc rợp mát, vắng vẻ, yên ắng trong bất cứ lúc nào mà người ta muốn rời cơn nắng cháy của California để vào tìm cõi tạm lánh. Nếu không có mấy mộ bia gợi nhớ những người khuất mặt, đây là một công viên tuyệt vời như cánh rừng yên tịnh. Chỉ có mấy trăm thước mà người ta có thể tránh xa, thật xa những xô bồ, huyên náo, bon chen trên đường phố Bolsa. Tôi thường ghé đây đôi, ba phút, dừng xe giữa bóng cây, tìm lại chính mình trước khi quay về với dòng đời bôn ba nằm sát bên cạnh.

Nếu mở dịch vụ du lịch khu phố Việt Nam, tôi sẽ chở du khách đến nghĩa địa này trước tiên, hy vọng sau đó họ càng quí tất cả mọi thứ bên ngoài bức tường ngăn chia sống chết. Phở sẽ ngon hơn nếu được thấy mộ của một người qua đời lúc mới đến Mỹ, cà phê sẽ thơm hơn nếu được thấy mả của một người mẹ để lại chồng con, tượng đài chiến sĩ sẽ càng thiêng liêng nếu được thấy mộ phần của một người lính lưu vong được cắm thêm lá cờ màu vàng.

Mời quí vị xuống xe. Đây mộ thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên, quí vị cứ việc chụp hình lưu niệm. Này nha, mộ bia có ghi bài thơ ông viết khi mới đôi mươi:

Ta phải khổ cho đời ta chết trẻ
Phải ê chề cho tóc bạc với thời gian
Phải đau theo từng hớp rượu tàn
Phải khép mắt sớm hơn giờ thiên định.

Mỗi lần đến thăm thi nhân, vẫn thấy bông hoa, thuốc lá, chân nhang do ai để lại, vẫn nghe vương vấn niềm đau của Nguyễn Tất Nhiên.

Sao thiên thu không là thiên thu?
Nên những người yêu là những ngôi mồ
Tôi đứng một mình trong nghĩa địa
Và chắc không đành quên khổ đau!

Kia là mộ của một người mẹ từng ôm con tự vẫn trên xa lộ Garden Grove, ngay trong khu Little Saigon. Mẹ thương con, không muốn đứa bé sống suốt đời trong cảnh tật nguyền. Bà siết chặt con trong tay, chạy băng

qua những dòng xe trong một đêm cuối thu. Hai mẹ con được chôn chung, cùng một ngày tử. Lần nào đến cũng thấy có bình bông mới, cỏ xanh được tỉa cắt gọn gàng chung quanh mộ. Người chồng đến thăm mộ hầu như mỗi ngày, được gần vợ con trong suốt 15 năm qua. Mẹ mãi đẹp, con mãi còn ngây thơ.

Cách đó mấy thước là mộ của một bé gái, một khu vườn nhỏ luôn có dăm đóa hoa tươi cắm bên cạnh những chong chóng nhiều màu, quay lúc nhanh lúc chậm như có vong hồn thổi vào với sự đùa nghịch thơ ngây. Lạ thật.

Ở nơi kia là mộ của một ông chồng mới được chôn năm ngoái. Bà vợ của ông ấy bị chồng bội tình, nhất định không cho con cháu chôn bà bên cạnh chồng như lời thề ước mấy chục năm trước. Còn mộ này không thấy ai chăm sóc, quanh năm không có một bó hoa. Quí vị nhớ cắm cho người ấy một nén nhang trước khi lên xe.

Ở đây là mộ ông Mai Thảo. Đám tang của ông đông người dự lắm, tôi còn nhớ. Họ từng xếp hàng dài cả trăm thước, tiễn thi sĩ về huyệt mộ. Mấy lần ghé ngang tôi chỉ thấy bóng nắng trên mộ, không thấy bóng người.

Thế giới có triệu điều không hiểu
Càng hiểu không ra lúc cuối đời
Chẳng sao khi đã nằm trong đất
Đọc ở sao trời sẽ hiểu thôi.

Bia của thi sĩ được khắc như vậy. Lần này ghé thăm chúng ta thấy có những đóa hồng mới cắm, tô sắc tươi thắm trên mộ ông Mai Thảo.

Sớm ra đi sớm hoa không biết
Đêm trở về đêm cành không hay
Vầng trăng đôi lúc tìm ra dấu
Nơi góc tường in cái bóng gầy.

Ông viết mấy dòng thơ trong mấy năm sống tạm ở Bolsa. Giờ không ai biết thi sĩ u hoài ấy đi đâu, còn chăng một nấm mộ "ngát thơm từ huyệt lãng quên."

Ta thấy hình ta những miếu đền
Tượng thờ nghìn bệ những công viên
Sao không, khói với hương sùng kính
Đều ngát thơm từ huyệt lãng quên.

Mời quí vị lên xe, ta đến Bolsa thôi. Xem mộ người chết vậy đủ rồi.

Dạo này những mẩu chuyện của người chung quanh bỗng được tôi chú ý hơn, nếu đâu đó có nhắc đến sự chia lìa vĩnh biệt.

Một bữa kia, trong lúc nựng nịu con chó cưng, con gái tôi bỗng nói, *"Con không muốn hỏa thiêu Kiwi, bố à. Con muốn chôn Kiwi để có gì mai mốt con còn đến thăm mộ nó."*

Vợ chồng tôi nhìn nhau bâng khuâng. Cô con gái bé bỏng ngày nào của chúng tôi giờ cũng biết vài năm nữa Kiwi phải đi xa, như người ta phải trở về với cát bụi. Nghe chuyện chôn cất con Kiwi, tôi chợt nghĩ đến chặng đường cuối của chính mình. Biết đâu con gái cũng muốn thắp cho bố một nén nhang trên mộ. Có điều vợ chồng chúng tôi đều tâm niệm muốn được hỏa thiêu và rắc tro cốt chung trong một vịnh biển hay trên một sườn núi mà vợ chồng từng đi qua chứ không muốn nằm ở nghĩa địa. Con gái tôi không mấy hưởng ứng khi nghe tôi kể ngày nay người có thể lên nghĩa trang trên Internet để thăm mộ của người thân, hay của Kiwi, giống hệt như bước vào một mảnh đất với những nấm mồ có tấm bia được lắp hình thân nhân, cũng có đôi ba dòng về ngày sinh tháng tử. Con bé lắc đầu, chê nghĩa trang như vậy không thật, cắm nhang cũng khó, rà chuột tìm mộ đâu có giống như bước chân trên cỏ được.

Vợ tôi cũng đồng ý với con, bảo nếu lập nghĩa trang kiểu đó thì nên dành cho mấy bài thơ là hay hơn cả. Nghĩa địa mang tên "Vườn Thơ Vĩnh Cửu" này sẽ chôn hết những bài thơ từng chào đời, cho chúng một nơi yên nghỉ nghìn thu thay vì nằm vất vưởng như những oan hồn trên kệ sách.

Thật ra, trước khi bàn chuyện chôn tác phẩm trong "Vườn Thơ Vĩnh Cửu," chúng tôi từng nhiều lần giúp chúng hóa kiếp mà không biết đó thôi. Trong những đêm mùa đông se lạnh, thỉnh thoảng chúng tôi mang mấy tập thơ, sách của chính mình ra đốt trong lò lửa lộ thiên. Cái lò nung bằng đất này xuất phát từ cao nguyên Mễ Tây Cơ, được kê dưới mái hiên như một món trang trí. Thỉnh thoảng chúng tôi dùng lò đề đốt dần mấy thùng sách chồng chất dưới garage. Bán không ai mua, để hoài chật chỗ, tặng sách lầm người không biết đọc còn tủi thân hơn trẻ mồ côi đi gõ cửa xin ăn trong đêm lạnh giá. Thôi, tặng hết cho thần lửa.

Tôi nghĩ đốt sách là một sinh hoạt hữu ích nhất cho người sáng tác, giúp họ được giải thoát ngoài vòng sinh tử của danh vọng. Thấy sách bị vất trên bàn, trong góc nhà của người từng được tặng sách, chẳng bao giờ được xem qua, có lẽ còn đau đớn hơn là tự tay hủy diệt một tác phẩm của chính mình. Từng trang thơ cháy trong lửa, trả lại chữ nghĩa về cõi hư vô, mang bình yên lại cho người viết. Lỡ vay mượn kiếp văn chương, nay hoàn lại như không hề biết có thương yêu, có say đắm, có đau thương, có cuồng nhiệt trong cuộc sống. Một bài thơ được phôi thai, lên đường tìm

một hướng đi mới, được sống cho dù ngắn ngủi, nay trở về kiếp thiên thu, mất biến muôn đời như chưa bao giờ đến. Bài viết này cũng vậy, cũng một ngày kia bốc cháy trong lò thời gian. Cháy hết.

Thế là hết, người bạn đẹp
Thế là hết, người bạn duy nhất của tôi
Đau lòng buông thả em đi
Nhưng biết em sẽ không bao giờ phải bước theo tôi
Thế là hết những tiếng cười những lời gian dối
Thế là hết những đêm ta chết bên nhau
Thế là hết.

Ca sĩ Jim Morrison của ban The Doors từng viết mấy lời thơ "Thế là hết" trong bài "The End," mở đầu và kết thúc cho một ca khúc dẫn xuống một con đường địa ngục, ngập mùi tận thế của một tâm hồn muốn vùng vẫy, giết hết những ràng buộc của đời sống để được giải thoát, được tự do. Chàng ca sĩ này là một thi sĩ biết hát với sự cuồng nhiệt, rạo rực sức sống bên bờ vực thẳm của cái chết, gào hét những lời nhạc quyến rũ nói lên tâm tư của một kẻ xa lạ, một người trong cơn mê ma túy, một tên sát nhân, một người mất trí.

Tuy lừng danh trong thế giới nhạc rock ở cuối thập niên 60, được tán thưởng là có tài đưa thơ vào nhạc, diễn tả ngoạn mục chưa từng thấy, Jim Morrison không tìm được nhà xuất bản cho những bài thơ, mấy bài viết của ông. Thi sĩ phải tự xuất bản hai tập thơ, chứng kiến sự hờ hững của người đời. Sau ngày ông mất người ta mới khai quật những tác phẩm từ "vườn thơ vĩnh cửu," đưa lên hàng sách bán chạy, ngợi khen không ngớt. Ông rời Mỹ, sống những ngày tháng cuối đời tại Ba Lê, hy vọng tìm được một môi trường thích hợp hơn cho sự sáng tác.

Ông chọn Pháp có lẽ vì yêu thơ. Trong những thi sĩ có ảnh hưởng lớn nhất đối với Jim Morrison có nhà thơ Anh William Blake và nhà thơ Pháp Arthur Rimbaud. Từ William Blake ông chọn tên "Cánh Cửa" cho ban nhạc The Doors. "*Nếu những cánh cửa của tri giác được lau sạch, tất cả mọi thứ đối với con người sẽ hiện ra đúng như vậy, vô tận.*" Nhà thơ Anh viết trong "Hôn Nhân Giữa Thiên Đường Và Địa Ngục." Từ Arthur Rimbaud, ca sĩ Morrison có nơi yên nghỉ cuối cùng. Ca sĩ mất giữa năm 1971 tại Ba Lê, mới có 27 tuổi.

Cái chết của ông để lại nhiều bí ẩn, tạo một huyền thoại ly kỳ nhất trong nhạc rock. Không ai biết chắc ông qua đời vì ma túy, tự tử, hay biến mất như thi sĩ Rimbaud từng làm trong đời. Cho đến nay người ta còn đồn

chàng ca sĩ sống tại Phi Châu, Ấn Độ, làm cao-bồi ở Oregon, sống trên một gác trọ tại New Jersey. Một điều chắc chắn là mộ phần của ông nằm trong "góc của thi sĩ" tại nghĩa trang Père Lachaise, phía đông Ba Lê. Mộ của Jim Morrison trở thành địa điểm thu hút du khách nhiều nhất tại thủ đô ánh sáng, chỉ sau tháp Eiffel, nhà thờ Notre Dame, và viện bảo tàng Louvre. Mộ có khắc mấy chữ "Người Bạn Duy Nhất Của Tôi."

Tôi không dám nhận "bạn duy nhất" của tôi là nghĩa địa, càng tránh nói điều này trước mặt vợ vì nàng luôn cằn nhằn tật nói gở của chồng. Tôi không biết có phải những ngày tháng cuối năm, thu đến đông về, mây trời ảm đạm, gió lạnh se sắt, hay cuộc đời đang ở tuổi trung niên, tiến tới chưa biết đi đâu, quay về không biết tìm lại nơi nào, khiến tôi quanh quẩn với ý tưởng sống chết, sớm làm quen với nó để bớt nỗi sợ, như người ta nể mặt một tên cai tù để khỏi bị nó đánh đập bạo tay?

Hoàng Mai Đạt
Westminster, October 16, 2006

LÊ QUỲNH MAI

sinh hoạt văn học nghệ thuật thế giới

HOA KỲ

Văn Học Hải Ngoại: Thành Tựu và Tiềm Năng

Các tạp chí Thế Kỷ 21, Văn Học, Hợp Lưu, Văn, Trang nhà văn học DAMAU.org, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) cùng tổ chức buổi *Hội Thảo* dành riêng cho giới cầm bút, với phần đề dẫn do Nguyễn Hưng Quốc trình bày "*Lâu nay, nói về văn học hải ngoại, chúng ta hay nói đến những khía cạnh tiêu cực, khó khăn, bế tắc, lão hóa v.v... mà quên đi những mặt tích cực. Trong cuộc hội thảo này, chúng ta sẽ tập trung vào những thành tựu mà giới cầm bút đã đạt được từ 1975 đến nay và thảo luận về tiềm năng của văn học hải ngoại*". Theo nhà phê bình học Nguyễn Hưng Quốc, thì đây là cơ hội tốt để giới sáng tác phát biểu về những thành tựu của bản thân họ nói riêng và văn học nói chung. Ngoài ra, buổi thảo luận trên cũng đề cập đến việc tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau, khả năng tiếp nhận những quan điểm và phương pháp sáng tác mới... Đây là sinh hoạt văn học mở đầu năm 2007 tại California, và được đánh giá cao kể từ hơn ba mươi năm qua. Hội thảo được tổ chức vào ngày Thứ Bảy 27 tháng 1 năm 2007 tại Phòng Hội Việt Báo,Westminster, California. (Tin Văn Học hải ngoại)

Ra mắt sách: Tuyển Tập Võ Phiến

Tuyển Tập Võ Phiến bản mới chọn lựa đầy đủ nhất, những sáng tác tiêu biểu của nhà văn trong gần sáu mươi năm cầm bút, gồm các bộ môn tùy bút, thơ, tiểu luận, tiểu thuyết, truyện ngắn, đàm thoại, phê bình, do Nhật báo Người Việt xuất bản và phát hành. Buổi ra mắt *Tuyển Tập Võ Phiến* được tổ chức ngày Chủ Nhật 28 tháng 1 năm 2007 tại Hội Trường Lê Đình Điểu, Wesminster, California. Nhà phê bình học Nguyễn Hưng Quốc (Úc châu), cùng các văn hữu Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Trần Dạ Từ,

Vũ Đình Minh, lần lượt phát biểu về đề tài *"Đi Tìm Võ Phiến"*. Ngoài ra có sự góp mặt của nhạc sĩ Hoàng Ngọc Tuấn đến từ Úc châu, qua những sáng tác mới của ông. (Tin Văn Học hải ngoại)

CANADA

Nhà Văn Hóa Hồng Đức với chủ đề "Thu – Đoàn Chuẩn"

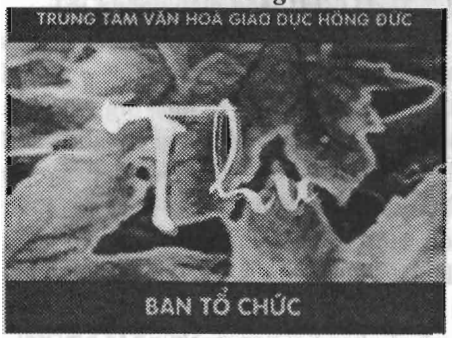

Hồng Đức nhạc hội gây quỹ thường niên kỳ 2 chủ đề ***"Thu"***, đã được tổ chức tại Centre de réception Carlton, Montréal vào ngày Thứ Bảy 18 tháng 11 năm 2006, với phần giới thiệu bằng Việt và Pháp ngữ của hai MC Ngô Phi Bằng và Lê Quỳnh Mai. Chương trình gồm hai phần: nhạc thính phòng và dạ vũ. Phần 1 giới thiệu hình ảnh về cuộc đời nhạc sĩ Đoàn Chuẩn, cùng những ca khúc của ông qua dàn hợp tấu nhạc dân tộc của cặp nghệ sĩ Đức - Thành Nguyệt Lan. Ca khúc Tà Áo Xanh, Lá Đổ Muôn Chiều, Gởi Gió Cho Mây Ngàn Bay, Tình Nghệ Sĩ đã được trình bày thật xuất sắc qua những giọng hát trữ tình tuyệt vời của các nghệ sĩ góp mặt. Tiếng hát Vũ Khanh, Lưu Bích và Thế Sơn cũng tạo cho dạ vũ bầu không khí sôi nổi qua hơn ba mươi nhạc phẩm Việt và ngoại quốc. *Trung Tâm Văn Hóa Giáo Dục Hồng Đức* là hậu thân của Ca Đoàn Nhạc Việt được thành lập từ năm 1990, cùng lúc là việc thành lập Trường Sinh Hoạt Thiếu Nhi Việt Nam. Đến năm 2000, hai tổ chức trên sát nhập trở thành Trung Tâm Văn Hóa Giáo Dục Hồng Đức do bác sĩ Lại Thế Hưng là Chủ Tịch. Nói một cách tổng quát, Trung Tâm có hai hoạt động chính: *Giáo dục và bảo tồn phát huy văn hóa Việt Nam tại hải ngoại*. Về mặt giáo dục, Trung Tâm Hồng Đức thành lập trường văn hóa Việt Nam với khoảng 50 giảng viên, qua các bộ môn Việt ngữ, văn hóa Việt, lịch sử và địa lý Việt Nam, lớp vũ dân tộc, lớp nhạc dân tộc qua những nhạc cụ cổ truyền như đàn cò, đàn tranh, lớp hội họa, lớp nhiếp ảnh, lớp cắm hoa. Về mặt bảo tồn văn hóa, Trung Tâm đã thực hiện những chương trình hội thảo, thuyết trình về văn học và văn hóa Việt. Giới thiệu các tác phẩm nghệ thuật, giới thiệu nền điện ảnh Việt Nam qua Talkshow *Kiều Chinh, Con Người và Điện Ảnh*, giới thiệu *nhạc dân tộc qua Nhạc sư Nguyễn Thuyết Phong*... Song song là những chương trình văn nghệ chủ

đề hằng năm, như nhạc kịch *Trăng,* nhạc kịch *Huyền Cầm,* nhạc kịch song ngữ *Bên Em,* chương trình nhạc thính phòng *Thu - Đoàn Chuẩn.* Trung Tâm Hồng Đức cũng yểm trợ văn nghệ cho các hội đoàn Việt Nam và của người bản xứ, cùng các hội sắc tộc khácnhư Hoa, Nhật, Thái Lan...Năm 2004, đề án xây nhà Văn Hóa Hồng Đức được chấp thuận và ông Đào Thiện Khiêm, Tổng Giám Đốc bệnh viện Nhi Đồng Sainte- Justine thuộc Đại Học Y Khoa Montréal, đảm nhận chức vụ Chủ Tịch Ủy Ban. Ban Chấp Hành. Trung Tâm quyết định đặt tên *Nhà Văn Hóa Hồng Đức* thay vì Nhà Văn Hóa Việt Nam, vì dưới triều đại Lê Thánh Tông (niên hiệu Hồng Đức, 1470-1497), văn hóa Đại Việt đạt đến cực thịnh qua bộ luật Hồng Đức, tôn trọng nhân quyền và phù hợp với phong tục tập quán người Việt. Có thể thời Hồng Đức là thời kỳ cực thịnh của văn hóa Việt Nam, theo nghiên cứu của các sử gia thế giới. Ngoài ra, chương trình " *Thu"* có sự hiện diện của Thị Trưởng thành phố Montréal, đại diện các hội đoàn, và 500 khán giả tham dự. Sau chi phí, BTC thu về khoảng 30.000 gia kim. Thành công mỹ mãn của chương trình gây quỹ xây nhà văn hóa, là kết quả của sự hợp tác chặt chẽ giữa nhân sự của Trung Tâm Hồng Đức, và các nghệ sĩ chuyên nghiệp, thân hữu, hội đoàn, ân nhân quan tâm đến văn hóa Việt. Sự thành công này, đã đánh dấu quyết tâm của cộng đồng Người Việt vùng Montréal, là thực hiện mục tiêu: *giữ gìn và phát huy văn hóa dân tộc Việt tại hải ngoại.* (Tin Hồng Đức, Montréal. 18/11/2006)

Giải Thưởng văn chương cao quí nhất Québec và Mavis Gallant

Ở tuổi 84, tiểu thuyết gia Mavis Gallant là tác giả đầu tiên gốc Anh nhận *Prix Athanase - David.* Viết bằng Anh ngữ, nhưng sống tại Pháp Quốc, mang quốc tịch Canada nhưng nhận Paris làm quê hương. Từ năm 1951, Mavis là một trong số rất ít nhà văn đầu tiên được tạp chí nổi tiếng thời bấy giờ giới thiệu đến độc giả: *The NewYorker.* Tác phẩm của bà chẳng những được xuất bản tại Hoa Kỳ, mà còn được phiên dịch sang ngôn ngữ Ý, Đức, Tây Ban Nha. Được hỏi về cảm tưởng lúc nhận giải Athanase - David, Mavis trả lời rằng đã khóc khi biết tin và luôn luôn nghĩ bà thuộc về tỉnh bang Québec, mặc dù sang định cư tại Paris từ năm 28 tuổi. Lý do đến Pháp Quốc, vì lúc ấy Paris như một huyền thoại của văn nghệ sĩ tại Québec. Bà cho biết nỗi lo sợ lớn nhất

trong đời; là không có thiên khiếu và tài năng thật sự để viết truyện giả tưởng. Cho đến năm 74 tuổi, Mavis Gallant mới tin rằng bản thân có chút "tài mọn" về sáng tác, khi năm 1996 cả ba quốc gia Hoa Kỳ, Canada, Anh Quốc đã xuất bản và phát hành tác phẩm *The Selected Stories* (1000 trang), với số lượng độc giả đáng kể. Đề tài trong tác phẩm của Mavis Gallant xoay quanh thời Đệ Nhị Thế Chiến. Theo bà, trong thế kỷ XX, không nỗi lo sợ kinh hoàng nào bằng nhìn bức tường ô nhục tại Berlin, nghĩ đến những Nazis của Đức Quốc Xã. Bà cũng cho rằng, văn học và nghệ thuật đã giúp con người thăng hoa và tự do theo đúng nghĩa, và cảm thấy rất hạnh phúc khi vẫn còn cầm bút sáng tác được, trong khi bị mắc chứng bệnh mòn xương và tê thấp. (L'Actualité, 12/12/06)

Agnès Ruiz đã đến đỉnh giấc mơ

Hành nghề thư ký, Agnès Ruiz đã viết truyện dài đầu tiên kê trên đầu gối, trong xe bus, trong xe điện ngầm, năm ba mươi tuổi. Hiện nay, 38 tuổi, bà trở thành nhà văn nổi tiếng và sống hoàn toàn bằng ngòi bút, một điều khó thực hiện được tại Québec. *Ma vie assassinée* bán trên 130.000 ấn bản tại Canada và Âu châu. Ba truyện dài kế tiếp rồi chấm dứt đời sống thư ký. Agnès Ruiz có giầu không? Bà nhún vai cười và than "*khổ thật*!" trong khi cặp mắt đảo vòng chung quanh căn nhà nhỏ ở phía đông Montréal. Định cư tại Québec từ 13 năm qua, sống với chồng và ba con nhỏ, Agnès Ruiz không thấy phiền hà lúc tập trung viết trong không khí ồn ào tại căn nhà đang ở. Thời gian đầu, Agnès cho biết bà rất vất vả khi bị từ chối đến bốn lần tác phẩm đầu tay. Cuối cùng cơ hội đến năm 2001 khi nhà xuất bản nhỏ ở ngoại ô Chicoutimi, Les Éditions JCL nhận in tác phẩm. Bi Quốc và Thụy Sĩ nhận phát hành tại Âu châu. *Ma vie assassinée* nằm trong ngăn tủ hơn mười năm, sau đó được viết lại, sửa chữa trước khi cho ra mắt độc giả. Tác phẩm thứ hai *L'Ombre d'une autre vie* đã tiêu thụ 60.000 ấn bản (xb năm 2002). Liên tiếp một năm sau, *La Main étrangère* ra mắt độc giả. Theo bà, con người không thể cắt vĩnh viễn quá khứ của họ. Phải tự tạo hòa bình với bóng ma quá khứ ấy, để bước đến phía trước đạt lấy sự thành công. Đó là nhân sinh quan của tác giả thành công nhanh chóng trong văn học Québec "*Nếu chúng ta không*

thể tìm tự do cho chính bản thân trong quá khứ, thì chúng ta không thể biến những giấc mơ của mình thành hiện thực được". Độc giả tại Québec có thể tìm đọc tác phẩm mới nhất của Agnès Ruiz vừa xuất bản năm 2006: *Le rêve de Mady* (Châtelaine, 01/2007)

PHÁP QUỐC

Giải thưởng Goncourt và Jonathan Littell

Thật là có một không hai! Một công dân Hoa Kỳ nhận Prix Goncourt với tác phẩm đầu tay, sau khi làm nổ tung thị trường sách qua số ấn bản tiêu thụ, đứng đầu tất cả các giải thưởng khác tại Pháp Quốc. Một truyện dài với 900 trang, một nhà văn gốc Hoa Kỳ đã bước vào thời kỳ 40 mà tên tuổi còn lu mờ trong mùa hè 2006, đã quyến rũ tất cả độc giả kể cả giới phê bình văn học. Tác phẩm đoạt tất cả các giải thưởng của mùa Thu, được Hàn Lâm Viện khen tặng, và cuối cùng chiếm luôn giải Goncourt 2006 của Pháp Quốc. Sách đã tiêu thụ được 250.000 ấn bản khi vừa phát hành, nhưng ai dám khẳng định nền văn học Pháp đang bị khủng hoảng! Jonathan Littell và *Les Bienveillantes* không phải chỉ là tác giả và sách nổi tiếng, mà đó thật sự là một *hiện tượng của xã hội.* Đã từ lâu, không có tác phẩm nào tháo bỏ xiềng xích vô hình, nhiều đam mê, kết tinh nhiều thù hận oán ghét, cũng như gây nên nhiều sự ghen tuông giống nhau như vậy. Với hiểu biết và kinh nghiệm của tác giả, hoạt động trong các tổ chức bảo vệ Nhân Quyền tại Afghanistan, Tchétchénie trước khi bắt đầu viết. Với đúc kết một giai đoạn lịch sử trong năm năm liên tiếp từ Ukraine và Caucase, về sự tàn sát dân tộc Do Thái. Jonathan Littell đã viết *Les Bienveillantes* trong bốn tháng, gởi đến bốn nhà xuất bản lớn Gallimard, Grasset, Calmann, Lévy qua đại diện của ông. Và để tránh chịu ảnh hưởng của thân phụ (nhà văn Hoa Kỳ nổi tiếng Robert Littell), ông ký tên Jean Petit, người chuyển dịch tác phẩm của Jonathan Littell. Khi *Les Bienveillantes* được đề nghị trong tất cả các giải thưởng từ Goncourt, Renaudot, Femina, Médicis, Interallié, đến giải thưởng của Hàn Lâm Viện Pháp (lần đầu tiên từ ngày giải thưởng được thành lập!), thì có nguồn tin cho rằng thân phụ ông mới chính là tác giả của kiệt tác hiện đại này. Nguyên nhân của phản ứng: vì tác giả trẻ không giao thiệp với giới văn nghệ sĩ, rất

ít phát biểu về mình, không xuất hiện ở bất cứ buổi tiệc nào, từ chối tất cả lời mời của các đài truyền hình, trừ một giờ đồng hồ nói chuyện với nhà sử học nổi tiếng Hoa Kỳ Raul Hilberg, trên đài phát thanh France Culture, với đề tài *Sự Tiêu Diệt Dân Tộc Do Thái tại Âu châu*. Sau ba tuần cùng nhà xuất bản giới thiệu tác phẩm đầu tay, Jonathan trở về Barcelone định cư cùng gia đình từ mùa hè. Phản ứng của ông khi nghe được chọn trao giải thưởng lớn là câu "*Tôi bất cần chuyện đó*", và cho biết sẽ không đến Paris để ăn mừng. Jonathan Littell gởi thư cảm ơn và viết "*...sự im lặng cũng như ẩn mình là điều kiện quan trọng chính yếu nhất để làm việc*". Cho đến nay, đã có khoảng 12 nước xin tái bản lại ấn bản đầu tiên, và chưa bao giờ trong lịch sử xuất bản sách, tổ chức Foire de Francfort chịu trả 567.000 euros cho sách ấn bản tại Đức Quốc, 1 triệu mỹ kim cho ấn bản tại Hoa Kỳ. Theo Jorge Semprun, một trong những giám khảo giải Goncourt tuyên bố "*Đó không phải là tác phẩm quan trọng nhất trong năm, mà là tác phẩm của thế kỷ!*" (L'Express, 12/12/200)

Thiên đường không có thật của Sartre - Beauvoir

Sau bốn tháng liên hệ mật thiết năm 1929, Simone de Beauvoir và Jean Paul Sartre hứa tôn trọng tự do của nhau, không đám cưới, không sống chung, hạn chế sanh đẻ, không giữ bất cứ bí mật nào về nhau. Có thể Sartre và Beauvoir (biệt danh "*le Castor*") cùng nhau làm cuộc thí nghiệm cách mạng tình dục, đi ngược lại với đạo đức luân lý xã hội, khi họ tạo ra cuộc sống tự do đầy sóng gió và tai tiếng. Hoặc tình yêu của hai nhân vật lừng danh trong văn học quốc tế, chỉ là cái cớ để che đậy một dàn xếp có thật trong đời sống, từ đó dẫn đến sự héo tàn về đời sống tình dục của họ. Hoặc họ muốn tìm cảm giác và đề tài cho tác phẩm. Hoặc cũng có thể, đấy là bản chất tự nhiên trong định mệnh của "những nhà văn lớn", như nhà sử học Anh Quốc Hazel Rowley đã nghiên cứu qua các lá thư trao đổi, tiếp xúc với Beauvoir trong cuối đời, để viết lại sự thật tàn phá huyền thoại đẹp như thơ của *le Castor* và nhà văn nổi tiếng (không đẹp trai với chiều cao thật khiêm nhường 1m58) trong *Tête-à-tête. Beauvoir et Sartre: un pacte d'amour* (Grasset xb). Tình yêu thần thoại bị phá vỡ dưới mắt độc giả vì

Beauvoir trao đổi tình nhân với Sartre, sau khi liên hệ tình dục với những thành phần nam lẫn nữ giầu có buông thả yếu đuối trong tình cảm. Ngược lại, Sartre trả lời với Olivier Todd rằng phải luôn nói dối với những phụ nữ liên hệ, để tránh tình trạng ghen tuông, kể cả nói dối với *le Castor!* Nữ phóng viên Hoa Kỳ, bà Sally Swing, tình nhân của Sartre năm 1947 nói với Hazel "*Sartre đối xử với phụ nữ như những hộc tủ đựng quần áo, tôi ở hộc tủ trên, đàn bà khác ở hộc tủ dưới, tôi ghét cay đắng ông ta sau khi khám phá ra chuyện ấy*". Tuy nhiên, khi được hỏi có phải đời sống tình dục thác loạn của họ, đã mang lại cho thế giới văn chương những kiệt tác để đời hay không. Tác giả của cuốn sách nầy lừa này đã trả lời: "*Tôi nghĩ rằng trong cuộc sống của họ, Simone là người hưởng lợi nhất. Chính sự liên hệ của bà với Sartre đã mang lại những dữ kiện để viết. Nếu bà không có kinh nghiệm của những cuộc phiêu lưu, cô đơn, chờ đợi, nổi loạn trong ghen tuông, thì Simone không thể viết được những tác phẩm như* L'invitée *và* Les mandarins, *nếu không có kinh nghiệm của một phụ nữ độc lập bất thường, bất đồng ý kiến với người khác phái, thì bà không thể nào hoàn thành* Le deuxième sexe". Việc trưng bày "những bí mật chất chồng" đã làm sụp đổ sự tồn tại của thần thoại Sartre - Beauvoir. Một chuyện tình điển hình của thế giới văn chương vào đầu thế kỷ XX. Nhưng công trình của chúng ta để lại, vẫn có gía trị hơn đời sống nghèo nàn thực tế của chúng ta. Vì vậy, Hazel viết "*Tuy nhiên trong đời sống chung, cho dù có lúc họ cảm thấy yêu người khác, sự liên hệ của Sartre và Beauvoir càng lúc càng bền vững, càng lúc càng thật và kéo dài hơn bất cứ mối tình nào khác. Họ không bao giờ ngừng viết, làm việc bất kể ngày đêm, nghỉ hè, trong khách sạn, trong quán cà phê ồn ào, trong bóng mát dưới gốc cây bên đường. Sống và viết với Jean Paul Sartre và Simone de Beauvoir chỉ là một*". Hazel Rowley sanh tại Luân Đôn năm 1951, bà sống với gia đình tại Úc từ năm 8 tuổi. Tháng 11 năm 1976 khi trình luận án với đề tài *Existentialisme et autobiographie,* Hazel đã đến Paris phỏng vấn Simone de Beauvoir tại căn nhà trọ của *le Castor* trên đường Victor - Schoelcher. Nói cách khác, bà bắt đầu nghiên cứu về cuộc đời của hai nhà văn quốc tế này. Sau đó, trở lại Paris sống từ tháng 1 năm 2003 đến tháng 9 năm 2004 để viết *Tête - à tête,* xuất bản tại Hoa Kỳ trong năm qua. Ngoài ra Hazel còn viết về cuộc đời của tiểu thuyết gia Úc Christina Stead. Năm 2001, cuốn sách của bà gây chú ý độc giả và giới phê bình văn học khi nghiên cứu về Richard Wright, nhà văn da đen Hoa Kỳ trốn chạy khỏi quê hương sau Đệ Nhị Thế Chiến. Hazel Rowley cũng vừa hoàn tất xong cuốn sách thuật lại cuộc đời

của hai nhân vật: Franklin và Eleanor Roosevelt. Độc giả thích theo dõi về cuộc đời thác loạn của Jean Paul Sartre và Simone de Beauvoir, có thể tìm đọc *Tête - à tête. Beauvoir et Sartre: un pacte d'amour* của Hazel Rowley. (Magazine Lire et L'Express, 10/2006)

HÒA LAN

"Thánh chiến" đã giết cháu họa sĩ Van Gogh

Ton, 48 tuổi, nhân chứng tận mắt trong vụ án giết người tàn nhẫn ngày 2 tháng 11 năm 2004 Amsterdam, Hoà Lan. "*Tôi nghe thấy Theo Van Gogh la lên khẩn cầu lòng thương hại của nó "Không!! Xin đừng làm vậy! không! xin thương xót tôi". Theo ngã xuống sân xe đạp. Thằng giết người bình thản tiến đến gần ông ta. Hình ảnh ấy vẫn còn làm tôi kinh hoảng. Làm sao người ta có thể giết người trên đường phố đông đúc như thế chứ? Thật là máu lạnh!. Tôi không ngủ nhiều tuần lễ rồi (...). Mỗi đêm khi nhớ lại Theo Van Gogh ngã xuống từ xe đạp và Mohammed B từ từ chấm dứt việc làm tàn ác của nó (...). Từ đó, tôi không tin tưởng bất cứ ai nữa cả. Mohammed có thể là hàng xóm, là bất cứ ai. Nếu tôi nói "thằng da đen bẩn thỉu" của Surinam, ngay lập tức người ta sẽ kết án tôi, hay hơn nữa sẽ đối xử với tôi như một thằng da trắng bẩn thỉu. Người ta không thể nói ra những điều mình nghĩ trong thời đại này nữa. Không, thật sự là người ta đã trở thành những người khách lạ trên chính quê hương của họ...*". Đoạn văn nói trên của một nhân chứng, đã nói lên sự dã man đầy thú tính và máu lạnh của Mohammed Bouyeri, một công dân Hòa Lan 26 tuổi gốc người Ma Rốc. Với áo mưa khoác ngoài màu xám và chiếc mũ cố đạo, Mohammed đã bắn vào bụng nhà sản xuất phim Theo Van Gogh, cháu của họa sĩ lừng danh thế giới người Hòa Lan, lúc ông đi xe đạp đến văn phòng làm việc. Sau khi nạn nhân lết được đến góc đường, Mohammed tiếp tục bắn nhiều phát súng vào thân thể Theo, rồi rút con dao ngắn cứa cổ nạn nhân "như cứa bánh xe hơi" theo một nhân chứng cho biết. Sau đó cắm con dao trên ngực của Theo, tên giết người lấy trong túi xách tay một con dao nhỏ hơn, viết vài chữ trên một miếng giấy, rồi xuyên giấy phóng con dao thứ nhì lên thân thể của kẻ bất hạnh. Theo Van Gogh, một người đàn ông trung niên đẫy đà, tóc vàng quăn tự nhiên theo đúng phong cách dân Hòa Lan. Ông thường hay mặc áo thun và đeo dây hai bên vai đính từ quần (bretelles). Theo rất nổi tiếng tại quê hương, không chỉ là nhà sản xuất và đạo diễn phim, mà còn xuất hiện đều đặn trên các đài truyền thanh truyền hình, trên báo chí và Internet, trong tất cả các đề tài về Holocauste, đề tài nguy hiểm đến tính

mạng khi phát biểu về Hồi giáo. Người cháu bất hạnh của họa sĩ Van Gogh nằm dài trên vỉa hè, trên ngực cắm hai con dao tay vắt ngang bụng, như một con vật bị giết trước khi đem tế thần. Mohammed Bouyeri lấy chân đá vào thân thể của Theo rồi từ từ đi xa, giống như vừa làm xong một con cá lớn. Rất bình thản, không chạy trốn như những hung thủ khác. Khoảng không lâu, nhiều xe cảnh sát chận lại và bắn vào chân hắn. Những dòng chữ viết trên miếng giấy nhỏ cắm trên ngực Theo Van Gogh của Mohammed để lại, sau nhiều ngày được đưa ra công chúng. Đó là một đoạn "anh hùng ca", viết bằng tiếng Hòa Lan xen lẫn vài câu bằng ngôn ngữ Ả Rập, kêu gọi cuộc "Thánh Chiến" bắt đầu, để chống lại những "kẻ thù của Allah". Cảnh bị giết của Theo Van Gogh, giống như những lần xử tử các nạn nhân trước, chiếu trên những site đặc biệt của các sắc dân thuộc Hồi giáo. Một CD tìm thấy trong phòng trọ của Mohammed Bouyeri, chứng minh đã có hơn 23 vụ tử hình tàn nhẫn... kẻ thù của Allah, một trong số nạn nhân ấy là Daniel Pearl, ký giả Hoa Kỳ nổi tiếng bị chặt đầu. Cuộc tường thuật về vụ giết người khủng khiếp tàn nhẫn tại Hòa Lan, mà nạn nhân là cháu của một thiên tài hội họa thế giới, đã được Ian Buruma viết lại trong *On a tué Theo Van Gogh. Enquête sur la fin de l'Europe des Lumières,* do Flammarion tại Pháp Quốc xuất bản. (L'Express, 12/2006)

ÚC CHÂU

Những bức họa cổ kỳ quái

Những năm gần đây, các nhà khảo cổ quốc tế đã phát hiện ra nhiều tranh vẽ trên tường thời tiền sử, hoặc những mẫu hóa thạch tại Úc châu. Nhân vật trên các bức tranh này có hình thù kỳ quái, khác biệt so với các bức họa cổ xưa ở các vùng khác. Nó cũng mang sắc thái thần bí hoang dại. Trong huyệt động tại Kimberleys ở Úc, người ta phát hiện ra bức bích họa thời cổ đại. Người mẫu trong tác phẩm là một ông già mặc áo bào thật dài, đội mũ sắt tròn chỉ lộ hai con mắt trên mũ sắt, giống như mũ của các phi hành gia vũ trụ, kiểu ăn mặc này làm cho các nhà khảo cổ không đoán ra được diện mạo của nhân vật trong

tác phẩm ra sao! Trên bức họa cũng viết những dòng chữ mà không ai nhận ra được là văn tự loại nào. Phía trên khoảng không cách đầu nhân vật, vẽ 62 vòng tròn nhỏ chia làm 3 hàng không theo quy tắc. Hàng vẽ gần bên trái có 21 vòng nhỏ. Hàng giữa có 24 vòng nhỏ. Hàng chót gần đầu nhân vật nhất chỉ có 17 vòng! Vậy nhân vật trong bức tranh kỳ quái trên là ai? Có giả thuyết cho đó là một "thiên thần" nhưng cách phục sức lại giống hệt một phi hành gia sắp bay vào vũ trụ, giống như nhân vật trong tiểu thuyết khoa học giả tưởng! Cũng trong động nham thạch ở trên núi Ailen, người ta phát hiện được một số bức họa trên vách vô cùng lạ lùng. Diện tích của những bức họa này rất lớn và có màu sắc sặc sỡ. Trên đó vẽ rất nhiều người và động vật có hình thù đặc biệt, thân hình cao khoảng 6m, không có miệng nhưng trên đầu lại có những sợi râu quay về 4 hướng! Người ta đoán rằng có lẽ đó là biểu thị ánh sáng phát ra từ đầu họ. Ở nhiều nơi khác trên Úc châu, họ cũng tìm ra những bức họa tương tự như vậy. Những tác phẩm đặc biệt kỳ dị này được điêu khắc rất tinh vi và bí ẩn, khiến các nhà khảo cổ hiện nay đang điên đầu, vì không biết nghiên cứu từ đâu để chứng minh đó là văn minh của dân tộc Úc cổ xưa! (Arts News, 10/2006)

TIỆP KHẮC

Tác phẩm của Milan Kundera trở lại Prague

Tác phẩm được in nguyên tác bằng Tiệp ngữ tại Cộng Hòa Tiệp Khắc, *L'insoutenable Légèreté de l'être,* một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của Milan Kundera, hiện đã trở thành best-seller kể từ khi ấn bản Pháp ngữ đầu tiên được phát hành trong 20 năm trước. Từ đầu mùa thu năm 2006, mỗi ngày có hàng trăm ấn bản được tiêu thụ nhanh chóng tại Prague. Rất nhiều nơi không còn sách, khiến trung tâm Luxor tại Prague phải viết thư đến nhà xuất bản Atlantis, trình bày những phản đối của độc giả khi họ không mua được. Lý do thành công của tác phẩm này rất đơn giản: trước nhà xuất bản Atlantis, chính quyền Tiệp rất hạn chế việc phát hành những cuốn sách không in trong nước. *L'Insoutenable Légèreté de l'être* được xuất bản một lần bằng Pháp ngữ qua Gallimard. Sau đó được xuất bản một lần nữa tại Toronto (Canada) năm 1985, phát hành bởi nhà xuất bản Sixty- Eight Publishers của Josef Skvorecky và Zdena Salivarova, một cặp nhà văn Tiệp sống lưu vong tại Canada. Ấn bản mới do Milan Kundera sửa chữa lại bản thảo so với ấn bản của Skvorecky và ấn bản Pháp ngữ. Sanh năm 1929 Milan Kundera lưu vong tại Pháp từ năm 1975, ông rất ít trở về quê hương và thường sống ẩn danh trên đất khách. Theo tác giả, trở

về thăm lại quê hương chỉ tạo thêm tình cảm song tưởng trong lòng ông, vừa ngưỡng mộ quê hương tồi tàn, vừa thù oán chế độ hiện tại. Từ lâu bị cấm đoán bởi chế độ cộng sản, nhà văn nổi tiếng Tiệp Khắc, theo nhật báo Tyden mô tả là "*một người khiêu khích nổi loạn không tha thứ được*" chỉ viết bằng Pháp ngữ và tự chuyển dịch sang Tiệp ngữ tác phẩm của ông. *L'Insoutenable Légèreté de l'être* là công trình thứ tư của Milan Kundera được xuất bản bằng ngôn ngữ mẹ đẻ, sau 17 năm Cộng Hòa Tiệp Khắc mở cửa ngõ rộng hơn. Độc giả cũng đang chờ đợi *La Lenteur et L'Ignorance*, tác phẩm mới mô tả sự bất đồng và mặc cảm của một dân tộc chia làm hai nhánh, một nhánh chọn lưu vong, và một nhánh ở lại dưới gông cùm của cộng sản. (Le Journal de Montréal, 16/12/ 06)

TRUNG QUỐC

Wang Anyi "tìm lại thời gian đã mất"

Tác phẩm sau cùng của Wang Anyi đã nói lên bi kịch đúng như tựa *Le Chant des regrets éternels*. Một ngày năm 1980, tác giả đọc được dòng chữ đóng khung trên nhật báo Thượng Hải "*Cựu hoa hậu Thượng Hải, một bà cụ già vừa bị giết chết...*". Lúc bấy giờ là "thời cách mạng mới" sau cái chết của Mao Trạch Đông, dân chúng tại Trung Quốc bung thả tìm về những năm huy hoàng cũ. Đời sống của giới trung lưu Thượng Hải cũng bắt đầu thay đổi với nhịp tango, valse, thay đổi ý niệm về tình yêu và tình dục một cách táo bạo hơn, thành phố biến dạng hiện đại tân kỳ hơn "*Tôi dán hàng ngàn mảnh đời của người dân Thượng Hải, để viết lại cuộc đời sung sướng của một hoa hậu Thượng Hải năm 1940, và cuộc đời đáng thương của một bà già bị giết năm 1980*". Đầu thập niên 90, thời gian Wang Anyi sáng tác tiểu thuyết này, đạo diễn phim nổi tiếng Zhang Yimou và Chen Kaige, làm hai phim về nỗi tiếc nhớ thời xưa cũ diễn tả trong tác phẩm. Phim thứ nhất tựa *Shanghai Triad* và phim thứ nhì *La jeune maitresse* do Anyi viết kịch bản. Tác giả gốc Thượng Hải sanh trưởng trong gia đình nghệ sĩ, cha là đạo diễn nhà hát, mẹ là tiểu thuyết gia, lớn lên trong không

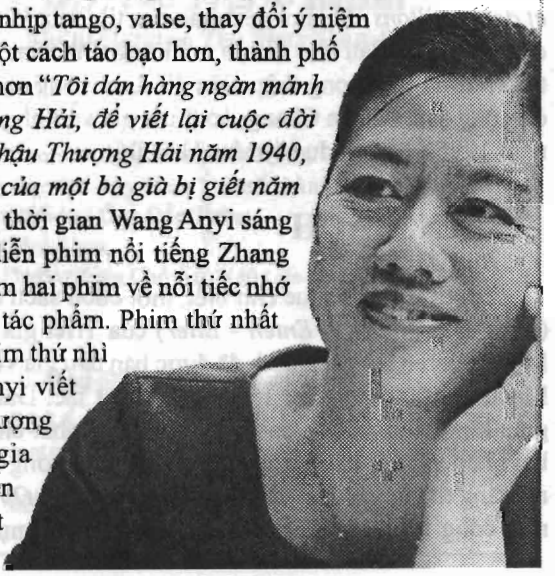

khí thuộc địa của Pháp. Khi cha mẹ bị cải tạo, Wang Anyi thu mình trong thế giới của Balzac, Flaubert và Proust. Vài năm sau, bà bị gởi đến trại cải tạo tư tưởng dành cho thiếu niên có vấn đề. Thực tế, là để loại trừ rắc rối tiềm ẩn trong một thiếu niên, có thể dẫn đến tranh chấp quyền lực sau này. Sống sót sau đó, Wang Anyi trở thành người sử dụng phong cầm trong dàn nhạc của đảng cộng sản Trung Quốc, bà dạy âm nhạc và vũ cho các nông dân. Đầu thập niên 80, cánh cửa hé mở, Wang Anyi bắt đầu đi vào thế giới văn chương. Trong *Le Chant des regrets éternels,* tác giả tạo ra cấu trúc rất thực tiễn, như nhạc của Bach, những sự thật hiển nhiên sâu sắc như trong tác phẩm của Proust, để độc giả tìm lại được nét đẹp cũ của một Thượng Hải xưa. Wang Anyi, nhà văn bắt đầu đang đi vào lứa tuổi 50, đã phát biểu về đất nước mình "*Quê hương tôi bây giờ thiếu sự sâu sắc. Trong một đất nước đang mở rộng tầm phát triển, chả có gì để giữ lại. Tất cả mọi thứ xây dựng nhanh và cũng biến mất nhanh không để lại dấu vết. Dân ngoại quốc sống tại trung tâm thành phố Thượng Hải để buôn bán. Người dân quê lên Thượng Hải kiếm việc làm. Dân ngoại quốc bỏ mặc gia đình vợ con tìm "công nhân tình dục" để thỏa mãn những đòi hỏi của họ. Thượng Hải của chúng tôi hôm nay, đang trên đà khủng hoảng thần kinh. Trong thập niên 40, những nhà chứa có hạng hơn bây giờ!...*". Theo ý kiến của giới phê bình văn học, tác phẩm của Wang Anyi khiến họ liên tưởng đến một nhà văn khác, Eileen Chang, một thần tượng trong *L'école des canards mandarins et des papillons*, đã làm mềm bao con tim qua lối kể chuyện rất nhẹ nhàng, đầy nước mắt đau khổ và tạo ra những tình cảm éo le rắc rối giữa nam nữ tại Thượng Hải trong thập niên 40. Lưu vong sang Hoa Kỳ trốn chạy chế độ cộng sản, Eileen Chang, ảo thuật gia về tình yêu qua ngòi bút, đã tự tử năm 1995. (Match du Monde, 11/2006)

ĐAN MẠCH

Bán đấu giá

Tin từ Copenhague cho biết, một cuốn sách có tựa *Ou bien... ou bien* (tiếng Đan Mạch là *Enten - Eller*) của Triết gia kiêm Thần học gia Đan Mạch Soeren Kierkegaard, đã được bán đấu giá với 170.000 couronne Đan Mạch (33.000$ us) sau 150 năm bị thất lạc. Danh tánh người mua được giấu kín. Cuốn sách trên là cấu trúc duy nhất chứng minh sự liên hệ của hai nhân vật nổi danh trong thế giới văn chương Đan Mạch, mà sự giao tế rất căng thẳng và hiếm khi trực tiếp gặp nhau. *Ou bien...ou bien* được xem như công trình lớn nhất của Kierkegaard, là mục tiêu của giới phê bình

văn học vào thời điểm phát hành năm 1843. Đây là cuốn sách đầu tiên viết dưới bút hiệu Victor Eremita, theo dạng tiểu thuyết giả tưởng qua hình thức thẩm mỹ và luân lý đạo đức học. Soeren đề tặng tác giả viết truyện *La Petite Sirène* với dòng chữ "*Gởi tặng nhà thơ Đan Mạch H.C Andersen, rất chân thành, Victor Eremita*". Cuốn sách được chú ý qua lá thư cảm ơn của Andersen gởi đến Thư Viện Hoàng Gia Đan Mạch, nhờ chuyển lại cho nhà Triết học kiêm Thần học Soeren Kierkegaard. Nhà thơ viết "*Ngài đã làm một việc rất vui lòng tôi là gởi tác phẩm Enten - Eller đến. Tôi, theo như Ngài có thể hiểu, là rất ngạc nhiên về việc này! Tôi không biết rằng Ngài đã hướng về tình bạn khi nhớ đến tôi. Cầu xin Thiên Chúa ban phước lành cho Ngài! Xin cảm ơn! Xin cảm ơn!*". Sự ngạc nhiên của nhà thơ khi nhận được tác phẩm, dựa trên sự cố xảy ra vào 10 năm trước, khi Soeren Kierkegaard cho ấn hành một cuốn sách, nghiên cứu thơ và cuộc đời của Andersen: *Kun en spillemand (Seul un joueur de violon)*, ông phê bình Andersen rất nặng nề như sau: "*Andersen hoàn toàn thiếu hẳn triết lý trong đời sống*". Triết gia kiêm Thần học gia Đan Mạch sanh năm 1813 và mất năm 1855, được đa số ngưỡng mộ như "*cha đẻ của Chủ Nghĩa Hiện Sinh*" *(Le Journal de Montréal, 12/2006)*

BS. Hồ Ngọc Minh
Hiếm Muộn và Thụ Thai Nhân Tạo

• Thụ Thai Trong Ống Nghiệm (IVF, ICSI).
• Sanh Trai Hay Gái Tùy Theo Ý Muốn bằng PGD (99.9%).
• Giải Phẫu Nối Lại Ống Dẫn Trứng
• Các Bệnh Phụ Khoa.
• Ở Xa Có Phương Tiện Chỗ Ăn, Ngủ (cần ở lại 1 tuần).

San Diego • Orange County
619.286.5054 • 866.3DR.MINH (866.337.6464)
Up to 15 % Discount or A FREE Cycle with Mentioning of This Announcement
Visit our web site for more info's
www.bacsihongocminh.com

HOÀNG MAI ĐẠT
giới thiệu sách

ĐÀN CHIM VIỆT
tuyển tập của DCVOnline

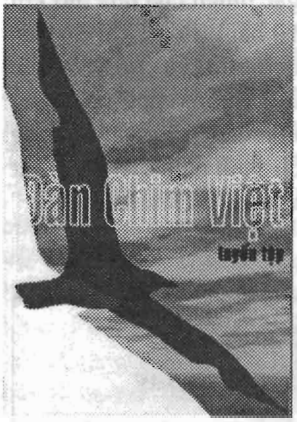

Đàn Chim Việt là tên của một nguyệt san ra số đầu tiên cuối năm 1999 tại Warsaw, Ba Lan. Từ mùa hè năm 2004 *Đàn Chim Việt* trở thành báo điện tử DCVOnline, được phổ biến rộng rãi trên toàn cầu. "*Thế mạnh của DCVOnline là, với không gian điện tử vô tận, nó có thể đến với bạn đọc, nhất là bạn đọc trong nước, hằng ngày, hằng giờ, nhiều thông tin thời sự có thể cập nhận kịp thời... Nhưng mặt yếu của DCVOnline là thiếu đi sự tiện lợi, gần gũi như tờ nguyệt san, bởi vì nó không thể nằm trên kệ sách, trong hộc bàn, dưới gối đầu giường, không phải lúc nào cũng có thể mang theo để đọc, để suy ngẫm hay giải trí trên máy bay, tàu, xe, bãi biển...*" Với những lời đó, *Đàn Chim Việt Tuyển Tập* ra đời, gom góp những bài viết trong một cuốn sách.

Đàn Chim Việt Tuyển Tập gồm trên 60 bài viết về những đề tài văn học, nghệ thuật, chính trị, xã hội, diễn đàn, nghị luận, kinh tế, lịch sử, người Việt hải ngoại. Phần lớn, với 40 bài viết, thuộc về mục "Diễn Đàn, Chính Trị, Xã Hội, Nghị Luận."

Trong những tác giả đóng góp bài có những cây viết như Tràm Cà Mau, Vũ Thư Hiên, Tưởng Năng Tiến, Hà Sĩ Phu, Trần Ngọc Tuấn, Nguyễn Minh Cần, Trà Bồng, Lã Mạnh Hùng, Huỳnh Việt Lang, Cao Ngọc Quỳnh,...

Đàn Chim Việt Tuyển Tập gồm 400 trang giấy tốt, in khổ lớn, không đề giá bán. Liên lạc DCV Inc., 105 Quarterhorse Ct., Marlton, NJ 08053, USA.

GÁNH NẶNG DI SẢN
biên luận của Thái Việt

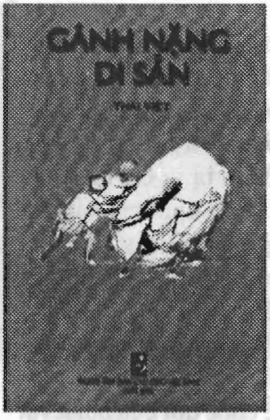

Về lý do viết cuốn *Gánh Nặng Di Sản*, tác giả Thái Việt cho biết, *"Cũng có nhiều tác giả viết, tại sao đã có cuốn: 'Người Mỹ Xấu Xí,' khi cuốn sách được phổ biến, đã được Quốc Vụ Viện Hoa Kỳ dùng làm tài liệu tham khảo cho sách lược của mình. Cuốn 'Người Trung Quốc Xấu Xí' của ông Bá Dương được phổ biến rộng rãi tại Hoa Lục, không vì thế mà người Trung Quốc bị nhìn xấu hơn. [...] Người Nhật cũng có cuốn 'Người Nhật Xấu Xí,' tác giả là Đại Sứ Nhật tại Argentina, ngài Đại Sứ sau khi viết cuốn này liền bị cách chức. [...]*

"Nhà văn Xuân Sách viết: 'Có thể tôi nghĩ không có tầng lớp nào hơn là các nhà văn, thể hiện rõ nhất bộ mặt tinh thần của dân tộc qua từng giai đoạn' (Chân Dung Nhà Văn).

"Đó chính là lý do để tác giả chui vào đọc hơn 60 tác phẩm của các nhà văn, nhà biên khảo, nhà văn hóa... rồi rút ra các đoạn văn, góp nhặt lại thành phần I của tác phẩm. [...]

"Trong quyển này tôi không nêu cái tốt của dân tộc ta, không phải là tôi dám phủ nhận công lao của tiền nhân, mà chỉ vì đã có quá nhiều sách viết rồi: 'Người Việt Cao Quí,' Người Việt Đáng Yêu,' 'Tự Hào Là Người Việt Nam,' 'Giá Trị Truyền Thống Của Dân Tộc Việt Nam,' 'Đạo Sống Việt,' nên không dám nhắc lại làm mất thì giờ của quí vị độc giả."

Giáo sư Tôn Thất Thiện góp ý, *"Sách này ra đúng lúc lắm, vì nay chắc mọi người, hay nhiều người hơn, thấy rõ vấn đề thực sự của Việt Nam để đi đến dân chủ và phát triển là vấn đề văn hóa 'truyền thống' lỗi thời quá, không cho phép dân Việt tiến được. Vấn đề này vượt lên trên chính trị và cần được nhiều người để ý hơn, nhứt là nghĩ ra cách làm sao thay đổi về văn hóa được, vì sức ù lỳ của con người rất lớn, đặc biệt là ù lỳ của trí thức khoa bảng."*

Gánh Nặng Di Sản gồm ba phần: "Di Sản Của Tổ Tiên," "Gánh Nặng Di Sản," và "Có Tìm Được Lối Ra Không." Sách dày 330 trang, giá bán 20 Gia kim tại Canada, 20 Mỹ kim ngoài Canada. Ngân phiếu đề Lâm Thu Vân, gởi thư về Trung Tâm Dân Chủ Cho Việt Nam, 6420 Victoria #4, Montréal, Québec, Canada, H3W. Phone 514-343-4390.

CON ĐƯỜNG VÔ ĐỊNH

tiểu thuyết của Huy Trâm

Huy Trâm viết truyện, sáng tác thơ từ năm 1954, tức là hơn nửa thế kỷ. Ông từng được giải văn chương toàn quốc vào năm 1969 dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa tại miền Nam. Sau tám tác phẩm được viết trước năm 1975, ông ngưng viết trong mấy năm bị tù cải tạo dưới chế độ cộng sản. Đến khi được định cư tại Hoa Kỳ từ cuối năm 1991, ông viết lại, sáng tác dồi dào, mạnh hơn trước. Ông viết thêm 12 tác phẩm gồm thơ, văn, biên khảo. *Con Đường Vô Định* là tác phẩm mới nhất của Huy Trâm, được ông gọi là "truyện dài thời đại."

Con Đường Vô Định kể cuộc đời của nhân vật Thứ bị trôi theo thời cuộc kể từ khi đất nước thống nhất dưới chế độ cộng sản. Từ một ông thẩm phán tại tòa án ở tỉnh lỵ miền Nam, Thứ bị học tập cải tạo như hàng ngàn người thuộc thành phần trí thức cùng thế hệ, mất hết những năm tháng tươi đẹp nhất thời thanh xuân, phải làm lại cuộc đời với hai bàn tay trắng ở xứ người.

Văn chương của Huy Trâm không hằn học mặc dù nhân vật của ông có thể bị trói tay, phải gánh chịu khổ đau trước định mệnh oan nghiệt, bị dằn vặt trong lúc chứng kiến cảnh đời gian dối, thấp hèn dưới bạo lực. Đọc văn hoặc thơ của Huy Trâm, người ta luôn tìm thấy ở đó có tình người, có sự tha thứ, chấp nhận trong những hoàn cảnh ngang trái. Ở đó cũng bàng bạc nỗi u uẩn của một kiếp người.

Ở trang 199, Huy Trâm viết, "*Cánh đồng Phú Lâm trải một mầu xanh mát mẻ đến cuối trời. Một con đường đất nhỏ dẫn về thôn chiều đang phất phơ bóng khói. Tất cả thanh lặng quá mà sao tâm hồn anh không tìm được lãng nguôi, cứ hết cơn buồn này lại qua cơn chán khác. Trời đất đem lại cuộc biển dâu hãi hùng qua một chế độ tàn ngược, quái gở. Nhân danh đủ mọi điều để làm ác đủ mọi chuyện, từ cấm đoán đến bức bách. Ra tù, với Thứ cũng không khác ở tù là bao nhiêu, chỉ là thay cái khổ mà thôi.*"

Con Đường Vô Định dày gần 280 trang, không đề giá bán. Liên lạc nhà xuất bản Hương Văn, P.O. Box 2104, Westminster, CA 92684; hoặc tác giả Huy Trâm 714-891-7483.

TẠP GHI THƠ
Vũ Tiến Lập

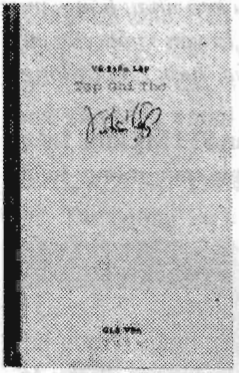

Tạp Ghi Thơ gồm 80 bài thơ được sáng tác từ năm 1975 đến năm 2005. Tác giả đang sống tại Texas. Theo Trương Đình Luận, "*Đọc thơ Vũ Tiến Lập cũng là thấy vật thể qua con mắt của hắn. Cũng không có gì thực hơn hay lớn hơn đời sống! Đường phố thở hắt lên mặt nhựa, ngày gõ tiếng cộc lốc trên bàn ghế, nắng soi miếng vỏ cây xù xì, và con châu chấu xanh đuổi bắt thời gian... Chỉ là tạp ghi thôi. Rồi ở một chỗ nào, khi cái tạp ghi ấy chuyển thành thơ, thì cái nhìn về vật thể của Lập reo lên, lóng lánh những tinh thạch. Tạp Ghi Thơ chẳng phải là thơ nữa, mà chính là lời chứng cho sự sống này.*"

Đọc bài "Nhớ Bạn": "*Mùa xuân thoát ly tìm giấc ngủ / cỏ đá xanh / bến bờ đùm bọc / mây rã những khước từ / ghì lên cánh chiều về ngang mộ địa / đầy gió thoắt đã bao năm / vẫn không đan gần khoảng cách / hoàng hôn lạc lõng / trên những ngón tay chìa thêm đốt mục / kiệt sức trong trí nhớ rối mù / côn trùng ngoi lên / lõi khúc qui quái / buồn đồng vắng / sự hiện hữu vô biên / sau ba mươi năm chợt thức / giữa tha ma.*"

Tạp Ghi Thơ dày gần 100 trang, không đề giá bán. Liên lạc Gió Văn, P.O. Box 1035, Alief, TX 77411.

MƯA SÀI GÒN MƯA SEATTLE
tạp văn của Trần Mộng Tú

Mưa Sài Gòn Mưa Seattle gồm 27 bài tạp văn của nhà thơ Trần Mộng Tú. Đỗ Quí Toàn viết, "*Đọc những mẩu chuyện đời do Trần Mộng Tú kể tôi nhớ hồi nhỏ đọc cuốn Tâm Hồn Cao Thượng, dịch từ tiếng Ý, mỗi lần đọc lại đều thấy mình phấn khởi cũng muốn trở thành một con người cao thượng. Trần Mộng Tú chỉ kể ra những chuyện thật đã gặp trong đời. Đọc xong mỗi đoạn chúng ta lại khám phá ra một nhân loại thật dễ thương, những đức tốt, những tính xấu sống chung với nhau ở trong mỗi người như anh em một gia đình.*"

Bùi Bích Hà cho biết, "*Từ bản chất, Trần Mộng Tú là một nhà thơ. Thơ trong cảm xúc, thơ trong suy nghĩ, thơ trong mắt nhìn con người và cuộc đời. Những câu chữ ngắt ra, có khi hợp vần, có khi níu kéo nhau bằng âm điệu, là thơ đã đành. Những câu chữ viết dài hơn, gọi là văn xuôi, vẫn cứ thơ. Thế giới sáng tác của bà, khổ đau hay hạnh phúc, luôn có cái long lanh của những hạt ngọc.*"

Mưa Sài Gòn Mưa Seattle dày hơn 210 trang, giá bán $13 Mỹ kim. Liên lạc Văn Mới, email kimanquan@yahoo.com, hoặc tác giả tran_mong_tu@hotmail.com.

CÁT VÀNG

tuyển tập truyện ngắn của Lữ Quỳnh

Cát Vàng gồm 12 truyện ngắn. Trong lời giới thiệu, Nguyễn Mộng Giác viết, "Đây *là tuyển tập những truyện ngắn bạn tôi – nhà văn Lữ Quỳnh – viết vào những năm đầu thập niên 70, lúc chúng tôi còn làm việc ở thành phố Qui Nhơn. Gần bốn mươi năm trôi qua, từ những thanh niên hăm hở đi tìm một giải pháp cho thời thế và cho văn chương, chúng tôi đã bắt đầu trở thành những ông già chậm rãi, mỏi mệt, cuộc vui hằng ngày không phải là những hăm hở mở đường phá núi, mà là những lúc ngồi lặng bên đống sách cũ, bùi ngùi nhớ lại thời trai trẻ, bồi hồi đọc lại những ước vọng ngông cuồng thời trước. [...]*

"*Thế hệ chúng tôi, thế hệ của Lữ Quỳnh, cũng có những ảo tưởng khác. Đọc lại truyện cũ chúng tôi viết ở Qui Nhơn thời đó, không hiểu sao chúng tôi thích dựng truyện trong một khung cảnh khá khác thường: truyện xảy ra ở vùng sôi đậu, có bên này và bên kia một dòng sông, có cây cầu bắc qua hay con đò lặng lẽ lén lút chèo giữa đám sương mù. Lữ Quỳnh có Sông Sương Mù. Tôi có Cây Cầu Tuổi Dại. Chiến tranh lúc đó đối với chúng tôi là một điều phi lý, dù không ai thoát ra khỏi được cuộc chiến tranh ấy. Cho nên người bên này hay người bên kia đều dễ thương như nhau, ít ra là "dễ thương như nhau" qua đôi mắt trẻ thơ của Bé Phượng trong Sông Sương Mù. Mà những người dễ thương như thế thì không có lý do chính đáng nào để ghét nhau, nói chi đến chuyện thù nhau, rồi tìm cách giết nhau.*"

Ngoài "Sông Sương Mù," tuyện tập *Cát Vàng* còn có "Cuộc Chơi," "Bão Đêm," "Chỉ Có Kẻ Còn Lại," "Bóng Tối Dưới Hầm," "Bụi Đá," "Ngày Hòa Bình Đầu Tiên," "Mùa Xuân Hư Vô," "Người Ngồi Đợi Mưa," "Cát Vàng," "Ngõ Cụt," và "Cõi Yên Nghỉ."

Cát Vàng dày trên 130 trang, giá bán $10 Mỹ kim. Liên lạc nhà xuất bản Văn Mới, email kimanquan@yahoo.com, điện thoại 310-366-6867.

LỊCH SỬ THIỀN HỌC tập 1

Tàn Mộng Tử biên soạn

Lịch Sử Thiền Học tập 1 là một tác phẩm biên dịch và chú giải rất công phu của Tàn Mộng Tử. Ông tốt nghiệp tại Đại Học Aichigakuin, thành phố Nagoya, Nhật, là nghiên cứu viên đặc biệt của Hội Chấn Hưng Học Thuật Nhật Bản thuộc Bộ Văn Hóa Nhật.

"Bước vào 'Lịch Sử Thiền Học' như đi vào một kho tàng văn học vô giá đa dạng, không phải chỉ riêng Thiền mà ta còn học thêm được nguyên nhân xung động giữa Thiền với các tông phái khác. [...]

"Nguyên tác rất ngắn gọn, cô đọng nhưng xúc tích, theo văn phong của Trung Thôn Nguyên (Nakamura Hajime). Đặc biệt phần phụ chú tiểu sử các nhân vật có nhắc đến trong phần chánh văn được dịch giả Tàn Mộng Tử sưu tra rất công phu và chi tiết [...]. Đây là ưu điểm của dịch giả, một công trình bổ túc cho phần chánh văn cô đọng, tạo thành một tác phẩm lớn, có giá trị nghiên cứu."

Lịch Sử Thiền Học tập 1 dày 655 trang, giá bán $25 Mỹ kim do Văn Mới phát hành.

VÕ PHIẾN TUYỂN TẬP

Tác phẩm văn chương có giá trị nhất trong năm 2006 lại là một cuốn sách in những sáng tác cũ, được phát hành trong những ngày cuối năm. *Võ Phiến Tuyển Tập* nặng ký, đồ sộ nói theo nghĩa đen cũng như nghĩa bóng, phù hợp với tầm vóc lớn của tác giả.

Võ Phiến Tuyển Tập gồm hầu hết những tác phẩm mà nhà văn đã viết trong hơn 60 năm. Nay ở tuổi bát tuần, ông còn viết, vẫn theo dõi sách báo,

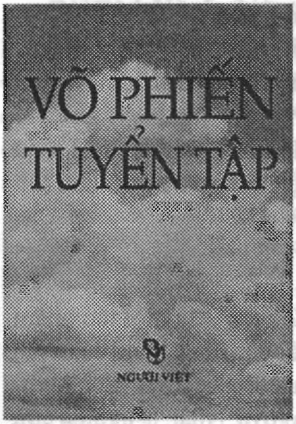

quan tâm đến các sinh hoạt văn chương tại một căn nhà gần khu phố của người Việt ở Quận Cam. Tuy từng có một tuyển tập của Võ Phiến được nhà Văn Mới xuất bản 5 năm trước, nay tuyển tập được nhà xuất bản *Người Việt* bổ sung cho phong phú, đầy đủ hơn.

Nhà xuất bản viết, "*Tuyển tập trước – non 800 trang, dùng chữ cỡ lớn dễ cho mắt đọc, khổ sách thông dụng dễ cho tay cầm, đóng bìa mỏng cho nhẹ nhàng – là một cuốn sách sáng sủa, gọn ghẽ, tiện dụng, nhằm phổ biến rộng rãi. Để được vậy, sự chọn lựa bài vở đành phải chịu hạn chế, không đáp ứng được sự đòi hỏi của giới suy cứu văn học nhằm những nhận định căn cứ trên lượng tài liệu phong phú hơn.*

"Lần này, việc bổ sung nội dung đòi hỏi phải gia tăng số trang, nới rộng khổ sách, thu nhỏ cỡ chữ. Sách trở nên quá dày, rộng và nặng, cần được đóng bìa cứng cho vững vàng. Nhân đó, chúng tôi có dịp nới tay chọn lựa, tăng thêm thể loại (tiểu thuyết, đàm thoại), và một số chân dung, hình ảnh."

Võ Phiến Tuyển Tập lần này dày gần 1,100 trang. Nhà biên khảo Nguyễn Hiến Lê, một người cùng thời với ông Võ Phiến, từng viết, "*Nổi tiếng nhất là Võ Phiến một cây bút độc lập ai cũng nhận là có tài phân tích tâm lý, 'chẻ sợi tóc làm tư,' và tài tả cảnh vật. Nhưng tạp bút của ông được nhiều người thích hơn. Đông Hồ khen là nhất miền Nam. Về loại đó ông sâu sắc như Nguyễn Tuân mà tự nhiên hơn, dí dỏm hơn, đề tài phong phú hơn, đa dạng hơn, nhưng ông cũng có tật hay gợi đến vấn đề sinh lý."*

Nguyễn Hưng Quốc, một nhà phê bình thuộc thế hệ sau này, đã viết rất nhiều được in thành sách về ông Võ Phiến. Nguyễn Hưng Quốc nhận xét, "*Nếu cần phải tìm cho Võ Phiến một nhãn hiệu, chúng ta có thể gọi ông là nhà văn của thế kỷ, thế kỷ 20.*" Nhà phê bình cho biết, "*Mãi đến năm 30 tuổi, tôi mới đọc Võ Phiến, lần đầu. [...]*

"Sau năm 1975, lên đại học, tôi ngạc nhiên thấy nhiều thày giáo của mình từ miền Bắc vào – phần lớn đều là những người viết lách ít nhiều – khen Võ Phiến nức nở hoặc chửi bới Võ Phiến thậm tệ. Trong cả lời khen lẫn tiếng chê, tôi đều thấy thấp thoáng có chút gì như thán phục. [...]

Mãi đến năm 1986, khi đã vượt biển và định cư tại Pháp, một hôm,

bước vào một tiệm sách Việt ngữ tại Paris (...) mắt tôi dừng lại cuốn Tùy Bút 1 của Võ Phiến vừa được nhà Văn Nghệ xuất bản tại California (...) Bèn mua (...) Về, định đọc nhẩn nha. Nhưng ngay ở mấy trang đầu, tôi đã bị cuốn hút. Đọc một lèo từ đầu đến cuối. Vừa thích vừa sững sờ thán phục. Suốt cả mấy tuần lễ liên tiếp, tôi cứ đọc đi đọc lại, vầy vò hoài một cuốn sách ấy. [...] Đọc để nghe một hơi văn cực kỳ duyên dáng. Để thích thú với một vài nhận xét thông minh và dí dỏm của tác giả. Từ đó, tôi trở thành một độc giả chăm chỉ và chăm chú của Võ Phiến."

Trải dài trên một ngàn trang sách của *Võ Phiến Tuyển Tập* là 25 bài tùy bút, 30 bài thơ, 17 bài tiểu luận, 14 truyện ngắn, 9 bài đàm thoại, và 5 bài phê bình. Đó là chưa kể hai cuốn tiểu thuyết "Giã Từ" và "Nguyên Vẹn."

Với ngần ấy bài vở trọn vẹn một đời sáng tác, *Võ Phiến Tuyển Tập* có giá bán rất tượng trưng, chỉ nhằm phổ biến là $30 Mỹ kim. Liên lạc nhà xuất bản Người Việt, 14771 Moran St., Westminster, CA 92683. Email: news@nguoi-viet.com

KÝ SỰ DU LỊCH TRUNG QUỐC

Trịnh Hảo Tâm

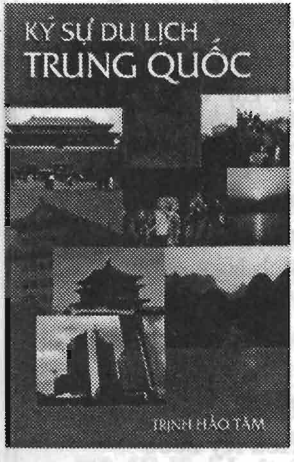

Trước khi vào sách, tác giả Trịnh Hảo Tâm cho biết, "*Đầu tháng 10 năm 2005 chúng tôi tham gia chuyến du lịch Trung Quốc trong hai tuần [...] qua các thành phố Bắc Kinh, Trịnh Châu, Lạc Dương, Tây An, Quế Lâm, Hàng Châu, Tô Châu, và Thượng Hải. Đó là những địa điểm tiêu biểu cho đất nước Trung Hoa. Trước khi đi tôi sưu tầm tài liệu về lịch sử, địa lý, trong khi đi tôi tìm hiểu dân tình, nếm qua các món ăn, chụp ảnh và khi trở về tôi ghi lại tất cả những chi tiết trong những loạt bài ký sự du lịch.*"

Ký Sự Du Lịch Trung Quốc dày 370 trang với trên 200 bức hình của phái đoàn tại các địa danh nổi tiếng. Giá bán $15 Mỹ kim. Liên lạc Trịnh Hảo Tâm, 3683 Hawks Dr., Brea, CA 92823, hoặc trinhhaotam@hotmail.com

TRẦN MỘNG TÚ

tác phẩm mới nhất

Đã đọc thơ Trần Mộng Tú, xin mời đọc văn Trần Mộng Tú trong tác phẩm mới nhất xuất bản mùa Thu 2006: MƯA SÀI GÒN MƯA SEATTLE.

Mưa Sài Gòn Mưa Seattle gồm 27 đoản văn, ký và tản mạn ghi lại những xúc động bất chợt đời thường; những ý nghĩ giữa một đêm khó ngủ; những ngày mưa, ngày nắng đứng ngơ ngác giữa phố người; những bất ngờ phải ứng xử ở nơi làm việc; những giao tình giữa mình với người cùng quê; với người khác xứ; những chuyến trở về tắm lại dòng sông cũ, những giọt lệ giấu kín và những tiếng cười phô ra.

*

Trong một thế giới mà mọi giá trị đều bị nghi ngờ hay đã vong thân, lối nhìn đời nhìn văn của Trần Mộng Tú có cái gì quí giá, mong manh và hiếm hoi vô cùng. (Nguyễn Mộng Giác)

Trần Mộng Tú chỉ kể ra những chuyện thật đã gặp trong đời. Đọc xong mỗi đoạn chúng ta lại khám phá ra một nhân loại thật dễ thương, những đức tốt, những tính xấu sống chung với nhau ở trong mỗi người như anh em một gia đình. (Đỗ Quý Toàn)

Thế giới sáng tác của Trần Mộng Tú, khổ đau hay hạnh phúc, luôn có cái long lanh của những hạt ngọc. (Bùi Bích Hà)

...dù thơ hay văn, cách viết của Trần Mộng Tú luôn luôn giản dị, trong sáng và lắm lúc hồn nhiên đến bất ngờ! Tôi có cảm tưởng chị viết dễ dàng như thở. (Trần Doãn Nho)

MƯA SÀI GÒN MƯA SEATTLE, Trần Mộng Tú
nhà xuất bản Văn Mới, California, Hoa Kỳ 2006
Đã có bán tại các hiệu sách.
Muốn có sách với chữ ký của tác giả, xin liên lạc
email: tran_mong_tu@hotmail.com